

HOÀNG QUỐC HẢI

Bão Táp Triều Trần

TRƯỚC THUẦN VỚI LỊCH SỬ MỘC

ĐÔI MẮT CỐ TẬP



MIỀN NGUYỄN VĂN PHÚ MỘC

Huyết chiến Bạch Đằng

Hoàng Quốc Hải

Nhà xuất bản Phụ nữ 2010



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Nguồn: tve-4u.org

Scan PDF: J_Tuan

Chuyển text: Caruri

Mục lục

I
II
III
IV
V
VI
VII
VIII
IX
X
XI
XII
XIII
XIV
XV
XVI
XVII
XVIII

Đến nay nước sông tuy chảy hoài
Mà nhục quân thù không rửa nổi...

(Bạch Đằng giang phú)

TRƯỜNG HÁN SIÊU

Vừa đuổi giặc ra khỏi bờ cõi, vua Nhân tông và thượng hoàng Thánh tông đều về bãi yết Sơn lăng - nơi có phần mộ tổ tông ở Thái Đường phủ Long Hưng. Tiếp đó nhà vua cho làm lễ hiến phù^[1] trong nhà Thái miếu để cáo với liệt tổ về việc quân ta đã đánh tan giặc dữ, bảo vệ được giang san nòi giống. Trong lễ hiến phù, nhẽ ra phải chém đầu vài tên tướng giặc đã gây nhiều tội ác mà ta bắt làm tù binh, lấy máu rửa binh khí và để cho trăm họ hả lòng căm giận. Ngặt vì kẻ thù còn quá mạnh, nếu ta giết tướng nó, lại sẽ gây thêm cừu hận.

Sau lễ hiến phù, vua sai làm lễ cầu siêu cho tất cả những ai đã bỏ mình vì nước trong công cuộc kinh chống giặc dữ vừa qua. Ngoài các chiến binh, các dân binh còn có dân thường làm các việc như tải lương, tải thương và người già, đàn bà và trẻ nhỏ... bị giặc tàn sát, tất thấy đều được chiêu độ.

Về phương diện quốc gia, đàn tràng lập tại Thăng Long do nhà vua và vị quốc sư đứng làm chủ lễ. Nơi các lộ, do an phủ sứ và vị trưởng lão đứng đầu giáo hội trong lộ đứng ra làm chủ lễ.

Các liệt sĩ đều được cấp ruộng quốc điền để gia đình, con cháu được nối đời hưởng lộc và thờ tự.

Với các liệt sĩ không còn ai thờ cúng thì vong linh được rước về các chùa làng nương bóng Phật.

Thời hậu chiến, bao nhiêu công việc ngổn ngang, vua Nhân tông lo nhất là thân phận những người dân tại các vùng giặc chiếm đóng, dù chúng chỉ ở chỗ có vài ba tháng và cả các vùng giặc chỉ tràn qua; vì rằng với bản chất hung bạo gặp bất cứ người dân nào, ở bất cứ độ tuổi nào, dù không chống lại cũng bị chúng đánh đập, hãm hiếp thậm chí giết chết. Và tại những nơi vườn không nhà trống thì chúng tàn phá, thiêu đốt, đập phá nhằm triệt nguồn sống của dân ta.

Nhà vua lo nhất là cuộc sống hàng ngày của mỗi gia đình và cả nỗi bất hạnh của họ do quân thù đem lại.

Không yên tâm, vua cho các quan về các vùng có chiến sự đi qua để an ủi người dân, xem xét kỹ về cuộc sống của họ, nhất là về mặt tinh thần, nếu như quân thù lại tái xâm lược, liệu họ có còn đủ sức lực và lòng cương dũng đứng lên cầm vũ khí kháng giặc nữa không.

Trong khi các quan đi về các lộ để kiểm xét thực trạng tình cảnh của người dân sau chiến tranh thì tại triều đình, vua Nhân tông tuyên triệu những tướng lĩnh hàng đầu trong cuộc chiến vừa qua về triều bàn quốc sự.

Triều đình đang cho sửa sang và tẩy uế các cung thất. Cung Cảnh Linh bị Thoát-hoan chiếm làm nơi hành lạc. Điện Thiên An giặc biến thành trại lính... các cung thất khác chúng chiếm làm nơi ăn ở và cướp đi những gì có thể cướp. Tranh tượng chúng đập phá, tường vách chúng bôi lem. Khắp nơi có quần giặc đóng đều khảm mùi tương mốc, mùi hành tỏi, mùi hôi lính, mùi hôi lửa ngựa, và kinh tởm nhất là mùi tanh khẳn do đờm rãi khạc nhổ bừa bãi do thói quen của đám quân tàu ô người Hán.

Công việc tẩy uế xong, người ở cung nào lại về cung ấy. Những cung bị giặc đốt, giặc triệt phá thì tạm dựng lại bằng tranh tre, chờ đất nước yên bình, mùa vụ trong dân gian hồi phục rồi sẽ tính sau.

Từ ngày đuổi hết giặc ra khỏi bờ cõi, vua Thánh tông trao trọn việc nước cho con. Một phần vì vua Nhân tông đã trưởng thành vượt bậc trong việc điều hành bộ máy chiến tranh, đánh bại mấy chục vạn quân cường bạo của tên quý dữ Hốt-tát-liệt, với những tên tướng lừng danh như: Ô-mã-nhi, A-li Hải-nha, Toa-đô, Bôn-kha-đa, Mang-cổ-đái, Lưu Quốc Kiệt, Lưu Thế Anh, Trịnh Bằng Phi, Lý Hằng, Lý Quán... do đích thân Thoát-hoan là con trai của Hốt-tát-liệt được y phong là Trấn Nam vương cầm đầu. Mặt khác, Thánh tông tuổi cũng đã cao, sức lực đã giảm nhiều vì suốt mấy chục năm phải lo đối phó với phương Bắc, và lúc nào chúng cũng dọa nạt xâm lăng.

Được chiếu vua tuyên triệu, các tướng, các quan gần xa đã về đông đủ.

Thiết triều, vua Nhân tông nói:

- Trong công cuộc kinh chống giặc dữ vừa qua, số phận đất nước như chuông treo chỉ mảnh, như vạc nặng nghìn cân treo trên đầu một sợi tóc. Nhờ hồng phúc tiên tổ nên ta đã biến nguy thành an, biến bại thành hưng. Lại cũng nhờ vào các hàng tướng lĩnh của ta mưu lược, chiến binh của ta kiên cường đánh giặc, nhất là trăm họ một lòng quyết đem máu xương, tính mệnh và tài sản ra để bảo vệ giang san nòi giống. Giặc tuy đã thua chạy, nhưng thể và lực của nó còn lớn lắm, biết đâu chúng lại không sang xâm lăng nước ta nữa. Bởi vậy trăm triệu các quan để bàn xem vì sao ở vào tình thế nguy nan như vậy mà ta vẫn thắng được giặc. Lại tìm ra cái nhẽ vì sao quân giặc mạnh như thế, rồi cuộc lại thua, lại ôm đầu máu mà chạy về nước.

Việc thứ hai cần bàn là phải nhanh chóng khôi phục lại việc nông tang, nuôi vỗ súc dân và cũng phải chỉnh bị ngay quân ngũ phòng khi giặc Bắc lại sang.

Việc thứ ba là phải tìm cách trao trả tù binh và cử sứ bộ sang Yên Kinh giao hảo, nhằm hạ hòa con sói già ngạo mạn Hốt-tát-liệt ở Yên Kinh.

Vua Nhân tông mỉm cười nhìn khắp lượt các triều quan, ngài tiếp: - Trẫm đang nóng lòng nghe cao ý của các khanh.

Không khí triều hội im phăng phắc, dường như ai cũng cảm thấy buổi thiết triều này là vô cùng quan trọng, nên phải thận trọng cân nhắc trước khi tâu báo.

Chừng nhai đập miếng trâu vẫn chưa có ai xuất ban, nhà vua liền dụ:

- Các tướng đánh giặc giỏi như thế mà lại không nói lên được cái việc mình đã làm ư? Vua dừng mắt nhìn vào gương mặt khả ái

của Chiêu Văn vương thượng tướng Trần Nhật Duật.

Trần Nhật Duật có tướng mạo khác phàm, từ lúc mới sinh các thầy tướng số đã nói ông là người trời thác sinh, khi xem cánh tay quả có chữ “Chiêu văn đồng tử”, vì vậy vua cha mới cho lấy vương hiệu là Chiêu Văn. Ông sinh năm Ất Mão (1255) hơn vua Nhân tông đúng ba tuổi. Năm nay nhà vua vào tuổi hai mươi tám còn ông chú cũng mới ba mươi một tuổi.

Biết ý tứ nhà vua, Trần Nhật Duật bèn xuất ban xin nói:

- Tâu hoàng thượng, thừa các đồng liệt, cái nhẽ ta thắng, giặc thua đúng như hoàng thượng vừa dụ bảo rằng: “Tướng lĩnh của ta mưu lược, chiến binh của ta kiên cường, trăm họ đồng lòng đánh giặc, giữ nước”. Theo thần, ngoài các nhẽ trên còn phải tính đến hai vua sáng suốt, mẫu mực can trường, nhìn xa thấy rộng, thắng không kiêu, bại không nản, có lòng khoan dung độ lượng, ôm trùm được hết thảy, không những chỉ cho người dưới các điều họ chưa thấy mà còn biết nghe người dưới các điều mà nhà vua chưa tính đến. Vì vậy mà với cương vị người quân trưởng, nhà vua loại bỏ được các việc bất lợi, tận dụng được mọi kế hay của người dưới nên đã biến nguy thành an, biến yếu thành mạnh, biến thua thành thắng. Trong công cuộc kinh chống giặc dữ vừa qua, Đại Việt ta thủ thắng, công ấy không thể quy cho một người nào cả, mà phải nói thắng lợi ấy là công lao của cả nước. Cả nước ví như một cơ thể gồm chân tay, thân thể đó là tướng lĩnh, binh sĩ và trăm họ thì bệ hạ chính là óc não của cái cơ thể đó.

Nghe thượng tướng Trần Nhật Duật nói, ai cũng cho đó là lời nói có tình, có lý, lời của bậc trung thần.

Trần Nhật Duật vừa hồi ban thì tướng quân Phạm Ngũ Lão liền xuất ban, ông nói:

- Tâu hoàng thượng, thừa chư liệt vị, sở dĩ ta thắng giặc là bởi ta bảo toàn được lực lượng, ta biết tránh mạnh đánh yếu nên ta thủ thắng, ta nhàn sức quân. Nhớ ngày quân giặc mới vào, thần giữ ải Lão Thứ^[2], địa thế ở đây hiểm trở tới mức nhiều người đã coi nó có khả năng nhất nhân địch vạn. Quả vậy, giặc xông vào hết đợt ấy đến đợt khác chúng chết chồng chết đống không một đứa nào chạy thoát. Vậy mà phía sau, tướng nó vẫn thúc quân vượt lên xác nhau mà tiến. Đúng là người Mông Cổ đem lính Hán làm vật lót đường, nên chúng không tiếc máu xương binh sĩ.

Con đường khe rất nhỏ nằm giữa hai vách đá dựng đứng, lấp đầy xác giặc, máu chảy tràn đường tanh lợm, thế mà suốt ba ngày giặc không chịu lấy xác nhau, chúng vẫn cứ một mực tiến về phía trước. Cứ xem việc chúng tiến binh thật chẳng khác lũ thiêu thân lao vào lửa. Tuy vậy, thần vẫn không dám ham chiến bởi Quốc công đã có mệnh: “Khi giặc mới vào sức nó đang cường, ta chỉ lợi dụng địa hình hiểm trở để cản giặc làm chậm bước tiến của chúng chứ chưa thể dứt điểm ngay được. Phải tản mỏng giặc ra rồi lựa chỗ sơ hở, chỗ yếu của nó mà đánh”. Kịp khi có lệnh lui quân, thần đã cho hậu quân làm tiền quân, còn tiền quân làm hậu quân vừa cản giặc vừa lui quân. Vậy là quân ta vẫn bảo toàn gần như nguyên vẹn, còn quân địch thì thiệt hại khôn lường.

Phạm Ngũ Lão dứt lời vái nhà vua hai vái rồi lui về ban của mình.

Trần Thi Kiến lập tức xuất ban, ông vái nhà vua rồi nói:

- Tàu bệ hạ, việc ta đánh bại kẻ thù có sức mạnh ngang trời đất không phải vì ta mạnh hơn nó, mà vì các nhẽ sau đây. Đành rằng có hàng ngàn điều làm nên chiến thắng, nhưng thần chỉ xin kể vài nhẽ chính.

Một là trong mọi hoàn cảnh dù hiểm nguy đến đâu ta cũng bảo toàn được bộ não của chiến tranh tức là hai vua, Quốc công tiết chế và thượng tướng thái sư Chiêu Minh vương cùng một số yếu nhân khác.

Hai là ta bảo toàn được lực lượng, rút lui đúng lúc khiến giặc phải tản quân ra truy đuổi, thành thử lực lượng giặc ngày càng mỏng.

Ba là bộ chỉ huy đầu não quyết định rút vào Thanh Hóa cùng với một số quân rút theo nhưng lại lừa được giặc, ém hơn chục vạn quân ở Long Hưng và châu Hồng cùng vài miền rừng núi để phối với người man kháng giặc. Chủ trương đó vô cùng sáng suốt, mưu đó phải được coi như thần mưu.

Bốn là khi Toa-đô phá vỡ cửa quan Nghệ An, một số người sợ hãi ra hàng, quân ta lâm vào thế bị bao vây, vậy mà thượng tướng thái sư cầm quân cự giặc, vỡ thua nhiều trận khiến Toa-đô đem đại quân truy đuổi ra gần tới Hoa Lư. Tới đó, mới nhận biết mắc mưu định quay lại Thanh Hóa thì không được nữa, vì bị quân ta chặn đứng. Lúc này thì chính quân giặc lại rơi vào thế bị bao vây. Bởi quân ta đã hình thành thế trận phản công từ lộ Hải Đông từ châu Hồng, Long Hưng lại bịt kín mặt nam từ Hoa Lư, trên mặt bắc thì Nguyễn Địa Lô, Nguyễn Lộc cũng ngày đêm tập kích giặc.

Năm là bộ chỉ huy đầu não hạ lệnh phản công đúng vào mùa nóng nực, đúng vào dịp mưa lụt khiến giặc rơi vào thế đại bất lợi còn quân ta thì thiên thời, địa lợi, nhân hòa đều hội đủ.

Tàu bệ hạ, thần chỉ điểm qua năm cái nhẽ khiến quân ta thắng, quân địch bại. Nói xong Trần Thì Kiến vái lạy nhà vua rồi lui về chỗ.

Trần Thì Kiến vốn là gia thần của phủ Hưng Đạo, bản tính ông ít nói, nhưng đã nói đều thấu lý đạt tình khiến đồng liêu đều cảm phục.

Trần Thì Kiến vừa về chỗ thì Trần Khánh Dư xuất ban. Phiêu kỵ thượng tướng thiên tử nghĩa nam Trần Khánh Dư đã từng tham gia cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ xâm lược năm Đinh Tỵ (1257), vì có công đem quân tập kích bất ngờ vào phía sau quân địch khiến chúng phải chia quân đối phó, vì vậy chiến sự đang diễn ra rất căng thẳng ở Bình Lệ Nguyên^[3] vua Trần Thái tông vừa cự giặc vừa lui quân được an toàn.

Cuộc chiến năm Đinh Tỵ cả Trần Khánh Dư và Trần Hưng Đạo đều là hai tướng trẻ mà đã lập được công lớn. Lại tiếp cuộc kháng Nguyên vừa qua (Ất Dậu - 1285) Trần Hưng Đạo đã ở ngôi vị Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự^[4], còn Trần Khánh Dư là thượng tướng phó đô tướng quân, nắm một đội quân thủy khá lớn lập được công cao. Vừa xuất ban ông liền vái lạy nhà vua, cúi chào các đồng liêu và nói:

- Cao ý của hoàng thượng và các đồng liệt đã nói khá đầy đủ những cái có mà ta thắng giặc, thần chỉ nêu thêm một có nữa: Đó là vừa lúc thượng tướng thái sư Trần Quang Khải như được giặc từ Thanh Hóa ra tới gần Hoa Lư, rồi lại luồn về phía sau để dồn nó vào một cái túi không lồ, tức là ta đã hình thành thế bao vây giặc.

Quốc công phát lệnh phản công giặc trên mọi mặt trận nhưng đáng kể nhất là trận mở màn đánh vào sào huyệt giặc ở A Lỗ là căn cứ thủy binh lớn nhất của giặc. Nơi đây hơn một vạn bảy ngàn quân giặc gồm cả quân Mông Cổ và quân người Hán do vạn hộ hầu Lưu Thế Anh chỉ huy. Các tướng dưới quyền đều là những tay kiệt hiệt như Giáo Kỳ, Hắc-địch, Tang-gu-tai, Bôn-kha-đa... Lưu Thế Anh trấn giữ tuyến đường thủy chạy dài suốt từ Chương Dương, Hàm Tử, A Lỗ xuống Thiên Trường rồi thông ra cửa biển Đại An. Tuyến đường thủy này phía hữu ngạn thì hỗ trợ cho quân bộ của giặc đóng rải từ Trường Yên về tới Thiên Trường ở phía tây nam và phía tả ngạn thì khống chế quân ta tập kích ở phía đông, nó chính là tuyến huyết mạch nắm giữ cả đường thủy đường bộ từ Thăng Long xuôi ra biển, hoặc từ Thăng Long theo đường thiên lý vào Trường Yên rồi tiến về phía nam kiểm soát các châu Thanh Hóa, Nghệ An và thẳng sang Chiêm Thành theo hai đường thủy, bộ đều rất thuận lợi. Trong khi đó tuyến đường thủy từ Thăng Long xuôi Lục Đầu giang tiến theo nẻo sông Bạch Đằng để ra biển cũng do giặc kiểm soát.

A Lỗ là sào huyệt lớn, tập trung nhiều quân tinh nhuệ, phần lớn là quân thủy, một phần là quân bộ, quân kỵ với hơn ba ngàn con ngựa chiến nòi Hồ cùng với các tướng giặc lão luyện chiến trường.

Nhằm vào đêm mưa to như vỡ đê trời, nước trong đồng ngập trắng lại gặp lúc triều cường, nước sông Cái lên to gần ngập bờ đê, Quốc công sai quân đánh ào ạt, trại giặc chẳng mấy chốc mà vỡ tan tành, hơn ba ngàn con ngựa vỡ đàn lớp ngóp bơi như lũ chuột đồng chạy lụt. Quân kỵ bó tay, quân bộ, quân thủy lúng túng không còn năng lực kháng cự. A Lỗ bị đánh sập, trong số hơn một vạn bảy ngàn tên chỉ còn vài ba ngàn đứa chạy thoát cùng với bè lũ Lưu Thế Anh trốn lui về Thăng Long xin chịu tội trước Thoát-hoan. Vậy là cả một chiến tuyến phòng thủ của giặc trên sông nước chạy dài hơn trăm dặm chỉ qua một đêm tan vỡ hết. Bởi nghe tin A Lỗ thất thủ các đồn trạm giặc khác trên khắp tuyến chưa nhìn thấy bóng quân ta đã hốt hoảng tháo chạy.

Thượng tướng Trần Khánh Dư nhìn nhà vua lại nhìn khắp lượt các đồng liệt rồi ông hạ giọng:

- Tâu hoàng thượng, theo thiên ý của thần thì trận mở màn A Lỗ tuy không đánh vào đầu não của giặc nhưng dường như nó đã điểm đúng huyết mạch của chúng, khiến từ đây giặc không còn đủ sức ra đòn mà chỉ gồng mình chống đỡ cho tới lúc cầm đầu tháo chạy ra khỏi cõi bờ ta.

Dứt lời, thượng tướng vái nhà vua và cúi đầu xá các đồng liệt rồi lui về chỗ.

Các quan xi xào bàn tán:

- Đúng là sau trận Quốc công đánh bại Lưu Thế Anh ở A Lỗ thì đoàn quân xâm lược của Thoát-hoan mất hẳn sức chiến đấu.
- Đúng là một trận Xích Bích trên ngã ba sông Cái đã khiến quân giặc lâm vào thế bị tiêu diệt.
- Lại thật, chỉ sau trận chiến đó, tinh thần quân giặc bị sa sút hẳn, chúng hoảng hốt như gà gặp phải cáo vậy.

- Quân Thất-đất chỉ mạnh khi kỵ binh nó có đất tung hoành.

- Thì ta đã chẳng cho kỵ binh nó tung hoành trong sông nước, trong những cánh đồng trũng sâu ngập cả đầu ngựa đó sao...

Các quan khề cười rúc rích.

Triều hội bỗng im phắc, bởi mọi người đều đổ xô nhìn về phía Chiêu Minh vương Trần Quang Khải khi ông rời khỏi chiếc thái sư ỷ. Vương nấn lại vành mũ, xốc đai áo, và liếc nhìn mấy dòng chữ nhỏ ghi trên chiếc hốt ngà, đoạn vái nhà vua hai vái, thái sư nói:

- Tâu hoàng thượng, ta thắng giặc bởi nhiều nhẽ như các quan đã tâu báo. Tuy vậy, có nói mãi cũng không hết được, chuyện này phải để khi đất nước yên trị, chắc chắn không còn bị giặc ngoài nhòm ngó núi sông ta nữa, khi đó mới có đủ thời gian để tom góp lại thành bài học cho đương thời và cho cả hậu thế nữa. Thần chỉ muốn nói một điều là từ vua đến quan, từ dân đến binh lính cả nước đều không sợ giặc, đều đem thân mình ra giữ nước. Đại hội Bình Than, thiếu niên Trần Quốc Toàn mới mười sáu tuổi đã uất ức vì không được dự bàn việc nước, bàn kế đánh giặc. Và chỉ vài năm sau Quốc Toàn đã lập được một đội gia binh, huấn dạy thành đội cường binh và bản thân Quốc Toàn cũng trở thành một danh tướng lập công lấy lòng, hy sinh cả tính mệnh mình cho nước. Lại Hội nghị Diên Hồng, bô lão cả nước được bệ hạ hỏi kế đánh giặc, đều dốc một lòng. “Xin bệ hạ cho toàn dân đánh giặc!”. Ngay cả người man như Hà Bổng, Nguyễn Lộc, Nguyễn Địa Lô khi giặc vào cõi cũng tụ binh đánh vào sau lưng chúng. Cả như Trịnh Giác Mật trước khi giặc vào còn nổi lên làm phản, sau nghe triều đình phân giải lại chiêu binh đánh giặc thật là kiên cường. Tâu bệ hạ, một nước mà từ vua đến dân, từ trẻ đến già, từ người Kinh đến người man thấy thấy đều không sợ giặc, đều đồng lòng đánh giặc, giữ nước. Tâu bệ hạ, một quốc gia như thế thì không một kẻ xâm lược nào không bị đánh bại. Và đó, chính là cái lý đáng kể nhất để nước ta thắng được giặc dữ Mông - Nguyên.

Nói đoạn, thái sư vái nhà vua rồi lui về chỗ. Các quan ai cũng khen cái lý mà thái sư đưa ra thực là chí lý.

Bỗng một người nhỏ thó xuất ban xin nói. Ai cũng ngừng nhìn xem người đó là ai. Quả thật ông ta người nhỏ bé quá nên phần đông các quan ngồi xa chỉ nghe được tiếng nói chứ không tường mặt.

Vái nhà vua xong, ông ta nói:

- Muôn tâu bệ hạ, vừa rồi giặc thua đau đớn, Hốt-tát-liệt chắc không nuốt nổi mối nhục này, cho nên giặc Mông - Nguyên lại sang xâm lấn cõi bờ ta chỉ là chuyện trong sớm tối, xin bệ hạ và Quốc công sớm trù liệu. Lần này giặc sang ta hẳn không chỉ dăm ba chục vạn như lần trước mà phải hàng trăm vạn, xin bệ hạ cho mộ thêm quân, huấn hỏ cho thiện xảo ngay từ bây giờ kéo nước đến chân khó nhảy.

Ngẫm nghĩ giây lát, ông ta lại nói thêm:

- Thần được bệ hạ sai trấn vùng ái bắc kể đã mấy chục năm, quả thực chưa thấy một thứ quân nào lại đông như quân Nguyên, chỉ có thể ví chúng như lũ kiến chạy lụi cứ lao đi thực mạng. Nhớ khi nó tràn vỡ ái cửa thần, lập tức thần cho quân lui về hợp trấn với ái Lão Thử dưới sự thống lĩnh của tướng quân Phạm Ngũ Lão. Giặc qua “cửa Diêm Vương” này trăm đứa hồ để đã một hai đứa thoát chết. Vậy mà chúng cứ đập lên xác nhau mà đi, vô cảm hệt như lũ kiến vàng, kiến gió, thật khác xa đám lính Tống nhát như cây như cỏ, chỉ mới

nghe thấy tiếng ngựa hí của quân ta chúng đã vội lui ngay vào rừng trốn biệt.

Tâu, thần không nói quân Nguyên là quân kiêu dũng mà thần chỉ muốn nói chúng không còn nhân tính bởi chúng hành động như loài dã thú thôi ạ. Bởi vậy, muốn ngăn chặn chúng, ta phải huy động một đội quân thật đông đảo, huấn hồ cho thiện xảo về mọi mặt thời mới có thể tiêu diệt được lũ giặc ngạo xung là thiên binh này.

Viên biên tướng vừa vái nhà vua lui về chỗ, vua Nhân tông liền thông thả dụ bảo:

- Giặc vào cõi ta với đội quân đông tới gần năm chục vạn, nếu kể cả binh phu tiếp lương của chúng nữa thì còn đông gấp mấy lần, thế mà chỉ lách được qua mấy cửa ải, khác nào một biển nước mênh mông chỉ dồn chảy qua vài lỗ cống hẹp, hèn gì sức công phá của nó không lớn. Thế nhưng khi ta thả cho nó vào nước ta, lực nó tản ra thì đội quân năm chục vạn ấy có thấm tháp gì, chúng đâu còn đủ sức mạnh muốn đánh vào đâu cũng được. Khanh sợ quân giặc đông như kiến ư? Thì cả nước Trung Hoa mênh mông như thế đều thuộc quyền Hốt-tát-liệt, y bắt đi phu, đi lính bao nhiêu mà chẳng được. Cho nên giặc vào cõi ta, tám chín phần là quân người Hán, chỉ có một, hai phần là người Mông Cổ thôi. Và xác chết nhiều nhất vẫn là xác người Hán đấy. Khanh chớ sợ ta thiếu quân. Cuộc kháng chiến vừa qua, ta còn dư hơn mười vạn quân chưa dùng đến.

Nhà vua vừa dứt lời, Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự Hưng Đạo vương liền vái ngài rồi nói:

- Tâu, ý của hoàng thượng và chư liệt vị khá đầy đủ. Và lại đây mới chỉ là bước ta làm đại lược thôi, chưa đủ thời gian để đi sâu vào các mặt từ việc dân, việc binh, việc lương... kể cả việc đặt ngoại gián để dò la tình hình trên đất giặc. Hơn hết là mưu lược phá giặc của triều đình và cả sự đồng lòng từ vương tộc đến vương triều và muôn dân. Đúng là ta có hàng ngàn cái lý để làm nên chiến thắng trong trận chiến nghiệt ngã vừa qua, song điều đáng nói nhất là ta đã không sợ giặc, ta dám đánh giặc vì thế ta thắng giặc. Ấy cũng bởi cái nhẽ cả dân tộc biết tự trọng nên biết cách tự cường để bảo vệ lấy cái phẩm giá cao quý vốn là truyền thống của giống nòi.

Quốc công hạ giọng, ông vừa nhìn các đồng liệt vừa chậm rãi:

- Hiện nay ta có nhiều việc cần phải làm như vừa đây hoàng thượng đã dụ bảo. Song theo thần, trước hết là phải chinh bị ngay việc quân, đề phòng Hốt-tát-liệt kẻ ngông ngạo nhất gầm trời này không nuốt trôi cuộc bại chiến vừa qua, sớm muộn thế nào y cũng cử đại binh sang xâm lăng ta một lần nữa để rửa hận. Tuy nhiên, quân cần tinh chứ không cần nhiều như viên biên tướng kia quá lo xa.

Nghe Quốc công bày tỏ tuy vẫn tất nhưng sáng rõ, vua Nhân tông lấy làm hài lòng. Còn một nhẽ nữa mà nhà vua thầm vui, ấy là bá phụ ^[5] (Trần Quốc Tuấn) và thúc phụ (Trần Quang Khải) các ý tứ đối trao lâu nay xem ra rất hòa hợp, dường như các vị đã tận lòng hóa giải từ cuộc đại duyệt tại Đông bộ đầu ^[6] trước khi quân thù vào cõi. Ấy là việc quốc công tẩm gọi cho thượng tướng ở trên thuyền. Đành rằng đây là sự biểu lộ để yên lòng quân của các bậc đại trí. Song xét qua việc làm, quả thực các vị đã thành tâm hòa hợp. Tất cả đều vì nghĩa lớn, vì nước.

Nhẩm tính còn mấy việc cần làm, vua giờ cao cây hốt lên rồi dụ:

- Phải lo chữa cháy khi trời còn đang mưa lũ. Vì vậy việc phòng bị giặc ngoài từ khi ta mới đại thắng là cần thiết, đúng như nhời tấu của Quốc công. Vậy Quốc công hãy thay trăm lo chính bị ngay việc quân trong toàn cõi.

Đội các lộ, trấn tâu về xét sự thiệt hại nhiều ít, thái sư lo giữ trăm việc cứu trợ tiếp cho dân chúng các vùng bị giặc tàn phá nặng nề. Tha hoặc giảm tô thuế tùy theo sự thiệt hại ở mỗi nơi.

Lại nữa phải cử người đưa đám tể thần của Chiêm quốc do bọn Toa-đô dụ theo chúng nên bị bắt ở ta về nước. Và nữa, các quan thử bàn xem ta nên thả đám tù binh Thát-đát thế nào cho thỏa đáng để tình hình biên sự đỡ căng. Theo ta, không chỉ thả tù binh mà còn có biểu trần tình và cả đồ tu cống để hạ nhiệt tên chúa Nguyên hung bạo ở Yên Kinh.

Vua vừa dứt lời, Chiêu Văn vương thượng tướng Trần Nhật Duật bèn lên tiếng:

- Tâu hoàng thượng, thế tất ta phải thả đám tù binh này về nước nó, chứ đại gì mà giữ chúng cho tốn cơm gạo trong khi dân mình còn đang thiếu đói. Nhưng theo ý thần, trong đám tù binh lúc nhúc ấy thế nào cũng có nhiều viên tướng phạm tội ác tàn sát dân ta đang trà trộn lẫn quất, phải thanh lọc chúng ra để trị tội. Đứa nào đáng tha thì tha, đứa nào phải đền tội thì không cho chúng đường về.

Trần Nhật Duật vừa vái nhà vua về chỗ thì các quan nhao nhao nói:

- Hoàng thượng anh minh, xin y lời tấu của Chiêu Văn vương.

- Giặc phạm cả nghìn tội, một đứa cũng không tha.

- Xin tha một số quân tân phụ nhát hèn và một ít kẻ ngu khờ người Hán, ngoài ra quân Mông Cổ thấy đều đại ác, xin bệ hạ cho chém hết.

- Tâu bệ hạ, lũ tướng tay sai người Hán nhiều đứa còn nguy hiểm và gian ác hơn cả tướng Thát-đát, xin bệ hạ chóe nương tay.

Trong khi lời qua tiếng lại nói xen vào làm ồn cả đại điện, vua Nhân tông cũng chỉ nghe được lờ mờ ý các quan bàn tán, nhà vua bèn phán:

- Các quan cứ bàn kỹ, cứ nói hết ý mình, bàn cho thật thấu đáo nhưng phải tuân tự thì mới nghe được. Nào, xin mời bàn tiếp, vua giục.

Nhân Huệ vương phó tướng Trần Khánh Dư xuất ban, ông vái nhà vua rồi nói:

- Tâu bệ hạ, theo ý thần thì không nên chém lũ lính làm gì, dù nó là lính Thát-đát. Giết bọn ấy chỉ thêm ô uế đất ta. Bệ hạ nhân từ, nên mở đường hiếu sinh cho tất cả lũ súc sinh ấy. Thần thấy nhời tâu của quan thượng tướng Chiêu Văn vương là có lý. Phải truy lục cho bằng hết bọn tướng giặc đang giấu mặt. Việc này kẻ cũng chẳng khó khăn gì mà không biết. Thình thoảng ta cứ thả cho chúng một bữa ăn ngon, có rượu có thịt cho chúng ngồi chung với nhau, ta lui vào chỗ kín mà quan sát. Thế nào lũ lính tráng cũng khúm núm trước mấy tên thượng cấp. Ta cứ vờ như thế vài lần là biết sự thật tới quá nửa. Tuy vậy, vẫn có những tên cáo già đã kịp đổi lột và răn đe hạ cấp

ngay từ khi mới bị bắt. Vì vậy, vẫn phải hỏi cung từng đũa để thanh lọc cho kỹ càng. Tướng giặc vào ta thuận những tay cự phách, quyết không thể dễ cho chúng thoát tội một cách dễ dàng. Ngay cả bọn tướng Hán cũng không kém phần nguy hiểm, bởi chúng đang ra công khuyến khích mong được chủ mới tin dùng. Ví như Lý Hằng, Lý Quán bị ta giết trên đường tháo chạy, khi mới vào đất ta chúng chẳng như một lũ chó ngao sao. Chính Lý Hằng đã đánh bại Văn Thiên Tường để dẫn đến sự nghiệp nhà Tống phải sụp đổ ở Nhai Sơn. Vậy nên theo ý ta, ta chỉ thả bọn tướng đầu hàng như bọn tổng quản Trương Hiền mà thôi. Còn các bọn khác vờ như không biết, nhưng nhốt chúng vào xe hoặc vào thuyền thả cho trên đường về, nhưng xe hoặc bị lao xuống vực hoặc bị cướp chặn đường, còn thuyền thì đang đêm thùng ván... Lại nữa, quân thủy cho về đường bộ, quân kỵ cho về đường biển và che kín bịt bùng trên đường đi. Riêng đám quân kỵ bị sóng vạt, chắc cả năm sau chúng chưa hết kinh hoàng. Tàu, nhời của thần chắc không làm đẹp ý bệ hạ. Nhưng bệ hạ thử nhớ lại xem, nếu trận vừa qua ta thua giặc, thì trên mảnh đất này có sinh linh nào còn sống được với chúng không.

Về buổi ngủi, vua Nhân tông dụ rằng:

- Quả đúng như nhời các quan nói về đám giặc Thát-đát cùng lũ tay sai người Hán. Sao ta không biết tội ác của giặc: tàn sát dân lành, đốt phá cung thất, xâm phạm tông miếu, lăng mộ các tiên đế. Các tướng lĩnh và binh sĩ của ta hể lọt vào tay chúng liền bị chúng hạ sát thật là tàn bạo. Tội ác ấy, dầu có giết chúng tới ngàn kiếp vẫn chưa thể làm dân ta hả giận. Tuy vậy vẫn còn phải cân nhắc để hành xử thế nào cho vong linh các liệt sĩ và người trong nước vui vợi nỗi đau căm giận, còn Hốt-tát-liệt cũng không thể vin cớ gì để trách ta được.

Trước khi bãi triều, nhà vua còn dụ bảo:

- Các quan nên nhớ, mọi việc đã bàn phải tức khắc làm ngay, giặc Bắc sớm muộn lại sẽ vào xâm lấn cõi bờ ta đấy. Và những điều bàn tính hôm nay đều thuộc về cơ mật quốc gia, ai tiết lộ ra ngoài để giặc biết ắt mang trọng tội.

Các quan ra về, đầu óc ngổn ngang công việc.

II

Lại một lần nữa Hưng Đạo vương cùng một số gia tướng, gia thần đi đến từng trang ấp bị giặc Nguyên tàn phá xem dân chúng đã hồi phục được đến đâu.

Ngồi trên mình ngựa, Hưng Đạo chỉ về một thôn ấp mờ xa nằm sát mép sông, nơi các mái rạ đang đùn lên những làn khói bếp trắng đục như sương sớm. Nhìn mặt trời lên gần tới đỉnh đầu, vị tướng già trầm nghĩ: “Thế là người dân đã có cái đồ vào nồi, đã đồ lửa cho bữa ăn trưa. Chẳng biết họ ăn cơm hay ăn cháo đây”.

Hưng Đạo ngoảnh mặt về phía sau hỏi viên tùy tướng Yết Kiêu:

- Có phải cái ấp ta sắp đến kia là ấp An Lạc không?

- Dạ bẩm chủ tướng, đó chính là ấp An Lạc.

Đi chừng mười bước ngựa, Yết Kiêu rướn lên nói tiếp:

- Bẩm vương chắc ngài thấy lạ, vì lần trước ta qua đây sau khi vừa đuổi giặc ra khỏi cõi, nó còn là vùng đất chết, thế mà nay đã có sinh khí.

- Phải! Vương đáp, giọng ngài đã có vẻ vui vui. - Bởi ta thấy sự sống đang hồi sinh, đất và người đều được đầy sinh khí.

Vương cùng các bộ tướng cứ thả ngựa đi nước kiệu bên phía tả ngạn sông Bình Than xuôi về phía hạ lưu. Dòng sông phẳng lặng, hai bên bờ, rừng chạy miên man ra tận mép nước. Thời tiết đã vào hạ, những trận mưa rào đầu mùa khiến rừng cây tăng độ ẩm nên các tầng cây thường có hơi nước bốc lên bằng lăng như sương như khói. Nếu cứ nhìn dòng sông phẳng lặng và hai bên bờ sông, rừng nổi rừng xanh muốt chạy dài tới hút cả tầm mắt kia, có ai ngờ cách đây mới hơn nửa năm trời, cả mấy chục vạn quân giặc qua đây, tưởng như chúng có thể nuốt chửng cả cây rừng, uống cạn hết nước sông và hủy diệt cả xứ sở này. Nhớ khi ta bỏ ải Nội Bàng lui về giữ Vạn Kiếp, đánh nhau mấy trận, ta làm như quyết giữ Vạn Kiếp, chẹn cứng giặc ở sông Lục Nam không cho chúng xuôi về Lục Đầu giang. Ấy là ta đã biết giặc không vào đường thủy qua cửa Bạch Đằng nên không sợ có quân tập hậu. Bất chợt ta lại lui về giữ Thăng Long khiến giặc vừa căng sức đuổi quân ta, vừa chia quân giữ đất nên lực chúng càng ngày càng mỏng và chúng không còn giữ được ưu thế lúc ban đầu. Và giặc cũng không thể đánh ta theo ý chúng nữa. Đang có lợi thế, ta đã toan phản công thì Tĩnh quốc vương Trần Quốc Khang không giữ nổi cửa quan Nghệ An khiến Toa-đô đánh vào phía sau quân ta. Tình thế đang trở nên khó khăn thì Trần Kiện (con của Quốc Khang) trấn tại Thanh Hóa đem hai vạn quân dưới trướng ra hàng giặc. Lại nữa cha con Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc đem tất cả số quân thuộc quyền về hàng giặc khiến thế nước trăm phần chao đảo. Cái nguy hại là Trần Ích Tắc theo giặc đã nêu một tấm gương cực xấu

khiến người trung chính cũng có phần nghiêng ngả, còn kẻ vốn đã lung lay thì ào ào theo giặc. Thế cuộc thật gian nan. Ấy thế mà rồi ta vẫn đuối được giặc ra khỏi cõi bờ. Sức mạnh ấy ở đâu ra, đành rằng nó từ gan ruột tướng sĩ, từ muôn dân, nhưng thử hỏi nếu không có hồn thiêng sông núi cho ta làm điểm tựa, nếu vong linh tiên tổ không hiện về cho ta sức mạnh thì sao ta có thể xô ngã được quân thù... Vị tướng già cứ miên man hồi tưởng lại các hình ảnh của cuộc chiến vừa qua mà ngài cảm như một con ác mộng. Bất chợt ngựa đã dừng trước một ngôi nước lớn. Đây chính là cửa một con sông nhỏ bắt nguồn từ một dòng suối chảy len lách qua những cánh rừng, và ấp An Lạc nằm trên một doi bãi bồi được tạo ra từ dòng suối này với sông lớn Đại Than. Ấp An Lạc cũng chính là ấp Tân Lập do Hưng Đạo cho dân vào khai phá khoảng hơn mười năm nay và cho họ quyền sở hữu đất ấy. Vì là đất nằm trong vùng thái ấp của vương nên vương không phải xin phép triều đình.

Yết Kiêu dẫn cả đoàn đi ngược dòng suối khoảng vài ba dặm nơi có đoạn thắt ruột gà hẹp nhất, ngựa lấy đà đều nhảy qua dễ dàng.

Khi Hưng Đạo vương và đoàn tùy tùng vừa đến đầu ấp thì dân trong ấp từ già đến trẻ đã tụ họp đông đủ đón chào vương.

Trưởng ấp là một ông già quắc thước chít khăn đầu riu để hờ mái tóc bạc như cước, chòm râu dài trước ngực trắng xóa. Ông vận chiếc áo nâu dài tới ngang đầu gối, cánh tay áo chỉ phủ kín bờ vai nên vẫn lộ hai cánh tay trần đen bóng, bắp thịt nổi cuộn và in hằn hai chữ “SÁT THẮT”^[7] màu chàm sẫm. Ngang lưng ông lão thắt chiếc dây lưng vải bạch bố múi xoay về phía sườn trái. Ông vận chiếc quần nâu lửng phủ tới nửa ống chân để lộ rõ bàn chân với các ngón tõe ra và hai ngón cái nằm ngang ra như châu đầu vào nhau. Người Tàu nhìn thấy các ngón chân của người Việt như vậy, nên họ gọi mình là “dân Giao Chỉ”. Tiếc rằng lối gọi kỳ thị ấy của lũ xâm lăng ngao mạn đã tồn tại khá lâu trong lịch sử.

Ông lão trưởng ấp An Lạc và dân chúng vừa quỳ xuống vừa hô:

- Kính chúc đại vương mạnh khỏe!

Hưng Đạo lập tức xuống ngựa, mọi người cùng xuống ngựa. Vương nâng ông lão đứng dậy và ra hiệu cho cả dân ấp cùng đứng dậy. Đoạn vương nói, giọng ấm áp thân mật:

- Chúng ta đến thăm bà con trong hương ấp. Chẳng hay mùa vụ vừa qua có thu hoạch được gì không. Hay dân vẫn còn bị đói.

Một lão bà nhanh nhẩu đáp:

- Bẩm đại vương, ngài thử nhìn dân hương ấp chúng con xem, đây có phải là dân đói không ạ. Đúng là hồi giặc mới bỏ chạy, chúng con trở lại hương ấp không còn một hạt gạo nào, cả ấp đói vàng mắt, may đại vương cho quan quân đem lúa gạo về phát tại hương ấp kịp thời nên không có ai bị chết đói.

Hưng Đạo chỉ tay về xóm giữa ấp bảo:

- Ta muốn vào hẳn trong trang ấp để được gặp bà con đông hơn.

Trưởng ấp dẫn vương tới khu vực xưa gọi là đình nay chỉ còn tro bốn bức tường đất. Dân làng đã đốn tre, gỗ về chất đống phía sân đình, đình sau vụ gặt thì dựng lại. Trong nền đình, trưởng ấp cho thu gom những vật mà giặc không lấy đi được hoặc không đốt cháy được nhưng chúng đã đập phá không còn có thể dùng vào việc gì.

Hung Đạo vương đưa mắt xót xa: Đây là chiếc bình hương bằng sành vỡ làm nhiều mảnh, kia là chiếc candelabra gao bị giặc đốt cháy chỉ còn một khúc, kia nữa là chiếc cối đá thủng dân thường dùng làm vật kê đập lúa, giặc cũng ghè vỡ hết miệng cối. Đây là những chiếc bình vôi vỡ, chiếc mất quai, chiếc mất vôi. Lại kia nữa chiếc cối xay thóc bị giặc đốt cháy hết phần vỏ cối đan bằng tre, chỉ còn tro lại phần đất và những chiếc dăm cối cháy nham nhở. Tệ hại nhất là giặc đốt phá cả đền, chùa thờ thần thờ Phật. Những hoành phi, câu đối cháy có chiếc còn sót lại được một hai chữ nhưng các lớp sơn thếp đều đã bong tróc hết. Và những tượng Phật bằng đất bị thiêu cháy hết lớp sơn ngoài chỉ còn phần đất, chỗ thì ám khói đen thui, chỗ vỡ toác tro màu đất thó vàng hoe, chân tay tượng gãy vỡ, phần điểm nhãn cháy trụi tro ra hai hốc mắt đen ngòm. Nom những pho tượng cháy tựa như những người bị hành hình man rợ, lửa căm giận loài giặc dử lại bùng cháy lên trong lòng vị Quốc công tiết chế. Nén lòng, Hung Đạo quay ra nói với bà con trong ấp An Lạc:

- Đây là bằng chứng tội ác trời không dung đất không tha của quân xâm lăng Thát-đát. Hương ấp hãy dựng một ngôi nhà nhỏ để giữ những đồ vật này lại như là một bằng chứng để đời đời con cháu không bao giờ quên về các tội ác do quân giặc đã gây ra đối với những người thân, đối với đồng bào và cả non sông đất nước mình.

Quốc công nhìn những vành khăn tang thít trên đầu người già và trẻ nhỏ, lòng ông se lại và khẽ hỏi:

- Ấp ta có bao nhiêu người bị giặc sát hại?

Ông trưởng ấp chấp tay vái rồi thưa:

- Bẩm đại vương, cả ấp An Lạc có tới ba mươi một người bị giặc sát hại. Trong đó có bảy dân binh chết trong khi đánh nhau với giặc, cộng thêm chín cháu nhỏ cùng mười lăm người già đang lẩn tránh trong rừng, gặp khi giặc sục sạo tìm lương thực không chạy kịp, nên bị chúng giết chết hết.

- Vậy là trong trận chiến vừa qua dân ấp An Lạc bị giặc sát hại tới một phần mười? Quốc công đau lòng hỏi.

- Bẩm đúng như vậy ạ! – Cả hương ấp đồng thanh đáp.

Trưởng ấp lại nói:

- Bẩm đại vương, số hoàng nam tham gia tòng chinh vào các sắc quân của đại vương và của triều đình cả thảy là ba mươi bảy người. Tới nay có đến mười chín gia đình nhận được tiên tuất của triều đình và cả phần ruộng để hương đăng thờ tự các liệt sĩ rồi ạ.

- Liệu có còn gia đình nào biết chắc có người sung quân đã chết hoặc mất tích mà chưa được triều đình ủy lạo không? - Hung Đạo ân cần hỏi.

- Bẩm đại vương không có hoàn cảnh nào như vậy ạ.

- Thế còn đội dân binh của ấp thì sao, có giết được tên giặc nào không? - Vương lại hỏi.

- Bẩm đại vương, lũ thần giết được mười sáu tên, trong đó có năm tên sập bẫy, mười một tên khác đưa thì bị dân binh phục kích bắn tía, đưa thì bị chặn đánh tập hậu khi chúng đi sục sạo tìm kiếm lương thực trở về. Bẩm, ngoài mười sáu tên giặc bị giết, dân binh còn bắn chết được năm con ngựa chiến và dân chúng cũng bắt được bảy con ngựa chiến nòi Hồ đã nộp cả lên đại vương. Bẩm, sở dĩ giặc hung hãn giết chóc và đốt phá là bởi giặc đi đến đâu cũng là đi vào đất chết, và chúng lung sục khắp mọi nơi đều không kiếm nổi một đấu lương thực, do dân các hương ấp đã tận lực làm theo kế “thanh dã”^[8] của đại vương.

Hung Đạo vương gật đầu:

- Phải! Giặc Thát cùng đường nên chúng đã khùng.

Vương nhìn khắp lượt bà con dân ấp, lại hỏi:

- Vậy chớ ở ấp ta đây ai cầm đầu đội dân binh?

- Bẩm đại vương, chính lão ông đây ạ. Dân ấp vừa nói vừa chỉ tay về phía ông trưởng ấp.

Hung Đạo làm một cử chỉ khiến dân ấp hết sức kinh ngạc. Ấy là vương bước tới trước lão ông nghiêng đầu xá một xá rồi nói:

- Ta có nhời khen lão trưởng, ta sở dĩ đánh bại được quân Thát-đát hung bạo là nhờ vào sự hiệp đồng của các dân binh trong cả nước mà lão trưởng là một tấm gương rực sáng cho con cháu noi theo, lại nữa trăm họ mau lẹ hưởng ứng kế “thanh dã” của triều đình nên sớm hãm giặc vào tình thế khốn đốn.

Ta sẽ có khen tặng riêng cho lão trưởng và dân ấp. Nhưng trước hết ta tha tô thuế cho dân ấp An Lạc trong ba năm liền để dân được hồi sức. Xem ra vụ vừa rồi dân đã có bát ăn, liệu có còn nhà nào phải thiếu đói cần cứu trợ nữa không.

- Tạ ơn đại vương, dân ấp đã đủ ăn, xin đại vương yên tâm lo việc nước.

Hung Đạo và đoàn tùy tùng chào dân ấp rồi lại lên đường.

Suốt nửa tuần trăng Hung Đạo tự thân đi kiểm xét các hương ấp dọc mấy nghìn sông tại những nơi quân giặc lướt qua hoặc đồn trú. Vừa là để biết sức tàn phá của giặc và cả sự chống trả của dân binh các hương ấp. Lại nữa, đại vương cũng cần biết xem đời sống người dân đã hồi phục đến đâu. Và hơn hết vương phải khám phá thật kỹ càng đường tiến đường lui của giặc để biết rõ chỗ mạnh chỗ yếu trong thuật dùng binh của chúng ngõ hầu tìm ra phương lược khắc chế nếu như nó vẫn chưa từ bỏ mưu toan xâm lăng nước ta một lần nữa.

Xem xét trong vùng thái ấp của vương xong, Hung Đạo triệu một số tướng lĩnh có tài thao lược không kể tuổi tác. Các bậc huân tướng đã từng đánh bại quân Mông Cổ trong cuộc xâm lăng Đại Việt từ năm Đinh Tỵ (1257) như đại tướng Lê Tần, phó tướng Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư và các tướng trẻ mới nổi trong cuộc kinh chống với giặc dữ vừa cách đây non một năm như thượng tướng Chiêu

Văn vương Trần Nhật Duật cùng các tướng Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Nguyễn Chế Nghĩa, Công bộ Nguyễn Hiền...

Trần Hưng Đạo có bốn người con đều là các bậc tướng tài đã tỏ lộ trong cuộc kháng Nguyên năm Ất Dậu (1285), tuy nhiên ông chỉ cho người con cả là Trần Quốc Nghiễn được phép tham dự.

Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải cũng là một tướng tài lỗi lạc nhưng Quốc công tiết chế không triệu bàn, vì Quang Khải phải điều hành nền đại chính trong cả nước. Và lại chiến tranh vừa chấm dứt, có cả núi công việc đang chờ Thái sư.

Các tướng đến nghị bàn trong vương phủ Hưng Đạo ở Thăng Long. Phủ Hưng Đạo không nguy nga đồ sộ như vương phủ của Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc. Ích Tắc theo giặc nên vương phủ của ông ta không bị giặc phá, nhưng triều đình đã sung công. Và mỗi

khi có ai nhắc đến chỉ gọi là cựu phủ của Á Trần^[9]. Lại như vương phủ của Chiêu Văn thì lúc nào cũng huyền ảo bởi tiếng đàn, địch hát ca. Ấy là trước cuộc chiến năm Ất Dậu (1285), chứ bây giờ thì cung thất đang sửa chữa bởi giặc phá phách tan hoang. Phủ Hưng Đạo nhỏ hơn nhiều cung phủ khác lại xây cất sơ sài, nhà tranh nhiều hơn nhà ngói và ở vào một góc khuất bên bờ sông Tô, giặc không ngó tới nên vẫn còn nguyên vẹn. Chẳng phải Hưng Đạo không xây cất nổi một vương phủ khang trang, mà bởi ông ở Vạn Kiếp là chính. Tại đó không chỉ có thái ấp mệnh mông mà còn có cả một đội quân hùng mạnh dưới quyền.

Các quan, các tướng đã tề tựu, Hưng Đạo sai quân rót rượu mời. Rượu được rót vào các bát trưng lòng, phía trong lảng men màu ngà, phía ngoài phủ men nâu vẽ hình người lính đang soãi chân ném lao.

Hưng Đạo tay nâng bát rượu mỉm cười nhìn các tướng chậm rãi nói:

- Bữa nay ta mời các ông đến để bàn việc nâng sức quân lên, nhưng trước hết có vò rượu ngon, xin mời các ông mỗi người ba bát rồi vào việc cũng chưa muộn. Các tướng cùng nâng bát và đồng thanh hô lời chúc:

- Chúc Quốc công vạn an!

Hưng Đạo uống cạn bát rượu cùng các tướng rồi nói lời đáp lễ:

- Chúc các ông sức khỏe, luyện quân cho giỏi chờ lập công.

Các tướng chưa hết ngạc nhiên vì Quốc công phá lệ, cho uống rượu trước khi bàn việc quân, không những thế lại còn cho uống những ba bát thay vì một bát và chỉ được uống khi đã văn công việc. Cái ngạc nhiên thứ hai Quốc công bảo “chờ lập công”. Như thế có nghĩa là giặc Nguyên - Mông lại tái xâm lược nước ta sao?

Nhìn ánh mắt các tướng dò hỏi nhau, Hưng Đạo vương đọc được tâm trạng họ, ông bèn nói:

- Sở dĩ bữa nay ta phá lệ là bởi chúng ta đang sống trong một đất nước yên bình thời các ông với ta cũng phải được hưởng nhân một chút chứ. Và lại, vừa đánh bại một đội quân xâm lăng tự xưng là vô địch dưới gầm trời, công các ông lớn lắm, không lấy gì mà khen thưởng cho xứng đáng, đành nhờ ngòi bút của các sử quan để chép ghi tên tuổi và chiến công của các ông vào quốc sử lưu danh hậu

thể, chẳng biết các ông có vui lòng, - vừa nói, Hưng Đạo vừa liếc nhìn về phía sứ quan Lê Văn Hưu.

- Tạ ơn Quốc công! - Mọi người lại đồng thanh.

Bổng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật lên tiếng:

- Bẩm, Quốc công vừa nói bọn tiểu tướng “chờ lập công”. Như vậy có nghĩa giặc Thát lại sắp vào cõi?

Quốc công đặt bát rượu xuống kỷ, ông cười lớn:

- Ôi, ta chỉ mong sao cho đất nước yên bình, bách tính an cư lạc nghiệp, nhưng ai dám đoan chắc rằng Hốt-tát-liệt từ bỏ dã tâm xâm lăng đất nước ta. Ta không tin cha con Hốt-tát-liệt có thể nuốt trôi cuộc bại trận nhục nhã vừa qua.

Quốc công nhìn khắp lượt các tướng và với giọng âm áp, ngài nói tiếp: - Các ông nên nhớ, thân làm tướng, dù đất nước yên bình cũng phải coi như giặc sắp tới biên thù, như giặc sắp vào cõi, huống chi Hốt-tát-liệt một con mãnh thú với tham vọng ngông cuồng muốn thu cả gầm trời này vào trong lòng tay nó. Và thực tế chưa có một quốc gia nào là địch thủ xứng tầm với nó. Ngoại trừ hai lần nó bị đại bại trên đất Đại Việt năm Đinh Tỵ (1257) và năm Ất Dậu (1285). Các ông thử tưởng tượng thái tử Thoát-hoan, con một đại hãn tức thiên tử nhà đại Nguyên phải chui trong chiếc rọ như rọ lợn rồi sai quân bọc đồng lá ở ngoài để tránh tên đạn, và quân chúng lồi xềnh xệch trên đường tháo chạy như lời một con chó. Lý Hảng, Lý Quán là những tướng hùm sói chưa từng thua trận mà mưu lược như thần phải chạy theo hộ vệ, che chắn cho chủ tướng cũng đều mất mạng trên đường trốn chạy. Toa-đô là danh tướng theo hầu dưới trướng Hốt-tát-liệt cũng bị chém đầu trước cửa ngõ Thăng Long cùng với biết bao danh tướng hoặc đầu hàng hoặc bị bắt, bị giết. Nỗi nhục này Hốt-tát-liệt không thể bỏ qua. Vậy ta mời các ông đến để sớm lo việc phòng chống quân Nguyên khi chúng lại xâm lấn cõi bờ Đại Việt ta một lần nữa.

Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư bèn hỏi:

- Xin Quốc công cho biết nhà Nguyên đã rục rịch động binh chưa? Và nữa ngoại gián ở bên đó có còn hoạt động được không?

Chính những điều Nhân Huệ vương hỏi là những điều Hưng Đạo vương đang nóng lòng muốn biết. Ông đưa tay nhẹ vuốt chòm râu tới ba lần rồi chậm rãi:

- Nhân Huệ vương quả là bậc trí tướng. Đúng vậy, nếu ta không biết gì về kẻ địch thì khó bề trù liệu việc chống đỡ, nói chi đến việc đánh bại chúng.

Trước hết về cơ sở ngoại gián của ta trên đất Nguyên tuy chưa có nơi nào bại lộ, nhưng cũng khó có thể tiếp tục như cũ. Vì rằng lũ bán nước đầu hàng giặc không lạ gì người của ta. Trần Ích Tắc cũng mong manh biết Đỗ Vỹ nắm các đầu mối ngoại gián của ta ở bên đó. Ta cũng e rằng bọn Trần Văn Long, Trần Tú Hoãn, Lê Tắc... đều là bọn chó săn lợi hại đang cần lập công với chủ mới, nếu ta sơ suất, tai hại sẽ khôn lường. Ta đang cho thay người mới vào các cơ sở cũ. Các người cũ phải cải dạng chuyển sang các nghề khác, chuyển đến những nơi mà không có kẻ phản giống nòi cư ngụ. Ta tiếc năm trước khi chiến cuộc sắp nổ ra, Đỗ Vỹ về đến Vinh Bình thì sa vào tay

quân Mông Cổ, bị chúng giết ngay. Mãi sau này chúng mới biết đó là một ngoại gián lợi hại của Đại Việt. Vì vậy từ ấy đến nay chúng đề ý truy tìm các cơ sở của ta gắt lắm. Nhưng có một tin này ta phải báo để các ông biết, tức là trước cuộc xâm lăng vào đất ta năm Ất Dậu (1285) thì bốn năm trước đó tức là năm Tân tỵ (1281), Hốt-tát-liệt đã phái một đội quân mười lăm vạn người với hàng ngàn chiến thuyền sang đánh Nhật Bản, nhưng bị bão lớn quật cho chìm ngìm, số còn lại dạt vào đảo bị người Nhật giết chết. Trong số mười lăm vạn quân đó chỉ có ba tên sống sót với một chiếc thuyền trôi về. Lại trước nữa vào năm Giáp Tuất (1274) Hốt-tát-liệt đã phái một đội hạm thuyền tới mấy trăm chiếc cùng hơn ba vạn quân vào đánh Nhật Bản. Nhưng người Nhật đã kiên cường đánh trả, lính chết, thuyền chìm mà giặc không đưa được một tên quân nào lên bờ buộc phải quay đầu tháo chạy. Trên đường trốn chạy lại bị phong ba nhấn chìm đến quá nửa.

Hung Đạo ngừng lời giãi lạt, ông ngừng nhìn khắp lượt các tướng rồi thông dong nói tiếp: - Như thế dưới gầm trời này duy nhất chỉ có hai quốc gia dám cường mệnh Hốt-tát-liệt. Và cũng chỉ có hai nước ấy dám đánh lại và đã đánh bại quân thiên triều khiến thiên tử bề mặt. Ấy là nước Đại Việt ta và nước Nhật Bản. Nước Nhật Bản vừa kiên cường vừa có biển cả làm chiến lũy đã hai lần gây cho Hốt-tát-liệt nỗi kinh hoàng đề dọ, chắc từ nay y không còn tham vọng hão huyền với đất nước Phù Tang nữa.

Với nước ta, tuy quân Nguyên cũng đã có hai lần đại bại, nhưng lần vừa mới đây là đau đớn nhất, nhục nhã nhất với thiên triều; nhất định Hốt-tát-liệt không chịu bỏ qua chuyện này. Hơn nữa thực lực của y còn mạnh lắm, bởi cả nước Trung Hoa giàu có và bao la là thế cùng biết bao nước khác đều nằm dưới ách thống trị của y, thì việc huy động binh lực đánh nước ta là việc trong tầm tay của tên bạo chúa này, và lại nước ta, đường bộ, đường biển đều tiếp giáp với nước Nguyên, rất thuận tiện cho giặc đổ quân vào.

Ta không mong, nhưng chắc sẽ không tránh được quân Nguyên lại xâm lược nước ta một lần nữa. Vậy theo ý các ông, ta nên trù hoạch thế nào để kinh chống với cuồng vọng của Hốt-tát-liệt đây?

Lê Tần, vị tướng trải thờ ba triều xin nói:

- Bẩm Quốc công, trận vừa rồi ta thắng lớn, đuổi được giặc dữ ra khỏi bờ cõi là bởi ta có hồn thiêng sông núi và anh linh của các liệt tổ phù trợ, lại nữa ta còn có kỳ mưu chứ thực tình không phải ta mạnh hơn giặc. Vì vậy lần này muốn thắng giặc, ta vẫn phải có kỳ mưu nhưng không thể thiếu một đội quân chiến đấu vừa dũng mãnh vừa thiện xảo.

Nguyễn Khoái, vị tướng trẻ từng kịch chiến với giặc nhiều trận thấy vị tướng già nói ta thắng giặc bởi kỳ mưu chứ không phải lực ta mạnh hơn giặc có ý không hài lòng, bèn xin nói:

- Bẩm Quốc công, thưa các chư liệt vị bề trên, tiểu tướng là kẻ vô danh được Quốc công cho dự bàn việc quân quốc trọng đại, trong khi lạm bàn có điều gì trái tai xin chur liệt vị bề trên đại xá. Dạ, vừa rồi quan ngự sử đại phu đại tướng quân trải thờ ba triều, là bậc huân tướng đáng tôn kính nói ta thắng giặc Nguyên là bởi ta có kỳ mưu, lại được hồn thiêng sông núi và anh linh chư liệt tổ phù giúp, điều đó quả là đúng. Nhưng ngài lại nói ta không mạnh hơn giặc thời tiểu tướng không nhận ra điều đó. Bởi trong trận hộ tống quân ta rút khỏi Thăng Long, tiểu tướng được dự vào đội dũng sĩ đi trước mở đường cho chiến thuyền của đại quân xuôi sông Cái lui về trấn giữ đất Thiên Trường, đại tướng Trần Bình Trọng đoạn hậu có nhiệm vụ cản giặc để đại quân rút được an toàn. Khi hậu quân ta sắp qua cửa

Hàm Tử thì thủy bình giặc từ thượng lưu ào ạt xốc tới, tướng quân Trần Bình Trọng chia binh ra cản giặc để giữ an toàn cho tiền quân xuôi về hạ lưu. Vì lực lượng ta quá ít, dù tướng Trần Bình Trọng mưu trí và anh dũng có thừa vẫn phải cho quân tháo lui, và cuối cùng ông bị giặc bắt ở bãi Mạn Trù.

Nguyễn Khoái ngừng lời đưa mắt nhìn mọi người và ngược về phía Trần Hưng Đạo lại nói tiếp: - Tàu Quốc công, như vậy có nghĩa là trong chiến tranh bên nào mạnh là bên đó thắng chứ ạ.

Các tướng nhìn Nguyễn Khoái với vẻ cảm thông bởi vị tướng trẻ này lấy sự việc từ bản thân mình ra làm điều mình chứng, còn quan đại phu Lê Tần lại nhìn sự việc trên tầm đại cuộc.

Không khí rơi vào im lặng, bỗng quan Công bộ Nguyễn Hiền xin nói:

- Bẩm, tướng quân Nguyễn Khoái nói đúng với cục diện của từng mặt trận, từng trận đánh mà chỉ khi lực ta mạnh hơn giặc, ta mới thắng được giặc. Còn như quan ngự sử đại phu Lê thượng tướng nói là bao quát trên tổng thể. Đúng là trên tổng lực mà xét, rõ ràng giặc mạnh hơn ta. Nhưng ta dùng kỳ mưu để biến từng mặt trận, từng trận đánh khiến ta mạnh hơn giặc nên ta thắng. Phải nói kỳ mưu là một sức mạnh không đội quân nào có thể so sánh được. Ví như trận quân ta đánh vào đại trại A Lỗ do tướng Lưu Thế Anh nắm giữ đội quân thủy lớn nhất của giặc có cả vạn quân bộ và hơn ba ngàn quân kỵ với hơn ba ngàn ngựa nòi Mông Cổ hỗ trợ cho quân thủy kia. Thế nhưng ta đánh chúng vào lúc mưa lụt, triều cường, đốt hết kho lương, kho cỏ khiến quân giặc vừa đói vừa rét vừa không ứng cứu được cho nhau. Kỵ binh Mông Cổ là lực lượng mạnh nhất của chúng trở nên yếu ớt nhất. Quân Mông Cổ không biết bơi bị quân ta dồn đuổi ra khỏi trại, cứ lớp ngóp như lũ chuột đồng chạy lụt khiến dân binh của ta chém giết đến mỗi tay lũ kia không bẻ kháng cự; còn ngựa nòi Mông Cổ thấy bốn bề mông mênh nước, có lấy giáo xia vào mông chúng cũng không dám bước khỏi tàu.

Tàu Quốc công, chắc quan ngự sử đại phu Lê thượng tướng quân nói ta thắng giặc bởi kỳ mưu là ở chỗ ta biến được cái sở trường của giặc thành cái sở đoản của nó. Do vậy cái mạnh nhất trở thành cái yếu nhất của giặc, và vậy ta thắng giặc. Ta lấy yếu thắng mạnh là như ở kỳ mưu cả. Và sào huyệt A Lỗ bị tiêu diệt là cả một hệ thống quân thủy của giặc án ngữ trên sông Cái từ Thiên Trường về tới Thăng Long chỉ qua một đêm bị bóc sạch. Và quân ta từ thế cầm cự vừa chống giặc vừa lui quân để bảo toàn lực lượng chuyển ngay sang thế phản công, thế tấn công, mọi mặt đều ở thế thượng phong khiến việc đánh đuổi giặc ra khỏi bờ cõi chỉ có vài chục ngày kể từ sau trận mở màn A Lỗ.

Nói xong, Nguyễn Hiền vái Hưng Đạo một vái, lại quay về phía các đồng僚 cúi đầu đáp lễ vì các vị đã chú ý lắng nghe, rồi ông về chỗ ngồi.

Trần Hưng Đạo biết danh Nguyễn Hiền. Năm Nguyễn Hiền đỗ trạng, Hưng Đạo mới mười sáu tuổi. Loáng cái đã trải qua hai cuộc kháng giặc cam go và bây giờ ông đã ở tuổi năm mươi bảy, còn cậu bé thần đồng ngày nào cũng vào tuổi năm tư, râu đã dài tới ngực, tóc đã trắng đầu. Ôi thời gian và con người sao biến đổi nhanh làm vậy, chỉ có mưu đồ cướp xâm nước ta, biến nước ta thành châu, quận của giặc là không có gì thay đổi. Nghe mấy người nói, ông biết Nguyễn Khoái có cái lý của Khoái, Lê Tần có cái lý của Tần, còn như Nguyễn Hiền lại dung hòa cả hai kiến giải đó và nâng lên ở tầng mức cao hơn. Nói chung các tướng dù trẻ trung hay lão luyện đều

đang có tâm trạng hào hứng, đang say mùi chiến thắng và quên rằng tiềm lực của nhà Nguyên đang ở thời sung mãn mà cuồng vọng của Hốt-tát-liệt lại chưa có dấu hiệu suy giảm; trái lại sự cay cú vì thua một nước nhỏ chưa bao giờ được y coi là địch thủ, khiến khát vọng trả thù của đám tướng lĩnh bại trận, và sĩ diện của thiên tử lại ngày một thôi thúc phải sớm ra đòn sấm sét để cái nước Nam nhỏ bé kia phải quỳ gối.

Trần Hưng Đạo đang dự liệu phải đánh trả một cuộc xâm lăng sắp tới của Hốt-tát-liệt còn lớn hơn, khốc liệt hơn cuộc xâm lăng năm Ất Dậu mới đây. Vì vậy ông muốn thổi vào lòng các tướng ý chí sắt đá hơn nữa, mưu lược hơn nữa. Ông nói:

- Không phải chỉ ta và các ông mà cả nước đều có quyền tự hào về kỳ tích đánh bại đội quân cường bạo của Hốt-tát-liệt, bảo vệ vẹn toàn sông núi thiêng liêng cùng bách tính. Nhưng ta cũng lưu ý các ông không được ngủ quên trên những kỳ tích đó, mà ngay từ bây giờ phải dự liệu binh lực và cả tinh lực với các mưu kế cao sâu, khác lạ hơn đề kinh chống với cuộc tái xâm lăng của Hốt-tát-liệt với quy mô cực kỳ to lớn, âm mưu thì thâm hiểm và cuộc đối đầu sẽ khốc liệt hơn nhiều so với cuộc chiến năm Ất Dậu. Nên chẳng các ông thử phán đoán nếu lần này đánh ta, giặc sẽ đi theo đường nào là chính, binh lực chúng kéo sang đất ta ước độ bao nhiêu, và chúng quân nào là chủ đạo. Rồi các kế mưu ta đã dùng cái nào có thể vẫn phải dùng lại, cái nào khó có thể lừa được giặc nữa.

Hưng Đạo vừa ngừng lời Trần Nhật Duật bèn lên tiếng:

- Bẩm Quốc công hỡi ta phản công giặc rồi kết thúc cuộc chiến nhanh bất ngờ là bởi ta chớp đúng thời cơ: thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Thiên thời là do năm Ất Dậu mùa hè đến sớm khiến quân giặc mắc bệnh thời khí ốm nhiều, sức quân chúng giảm sút nghiêm trọng, số quân bị ốm chết cũng nhiều khiến lòng quân chúng sinh rối. Lại nữa mùa mưa cũng đến sớm, nước lũ từ thượng nguồn tràn về gặp lúc triều cường và hạ nguồn cũng mưa lớn, mưa dai dẳng khiến các trại giặc đóng ven sông đều ngập chìm trong nước. Đúng lúc đó thì Quốc công cho binh mạnh đánh vào A Lỗ, tựa như một đòn sấm sét bất ngờ giáng đúng huyết mạch khiến toàn tuyến phòng thủ trên triền sông Cái của giặc từ Thăng Long về tới Thiên Trường chỉ qua một đêm bị bóc sạch. Lập tức giặc từng cụm một ồ ạt vào thế cô lập. Nhìn tổng thể toàn mặt trận giặc lâm vào thế bị bao vây. Còn địa lợi thì ở đâu cũng trên đất ta, lại đúng mùa nước lớn thành thử quân ta phát huy hết sức mạnh sở trường là môn đánh thủy, còn giặc lại bị hãm vào thế đại bất lợi, bởi chúng là quân phương bắc, là lính thảo nguyên nên cái sở đoản của chúng bị quân ta khai thác đến cùng tận. Còn như nhân hòa là bởi dân ta muôn người như một đồng lòng giữ nước, và ai cũng thấy tội ác hiển nhiên mà giặc gieo rắc theo từng bước chân chúng trên đất nước mình.

Chiêu Văn vương ngừng lời, sửa lại mũ áo rồi ông nói tiếp: - Bẩm, đây là các việc hiển nhiên mà ta đã thấy. Nhưng còn lần này giặc sang nữa thì chúng sẽ đem bao nhiêu quân. Đúng là nước Nguyên mệnh mông, Hốt-tát-liệt muốn lập bao nhiêu triệu quân mà chẳng được, nhưng y lại không thể đem tất cả số quân ấy vào xâm chiếm nước ta được. Đúng là quân cần tinh chứ không cần nhiều như Quốc công từng răn. Quân đông mà ô tạp thì chỉ quân chân nhau, thay nhau làm bia hứng tên đạn của đối phương chứ có ích gì đâu. Bởi vậy lần này giặc sang tất cũng chỉ trong vòng năm, sáu chục vạn quân chiến đấu là cùng. Bởi chiến trường của ta hẹp lắm, thuận rừng núi và sông suối chứ đất bằng có được bao nhiêu. Theo thiên ý của tiểu tướng, giặc sẽ đến nước ta vào đầu mùa đông là mùa mà thời tiết rất hợp với người phương bắc, và giặc sẽ ép ta giao chiến ngay từ khi chúng mới đổ quân vào. Cho nên theo ngu ý của tiểu tướng làm sao ta giữ được cái thế kháng cự cầm chừng, không để giặc chiếm được các địa thế chiến lược nhằm khống chế lại ta, chờ thời cơ đến ta sẽ phản

công lại giặc, như thế có nghĩa là ta phải bảo toàn được lực lượng và không bị giặc cuốn vào thế trận của chúng.

Trần Nhật Duật vừa ngừng lời, Hưng Đạo liền hỏi:

- Có phải ý của Chiêu Văn là ta phải tàn giặc mỏng ra để tránh những trận giao chiến lớn rồi chờ mùa hè, mùa mưa có lợi thế, ta sẽ phản công?

- Bẩm, đúng như vậy.

- Ta muốn nghe nhiều kế khác nữa, xin các tướng cứ thực lòng bày tỏ. Và lại, đây mới là dự nghĩ, dự bàn các vị đừng có câu nệ đúng, sai, cao, thấp và chớ có câu toàn. Nên nhớ, nhờ vào tài bất chúc tiếng chó sủa, tiếng gà gáy của mấy vị hạ khách mà Mạnh Thường Quân ra khỏi nước Tần và thoát chết. Như thế đủ biết cả mưu lẫn mẹo đều có chỗ đắc dụng.

Thấy Quốc công thực tâm vấn kế, các tướng đều tự nghĩ: - Ông là vị thống soái thống lĩnh chư quân sự, mưu lược như thần mà dốc lòng cầu thị, nên ai nấy đều đặt lòng tin vào chủ tướng và sẵn sàng nói điều mình suy ngẫm, dù nó chưa phải là mưu mà chỉ là mẹo nhỏ cũng là một sức gom góp trí tuệ để giữ nước, việc đó chẳng có gì phải so đo tính toán.

Hưng Đạo đưa mắt nhìn khắp các tướng thấy gương mặt ai nấy đều rạng rỡ khiến lòng ông cảm thấy vui vui.

Bổng Phạm Ngũ Lão xin nói. Ngũ Lão là một tướng trẻ, trong cuộc kháng giặc vừa qua lập được công lớn, vì thế các bậc bề trên không chỉ chú ý lắng nghe ông nói mà còn có phần trọng thị nữa.

Phạm Ngũ Lão vái Quốc công rồi lên tiếng:

- Bẩm Quốc công, thưa các bậc bề trên, tiểu tướng trộm nghĩ binh pháp thì thiên biến vạn hóa, dẫu ta có bàn cũng chỉ là ước định chứ không thể ấn định. Tuy nhiên nếu ta bàn kỹ, bàn rộng tức là ta đã lường mọi điều có thể xảy ra về phía ta cũng như phía giặc, kíp khi gặp việc xảy ra đúng như dự liệu thời ta bình tĩnh đối phó chắc đỡ vất vả hơn. Nếu tính từ năm Đinh Tỵ (1257) giặc đã thua ta hai keo khiến Hốt-tát-liệt và đám tướng lĩnh của họ cay cú lắm. Vì vậy, nếu lần này giặc lại sang, chắc chúng sẽ đem số quân tinh khôi nhiều hơn, đòn đánh ác liệt hơn. Hẳn nhiên giặc không tiến quân, bày trận theo cách của năm Ất Dậu nữa. Nhưng kể mưu của ta nhiều thứ vẫn cứ phải dùng lại, ví như kế “thanh dã” khiến cho giặc khốn đốn cả về lương thực lẫn nơi đồn trú cho quân viễn chinh. Lại nữa các đội dân binh đánh tia ở khắp nơi, khiến giặc cứ ra khỏi nơi đồn trú là gặp cái chết. Và các đội quân người man phục đánh lữ quân tiếp lương, tiếp cỏ khi thì lấy đi, khi thì đốt đi khiến giặc luôn lo sợ không dám ở lâu trên đất ta.

Nói xong Ngũ Lão vái Quốc công, vái chư liệt vị rồi về chỗ ngồi.

Thấy mọi người nhìn về phía mình như có ý muốn nghe lời nói của quan chép sử, Lê Văn Hưu một ông già nhỏ thó, râu tóc bạc phơ chỉ có đôi mắt là tinh anh tỏa sáng, ông bèn đứng dậy vái Quốc công, vái các đồng僚 rồi nói:

- Bẩm Quốc công, thưa các chư liệt vị, cuộc chống giặc dữ năm Ất Dậu tôi được theo chân hoàng thượng ra mặt trận, tuy chỉ được đi trong một giới hạn nào đấy, nhưng tôi có phải đảm thư nhĩ theo các tướng về các mặt trận, nên sự chép ghi mọi diễn tiến của

chiến trường cũng có phần nào hình dung được rõ nét.

Theo cách nhìn của người chép sử thời cái nổi bật nhất của quân Nguyên là sự ngạo mạn, sự kỳ thị, nhìn mọi đối thủ đều dưới tầm mắt. Khi vào nước ta hai lần năm Đinh Tỵ (1257) và năm Ất Dậu (1285), hai cuộc xâm lăng cách nhau gần ba chục năm nhưng cách tiến quân của họ đều giống nhau cả. Tiến rất nhanh, tung hết lực lượng vào trận đánh như vũ bão nhằm tiêu diệt gọn đối phương. Thế nhưng khi bị quân ta căng ra mà đánh, thì chúng lại hết sức hoảng hốt tháo chạy nhanh hơn cả khi chúng mới đến. Thủy chung giặc để lại dấu ấn trên đất ta là sự bạo ngược. Ấy là đại để về phía giặc, còn phía ta, sử quán sẽ chép tỉ mỉ công tích của hai vua, chư vị tướng lĩnh cùng bá quan và bách tính, ngõ hầu để hậu thế noi gương giữ nước của các bậc tiền bối đã cam go và oanh liệt như thế nào. Nói xong ông lui về chỗ.

Lê Văn Hưu là người đồ đồng khoa với Nguyễn Hiền. Trong bảng tam khôi Nguyễn Hiền đứng đầu, ông ở ngôi bảng nhãn đứng thứ hai, ông hơn Nguyễn Hiền năm tuổi.

Lê Văn Hưu là một sử gia chính trực, trong triều ai cũng nể trọng. Ông đứng đầu Quốc sử viện và đã biên soạn xong bộ *Đại Việt sử ký* gồm ba mươi quyển vào năm Nhâm thân (1272) dâng lên được vua Thái tông khen ngợi. Bởi vậy những điều Lê Văn Hưu vừa nói đều được các tướng lưu tâm.

Lê Văn Hưu về chỗ, lão tướng Lê Tần lại nói:

- Bẩm quốc công cùng chư liệt vị, theo phán đoán của mọi người thì giặc Nguyên lại sang xâm lấn là điều không thể tránh khỏi. Trước đây tiên đế dùng kế nhu để hòa, ta cố kéo níu cũng được non ba chục năm. Sở dĩ thời đó người Nguyên vừa dụ vừa đe là bởi họ chưa bình xong Trung Hoa. Tới khi họ đại định Trung nguyên rồi họ không chỉ dụ và đe mà còn cử đại binh chinh phục. Nay chinh phục cũng thất bại, nên họ càng cay cú. Xem ra kẻ thù của ta không phải loại tầm thường. Tướng lĩnh toàn những người đã xông pha trăm trận, bách chiến bách thắng, đánh đông đánh tây, đánh nam đánh bắc không một nước nào có thể kinh chống nổi họ, ngoại trừ Đại Việt ta và nước Nhật Bản như Quốc công vừa nói. Cuộc chiến năm Ất Dậu về những cái nhẽ họ thua ta, không phải họ không biết cách tránh cho cuộc đối đầu sắp tới. Tức là tránh giao chiến vào mùa hè nóng nực, tránh mùa mưa lụt lội. Họ thua ta còn bởi họ bị hãm vào thế thiếu lương thảo. Ấy cũng bởi con đường tiếp lương rất gian nan vừa xa vừa qua rừng núi hiểm trở, cứ ba người phu tải lương chỉ đủ phục vụ cho hai người lính, mà số lương thực từ lúc đem đi tới lúc đổ vào kho thì người tải lương đã ăn đi mất quá hai phần ba. Vì vậy, lần này nếu giặc sang, biết đâu chúng chẳng dùng đường thủy để vận lương vừa được nhiều vừa đỡ tốn sức người lại có phần nhanh chóng nữa. Nghe nói mấy năm nay người Nguyên cho đóng thuyền lớn, lập quân thủy luyện tập ráo riết lắm. Xâm lược nước ta lần này chắc người Nguyên sẽ thay đổi cách dụng binh nhiều lắm. Đánh rằng vào nước ta giặc không thể không dùng đường bộ, nhưng đường thủy cũng là một lợi thế chắc họ không thể bỏ qua. Và lại nghề đánh thủy của người Giang Nam nếu được huấn hỏ đến nơi đến chốn cũng không thể xem thường họ được. Vâng, quân Tổng của thời mạt Tổng chẳng có gì để nói bởi ta đang nói tới quân Nguyên kia mà. Bởi vậy xin Quốc công và chư liệt vị nên tăng cường quân thủy, nên đề phòng mặt thủy. Mạt tướng nói điều đó là do linh giác của một đời làm tướng, điều đó đôi khi cũng đúng, nhưng nhiều khi lại do sự lú lẫn sự nhiều lời của người già hay nhiều sự, xin được đại xá. Mạt tướng quả không còn đủ sức làm việc bình thường, nói gì đến việc đánh giặc nữa, lần này quyết xin hoàng thượng và Quốc công cho cáo lão về quê.

Lão tướng Lê Tần là bậc cao tuổi nhất trong các hàng tướng lĩnh, quả thực ông không còn đủ sức cầm quân nữa nhưng tài năng và nhân cách của ông thì các tướng từ già đến trẻ đều nể trọng. Ông vừa nói xong, phó tướng Trần Khánh Dư liền tiếp lời.

- Điều lão tướng Lê Phụ Trần linh cảm là có lý. Chính Khánh Dư này cũng đang nghĩ tới điều đó. Vậy xin Quốc công lưu ý. Tuy nhiên việc luyện quân cho tinh khỏe là điều tất yếu phải làm trong lúc này, kể cả việc chế tác các loại binh khí tân tiến hơn cũng phải gấp rút từng ngày. Nhưng điều quan yếu nhất là phải biết hiện nay ở đại đô Yên Kinh nhà Nguyên đang làm gì. Liệu họ đã dự liệu đánh ta chưa. Đánh to hay đánh nhỏ, những tướng nào tòng chinh, ai là tổng quân và bao giờ họ xuất chinh? Thưa Quốc công, nếu các việc quan yếu này ta còn mù mờ thì rất khó cho việc trù hoạch kế sách kháng giặc.

Với vẻ hài lòng Trần Hưng Đạo nói lời vỗ về:

- Các điều chư liệt vị nói quả không thể bỏ đi được lời nào. Trộn tất cả các dự mưu và cả dự đoán tình hình của chư vị sẽ dẫn hình thành một kế mưu quy củ, điều này ta sẽ xem xét kỹ. Còn như mấy điều Nhân Huệ vương đòi hỏi nếu không sớm được khai thông thời các kế sách của ta bày ra kháng giặc sẽ chẳng khác chi người mù xem voi. Ta hứa với các tướng, mọi việc sẽ được hoàn tất trong một ngày gần đây. Vậy các tướng ra về lập tức khai triển việc luyện quân. Các loại khí giới bên Công bộ lo ngay như kế đã hoạch định. Lại nữa các tướng trấn biên thủy cả trên bộ và trên biển phải hết sức cảnh giới động tĩnh từ xa, nếu vì sơ khoáng mà để giặc xâm phạm bất ngờ, quân pháp sẽ nghiêm trị. Cũng kể từ hôm nay, các tướng trấn ải nếu không có lệnh triệu không được phép đi khỏi quân doanh.

Các tướng ra về, lòng đầy hứng khởi.

III

Sau buổi nghị bàn với các tướng lĩnh ở Thăng Long, Hưng Đạo lại xuôi thuyền về Vạn Kiếp. Ông bắt tay ngay vào việc đốc thúc các tướng luyện quân, tự mình đi xem xét các nơi rèn đúc, tạo tác khí giới. Quốc công đề tâm nhiều vào các chủng quân như thủy binh, tượng binh và các đội thần vũ (tức là quân tinh nhuệ, xa thì dùng nỏ liên châu, gần thì đánh bằng giáo, mác hoặc đoản đao).

Quốc công cũng răn các tướng nên chia quân ra mà diễn tập, phải đặt ra nhiều trạng huống khác nhau kể cả bất ngờ gặp quân kỵ của giặc giữa đồng không mông quạnh, tức là gặp giặc đang ở cái thế mà nó mạnh nhất, nó phát tác được hết sở trường của nó, còn ta lại rơi vào tình thế cực kỳ khó khăn phải bộc lộ sở đoản của quân mình. Rơi vào tình thế đó thì chống đỡ ra sao?...

Sắp đặt công việc cho các gia tướng, gia thần ở ấp Vạn Kiếp xong, Hưng Đạo sai chuẩn bị thuyền cho ông đi khảo xét và ông chỉ đem theo một đô quân hộ vệ; tháp tùng có Yết Kiêu, Dã Tượng, Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão và một số gia tướng gia thần khác.

Khi mặt trời khuất sau dãy núi Nham Biền, ở phía trời tây chỉ còn rơi rớt chút ánh vàng trên mặt nước Lục Đầu giang thì ông xuống thuyền ở bên Đại Than xuôi dọc theo sông Bình Than.

Đêm yên tĩnh, xuôi nước xuôi gió thuyền đi nhẹ như lướt. Trăng giữa thán tỏa ánh sáng xanh lạnh xuống trần gian. Thuyền đi giữa hai bờ lau lách um tùm như đi vào một chiếc hang dài vô tận. Có đoạn rừng cây ăn sát mép nước, có đoạn thuyền men bên vách núi điệp trùng. Cảnh trí thật là hùng vĩ. Trong thuyền leo lét mấy quạng đèn dầu lạc, mỗi quạng tối năm, sáu đĩa đèn, mỗi đĩa lại châm tới hai, ba ngọn bấc.

Hưng Đạo cùng mấy vị gia tướng, gia thần ngồi quây quần giữa sạp thuyền bên khay trà đang bốc khói. Trương Hán Siêu từ khi xuống thuyền vẫn hí hoáy vẽ, ông vừa quan sát hai bên tả hữu ngạn dòng sông vừa vẽ, vừa viết lời chú dẫn ở những điểm có dấu huyền son.

Hưng Đạo liếc nhìn những tờ giấy can rộng cùng những nét vẽ chấp nôi, ông khẽ nhắc Trương Hán Siêu:

- Ông đã đi cùng ta nhiều lần, đã họa các bản đồ của dòng sông này nhiều kích thước khác nhau, lần này ta muốn có một bản đồ họa vào đêm trăng theo tầm nhìn các địa hình bằng mắt thường, lướt về ông sẽ họa cho ta một bản đồ khác vào đêm tối trời, để thủy quân của ta phải thuộc nằm lòng hình thể núi sông con đường thủy độc đạo mà quan trọng vào bậc nhất này của Đại Việt. Các tướng phải hình dung đầy đủ luồng lạch, đá ngầm cùng những vật cản trong lòng sông khi nước cường, khi nước rặc và cả những gì hiện có ở hai bên tả hữu ngạn. Phải thuộc nó như các đường chỉ lòng bàn tay mình, dù ban ngày hay ban đêm cũng không thể nhầm lẫn, nhất là những khe, lạch, những ngả rẽ, những chi lưu.

Căn dặn xong Trương Hán Siêu, Hưng Đạo ngừng lên nói với các tướng:

- Trời ban cho Đại Việt ta dòng sông này để thủ hiểm và cũng là để ta kinh chống với giặc Bắc.

Trăng sáng vắng vạc tãi xuống mặt nước sông khiến sóng lao xao màu ánh bạc. Hai bên bờ rừng cây ken dày như những thành lũy chạy dài hun hút mà dòng sông nom nhỏ như một con rồng cứ thung thăng uốn lượn theo hình thể của đôi bờ. Cuối thu, gió heo may đã chớm lạnh vừa ào qua các cửa sổ khoang thuyền thổi tắt mấy đĩa đèn kê bên cửa sổ. Hưng Đạo so vai xóc chiếc áo khoác ngoài và ông đưa tay gài khuy cổ chiếc áo cộc lụa nâu đang mặc.

Hai gã gia đồng theo hầu bê ra một bình rượu hình lục lăng màu ngà men rạn từng mặt có trở hình dưng sĩ ném lao màu nâu sẫm, bình có quai xách và có cả chiếc vòi rót ngắn ngùi nằm ở gần phía vai bình, gã kia đặt chiếc khay sơn màu cánh gián với mười chiếc bát nhỏ cao thành, chân đế cũng cao hơn các loại chén, bát cùng cỡ và trên thành bát cũng có hình trang trí như thành bình.

Hai gã gia đồng vừa đặt bình và khay xuống toan rót rượu, Hưng Đạo phẩy tay cho lui.

Các tướng vẫn ngồi quây quần bên vị chủ tướng trên sạp thuyền, Hưng Đạo tươi cười giục:

- Nào, rót rượu ra thưởng trăng rồi ta bàn việc quân nhân thế.

Yết Kiêu với tay lấy bình rượu rót ra chén, ông đưa mời Quốc công. Hưng Đạo đỡ lấy bát rượu rồi giục các tướng:

- Nào các ông, ta cùng uống!

Từ sau trận thắng giặc Nguyên năm Ất Dậu, tính nét Quốc công trầm hẳn xuống, và cách xưng hô với các gia tướng, gia thân, gia nô cũng bình dị và thân mật gần gũi hơn. Ngay với Trương Hán Siêu là người trẻ tuổi nhất trong đám gia thân, trước Quốc công vẫn gọi bằng “ngươi”, nay ngài đều gọi bằng “ông” hoặc gọi chung họ là “các ông”.

Mỗi người bê một bát rồi uống theo vị chủ tướng. Mùi rượu thơm làm ấm cả khoang thuyền. Các tướng đặt bát rượu xuống khay rồi cùng hô:

- Tạ ơn Quốc công cho uống rượu ngon.

Về thân tình, Hưng Đạo nói:

- Một bát rượu bỏ bèn gì, nếu nói rằng ơn thì ta phải ơn các ông nhiều lắm.

Các tướng ngược nhìn Hưng Đạo với vẻ ngạc nhiên. Quốc công chậm rãi:

- Ta nhớ trận kháng giặc ở Nội Bàng năm trước, thấy thế giặc lớn khó bề cản nổi, ta cho lui quân theo hai đường thủy bộ, lấy hậu quân làm tiền quân. Ta vừa cản giặc vừa lui dần từng bước cho hậu quân rút được nhanh hơn, an toàn hơn. Bữa ấy ta có dặn Yết Kiêu giữ một lá thuyền với vài chục tay chèo khô chờ ta ở Bãi Tân. Khi thấy quân lui đã xa mà trời cũng đã về chiều, ta bèn lên ngựa cùng Đă

Tượng phi nước đại ra phía bờ sông. Ta biết đằng sau giặc đang truy đuổi. Đến bờ sông, nhìn thượng lưu, hạ lưu không thấy một bóng thuyền. Ta đã toan cùng Dã Tượng lội sông. Dã Tượng liền can: “Nếu Yết Kiêu chưa đón được chủ tướng tất không chịu dời thuyền”. Ta đi thêm mấy dặm nữa đến Bãi Tân là nơi hẹn đón, ngựa vừa dừng thì quả nhiên một lá thuyền từ trong lau lách băng ra áp bên. Ta xuống thuyền mà lòng xiết bao cảm động. Nhìn Yết Kiêu tự nhiên ta bật ra lời nói mà đến bây giờ ta vẫn còn nhớ, chẳng biết Yết Kiêu, Dã Tượng, hai tướng có nhớ?

Yết Kiêu mặt đỏ lên vì ngượng. Dã Tượng vội đỡ lời:

- Bẩm vương, lũ thần xuất thân hèn mọn được vương nuôi dạy cho thành người, lại cho theo hầu dưới trướng, trong lúc thế giặc đang cường, gian nguy khôn xiết kể, lũ thần chỉ có một chút công mọn, vương đã vội khen khiến lũ thần cảm động đến ứa nước mắt. Lời nói của vương như lời sông núi đáng chép ghi vào sử xanh, lũ thần sao dám quên được.

- Lời ta nói bữa đó bật ra từ gan ruột bởi cảm kích trước tấm lòng trung dũng của các người, chứ ta đâu có mong điều mình nói ra là để lưu sử sách. Giả dụ cuộc chống giặc đã năm trước, ta vì nhu nhược không giữ được nước, thì lời nói kia dù có chân thực đời sau cũng chê, cũng cho đó là sự khoa trương, bẻm mép mà thôi.

Cuộc mạn đàm đang hồi sôi nổi thuyền lại sắp tới ngã ba sông - ngã ba Dương Nham, ở đoạn trên viên lái thuyền tự rõ vì biết Quốc công đi khảo xét miền Bạch Đằng và Vân Đồn, nhưng ngã ba này có hai ngã rẽ vào sông Bạch Đằng. Một nẻo qua sông Giá, nẻo kia qua sông Đá Bạc, không hiểu chủ tướng muốn đi đường nào nên người lái thuyền cúi thấp đầu nói vào trong khoang:

- Bẩm Quốc công, ngài đi nẻo sông Giá hay sông Đá Bạc ạ?

- Vào sông Giá! - Hưng Đạo đáp.

Đoạn ông quay ra nói với các tướng: Chuyến đi này ta muốn khảo sát thật kỹ đoạn sông Rừng ^[10] với các chi lưu của nó như sông Giá, sông Đá Bạc, sông Chanh, sông Rút, sông Đông Kênh và cả các ghềnh đá ngầm dưới lòng sông cùng dãy núi Tràng Kênh kể đó. Lại phải xem xét cả độ nông sâu của từng đoạn lúc nước thường cũng như khi nước cường, khi nước rặc. Ta cũng muốn khảo lại trận năm Mậu Tuất (938) Ngô Vương đã đóng cọc lim vót nhọn đầu bịt sắt ở cửa sông để lừa giặc, đánh tan cả một đoàn chiến thuyền hùng hậu của quân Nam Hán, bắt sống thái tử Lưu Hoảng Tháo và chém đầu nó để khích lệ ba quân.

Lại nữa năm Tân tị (981) hoàng đế Lê Hoàn đánh tan chiến thuyền của quân xâm lược nhà đại Tống cũng bằng thuật đóng cọc lim lừa giặc.

Vậy phải xem xét hơn ba trăm năm trước hai bậc anh hùng đó lập trận địa cọc ở những quãng nào, còn bây giờ giả dụ có dùng lại mưu của các bậc tiền nhân thì dùng thế nào cho đắc cách khiến giặc đã vào là không có đường ra.

Nhìn các gia tướng, gia thần như có ý khích lệ họ, Hưng Đạo vuốt chòm râu dài trước ngực, ngài vuốt tới hai ba lần rồi nói:

- Nước ta nhỏ nằm bên cạnh nước lớn, nên trời ban cho địa thế hiểm trở để thủ hiểm mà giữ nước. Nếu khéo lợi dụng được địa

thể, ta có thể nhân sức quân lên được nhiều lần. Vậy theo ý các ông nên thế nào?

Phạm Ngũ Lão bèn lên tiếng:

- Bẩm Quốc công, cứ như việc hội bàn ở Thăng Long thì ý Quốc công và chư tướng đều thiên về sự nếu lần này giặc Nguyên có sang nữa, ắt chúng không bỏ qua đường biển. Và cuộc đi khảo sát này của Quốc công chắc không nằm ngoài kế sách chặn giặc. Tiều tướng trộm nghĩ, lực lượng thủy binh của ta có quân số đông, thuyền bè nhiều, luôn được tập tành lại vừa lập công lớn trong công cuộc kháng Nguyên năm Ất Dậu, tuy vậy xin Quốc công cho quân thủy tập dượt thật quen thạo các hải trình, chỉ ít từ châu Vĩnh An tức từ Mũi Ngọc Sơn^[11] vào Tháp Sơn^[12] tới cửa Đại An, nhưng lấy vùng cửa Đồi, sông Mang, Vân Đồn, cửa Lục, cửa Bạch Đằng làm trọng tâm tập luyện.

Trương Hán Siêu chợt thấy thuyền đi vào chỗ khuất, nhìn qua hai bên song cửa khoang thuyền chỉ thuần một màu đen kịt, ông vội bước ra khỏi khoang đi về phía mũi thuyền quan sát; hóa ra một bên thì vách núi một bên thì rừng cây che khuất, lúc này trăng đã xế về tây, phía đông ngôi sao Mai đang độc chiếm một vùng trời và giữa trời là ngôi sao Vượt, còn các sao khác đều lặn hết. Nhìn tình tượng ông đoán lúc này vào khoảng cuối canh tư đầu canh năm^[13].

Trong khoang thuyền các tướng vẫn bàn bạc sôi nổi, nhưng không ngoài cái ý mà Phạm Ngũ Lão đã xướng xuất.

Khi mọi người đã vãn ý, Hưng Đạo liền nói:

- Nước ta vừa nhỏ lại vừa ở vào thế yếu, nếu không ta đã học cách của Lý Thường Kiệt để giành thế thượng phong là hay nhất. Tuy nhiên, muốn được nước địch coi trọng, nước ta phải giàu, binh ta phải mạnh, giặc vào phải đánh cho chúng những đòn kinh hoàng khiến chúng phải mang nỗi nhục tới muôn sau, họa may mới làm cho chúng và con cháu chúng nỗi khiếp sợ truyền đời.

Hưng Đạo ngừng lời, ông ngồi bó gối nhìn ra ngoài trời mờ sương với vẻ suy tư dăm dăm.

Bổng Ngô Sĩ Thường lên tiếng:

- Bẩm Quốc công, trận kháng Nguyên năm Ất Dậu mới đây, ta vừa giết vừa bắt sống hơn chục vạn quân giặc, chém đầu và bắt sống hàng trăm tướng giặc, thái tử nhà đại Nguyên được vua cha phong làm Trần Nam vương sai lĩnh chức tổng binh, đã phải tháo chạy chui lủi trong chiếc rọ tre bọc đồng lá bên ngoài để tránh tên đạn cho lính kéo lê trên mặt đất như thân một con chó. Đòi làm tướng thua như thế, chạy như thế tướng không còn nỗi nhục nào hơn thế, không còn nỗi sợ nào hơn thế. Đây là nỗi đau và nỗi nhục không gì gột rửa được của thiên triều. Sử xanh thiên triều sẽ chép ghi việc này thế nào đây. Bẩm Quốc công, việc đã đến như thế, giặc Bắc chắc không còn mặt mũi nào mà dám vào đất ta nữa, sao Quốc công còn phải băn khoăn.

Nghe Ngô Sĩ Thường nói, Hưng Đạo ve vuốt chòm râu, đoạn ông mỉm cười đáp:

- Ngô Sĩ Thường nói điều đó là thuộc về đạo lý. Đạo lý chỉ có thể nói được với kẻ sĩ có nhân cách và những người có lương tri,

người biết liêm sỉ, biết tri chi tri túc, tức là những người lương thiện. Ông có biết những cái đức ấy là rất xa lạ thậm chí là thứ rất xa xỉ đối với những kẻ cường quyền, những kẻ bá quyền cậy mình là vua của nước lớn. Lũ người này không bao giờ quan tâm đến đạo đức hoặc đạo lý, các ông nhớ giùm ta điều đó kéo mất đầu hoặc mất nước với chúng lúc nào không biết. Còn sử xanh nước Tống, nước Nguyên ghi việc họ bại trận thế nào có nhẽ sử quan Lê Văn Hưu biết hơn ta. Tiếc rằng Lê Văn Hưu không có mặt ở đây. Vậy ai có thể nói giúp ta việc này?

Trương Hán Siêu vừa vào ngôi cạnh Phạm Lãm nghe được cả lời tâu của Ngô Sĩ Thường và lời hỏi của Hưng Đạo, nhưng mọi người vẫn im lặng. Chợt Phạm Lãm khẽ nói với Trương:

- Ông biết sao không bẩm để mọi người chờ ngóng.

Được khích lệ, Trương Hán Siêu bèn nói:

- Bẩm Quốc công, thưa chur liệt vị, trận quân Mông Cổ bị bại năm Đinh Tỵ (1257) và trận quân Nguyên đại bại năm Ất Dậu (1285) mới đây không biết Nguyên sử sẽ ghi như thế nào, chứ như cuộc xâm lăng của nhà Tống khởi từ tháng mười một năm Ất Mão (1075) đến tháng hai năm Đinh Tỵ (1077) kéo dài mười lăm tháng thì sách *Tục tư trị thông giám trường biên* của Lý Đào thuộc Tống sử ghi lời biểu mừng vua Tống Thần tông: “*Đã dẹp yên An Nam và đã lấy được đất Quảng Nguyên*”. Bẩm, cuộc chiến đó Lý Thường Kiệt đã hãm quân Tống ở bờ bắc sông Như Nguyệt tới cả năm trời, quân Tống mười phần đã bị diệt tới sáu, bảy phần, lương thảo cũng sắp cạn kiệt mà viện binh và tiếp lương đều không có. Tình thế ấy chỉ cần Lý Thường Kiệt ra tay một trận là quét sạch quân Tống, thế nhưng Ý Lan thái hậu và Lý Nhân tông vốn hiếu hòa nên cho quân Tống giảng hòa, cho rút quân để thiên triều đỡ bề mặt. Vậy mà Tống sử còn ghi như thế.

Tuy nhiên theo *Nhị Trình di thư*, tức là sách của hai ông họ Trình là Trình Di và Trình Hạo đời Tống chép về cuộc chiến ấy như sau: “*Tám vạn phu vận lương và mười một vạn chiến binh chết vì lam chướng. Còn được hai vạn tám nghìn người sống sót trở về mà trong đó còn bị ốm nhiều. Nếu kể cả số trước bị địch giết thêm mấy vạn, cả thấy không dưới ba mươi vạn*”.

Trương Hán Siêu ngược nhìn Hưng Đạo rồi tiếp:

- Bẩm, cho dù *Nhị Trình di thư* có nói lên sự thật, nhưng vẫn giữ cái thói bung bít và sĩ diện nước lớn. Quân Tống vào cõi ta mười lăm vạn, bị quân ta tiêu diệt mười một vạn là đúng sự thật, nhưng hai nhà Trình kia lại đổ cho sự chết ấy là vì lam chướng, thật nực cười. Đúng là... giấu đầu hở đuôi!

Nghe Trương Hán Siêu nói xong, Trần Hưng Đạo vuốt râu cười hà hà. Một lát ông nói:

- Cứ theo cái đà này, ta cam đoan với các ông, trận thua đau năm Ất Dậu mới đây Nguyên sử sẽ chép đại ý: “... *Đại quân thiên triều đánh dẹp, người Giao Chỉ không chống đỡ nổi phải xin hàng. Trần Nam vương yên ủi dân họ, thi ân đức của thiên tử khiến họ cảm ân nghĩa mà xin nộp phụ. Vì vậy Trần Nam vương bèn đem quân về nước*”...

Nói xong Hưng Đạo lại vuốt râu cười. Các gia tướng, gia thần cùng cười vui vẻ. Nhìn ngoài trời đã hưng hừng sáng, Hưng Đạo hỏi các tướng:

- Thuyền ta đang ở quãng nào đây?

Yết Kiêu liền nói:

- Bẩm đức ông, ta đang ở địa đầu xã Trúc Động a.

- Ta nghe trời sắp sáng rồi, cho thuyền vào trú trong Trúc Động, sai lấy một số thuyền nhỏ giả làm thuyền câu, thuyền chài lưới rồi chia người đi khảo các nơi như ta đã nói. Mấy ngày lưu lại đây phải khảo thật kỹ các địa thế có thể dụng binh, kể cả thủy triều trong các mùa, lưu ý kỹ hai mùa đông và mùa xuân. Nhưng ta dặn các ông, mọi việc phải hết sức kín nhem, ngay trong quân ai không có trách phận cũng không được biết. Các ông nên nhớ, đây là việc quan yếu bậc nhất vì vậy đích thân ta phải đi khảo sát. Giặc Bắc quỷ quyết, ta ^[14] mất chúng giăng mắc khắp nơi, đề phòng cẩn mật đến mấy cũng không thừa. Ta nhớ, sinh thời đức Trung vũ đại vương thường căn dặn: *“Nghiệp làm tướng dù trong thời bình vẫn phải xem như giặc sắp tới biên thù, và phải luôn ngó dòm ngay trong quân doanh của mình liệu đã đủ ngăn được tai mắt giặc chưa”*.

Suốt năm, sáu ngày Hưng Đạo cùng các gia tướng đi khảo sát rồi ghi chép và họa đồ không thiếu một chỗ nào từ bến bãi, rừng cây, núi đá, đồi gò, hang hốc, đá ngầm, vật cản xung quanh mấy con sông tiếp giáp với sông Rừng kể cả dãy núi Tràng Kênh và cửa sông Rừng. Hưng Đạo lại cho người đi hỏi các người cao tuổi trong vùng nhất là dân chài thông thạo về con nước và mớn nước của sông Rừng qua các tháng trong năm, kể cả những năm thời tiết thất thường. Nửa đêm thuyền lại xuôi về Cửa Lục, Hưng Đạo ở đó xem xét cả trên bờ, dưới biển thêm hai ngày nữa rồi cho thuyền xuôi Vân Đồn.

Một dải từ Bạch Đằng, Cửa Lục đến Cửa Suốt ^[15] trong đó có vịnh Hạ Long, Bái Tử Long mệnh mông núi và nước. Nhấp nhô tới cả vạn trái núi đá, trên đó cây cối mọc rậm rạp như rừng thật là một bức tranh vĩ đại và kỳ thú được tạo hóa ban cho người mình. Sự xen kẽ giữa núi và nước tạo thành thế hiểm trở khôn lường. Ngoại bang vào vịnh này như lạc vào một trận đồ bát quái khó tìm được lối ra, ấy là chưa nói những dải đá ngầm và những trái núi đột ngột hiện ra chắn mất đường thuyền đi hoặc những dãy núi đá chạy dài nom như một bức trường thành hùng vĩ. Cả một khu vực phòng thủ trọng yếu này Quốc công tiết chế trao cho con trai mình là Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tăng quản nhiệm và có sự hỗ trợ của Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư. Còn từ Vân Đồn ra mũi Sa Vĩ tới mũi Ngọc Sơn thuộc châu Vạn Ninh giáp với nước Nguyên (nước Trung Hoa bị người Mông Cổ đô hộ cải tên nước là Đại Nguyên) hoặc xuôi về phía nam qua Cửa Đại Bàng ^[16] tới vùng Tháp Sơn kéo tới cửa Đại An ^[17] thuộc quyền phó tướng Trần Khánh Dư cai quản.

Đêm yên tĩnh, thuyền đi trên mặt nước lao xao sóng làm ánh trăng vỡ vụn như vãi ra muôn ngàn vẩy bạc trắng lóa. Thịnh thoảng chạm phải một đàn cá bướm, chúng bốc bay là là trên mặt sóng nom như một chiếc phen bạc kéo một vệt dài tới cả chục sải tay.

Chừng quá nửa đêm, thuyền vào tới vùng thương cảng. Bến bãi vắng hoe, không một bóng cờ ngoại quốc, trên bờ phoá xá im lìm, bốn bề chỉ nghe tiếng biển thì thầm, Quốc công khẽ nói với mọi người:

- Đúng như Nhân Huệ vương đã tâu báo về triều rằng quân Nguyên đánh phá khắp nơi, tàu buôn các nước không qua lại vùng

biển này nữa. Về phần nước ta vì đề phòng giặc trà trộn hoặc cắm cái gián điệp, nên cũng dồn hết người nước ngoài vào buôn bán trong đất liền. Người các nước xin hỏi hương hết, duy có người Tống xin ở lại. Bởi họ ở lại đất ta còn được coi là dân di trú, chứ về nước sẽ là dân nô lệ cho người Mông Cổ. Quốc công chép miệng thờ dài - Đúng là thời thế đổi thay đến chóng mặt. Mới đó còn là nhà đại Tống, còn là thiên tử với thiên triều Trung Hoa, thoát đã trở thành nước đại Nguyên do người Mông Cổ cai trị.

Qua thương cảng, thuyền đi sâu vào trong vịnh đảo chừng mười dặm nữa thì tới khu vực địa đầu quân cảng. Từ đây cứ hai dặm rồi một dặm lại có một vọng gác, kiểm soát rất nghiêm ngặt.

Dù luôn bị kiểm soát ngặt nghèo, nhưng Quốc công không lấy đó làm phiền và cũng không cho phép hạ cấp tiết lộ danh tính để được quyền miễn trừ kiểm soát.

Quan sát các trạm kiểm soát và các quân canh làm việc tại các trạm đều giống hệt nhau không một mảy may lơ là sai sót, Hưng Đạo thầm khen: “Nhân Huệ vương quả là một tướng giỏi, dạy quân đúng phép tắc”.

Cách đại bản doanh của thượng tướng Trần Khánh Dư chừng một dặm, quân canh ngăn thuyền Quốc công lại rồi cho người đem giấy vào bẩm trình.

Vừa liếc qua mặt danh của Hưng Đạo, Nhân Huệ vương không kịp thất đại áo và đội mũ, ông chạy một mạch tới nơi chiếc thuyền áp bến trước trạm quân. Vừa nhảy lên sập thuyền, ông vừa chấp hai tay vái, miệng nói:

- Tiểu tướng thất lễ, xin Quốc công tha tội.

Hưng Đạo từ trong khoang thuyền bước ra vái đáp lễ thượng tướng và nói:

- Ta có nhời khen thượng tướng cất đặt các trạm quân canh vừa hợp lý vừa nghiêm cẩn, nhưng cái đáng nói là ông dạy quân có kỷ luật cao đấy.

- Tạ ơn Quốc công rộng lượng.

Đoạn ông quay nói với viên lái thuyền:

- Người cho thuyền đi thẳng vào đại bản doanh.

Về hơi lúng túng, Trần Khánh Dư tiếp:

- Bẩm, Quốc công đi kinh dinh miền biển đảo, sao không cho hạ cấp biết để còn kịp cung nghinh.

- Ta đi bắt chợt. Và lại hiện nay làm việc gì cũng phải khẩn cấp và kín nhem như giặc sắp vào cũi. Vì đi bắt chợt ta mới được biết về tính cương kỷ mà ông đã truyền dạy cho cấp dưới, cho binh sĩ như ta đã thấy, từ đó ta mới an tâm. Thôi được, thời gian không có nhiều đâu, lát nữa ta sẽ bàn kỹ với ông.

- Bẩm vâng.

Vào tới đại bản doanh cũng vừa lúc trời sáng bạch. Núi non, biển đảo cứ hiện dần lên tường như những ngọn núi kia vừa đội nước vừa rẽ sương mà mọc lên chứ không phải tạo hóa đã bày xếp từ thuở hồng hoang. Nhìn cảnh vật vừa quen vừa lạ, Hưng Đạo thấy lòng thơ thối liền hỏi:

- Thượng tướng ở đây thật chẳng khác cảnh bồng lai. Vậy chứ ông có làm thơ?

Trần Khánh Dư mỉm cười đáp:

- Bẩm, ở nước ta người không biết chữ còn làm thơ huống chi là hạ cấp. Nhưng thơ làm để người đời nay đọc được đã khó, lại người đời sau vẫn còn muốn đọc thời muôn khó. Việc đó kẻ làm tướng đâu dám mơ tưởng. Tuy vậy đôi khi trước cảnh đẹp không làm thơ thấy cũng tui cho kẻ có học hành chữ nghĩa, nên cầm bút viết loáng thoáng đôi ba vần. Đọc lại, thấy tui cho cảnh đẹp đường kia mà bị vùi chôn trong thứ ngôn ngữ quê mùa nên hạ cấp phải vội đốt nó đi chứ không có gan lưu giữ để làm khổ thiên hạ.

Trần Hưng Đạo bật ra tiếng cười thật là sáng khoái, đoạn nhìn thẳng vào Trần Khánh Dư, ông nói:

- Với cái giọng vừa khôi hài vừa hóm hỉnh, ta chắc ông có thơ hay. Nào ông cho khai vị vài bài cùng với cuộc thưởng trà sớm nay chứ?

Vừa lúc đó quân hầu đã khép nép mời các đại nhân vào nhà tân khách dùng trà.

Chưa xong tuần trà, Nhân Huệ vương đã nói:

- Bẩm Quốc công, hạ cấp cho quân thám trà trộn vào đất Nguyên... đang định nói tiếp thì Khánh Dư chợt dừng lại. Đường như ông cảm thấy tâu báo việc cơ mật mà ở chỗ đông người thế này e không tiện.

Biết ý, Hưng Đạo liền nói:

- Thượng tướng cứ cho nghe, đây thuần tướng lĩnh và mưu sĩ tâm phúc của ta cả, họ cần được biết những gì thân thiết được từ phía giặc thì mới bày cho ta mưu lược phá giặc được.

Cảnh thần tiên gợi nguồn thi hứng, tường như chủ khách sẽ có cuộc xướng họa. Vậy mà nàng thơ không có chỗ chen chân trước cảnh giặc ngoài đang hung hăng đe dọa.

Được nhờ, Trần Khánh Dư liền nói:

- Bẩm, “quân đánh cá” của ta được những người bạn chài bên kia cho biết, Hồ Quảng ^[18] được lệnh đóng ba trăm chiến thuyền, công trường đang làm việc thâu ngày đêm. Dạ bẩm quân mới đưa tin về hôm qua, hạ cấp định ngày mai sẽ về Vạn Kiếp tâu báo đề quốc công biết giặc đang trù liệu đánh ta. Vậy là không nằm ngoài dự liệu của quốc công rằng: “Lần này đánh ta ắt giặc sẽ dùng quân thủy

phối cùng quân bộ, quân kỵ...”.

Trần Hưng Đạo trầm ngâm một lát, lại hỏi:

- Vậy chớ còn nguồn tin nào khả dĩ nữa tướng quân cho nghe. Sự thực từ đầu năm, ông đã được tin Hốt-tát-liệt dụ cho hành tỉnh “*Hồ Quảng phải gấp rút đóng ba trăm chiến thuyền đi biển để sắp tới đánh Giao Chỉ*”. Hưng Đạo đang cho ngoại gián phải gấp rút gửi mọi loại tin tức thuộc ý đồ xâm lăng nước ta của Hốt-tát-liệt để còn trừ liệu việc kinh chống.

Nghe Quốc công hỏi, Trần Khánh Dư với tính bén nhạy của nghề làm tướng, ông tự biết cái tin quan trọng ông vừa bẩm với Hưng Đạo chắc không phải là tin quan trọng nữa. Vì vậy Khánh Dư liền đáp:

- Bẩm Quốc công, hạ cấp không được phép đặt ngoại gián trên đất Nguyên, nhưng vẫn phải biết họ chuẩn bị quân thủy ra sao, nhất là các tỉnh ven biển như Quảng Đông, Phúc Kiến. Vì vậy người của mình làm nghề chài lưới, hằng ngày đem cá vào sâu trong nội địa họ bán rồi thu lượm và mua tin tức từ dân họ, lọc ra đôi khi cũng được nhiều tin có ích.

- Phải! Tướng quân làm như thế là phải. Phép làm tướng đánh giặc phải biết mưu giặc từ khi nó chưa xuất quân, phải biết sức mạnh của quân nó như thế nào, cái gì là sở trường, sở đoản của nó. Lại nữa, cũng cần biết mình phải đối đầu với những viên tướng nào của giặc. Hơn hết là phải biết tinh thần chiến đấu của binh lính giặc, chúng cương dũng hay nhất hèn để ta còn tìm cách khoét vào chỗ yếu của nó.

- Bẩm vâng! Trần Khánh Dư biết Hưng Đạo nói về trách phận người làm tướng, kỳ thực Quốc công còn có ý răn ta. Đoạn ông nhìn Hưng Đạo với hàm ý biết ơn rồi thông thả nói: - Bẩm, hạ cấp cũng nghe nói trong quân Nguyên bây giờ pha trộn giữa người Mông Cổ và người Hán. Bảy tám phần người Hán mới có hai ba phần người Mông Cổ. Quân ở phía bắc họ gọi là quân người Hán, quân phía nam họ gọi là quân tân phụ. Lĩnh Mông Cổ kiêu ngạo khinh miệt người bản xứ, nếu chúng khinh binh lính người Hán bảy phần thì khinh quân tân phụ mười phần. Và rồi lính đánh thuê người bản xứ cũng lục đục, quân phương bắc khinh quân phương nam ấu dả nhau loạn xạ. Dạ bẩm nếu Hốt-tát-liệt lại xua quân tái xâm ta lần nữa, xin hoàng thượng và Quốc công cho phát lời hịch nói rõ để đám quân người Trung Hoa biết họ chỉ là kẻ nô lệ, là quân tốt thí của người Mông Cổ, hãy quay giáo lại hợp lực với quân Đại Việt đánh đuổi kẻ thù chung của hai dân tộc.

- Hay! Hay lắm! Quả ông là bậc trí tướng. Hưng Đạo khen. Nếu lần này giặc Bắc lại sang, tất phải dùng kế của ông để đánh vào lòng tự tôn dân tộc của người Trung Hoa.

Liếc nhìn sang gian bên thấy quân hầu đã dọn sẵn đồ ăn, Nhân Huệ vương bèn mời Hưng Đạo qua dùng bữa sáng.

Một chiếc mâm đồng sáng loáng trên bày các thức ăn trân quý của biển, cạnh đó chỉ có một chiếc bát, một đôi đũa, một chiếc chén và một nậm rượu. Thượng tướng Trần Khánh Dư cung kính mời Hưng Đạo vào mâm.

Các mâm khác mâm nào cũng bày bốn chiếc bát, bốn đôi đũa.

Chỉ vào mâm cơm, Hưng Đạo cười và nói vui:

- Chủ nhân cho ta là người ăn khỏe như Lê Phụng Hiểu ^[19] sao mà dành riêng cho ta một mâm. Nói xong ông kéo Trần Khánh Dư, Yết Kiêu, Trương Hán Siêu cùng ngồi. Lại gắp rượu lên ông nói: - Ăn xong còn bàn nhiều việc, rượu dành cho bữa tối.

Mọi người vui vẻ vừa ăn vừa nói chuyện râm ran. Cơm nước vừa xong, Hưng Đạo liền bảo:

- Ta muốn xem việc ông bố phòng quân thủy trong vùng biển đảo Vân Đồn suốt từ đây ra tới sông Mang, Cửa Đồi. Sau đó ông sẽ đi cùng ta ra ngoài Vạn Ninh. Đúng rồi, ra miền địa đầu của đất nước chính là bãi Sa Vĩ và mũi Ngọc Sơn đó, khi quay về đi thẳng ra vùng Tháp Sơn.

Các tướng đưa mắt nhìn nhau lại nhìn về phía Trần Khánh Dư.

Biết ý mọi người, Khánh Dư lên tiếng:

- Bẩm, Quốc công đi kiểm xét các vùng trong nội địa, lũ hạ cấp chẳng dám tham bàn, nhưng ra vùng địa đầu biên hải thì thật không nên. Giặc Bắc có thể đánh sang ta bất cứ lúc nào. Hốt-tất-liệt là kẻ tàn bạo, còn lũ tay sai người Hán lại quỷ quyệt khôn lường, tai mắt chúng giăng mắc mọi nơi, Quốc công cần phải bảo trọng. Hạ cấp có thể bảm báo bất cứ điều gì Quốc công muốn biết trong địa bàn từ Vân Đồn đến Vạn Ninh. Dạ, cả bờ biển phía bên kia do quân Nguyên kiểm soát, hạ cấp cũng thuộc nằm lòng. Bẩm, chẳng là từ năm Mậu Dần (1278) về trước, nhà Tống chưa bị người Mông Cổ tiêu diệt, phía nam thủy của họ dường như bỏ ngõ, vì vậy hạ cấp có qua lại xem xét nhiều lần, lại cho họa bản đồ phòng khi dùng đến.

Gương mặt Trần Hưng Đạo tươi hẳn lên, vớ vớ hải lòng, ông vừa vuốt vuốt chòm râu dài vừa nói:

- Thượng tướng quả là người biết lo xa, phòng bão lụt ngay từ lúc trời còn hanh heo. Thôi được, ta nghe lời can của các ông. Bữa nay ta muốn tướng quân dẫn ta đi xem các nơi mà ông định bố phòng để chặn đánh giặc Bắc nếu như chúng tiến vào cõi ta bằng đường thủy.

Trước khi xuống thuyền, Hưng Đạo đảo mắt nhìn bao quát quanh khu vực đại bản doanh của Trần Khánh Dư. Có tới cả trăm chiến thuyền lớn nhỏ neo đậu quanh khu vực bến bãi, nhưng ở ngoài nhìn vào hẳn không thấy gì hết, vì phía trước có dãy núi nằm ngang như một con hổ khổng lồ phủ phục làm bình phong án ngữ. Luồng lạch vào ra rộng rãi tới mức vài chục con thuyền dàn hàng ngang xem ra còn lọt thỏm. Màu nước xanh sẫm. Chỉ nhìn màu nước, vị tướng già có thể đoán được mực nước sâu nông. Và lại thủy chế vùng này ông thuộc nằm lòng. Luồng lạch của cảng này ông mới cho đo trước năm Ất Dậu, tức là trước khi giặc Nguyên xâm phạm nước

ta. Nếu ông nhớ không nhầm thì khi nước xuống kiệt, lạch vẫn còn sâu tới mười lăm mười bảy sải tay ^[20] và khi triều cường vào các tháng bảy, tám sâu tới ba mươi lăm ba mươi bảy sải nước, thuyền chiến thuyền lương không loại nào không vào ra được, quanh năm không bao giờ mớn nước xuống dưới mười lăm sải tay. Lạch vào, lạch ra đều được che chắn một bên là bờ, là những dãy núi chạy song hành với biển phủ kín rừng già, còn một bên là những dãy núi đứt nối cắm sâu vào lòng biển tạo cho lạch một cái thế như một dòng sông chạy giữa hai

bức tường thành; phía trong dùng làm căng lại phình to ra và sâu hẳn xuống vừa tiện cho việc tập trung tới mấy chục hải đoàn để luyện tập, lại vừa là nơi trú bão an toàn, kín đáo. Nhìn biển, tựa núi quả đây có cái thế chiến lược vô cùng lợi hại, nếu biết tận dụng, nơi đây có thể nhân sức quân lên tới mười lần. Hưng Đạo thâm phục các vua nhà Lý từ Lý Thái tông, Lý Thánh tông đều là những bậc vua sáng vừa có tài trị nước vừa có tài cầm quân nên đã sớm nhận ra sự lợi hại của địa thế mà đặt quân đồn trú tại đây. Lại như Lý Thường Kiệt quả là một danh tướng bất hủ. Chính ông đã nhìn ra cái thế đất nhất nhân địch vạn này mà sai tướng giỏi trấn giữ ở đây và hãm tướng Tống là Dương Tùng Tiên với cả hải đoàn hùng hậu của y phải nằm chết cứng ở cửa Tiên Yên chỉ cách đây vài chục dặm. Dương Tùng Tiên đã dốc sức quyết chiến tới hơn chục trận trước cửa ải này không trận nào không bị thua, trận sau thua đau hơn trận trước. Sau đó y phải cố thủ ở Tiên Yên chứ không dám xuất quân đi nữa bước. Trong khi đó hai tướng Quách Quỳ, Triệu Tiết đổ mắt ngóng trông quân thủy vào tiếp ứng để có phương tiện vượt qua bờ nam sông Như Nguyệt.

Lý Thường Kiệt không cho quân Tống đặt chân lên bờ nam và đánh tiêu hao, tiêu diệt chúng chết tới sáu, bảy phần khiến tướng giặc phải nhận bàn hòa và xin rút quân về nước. Điều nực cười là Dương Tùng Tiên không biết chiến tranh đã kết thúc, sau triều Tống phải cho người đi gọi y mới biết mà lùi về.

Liếc nhìn vọng hải đài đặt trên đỉnh núi cao chênh vênh phía bắc kia ngày đêm đang dõi nhìn động tĩnh từ ngoài biển, lại cũng đặt trên nền cũ đã có từ thời Lý, mới hay các đời về sau không đời nào dám lơ là việc canh chừng phương Bắc. Trần Hưng Đạo cảm thấy hải lòng, ông quay hỏi Trần Khánh Dư:

- Ông vẫn sai quân đo thủy chế hằng ngày chứ?

- Bẩm đức ông, hạ cấp sao dám lơ là việc ấy. Đôi khi quân vừa cập nhật sổ sách xong, hạ cấp lại sai đo lại để kiểm tra ngay. Bởi vậy, quân chúng chấp hành rất nghiêm cẩn, đại vương muốn coi sổ sách lúc nào cũng được.

Vội về hải lòng, Trần Hưng Đạo gật đầu rồi bước xuống thuyền. Mọi người xuống theo. Trần Khánh Dư cùng đi với Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương nhưng ông cho thêm hai thuyền đi hộ tống.

Khi thuyền đi tới gần cuối đảo, nơi có cánh bãi trải dài, Hưng Đạo nhìn thấy lác đác tới vài chục người dân cầm cúi đào xới trên bãi cát, trên đầu mỗi người đều đội một chiếc nón lá cúp đến ngang vai, khác với nón của đám sơn trang hoặc nông phu người Tàu thường đội. Ông quay hỏi Trần Khánh Dư:

- Những người đang cầm cúi đào xới kia họ tìm kiếm cái gì vậy?

- Bẩm họ xới cát để bắt giun biển đấy ạ.

- Loại này có dễ bắt và có làm thức ăn được không?

- Dạ, loại này bắt dễ lắm ạ. Chỉ cần trông thấy cái “mà” nó đùn lên, người ta dùng chiếc mai gỗ nhỏ bằng ba đầu ngón tay xới xuống cát rồi bẩy lên là bắt được. Bẩm đây là loại thức ăn rất bổ, chắc Quốc công biết ở Thăng Long gọi con này là bông thừa.

- Bông thùa thì ta biết, nó to và dài gần bằng chiếc đũa ăn cơm, màu trắng như thịt cá mực.
- Bả, chính là bông thùa đấy ạ. Vùng này trước còn có ngư dân người Tống, họ gọi con đó là con sái sùng.
- Tiếng Quảng Tây?
- Bả, đúng thế.

Hung Đạo lại chỉ tay về phía những người dân đang cầm cúi đào bông thùa và hỏi:

- Có phải những chiếc nón họ đang đội kia là nón “Ma Lô” do ông nghĩ ra và bắt dân trong vùng phải đội không. Vì sao vậy?
- Bả, chắc Quốc công nghe nhiều chuyện đồn và phiền lòng về hạ cấp lắm phải không ạ?

Chẳng là trước cuộc xâm lăng năm Ất Dậu của người Nguyên thì vùng này người Tàu làm ruộng, đánh cá với người Tàu buôn bán chiếm hơn phân nửa dân số. Mà người Tàu với người mình nom đã hao hao nhau rồi, nay lại đến quần áo, nón mũ giống nhau nữa thì khó phân biệt quá. Vì vậy hạ cấp mới bắt mọi người trong trang Vân Đồn hề là người Việt phải mặc y phục Việt, còn người Tàu mặc theo y phục Tàu. Sợ trong lúc vội vàng khó phân biệt, nên hạ cấp bắt hề là người Việt, phải đội nón Ma Lô. Bởi chiếc nón Ma Lô gọn nhẹ, sâu lòng thoáng nhìn đã biết đó là người mình. Và lại trong chiến tranh chỉ những người cùng nòi giống mới thương nhau, mới tin cậy mà sai bảo hoặc nhờ vả. Hạ cấp qua trải nghiệm đã biết vì sao họ ở đất ta tới cả trăm cả ngàn năm rồi mà dân ta vẫn cứ gọi họ là “khách trú”, tức như người ở trọ thôi. Bởi mỗi khi giặc vào cõi ta, họ không bỏ nhà bỏ cửa ra đi như người mình, không “thanh dã” như người mình, mà họ ở lại. Họ ở lại và nếu họ không chỉ điểm cho giặc nơi ta cất giấu lương thực hoặc dẫn đường cho giặc truy đuổi quân ta, chỉ vậy thôi, họ cũng là người cực tốt rồi. Tiếc thay, điều đó lại chưa hề xảy ra. Chắc Quốc công đã chứng kiến năm Ất Dậu, khi Thoát-hoan kéo đại binh vào chiếm Thăng Long thì tất cả các cửa hàng cửa hiệu của đám khách trú phường Hà Khẩu đều mở cửa đón quân Nguyên. Và hằng ngày họ đi mua gom lương thực, thực phẩm về cung cấp cho quân của Thoát-hoan. Quân của Thoát-hoan thì tới già hai phần ba là người đồng hương của họ. Qua các việc sờ sờ trước mắt diễn đi diễn lại từ đời này sang đời khác, khiến người mình không tin dân khách trú là vậy. Vì thế mấy năm trước hạ cấp cho người mình đội nón Ma Lô để dễ phân biệt. Còn bây giờ linh ý của Quốc công phải sửa soạn thuyền bè, luyện tập binh sĩ, phong tỏa bốn mặt để giữ việc binh cho kín nhem. Do đó, hạ cấp đã cho người Tàu từ buôn bán đến làm nghề chài lưới hoặc cày ruộng, hết thầy đều cho họ vào sâu trong đất liền. Người buôn bán thì cho ở nơi chợ búa, phố phường, người cày cấy thì cho ruộng, còn dân chài lưới thì cho sinh sống ven sông nước.

Trần Hưng Đạo gật gật mái đầu bạc trắng và đưa tay ve vuốt chòm râu, đoạn ông nói mà như là ông hỏi vậy:

- Kể cũng lạ, từ đời Tần, Hán đến giờ, cứ hề nước Tàu có loạn là người của họ chạy sang ta tá túc, quan cũng có mà dân cũng có. Người mình cư mang khiến họ được an cư lạc nghiệp, nhiều kẻ giàu có gấp bội người mình, thế mà họ vẫn cứ đứng đưng với đất nước mình thực chẳng khác gì một thứ tâm gửi cứ ra sức hút nhựa mạch cho cây chủ cỗi cằn, khô héo.

Trần Thi Kiến là người tính tình bộc trực, bấy lâu ông vẫn nghe đồn quan Đông hải đô tổng quản là người không được liêm khiết lắm. Ngay nón Ma Lô do ông nghĩ ra để phân biệt người Việt với người Tàu, kỳ thực cũng là chuyện trục lợi cả thôi. Vì vậy dân oán làm

thành ca về. Việc này không biết có mấy phần sự thực. Nghĩ vậy Trần Thi Kiên liền hỏi:

- Bẩm thượng tướng, tôi hỏi có điều gì thất lễ xin thượng tướng bỏ qua, bởi tôi nghe có ai đó tặng ông một bài thơ trong đó có câu: “Vân Đồn kẻ khuyên diệc giai kinh” (Ở Vân Đồn (này) đến gà chó cũng phải sợ (ông)) là ý như thế nào ạ?

Lạ thay, Trần Khánh Dư không những không giận mà còn cười ha hả. Ông đáp:

- Chẳng qua là tôi coi quân, trị dân rất nghiêm. Người có tội thì dù thân thích tôi cũng không tha. Câu thơ vừa qua họ nói cái ý dân Vân Đồn này đều kính sợ tôi thôi chứ có gì đâu. Thế nhưng những người ghét tôi lại bịa đặt vu cho tôi là tham lam vợ vét đến cả gà chó cũng phải kinh hoàng.

Mọi người cười phá lên về bán tín bán nghi và đều nhìn về phía chủ tướng Trần Hưng Đạo như muốn người cho một lời xác quyết.

Trần Hưng Đạo vừa mỉm cười vừa ve vuốt chòm râu dài sợi nào sợi ấy đều sóng như cước, đoạn ông nói:

- Phiêu kỵ thượng tướng quân là một người có học thức, có tài thao lược, xuất thân từ chốn quyền môn nhưng cũng trải gặp ghềnh sóng gió, cả lam lũ nữa, ta chắc vì thế mà tướng quân hiểu mình, hiểu đời, mỗi việc làm đều có cân nhắc. Hoàng thượng sai ông trấn trị vùng này có hai việc tối quan trọng, ấy là chăm dân và giữ nước. Mà chăm dân tức là giữ nước đấy. Có chăm được dân mới giữ được nước. Nếu chẳng may nhất thời bị mất nước vẫn còn có thời cơ đòi lại nước, vì còn dân ắt còn nước. Nhược bằng để mất dân là mất tất cả. Cả nước và cả thân đều nhất đán tiêu vong.

Quốc công tiết chế ngừng lời, ông đưa tầm mắt nhìn ra bao la trời biển, dường như những điều ông vừa nói đã bứt khỏi đầu óc. Chợt vương quay lại nhìn mọi người với ánh mắt triu mến và nói tiếp: - Nước ta giàu và đẹp lắm, núi non biển cả hùng vĩ lắm không phải nước nào cũng có được đâu. Người phương Bắc thèm nhô răng tựa như con vật bị xích chỉ cách miếng mồi trong gang tấc mà không sao đớp được. Từ Tần, Hán, Lương, Đường, Tống tới nay cái dã tâm của người phương Bắc đối với nước ta không những không có gì thay đổi mà sự thèm khát còn khốc liệt hơn, ngay cả người Mông Cổ mới thống trị Trung Hoa như Hốt-tát-liệt cũng lập tức bị lây nhiễm nỗi khát thèm đối với non sông bờ cõi ta. Bởi vậy từ người trí đến kẻ ngu lúc này đều phải coi việc giữ nước làm trọng, mọi cái tư riêng bé mọn đều có thể thu xếp được, chớ để cho việc nhỏ cản đường của việc lớn. - Chắc các ông hiểu ý ta? - Hưng Đạo lại nhìn các tướng và gắng hỏi.

- Bẩm vương, hiểu ạ! - Mọi người đồng thanh đáp.

Suốt ba ngày quân thảo quanh núi non, biển đảo trong vùng vịnh Vân Đồn, vị Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự đã bàn bạc rất kỹ lưỡng với phiêu kỵ thượng tướng Trần Khánh Dư về các giả định mà trận chiến sẽ diễn ra trên vùng biển trọng yếu phía đông này. Có bữa, ban ngày đi xem địa thế, ban đêm Hưng Đạo sai các tướng vẽ sơ đồ dựng lại thế trận mà quân Lý hãm quân Tống trên cái hòng biển này khiến đại cuộc của quân Tống sụp đổ, mưu đồ của Vương An Thạch, Tống Thần tông bị Lý Thường Kiệt đập vỡ tan tành.

Kết thúc công việc ở Vân Đồn, Hưng Đạo sai gióng buồm thẳng ra vùng Tháp Sơn.

Tháp Sơn cũng là vùng núi non biển đảo quan trọng, nhưng không hiểm yếu và mang tính huyết mạch như tuyến Vân Đồn - Bạch Đằng - Lục Đầu giang.

Thăm thú các nơi xong, Quốc công chỉ tay về phía trái núi cao nơi tọa lạc một ngôi chùa và một ngọn tháp chọc trời, ấy là tháp Tường Long, rồi ngài dạy: - Ta lên đó! Lên đó có thể nhìn thế trận rõ hơn. Nói xong ngài xăm xăm đi trước.

Núi cao, đường dốc các tướng đều có vẻ lo ngại vì Quốc công tuổi đã cao, người nọ nhìn người kia ngẫm nhắc bảo nhau phải thận trọng.

Biết ý các tướng, Hưng Đạo liền an ủi:

- Ta vẫn còn đủ sức. Các ông cứ yên tâm. Vả lại nghiệp làm tướng địa hình có quan hệ trọng yếu trong việc hành binh và bày trận, phá trận không thể đại khái, nhìn bằng mắt của người khác được đâu.

Vừa leo dốc vừa ngắm cảnh vừa nói chuyện chẳng mấy chốc cả đoàn đã tới sân chùa.

Thấy tiếng người huyên náo, tiểu tăng liền vào bẩm với đại sư:

- Bạch thầy, con thấy có nhiều khách đang lên chùa.

Hòa thượng đặt cuốn sách đang đọc xuống kỹ quay ra dặn tiểu:

- Con lo trâu, nước nếu khách ghé thăm am bảo thời mời vào nhà phượng trưng, còn như khách chỉ du lãm phía ngoài thời chớ có làm phiền người ta bằng sự mời mọc.

Quốc công đã nhiều lần lên tháp, vật đầu tiên mà ông nhìn thấy nơi chân tháp vẫn là tấm bia đá ghi dòng chữ “Tường Long tháp, Long Thụy thái bình tục niên Lý gia đệ tam đế”. Tên tháp này là do Lý Thánh tông ban tặng khi tháp vừa hoàn tất vào năm Long Thụy thái bình thứ sáu đời vua thứ ba nhà Lý.

Hưng Đạo nhìn tòa tháp mười hai tầng cao sừng sững đã tồn tại hơn hai trăm năm mà vẫn chưa có gì suy chuyển. Chân tháp xây bằng đá đen chạm hoa văn lá đề đường nét vẫn còn sắc gọn tinh tế, thân tháp xây bằng gạch nung, màu đỏ dịu, tháp hình bát giác mỗi mặt có một cửa cuốn tò vò trong bày một tượng Phật, vị chi mười hai tầng có chín mươi sáu tượng Phật cả thấy.

Mọi người lần lượt leo lên đỉnh tháp, từ đây tầm mắt nhìn về mọi hướng đều thông suốt, nhất là trên mặt biển tàu thuyền qua lại thấp thoáng từ rất xa đã nhìn thấy khi nó còn là một chấm nhỏ. Hưng Đạo trầm nghĩ, một sa môn đặc đạo, người cho dựng tháp này phải là một bậc trí tướng siêu phàm bởi tòa tháp này ngoài việc tôn vinh đức Phật tổ chẳng là một vọng hải đài cảnh giới kẻ thù từ xa sao. Cả hai con người đó đều hội đủ ở một Lý Thánh tông, mới hay nhà Lý đã để lại cho đất nước, cho cháu con một cơ ngơi đồ sộ mà nhiều đời sau vẫn còn được thụ hưởng nhưng chưa chắc đã hiểu hết các giá trị.

Quốc công dẫn các gia tướng, gia thần và Khánh Dư vào chùa lễ Phật rồi qua nhà phương trượng vấn an hòa thượng.

Hòa thượng vừa nhắc thấy Quốc công đã vội đứng dậy chấp tay chào:

- A di đà Phật! Đại hạnh! Đại hạnh! Phước báu duyên lành bản tự được nghênh đón bậc tôn trưởng.

Hung Đạo vương mặt hơi ửng đỏ, chắc là ngài có phần ngượng với lời tán thán của đại lão hòa thượng. Vương ân cần thăm hỏi sức khỏe thiền chủ và cả sự tiến tu của nhà thiền. Lại hỏi dân trong vùng có hiểu Phật không, bản tự có gì cần ngại khi ở trên núi cao, kể cả thời tiết khắc nghiệt, núi rừng lam chướng, hết nắng nóng, bão gió lại lạnh giá.

Hòa thượng hết sức xúc động trước lời thăm hỏi ân cần của bậc tôn trưởng, dù không biết khách là ai, nhưng nom tướng mạo hòa thượng cử đĩnh ninh người này có chân mệnh đế vương.

Hung Đạo sai Yết Kiêu lấy ba chục nén bạc cúng dường Tam bảo, cảm tạ nhà chùa rồi xuống núi.

Dặn dò thượng tướng Trần Khánh Dư và nhắc ông phải về ngay Vân Đồn cho quân luyện tập như các kế sách đã dự liệu, Quốc công cùng các gia tướng, gia thần lại quay về Vạn Kiếp bằng đường khác.

IV

Lại nói ở Đại Đô ^[21] hoàng đế nhà đại Nguyên - Đại Hãn Hốt-tất-liệt dường như không chịu thừa nhận cuộc Nam chinh của thái tử Thoát-hoan với hơn năm chục vạn quân cùng một bầy hồ tướng lừng danh mà đại bại trước cái xứ Giao Chi man di, đất thì hẹp bằng cái bàn tay, người thì một dóm. Vậy mà để chúng đánh cho toi tả phải chui đầu vào rọ trốn chạy như một con chó. Trần Nam vương ời là Trần Nam vương, người không có chút liêm sỉ nào của kẻ làm tướng, sao còn dám vác mặt về gặp ta. Thật đau lòng. Đúng là hồ phụ sinh khuyển tử. Trời hại ta chẳng. Càng nghĩ, sự bực giận càng trào dâng khiến mặt nóng bừng bừng đầu óc như muốn vỡ tung. Thiên tử đập long án quát:

- Quân đâu!

Viên nội thị khúm núm, giọng nói ấp úng nửa như sợ hãi nửa như ngạc nhiên. Sợ hãi thì đúng rồi, mặt thiên tử lúc nào cũng đờ đờ sát khí, tính nóng như lửa, trái ý là chém đầu ngay, ai mà chẳng khiếp sợ. Còn ngạc nhiên là bởi chẳng có ai làm nhà vua méch lòng hoặc cưỡng mệnh thế mà tự nhiên ngài bùng bùng nổi giận. Nội thị vội quỳ lạy cung kính:

- Khởi bẩm thiên tử, thần đang chờ sai bảo.

- Người cho quân đi triệu A-lí Hải-nha (Ariq Qaya) vào cung ngay.

Trong khi chờ A-lí Hải-nha bệ kiến, Hốt-tất-liệt xem lại các tấu, biểu nói về diễn biến chiến trận trên chiến trường Đại Việt từ khi quân Nguyên khai chiến tới lúc toàn quân rút về. Xem ra không có một trận nào quân thiên triều thua cả. Từ lúc vào đến lúc ra chỉ có “đánh cho quân nó đại bại, vua tôi nó phải bỏ kinh thành trốn vào rừng núi” hoặc có trận “suýt bắt được vua nó là Nhật Huyền (Trần Thánh tông)”. Lại có những trận “quân ta không tiến lên được vì trời mưa to, nước lũ dâng ngập trắng trời”. Hoặc giả “An Nam lam sơn chướng khí, quân ốm, ngựa ốm nên bỏ bớt một vài nơi không giữ nữa. Khi quân ta đi rồi giặc mới đến chiếm lấy”...

Khí uất bốc lên, thiên tử ném tung tất cả các tấu, biểu xuống thềm điện và ngài gầm lên như sư tử rống:

- Lũ đề tiện, dối trá đến thế này là cùng! Chúng dám lừa cả ta nữa sao?

Vừa lúc đó viên thị thần Phao-lồ ^[22] xuất hiện. Phao-lồ đến từ La Mã đã ở Đại Đô hơn chục năm, thông tỏ cả ngôn ngữ, phong tục của người Hán và người Mông Cổ, thông tỏ nhiều việc cổ kim, có thể nói dưới gầm trời này không có điều gì là y không biết. Vì vậy rất được lòng thiên tử. Hoàng đế nhà đại Nguyên đã ưu biệt cho Phao-lồ một đặc quyền được đi lại thăm viếng tất cả những nơi nào mà y

muốn trong đế quốc của ngài, lại cho phép được bề kiến ngài bất cứ lúc nào mà y thấy cần.

Vừa nhìn thấy Phao-lô, thiên tử đã dịu ngay cơn thịnh nộ, ngài dịu dàng hỏi:

- Vậy chớ khanh vào châu có điều gì vui mà mặt mày tươi tỉnh thế?

- Tâu, thần vừa viết xong mấy bài du ký về đất nước tuyệt vời của thiên tử đem dâng, để khi nào rảnh công việc thiên tử ngự lãm, và có điều gì chưa được như ý xin thiên tử phủ chính cho. Nói xong, y cúi mình dâng tập sách mỏng viết bằng chữ Hán nhưng phần chú thích lại ghi bằng chữ Mông Cổ.

Hốt-tát-liệt đỡ lấy tập sách, mở đọc vài trang có vẽ hài lòng, nhà vua mỉm cười nói:

- Phao-lô, người có trí năng của bậc á thánh, nhưng lại có một trí khôn lanh tinh quái như một loài sói sa mạc vậy.

- Đa tạ hảo ý của thiên tử, thần đâu xứng với lời khen đó.

- Thôi được, ta sẽ ban cho khanh một chén ngự tửu.

Hoàng đế nhà đại Nguyên vừa lấy chiếc vỏ nhò xiu gõ vào chiếc chuông vàng thì viên quan nội hầu đã bê ra một nậm rượu bằng bạc và hai chiếc chén bằng hồng ngọc đựng trong chiếc khay bằng vàng.

Vừa lúc đó A-lí Hải-nha cũng tới châu.

- Thiên tử vạn tuế! A-lí Hải-nha quỳ lạy và hô lời chúc.

Hốt-tát-liệt nặng nề đứng lên nâng viên thượng tướng dậy và nói:

- Khanh thật đa lễ. Khanh là sủng thần của ta, đã gia ân không phải quỳ lạy, sao không tuân chỉ. Ngay cả viên thị thần Phao-lô đây, lần đầu tiên vào yết kiến ta, y cả gan không quỳ lạy. Ta đã soi máu toan sai đao phủ chém đầu. Y nói người La Mã của y chỉ quỳ lạy trước Chúa Trời mà thôi. - Thế còn vua của người thì sao? - Ta hỏi. Y đáp - Các thần dân La Mã chỉ cúi đầu chào đức vua là đủ. Và lại sự tôn kính là ở trong lòng, và nó phải được biểu thị bằng các việc làm của mỗi thần dân khả dĩ đem lại sự giàu có, thịnh vượng cho đất nước, thì đó mới là sự kính chúa tại tâm. Ta nghe y nói phải lẽ, nên không những không giết y mà còn đối xử với y như là bậc quốc sĩ vậy.

Nhìn thẳng vào mắt Phao-lô, nhà vua hỏi:

- Có đúng vậy không Phao-lô?

- Tâu, đúng như bề hạ nói.

- Mà cũng lạ thật, dưới gầm trời này ta là chúa tể, không một vua chúa nào, không một tướng tài nào, không một thành trì nào, không một quốc gia nào không sụp đổ dưới vó ngựa của ta, thế mà ngày đó Phao-lô nói y chỉ quỳ trước Chúa của y, lại không làm ta nổi giận. Hắn ta với y cũng có cái duyên nghiệp gì đây.

Hốt-tát-liệt rất hài lòng với những điều ông vừa nói. Và dường như cả hai người vừa tới đều đem lại cho ông niềm vui. Ông sai nội thị lấy thêm chén và nhà vua cho phép hai người cùng uống rượu quý của ngài.

Liếc nhìn tập sách Phao-lô vừa dâng, hoàng đế nhà Đại Nguyên chợt nhớ chuyện ông cho y đi theo Toa-đô mấy năm trước, liền hỏi:

- Khanh có nhớ tháng chạp năm Nhâm Ngọ (1282), ta cho khanh theo Toa-đô đi đánh Chiêm Thành không?
- Ô la la! Nhớ, tâu bệ hạ thần nhớ chứ! Thật là một chuyến đi đầy thú vị.
- Vậy chứ khanh có ghi chép được gì không mà không thấy dâng ta?
- Tâu bệ hạ, thần chỉ ghi chép được cảnh mấy tỉnh phương nam của bệ hạ thôi, nhất là thành Quảng Châu mỹ lệ và biển phương nam cũng đẹp lắm. Tuy nhiên đến Champa mà lại không vào được nước Champa. Bởi người Champa lập trận tuyến bằng thành gỗ dài tới mấy chục dặm để chống lại quan quân, và giả vờ đầu hàng khiến đại tướng Toa-đô phải chặt vật lăm mới bảo toàn được lực lượng phía ngoài bãi biển. Thần chờ tới nửa năm quân ta không tiến được vào thành Trà Bàn mà cũng không rút về nước, thần bèn xin đại tướng Toa-đô cho một con thuyền với vài chục thủy thủ để quay lại đất của bệ hạ. Mọi việc về sau thế nào, kể cả đại tướng Toa-đô bây giờ ở đâu thần cũng không biết nữa.

Ngừng nhìn Hốt-tát-liệt lại liếc qua A-lí Hải-nha, Phao-lô nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, nghe nói Champa là một xứ sở thần tiên, ước sao bệ hạ gia ân cho thần du lãm tới đó một chuyến, chắc có nhiều điều đáng ghi lại để dâng bệ hạ.

Nghe Phao-lô nhắc lại chuyện xưa, Hốt-tát-liệt cố nén giận vì Toa-đô đã phải làm ma không đầu trên đất An Nam và thiên tử đang toan tính chuyện trả thù. Đoạn nhà vua hắt hàm nói:

- Ước vọng của khanh là chuyện nhỏ. Bình xong lũ giặc cỏ Nam man, sẽ cho khanh mặc sức đi trên đất của thiên tử. Hốt-tát-liệt phẩy tay nói tiếp: - Tạm cho khanh lui để ta bàn quốc sự với quan tả thừa tướng.

Phao-lô mất hứng, cảm như mình bị bạc đãi, ông cúi chào nhà vua và quan tả thừa và rời khỏi cung điện. Phao-lô bước đi đầu hơi cúi, mái tóc pha sương bập bênh, lòng đang nghĩ về cố quốc. Tính ra ông đã ở Đại đô này tới hơn mười năm, đôi khi ngó ý muốn trở về thành Rô-ma nhưng đều bị nhà vua gạt đi.

Phao-lô vừa bước ra khỏi thêm điện, Hốt-tát-liệt liền hỏi A-lí Hải-nha:

- Khanh có biết ta triệu có việc gì không?
- Tâu, chắc bệ hạ lại sắp sai thần đi đánh cái nước An Nam bé nhỏ.

Hốt-tát-liệt nhú mày lại, dần từng tiếng:

- Nước bé nhỏ thế mà sai thân vương đem quân tiến sâu vào chưa từng thấy báo công. Toa-đô lại bị làm ma không đầu trên đất giặc, tự lưu lại điều điểm nhục cho nước. Ta thật đau lòng.

A-li Hải-nha cảm thấy sợ hãi bởi trong cuộc bại trận năm Ất Dậu (1285) ông cũng có phần trách nhiệm, ông được thiên tử tin cậy trao quyền phó tướng giúp Trần Nam vương Thoát-hoan. Trước giờ xuất chinh, thiên tử còn vờ vào trong trường cần dặn: “*Ấn nam chinh ta trao cho Trần Nam vương, nhưng mưu lược là ở khanh, mọi việc đều phải cẩn thận chớ để xảy ra điều gì đáng tiếc*”. Vậy mà... A-li Hải-nha vội quỳ xuống rạp đầu tâu:

- Thần là kẻ có tội, không làm tròn trách nhiệm để thiên tử phải đau lòng, xin bệ hạ xử thần để làm gương răn các tướng.

- Khanh bỏ cái thói đàn bà ấy đi. Nếu tội khanh, trước hết ta phải chém đầu Thoát-hoan. Nhưng khanh cũng phải chia sót với ta và thử nghĩ xem, suốt mấy chục năm khanh sát cánh cùng ta chinh chiến, có quốc gia nào, có tướng tài nào là địch thủ của ta không. Phải nói dưới gầm trời này ta không có địch thủ. Vậy mà An Nam dám mạo phạm, chúng giết của ta kể tới cả chục vạn quân. Ngay cả chục vạn quân ấy ta cũng không tiếc bằng mấy chục viên thượng tướng của ta bị sát hại. Ngay mấy chục viên tướng kia bị sát hại, ta cũng không tiếc bằng một Lý Hăng bị sát hại, trong khi đó Lý Hăng lại là người Hán, khanh có biết vì sao không? Thiên tử gắng hỏi. Ngồi ngừng lời nhìn vào tận mắt vị huân tướng của ngài và chờ lời đáp của viên sùng thần.

A-li Hải-nha ngược nhìn thiên tử, ông thấy gương mặt nhà vua hơi khác. Suốt mấy chục năm theo hầu dưới trướng, xông pha tên đạn, gặp bao hiểm nguy, nhưng ông chưa từng thấy thiên tử biểu hiện một thứ tình cảm tựa tựa như sự xúc động mà lần đầu tiên ông bắt gặp ở người. Không dám làm kinh động đến tình cảm thiêng liêng của thiên tử, viên tả thừa tướng khẽ đáp:

- Muôn tâu thiên tử, quan hữu thừa (Lý Hăng) thất lộc khiến bệ hạ đau lòng là bởi quan có nhiều công lao diệt Tống, và vừa rồi trên đường về nước bị giặc truy đuổi, ngài phải đi sát hộ vệ Trần Nam vương, vì thế ngài bị trúng tên độc của giặc nên thọ tử khiến thiên tử phải đau lòng.

Hốt-tát-liệt khẽ gật đầu:

- Phải! Khanh nói đúng, nhưng công tích của Lý Hăng đâu chỉ có thế. Ví như khi ta bình Tây Hạ, nếu không có khanh là người bản xứ vừa có tài cầm quân trăm vạn vừa có tầm nhìn xa trông rộng về đầu quân dưới trướng, ngày đêm túc trực hiến kế bày mưu, thử hỏi sao ta có thể bình xong Tây Hạ nhanh như việc thò tay xuống ủng rút chiếc roi ngựa được. Trong việc bình Tống, nếu không có Lý Hăng là người Hán tài kiêm văn võ giúp rạp dưới trướng, sao ta có thể thống trị được cái xứ Trung nguyên mệnh mông này. Nói cho cùng thì đánh bại nhà nam Tống với ta đâu phải việc khó. Cái khó là dẹp các đám giặc cần vương kia. Chỉ một tay Văn Thiên Tường cũng làm ta bận tâm không ít. Thử hỏi nếu không có Lý Hăng trừ khử được Văn Thiên Tường thì sao ta có thể kết thúc vương triều nam Tống ở Nhai Sơn nhanh đến thế!

Diệt nhà nam Tống, công của khanh đâu có nhỏ, một tay khanh hạ được Phàn Thành, Tương Dương, Ngạc Châu, Giang Lăng cùng mấy chục châu quận miền nam nữa. Nếu không rần tay phá đập dẫn nước dim chết tất cả quân lính và dân chúng Đàm Châu, chôn sống dân chúng Tĩnh Giang, uống rượu bằng óc các tướng Tống trước mặt dân chúng ở Tân Sinh thì sao có thể bẻ gãy được mọi mầm

mồng nổi loạn chống lại quan quân. Sát nhất nhân vạn nhân cù [23] chẳng phải là sáng ý của khanh sao. Công của khanh lớn lắm, cho nên ta biệt đãi khanh vào hàng đệ nhất.

Sở dĩ ta tiếc Lý Hằng vì Hằng là người Hán, y hiểu người Hán hơn và vì vậy sẽ giúp ta công việc cai trị người Hán dễ dàng hơn. Nay mất y sao ta không tiếc, không thương. Nhưng thôi, đằng nào thì y cũng đã chết, tiếc thương mãi cũng chẳng ích gì. Ta triệu khanh đến bàn việc đánh Giao Chi, ý khanh thế nào?

Hốt-tát-liệt nhìn thẳng vào mắt A-lí Hải-nha vẻ dò thăm. Nhà vua thấy nét mặt mọi in hằn trên vầng trán viên tướng già bách chiến.

- Tàu thánh thượng, một khi thánh ý đã ban, chúng thần được tin cậy sai bảo tưởng không còn điều gì vinh hạnh hơn đối với kẻ làm tướng, thần xin được nghe thánh chỉ.

Vội vẻ hài lòng, Hốt-tát-liệt nói như là một sự bộc bạch tâm tư:

- Năm ngoái, khi quân rút về, ta đã định khởi binh đánh Giao Chi ngay lập tức. Nhưng vì sức quân mỗi mệt, các tỉnh Giang Hoài bị lụt làm mất mùa gây khó cho ta về lương thực. Lưỡng Quảng thì giặc giã nổi lên chưa dẹp yên được, lương thực không những không thu được mà cũng không mua được. Lũ quan lại đầu tỉnh xin ta tạm hoãn chờ mùa màng lên rồi sẽ liệu. Mặc dù vậy, ngay từ năm ngoái, ta đã sai Hồ Quảng đóng ba trăm chiến thuyền lớn, năm nay ta lại sai đóng tiếp hai trăm chiến thuyền nữa. Ta cũng định tha không đánh Nhật Bản nữa, vì Nhật Bản chưa một lần xúc phạm đến thiên triều. Nhưng Giao Chi không những cưỡng mệnh mà còn nhiều lần phạm đến binh uy thiên tử, tội ấy không thể bỏ qua. Vậy nay ta lại cử ta thừa tướng giữ chức An Nam hành trung thư tể tướng giúp cho việc chủ trương trong màn trướng của Trần Nam vương. Dưới quyền Trần Nam vương và khanh có Áo-lỗ-xích thẳng làm bình chương chính sự. Các tướng Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp, Y-gơ-mi-sư, A-ric Khu-xem đều giữ chức tham tri chính sự. Khanh xem phải gấp bàn bạc với Trần Nam vương dự liệu xem lần này sẽ đem vào Giao Chi bao nhiêu quân là đủ. Trong đó quân kỵ, quân thủy, quân bộ mỗi chủng là bao nhiêu. Rồi lương cho quân, cỏ cho ngựa phải huy động cho dồi dào, ta không muốn nghe mỗi khi phải dùng binh, lại tâu báo vì quân thiếu lương. Nhớ phải huy động quân đúng mệnh, tướng dày dặn chiến trường, còn như quân tân phụ chỉ nên dùng vào việc che tên đỡ đạn, dùng chúng vào việc dọn đường lót ổ thôi, lũ ấy hèn nhát không đáng tin. Rồi kế sách hành binh tác chiến thế nào cũng phải vạch ra, tâu báo lên để ta

còn bổ khuyết cho. Khanh chớ nên quên lần này phải bắt cho kỳ được cha con Nhật Huyền [24] cùng tướng Hung Đạo. Ta muốn thấy mặt viên tướng này, nếu y chịu quy thuận có thể ta sẽ sai khiến y vào việc lớn. Mọi sự khanh đều phải làm gấp sao cho sang thu tiến binh là vừa. Chớ nên chần chừ để kẻ kia có thể hồi sức, lại gây khó cho binh ta.

A-lí Hải-nha trầm ngâm suy nghĩ về các điều thiên tử vừa dụ bảo. Đó là công việc của cả một bộ chỉ huy với hàng ngàn người quen thạo công việc điều hành, nhanh ra cũng phải từ chín tháng đến một năm mới khởi sự được. Viên tể tướng tự nghĩ, thiên tử nôn nóng trả thù, nên tỏ ra coi thường giặc. Năm Ất Dậu thế trận ta giằng như thiên la địa võng, kẹp vua tôi nhà Trần trong vòng vây khốc liệt, thân vương, hoàng tộc, tướng binh nhà Trần lóc thốc kéo nhau ra hàng có tới mấy vạn, tưởng như có thể diệt gọn, bức hàng trong sớm tối, thế

mà bỗng chốc Hưng Đạo trở ngược thế cờ khiến đại quân thiên triều từ thế bao vây trở về thế bị bao vây, nếu như ta và Lý Hằng không đòi rút quân sớm mà cứ nghe thái tử trừ trừ chờ viện binh, chắc là không một mống nào có thể sống sót quay về. Thế mà năm nay trù liệu quân, lương chưa đâu vào đâu, thiên tử đã sai ta bắt cha con Nhật Huyền và Hưng Đạo. Ta thừa nhận hiện nay đại Nguyên là một nước lớn và mạnh nhất gầm trời. Nhưng không phải quân Nguyên, người Nguyên muốn làm gì cũng được. Thiên tử bảo tha cho nước Nhật Bản không đánh họ nữa. Nhưng thiên tử đã phái binh đội tàu thuyền hai lần đi đánh nước Nhật mà chưa có một người lính Nguyên nào đặt được chân lên đất Nhật. Mới đây, năm Tân Tỵ (1281) thiên tử cho mười lăm vạn quân với chín trăm chiến thuyền đánh vào các đảo của Nhật Bản, thế mà chỉ có ba người sống sót trên chiếc thuyền rách trở về. Ta không phải là một viên tướng dễ dàng bị đánh bại, nhưng không phải ta muốn làm gì cũng được.

Thấy A-lí Hải-nha có vẻ bồn thần, không hiểu y đang loay hoay cái gì ở trong đầu óc, Hốt-tát-liệt bèn hỏi:

- Vậy chớ khanh còn điều gì băn khoăn khó nói?

- Thiên tử anh minh, khi bình Tây Hạ, thiên tử dùng thần; khi bình nam Tống, thiên tử dùng Lý Hằng; nay bình An Nam, thiên tử dùng ai? Đó chính là điều thần băn khoăn muốn hỏi.

- Ái chà chà! Khanh đúng là một con sói đã thành tinh, không một điều gì là khanh không tính đến. Khanh khỏi lo, ta có dự liệu cả rồi. Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, hoàng đệ của Nhật Huyền mà các khanh đem về chứ còn ai nữa. Ta sẽ phong cho y làm An Nam quốc vương, lập sẵn một triều đình cho bọn chúng theo Trần Nam vương và đại quân cùng vào Thăng Long.

Chợt Hốt-tát-liệt lại hỏi:

- Vậy chớ đám tướng lĩnh ta cử làm tả hữu giúp rập Trần Nam vương nơi tướng hồ, khanh thấy có cần thêm bớt người nào không?

- Tâu, thiên tử anh minh chọn thuận tướng giỏi, thần sao còn dám thêm bớt.

- Thì bọn đó chẳng là lũ học trò của khanh sao. Áo-lỗ-xích, Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp... đã chẳng ở dưới trướng của khanh sao? Bọn họ lại chẳng vừa đi đánh Giao Chi trở về đó sao?

A-lí Hải-nha ngồi thu lại ngược ngấm dung nhan thiên tử. Hốt-tát-liệt có vóc dáng to lớn, gương mặt chữ điền vuông vức, vàng trắn cao, rộng choán hết cả phần thái dương, tai to, vồm, vành tai và dải tai dày dặn đường nét phân minh, mũi hồ phù, tam đình, ngũ nhạc cân đối nở nang, miệng rộng, môi hơi mím lại, cằm bạnh, ria mép nhọn vênh về hai phía như hai cánh chim én. Từ hai phía vành tai vòng xuống cằm hình thành bộ râu quai nón làm tăng thêm sự oai nghiêm của khuôn mặt. Duy có đôi mắt của thiên tử là nhỏ, mắt ngài tí hí kiểu mắt lươn khi rọi nhìn cứ như hai mũi thép xuyên vào người ta. Mới thoạt nhìn gương mặt, ta dễ lầm đó là người nhân hậu, nhưng nếu kết hợp cả đôi mắt thì rõ ngài là kẻ đại gian hùng, đại gian ác và đại hiếu sát.

Hốt-tát-liệt thả ra mấy tiếng dùng đục nghe như tiếng vọng ma quái:

- To gan, Khanh dám nhìn trực diện thiên tử.

- Dám xin thiên tử tha tội. Quả thực thần chỉ muốn chiêm ngưỡng long nhan rồi đem cái thiên uy của thiên tử giáo hóa nam man, ngõ hầu thu phục chúng khôi nhọc sức quân, âu cũng là dịp đem cái thiên ân của thiên tử tưới khắp bốn bề, đó chẳng là phúc cho tứ di sao.

- Người chỉ được cái dẻo mồm biện bác. Thôi được, Khanh về mà trù liệu công việc đi.

Lại nói về Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc và những kẻ tông vong như Văn Nghĩa hầu Trần Tú Hoãn cùng với cha dè của Hoãn là Vũ Đạo hầu và con rể là Trương Hoài hầu cùng gia thuộc của các người nói trên đều ra hàng quân Nguyên và theo chúng về Đại đô. Trong đám người ra hàng còn có Chương Hiến hầu Trần Kiện và thuộc hạ là Lê Tắc cùng đội quân cả vạn người ra hàng Toa-đô. Trong số những kẻ ra hàng còn có Phạm Cự Địa, Lê Diên, Trịnh Long... cùng gia thuộc. Những người ra hàng được tướng giặc là Minh-lý Tích-ban (Manglai-Siban) hộ tống đưa về nước Nguyên từ khi chiến tranh chưa kết thúc. Thế nhưng bọn này đi gần tới biên giới thì bị quân ta mai phục đánh rất gắt, Trần Kiện chết trên lưng ngựa, Lê Tắc vác xác chủ chạy sang Tư Minh mới dừng lại chôn cất. Nghĩa Quốc hầu con của Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc được tướng giặc che chở chạy vào trại quân mới thoát chết.

Nay thì mọi việc đã tạm ổn, vua Nguyên đã cho họ tạm cư vào trong một khu vực ở Châu Ngạc (Hò Bắc) để họ đỡ cảm thấy cô đơn trên đất khách. Và lại để khi có dịp trở về An Nam đường đất cũng gần hơn. Trần Ích Tắc và gia thuộc được ở trong một ngôi nhà riêng cũng gọi là cung. Thực ra tất cả bọn họ từ chủ đến tớ, tuy được người Nguyên yêu tin chu cấp mọi thứ, nhưng so với khi còn ở trong nước mười phần chưa chắc được một hai. Ấy là chưa kể thân phận cá chậu chim lồng, chim mỗi cá cảnh.

Tuy nhiên, tất cả đều trông chờ vào lời hứa của thiên tử nhà đại Nguyên. Hốt-tát-liệt đã nhiều lần cho ăn yến và hứa sẽ đưa Trần Ích Tắc trở lại làm vua xứ An Nam, các người tông vong cũng đều nằm trong bộ máy triều đình của Ích Tắc, thiên triều không quên công, không bỏ sót bất cứ một ai đã có lòng trung về châu thiên tử. Cho nên mọi người hằng ngày hết tụ họp nhau ở “cung” Chiêu Quốc vương lại sang “đình” của Văn Nghĩa hầu “bàn chuyện quốc sự”. Ấy là họ bàn suông với nhau để giết thì giờ và mong ngóng ngày thiên tử phát đại binh để cùng nhau theo đoàn quân xâm lược trở về chiếm lấy ngôi nước.

Đây là những chuyện xảy ra trên đất giặc đối với những kẻ theo giặc, còn như ở trong nước thì hầu như chẳng còn ai nhắc đến họ nữa. Triều đình đã tịch thu hết tài sản của những kẻ theo giặc. Ở trong nước, người trong tôn thất mà theo giặc tùy theo tội nặng nhẹ đều xử như người thường, nhưng bắt phải đổi sang họ Mai. Riêng những người trong hàng huynh đệ với nhà vua như Trần Ích Tắc thì không bắt phải đổi họ, nhưng mỗi khi bắt đắ dĩ phải nhắc đến tên đều gọi là “ả”, tức thị coi họ như một thứ đàn bà vô dụng.

Trước năm Ất Dậu ở Thăng Long và cả tứ trấn, không ai không biết đến Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc là người tài hoa nổi tiếng. Trong tất cả các môn nghệ thuật như cầm, kỳ, thi, họa không môn nào ông không rành. Ông thường viết lời, chế nhạc rồi dạy cho ban nhạc trong dinh của ông ca hát. Về họa, tranh của ông vẽ, sứ nhà Nguyên đến chơi khen nức nở. Họ còn bảo tranh của ông vững hơn tranh của Tống Huy tông ^[25]. Bồi tranh của ông lấy hồn làm cốt, còn tranh của Huy tông chỉ chạy theo cái đẹp ngoại cảnh vì thế mà nó trở nên phù phiếm. Còn văn chương của ông thuộc loại quán thông. Các bậc sĩ đại phu trong nước thường tỏ lòng ái mộ. Ông lại có

lòng đào tạo nhân tài cho nước. Các cậu bé thần đồng như Mạc Đình Chi, Nguyễn Trung Ngạn... đều được ông đưa về nuôi dạy sau này đều trở thành người giỏi của nước.

Chiêu Quốc vương một thời lừng lẫy khắp Thăng Long, khắp đất nước, song vì theo giặc mà hình ảnh ông bị xóa sạch trong kí ức mọi người.

Bữa nọ, khi những người lưu vong đang “bàn quốc sự” tại dinh Trần Tú Hoãn thì Ích Tắc cho người sang gọi về cung nghe thánh chỉ.

Khi mọi người đã về đông đủ, áo mũ chỉnh tề, Trần Ích Tắc sai bày hương án ra giữa nhà lại sai đốt trầm và đứng sắp hàng trước hương án.

Viên trung sứ từ Đại đô tới cung kính đặt tờ chiếu lên hương án rồi vái ba vái đoạn y đi giật lùi ra phía ngoài.

Trần Ích Tắc và mọi người lần lượt vào quỳ lạy chiếu thư.

Viên trung sứ bóc niêm phong và tuyên đọc.

“... Thiên tử hoàng đế nhà đại Nguyên dụ rằng: Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc và những người có tên sau đây... về châu để nhận ân mệnh...”

Nghe trung sứ đọc xong, mọi người lại phục lạy và cùng hô:

- Tạ ơn thiên tử ban trọng ân.

Trung sứ cho mọi người chuẩn bị hành trang một ngày rồi tất cả cùng xuống thuyền về Đại Đô Yên Kinh phụng chiếu.

Trong suốt một ngày mọi người vừa lo chuẩn bị hành trang vừa hồi hộp phỏng đoán không biết thiên tử ban ân tứ gì đây. Mỗi người phỏng chừng một cách, nhưng mọi người đều không giấu được niềm vui.

Trần Ích Tắc dự liệu lần đầu tiên được diện kiến long nhan thiên tử, sẽ tâu báo điều gì làm đẹp lòng ngài đây. Đúng là từ ngày theo gót Trần Nam vương về thiên quốc, nhưng ông chưa từng được bén mảng tới Yên Kinh, cũng chưa một lần được thấy long nhan thiên tử. Tiếng rằng có đôi ba lần thiên tử cho ăn yến và có lời dụ bảo, nhưng đó chỉ là trung sứ, tựa như viên khâm sai thay mặt thiên tử thết yến và truyền đạt điều mà thiên tử khẩu dụ. Lần này không biết có điều gì mà thiên tử cho triệu. Hoặc là thiên tử sắp nam chinh, hoặc là bên nước nhà có biến. Sai gia nhân soạn sửa hành trang, lại sai bày tiệc mời trung sứ. Sau lời chúc tụng và đẩy đưa vài tuần rượu, Trần Ích Tắc sai gia nhân đem ra một chiếc tráp nhỏ sơn thên, có khóa bạc, tự tay ông trân trọng trao cho vị trung sứ và nói:

- Tôi đội ơn thiên tử và quý quốc rất nhiều, mong có cơ hội được đền đáp. Nhân được làm quen với ông và được nhận ân mệnh của thiên tử, gọi là có một chút quà là phương vật tôi đem từ cổ quốc biếu ông để làm lễ tương kiến, mong ông không chê là nhỏ mọn.

Viên trung sứ đỡ lấy chiếc tráp nhỏ và nói lời cảm tạ:

- Ông vì nạn nước mới phải qua đây, xin ông cứ giữ lấy báu vật này làm của tùy thân. Nói xong y trao lại chiếc tráp cho Ích Tắc.

Trần Ích Tắc phải nài ép tới hai ba lần ông ta mới gượng nhận:

- Nhận của vương, tôi thật chẳng đành tâm. Không nhận, vương lại chẳng yên tâm. Âu cũng là cái duyên. Nói xong viên trung

sứ đặt chiếc tráp xuống và ông ta nâng chén rượu giờ cao vừa mỉm cười vừa chúc: - Nhất kiến vi cữu ^[26].

Được viên trung sứ vui vẻ tiếp nhận món quà quý, Trần Ích Tắc tỏ vẻ hài lòng và ông nhả nhận nói với sứ giả:

- Mời quan trung sứ chiêm ngưỡng chút quà mọn. - Vừa nói, ông vừa chỉ tay vào tráp.

Viên trung sứ khẽ lật chiếc bản lề bạc, nắp tráp mở ra, một mùi thơm kỳ lạ tràn ngập gian đại sảnh, nó át hết cả các mùi từ rượu quý đến trầm hương. Y vừa lật vuông gấm phủ, lộ ra một viên hồ phách trong suốt màu vàng sẫm, to bằng chiếc trứng chim câu.

Viên trung sứ ngỡ ngàng hỏi:

- Tôi quê mùa, không biết vật quý này tên gọi là gì, xin vương chỉ bảo.

Dường như chỉ chờ lời hỏi đó, Trần Ích Tắc ân cần đáp:

- Thưa quan trung sứ, vật thơm này gọi là hồ phách. Nó được tiết ra từ tinh nhựa của một loài tùng mọc trên núi đá cao hàng trăm trượng. Nhưng không phải cây nào cũng có. Họa may trăm ngàn cây mới một hai cây có ngọc. Vâng người ta gọi hồ phách là ngọc của tùng. Tức là cây phải sống cả ngàn năm, do một biến cố nào đó làm thương tổn ruột cây tại phần gốc, thế là cây tiết ra một loại tinh của nhựa để sâu bọ không thể xâm nhập. Cứ thế tích tụ cả mấy trăm năm, có khi cả ngàn năm mới kết được thành thứ ngọc này. Dạ, nó phải trong suốt và không có tí vết gì như viên này mới gọi là quý.

- Vương có thể cho biết ngoài sự trân quý ấy nó còn có hữu ích gì chẳng, trung sứ hỏi.

- Thưa quan trung sứ, cứ như chỗ tôi được biết thì hồ phách có thể xua tan được tà khí, hoặc trong vùng có dịch mà ngài mở nắp hộp ra để trong nhà, thời có thể ngăn được dịch xâm nhập, hoặc thời tiết ẩm ướt, các đồ đạc trong nhà đồ mồ hôi, cứ mở nắp hộp ngọc tung ra, hơi nước sẽ bay đi hết. Ngoài ra nhà có người cảm mạo cho ngửi ngọc một lần là khỏi.

- Vậy chớ nó có mòn đi không? - Trung sứ hỏi.

- Không! Không mòn một chút nào, nó đã kết thành khối rắn như đá, xin quan trung sứ yên tâm.

Tiệc mời với quà quý khiến tình thân càng lúc càng đậm đà, Trần Ích Tắc thăm dò một cách băng quơ:

- Từ lúc lạy chiếu, tôi cứ băn khoăn không biết thiên tử ban ân mệnh gì đây.

Rượu ngà ngà khiến trung sứ cũng không cần ý tứ nữa:

- Vương phải biết, chỉ riêng việc thiên tử tuyên triệu và cho được bề kiến, cũng đã là một đại ân mệnh rồi. Có thật vương chưa đoán biết thiên tử triệu vương có việc gì à? Ta cũng không biết được đâu. Làm sao có thể biết điều thiên tử chưa dự báo. Nhưng nghe đâu sắp có chuyện Nam chinh.

- Thật vậy ư? - Trần Ích Tắc hỏi như một sự reo vui.

- Sao lại không thật. Không thật thì thiên tử triệu ông về kinh làm gì. Ta chắc thiên tử sẽ cho ông theo về cùng với đại quân của thiên triều. Binh xong An Nam, thiên tử sẽ cho ông làm vua nước Nam. Tới lúc ấy chớ quên nhau nhé. Biết đâu thiên tử chẳng sai ta đi sứ An Nam.

Trần Ích Tắc sắc mặt tươi hẳn lên, ông vui vẻ đáp lời:

- Ta sao có thể quên ông được. Ông chính là ân nhân của ta đó. Vua nước Nam nhỏ bé, thiên tử chỉ coi như một quận thôi, phụ hoàng ta cũng chỉ được thiên tử phong làm “Giao Chỉ quận vương”.

- Thiên tử đất mệnh mông không giới hạn nên coi Giao Chỉ là một quận. Nhưng ông làm vua An Nam vẫn là vua của một nước. Chả, đầu gà còn hơn má lợn. Làm vua nước Nam chẳng hơn ở cái xó xép Ngạc Châu này sao. Nói xong trung sứ lại cười khà khà.

Qua quá nửa tuần trăng, hết đi đường sông lại ra đường biển rồi đường bộ mới về tới Yên Kinh. Năm chờ nửa tuần trăng nữa thiên tử mới cho vời.

Sau vài lời an ủi, Hốt-tát-liệt khẩu dụ:

- Đại quân thiên triều sắp bình Giao Chỉ, thiên tử cho các khanh theo quân về mà nhận lấy nước. Ta gọi là nước thôi, nhưng thực chỉ là một quận của thiên triều. Được nước rồi, các khanh có bốn phận thờ thiên tử với bốn phận của kẻ bề tôi, chớ có ngông nghênh cường mệnh như cha con Nhật Huyền khiến ta phải ra tay trị tội.

Trần Ích Tắc và thuộc cấp đều rạp đầu lạy tạ và cùng hô:

- Tạ ơn thiên tử, chúng thần xin tuân chỉ.

Tiếp đó thiên tử nhà đại Nguyên khẩu dụ:

- Nay ta phong cho Trần Ích Tắc làm An Nam quốc vương. Trần Ích Tắc quỳ lạy. Khu mật viện bèn trao phù, ấn cho Ích Tắc.

Hốt-tát-liệt lại phán:

- Những kẻ có tên sau đây nhận mệnh:

Trần Tú Hoãn làm phụ nghĩa công lo ngày đêm giúp rạp dưới trướng cho An Nam quốc vương.

Trần Bá Ý (con trưởng Trần Ích Tắc) làm An phủ sứ lộ Đà giang.

Lại Ích Khuy làm An phủ sứ lộ Nam Sách giang.

Trần Văn Lộng làm Tuyên phủ sứ lộ Quy Hóa giang...

Tất cả ra ở nhà công quán chờ theo quân về nước.

Mọi người lại phủ phục lạy tạ và cùng hô:

- Tạ ơn thiên tử ban trọng ân!

V

Vừa đi kinh dinh vùng nam thùi ra, vua Nhân tông vội vã vào cung Thánh Từ vấn an thượng hoàng.

Mới bước vào đại sảnh đã thấy ánh nền hắt sáng cả hành lang đại điện. Nhà vua đi thẳng vào nội điện thấy vua cha và bá phụ Hưng Đạo vương, thúc phụ Chiêu Minh vương đang đàm đạo, Nhân tông vội quỳ lạy thượng hoàng, bá phụ và thúc phụ.

Thượng hoàng Thánh tông liền phán:

- Quan gia đứng dậy đi.

Liền đó Hưng Đạo vương liền nhôm dậy vái Nhân tông.

Thánh tông can ngay:

- Anh Quốc Tuấn đa lễ quá. Vương nhi chẳng là con anh con tôi sao. Nếu có giữ lễ là ở chốn triều trung chứ ở nhà là phải theo gia đạo. Khâm (vua Nhân tông) không chỉ gọi anh bằng bá phụ mà anh còn là nhạc phụ của cháu kia mà.

Chiêu Minh vương Trần Quang Khải cũng nói xen vào:

- Thượng hoàng nói đúng đấy, người trong nhà mà cứ thủ lễ thái quá nó trở nên khách khí, xa lạ.

Hưng Đạo vương vội đáp: - Tuy là anh em bà con nhưng ta đang bàn quốc sự nên lễ vua tôi phải giữ. Còn như những ngày lễ tết, ngày húy gia tiên hoặc ở trong nhà thì phải lấy thể thứ gia tộc làm trọng.

Thái sư Trần Quang Khải muốn biết nhà vua từ nam thùi về liệu có điều gì đáng ngại, liền hỏi:

- Quan gia cho biết nếu nhà Nguyên lại đánh ta, liệu Chiêm Thành có đứng dung hay bị Hốt-tát-liệt dung dọa phải về hòa.

- Chính ta cũng đang lo mất nam, vua Thánh tông nói.

Vua Nhân tông hết nhìn cha, nhìn chú và nhìn bác thấy gương mặt mọi người đều bình thản, vua tự biết vận nước chưa có gì đáng ngại, ngài bèn lên tiếng:

- Tâu phụ hoàng, thưa bá phụ và thúc phụ, con thấy mặt nam yên tĩnh lắm. Gần đây con đã có thư cho quốc vương Chế Mân nói rõ người Nguyên lại sắp đánh Đại Việt và ngỏ ý kết thân.

Chúa Chiêm phúc đáp rằng ông ta không thể quên khi Toa-đô sắp đem quân đánh Trà Bàn, Đại Việt đã giúp binh, giúp mưu, nhờ thế mà nước Chiêm Thành đứng vững, còn Toa-đô bị rơi đầu trước cửa Hàm Tử của Đại Việt, ơn ấy nước Chiêm Thành sao có thể quên được. Dù Hốt-tát-liệt có dụ dỗ, có đe dọa Chiêm Thành cũng không nao núng. Vua Chiêm từ khi còn là thái tử đã biểu lộ tư cách của một người dũng lược, một bậc anh hùng. Vậy mặt nam có thể tạm yên. Còn dân chúng trong các vùng Hoan, Ái giặc chỉ lướt qua như một cơn bão nhẹ, nay đã hồi phục, đời sống không có gì đáng ngại. Tinh thần đang phấn chấn, trai tráng nô nức đầu quân. Nơi thôn dã làng nào cũng có đội hương binh, đang luyện tập ráo riết. Nhiều thôn làng còn lập các đội bạch đầu ông (đội quân tóc bạc). Dạ, đây là những người già tự nguyện đi làm gương cho con trẻ, trong mỗi đội bạch đầu ông thường có một hai người đã từng ở trong quân ngũ, từng đánh giặc Thát, có người tham gia từ cuộc chiến năm Đinh Tỵ kia. Dạ, còn thể nước hiện nay đang nổi, quân dân đều hăng hái, tin tưởng ở triều đình chứ không e sợ giặc như hồi chúng sắp vào cõi trước năm Ất Dậu.

- Vậy thế là yên tâm được mặt nam, thượng hoàng nói. - Nhưng còn mặt bắc ta lo đối phó thế nào, kể cả mưu giặc ra sao, dò la được đến đâu, thái sư và quốc công cho biết. - Quan gia đi vắng, ta cũng hơi quan ngại, nên cho triệu quốc công và thái sư đến để hỏi han công việc, may con về đúng lúc. Vậy ta bắt tay vào việc đi.

Thái sư Trần Quang Khải nói ngay:

- Thế nước đang nổi vì lòng dân đang hào hứng vừa lo làm ăn cấy cấy, vừa lo tập luyện để hễ giặc vào là đánh. Các việc này là dân tự lo vì đã kinh qua từ năm Ất Dậu, nên triều đình không phải đốc thúc. Lại sau cuộc chiến người có công, kẻ có tội đều được khen thưởng hoặc trách phạt công bằng, kẻ cả người trong hoàng tộc cũng vậy, nên dân chúng càng tin tưởng vào triều đình. Cũng sau cuộc chiến, bệ hạ vừa lo cứu đói vừa cho giảm tô thuế cho dân chúng trong các vùng bị giặc tàn phá nặng nề, nay khó khăn đã qua, lại thêm thời tiết thuận hòa, hai vụ đều được mùa, tinh thần dân chúng đều phấn chấn lắm. Ngay cả giới tu hành và nho sĩ cũng dốc lòng cố kết với triều đình lo việc chống giặc, giữ nước chứ không có chuyện phân tâm, kháng táng. Phía bắc thù người Nguyên khi thì cho quân áp sát, uy hiếp dân ta, khi lại lui binh và cho người sang dụ dân ta theo chúng. Nhưng dân man động của ta được các đầu mục dẫn dắt, họ không những không nao núng sợ hãi mà còn lập các đội dân binh, thường binh cũng luyện tập, canh gác, cảnh giới ngày đêm như dưới xuôi. Vì vậy phen giặc của ta ở bắc thù cho đến lúc này vẫn còn vững chắc.

Tâu thượng hoàng, quan gia và Quốc công duy có điều này là hơi quan ngại. Tức là sau chiến tranh, nhà Nguyên đã hai lần cử sứ sang ta. Bọn chúng vừa mượn dụ dỗ, vừa dùng dọa ta. Và lại, chúng nghênh ngang nhòm ngó đi lại các nơi trong đất ta cứ như chúng là chủ đất này. Hẳn nhiên chúng có tay chân cài cắm mọi nơi. Tuy vậy, dân ta cũng đã khôn lên, sứ giặc đi tới đâu đều bị lộ tung tích, về phía ta cũng hai lần cử sứ sang Đại đô cống phương vật, cả hai ông Nguyễn Nghĩa Toàn, Nguyễn Đức Vinh đều bị người Nguyên giữ lại. Bởi vậy có cử sứ đi tiếp nữa không xin thượng hoàng và quan gia cho ý chỉ.

- Việc này ta phải nói ngay, thượng hoàng lên tiếng. - Hốt-tát-liệt ngạo mạn cậy mình là nước lớn muốn làm gì thì làm. Và y chỉ mong có một cái cớ nào đó để vịn vào. Cho nên vẫn cử sứ đi cống phương vật và tìm cách dò la mưu đồ của giặc. Nếu ta tuyệt sứ lộ, cũng có nghĩa là ta tuyệt giao, giặc sẽ lập tức xua quân vào cõi. Nếu tránh được chiến tranh ngày nào vẫn nên tránh, dù chúng có giữ sứ lại, thậm chí chúng có sát hại người của ta thì coi đó là việc hy sinh cho nước. Triều đình sẽ truy phong tước trật và cho lập đền thờ. Hy

sinh tính mệnh mình để giữ yên cho nước, không một người có liêm sỉ nào lại không muốn làm việc đó.

- Con xin tuân mệnh phụ hoàng, vua Nhân tông nói.

Hung Đạo vừa nghe vua Thánh tông nói vừa ve vuốt chòm râu dài trước ngực, ông có vẻ hài lòng về quyết sách sáng suốt của nhà vua.

Khi Nhân tông vừa ngừng lời, Hung Đạo liền nói:

- Tâu thượng hoàng, tâu quan gia cùng quan tướng quốc, thần vừa nhận được nguồn tin ngoại gián từ Yên Kinh và Lâm An đưa về. Tình hình hết sức nghiêm trọng, Hốt-tát-liệt rất cay cú với thất bại trong cuộc chiến năm Ất Dậu vừa qua. Cho nên đầu năm Bính Tuất này y đã cho lập bộ chỉ huy chuẩn bị cho việc đánh Đại Việt và sai các tinh kinh Hồ đóng ba trăm chiến thuyền, vừa đây lại sai đóng tiếp hai trăm thuyền lớn nữa.

Thoát-hoan con trai hấn vẫn được cử làm Trấn Nam vương, giữ ấn nam chinh. Tả thừa tướng A-lí Hải-nha giữ chức cũ là An Nam hành trung thư sảnh. Cuộc xâm lăng năm Ất Dậu tả thừa A-lí Hải-nha và hữu thừa Lý Hằng, hai viên tướng này đều được Hốt-tát-liệt tin cậy trao cho phụ tá con hấn. Âm mưu, kế sách đều ở hai tên tướng giặc này, một đứa người Hồi-hột, một đứa người Hán. Lý Hằng đã bị quân ta giết chết trên đường tháo chạy năm trước. Hốt-tát-liệt còn cho Áo-lỗ-xích làm bình chương chính sự cùng với A-lí Hải-nha ở dưới trướng Thoát-hoan. Các tướng Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp cùng hai viên tướng Mông Cổ khác được thăng hàm tham tri chính sự ra vào dưới trướng giúp rập Thoát-hoan.

Hốt-tát-liệt giao hẳn việc trừ hoạch binh lương và kế sách đánh nước ta cho A-lí Hải-nha.

Tàu, kẻ đó Hốt-tát-liệt lại gọi Ích Tắc cùng đám tông vong phản quốc từ Ngạc Châu (Hồ Bắc) về Yên Kinh. Hốt-tát-liệt lập cả một triều đình bù nhìn do Ích Tắc đứng đầu. Y được phong làm An Nam Quốc vương, được trao phù, ấn. Con trưởng của Ích Tắc là Bá Ý được phong giữ chức an phủ sứ lộ Đà giang. Văn Lộng được phong giữ chức tuyên phủ sứ lộ Quy Hóa giang. Tú Hoãn ra hàng đem theo gia quyến trên đường trốn chạy bị quân ta phục bắn chết tám người đều trong gia thuộc y cả. Hốt-tát-liệt thượng phong cho làm phụ nghĩa công ở bên cạnh Ích Tắc. Con Hoãn là Đức Tiêm được phong làm tuyên vũ sứ An Nam phủ lộ. Em con cô cậu của Hoãn là Lại Ích Khuy cũng được phong chức an phủ sứ lộ Nam Sách giang. Bọn Phạm Cự Địa, Lê Diễm, Trịnh Long và hết thầy lũ theo giặc đều được Hốt-tát-liệt hào phóng ban cho chức tước và chuẩn bị theo chân quân xâm lược về nước.

Tàu, giặc đang ráo riết hoạt động quân lương để đánh ta thì tháng sáu vừa rồi A-lí Hải-nha đột ngột ốm chết, trong nước có nhiều điều bất ổn buộc Hốt-tát-liệt phải hoãn việc động binh, vì vậy đám bù nhìn lại bị đuổi về Ngạc Châu.

Điều đáng lưu ý là giặc định tập trung tất cả quân bộ, quân kỵ ở Tĩnh Giang (Quế Lâm, Quảng Tây) trước khi tiến vào Đại Việt. Còn toàn bộ quân thủy kể cả thuyền vận tải lương thảo đều tập trung ở hai cảng Khâm Châu và Liêm Châu (Quảng Đông) trước khi tiến vào nước ta.

- Thế là cả hai viên tướng sừng sỏ lợi hại nhất của Hốt-tát-liệt sai vào đánh nước ta năm trước đều phải đền mạng do những tội

ác chúng gây ra. Quang Khải nói xen vào.

Mọi người cười vui vẻ.

Hung Đạo lại nói tiếp:

- Tàu, các đầu mối ngoại gián của ta ở Yên Kinh được gây dựng từ trước cuộc chiến tranh năm Ất Dậu, sau đó Đỗ Vỹ bị giặc bắt, nhưng các cơ sở vẫn không bị lộ. Tiếp đó có lũ người hàng giặc theo chúng về Bắc quốc, sợ đám tay sai nhận ra người mình ở bên đó nên tạm thời phải im lặng nghe ngóng một thời gian. Phần thì thay người, phần dời đổi các địa bàn kinh doanh hoặc giao tiếp. Cũng may, giặc đưa tất cả bọn phản quốc về cư ngụ tại Ngạc Châu tỉnh Hồ Bắc, nên ở Yên Kinh người của ta lại rộng đường hoạt động. Ngay cả Châu Ngạc, ta cũng mới cảm ở đó được vài người, đã lần la giao tiếp được với Tú Hoãn và cả với Lê Tắc nữa. Vâng, ta phải dùng người Hán để chúng không thể nghi ngờ. Đám phản quốc này vẫn đang tâm trạng hoang mang, người Nguyên chỉ phong cho những hư chức và cấp niên bổng, khuyên chờ theo đại binh về lấy lại nước mà làm vua, làm quan. Hằng ngày bọn chúng thường tụ nhau lại để than vãn và chờ đợi.

Tàu, Hốt-tát-liệt hoãn binh chỉ là việc nhất thời, sớm muộn thế nào chúng cũng lại kéo quân sang xâm lấn, xin thượng hoàng, quan gia và thái sư cho ý chỉ.

Thượng hoàng Trần Thánh tông trầm ngâm một lát rồi hỏi:

- Nghe anh Quốc Tuấn nói thì giặc đánh ta lần này quy mô có khi còn hơn cả lần trước. Và lại giặc sẽ dùng lực lượng quân thủy rất mạnh để áp đảo ta cả hai mặt thủy bộ. Bởi lần trước giặc tỏ ra lép vế với ta mỗi khi phải giao chiến trên mặt nước. Vậy ta phải đối phó thế nào đây. Và nữa, nếu giặc đưa đám bù nhìn tay sai về nước thì ta xử trí sao đây. Hơn nữa, liệu dân có nao núng nếu giặc bắc lại sang.

Hung Đạo chưa kịp trả lời thì Chiêu Minh vương Trần Quang Khải đã nói:

- Thượng hoàng khỏi lo, các việc đó ta sẽ bàn sau. Đề tập trung vào việc đánh giặc, xin thượng hoàng và quan gia cho thần thôi giữ chức Thái sư, dứt hẳn việc đại chính trao cho người khác, thần chỉ xin giữ chức Thượng tướng cùng anh Quốc Tuấn lo việc đánh giặc. Và cũng xin được anh Quốc Tuấn sai khiến. Trong lúc này không việc gì lớn hơn, quan yếu hơn là việc đánh giặc, giữ nước. Thú thực, sức thần cũng đã xuống lắm rồi, không kham nổi hai việc lớn cùng một lúc.

Nghe Quang Khải bộc bạch chân thành, những lời nói như buột ra từ tim từ óc chứ không phải là những lời khách sáo thăm dò hoặc so đo tính toán, Hung Đạo hết sức xúc động, ông ngồi im lặng vè vuốt chòm râu bạc và suy ngẫm lời Quang Khải nói “sức thần cũng đã xuống lắm rồi”. Quả thật Quang Khải có vẻ mệt mỏi, hai hố mắt trũng sâu, chắc vương mắt ngủ nhiều đêm. Chắc vương phải lo nhiều việc dân, việc nước. Đúng là Quang Khải có gầy đi, vốn dĩ tướng quốc đã là người mảnh mai, gầy yếu từ nhỏ. Thượng hoàng sinh năm Canh Tí (1240), Quang Khải sinh năm Tân Sửu (1241), năm nay đã vào tuổi bốn mươi sáu, bốn mươi bảy cả rồi. Ta hơn thượng hoàng mười tuổi, hơn Quang Khải mười một tuổi, nhưng sức lực hai người không thể so với ta được. Anh em nhà vua râu, tóc mới chỉ hoa râm chứ chưa bạc như tóc, râu ta, song sức lực lại không được dẻo dai như ta. Chẳng qua là ta chịu rèn sức từ tuổi thiếu niên tới nay, nên ta

dài sức hơn các vương.

Quang Khải là người đa mưu, túc trí, là người quán thông mọi việc, nhưng trong công cuộc kinh chống giặc dữ vừa qua nó đã lấy đi của Thượng tướng Thái sư nhiều sinh lực, nhiều tinh lực. Việc Quang Khải xin thôi giữ chức thái sư để tập trung cho việc cầm quân đánh giặc chứng tỏ vương là một người cao thượng, người có trách nhiệm trước vận mệnh của nước, trước sự mất còn của nước. Thế mà mới chỉ mấy năm trước, ta khổ vì sự nghi kỵ của anh em nhà vua biết đường nào. Ta lo việc luyện quân phòng khi nước có giặc thì bị nghi là có bụng kia khác. Ta lo cho dân trong thái ấp có chút tư điền để cổ kết họ với triều đình phòng khi nước có giặc, lại bị nghi là ta lôi kéo dân chúng, mị dân chúng.

Và quyền thống lĩnh toàn quân, ta chỉ được trao khi giặc sắp vào cõi. Tác lòng son của ta chỉ được thấu tỏ khi ta đánh tan giặc dữ, đành rằng làm nên đại cuộc là sức mạnh của mọi người, sức của mọi nhà, sức của cả nước.

Đêm mùa thu tĩnh mịch, cung Thánh Từ nằm biệt lập, xung quanh là hồ nước và các cây cổ thụ đứng rù bóng im lìm như những người lính canh. Quang Khải dứt lời chỉ còn nghe tiếng lửa nền và bốn gương mặt đăm đăm suy tư.

Quang Khải đề cập đến việc ông xin thôi giữ chức thái sư để chuyên lo việc quân sát cánh cùng Hưng Đạo giữ nước khiến mọi người vừa ngạc nhiên vừa mừng thầm. Ngạc nhiên vì ông từ bỏ nắm giữ một cương vị quan trọng của nước. Cương vị của ông chỉ đứng sau vua. Vậy mà ông từ bỏ một cách hết sức nhẹ nhàng, tựa như người ta phủi một lớp bụi sương trên áo. Còn mừng thầm là bởi ai cũng biết trước đây Quang Khải luôn canh chừng Hưng Đạo. Điều Quang Khải vừa nói ra nó bất ngờ quá khiến cả thượng hoàng và quan gia còn phải cân nhắc.

Bổng quan gia lên tiếng:

- Cháu không nghĩ chú Chiêu Minh lại muốn thôi giữ chức đại chính vào lúc này. Giặc sắp vào cõi mà thay ngôi tể tướng liệu có yên được lòng dân, yên được lòng kẻ sĩ không. Việc này xin phụ hoàng, bá phụ và thúc phụ cân nhắc. Còn như chú muốn chuyên tâm vào việc cầm quân cùng với bá phụ lại đánh tan giặc dữ như năm Ất Dậu mới đây để bảo vệ muôn dân, bảo toàn lãnh thổ thời đó là một ý nghĩ thần thánh. Chỉ những bậc đại trí đại dũng mới làm được như vậy. Thừa chú, cháu vừa lo lắng vừa vui mừng nhưng quả thật cháu không dám quyết.

- Quan gia nói thế, ý anh Quốc Tuấn thế nào? - vua Thánh tông hỏi.

Hưng Đạo nhìn lại gương mặt của từng người về như ông muốn dò thăm ý tứ, đoạn ông nói:

- Chiêu Minh vương thật lòng muốn dồn sức cho việc đánh giặc. Bởi khi nước có giặc thì lo đuổi giặc là việc thiêng liêng nhất. Vì thế quan gia mới nói đó là ý nghĩ thần thánh của vương. Song Quốc Tuấn tôi trộm nghĩ, dù thời bình hay thời chiến, nền đại chính vẫn là rường mối, là huyết mạch của một quốc gia. Cuộc kháng giặc năm Ất Dậu vừa qua, số quân ta dùng chưa hết, vẫn còn hơn mười vạn quân chưa đưa vào trận, lại mọi thứ từ tải lương, tải thương, rồi nơi chốn nào giặc chưa tới, vẫn phải lo việc nông tang như thường, tất cả các việc đó hoàn toàn phụ thuộc vào năng lực của nền đại chính. Trong cuộc kháng giặc vừa qua Chiêu Minh vương hoàn thành xuất

sắc cả hai chức trách Thái sư và Thượng tướng. Công lao ấy phải được lưu lại sử xanh. Nay vương muốn dồn tất cả tinh lực của đời mình để dâng hiến cho công cuộc bảo vệ đất nước, nhẽ nào thượng hoàng và quan gia không ân chuẩn. Có điều rằng triều đình phải tìm được người thay thế xứng đáng. Nếu bộ máy công quyền của nền đại chính không được thông suốt, không được dân tin thì đó lại là một đại họa, ảnh hưởng xấu đến việc cung cấp mọi nguồn lực cho công cuộc kinh chống giặc dữ.

Được Hưng Đạo cổ vũ, Trần Quang Khải lấy làm đẹp ý, mặt sáng lên, ông nói:

- Đa tạ anh Quốc Tuấn hiểu lòng tôi. Vậy tôi xin đề cử người thay thế.

- Ai vậy? - Thượng hoàng Trần Thánh tông vội hỏi.

- Tâu, từ lâu thần đã nghĩ đến hoàng thứ tử Tá Thiên vương Đức Việp, xin thượng hoàng và quan gia xem xét. Tá Thiên vương tuy trẻ, nhưng có tính cẩn trọng mà cương dũng có thừa. Năm Ất Dậu cầm quân vào trận lập được công cao. Nếu thượng hoàng và quan gia còn băn khoăn thì hãy cho Việp tạm quyền một thời gian.

- Dạ, việc đó xin thúc phụ cho cháu xin ý chỉ của phụ hoàng và cũng còn phải cân nhắc đã. Bây giờ con xin phụ hoàng cùng bá phụ, thúc phụ trở lại xem xét các điều mà bá phụ tâu ban nãy đề có kế sách chống giặc sao cho diệu dụng, vua Nhân tông nói và nhà vua đưa mắt nhìn về phía vua cha.

- Sau khi nghe anh Quốc Tuấn tâu báo, ta cũng đã có dự liệu, nhưng trước hết muốn nghe kế sách của anh Quốc Tuấn, đành rằng anh nặng về việc binh, nhưng ở đây anh là người trải đời, trải việc là người có bản lĩnh vững vàng nhất, vua Thánh tông nói và ông hướng cái nhìn về phía Hưng Đạo.

Trần Hưng Đạo không thể không nói vì thượng hoàng đã có ý muốn nghe. Hưng Đạo bèn vái Thánh tông hai vái rồi nói:

- Tâu thượng hoàng, trước hết nói về cái triều đình bù nhìn do nhà Nguyên lập ra, là để nó có tay chân sai bảo. Có nghĩa rằng nó lập ra một thứ triều đình tôi tớ chứ không phải Hốt-tát-liệt muốn có mối quan hệ giao hảo với một nước láng giềng, hoặc với một nước phen giầu.

Tâu, việc này thật chẳng khác gì việc của năm Tân Tỵ (1281) thượng hoàng sai Di Ái sang sứ nhà Nguyên được chúng tôn lập, rồi sai Sài Thung cùng năm ngàn quân dẫn y về nước bắt ta phải nhận. Năm đó, hoàng thượng đã sai đuổi đám quân kia ra khỏi cõi, đón sứ vào Thăng Long còn Di Ái bắt về trị tội.

Có điều lần này giặc đưa bọn bù nhìn về sẽ đi cùng với cả mấy trăm ngàn quân giặc chứ không phải chỉ có năm ngàn như lần trước. Và chắc chắn lần này ta không chỉ bắt lũ Việt gian mà còn bắt cả lũ tướng giặc trị tội.

- Vậy chớ còn việc giặc huy động đại binh đánh ta thì sao. Liệu lần này giặc đưa số quân gấp bội lần trước và chúng tăng quân thủy tới mức áp đảo sở trường đánh thủy của ta thì sao. Anh thử tính xem, quân mình, dân mình có còn đủ sức đánh lại với đội quân khổng lồ ấy không.

- Tàu bệ hạ - Hưng Đạo vẫn điềm đạm trả lời - Bây giờ chưa thể nói đánh giặc như thế nào vì chúng chưa đem quân vào cõi. Để xem chúng đem vào số quân là bao nhiêu, lại xem cách chúng đánh như thế nào, đánh ào ạt quyết chiến ngay hay đánh theo cách tầm ăn dẫu. Chúng đánh cách nào thời ta sẽ có phương lược đối phó theo cách đó. Chúng đem chừng quân nào vào, thời ta đánh vào chừng quân đó, bắt nó không phát tác được sở trường mà phải bộc lộ sở đoản.

Tàu bệ hạ, năm nay nếu giặc vào cõi chắc là dân ta không còn e sợ giặc nữa, sẽ hăng hái đánh trả nó ngay từ đầu. Quân ta cũng không còn e ngại chúng nữa là vì hai bên đã độ sức, thắng thua đã rõ.

Sở dĩ năm trước giặc đến, dân ta nhiều người còn bỡ ngỡ, thậm chí sợ giặc, có kẻ ra hàng. Cả người trong tôn thất lẫn kẻ cũng không giữ được lòng trung. Là bởi dân sống trong hòa bình đã lâu. Và chỉ mới nghe đồn về sức mạnh và sự tàn bạo của giặc, dân đã thấy sợ hãi. Dù trước đây dân ta có đánh giặc Thất năm Đinh Ty, nhưng cũng cách nay tới ba chục năm rồi. Và lại ngày ấy giặc đến và đi đều rất nhanh và quân chúng cũng chỉ kéo từ Quy Hóa giang [27] về tới Thăng Long bị quân ta đánh đuổi ra khỏi cõi bờ chỉ trong mấy chục ngày nên chúng chưa kịp gây nhiều tội ác, dân chúng không lưu dấu được hình ảnh gì đáng sợ của giặc.

Vì vậy, nếu lần này giặc vào thì dân cũng như quân ta đều đã biết về giặc và biết cả cách tránh cũng như cách đánh giặc rồi, xin bệ hạ cứ yên tâm.

Tâu, nếu lần này giặc lại vào thì cả quân và dân ta đều hăng hái đánh giặc, còn quân giặc thì cả quân và tướng đều lo sợ do trận thua năm trước vẫn chưa hoàn hồn.

- Vậy chớ phải lo khai triển kế sách nghênh địch từ bây giờ chứ anh Quốc Tuấn.

- Tâu, thần lúc nào cũng coi như giặc đã áp sát biên thùy, nên việc canh phòng, cảnh giới, ém quân đều đã sẵn sàng chờ giặc đến. Mới đây quan gia cũng lệnh cho các vương hầu, tôn thất mộ thêm lính, chấn chỉnh lực lượng, sửa sang các chiến thuyền để tăng thêm sức mạnh của quân ta. Quan gia cũng đã có dụ cho bộ Công phải gấp rút chế tác khí giới, nhất là các loại tinh xảo như ngũ sảo pháo, nỏ liên châu bắn bằng mũi tên đồng. Tâu thượng hoàng, cả nước hiện nay đang sôi sục khí thế đánh giặc giữ nước, tuy vậy việc canh tác, việc nông tang mùa vụ vẫn diễn ra bình thường.

Nghe Hưng Đạo tâu báo, vua Thánh tông thực sự yên tâm. Ngài quay lại hỏi vua Nhân tông:

- Có phải ẩn quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự quan gia vẫn trao cho Hưng Đạo vương quản nhiệm đấy chứ?

- Tâu phụ hoàng, ẩn đó con trao cho bá phụ từ cuộc đại duyệt toàn quân tại Đông Bộ đầu từ tháng tám năm Giáp Thân (1284). Nay triều đình vẫn giao việc đó và ẩn đó để Quốc công lãnh việc thống suất toàn quân cự giặc.

Vua Nhân tông vừa dứt lời, Hưng Đạo lại tâu:

- Nhân quan gia nói đến đại duyệt toàn quân, thần xin thượng hoàng và quan gia ân chuẩn cho đến trung tuần tháng một này trở đi thần cho tập đại thủy trận lần lượt tại các nơi như Lục Đầu giang, ngã ba Bạch Hạc và Văn Đồn - Bạch Đằng giang. Và xin được

điều động như sau:

- Thượng tướng Chiêu Minh vương thống lĩnh mười vạn gồm quân bản bộ và điều thêm quân của các vương lộ Thiên Trường, Đà Giang về phối hợp. Địa bàn tổng diễn tập là ngã ba Bạch Hạc.

- Phó tướng Nhân Huệ vương điều động hết thủy số quân hiện có đang trấn tại Vân Đồn đưa vào diễn tập. Địa bàn diễn tập trải dài từ Vân Đồn về tới Cửa Lục có tính tới cửa An Bang.

- Thần cũng đưa mười vạn quân bản bộ lấy địa bàn Lục Đầu giang làm nơi diễn tập.

Sau đó, đại quân của Nhân Huệ vương đóng giả làm quân Nguyên theo đường Bạch Đằng ngược lên uy hiếp cánh quân Đại Việt tại Lục Đầu giang. Cùng lúc đại quân của thượng tướng Chiêu Minh vương cũng đóng giả làm quân Nguyên từ Bạch Hạc tiến vào, hợp thành thế bao vây Vạn Kiếp, về mặt bộ, một cánh “quân Nguyên” khác do Chiêu Văn vương phối với Hưng Vũ vương và Phạm Ngũ Lão đem mười vạn quân bộ, quân kỵ chiếm ái Nội Bàng tiến thẳng xuống chọc sườn phía tả quân Đại Việt. Vậy là Vạn Kiếp tam phương thụ địch.

Tâu đây chỉ là đại lược, còn chi tiết cụ thể sẽ họp các tướng bàn bạc đề lập sa bàn và đường hướng diễn tập của từng mặt trận. Tâu, nếu có đủ thời gian thì cả hai cuộc tập trận này phải kéo dài tới ba tháng để mọi tình huống đều được khai thác đến tận cùng, điều đó rất có lợi cho tướng lĩnh và binh lính khi đối mặt với kẻ thù đích thực.

Nghe xong các điều dự liệu của Quốc công tiết chế, Chiêu Minh vương Trần Quang Khải lấy làm tâm phục, ông hỏi:

- Có phải anh Quốc Tuấn trừ liệu trận này Thoát-hoan, Áo-lỗ-xích, Ô-mã-nhi quyết đoạt bằng được chiến trường Vạn Kiếp của anh không?

Hung Đạo giật mình nhưng ông đã kịp trấn tĩnh liền đứng dậy vái Trần Quang Khải một vái và nói:

- Đệ biết hết cả ruột gan ta. Đúng thế, Vạn Kiếp là một địa bàn chiến lược tiến lên có thể uy hiếp Thăng Long, Trường Yên, Thiên Trường; lui về có thể giữ yên con đường thủy bộ huyết mạch. Bộ thì có con đường thiên lý qua vùng Bắc Giang thượng hạ tiếp với Bàng Tường của nước Tàu. Thủy thì từ Vạn Kiếp xuôi về Bạch Đằng giang qua nẻo Vân Đồn hoặc đi thẳng ra cửa An Bang rồi ra biển. Đó chính là con đường thoái lui mà giặc cho là sống còn của nó. Trận trước, khi tháo chạy chúng chỉ dồn về đường bộ qua nẻo Tư Minh, Bàng Tường, quân chúng vốn lại nên ta tiêu diệt được nhiều, ngay cả Lý Hắc còn tử trận và Thoát-hoan cũng suýt chết. Vì vậy lần này chúng phải chiếm các địa bàn chiến lược trọng yếu ngay từ khi chúng còn giữ ưu thế về binh lực.

Trần Thánh tông bật lên tiếng cười lớn và hỏi:

- Anh Quốc Tuấn nói thế chẳng hóa ra Hốt-tát-liệt phái đại binh vào nước ta lần này đã nhắm thế thủ bại từ trước khi xuất quân sao?

Hung Đạo cũng cười và cả mấy anh em bác cháu cùng cười vui, đoạn Hung Đạo nói:

- Thượng hoàng thừa biết, giặc Bắc chưa bao giờ từ bỏ âm mưu thôn tính nước ta, cho nên lần này cha con Hốt-tát-liệt sẽ tru liệu đánh lớn và quyết chiếm các yếu huyết chiến lược ngay từ đầu để giữ thế thượng phong, rồi từ đây sẽ lừa quân ta vào các túi mà chúng đã giăng mắc để tiêu diệt hoặc bức hàng.

- Anh Quốc Tuấn đã tính trước thế cờ, nhưng liệu đó có trùng với dự mưu của giặc không? Ý chú Chiêu Minh và quan gia thế nào? - Thánh tông gắng hỏi.

Quốc Tuấn chợt nhận ra một điều rằng trong thâm tâm vua Thánh tông vẫn lo thế giặc quá mạnh, nên nhà vua dù có tin rằng quân ta có thể cự được giặc nhưng vẫn còn băn khoăn, lo lắng.

Chiêu Minh vương cũng đọc được tâm trạng lo lắng của Thánh tông, ông nói với giọng bình thản:

- Huynh trưởng lo cho xã tắc là chuyện đương nhiên. Nhưng đánh giặc hoặc giặc đi xâm lấn đều phải theo phép tắc chung của binh pháp chứ không thể gặp chăng hay chớ. Anh Quốc Tuấn dự đoán mưu giặc lần này cũng chỉ là một giả định trong nhiều giả định. Nhưng điều quan trọng vào bậc nhất là sự biến hóa khi lâm trận. Tướng có tài cầm quân thì từ từ địa sẽ tìm ra sinh địa, sẽ chuyển thế bại thành thế thắng. Còn các tướng bất tài sẽ từ sinh địa chạy sang tử địa và từ thế thắng sẽ dẫn tới thế thua, thế bị tiêu diệt.

Vua Nhân tông cũng nói hòa vào:

- Cái linh giác của một đời làm tướng sẽ dẫn bá phụ đi tới những quyết sách đúng đắn, con tin sự diễn biến chiến trường sắp tới đều không nằm ngoài dự liệu của bá phụ. Và giặc Bắc sẽ nắm chắc phần chiến bại là điều hiển nhiên. Tuy vậy cuộc chiến sẽ diễn ra rất khốc liệt.

Đêm đã khuya, vua tôi say sưa bàn bạc kế sách đánh giặc mà quên sai bảo nội thị hầu trà hầu rượu. Đám thị nữ, quan nội hầu cứ lấp ló ngoài hành lang lắng nghe tiếng chuông gọi để được vào hầu nhưng đã không có một tiếng chuông nào vang lên cả.

Tới lúc này mọi người mới thấm mệt và mới nhớ ra cả miếng nước uống cũng không có nữa, thật là một chuyện chưa bao giờ xảy ra trong cung Thánh Từ.

Hung Đạo xin phép cáo lui để về vương phủ và sớm mai ông sẽ xuôi thuyền về Vạn Kiếp. Trước khi ra về vương nắm chặt tay Chiêu Minh vương Trần Quang Khải nói giọng đầy xúc động:

- Quyết định của vương làm ta yên tâm vào trận, biết nói thế nào để vương hiểu niềm vui đang tràn ngập lòng ta.

- Anh Quốc Tuấn, từ sau bữa anh tắm cho tôi ở trên thuyền trước ba quân và sau cuộc cờ ở thủy đình trong hồ Ngọa Ngọc hồi tháng mười năm Giáp Thân, trước khi giặc Nguyên vào cõi tôi mới hiểu được anh và biết mình là kẻ hẹp lượng, mong anh bỏ hết những chuyện đã qua và cùng nhau cứu lấy nước, giữ lấy giang sơn Đại Việt.

Quốc Tuấn xúc động lắm, ông đưa ánh mắt cảm thông về phía Quang Khải và cúi chào hai vua rồi bước ra khỏi cung Thánh Từ.

Về tới dinh phủ, Hưng Đạo sai thấp bạch lập đề ông đọc sách. Ông mở *Tôn Tử binh pháp* đọc được vài trang nhưng chữ nghĩa cứ nhảy múa ở trong đầu và không còn nhớ những gì mình vừa đọc. Sau đó ông lại lần mở *Vạn kiếp tông bí truyền thư* là bộ binh pháp do ông trứ tác ra đọc. Đọc cái mà mình viết ra ông cũng không biết trong đó nói gì. Tự biết tâm đang xao động, ông tắt bạch lập, uống một chén trà cúc rồi ngồi tọa thiền để lấy lại sự quân bình cho thân tâm.

Chừng một khắc canh giờ sau thấy đầu óc đã nhẹ nhõm thì hình ảnh cuộc hội kiến với hai vua và Chiêu Minh vương Trần Quang Khải lại hiện ra khiến ông hải lòng. Sự quyết định dứt khoát của Quang Khải chỉ chuyên lo việc cầm quân đánh giặc và xin được ta sai khiến. Đó là một điều bất ngờ, ta chưa bao giờ nghĩ tới.

Vậy là lần này, trước khi giặc vào cõi, mọi mối tị hiềm đã được gỡ bỏ. Tinh đoàn kết gắn bó từ nhà đến nước, từ triều đình đến dân chúng nơi thôn ấp sẽ là một sức mạnh to lớn khiến cha con Hốt-tát-liệt khó lường. Đúng là cuộc chiến năm Ất Dậu, ta biết bao là gian khó, phần lo tập hợp sức quân sức dân trong cả nước để kháng giặc, phần lo nhà vua và Quang Khải còn nghi ngờ ta tiềm ngôi nước. Chính anh em nhà vua còn chút hoài nghi ấy nên ta càng phải giữ mình. Cũng may quan gia (vua Nhân tông) và Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật hiểu được lòng ta, đã góp phần đáng kể vào việc hóa giải mối ngờ vực âm ỉ suốt mấy chục năm dài. Và vì thế mãi tới khi giặc sắp vào tới biên thùy cha con nhà vua mới chịu trao quyền thống suất toàn quân để cho ta điều hành công cuộc kháng giặc.

Đánh bại giặc, bảo toàn bờ cõi, giữ yên tông miếu ta vẫn an phận làm tôi, vì thế đã cảm hóa được Quang Khải chuyên lo việc quân cùng ta, khác nào ta như hồ mọc thêm cánh. Vì vậy việc đánh giặc sắp tới, ta thấy phần thắng là chắc chắn chứ không mong lung như cuộc chiến năm Ất Dậu.

Lần này ta chắc cuộc chiến sẽ ác liệt hơn cuộc chiến năm Ất Dậu. Bởi giặc rảnh tay đánh ta, tiềm lực của nó vì thế mà rất lớn. Vừa là cuộc phục thù vừa là mưu đồ thôn tính ta bằng được mới mở thông cửa cho giặc tiến về phương nam để thôn tính Chiêm Thành, Chân Lạp, Tiêm La... Sự thật, nếu giặc bình định được Đại Việt, các nước kia tự khắc phải xin hàng. Và giặc đã từng thất bại nhục nhã, lần này chúng phải dùng độc kế. Do đó, cuộc chiến lần này không chỉ là cuộc đấu lực mà còn là cuộc đấu trí vô cùng khốc liệt.

Quả là giặc dồn nước ta đến tận chân tường và ta chỉ có một con đường: Thắng giặc hay là chết. Còn giặc, chúng có những hai con đường, nếu thắng ta, giặc sẽ ở lại tàn phá nước ta, đè đầu cỡi cổ dân ta, nếu giặc thua thì con đường phía trước của chúng cũng rất thênh thang, ấy là tháo chạy. Ta đang lo tìm mưu kế nếu giặc lại vào, lần này ta phải đánh cho chúng một đòn thật kinh hoàng để mỗi khi nghĩ đến hai tiếng Đại Việt, tướng giặc đã nổi da gà và sống lưng buốt lạnh, ngựa chiến của chúng vừa chồm nhìn thấy biên thùy nước ta đã hốt hoảng quay đầu.

Sáng ra, dùng xong ấm trà sớm và ăn điểm tâm, Hưng Đạo ung dung bước xuống thuyền xuôi về Vạn Kiếp, lòng thanh thản.

Mấy đứa trạo nhi đưa con thuyền nan theo dòng Tô Lịch ra cửa Hà Khẩu rồi hòa vào sông Cái ngược về sông Thiên Đức ^[28]. Nhập vào sông Cái, dòng sông mệnh mang, tuy đã sang thu nhưng nước nguồn vẫn đang đổ về rất mạnh. Hai bên bờ sông cây cối ăn sát mép nước, đó là những dải rừng rậm rạp mà phía sau nó là những cánh đồng lúa xen kẽ giữa các ngôi làng. Mặt trời lên đã chênh chếch ngọn tre mà vẫn chưa xua sương mù khiến bầu trời có màu trắng đục như màu sữa. Thịnh thoảng có một đàn cò bay chấp chới lướt qua

mặt sông rồi sà đầu xuống bờ nước kiếm ăn.

Hung Đạo đã đi lại tới cả ngàn lần trên mặt sông này, ông thuộc nằm lòng các vật trên hai bờ và cả thủy chế của dòng sông qua các mùa, ấy vậy mà bữa nay ông ngắm nhìn nó hết tả ngạn qua hữu ngạn, nhìn suốt hạ lưu lại ngoái xem thượng lưu cứ như là ông mới qua đây lần đầu.

Khi thuyền vào sông Thiên Đức để xuôi về Vạn Kiếp, lúc này vừa thuận gió vừa xuôi nước, đám trạo nhi đã giương buồm, thuyền lao đi vun vút như ngựa chạy, Hung Đạo sai buồng rềm rồi ông vào trong khoang nằm ngủ, lại dặn đám quân hầu: “Khi nào thuyền cập bến mới được đánh thức ta dậy”.

Chừng nhai tàn miếng trầu, đám quân theo hầu đã thấy vương ngáy, và họ quanh quẩn phía ngoài canh cho vương ngủ.

Trời tối sẫm, khoảng đầu giờ tuất thuyền cập bến, mũi thuyền va nhẹ vào bờ khiến vương thức giấc.

Nhà tân khách đèn đốt sáng lò, các gia tướng gia thần đã tề tựu đông đủ chờ đón chủ tướng.

Hung Đạo ghé nhà tân khách cho mọi người chào hỏi. Chủ tướng nói đôi lời và hẹn một lát sau ông quay lại. Liền đó ông vào nhà hậu đường vẫn an phu nhân.

Thấy Quốc công trở về với giọng nói hồ hởi và gương mặt rạng rỡ như có điều gì vui lắm đang ủ giấu ở trong lòng, phu nhân liền hỏi:

- Hốt-tất-liệt bãi binh rồi hay sao mà vương vui thế?

Khẽ nắm bàn tay phu nhân, vương đáp:

- Phu nhân đoán việc như thần.

- Thật vậy sao vương? Nếu đúng như vương nói thì hồng phúc nước nhà to lắm.

- Đúng là giấc có tạm thời hoãn binh, chắc là chỉ sau dăm bữa nửa năm rồi giấc lại động binh thôi, phu nhân nên biết Hốt-tất-liệt là kẻ ngạo mạn, hấn đưa quân đi chinh phục khắp gầm trời này chưa bao giờ hấn bị đối phương đánh bại. Cho nên cuộc bại trận năm Ất Dậu trên đất ta là một sự ô nhục đối với thiên tử và thiên triều, đó là việc chưa từng xảy ra đối với một đại Hãn như Hốt-tất-liệt.

Bỗng Hung Đạo giật mình vì bàn tay của phu nhân nóng quá. Vương ân cần hỏi:

- Phu nhân bị yếu từ bao giờ, ta vô tâm quá, ông nói về ân hận, như chính mình có lỗi.

- Thiếp bị cảm qua loa thôi, một vài ngày sẽ khỏi. Và lại tuổi già thì sức yếu; sinh-lão-bệnh-tử cái vòng tuần hoàn ấy nó chẳng trừ ai đâu. Phu quân nên bảo trọng tấm thân muôn quý. Vương hãy để hết tâm lực cùng cả nước lo kháng giặc, khỏi phải băn khoăn vì thiếp. Trong vương phủ có nhiều thầy thuốc giỏi, lại bao nhiêu tì nữ hầu hạ ngày đêm thủ hời như thế còn chưa đủ sao. Trong lúc này

phải lo giữ lấy mệnh nước. Đất nước lâm nguy thiếp chân yếu tay mềm không làm được việc gì cho nước, trăm sự trông vào vương để vương gánh cả cho phần của thiếp.

- Việc nước, việc quân sao ta có thể xao nhãng, nhưng để phu nhân yếu mà phải vò vố một mình ta sao yên tâm được. Vậy chờ bấy lâu nay phu nhân thấy trong người thế nào mà ta trông phu nhân có vẻ mệt mỏi lắm.

- Chỉ vài bữa là thiếp khỏi thôi, chỉ tại cái chứng hỏa bốc lên làm đau đầu mất ngủ. Mất ngủ một vài đêm là người phờ phạc ra, ngủ được lại hồi phục ngay. Thầy thuốc bảo chân hỏa của thiếp vượng cũng tức là chân âm kiệt, nay đang uống thuốc để nâng cái chân âm lên cho thăng bằng âm dương, chứ nếu giáng hỏa xuống đột ngột sẽ nguy cho tính mạng. Bởi thế bệnh sẽ lui dần.

Phu nhân nhìn vương hết sức triu mến và có vẻ như năn nỉ, khẩn cầu nữa, đoạn bà nói:

- Vương đi rửa mặt thay quần áo đi, có nước lá thơm gia nhân đã sắp sẵn trong phòng tắm, rồi vương dùng bữa còn gấp gáp các gia thần chứ, các ông ấy đợi vương từ chiều, chắc là có mưu chước gì cần tâu báo đấy. Nói xong, phu nhân kéo vương đi ra dãy xuyên đường.

Nhà tân khách đèn vẫn thấp sáng trưng, các gia tướng gia thần của phủ Hưng Đạo đang sôi nổi bàn thảo về cuộc xâm lăng Đại Việt sắp tới sẽ diễn ra như thế nào. Hốt-tát-liệt sẽ cử ai lĩnh ấn nguyên súy và những tướng nào ở trong bộ phận đầu não của chúng.

Trần Thi Kiến nói:

- Cuộc chiến năm Ất Dậu Hốt-tát-liệt đã sai các đệ nhất danh tướng làm bộ phận đầu não của đoàn quân viễn chinh. Thoát-hoan nghe đâu là con trai thứ mười hoặc mười một của Hốt-tát-liệt, tên này cũng là một tướng giỏi đã vùng vẫy khắp các mặt trận trên đất Trung nguyên, không có một viên tướng Tổng nào là địch thủ của y. Đánh rằng y không phải là tướng giỏi nhất nhưng y là hoàng tử, con vua nên được phong là Trần Nam vương, tả hữu dưới trướng có cả thừa tướng A-lí Hải-nha, hữu thừa tướng là Lý Hằng, hai tên này là đệ nhất danh tướng và cũng là đệ nhất công thần của triều Nguyên hiện nay.

Còn tướng đảm nhận các chủng quân có Ô-mã-nhi, Lưu Thế Anh là những tướng rất giỏi về thủy chiến. Các tướng như Vạn hộ Lý-la-hợp đáp-nhi (Bôn-kha-đa), Chiêu thảo Nạp-hải (Na-khai) là những tướng kỵ binh lỗi lạc. Toa-đô thì đánh bộ, đánh thủy, đánh quân kỵ đều giỏi. Bọn Vạn hộ Lý Bang Hiến, Nghê Nhuận... đều là tướng dạn dày chiến trận. Thế mà kết cục như thế nào các ông đều biết cả. Toa-đô mất đầu, Lý Hằng, Lý Bang Hiến bỏ mạng, Lưu Thế Anh, Ô-mã-nhi bỏ quân trốn chạy. Ngay Thoát-hoan cũng hồn kinh phách lạc. Vậy thì lần này chúng đào đâu ra các tướng tài nữa, theo tôi lại bọn quân cũ, tướng cũ mà thôi, có điều lần này chúng sẽ kéo sang đông hơn, nhưng tôi dám chắc là chúng tháo chạy cũng sớm hơn, nhanh hơn, vì tất cả bọn chúng đều đã ngấm đòn Đại Việt, nên đưa nào cũng pháp phỏm lo như gà đã một lần bị cáo vô huyệt.

Trần Thi Kiến vừa dứt lời, các quan đều cười vui vẻ và cho điều Thi Kiến nói là có lý. Cũng vừa lúc Hưng Đạo xuất hiện. Ông hỏi han công việc của mọi người và cũng cho họ biết về ý tứ mà hai vua cùng ông và thái sư đã bàn kế chống giặc như thế nào. Ông khuyên mọi người đi nghỉ vì đêm đã khuya; sớm mai ông sẽ nghe tâu báo công việc và cũng bàn một số việc phải làm ngay. Lại sai quân phải đi

triệu gấp các tướng là con của vương về Vạn Kiếp hội bàn việc quân.

Sáng sớm Yết Kiêu đã dậy hầu trà Quốc công. Trong tất cả các loại trà sản được ở trong nước, Hung Đạo vẫn ưa hơn cả là trà cúc. Chỉ một đúm trà hãm với dấm bông kim cúc phơi được nắng thế là được một ấm trà ngon. Ông thích uống mộc như thế để thưởng thức mùi thơm tinh khiết của hoa cúc và cái vị hơi ngầy ngầy của trà.

Bữa nay vương sai Yết Kiêu hãm trà vào ấm to và cho gọi cả Dã Tượng vào cùng uống. Pha trà xong, rót mời chủ tướng rồi Yết Kiêu, Dã Tượng chấp tay đứng hầu.

Hung Đạo tự rót nước ban cho hai người và nói:

- Các người cứ ngồi vào kỷ đi, ngồi vào uống rồi ta còn hỏi chuyện mấy ngày ta vắng nhà.

Hai người bê lấy nước nhưng đều khép nép cảm tạ chứ không dám ngồi.

Hung Đạo chép miệng rồi phán:

- Ta lấy làm tiếc hai người xuất thân từ đẳng cấp thấp nên ta không thể phong tướng cho các người được vì đó là luật lệ của triều đình. Nhưng tài năng của các người, lòng quả cảm của các người, lòng trung thành của các người thực chẳng kém ai, liệu rồi sử xanh có chép ghi lại để lưu danh hậu thế. Dù đời có coi các người như thế nào mặc lòng, nhưng ta vẫn giữ các người ở nơi trưởng hồ và sai bảo như các tướng tả hữu phúc tâm vậy.

Hai người nô bộc nghe chủ tướng nói mà cảm động đến rơi nước mắt bèn quỳ vái vương.

Hung Đạo đỡ họ dậy và ấn ngồi vào kỷ. Họ sợ hãi chỉ dám ngồi lân ra mép kỷ. Chợt chủ tướng hỏi:

- Dã Tượng, đội tượng binh tập tành thế nào? Con Thần Vũ của ta có cái nhọt ở phía vành tai đã vỡ mủ chưa?

- Bẩm vương, hôm qua con đã trích nhọt, nặn mủ rửa sạch và đắp lá thuốc cho nó rồi ạ. Sớm nay nó đã bình thường trở lại vì đêm qua hết đau nó ngủ ngon giấc lắm. Bẩm vương, việc luyện tập đội tượng binh theo lời dạy của vương, vị đô tướng cho người và voi tập ăn ý lắm.

- Thế còn đội quân ngầm của ta thế nào Yết Kiêu?

- Bẩm vương những người huấn dạy thành tài phân làm hai đội hằng ngày tập với nhau. Còn hơn ba trăm người đi tuyển ở các nơi về sau hai tháng huấn dạy đã loại mất hơn hai trăm người rồi ạ. Dạ nhiều người loại mà con cũng tiếc lắm. Họ đáp ứng đủ các chuẩn cấp mà chùng quân đó đòi hỏi, nhưng lại đoán sức không ở lâu dưới nước được và mùa lạnh những người mảnh sức dễ lên cơn hen bắt thường có thể gây ra cái chết bất đắc kỳ tử. Vâng, phải loại thôi ạ.

Bẩm vương những người bị loại khỏi đội quân ngầm họ không chịu về, cứ nhất định xin ở lại trong quân. Dạ, vị đô tổng quản đã phen họ về các đội quân cung nỏ hoặc đao thương rồi ạ. Dạ, tinh thần binh sĩ lên cao lắm. Họ bắt chước những người lính thời Trưng

Hung câu nào cũng thích lên cánh tay mình hai chữ SÁT THẤT.

Hung Đạo tò về hải lòng, vương cho Yết Kiêu, Dã Tượng đi theo ra bãi tập thăm các chủng quân. Bởi các quân ở cách nhau khá xa nên vương và hai gia nô phải đi ngựa. Con tía mặt vừa trông thấy chủ đã lắc bõm đập móng và hí lên mấy tiếng tựa như một lời chào. Vương vừa nắm dây cương vừa vuốt nhẹ lên trán nó, con tía mặt chớp chớp mắt. Rõ ràng là nó cảm động trước cử chỉ âu yếm của vương.

Đang ruỗi ngựa, vương ngược nhìn bầu trời trong vắt và ánh nắng từ đằng đông xiên chéo sang khiến vương hơi lóa mắt, vừa ngoảnh đi thì bất gặp hình ảnh ngọn núi An Phụ cao ngất, ở đó mây phủ trắng xóa. Bất gặp ngọn núi An Phụ, nơi đề di hải An Sinh vương Trần Liễu, hình ảnh người cha bất chợt hiện lên. Và vương nhớ lúc lâm chung, cha nhìn trước nhìn sau rồi đuổi hết mọi người ra chỉ còn ta với lão bộc. Người lão bộc già trung thành nên cha không nỡ đuổi. Bất ta phải ngồi nhích lại gần cha. Cha nhìn thẳng vào mắt ta nói lời trăng trối: “Mày mà không vì cha lấy được thiên hạ thì cha chết không nhắm mắt”.

Trong mấy chục năm qua, lời trăng trối ấy vẫn hằn sâu trong óc não vương. Vương thương cha trong cuộc đời có nhiều điều bất như ý, cả sự bức bách của ông chú họ là Thái sư Trần Thủ Độ, nên sự đau khổ đã uất kết ở trong lòng khiến có lời trăng trối đó. Tuy thương cha, nhưng vương không cho lời cha dạy là phải và không theo.

Tuy nhiên, sự ngờ vực của phía những người giữ quyền đại chính, có lúc vương cảm như nghẹt thở. Ngay cả việc chấn dân, vỗ về dân để cố kết họ cùng với triều đình đánh giặc, tới mức vương phải sê cả sản nghiệp cho dân để hữu sản hóa cho người nông phu vẫn còn bị triều đình nghi kỵ. Mãi sau rồi chính sách Phú quốc cường binh mới được anh em nhà vua chấp nhận. Bấy giờ trong tay ta thống lĩnh đại binh, phủ binh của các vương, hầu đều đặt dưới quyền sai khiến của vương. Nếu như vương đem lòng kia khác thì chỉ cần phẩy tay một cái là xã tắc nghiêng đổ. Nhưng đó là việc làm của kẻ vô phu. Vì thân chứ không phải vì dân, vì nước. Vương thà chết chứ không làm chuyện thất đức này. Nhưng sao vương nghe mấy đứa con cũng mong manh biết chuyện. Có nhẽ ta phải dò thăm ý tứ chúng và phải dẹp bỏ ngay đề anh em cố kết cùng với sự cố kết toàn dân thì mới đủ sức chống đỡ giặc ngoài. Lúc này mà chia lòng là tự sát và cũng có nghĩa là đem nước dâng cho giặc, tội ấy muôn đời sau dân còn rửa oán.

Tiền đường ngựa, vương qua thăm một vài chủng quân, xem xét một vài bãi tập nói lời vỗ về binh sĩ rồi vương cùng hai gia nô trở về vương phủ.

Các gia tướng, gia thân ai vào việc nấy. Các công tử trấn giữ biên thù vương sai triệu vẫn chưa về kịp.

Chiều, vương sai triệu hai gia nô Yết Kiêu, Dã Tượng vào phòng kín và vương muốn thử lòng họ xem sao. Vương kể lại lời cha trăng trối và gặng hỏi:

- Ta coi các ngươi là chân tay của ta, là máu thịt của ta, đã cùng ta nằm gai nếm mật, vào sinh ra tử chống giặc dữ Mông - Nguyên, vậy ta hỏi các ngươi, việc này nên như thế nào?

Nghe chủ tướng hỏi, cả hai đều sùng sốt, sau giây lát định thần, cả hai cùng rạp đầu can. Dã Tượng nói:

- Bẩm vương, làm kẻ ấy tuy được phú quý một thời nhưng tiếng xấu để lại đến nghìn thu. Nay vương há chẳng phú quý hay sao!

Chúng con thể xin chết già làm gia nô, chứ không muốn làm quan mà không trung hiếu, chỉ xin lấy người làm thịt dê là Duyệt làm thầy mà thôi.

Yết Kiêu tỏ vẻ ngậm ngùi nói:

- Bẩm vương, Dã Tượng nói phải đó. Nếu vương định làm việc đó thì chúng con xin chết trước mặt đại vương để khỏi phải chứng kiến cảnh đau lòng vì nổi da xáo thịt, nước mất nhà tan.

Hung Đạo cảm kích vì tấm lòng trung nghĩa của hai người gia nô. Vương ứa nước mắt an ủi:

- Các ngươi là phận nô bộc còn biết điều đạo nghĩa hưởng chi một đấng trượng phu như ta há lại không biết phân biệt điều phải, điều trái, việc nhân, việc nghĩa sao. Đó là ta thử lòng các ngươi thôi vì giặc lại sắp vào cõi, phải siết chặt tay nhau chung sức chung lòng mới tạo ra được sức mạnh để giữ nước.

- Bẩm, vương nghĩ vậy là phúc cho nước, Yết Kiêu đáp.

Chiều muộn các vương đã về đông đủ. Chờ cơm nước xong Hung Đạo cho triệu các gia tướng, gia thần và cả bốn người con lên nhà tân khách.

Bạch lạp thấp sáng trưng. Đây là căn nhà mới dựng lại bằng tranh tre, căn nhà gạch cũ giặc đã đốt cháy trụi và ầy đổ cả tường. Những chiếc kỷ bằng tre xếp thành hàng. Ai nấy đã vào chỗ. Các con của vương không ngồi tùm lại mà ngồi xen kẽ. Ví như Hung Võ vương Trần Quốc Nghiễn ngồi cạnh Trần Thị Kiến, Hung Hiếu vương Trần Quốc Uất ngồi cạnh Phạm Ngũ Lão, Hung Nhượng vương Trần Quốc Tảng ngồi cạnh Trương Hán Siêu, Hung Trí vương Trần Quốc Hiến ngồi cạnh Ngô Sĩ Thường.

Các vương cùng các gia tướng gia thần hỏi han công việc của nhau thật là rôm rả.

Trần Thị Kiến hỏi vương Nghiễn:

- Vương từ biên ải về, vậy chớ biên thùý có động tĩnh gì không?

- Ta chưa thấy lúc nào mà biên thùý lại tĩnh như lúc này, Nghiễn đáp.

- Biên thùý yên tĩnh hẳn là phía trong giặc đang có âm mưu gì đó.

- Ta cũng nghĩ như thế, nên dù phụ thân cho triệu cũng có dám về ngay đâu mà còn phải đi kiểm xét lại một lượt rồi trao quyền cho đô phó tướng mới rời quân doanh.

Trần Quốc Tảng quay ra nói với Trương Hán Siêu:

- Ta nghe nói tiên sinh làm thơ giỏi lắm phải không, thân phụ ta thường khen ông thông minh. Ông đã đôn vào thành mấy tập rồi?

- Đa tạ tướng quân hỏi thăm và có lời khen. Trương Hán Siêu cảm tạ và nói lời hóm hỉnh:

- Thật ra làm thơ giỏi tức là làm nhanh và làm nhiều, người làm thơ như thế thì lấy quý hồ đa chứ không lấy quý hồ tinh. Nói thật với tướng quân, tôi làm thơ chậm lắm. Chắc cũng được ít bài vớt rài rác, phu nhân tôi thường lén nhặt cất đi. Cho tới nay tôi cũng không nhớ đã làm được bao nhiêu bài. Dạ hay thì tôi không dám chắc. Thơ hay ví như châu ngọc. Châu ngọc sở dĩ quý vì nó hiếm. Nếu tôi có thơ hay ví như tôi có châu ngọc. Mà đã có của quý như châu ngọc chắc là không thể quên được. Tôi không nhớ được thơ tôi, tất nó chưa phải thơ hay.

- Tôi có ông bác tu thiền, cũng có làm thơ, nhiều người khen thơ của bác ấy hay lắm, chẳng biết tiên sinh đã có dịp coi qua.

- Dạ, có phải cụ Hưng Ninh vương?

- Đúng! Bá phụ tôi đấy.

- Tôi có được đọc một số bài thơ cụ làm phóng khoáng nhưng ý tứ thâm trầm lắm, đám trẻ chúng tôi chỉ có đứng xa mà vái chứ không theo được.

- Trong số thơ của bác mà tôi đọc, tôi thích nhất bài *Phóng cuồng ca*, tiên sinh thấy bài ấy thế nào?

- Dám hỏi vì sao mà tướng quân thích bài đó?

- Có gì đâu, tôi thấy cái khí văn nó chất ngất ngang tàng của một bậc anh hùng mã thượng, nó hợp với cái tạng của tôi.

- Tướng quân quả có khiếu năng thâm thi. Võ tướng mà yêu thơ như tướng quân kẻ cũng hiếm.

- Có hiếm như châu ngọc không? Trần Quốc Tảng đùa vui. Lại hỏi:

- Tôi muốn biết ý riêng của tiên sinh về bài *Phóng cuồng ca*.

- Dạ, tôi chưa đủ khả năng phẩm bình về trước tác của các bậc bề trên. Nhưng riêng về bài ca cuồng phóng, tôi thấy ngài Thượng sĩ đã đạt đạo. Từng hơi thở, từng ý nghĩ và cả cuộc sống thường nhật của tác giả đều là thiền. Có thể coi bài *Phóng cuồng ca* của cụ Hưng Ninh vương Trần Tung là một bài tuyên ngôn về thiền học. Đúng vậy, ngài là bậc túc thiền.

Mọi người đang mải mê nói chuyện riêng thì Trần Hưng Đạo bước vào. Quốc công đầu chít khăn vàng như khăn của các đạo sĩ, nhưng ngài lại vận bộ quần áo màu nâu, màu mà các nhà sư ưa dùng. Với phong thái ung dung quốc công chào hỏi mọi người. Hỏi tin tức các tướng trấn ải thủy bộ rồi vào việc ngay. Ngài nói:

- Các ông có biết ta triệu các ông về đây có việc gì không?

Các tướng đều im lặng. Ông đưa mắt nhìn các vị tướng trẻ. Phạm Ngũ Lão bèn thưa:

- Bẩm Quốc công, chắc giặc Bắc lại sắp sang.

- Thế còn các tướng khác nghĩ sao, nó mới thua ta năm ngoái phải rút về kia mà.

- Bẩm, Hốt-tát-liệt ngạo mạn coi cả gầm trời này là của nó. Như Trung Hoa mệnh mông là thế, kho người kho của, nhân tài tuần kiệt nào có thiếu gì đâu thế mà cũng phải phủ phục dưới vó ngựa Mông Cổ, chịu làm nô lệ cho Hốt-tát-liệt, nhưng này nòi ra cái xứ “chương hải cùng sơn” (núi cùng biển độc), nước chỉ bé bằng cái bàn tay với một dúm người lại không chịu quy hàng. Lần nào con trời (thiên tử) cử binh đến chinh phục cũng đều bị đánh bại. Đó chính là nỗi nhục của Hốt-tát-liệt đối với các nước bề tôi. Và thưa Quốc công sớm muộn Hốt-tát-liệt lại đánh ta là điều hiển nhiên.

Lời nói gãy gọn, biện bác có lý chẳng cần nhìn mặt Quốc công cũng biết đó là Trần Thị Kiến.

Hung Đạo thông thả nói:

- Các ông nói đều đúng cả. Hốt-tát-liệt đang động binh. Giặc đã đóng xong hơn năm trăm chiến thuyền, thuyền cỡ lớn, mỗi thuyền chở được hơn hai trăm quân kèm theo binh khí, nước và lương thực đủ dùng từ hai mươi đến ba mươi ngày.

Quốc công nói kỹ về âm mưu của giặc và lực lượng chúng định đưa vào Đại Việt lần này. Lại nói giặc sẽ thay đổi cách đánh. Bởi trận chiến năm Ất Dậu cứ động giao chiến với quân thủy của ta là giặc thua. Cho nên lần này giặc muốn đọ sức với ta về thủy trận. Vì thế giặc cho đóng thuyền bè, mộ quân thủy lấy từ dân chài vùng Giang Nam.

Cuối cùng Quốc công báo cho các tướng chuẩn bị cho cuộc tập trận lớn vào trung tuần tháng một sắp tới, đợt trước là ba tháng tập trận riêng, sau đó hai mũi thượng hạ lưu cùng với mũi quân bộ ở phía bắc đóng làm quân Nguyên tất cả đều kéo về vây đánh quân Đại Việt ở Vạn Kiếp. Tính ra cuộc đại diễn tập này phải kéo dài tới ba tháng. Đợt một trừ liệu một tháng. Đợt hai quy mô cực lớn dồn vào trong hai tháng kế cũng hơi gấp.

Các tướng lần lượt hỏi han phần việc của mình, quá nửa đêm mới xong công việc, trước khi về nghỉ Hung Đạo dặn thêm:

- Lúc nào các tướng cũng phải coi như giặc đã ở biên thù, hoặc giặc tiến sát ta rồi cho nên mọi việc đều phải sẵn sàng, gặp giặc là đánh ngay được. Kể cả khi đang diễn tập mà giặc vào, sẽ biến trận giả thành trận thật ngay lập tức.

Đã dặn các con ở lại, sáng hôm sau Hung Đạo cho gọi từng người vào hỏi cái việc mà hôm trước vương đã hỏi hai gia nô Yết Kiêu, Dã Tượng.

Thoạt tiên là người con cả Hung Võ vương Trần Quốc Nghiễn.

Nghe cha hỏi xong, Nghiễn từ tốn trả lời:

- Thưa cha, con nghĩ tỏ nội vì hận mình, giận đời nên có lời di huấn ấy. Nhưng mọi việc đã xong, thiên hạ quy về một mối. Và lại mệnh nước đang bị giặc ngoài đe dọa mà bên trong lục đục tức là tự dâng nước cho giặc. Hơn nữa nếu là họ khác còn không nên, huống chi đều trong nội tộc, máu mủ ruột rà, thật không nên. Con xin cha suy xét.

Quốc Tuấn cảm động, ông nâng người con cả đứng dậy và nói:

- Ngay từ hồi nghe cổ mệnh ta đã cho lời di huấn ấy không là phải nên không dám theo. Nhưng ta thấy phía anh em nhà vua cạnh chừng ta gắt quá. Lúc nào ta cũng coi phải lấy nước làm trọng nên bỏ qua các tị hiềm. Cuộc thắng giặc năm Ất Dậu vừa qua, anh em nhà vua mới thực sự tin bụng ta. Vừa rồi Chiêu Minh vương xin thôi giữ chức thái sư mà giữ nguyên hàm thượng tướng xin sát cánh cùng ta vào trận. Vì thế ta mừng lắm. Ta cũng thấy các con mong manh biết chuyện này, nên mới một lần để các con rõ lòng ta và cùng đồng tâm nhất trí mà giữ lấy nước. Nếu cha con ta cùng trăm họ giữ được nước thời đó là điều đại hiếu đối với các bậc tiền nhân trong đó có tổ phụ con.

Khi Hưng Đạo hỏi Hưng Hiếu vương, Hưng Trí vương cũng đều nói như người anh cả. Quốc công mừng lắm, an ủi các con rồi cho gọi Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tăng vào hỏi. Nghe cha hỏi xong, Quốc Tăng nói:

- Tổng Thái tổ là một ông lão làm ruộng mà thừa thời dấy vận có được thiên hạ. Thời cơ đến, theo con không nên để lỡ.

Quốc Tuấn dùng dùng nổi giận rút gươm chỉ vào mặt Tăng mắng:

- Kẻ làm tôi phản loạn là do ở đứa con bất hiếu này đây. - Ông toan chém.

May mà Hưng Võ vương vào kịp liền phục xuống khóc xin lỗi thay em và xin cha tha tội cho Tăng.

Quốc Tăng vội lùi ra ngoài. Hưng Đạo dặn Hưng Võ vương: “Sau khi ta chết, đây nắp quan tài đã rồi mới cho nó vào. Từ nay nó không được nhìn mặt ta, nhưng nếu trận này nó đề ra sơ sẩy gì ta sẽ trị tội nặng”.

Vài bữa sau Hưng Võ vương về Cửa Suốt nói cho Quốc Tăng biết là cha thử lòng trung của anh em ta chứ cha không có bụng kia khác.

Quốc Tăng buồn bã đáp:

- Để lại cứ tưởng cha hỏi thật. Chẳng biết rồi cha có nguôi giận mà tha tội. Từ đó Tăng rất hối hận chăm chỉ việc quân không hề sơ sót.

VI

Cuộc lập đại trận kéo dài gần tới rằm tháng giêng năm Đinh Hợi (1287). Vua Trần Nhân tông đến từng cánh quân úy lạo. Tướng lĩnh và binh sĩ thấy nhà vua bỏ kinh thành, bỏ những ngày giáp tết âm cúng ở Thăng Long để ra mặt trận chia sẻ sự gian lao căng thẳng với người lính, ai nấy đều cảm động ứa nước mắt.

Để việc đi lại được nhanh chóng, nhà vua đi ngựa có đội thiết kỵ hộ giá. Khi lên tới Bạch Hạc thì Trần Nhật Duật lại vừa rời quân doanh xuống nơi quân sĩ đang tập trận.

Nhà vua đòi viên phó đô tướng đang túc trực đại bản doanh cho người dẫn đi theo Trần Nhật Duật.

Vua và đoàn tùy tùng cùng xuống một lá thuyền có hai mươi mái chèo với bốn mươi trái thủ. Chèo bầm nước, ngọt như dao phay chém chuối, thuyền đi băng băng. Đề quân lính đang tập trận không ngăn cản, một lá cờ thượng tướng treo lên cây cột cao gần giữa thuyền, và trên đầu mũi treo lá cờ đuôi nheo màu vàng sẫm viết hai chữ Đại Việt màu đen. Cờ đó báo hiệu đang có khâm sai của triều đình đi thăm thú, đi kiểm xét cả việc dân lẫn việc quân.

Chừng nửa canh giờ sau thuyền vào gần tới ngã ba Bạch Hạc, tuy là mùa đông nước cạn, nhưng nơi gặp gỡ giữa ba con sông Thao giang, Đà giang và Lô giang thì cái đoạn hợp lưu này nom mệnh mang như vùng cửa biển Hải Thị^[30] vậy. Trên đầu, trời xanh thăm thẳm dưới thì nước trôi trắng xóa một màu, hai bên bờ, rừng núi ngút ngàn. Bên này thì núi Nghĩa Lĩnh, xa kia là núi Tân Viên, rải rác chín mươi chín ngọn châu về. Khí thiêng un đúc. Hồn sông núi như phảng phất trong gió trong sương. Trần Nhân tông ngắm nhìn thế núi đáng sông, nhà vua cảm nhận ra một điều đất nước ta vừa đẹp để vừa hùng vĩ. Thảo nào mà các bậc tiền nhân đều nói - Nước ta đẹp như gấm như hoa. Chợt vua quay hỏi viên tiểu đô tướng dẫn đường:

- Tiểu tướng quê vùng nào vậy?
- Bẩm đại quan (vua giấu tung tích) tiểu tướng quê ở Thập Thành gần chân núi Nghĩa Lĩnh ạ.
- Tiểu tướng có biết vì sao lại gọi vùng này là Bạch Hạc không?

- Bẩm đại quan ở đây có những bãi soi rộng lại là nơi ba nguồn nước dồn về lắm thức ăn nên nhiều tôm cá. Mùa này hạc trắng từng bầy đông tới cả vạn con thường về tránh rét và ra bãi tìm mồi, chúng đậu trắng cả bãi, nên dân trong vùng gọi là Bạch Hạc. Bẩm đúng thế ạ, dân thì nom vật đặt tên.

- Sao ta không thấy một con hạc nào cả?

- Bẩm, bây giờ là lúc nước đang cường, hạc tìm ăn ở bãi khác, khoảng nửa chiều nước cạn, khu vực giữa kia chính là bãi soi, nước rút xuống chỉ còn xâm xấp hơn một gang tay, những loại cá, tôm nhỏ tụ lại đó nhiều như vô trấu, hạc sà xuống bãi luôn mò nhặt, cỡ nhai tàn miếng trấu con nào con ấy no lặc lè. Chúng nó giỡn, chạy nhảy trên bãi tới sẩm chiều mới bơi ra giữa dòng sâu, cứ thế thả mình trôi xuôi mơi dặm rồi tất cả bốc bay tìm về bãi nghỉ, ngày mai lại tiếp tục như ngày hôm nay cho tới khi trời ảm áp là chúng bay đi không còn một con nào ở lại.

- Người dân quanh đây có ai săn bẫy hạc không? - Vua hỏi.

- Bẩm đại quan không có ai nỡ giết một loài chim đẹp như thế. Vả lại thức ăn ở sông nước, ở núi rừng quờ tay một lúc là ăn bại, cả người cả chim thú cứ dựa vào nguồn nước mà tìm kiếm chẳng bao giờ thiếu thức ăn cả.

- Tiểu tướng nói thế có nghĩa là sông này cũng nhiều cá lắm sao?

- Bẩm vâng, cá vùng này là đệ nhất. Nếu đại quan muốn biết nó nhiều thế nào thì mùa cá đẻ vào tháng hai, tháng ba đại quan cứ cưỡi thuyền ở giữa dòng sông mà nhìn cá vào bãi vật đẻ, nhiều hơn cả lá rừng, nếu thuyền nhỏ đi vào giữa luồng cá đang tìm chỗ đẻ, nó đang rục rúng mà tất cả vùng quây lên thì thuyền đắm chứ chả chơi.

- Cá vượt lên bãi nhiều thế dân trong vùng có biết không, có đua nhau đi bắt cá đẻ không?

- Bẩm, dân chúng cháu ở vùng này chẳng ai không biết mùa cá đẻ, nước cá đẻ, không ai nỡ giết thịt một con cá sắp đẻ trong bụng chứa cả vạn chiếc trứng, thất thoát cũng nỡ được cả ngàn cá con. Mấy lại từ xa xưa đã có lệnh cấm đánh bắt mùa cá đẻ, cấm săn bắn khi mùa thú động hơn cho nên mùa cá đẻ thì các dụng cụ đánh bắt hoặc là gác lên, hoặc là đem phơi phóng hoặc sửa chữa. Còn mùa xuân thì cấm chặt cây, cấm hái măng.

- Tiểu tướng có biết các lệnh cấm này ban từ đời nào không?

- Dạ, biết làm sao được ạ. Bởi cứ đời nọ truyền đời kia, sau nó trở thành thói quen phong tục, hễ có ai làm trái điều đó tức là vi phạm đến thuần phong mỹ tục của cộng đồng làng xã. Với lại thưa đại quan, mình sống cũng phải để cho các loài chung sống, bởi dưới gầm trời này là trời để cho muôn loài cùng sống chứ đâu chỉ dành cho mỗi một loài người.

Trần Nhân tông thấy người lính mộc mạc nói về sự sống của muôn loài hồn nhiên như cây cỏ, mà lại hợp với lòng từ bi bác ái của nhà Phật. Mới hay Phật nói mọi người, mọi vật đều có Phật tính quả là một chân lý. Chân lý ấy giản dị như cuộc sống. Chân lý ấy là cuộc sống đời thường.

Bỗng từ trong đám lau lách bên bờ sông một lá thuyền lao vút ra dòng sông. Đầu mũi thuyền cắm lá cờ đuôi nheo. Viên đô tướng vừa nhắc trông thấy vội hô to:

- Thượng tướng quân! Thượng tướng quân! Có mệnh quan! Các tay chèo căng sức đuổi. Một lát, thuyền đi trước dường như đã nghe thấy và đi chậm lại. Trần Nhật Duật ngoái nhìn thấy lá cờ nhỏ cắm nơi đầu mũi thuyền. Biết vua ngự giá, ông sai thuyền quay mũi

đón thuyền vua.

Thoáng chốc hai thuyền đã áp mạn.

Vua Nhân tông chạy ùa ra ôm lấy bờ vai Trần Nhật Duật, nói như reo:

- Chú Chiêu Văn!

- Bệ hạ! Trần Nhật Duật đáp giọng đầy xúc động.

Đám quân tùy tùng của Nhật Duật, cả viên đô tướng vẫn tiếp chuyện bây giờ mới biết ông là vua của cả nước. Mọi người quỳ lạy:

- Lũ thần có mắt như đui, xin bệ hạ tha tội chết.

Vua Nhân tông mỉm cười độ lượng bảo mọi người:

- Các người đứng dậy đi. Ta phải giữ kín tung tích không cho giặc biết. Đến cả thượng tướng đây còn không biết ta tới, các người sao biết được. Nhưng lỡ đã biết, vẫn coi như chưa biết kéo tai mắt giặc đang giăng mắc khắp nơi đấy.

Nhật Duật căng mắt ra nhìn nhà vua rồi hỏi:

- Lâu thần không về triều, long thể của thượng hoàng dạo này thế nào?

- Phụ hoàng cháu vẫn thế, - vua đáp. Thật ra thì không được khỏe như hồi đánh giặc Thát năm trước đâu. Phần thì tuổi già, phần lo đánh giặc. Cuộc chiến năm Ất Dậu không ngờ phụ hoàng cháu lại hao tổn sinh lực nhiều đến vậy.

- Mệnh nước gần như sắp đứt, không tổn hao sinh lực của cả nước sao cứu được. Có điều người giữ mệnh nước là người tổn hao sinh lực nhiều nhất. Ngay bệ hạ, thần thấy bệ hạ tuổi tuy còn trẻ mà vóc hạc cũng hao gầy nhiều lắm. Bệ hạ nên bảo trọng. Quốc công cho quân tập đại trận thế này, thần dự nghĩ thấy cuộc chiến sắp tới cam go lắm đấy.

Nhật Duật ngấm nhìn nhà vua thấy thần sắc tươi nhuận, vượng khí tự nơi ẩn đường. Ẩn đường nhà vua có màu hồng sáng. Chắc vận nước không đến nỗi lao đao như cuộc chiến năm Ất Dậu. Trần Nhật Duật hơi lo cho nhà vua sức mạnh mà xông pha sương gió. Sang tết này Nhân tông vào tuổi ba mươi mốt. Nhà vua tuổi Mậu Ngọ, ta tuổi Ất Mão, hai chú cháu hơn nhau đúng ba tuổi.

Sực nhớ ra, Nhật Duật bèn nói:

- Mời bệ hạ sang thuyền của thần, ở đây vừa có trà vừa có rượu, tiện cho thần tâu báo công việc.

Nhà vua gật đầu:

- Tới đây tôi là khách, chú là chủ. Chủ bảo đi đâu khách theo đấy.

- Bệ hạ lại quở thần rồi.

Thuyền chỉ huy của thượng tướng mà sao giản dị. Vua Nhân tông tự nghĩ - chú Chiêu Văn quả là người dễ gần, chẳng trách được quân mến. Trận chiến năm Ất Dậu quân của chú ấy cùng với đám quân của Triệu Trung lập được công lớn.

Nhật Duật sai quân pha trà. Buột miệng ông hỏi:

- Nhưng bệ hạ đã kịp dùng bữa chưa ạ?

- Đúng là chưa kịp ăn gì đâu chú Chiêu Văn.

- Trời ơi, thảo nào thần cứ tưởng long thể có điều gì bất an.

- “Long thể” đói nên “long bụng” bất an. Vua Nhân tông vừa cười vừa ôm cái bụng đang réo sôi.

Trần Nhật Duật lật ván thuyền lấy ra một bọc lá chuối, hai tay dâng lên nhà vua:

- Tâu, quân nó chuẩn bị cho thần bọc xôi này dành ăn bữa chiều, bệ hạ dùng tạm, chiều lên bờ khắc có cái ăn.

Vua Nhân tông đỡ lấy bọc xôi chia cho mấy tướng theo hầu rồi vừa ăn vừa nói chuyện thật là vui vẻ.

Trần Nhật Duật hỏi nhỏ:

- Bệ hạ, thần nghe nói anh Chiêu Minh định xin từ chức thái sư chuyên lo việc quân với anh Quốc Tuấn có đúng không?

- Đúng đấy chú Chiêu Văn. Nhưng chú nghe tin này ở đâu? Có phải tin quân mình hay do quân Nguyên phao đấy?

Chiêu Văn cười dàn hòa:

- Thần không có lưới ngoại gián nên không có nguồn tin lấy từ Hốt-tát-liệt. Nếu quả đúng như nhời đồn thì phúc cho nước đấy.

- Thế chú cho việc điều hành cả một bộ máy quốc gia là việc nhỏ à?

- Thần có nói thế đâu. Bệ hạ cứ quy kết theo ý bề trên. Chẳng là hai bác ấy những năm trước thường có sự bất hòa ngầm ngầm. Thần với bệ hạ chẳng là đầu mối cho sự dung hòa, sự hóa giải đó sao. Nay anh Chiêu Minh lại hành xử như vậy, tức là mọi sự không còn gì phải canh chừng nhau nữa, nhẹ tênh mà vào trận. Thế thì làm sao mà thần không khoái được. Thượng hoàng với bệ hạ định trao ngôi tướng quốc cho ai.

- Chú Chiêu Minh có tiền cừ Tá Thiên vương Đức Việp thật đấy, nhưng phụ vương cháu bảo cứ từ từ, còn phải cân nhắc xem đã. Mấy lại Việp cũng còn trẻ lắm.

- Giời ơi bệ hạ, năm nay Đức Việp hai mươi bốn tuổi rồi. Năm anh Chiêu Minh giữ ngôi tướng quốc mới hai mươi một tuổi có ai kêu anh ấy trẻ đâu. Vả lại hồi năm Ất Dậu, thần gặp Đức Việp cầm quân vào trận dũng mãnh lắm. Mà nếu ngại thì hãy giao tạm quyền để

xem có làm được thì trao chính thức.

- Chú Chiêu Minh cũng nói vậy.

- Bệ hạ về tâu với thượng hoàng rằng Chiêu Văn cũng một ý với anh Chiêu Minh cho Đức Việc quyền giữ ngôi tướng quốc thái sư.

- Chuyện đó cháu sẽ tâu với thượng hoàng, nhưng chú Chiêu Văn, trận địa của chú định đánh đấm thế nào mà chẳng thấy động tĩnh gì cả?

Trần Nhật Duật cười hì hì đáp:

- Bệ hạ khỏi lo. Quân bộ mai phục từng chặng trên bờ. Quân thủy phục trong các khe lạch. Bây giờ du binh của ta lên mãi tít trên kia phục đón quân giặc từ Quy Hóa giang đi xuống. Anh Quốc Tuấn trừ liệu mũi này giặc xuất phát từ Vân Nam theo đường sông vào nước ta, cũng có một đội quân kỵ đi trên bờ hỗ trợ quân thủy.

Quân ta vừa dụ vừa đánh tia giặc rồi rút, nhằm tiêu hao sinh lực giặc và gây cho chúng hoang mang thôi chứ khi giặc mới vào sức nó còn mạnh lắm. Nhưng dụ cho giặc về tới ngã ba Bạch Hạc này đánh một trận phục kích lớn rồi quân ta lui binh để bảo toàn lực lượng.

- Qua cuộc tập trận này, chú có đoán được ý đồ của bá phụ không?

- Thần cũng lờ mờ thử đoán xem có trúng ý bệ hạ. Tức là cuộc chiến sắp tới, Thoát-hoan quyết đoạt bằng được căn cứ Vạn Kiếp của anh Quốc Tuấn. Chúng sẽ tiến công bằng ba mũi thủy bộ. Mũi thứ nhất do đường Vân Nam đánh sang theo sông Thủy Vi dồn về Bạch Hạc, rồi từ Bạch Hạc đổ về Lục Đầu giang vây Vạn Kiếp. Mũi thứ hai từ biển qua nẻo Vân Đồn hoặc qua cửa An Bang vào sông Bạch Đằng, ngược lên áp sát Vạn Kiếp. Mũi thứ ba, mũi này từ Tư Minh Quảng Tây tràn qua Lạng Châu đi xuyên về Lộc Châu mà tiến vào Sơn Động, đánh thông sang Nội Bàng rồi từ đó thọc xuống Vạn Kiếp. Cánh quân này chắc là mạnh lắm. Và Thoát-hoan chắc đi theo đường này, bởi vào đánh ta năm Ất Dậu, Thoát-hoan cũng đi đường này. Thế là ba mũi giặc cùng úp lầy Vạn Kiếp và chúng quyết giành lấy.

Hơn sáu trăm chiến thuyền lớn với quân Giang Nam cũng thạo nghề đánh thủy, giặc nhất định giành ưu thế về mặt thủy với ta trong cuộc chiến sắp tới. Anh Quốc Tuấn dự đoán vậy, nên cho quân tập đại thủy trận lần này nhằm đối phó với giặc, sao cho có hiệu quả chứ không hẳn phải giữ Vạn Kiếp bằng mọi giá đâu. Tâu bệ hạ, đó là thần suy đoán vậy thôi, chẳng hay ý bệ hạ thế nào?

- Chú Chiêu Văn quả là một tướng tài lỗi lạc, chắc bá phụ cũng dự tính như vậy nên mới cho tập liên hoàn mấy đại trận.

- Thần cam đoan mưu lược của giặc không thể qua mắt anh Quốc Tuấn được đâu.

- Cũng may bá phụ có mưu thần, nếu không sao có thể cứu được mệnh nước tướng như sắp đứt hời Toa-đô nó phá được cửa quan Nghệ An rồi cả một bảy hèn nhát kéo nhau ra hàng giặc.

Thuyền đang đi dưới ánh chiều chạng vạng, tự nhiên Trần Nhật Duật nghĩ đến chuyến đi cũng vào một chiều cuối đông như bữa nay, trên thuyền cũng có ông và nhà vua với hai người con gái nữa. Lòng vương bỗng se thắt lại vì đau nhói. Chợt Trần Nhật Duật lên tiếng hỏi:

- Bệ hạ có nhớ chuyến đi An Bang, tức là đi thăm Tịnh Bang ấp của anh Trần Tung cũng vào một buổi chiều như thế này gần cuối năm Quý Mùi (1283) không?

- Nhớ. Nhớ chú Chiêu Văn ạ, chuyến đi ấy còn có hoàng cô An Tư và Yến Ly sau là nghĩa nữ của Thăng Long, nghĩa nữ của Đại Việt.

Về ngâm ngùi vua Nhân tông bộc lộ:

- Chú Chiêu Văn à, cho đến bây giờ tôi vẫn còn ân hận về việc chấp nhận đưa hoàng cô sang trại giặc. Nói rằng hoàng cô đi để làm thư quốc nạn, nhưng Thoát-hoan có nói tay với ta chút nào đâu. Việc ấy cứ ám ảnh tôi mãi.

- Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách, điều đó An Tư hiểu rất rõ nên đã mở hắt một sờ may áo ấm và túi đựng trà, lại đan cá túi đựng tên cho binh sĩ. An Tư còn dành ngôi nhà đẹp nhất trong cung An Tư làm kho chứa vật phẩm trước khi đem đi trao tặng. Thần nhớ chính An Tư đã đem các sản phẩm do chủ tớ làm ra trao tận tay cho binh đội của Quốc Toàn. Vì rằng Quốc Toàn là con mồ côi cha, là một thiếu niên có lòng yêu nước nồng nàn muốn được hiến trọn đời mình cho công cuộc cứu nước. Cảnh mẹ góa con côi, điển trang thái ấp đâu có còn được như các vương, các hầu khác. Vừa cảm thông vừa cảm phục hoàn cảnh và nhân cách của Quốc Toàn, An Tư lấy đó làm gương và đã dần thân như một tráng sĩ. Việc An Tư chấp nhận vào trại giặc, phải nói đây là việc làm của một người lính cảm tử, ngay cả đấng nam nhi chưa hẳn đã dám làm. Việc làm ấy nó xuất phát từ lòng yêu nước của con dân Đại Việt, can dự gì đến bệ hạ mà bệ hạ cứ phải day dứt. Nếu bệ hạ day dứt, ta chắc vọng linh An Tư không thỏa đâu, bởi em ta cho đó là sự xúc phạm. Vì như thế có nghĩa là em ta bị tước đoạt quyền yêu nước. Bệ hạ nghĩ rằng mình giữ ngôi nước là mình có quyền phân phối lòng yêu nước ư? Dù có mang trọng tội thân cũng phải nói rằng, nếu quả đáng chí tôn nghĩ vậy và làm như vậy là nguy cơ mất nước đấy. Tại sao máu của hàng chục vạn dân chúng đổ ra để giữ nước thì được chấp nhận như là sự đương nhiên trong khi vài chục người trong hoàng gia đổ máu cũng là để góp phần giữ nước thì lại phải băn khoăn day dứt. Vậy có phải máu của hoàng gia là châu ngọc, còn máu của trăm họ chỉ là một thứ nước lã chẳng?

Nghe thượng tướng phản bác một cách gay gắt, vua Nhân tông lạnh toát cả sống lưng và như chợt ngộ ra một điều rằng, bất cứ một con dân nào trong nước bằng cách làm riêng của mình mà gây thiệt hại cho giặc, góp phần giết giặc, cứu nước thoát họa xâm lăng, ấy là người yêu nước chân chính. Thế thì việc hoàng cô vào trại giặc gặp lại Yến Ly và hai người cùng hành động làm suy yếu tinh thần giặc, lại thông được tin tức ra ngoài cho quân ta. Quả đó là những bậc nữ lưu đáng trọng, trong đời hiếm gặp. Trong hoàng gia có người đem tính mệnh mình ra để cùng toàn dân cứu nước, đó chẳng phải là điều đáng hãnh diện lắm sao. Vậy mà bấy lâu nay ta cứ thương hoàng cô theo kiểu thương đàn bà. Chợt nhà vua quay ra nói với Trần Nhật Duật:

- Chú Chiêu Văn, nhờ chú nổi xung mà tôi ngộ ra đây. Đúng là tôi thương hoàng cô theo tình ruột rà máu mủ mà quên phần trách

phận của mỗi con dân đối với nước khi đất nước lâm nguy. Đất nước lâm nguy khác nào nhà cháy từ hai đầu. Ai đem vật gì cản lửa, dập tắt lửa, cứ thế nhảy vào đám cháy mà trị lửa, chứ cần gì phải xin phép ai, hoặc chờ ai sai bảo. Đứng, chứ nói có lý, tôi ngộ ra rồi.

- Bệ hạ không giận thần chứ? - Nhật Duật vừa cười vừa nói.

- Chú nói phải sao có thể giận. Nhẽ ra phải đưa chú về giữ chức tả hữu gián nghị. Bởi chú phân biệt phải quấy rất rõ ràng. Nhưng điều đáng quý là ở chỗ dám đứng cảm nói ra. Nhận biết phải quấy thì nhiều người nhận biết được. Nhưng dám nói ra điều đó trước bề trên chắc không phải ai cũng làm được. Tôi bận quá, lâu ngày không đến thăm phần mộ hoàng cô và Yến Ly được, chẳng hay chú có dịp lui tới.

- Thần thỉnh thoảng vẫn ghé thăm, anh em vẫn trò chuyện với nhau như ngày nào An Tư còn sống.

- Tôi nhớ bá phụ viết hai cái mộ chí thật là thấu lý đạt tình. Hai ngôi mộ nằm song song như hai người bạn khi còn sống. Bên mộ hoàng cô, mộ chí viết: “An Tư - liệt nữ chi mộ”. Bên mộ Yến Ly, mộ chí viết: “Yến Ly - Lương quốc liệt nữ chi mộ”.

- Chữ nghĩa của anh Quốc Tuấn thì khỏi phải bàn. Với Yến Ly mà dùng “lương quốc” là quá đúng. Vì rằng nàng ấy không chỉ đền ơn Đại Việt ta cứu mạng, mà nàng còn phải báo hiếu cho đất nước đã sinh thành ra nàng và cả cha mẹ nàng nữa. Bệ hạ có được tin tức gì về cha mẹ nàng không?

- Sau chiến tranh được ít lâu, bá phụ có cho người đến báo tin buồn cho cha mẹ nàng, gửi lời cảm tạ của Đại Việt và gửi ít bạc vàng cho ông bà chi dụng.

Hai ông bà đều rơi lệ đáp rằng - “Yến Ly mất đi khiến chúng tôi đau lòng, nhưng các việc Yến Ly làm lại khiến chúng tôi hài lòng. Việc làm đó không chỉ là giúp đỡ Đại Việt mà còn là danh dự của người Trung Hoa chúng tôi. Lũ chó săn trong giới cầm quyền trước kia bỏ đỡ quân Kim, nay lại ôm chân quân Mông Cổ, nhưng dân Trung Hoa chúng tôi sẽ đánh giặc đến cùng, làm được gì giúp quý quốc chúng tôi không ngại”. Bạc vàng người ta không nhận nhưng lại tìm thêm người thân tín giúp ta. Vì vậy tin tức lấy được càng ngày càng có giá trị và qua nhiều nguồn, nên kiểm xét được ngay từ gốc. Tin đã đưa về đến Thăng Long đều đáng tin cậy cả. Nhân đây tôi phải dặn trước chú điều này, nếu sắp tới giặc Bắc lại sang, chú cho người cất giấu hai tấm mộ chí ấy đi kéo giặc biết nó phá mộ mất.

- Giặc Bắc nhất định lại sang, điều đó thần chẳng chút nghi ngờ. Sau đợt tập trận này thần sẽ làm ngay việc cất giấu mộ chí của cả hai liệt nữ kéo giặc xâm phạm. Quân Mông Cổ thì hung hãn, lũ Hán gian thì hiểm độc, hèn hạ. Hai kẻ này kết hợp với nhau mà chúng tôi thì thối hết các ngón nghề thì không có một loại ác thú nào có thể so độ được với chúng.

Thuyền của thượng tướng chờ nhà vua ngược dòng tới gần chỗ du binh thì quay lại. Trên đường đi, nơi nào ém quân thủy, phục quân bộ Trần Nhật Duật đều tâu báo với nhà vua rồi cho thuyền quay mũi.

- Sao lại quay về? - Vua hỏi.

- Tâu, hôm nay mới bày trận, dàn quân. Chiều mai địch mới gặp du binh ta khiêu chiến.

Đi một đoạn, nhà vua lại hỏi:

- Chú Chiêu Minh còn nhớ vụ triều đình cử chú đi chinh phục Trịnh Giác Mật không?

- Nhớ! Trần Nhật Duật cười phá lên. Bệ hạ có biết trước khi vào trại của Mật, thần phải tập uống rượu bằng mũi không. Sặc gần chết. Hai ba lần quân phải hút mũi cho đấy. Mãi sau cũng uống được.

- Tôi nghe nói chú còn thổi được cả kèn lá.

- Việc ấy dễ thôi. Khó nhất là uống rượu bằng mũi đấy. Nhưng nhờ có chuyện uống rượu bằng mũi và đi một mình không vũ khí vào trại của Mật, hấn phục lắm và tin ngay. Kể ra đạo ấy thần cũng liều thật. Sau nghĩ lại mới thấy nếu mình không thật bụng, người khác khó tin mình.

- Vừa không tổn máu xương vừa được tướng phen giầu, chú giỏi thật. Hồi đánh giặc Nguyên vừa rồi, cha con Trịnh Giác Mật cùng với dân man trên đó lập công lớn, triều đình khen thưởng xứng đáng. Cái thằng bé hồi chú đem nó về, tôi cho nó chức “canh tri” bây giờ thế nào rồi?

- Tâu, khi nó giữ chức canh tri ở Thăng Long nó đúng là một thằng mán. Trước khi giặc vào cõi, thần cho nó về lại sơn động thì nó đúng là một con hồ. Hai cha con cùng coi quân đánh giặc kiên cường lắm. Hiện nay nó thay cha nó làm đầu lĩnh rồi.

- Thế thì phen giầu ta càng vững. Chú quả là một tướng văn võ toàn tài.

- Bệ hạ quá khen, thần thêm ngượng.

Đêm ấy về ngủ trong tướng hổ. Gọi là tướng hổ, chứ thực nó là một căn nhà làm tạm nơi sườn đồi cạnh con đường thiên lý và nhìn thẳng xuống ngã ba Bạch Hạc. Căn nhà dựng bằng tre xanh, lợp tranh tươi, tất cả còn giữ nguyên màu chưa úa héo. Quanh nhà vây bằng những tấm tranh ép sát vào nhau rồi lấy tre nẹp lại thành các bức vách chắn gió. Giữa nhà là một dãy sạp dùng làm nơi hội họp của chủ tướng.

Bữa nay các tướng đều phải theo quân ra mặt trận, chỉ còn một số quân rất nhỏ ở nhà giữ trại và giữ liên lạc giữa các cánh quân.

Trần Nhật Duật dẫn nhà vua vào nghỉ trong một tướng hổ như ta vừa thấy.

Hai đầu nhà đốt hai đồng lửa để xua tan khí lạnh của núi rừng, nhưng sao vẫn lạnh buốt. Cuối đông, gió bắc thổi ráo riết, rải cái lạnh khắp đất trời. Cảm giác tựa như là thần băng giá đang gồng sức tranh chấp với chúa xuân để chế ngự muôn loài.

Vua tôi ngồi quanh đồng lửa nơi cuối căn nhà. Trần Nhật Duật khoác thêm cho nhà vua tấm áo bông vải chàm. Nhà vua hơi so vai đón nhận tấm áo. Một thoáng cái nóng của củi than đã làm sắc diện nhà vua hồng trở lại.

Ném mấy thanh củi vào đồng than hồng rực, vua Nhân tông liền hỏi:

- Chú Chiêu Văn à, trời lạnh thế này quân có được phát đủ chăn áo ấm không? Ngồi bên đông củi cháy đùng đùng mà tôi vẫn thấy lạnh, thế mà người lính cứ phải phơi mình ngoài sương gió hoặc ngâm mình trong nước lạnh, liệu họ có còn đủ sức đánh nhau khi gặp giặc?

Trần Nhật Duật nói giọng hơi se buồn:

- Tàu, bệ hạ thương lính như thương thân, đó là hồng phúc của nước. Đúng là thiên tử cận dân (vua gần dân). Thần không dám giấu bệ hạ. Binh lính của thần áo ấm thì lính mới lính cũ đều được phát mỗi người một chiếc. Còn chăn những người lính cũ nếu còn giữ được vẫn cứ phải dùng tạm. Ai bị mất chăn, áo ấm trong cuộc chiến vừa rồi cũng được phát lại. Duy có lính mới thì hai người mới được phát một chiếc chăn, họ phải dùng chung. Kê ra cũng là một sự bất tiện. Tàu bệ hạ, trong cuộc chiến vừa rồi đánh nhau ác liệt dầu dãi nắng mưa, nhiều người quần áo rách tướp như lá chuối bị bão. Nhiều người di chuyển trong lúc đánh nhau cũng mất hết quần áo. Có khi quần đang hăng đuổi giặc băng qua lũy tre gai, nó cào rách sạch bong trên người không còn một mảnh vải che thân.

Tàu bệ hạ, đánh nhau hao người tổn của không biết đâu mà lường. Thần dốc toàn bộ sản nghiệp ra nuôi quân của thần chưa đủ, lại phải cặng đáng thêm mấy đô quân của triều đình bỏ về, thành thử thiếu thốn trăm bề. Tuy vậy, lương thực và vũ khí đảm bảo quân không bị đói và không người lính nào không được trang bị vài ba thứ khí giới. Chỉ thiếu quần áo thôi.

- Chú nói thế tôi tạm yên tâm. Quả thực triều đình mình phải chi tiêu quá sức. Tôi sẽ về tàu lại với thượng hoàng xin phát bù cho những người lính nào chưa được phát chăn áo ấm để đỡ khó khăn cho các vương hầu. Và cũng để giữ sức cho quân đánh giặc.

Đêm đã khuya, củi đã cháy tàn chỉ còn mấy đầu gộc lom rom ngùn khói, viên đô tướng đô tả vũ vệ theo hầu nhà vua cứ lấp ló định vào mấy lần nhưng lại sợ nhà vua và thượng tướng đang bàn việc quân. Ngoài trời sương xuống lạnh buốt, y sai quân lấy thêm củi sưởi. Lấy có đưa củi, viên đô tướng khẽ nhắc:

- Tàu bệ hạ đêm khuya mà trời lạnh, quân doanh cũng sơ sài không đủ đồ mặc ấm, lính đã nằm lết chỗ ấm rồi, xin bệ hạ và thượng tướng đi nghỉ.

- Mời bệ hạ đi nghỉ, - Nhật Duật cũng nói xen vào.

- Chú Chiêu Văn à, hay ta ngủ chung đi. Ngủ chung như hồi nhỏ chú vào cung rồi hai chú cháu cùng chơi cùng ngủ ấy. Ngủ chung để nói chuyện tiếp.

- Thần xin tuân thánh ý, Trần Nhật Duật vừa nói vừa cười sáng khoái rồi dắt tay nhà vua đi về phía cuối của “trường hồ”, nơi đó cũng trên một khoảng sân nửa, quân lính lấy lá chuối rừng khô trải ổ làm “giường ngủ” đón vua đi thị sát.

Vua Nhân tông và thượng tướng Chiêu Văn tới sát “mép giường” nhìn thấy hai cái đầu đen và tiếng ngáy khò khò. Viên đô tướng tả vũ vệ bèn bước dần lên cốc vào những cái đầu đang ngáy, quát:

- Dậy! Dậy mau trả “long sàng” cho vua ngủ. Đoàn viên đô tướng quay ra nói như phân bua - Tàu, xin bệ hạ tha tội, chẳng là

trời lạnh giá, thần sai quân nằm lót ổ lấy hơi ấm để bệ hạ ngủ cho ngon giấc.

Hai người lính lồm cồm bò dậy vươn vai và họ cũng chẳng biết những ai đứng trước mặt, liền nói: Ấm quá!

- Tội nghiệp, họ đang ngủ ngon giấc, nhà vua tỏ ra ái ngại.

- Hai tên lính to gan dám ôm nhau ngủ trên “giường ngự”, nhẽ ra phải trị tội “khì quân”, bệ hạ đã thương tình tha tội chết lại còn thương nó “tội nghiệp”, Chiêu Văn giả vờ làm nghiêm nhưng lại bật ra tiếng cười. Liền đó nhà vua và thượng tướng cùng bước tới “long sàng”.

Nằm trong ổ lá chuối sột soạt trên lại phủ tấm chăn bông ấm sực, vua bảo:

- Chú Chiêu Văn, vừa ấm vừa êm thế này có khác chi chăn, đệm lông chim đâu. Những thứ này lại dễ kiếm mà cũng chẳng mất tiền mua. Hai đấng cùng ấm cùng giúp ta ngủ ngon, thế mà người đời lại cứ hay bỏ cái thô phác đi tìm cái hiếm ít như lông chim, lông thú, vừa tốn công tốn của vừa mắc vào tội sát hại cảm thú.

- Muôn tâu thánh thượng chỉ có cái ổ lá chuối với cái đệm lông chim mà thánh thượng phán bảo cái gì nghe đến khiếp. Thần chẳng biết tội lỗi gì nó nằm ở đâu nhưng thần vẫn thích nằm đệm lông chim, đắp chăn lông chim vừa ấm vừa nhẹ, chứ chẳng phải mấy ngày thay ổ một lần. Trời rét mà gặp mưa dầm, lá chuối khô sũng nước có lấy về cũng chẳng trải được ô, thế là chết rét, còn như đệm lông chim cứ dùng mãi, xep đem phơi nắng, đập bụi lại xộp ấm như thường.

Vua Nhân tông huých nhẹ khuỷu tay vào mạng sườn Trần Nhật Duật: - Chú chỉ nói xiên hông tức anh ách. Thôi nhé, không có bệ hạ với thần gì ở trong cái ổ lá chuối này. Chui vào đây chỉ có hai gã đàn ông trong nội tộc, một chú một cháu, có điều gì cần nói chú cứ nói thẳng thừng không phải tâu báo chi cả.

- Thần chờ bệ hạ nói câu đó từ lâu, từ lúc ngồi xuống đồng lửa, chỉ muốn đem rượu ra uống rồi ôn chuyện thời thơ ấu, thế mà mãi khi chui vào ổ mới được nghe.

- Chú lại sai rồi, đã bảo không có bệ hạ ở trong ổ lá chuối kia mà.

- Ừ thì chú cháu. Chú cháu quen miệng sáng ra trước ba quân lờ gọi “Khâm ôi!” hoặc “cháu ôi!” lại trị tội người ta chứ gì.

- Đã lỡ thì còn ai bắt tội được, lúc nào chú cũng như một anh hề.

- Có hề mới sống khỏe thế này, chứ lúc nào cũng tâu tâu báo báo chắc chết mục xương rồi.

- Ngày trước cứ gặp chú lúc nào cũng nghe có cả một bầy vũ nữ ca hát. Bây giờ họ đi đâu hết rồi. Tôi cứ nghĩ có ba thứ chú không bỏ được.

- Ba thứ gì nào.

- Âm nhạc, rượu và gái.

Trần Nhật Duật ôm lấy nhà vua vừa cười vỡ ra vừa cù vào nách nhà vua. Hai chú cháu ôm nhau cười giãy giụa khiến lá chuối xô dạt. Đoạn Nhật Duật nói: - Phàm việc lớn Khâm (tên húy của vua Nhân tông) thường tỉnh táo nên sáng suốt và ít khi mắc sai lầm. Riêng việc này của mỡ, Khâm có cái nhìn lệch lạc, coi mỡ như kẻ phàm phu lãng tử. Lãng tử đúng là cái tạng của Chiêu Văn, còn phàm phu thì không phải. Mỡ nói để Khâm hiểu này. Trước hết âm nhạc là tiếng nói của tâm hồn được cất lên thành lời ca thông qua các nhạc khí và nhạc công, ca công. Mỡ phải đặt lời rồi chế nhạc lại dạy cho họ đàn và hát. Vậy tiếng hát ấy chính là tiếng lòng của mỡ chứ. Ai cũng có tiếng lòng nhưng không phải ai cũng tấu được nó lên đâu, phải là các thi sĩ, nhạc sĩ, văn sĩ. Đây là trời chỉ riêng cho ba cái anh sĩ đồ chứ thế gian có muốn cũng không được. Vậy chứ Khâm chịu chưa.

- Riêng điều này thì Khâm chịu.

- Còn rượu. Rượu mỡ chỉ đem ra uống khi vui bạn bè như nghe nhạc hoặc lâu ngày mới gặp lại bạn thân, hoặc khi nhà vua ban rượu, hoặc khi giỗ chạp thượng hoàng cho phép uống say. Tuy vậy, trong đời mỡ tới lúc này chưa ai bắt gặp dù chỉ một lần nát rượu hoặc tỏ ra bê tha vì rượu. Khâm thấy mỡ nói có đúng không nào?

- Đúng! Công nhận chú nói đúng.

- Hà hà... Uống rượu mà như thế thì là tiên tử chứ, thiên hạ phải lấy mỡ làm gương chứ, Khâm phải tuyên dương mỡ trước bá quan và bách tính chứ.

- Về cái khoản rượu thì chú giữ được sự chừng mực, nhưng lấy đó làm gương cho các quan và dân chúng thì Khâm này không làm đâu.

- Cái đó tùy Khâm thôi, chẳng tuyên lúc này thì tuyên lúc khác, còn mỡ bao giờ cũng vẫn là mỡ.

- Âm nhạc và rượu chú nói có lý, Khâm công nhận, thế còn khoản kia thế nào? Nói thật với chú trong hàng ngàn thứ dục mà con người ham muốn thì dục tình đứng đầu, ai mà tiết chế nó đúng mức thì người đó là thánh đấy.

- Thánh đấy! Chính là thánh đang nằm bên Khâm đây. Trần Nhật Duật cười phá ra rồi gác chân lên nhà vua:

- Biết ngay là cái khoản này ông chú cũng như người thường thôi.

- Bớ ai mà tránh được cái khoản đàn bà. Nhưng nếu giữ được như người thường, phải coi mỡ là bậc á thánh chứ. Bởi hoàn cảnh của mỡ dư sức làm cho con người dễ phóng dăng lắm. Hãy lắng nghe cách hành xử của mỡ. Nghĩa là với đàn bà, mỡ chỉ ăn nằm với thể, thiếp thôi. Thể, thiếp là danh chính ngôn thuận rồi. Còn các ca nữ, vũ nữ là những người mỡ thuê họ để họ nói lên tiếng lòng của mỡ. Nếu họ hát hay múa giỏi thì thuê lâu, hoặc giả cũng có những đào nương họ không hợp tạng với nhạc của mình nên họ không hát. Vì thế gọi họ tới rồi họ lại lui ngay. Những người này họ cũng yêu âm nhạc chẳng kém gì mỡ. Tuyệt nhiên họ không phải khách làng chơi nên mỡ này không dám xâm phạm. Kể ra quyền thế rồi lại bóng bẩy như mỡ thì gạ gẫm hoặc thúc bách, hoặc cưỡng ép họ cũng phải chịu, nhưng

làm như thế nó mất đi cái thú thanh tao của âm nhạc, và khi tỉnh lại chắc mình không còn thấy kính trọng mình nữa. Đôi khi mỡ này cũng có lui tới nơi lầu ca viện kỹ, ở đó nó là sự thỏa thuận có tính bán mua sòng phẳng. Trong đời mỡ chưa từng ai có thể bắt gặp hoặc chê trách mỡ là tay sớm mận tối đào làm hại con gái các nhà lành, nào Khâm thử phân bác lại các điều mỡ vừa nói xem.

Nghe ông chú hỏi, vua Nhân tông cười thâm và cố nhớ xem có ai kêu ca gì ông chú trong chốn làng chơi không. Quả là ông nổi tiếng về cầm ca nhưng không có tai tiếng gì với giới cầm ca hoặc với con cái các nhà lành. Nhà vua ậm ề khiến ông chú hồi hộp. Vua nói nhỏ:

- Xét cả ba phương diện đó, quả chú có dấn thân nhưng không ngập lặn. Trong cảnh ngộ dễ gây cho con người tai tiếng mà không mắc vào tai tiếng, quả chú cũng là người khác thường.

- Khác thường thế nào? - Trần Nhật Duật hỏi nhà vua và ông nói luôn - Mỡ này không chỉ khác thường đâu mà là phi thường đấy, là tiên thánh đấy.

- Quá thể đáng, chú mà là tiên thánh?

- Không tiên cũng là trích tiên. Vì thế phụ hoàng mới đặt cho ta cái tên Chiêu Văn chứ. Chiêu Văn Đồng Tử chẳng phải là tên một vị tiên trên thượng giới sao. Từ thượng giới xuống đây chẳng phải trích tiên thì còn là cái gì nữa nào?

- Cứ cho điều chú nói là đúng đi, nhưng còn chú nhận là thánh thì hơi quá, hơi liều đấy.

- Quá thì có nhưng liều thì không. Thánh là gì, là người có trí sáng suốt nhìn thấu ba cõi quá khứ, hiện tại và vị lai. Thánh là người xuất chúng làm được các việc mà người thế gian không làm được. Quả là mỡ này chưa đạt tới chức vị của bậc thánh, nhưng á thánh thì được. Á thánh là các việc người thường không làm được, không tránh được mà ai đó làm được, tránh được thì người đó ngang với các vị á thánh, Khâm chịu chưa?

Vua Nhân tông bấm bụng nhin cười, cầu vào đùi non Trần Nhật Duật một cái rất đau, khiến Nhật Duật há mồm kêu “á” thật to. Nhà vua phì cười nói:

- Vậy đó là “Á thánh” đúng không!

Hai chú cháu nhà vua ôm nhau cười như nắc nẻ. Đám quân canh đi lại phía ngoài không nghe rõ hai bậc bề trên nói chuyện gì, thỉnh thoảng chỉ nghe được các tiếng cười lọt ra khiến họ cũng vui lây và quên cả cái rét đang xâu xé thịt da.

Ngột tiếng cười, Nhật Duật hỏi:

- Nhà vua đi thị sát bao lâu nữa thì về kinh?

- Định ngày mai xem quân chú vào trận, ngày kia về chỗ bá phụ xem quân giao chiến rồi về kinh lo tết với phụ hoàng cháu. Cũng định kéo một vệt ra tận Vân Đồn, Tháp Sơn xem Nhân Huệ vương cho quân diễn tập nhưng có nhẽ không kịp. Lúc này mà vắng mặt ở

kinh thành lâu lâu phụ hoàng cháu lo lắng. Mấy năm nay sức của cha cháu giảm sút nhiều. Càng thương cha, càng căm giận cha con tên giặc già Hốt-tát-liệt. Lần này mà bắt sống được Thoát-hoan phải chém đầu nó làm lễ hiến phù cho hã nổi uất căm.

- Bệ hạ nghĩ thế là đúng. Ta cũng lo cho sức khỏe của huynh trưởng. Có nhẽ nhà vua vui ba ngày tết với thượng hoàng rồi đi thẳng ra Vạn Kiếp xem quân vào trận. Cha con Hốt-tát-liệt lo sắm thuyền bè và tập thủy trận lớn lắm, định giành ưu thế trên mặt nước với quân ta, để xem người ngựa của lũ lính sa mạc bơi trên sông biển nước ta thế nào. Quên hỏi bệ hạ, bữa trước anh Chiêu Minh có lên đây hiểu dụ các tướng và giao nhiệm vụ cho thần tạm điều hành quân vào trận, anh ấy trở về Thăng Long ít bữa rồi quay lại, không hiểu sao hôm nay vẫn chưa thấy lên.

- Việc đại chính bận lắm, chú ấy đang giao cho trung thư sảnh phải đi đốc thúc các lộ lo tích chứa lương thảo cất giấu vào kho để tiếp tế cho quân, rồi ban bố mệnh lệnh “thanh dã”, tổ chức các đội dân binh, các đội bạch đầu ông và cả trạo nhi nữa. Chú ấy bảo một vài ngày xong việc lên ngay. Có nhẽ dịp này chú ấy sẽ giao hẳn công việc cho quan thái phó điều hành và bắt Đức Việp sang bên phủ thái sư tập sự. Không chừng đêm nay hoặc sáng mai chú cháu mình lại cùng ăn sáng với chú Chiêu Minh cũng nên.

- Nếu vậy thì thần yên tâm.

VII

Cuộc diễn tập đại trận thủy bộ liên hoàn kéo dài hơn một tháng để luyện quân cho quen thạo với các loại địa hình và vận động cho mau lẹ. Cuộc diễn tập trên một quy mô chiến trường giả định lớn chưa từng có nhưng kết quả thu được khiến các bậc cầm quân thêm phần an tâm đón đợi giặc, nếu như nó lại vào xâm phạm cõi bờ ta. Cuộc diễn tập còn làm cho binh sĩ nức lòng, nhìn thấy tận mắt lực lượng quân ta không chỉ đông đảo mà còn tinh thông kỹ xảo. Từ thủy binh, bộ binh đến kỵ binh, tượng binh khi vào trận đều uy nghi bệ thế. Đánh xa, đánh gần, đánh đủ mọi kiểu từ đánh phục kích, phản phục kích đến xáp lá cà, đánh công, đánh thủ quân đều tỏ ra vững mạnh tinh tường, khiến khí thế trong quân phần hưng và tin vào sức mạnh của quân mình như chưa bao giờ oai phong đến như vậy.

Cuộc diễn tập thực chất đã đẩy động được lòng người, quân dân đều tin tưởng ở sức mình và sẵn sàng nghênh chiến chứ không e dè lo lắng như hồi cuộc chiến năm Ất Dậu. Và lại các đệ nhất danh tướng của Mông Cổ đều đại bại ở đây cả rồi. Hung hăng gây tội ác như Toa-đô, Lý Hăng, Lý Quán đưa thì rơi đầu đưa thì chết thảm. Còn như lũ ngựa Mông Cổ với đám lính thảo nguyên cũng có khác chi một lũ chuột đồng ngoi ngóp trên bề nước mênh mông khắp vùng A Lỗ.

Cuộc diễn tập đại trận thủy bộ liên hoàn đã đẩy thế nước lên cao nhưng không làm cho mọi người bông bột, trái lại nó rất sâu lắng, bình thản một cách kỳ lạ. Người sắp vào trận đánh mà tinh thần bình thản, tự tin là người có bản lĩnh và nắm chắc phần thắng.

Và, cái dư vang của cuộc diễn tập lại như là một cuộc đại biểu dương lực lượng làm cho thế nước càng thêm nổi.

Dân chúng khắp nước luôn được nghe các mệnh quan, các đô tướng của triều đình về tận các thôn ấp tuyên cáo, giặc Bắc sớm muộn lại sang xâm lăng bờ cõi, và lương dân phải làm các việc:

- Mỗi thôn ấp phải có một đội hương binh. Nơi nào chưa có phải cấp kỳ thành lập. Đội hương binh này khi giặc đến phải chọn nơi kín đáo mà bắn tia giặc, hoặc phục kích chờ cho chúng đi gần hết rồi thì chặn đánh lũ đi cuối cùng. Quanh vùng nếu có nơi nào giặc đóng thì liên kết các hương ấp lại, đêm đêm đem quân đến bắn tên lửa vào trại giặc, hoặc bắn đặng đông reo hò đặng tây khiến hết đêm ấy sang đêm khác giặc không lúc nào được yên giấc. Dân binh chớ ham đánh lớn vì không cân sức. Nhiệm vụ chính của dân binh, hương binh là tiêu hao, quấy rối giặc.

- Ngay từ bây giờ phải có kẻ sách di chuyển và bảo vệ các kho lương của nhà nước gửi trong dân tới nơi cất giấu.

- Lương thực, của cải của dân cũng phải tìm nơi cất giấu, kể cả nồi niêu, rổ rá, dao thớt, trâu bò, gà lợn... hết thấy đều không để một thứ gì cho giặc tìm được. Lần này triều đình vẫn thực hiện kế thanh dã như lần đánh giặc Thát năm Ất Dậu. Việc thanh dã phải triệt để thì mới hãm giặc vào thế bị tiêu diệt...

Hết chiếu, dụ triều đình lại cử các quan đi kiểm tra, đốc thúc và phổ biến lại các chỉ dụ cho từng người dân thấu hiểu trách phận đánh giặc, giữ nước. Vì vậy nhiều nơi trong hương ấp, Hội đồng Tứ Toát^[31] đã họp dân bầu hẳn ra một ban gọi là “Bảo hương kháng giặc”, tức là chống giặc bảo vệ quê hương.

“Bảo hương kháng giặc” có khoảng từ bảy, chín hoặc mười một người chọn trong số người tháo vát, khỏe mạnh có lòng vì mọi người, tuổi từ trung niên đến thiếu lão. Nếu hương ấp nào có người đã từng ở trong quân nay quá tuổi được về cũng mời tham gia.

“Bảo hương kháng giặc” có nhiệm vụ đôn đốc toàn dân trong hương ấp thực hiện các việc triều đình dụ bảo như trên vừa nói. Ngoài ra có những việc cần huy động sức người, sức của thì Ban này xin ý kiến của Hội đồng Tứ Toát để công việc tiến hành sao cho hợp lòng dân.

Nghe nói thế nước đang nổi, lòng dân đang sục sôi ý chí đánh giặc Thát. Dân muốn đánh giặc vì dân quyết tâm giữ nước giữ nhà. Dân muốn đánh giặc vì dân đã hiểu giặc, đã biết mặt giặc từ thằng giặc Mông Cổ mặt bự thịt, da đỏ au nói năng thì cục cằn như chó đớp, dân còn biết cả mặt những tên lính người Hán mất một mí nhìn ngang, mặt cúi gằm, miệng lúc nào cũng bung búng như ngậm hột thị, gian như ranh. Cứ gọi là đám lính người Hán vừa bước chân vào đến đầu sân nhà người ta, mắt nó đã đảo ngang đảo dọc, soi mói từ gằm chận đến gằm giường. Nếu như trong ổ gà còn sót quả trứng, ngoài vườn còn sót quả cam quả bưởi là nó vơ ráo trội. Ngay cả lũ ngựa Mông Cổ nghe nói thì ghê lắm nhưng nhìn tận mắt cũng thấy thường thôi, dân đã có người dụ bắt sống được, hương binh có làng còn bắt được cả ngựa Mông Cổ đem giết thịt.

Nghe nói khí thế trong dân lên ghê lắm, bữa nọ Phạm Ngũ Lão bèn rủ Trương Hán Siêu đóng giả làm dân thường lấy một chiếc thuyền nhỏ từ Vạn Kiếp xuôi sông Bình Than chừng mười lăm dặm thì neo thuyền sang bờ hữu ngạn. Vì đất bên hữu ngạn không thuộc ấp An Sinh.

Hai người rủ nhau đi vào một ngôi làng phía trước nằm cạnh đường hàng huyện cách nơi đậu thuyền chừng hai, ba dặm đường. Tới đầu làng hai người dừng nghỉ tại một quán nước dưới gốc đa. Vừa ngược nhìn thân cây đa có treo một tấm bảng khiến hai chàng trai bật cười. Bởi ai đó đã vẽ hình một con gà mái tự treo cổ lên một chạc cây, dưới đuôi gà rơi rải rác mấy cục phân, bên cạnh có dòng chữ: “Ta thà tự treo cổ chết chứ không đẻ trứng cho quân Mông Cổ!”. Cạnh mấy cục phân có thêm dòng chữ: “Đây là thức ăn của kẻ xâm lược!”.

Hai chàng trai vừa uống nước vừa lân la hỏi chuyện lão bà. Nói về cái bức vẽ bà lão bảo:

- Đây là mấy cậu trong ban “Bảo hương kháng giặc” của làng tôi vẽ đấy. Nực cười, hôm các cậu ấy mới đem ra treo nom nó ngộ ngộ không ai nín cười được. Đạo này thì quen mắt rồi không ai cười nữa.

Nghe cái tên gì “kháng giặc” lạ tai, Phạm Ngũ Lão hỏi lại:

- Thưa, lão bà vừa nói cái ban gì của làng ta nhỉ?

Bà lão nhà miếng bã trâu cầm tay, miệng hơi dẩu ra nói:

- Đã bảo cái ban “Bảo hương kháng giặc” khách nghe không rõ sao.

- Đa tạ lão bà, cháu nghe rõ rồi ạ.

- Đa, lão bà có biết ai vẽ bức tranh này không ạ?

- Tranh triếc gì mấy cậu, nom có giống gà đâu. Tôi thấy nó chỉ là một cục lông đen sì.

- Đa đúng rồi, Trương Hán Siêu nói xen vào: - Thừa lão bà đây là người ta vẽ con gà chết xù lông, mà là gà ác nên lông đen.

Đúng là tranh không đẹp nhưng người vẽ có học vấn cao vì ý tứ sâu xa lắm.

- Ông khách này tinh thật, sao ông biết cậu ấy có học. Cậu ấy là con ông đồ Quý hay chữ nổi tiếng cả vùng đấy.

- Đa, nếu chúng cháu muốn gặp những người trong “Bảo hương kháng giặc” của thôn ấp ta đây thì tìm ở đâu ạ? - Phạm Ngũ Lão

hỏi.

Bà lão chỉ tay theo nẻo đường dẫn vào làng đáp:

- Quý khách cứ đi thẳng vào trong đó, các ông ấy ở cả trong đình ấy, lúc nào cũng có người.

Lại hỏi:

- Thôn ta đây gọi là gì thưa lão bà?

- Hảo Thôn, bà lão đáp, dân chúng tôi đây thuần dân tốt, quý khách cứ yên tâm. Vậy chớ hai công tử đi du lãm hay có quen ai ở trong thôn ấp?

- Đa, thưa chúng cháu đi chơi thấy làng ta cảnh đẹp nên muốn ghé thăm. Nói xong hai người rào bước đi vào làng.

- Nay anh Hán Siêu, anh có thấy cái tên “Bảo hương kháng giặc” này hơi lạ không. Hay thật, chẳng biết đáng cao minh nào nghĩ ra cái tên vừa bình dị vừa cao siêu vậy.

- Chẳng có đáng bậc cao minh nào nghĩ được ra cái tên đó đâu, chắc là nó bật ra từ một người dân nào đó một cái tên na ná như vậy, rồi họ cứ bổ chính, tu chỉnh mỗi người một ý, cuối cùng đến cái tên này ưng ý thì họ chốt lại. Theo tôi chưa hẳn cái tên đó đã phát xuất từ Hảo Thôn mà nó đã truyền từ đâu đó về, và bây giờ chắc nhiều hương ấp đã lập “Bảo hương kháng giặc”.

- Hay! Tôi cho cái tên này hay lắm đấy. Nó gắn bó thân thiết với hương thôn ta ghê gớm. Thực chất là việc đánh giặc giữ làng, gián dị và cần thiết như cơm ăn, nước uống. Phạm Ngũ Lão cứ tấm tắc khen mãi.

- Tôi chắc chẳng mấy nữa “Bảo hương kháng giặc” sẽ phổ cập tất cả các làng xã trong nước. Thế là toàn dân đánh giặc,

Trương Hán Siêu hưởng ứng.

- Nếu toàn dân tham gia đánh giặc thì sức quân của mình tăng lên gấp bội, sức kháng chiến của cả nước sẽ chung đúc thành một khối, và như thế nó mang trong mình sức mạnh đảo hải di sơn không một kẻ thù nào không bị đánh bại.

Hai người vừa đi vừa nói chuyện, chẳng mấy chốc đã tới cửa đình.

Đình làng là một ngôi nhà bảy gian to, thoáng, rộng được dựng bằng cột gỗ, các vì kèo và rui, mè, đòn tay tất thấy đều bằng một thứ tre ngâm, mái lợp rạ, tường bằng đất nện, mặt trước là cửa bức bàn. Gian giữa lập bàn thờ, hai gian đầu bỏ trống, mỗi bên hai gian áp sát với gian thờ đều dựng sàn gỗ làm nơi hội họp. Dân tình vắng hoe, cỏ trên sân lụi vàng xơ xác. Nhìn vào trong đình thấy vài người đang viết lên những tấm bảng gỗ ghép to bằng chiếc chiếu.

Trương Hán Siêu e hèm lên tiếng trước:

- Chào các đàn anh!

Mấy người đang hí húi viết ngừng đầu nhìn khách. Hai bên đều lạ lẫm.

Phạm Ngũ Lão nói lời thân thiện:

- Thưa các bậc đàn anh, chúng tôi là khách qua đường thấy làng ta phong cảnh đẹp nên ghé thăm, xin các đàn anh cho phép.

Cả ba chàng trai đang viết đều ngừng tay và ngoái nhìn khách, cất lời chào lễ độ làm đẹp lòng khách.

Họ buông bút, lau các vết mực trên tay rồi mời khách ra sàn.

Trương Hán Siêu đang đọc dở một bảng chữ liền xin phép hỏi:

- Xin các đàn anh thứ lỗi, chúng tôi vừa đường đột vừa tò mò, liệu có phải quý anh viết lời hiệu triệu đánh giặc Thát không ạ?

- Dạ, đúng vậy. Chẳng là lần đánh giặc trước, hương tôi đây tất bật chuyển lương cho quân lại chuyển cả kho lương nhà nước gửi đem giấu trong rừng thành thử không kịp viết. Lần này nhân giặc chưa vào cõi, nên có thì giờ, anh em chúng tôi được ban “Bảo hương kháng giặc” sai viết. Tưởng có thể viết nhanh như viết trên giấy học, nhưng khi viết vào bảng khổ chữ to cũng lâu mà cũng không dễ.

Phạm Ngũ Lão nhẩm đọc: “Tất cả các quận huyện trong nước nếu có giặc ngoài đến, phải liều chết mà đánh, nếu sức không địch nổi thì cho phép lẩn tránh vào rừng núi, không được đầu hàng”.

Nhìn người đứng trước tấm bảng có tư chất là một nho sinh, Phạm Ngũ Lão xá một xá rồi khen:

- Tôn huynh chữ tốt quá, chân phương, chữ có cốt như cốt rồng.

Người kia đáp:

- Tôn huynh quá khen. Bởi đây là lời dụ bảo của hoàng thượng với bách tính, tôi phải chọn lối viết này vừa tỏ lòng tôn kính quốc vương vừa dễ cho mọi người dễ đọc.

Trương Hán Siêu từ nãy vẫn nhìn vào tấm bảng mà người nho sinh đang viết và nhẩm đọc:

“Năm đầu niên hiệu Trung thống ngày... tháng... Chiếu văn của Thế tổ thánh đức thần công văn võ hoàng đế chỉ dụ cho vua nước Nam...”

Trương Hán Siêu hỏi có phải tôn huynh muốn viết tiếp, rồi ông đọc to: *“... hiểu dụ cho quan liêu sĩ thứ nước người... phạm mũ áo, điển lễ, phong tục cứ theo như chế độ cũ, không cần phải thay đổi... Ngoài ra ta cũng răn cấm các biên tướng ở Vân Nam không được tự tiện đem binh lẫn cướp nơi cương giới, quấy nhiễu biên dân... Quan liêu sĩ thứ nước người đều nên yên trị như cũ. Nay ban lời chiếu để nhớ mà giữ gìn”*.

Trương Hán Siêu vừa dứt lời, vị nho sinh kia bèn vãi một vãi:

- Xin cảm phục tiên sinh! Quả là tôi cũng chỉ định trích lời chiếu của Hốt-tát-liệt có bằng ấy chữ thôi. Không, đó là ý của thầy tôi dặn chứ không phải ý của tôi.

- Sự phụ của tôn huynh quả là bậc cao minh - Hán Siêu đáp - Bởi ta dùng lời lẽ này của vua nó để đập lại chính nó. Nó nói “không xâm phạm cõi bờ”, nhưng lại định đưa đại binh vào giày xéo núi sông ta. Đúng là lũ kẻ cướp.

Chủ khách xem ra đã có sự quyến luyến và cảm phục nhau. Họ mời nhau ngồi lên sàn và một người chạy đi lấy trà nước. Vừa nhai trà vừa uống nước, không khí thật là vui vẻ, cởi mở. Bỗng một chàng nho sinh lên tiếng:

- Cứ nom sắc diện hai tôn huynh, tôi thấy không phải người thường, và lại tuổi tác các vị hẳn nhiên hơn bọn anh em tôi ở đây nhiều. Các vị phải cỡ tuổi huynh trưởng của chúng tôi. Vậy xin tôn các vị là đại tôn huynh kéo mang tiếng chúng tôi thất lễ.

- Không dám! Không dám! Cả Phạm Ngũ Lão và Trương Hán Siêu đều xua tay.

Ngồi đối diện nhìn kỹ, họ thấy người có vóc dáng mảnh mai so với người kia đầu búi tóc, quần khăn vành dây bằng lụa màu nâu để hở vầng trán cao hơi dô, đôi mắt sáng, lưỡng quyền và cả đôi má đều phủ một lớp da trắng, xem ra người này ít dạn dày sương gió. Thật ra họ không để ý chứ Trương Hán Siêu đang vận trên người chiếc áo dài đen cổ lá sen, hai cửa tay và nách đều rộng là kiểu áo của các anh nho sinh đương thời. Áo ấy với khăn vành dây quần hình chữ nhân trước trán đích thị là khăn áo của các bậc nhà nho.

Còn người kia (Phạm Ngũ Lão) có gương mặt chữ điền vuông vức, mắt đen nhúc, hai hàm răng nhỏ đều tăm tắp. Người này đầu cạo trọc đội mũ ô sa, vận chiếc áo dài nhờ chỉ chấm gối, áo cổ cao cũng có lá sen nhưng nách và cửa tay hẹp, áo như có phần hơi bó, chèn. Người này vóc dáng to khỏe, nước da rám nắng sần chắc.

Một người nhìn thẳng vào Trương Hán Siêu nài nỉ:

- Vừa đây đại tôn huynh đọc những lời trích trong chiếu thư của Hốt-tát-liệt, khớp từng chữ với thầy tôi sai viết, khiến chúng tôi lấy làm tâm phục, về tờ chiếu này, thầy tôi cũng đã giảng, nhưng nguyên ủy xuất xứ của nó thì thầy tôi cũng chưa được tường lắm. Vậy xin đại tôn huynh mở lòng chỉ giáo.

Thấy lời lẽ khiêm nhường và có vẻ cầu thị, Trương Hán Siêu vui vẻ nhận lời.

- Quả thực tôi không dám múa mép khua môi, chỉ xin biết tới đâu, tâu tới đó để hầu các quý hữu.

Mấy người trai làng mà thực họ là nho sinh, nghe khách gọi mình là “quý hữu” lấy làm cảm động, họ đáp gằn như đồng thanh:

- Đa tạ đại tôn huynh!

- Việc này xảy ra khá lâu rồi, có thể từ khi tôi và các quý hữu còn chưa được sinh ra kia - Trương Hán Siêu nói tiếp - Ấy là vào khoảng năm Canh Thân (1260), em Hốt-tát-liệt là A-li-bất-kha nghe tin năm trước Mông-kha chết ở thành Điều Ngự thuộc Tứ Xuyên, y bèn chiếm quốc đô Mông Cổ tranh ngôi đại Hãn. Hốt-tát-liệt đang đánh Ngạc Châu (Hồ Bắc), phải bỏ dờ và đem quân về nước. Trong hoàn cảnh ấy y không có thể uy hiếp Đại Việt được nữa, nên ban tờ chiếu này nhằm mượn trớn và giữ chân Đại Việt trong vòng kiểm tỏa của nó. Sau này Hốt-tát-liệt đã lấy lại ngôi đại Hãn, và trở về bình định Trung Hoa thì đòi hỏi của y cực kỳ khắc nghiệt. Nhưng Đại Việt ta cứ lấy tờ chiếu đầu tiên này của Hốt-tát-liệt làm cơ sở đấu tranh bang giao với nhà Nguyên. Người Nguyên thì bảo “chiếu ấy cũ rồi, thiên tử đã ban chiếu mới”. Đại Việt cãi lại: “Chiếu thiên tử ban ra lời vàng ý ngọc không bao giờ cũ, thiên tử không nói hai lời”. Do đó, sự phụ của các quý hữu sai viết lời chiếu này để mắng giặc, quả ngài là bậc đại cao minh, xin bái phục!

Trương Hán Siêu vừa dừng lời, lại hỏi:

- Vậy chớ sự phụ của các tôn huynh có dặn phải viết thêm gì nữa không ạ?

- Dạ có, một người đáp: - Dạ thầy chúng tôi dạy phải viết thêm vài lời cảnh cáo dưới lời chiếu như sau: “Kẻ nào xâm phạm cõi bờ Đại Việt làm rối loạn nhân dân là kẻ kháng mệnh thiên tử phải trị tội”.

- Phải, chỉ vài lời đó là đủ, Trương Hán Siêu đáp.

Phạm Ngũ Lão từ nãy vẫn ngắm nhìn mấy người nho sinh trai trẻ, nghe họ trao đổi với Trương Hán Siêu xong, ông nói:

- Hốt-tát-liệt ban lời chiếu trên là để lừa mị ta nhất thời. Nhưng ta cứ vin vào đó như một cái cớ để vạch mặt nó hoặc để từ chối những đòi hỏi thái quá của nó. Nay các đòi hỏi bằng chiếu dụ, tức là bằng sức ép bang giao đối với Đại Việt đều không đem lại kết quả như chúng trông đợi, nên đã hai lần xua quân sang xâm lăng Đại Việt ta.

Phạm Ngũ Lão ngửa mặt lên trời kêu:

- Than ôi, kẻ ban chiếu: “Biên tướng bất đắc thiện hưng binh giáp xâm lược cương trường, náo loạn nhân dân” (cầm các biên

tướng không được tự tiện đem quân xâm phạm cõi bờ (Đại Việt) làm rối loạn nhân dân), thì cũng chính nó năm Ất Dậu (1285) mới đây sai thằng con trai thứ mười một của nó là gã Thoát-hoan dẫn hơn năm mươi vạn quân vào xâm lược nước ta chứ còn ai. Lũ con trời (thiên tử) tâm địa xảo trá hơn cả loài lang sói, đời này qua đời khác, tội ác chúng gây ra chất cao như núi cho nên với loài dã thú này chỉ có trừng trị đích đáng chúng mới chữa. Tiếc quá, trận truy đuổi Thoát-hoan trên đường trốn chạy, nếu Trần Quốc Toản không bị giặc bắn lên thì sinh mạng Thoát-hoan khó toàn.

- Dạ thưa đại tôn huynh, thầy tôi cũng bảo thế, nhưng viết cái này ra đây là để vạch bộ mặt xảo trá của cha con Hốt-tát-liệt, và cũng cho người mình biết chớ có tin vào lời đường mật của chúng nó mà mất nước, mất nhà.

Với vẻ thân mật Trương Hán Siêu nói:

- Ta hỏi thật các quý hữu, cử này thì dân làng ta đang làm gì?

Các bạn cười ồ lên và gần như họ cùng nói:

- Ai việc nào cứ việc đó mà làm, như bọn đệ hàng ngày đi cày, đi cuốc, đi ra bãi bồi khai hoang vỡ hóa, ai lên rừng đốn củi, hái nấm, đào cây thuốc cứ đi, ai tập tành cứ tập, ai gánh gạo đồ kho lương cứ gánh, còn bọn đệ đi viết các bảng chữ này để treo nơi nào giặc qua lại thì cứ viết. Hoặc vụ chiêm vừa qua dân hương ấp gặt xong, chân năm tay mười lo liệu cho việc cày cấy vụ mùa ngay. Dạ chúng tôi sắp cấy vụ mùa, còn vụ chiêm vừa rồi lại bội thu. Đã bội thu còn được tha tô, thuế, bởi vậy dân tôi no đủ ca hát cả ngày. Ban ngày đi làm đồng vừa làm vừa hát, tối về lại tụ họp chia bè hát đến khuya. Dạ, chiến tranh thì chẳng có ai thích cả, nhưng sợ thì chẳng sợ đâu. Nếu giặc Bắc lại sang thì ta lại đánh giặc Bắc lo gì. Nói xong các chàng trai đều cười hân hậu.

Phạm Ngũ Lão tìm tìm cười hỏi:

- Xin các quý hữu đại xá tính tò mò của tôi, nhưng dám hỏi trong các quý hữu ở đây vị nào vẽ bức tranh con gà mái tự treo cổ: “Thà chết chứ không để trứng cho quân Mông Cổ”, và vì sao quý hữu này ra ý nghĩ vẽ bức tranh đó?

Cả ba người đều cười, riêng người tóc xoăn có vẻ nghịch ngợm mặt hơi ửng đỏ. Hai bạn đồ đồn nhìn về phía người tóc xoăn nói:

- Anh này! Anh này có tài vẽ mà hóm lăm đấy ạ.

- Vậy chớ sao quý hữu lại nảy ra cái ý vẽ bức tranh con gà?

Chàng tóc xoăn ngượng ngập mở lời:

- Thưa các đại tôn huynh, chẳng là lũ đệ ngồi tán dóc về cái bọn giặc Mông Cổ, giặc Tàu nó vợ vét của dân mình thật là thậm tệ, cái gì không ăn được, không đem đi được thì nó đập phá, nó thiêu hủy. Thế là... anh ta bùng miệng cười, rồi cả ba người cùng cười nắc nẻ.

Lát sau vẫn tiếng cười, Trương Hán Siêu mỉm cười và nói:

- Có phải các quý hữu bảo: “phải cho lũ này ăn cứt”, rồi từ đó nảy ra ý nghĩ vẽ bức tranh có đúng không nào.

Ba chàng trai nhìn Trương Hán Siêu tỏ vẻ kinh ngạc:

- Đại tôn huynh đoán việc như thần.

Đổi theo ba chàng trai từ khi mới gặp, Phạm Ngũ Lão đã có ý muốn thu dụng, liền hỏi:

- Dám hỏi các quý hữu có ý định đầu quân đánh giặc chưa?

- Dạ chúng tôi xin đầu quân mấy lần mà chưa được. Các mệnh quan, các đô tướng đi tuyển bảo triều đình muốn để dành những người có học thức để dùng vào việc khác. Anh em chúng tôi bàn nhau hôm nào sang sông tìm vào cửa Đức ông ở Vạn Kiếp xem ngài có thu dụng để được vác giáo dưới cờ. Nội thật với các đại tôn huynh, cái chí của chúng tôi là ở chốn sa trường giết giặc cứu nước, chứ sức trai trẻ mà cứ ru rú ở xó nhà sao chịu nổi.

Trương Hán Siêu và Phạm Ngũ Lão cùng nháy nhau rồi Hán Siêu nói:

- Nếu các quý hữu tông chính thì ai phụng dưỡng cha mẹ già, lại còn con thơ vợ đại nữa chứ!

- Thưa, các trưởng huynh của chúng tôi được nhà nước miễn cho các khoản tạp dịch và quân thú để ở nhà giữ đạo hiếu. Vâng đây là ân mệnh của triều đình cho những người là con trưởng có cha mẹ già trên sáu mươi tuổi. Còn vợ con chúng tôi khỏi lo. Một là gia cảnh cũng không đến nỗi nào. Hai là trong hương ấp có lệ hề ai ra mặt trận, vợ con ở nhà được mọi người giúp đỡ, nhất là các việc nặng như cây cối, gặt hái.

- Mãi nói chuyện mà quên hỏi danh tính và niên kỷ các quý hữu, Phạm Ngũ Lão lên tiếng và chỉ tay vào chàng tóc xoắn.

Chàng ta bẽn lèn:

- Thưa đại tôn huynh, tiểu đệ tên là Ngô Trung Tín hai mươi một tuổi, quê quán Hảo Thôn thuộc phủ Chí Linh.

Chàng ngồi bên cạnh tự nói:

- Thưa, tiểu đệ là Bùi Hoàng Linh hai mươi tuổi, quê quán Hảo Thôn.

Chàng kia tự bạch:

- Thưa, tiểu đệ là Nguyễn Bình An hai mươi hai tuổi, cùng quê quán với hai anh Trung Tín, Hoàng Linh. Dạ, thế còn quý danh và niên kỷ của hai đại tôn huynh? - Bình An hỏi.

Ngũ Lão và Hán Siêu đưa mắt cho nhau, ý là cứ nói thật vì cả hai người đều muốn thu dụng ba chàng trai này về đầu quân dưới trướng Hưng Đạo vương. Hai người lần lượt xưng danh:

- Tôi là Trương Hán Siêu năm nay hai mươi tám tuổi, quê quán ở phủ Trường Yên vốn là kinh đô của hai nhà Đinh - Lê.

- Còn tôi là Phạm Ngũ Lão hai mươi bảy tuổi, quê quán phủ Ân Thi thuộc châu Hồng. Hai anh em chúng tôi đều đầu quân dưới trướng Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương.

Cả ba chàng trai đều giật thột như vừa bị ong đốt, họ vội quỳ xuống vái lia lịa:

- Xin tha tội chết, chúng tôi đã mạo phạm. Núi Thái Sơn trước mặt mà chúng tôi có mắt như mù. Hai ngài danh vang khắp nước. Trần thẳng giặc vừa qua cả nước biết ơn các ngài.

Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu nâng ba chàng trai dậy nói lời an ủi:

- Chúng tôi có một chút danh là vì có công đánh giặc, không thì cũng như người thường thôi. Các anh em còn trẻ, thời cơ lập công đang đến lo gì. Vậy nếu các anh em đã định đầu quân vào phủ Hưng Đạo thời chúng ta là anh em một nhà. Khỏi phải “đại huynh” với “đại tôn huynh” cho thêm phần khách khí. Chỉ bằng chúng ta cứ gọi nhau là anh em. Chúng tôi lớn tuổi hơn chúng tôi là huynh, quý hữu ít tuổi hơn thì xưng là đệ. Còn việc ra mắt đại nhân thì các quý hữu định ngày nào đây để chúng tôi đưa thuyền ra bến Đại Than đón rước?

Họ nhìn nhau và cùng thống nhất:

- Xin các huynh trưởng cho lũ đệ thu xếp trong ba ngày.

- Bữa nay là ngày Giáp Ngọ không tính. Các quý hữu thu xếp trong ba ngày, sang ngày thứ tư tức ngày Mậu Tuất chúng tôi sẽ có thuyền chờ tại bến. Xin hỏi vào giờ nào đây.

- Giờ Thìn ạ! Hoàng Linh nhanh nhẩu đáp.

- Không được, xuất hành ngày Tuất lại đi vào giờ Thìn, xung đấy - Bình An nói.

- Dạ thế thì giờ Mão ạ. - Trung Tín nói.

- Được đấy! - Cả ba đều đồng lòng.

- Vâng như thế là chúng đệ có mặt tại bến Đại Than vào khoảng nửa đầu giờ Mão.

Họ chia tay, cả hai bên đều vui. Các chàng trai cứ tưởng mình nằm mơ. Chỉ riêng được gặp hai đại nhân này về kể lại, chắc khó có người tin.

Còn Trương Hán Siêu, Phạm Ngũ Lão cũng hết đổi mừng rỡ vì sẽ tiến cử lên Hưng Đạo người mà vương đang cần để huấn hỗ bổ sung vào đội ngũ các gia tướng gia thân. Với con mắt nhà võ, Ngũ Lão nói:

- Mấy chàng trai này chỉ cho tập luyện ba tháng thì người lớn hẳn lên, to khỏe lại có học thức, chọn cho làm đô tướng được lắm.

- Tôi nghĩ họ cũng có khiếu năng của một gia thần trong phủ Đại vương đấy. Nhưng phải cho học hành, rèn dạy nhiều, mới thành tài. Bởi xem họ đều có nhiệt tâm hiến mình cho nước lại đam mê lập công.

Ngay tối hôm đó, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu xin yết kiến chủ tướng và kể hết các chuyện đang diễn ra ở nơi thôn ấp hiện nay, và tiền cứ mấy người vừa gặp.

Hung Đạo mừng lắm, người nói:

- Thế nước được tạo lập từ trong lòng dân, giặc Hồ nếu lại vào, chắc chúng sẽ chuốc đại họa.

Trong khi ở Thăng Long, ở Đại Việt việc chuẩn bị kháng giặc vừa khẩn trương vừa bình lặng thì ở đại đô Yên Kinh, thiên tử nhà Đại Nguyên sôi lên sùng sục như một con thú dữ bị nhốt trong cũi sắt.

Hốt-tất-liệt sai triệu Thoát-hoan và bình chương chính sự Áo-lỗ-xích vào bệ kiến.

Áo-lỗ-xích và Thoát-hoan vừa quỳ chúc câu:

- Thiên tử vạn an!

- Thánh thượng vạn an!

Hốt-tất-liệt vội xua tay:

- Miễn lễ! Cho các khanh an tọa.

Nói xong nhà vua gõ một tiếng chuông nhỏ. Lập tức nội thị bê ra một chiếc khay ngọc trên đó đặt một chiếc chén vàng rót đầy rượu quý. Nội thị quỳ dâng rượu. Hốt-tất-liệt liếc nhìn về phía chiếc kỷ kê bên tả ngai vàng. Viên nội thị biết ý vua liền đặt khay rượu lên mặt kỷ. Cùng lúc ấy có hai thị nữ mỗi người bê một chiếc khay bằng gỗ hoàng đàn thơm phức khảm ngọc trai lấp lánh, trên mỗi khay đặt một chiếc chén bạc rót đầy rượu. Rượu có màu vàng óng, trong như hổ phách. Rượu của nhà vua có màu đỏ tươi và trong suốt nom tựa một khối hồng ngọc.

Mỹ nữ vừa dâng rượu cho hai đại quan, thiên tử liền phẩy tay:

- Ta ban cho hai khanh mỗi người một chung tiên tửu đấy, uống mau rồi tâu báo công việc.

Nghe lời phán, hai người vội sụp lạy:

- Tạ ơn thiên tử ban tiên tửu.

Rồi họ nâng chung rượu, lấy cánh tay áo che miệng và ngửa cổ uống một hơi cạn hết.

Hốt-tất-liệt có sức khỏe dẻo dai như một con ngựa thiên lý và làm việc không biết mệt mỏi. Tính ông nóng như lửa, làm việc nào

phải cho xong việc đó. Ai nhận việc mà cứ để dây dưa nếu không mất đầu cũng mất chức. Vì thế các kẻ dưới quyền nhiều người khiếp nhược. Hốt-tát-liệt rất ghét vừa họp bàn vừa chè rượu. Ông có thể cho uống rượu, uống trà vào trước hoặc sau khi họp bàn.

Hai người vừa đặt chung xuống, Hốt-tát-liệt đã hỏi:

- Công việc của “Chinh Giao Chi hành thượng thư tỉnh” các khanh lo liệu đến đâu rồi, tâu báo ngay đi.

Trần Nam vương Thoát-hoan quỳ tâu:

- Bẩm phụ hoàng, quân lấy từ các tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây, Vân Nam đều đã tập trung xong, hiện các tướng đang lo chỉnh bị đội ngũ rồi cho tập luyện lại để chúng ăn khớp với nhau.

Nhà vua gật đầu nói như gắt:

- Đã cho miễn lễ khi bàn việc quốc sự, các khanh cứ thủ lễ rườm rà. Mỗi lúc lại mỗi quỳ tâu thì còn bàn bạc cái gì.

Thoát-hoan mất hơi lấm lét nhìn vua cha.

- Trong số quân đi nam chinh thì quân Mông Cổ mấy phần, quân Hán mấy phần? - Hốt-tát-liệt hỏi.

- Tâu, ba phần quân Hán một phần quân Mông Cổ.

- Đúng rồi, phải lấy nhiều người Hán cho nó đi đánh trận, nhớ lấy thêm đám quân Hán phía bắc nó cũng biết cưỡi ngựa, bắn cung, người lại cao to như người Mông Cổ khiến dân Giao Chi sợ đấy.

Chợt Hốt-tát-liệt quay hỏi Áo-lỗ-xích:

- Thế nào ông bình chương, thuyền bè, chiến hạm và quân thủy ông lo đến đâu rồi?

- Tâu hoàng thượng, năm trước hoàng thượng sai Hồ Quảng đóng ba trăm chiến thuyền, sau lại sai đóng thêm hai trăm chiếc nữa cộng với số thuyền cũ còn dùng được cũng đến vài ba trăm chiếc, thần đã sai đưa tất cả số thuyền đó về hai cảng Khâm Châu, Liêm Châu ở Quảng Đông rồi.

- Quân thủy lấy ở đâu? - Hốt-tát-liệt hỏi.

- Tâu, lấy quân Giang Nam thôi chứ quân Mông Cổ và quân Hán miền bắc không xuống nước được. Dân thảo nguyên xuống nước chỉ có say sóng, mà đã say sóng người nôn nao bải hoải, đầu váng mắt hoa, quân ấy coi như loại ngu.

- Khanh định đem sang Giao Chi bao nhiêu quân thủy?

- Tâu, số thuyền đó chỉ có thể chở được từ mười đến mười hai vạn quân chiến đấu là cùng.

- Ta cho số quân thủy thế là được, nhưng phải tập luyện cho kỹ, khanh nên nhớ quân Giao Chi sông nước là nhà của nó đấy.

Khanh đưa hết thuyền về Khâm, Liêm vậy quân phải đi bộ đến đó à?

- Tâu, thần sai đưa quân về Hồ Quảng nhận thuyền rồi giong buồm về Khâm, Liêm coi như một cuộc đại tập trên biển.

- Khanh quả là viên tướng linh lợi giúp rập cho Trần Nam vương. Vậy chớ hai khanh định chọn tướng nào coi quân thủy? - Hốt-tất-liệt hỏi.

Thoát-hoan đáp:

- Tâu, thần cử hai viên tham tri chính sự là Ô-mã-nhi và Phàn Tiếp. Ô-mã-nhi giữ chức chánh, Phàn Tiếp chức phó.

- Quan tước thì phải nói cho rành rõ mới danh chính ngôn thuận được. Người nói chánh với phó là chánh phó cái gì. Hốt-tất-liệt mắng. Vả lại phải biết trân trọng các tướng tài. Chức tước của hai vị tướng này ta tuyên như sau:

Ô-mã-nhi làm tham tri chính sự bình man hành hải đô nguyên súy.

Phàn Tiếp làm tham tri chính sự bình man hành hải phó đô nguyên súy.

Các tướng lần trước ta đã sai giúp rập dưới trướng Trần Nam vương vẫn không có gì thay đổi. Duy có A-lí Hải-nha thất lạc ta đã thay bình chương chính sự Áo-lỗ-xích vào chỗ của A-lí Hải-nha. Nay ta sung thêm hai người đó là hữu thừa A-ba-tri và hữu thừa Trịnh Bằng Phi. Các tướng trong “Chinh Giao Chỉ hành thượng thư tỉnh” đều đã dạn dày chiến trận, phần đông trong số đó cũng mới đi đánh Giao Chỉ về năm Ất Dậu. Ta chắc mọi việc sẽ thuận. Hốt-tất-liệt nói thêm: - Ngoài bốn tỉnh đã điều quân, ta cũng vừa có chiếu động binh thêm ở Quảng Tây và Quỳnh Châu^[33]. Quảng Tây là lấy quân tân phụ cho nó theo quân mang vác, còn dân Lê ở Quỳnh Châu cũng là dân quen thạo biển khơi đấy.

- Đội ơn thiên tử! Áo-lỗ-xích nói.

Trầm ngâm một lát Hốt-tất-liệt lại hỏi:

- Việc quân lương hai khanh trừ liệu thế nào rồi?

Thoát-hoan vội đáp:

- Ý thiên tử muốn chinh nam lần này là dứt Giao Chỉ vì chúng ương gàn kháng mệnh. Vì vậy quân đem vào lần này cũng đông hơn, đồn trú cũng lâu hơn nên tiêu tốn lương thực cũng nhiều hơn. Nếu như đem bằng đường bộ thì cực nhọc gian nan, lũ giặc phục cướp mất lại hỏng việc quân. Năm ngoái nghe Lễ bộ thượng thư Lưu Tuyên nói từ Tư Minh sang Giao Chỉ, một người phu gánh năm^[34] gao, đi về ăn hết một nửa. Nếu có mười vạn thạch^[35] lương dùng cho bốn mươi vạn người cũng chỉ đủ nuôi quân một, hai tháng. Chuyên chở đóng thuyền, phục dịch việc quân phải cần đến năm mươi, sáu mươi vạn người.

Và lại cuộc chinh Giao Chi năm Ất Dậu chuyển lương bằng đường bộ, quân luôn thiếu lương thực mà người Giao Chi nó cất giấu lương thực rất tài. Quân đóng ở đâu thường cho đi sục sạo tới hai ba mươi dặm quanh vùng, vẫn không kiếm nổi một đấu thóc cho ngựa. Do vậy, lần này chúng thần xin được chuyển quân lương bằng đường biển.

- Chuyển bằng thuyền được nhiều hơn lại đỡ tốn người tốn sức. Ta đã liệu trước việc này nên cho đóng bảy mươi thuyền chở lương cỡ lớn, mỗi thuyền có thể chở được từ bốn trăm năm mươi tới năm trăm thạch. Mỗi chuyến cả đoàn thuyền vận tải này có thể chở tới ba bốn mươi vạn thạch lương, đi về nhiều chuyến là có thể chở đủ sáu, bảy mươi vạn thạch. Dù số lương đó mới cho quân trụ lâu được. Tuy vậy, mùa lúa chín phải đuổi dân nó đi xua quân ra mà gặt lấy thóc nuôi quân, nuôi ngựa lâu dài.

- Thiên tử quả là bậc thiên tài có con mắt nhìn thấu ngàn tầm, trí xét đoán thông ba cõi, - lũ thần không theo được, Áo-lỗ-xích khen nịnh chủ.

- Các tỉnh nộp đủ số lương đã giao chưa? - Hốt-tất-liệt hỏi. Có tỉnh nào chưa nộp được hạt nào không để còn liệu?

- Tâu, các tỉnh đang chờ lương về nơi quy tập, nhưng chưa tỉnh nào nộp được đủ số lương được thiên tử phân bổ. Họ nói mấy năm liền mất mùa, nay mới có hột lúa, dân chỉ nộp tô, thuê thôi chứ không bán. Họ nói số lúa còn dư chẳng đáng là bao, phải dự trữ kéo lại mất mùa nữa thì chết đói.

Hốt-tất-liệt cau vầng trán, nhíu đôi lông mày làm hai con mắt nhọn ra như hai chiếc gai buời, chợt ông quơ hai bàn tay múp míp ra phía trước rồi dụ bảo:

- Nói mấy viên an phủ sứ mở kho bạc lấy tiền mua lúa giá cao.

- Muôn tâu, dân chúng bảo: Giá cao mấy cũng không bán, nếu mất mùa thì không thể dùng tiền cứu đói được.

- Thế mà người cũng học đòi làm tướng. Đám dân chúng có thể tạm thời để nó chết đói, nhưng quân thì không thể thiếu lương một ngày. Sai quân ập vào từng nhà, bức chúng nó phải cho nhà nước vay lương. Phải vét lương cho thật nhanh để còn tiến binh, cứ trừ trừ mãi để chúng nó hồi sức, hồi sinh à!

Biết thiên tử đang bị con hỏa xà nó quấy, hai tướng len lét cúi đầu hô:

- Tuân chỉ!

Và họ lặng lẽ bước ra, ai về dinh ấy sai tướng đi các tỉnh đốc lương.

Hốt-tất-liệt đi loanh quanh trong nội tâm lòng đầy bức giận. Ông rờ lên đầu túm được chiếc mũ và ném phắt về phía tầm bình phong. Lại đưa tay lên nắm tóc trên đầu.

Quả thật trên đầu thiên tử chỉ có đám da nhẵn bóng nên năm ngón tay trượt đi khiến thiên tử càng bức tức. Vừa chợt trông thấy chiếc khay ngọc, ngài quơ lấy, giang thẳng cánh ném vào chiếc đôn sứ kê cạnh kỷ. “Choang” một tiếng rất đanh gọn, cả khay ngọc lẫn

đồn sứ đều vỡ tan tành.

Lúc này đầu óc thiên tử như đã diu diu. Ngài gõ năm tiếng chuông. Năm ả thị nữ mặt hoa da phấn đỡ ngài vào phòng tắm xông hơi.

Mỗi ả một việc, đưa cơi áo đưa cơi hia, đưa cơi quần cho thiên tử. Và cả năm ả đào tơ đều tự trút bỏ xiêm y khiêng thiên tử vào bồn tắm. Mỗi ả quỳ một góc và được phép kì cọ mọi nơi trên cơ thể thiên tử.

Ba lần thay nước thơm ấm dịu và được các mỹ nữ vuốt ve mơn trớn, thiên tử quên hết bực dọc và cả mệt nhọc. Ngài vươn vai đứng dậy tông ngông như một đứa trẻ. Ngài tự ngắm cơ thể mình và cơ thể các mỹ nhân. Ngài có nước da nâu cháy, bụng và mông đều sệ như một con lợn sề thiếu, giữa ngực có một nam lông đen mà cứng như lông đuôi ngựa.

Các ả lau khô thân thể thiên tử, khoác lên vai ngài tấm áo dài rồi thất đại và diu ngài sang phòng kế bên. Ở đây có hai ả chờ sẵn với một bát canh đang bốc khói thơm phức. Đó là canh thuốc đại bổ và thuốc đại kích dục do các ngự y nổi tiếng của Trung Hoa chế hầu thiên tử.

Thiên tử vừa dùng canh xong liền có hai mỹ nữ khác đến diu qua một hành lang xông hương thơm phức, để vào một căn phòng dát thuần gỗ trầm và họ mời ngài ngã mình trên tấm nệm, rồi họ lấy thuốc thơm xoa bóp toàn thân. Khi canh ngấm, thuốc xoa bóp ngấm, cơ thể ngài ngự rung lên thì họ diu sang một căn phòng khác.

Đó là một căn phòng rộng, bốn tường lát thuần gương đồng mài bóng đến một chiếc kim rơi trên sàn nhà cũng nhìn thấy. Theo sở thích của thiên tử căn phòng không có bày biện trang trí gì hết, ngay mùi thơm cũng chỉ thoảng thoảng như hoa cỏ thảo nguyên chứ không được phép có mùi Trung Hoa nơi thiên tử ân ái. Giữa gian phòng rộng mênh mông như đồng cỏ là tấm nệm cỏ trên phủ thảm Mông Cổ như trong lều của một đại Hãn. Đó là ý muốn của thiên tử để ngài nhớ về cội nguồn du mục.

Ánh nền từ các góc tường tỏa ra lấp lánh như các vì sao đêm trên thảo nguyên. Nhìn ngắm gian phòng, Hốt-tát-liệt tỏ vẻ hài lòng liền lấy gót chân nện mạnh xuống mặt sàn ba lần. Lập tức từ nơi cửa ngạch lộ ra một thiếu nữ như từ cung Quảng Hân vừa rớt xuống. Thiếu nữ có nét đẹp kiều sa của một người Hán không pha trộn. Từ gương mặt, khóe mắt đều toát lên vẻ thanh cao quý phái. Chẳng phải lần đầu tiên được dâng gái Hán, nhưng Hốt-tát-liệt vẫn ngỡ ngàng. Nhưng bây giờ với y thì tất cả bọn con gái dù Hán, Tạng, Mông... cũng vậy cả thôi, cũng như những con ngựa, con cừu thảo nguyên chứ y không còn rung động nữa. Sự ân ái mây mưa với y bây giờ nó cũng thường như việc ăn uống, bài tiết. Nhưng lũ Hán gian lại kén thuần con nhà lành là các thiếu nữ vừa đến tuổi dậy thì để dâng. Thường Hốt-tát-liệt chỉ phối ngẫu một lần rồi thôi.

Vì vậy mỹ nữ để dâng thiên tử trong cung lúc nào cũng có hàng trăm, và lúc nào các thái giám cũng luôn thúc đòi các tỉnh gửi người đẹp về. Với thiên tử, ngài chẳng khác gì một con dê đực đầu đàn, kiểm soát cả một bầy dê cái non tơ đang nhót hăm.

Thiếu nữ lặng lẽ cúi lạy thiên tử. Nàng khép nép, ngác ngơ như một con nai nhỏ và sợ sệt hơn là vui mừng.

Hốt-tát-liệt đi vòng quanh ngắm nhìn người đẹp. Rồi bất chợt y tự lột bỏ tấm áo khoác trên mình cùng lúc nhấc nhẹ tấm áo

khóa trên người mỹ nữ. Hai tấm thân trần lồ lộ hiện lên bốn vách gương. Nom nàng đẹp như một quả đào tiên vừa lên mã, còn thiên tử nom ngài như một con cóc cụ khổng lồ. Mặc dù thiên tử vừa tắm thuốc, xông hương nhưng sao thiếu nữ cảm như có mùi hôi thối tanh tưởi bốc lên từ cơ thể ngài. Suýt nữa nàng đã gơ tay lên che mũi. Thật phúc cho nàng, nếu điều đó xảy ra thì sau khi hành lạc xong, thiên tử sẽ sai cắt mũi nàng. Hốt-tát-liệt không bẽ mà ông đẩy thiếu nữ ngã xuống tấm thảm và ngay lập tức ông đè lên nàng. Cười trên người đẹp, Hốt-tát-liệt đang mơ màng như ngày còn trai trẻ thường có những cuộc mây mưa với đám bạn nữ cùng trang lứa chẵn ngựa, chẵn cừu giữa thảo nguyên bao la.

Hốt-tát-liệt trùm tấm thân to lớn xù xì trên cơ thể mảnh mai thiếu nữ, và y quần thảo, cây xối tấm thân nàng tựa như y đang vò nát một bông hoa đang hé nở. Thiếu nữ vừa phải căng sức đỡ một khối thịt nặng nề vừa phải cắn răng chịu đựng sự đau đớn rất xé. Toàn cơ thể nàng nóng bừng như người lên cơn sốt rồi lịm ngắt. Hốt-tát-liệt đang thờ hồng học, y không biết tới điều đó. Và khi không còn ham thích nữa, y đứng phắt dậy không thèm ngoái nhìn thiếu nữ. Y lấy gót chân đạp mạnh xuống sàn hai lần. Lập tức có hai a hoàn hiện ra. Một nàng lấy khăn ẩm lau chùi thật kỹ cái bộ phận mà y vừa hành lạc, còn nàng kia thì lo mặc y phục cho thiên tử.

Hốt-tát-liệt vừa đi khỏi thì một gã thái giám trẻ măng bước vào. Anh ta cúi lau máu me và các thứ dơ bẩn trên người thiếu nữ. Và đây không biết là lần thứ bao nhiêu anh phải làm việc này. Đặt tay lên ngực thấy còn hơi nóng và có tiếng đập phập phồng, biết thiếu nữ còn sống, nàng chỉ đau và sợ mà ngắt đi.

Gã thái giám nghĩ vu vơ: thế là nát một đời hoa, tàn một đời con gái. Thân phận người này với thân phận ta nào có gì khác. Tự nhiên nước mắt gã cứ ứa ra và nhỏ xuống mặt người con gái khiến nàng bừng tỉnh. Nước mắt thái giám! Thật ra ở cái xứ này chưa ai nhìn thấy nước mắt thái giám. Có thể đây là người thái giám đầu tiên biết cảm thương trước bất hạnh của đồng loại, vì thế nó linh thiêng như một thứ thuốc hồi sinh làm cho thiếu nữ kia như được sống lại.

Thấy cơ thể mình đang lồ lộ trước mặt người con trai, thiếu nữ hốt hoảng ngồi dậy khép chặt hai đùi, mặt đỏ ửng.

Gã thái giám đứng lên nhặt chiếc áo khóa trùm lên vai thiếu nữ và nói:

- Nàng cũng tựa như nước Trung Hoa của chúng ta đã bị người Mông Cổ lột truồng, thử hỏi còn gì nữa để mà ngượng.

Đêm ấy thiên tử nhà đại Nguyên không ngủ được nhưng ông cảm thấy đầu óc mình mẫn lẹ thường. Ông nằm ngửa mặt lên trần nhà hồi nhớ lại những chặng đường gian khổ cam go như khi đang vây đánh thành Tương Dương thì nghe tin thắng em hỗn lảo tự mình lên ngôi đại Hãn, thế là phải đưa quân về trừng trị đứa em hư để giành lại ngôi đại Hãn. Kế đó là liên kết với nhà Tống diệt được nhà Kim rồi quay sang diệt Tống. Ta đã chinh phục cả bốn hướng đông tây nam bắc, không một quốc gia nào chống đỡ nổi. Tất cả các thành trì, các ngai vàng, vương miện đều sụp đổ dưới vó ngựa của ta. Thủ thật trên cõi đời này ta không ham muốn gì hơn là quyền lực, và mọi thứ của cải đều không hấp dẫn ta bằng đất đai. Bởi một khi ta có quyền lực mạnh thì đất đai sẽ thuộc về ta, và có đất đai ta có tất cả. Vậy mà cái nước Giao Chỉ còn con kia dám vô lễ kháng mệnh ta. Hai lần cho quân sang trừng phạt vua tôi nó đều thoát hiểm, và đại quân của ta không gặp may nên phải rút về. Lần này ta thề nếu còn ta, còn Hốt-tát-liệt này ắt Giao Chỉ không tồn tại. Mà thôi ta đang nghĩ cái gì nhĩ. Ặ, đúng là ta đang nghĩ xem có thể cử tướng nào coi quản việc tải lương trên biển đây. Người coi quản không chỉ tinh khôn, mưu trí, đờm

lược mà còn phải thông thạo nghề biển, phải thuộc đường đi biển, am tường thủy triều và cả mùa gió. Người như thế hiện trong quân ta có ai? Hình ảnh hai tên cướp biển khét tiếng Trương Hiến, Chu Thanh hiện ra. Hai tên tướng cướp này với hai đảng cướp khiến quân ta phải đánh dẹp mãi không xong. Sau khi ta kêu gọi côi giáp và mở lượng khoan hồng, chúng mới chịu ra đầu hàng. Từ đó mặt bể của ta yên ổn. Hai tên này đều được ta biệt đãi nên các lâu la khác phải tự tan. Nay hai kẻ đều có hai đứa con là Chu Tề và Trương Văn Hồ đều được ta trọng dụng. Chúng cũng có máu giang hồ như cha chúng và rất miễn cưỡng trong công việc tiêu trừ bọn cướp biển. Hốt-tát-liệt nhắm mắt hình dung ra hai đứa con tướng cướp xem nên chọn đứa nào.

Bỗng thiên tử ngồi nhòm dậy ra bàn quơ lấy cây bút rồi viết luôn mấy chữ: “Trương Văn Hồ Giao Chỉ hải thuyền vạn hộ”. Nhà vua sợ sáng ngủ dậy lại quên hoặc không còn muốn giao việc lớn này cho Trương Văn Hồ nữa. Không hiểu sao Hốt-tát-liệt rất tin vào những ý nghĩ xuất thần, hầu như đều có sự mạch bảo của thần linh. Và vì vậy nó dễ đưa tới thành tựu. Vậy là nhà vua đã quyết việc chọn Trương Văn Hồ vào chức “Giao Chỉ hải thuyền vạn hộ”.

Sớm ra, Hốt-tát-liệt sai triệu Trương Văn Hồ vào nội điện.

Trương Văn Hồ không biết thiên tử sai khiến việc gì nên trong lòng vừa mừng vừa lo. Lo nhất là có kẻ nào đàn hặc vì một chuyện vu vơ nào đó khiến thiên tử nổi giận, mạng sống ắt khó toàn.

Vừa bước lên bậc thềm, y đã toan quỳ lạy và hô lời chúc vọng vào trong cung để lấy lòng thiên tử, và để lấy lại sự bình tĩnh. Nhưng y chưa kịp sụp quỳ, nội thị đã nói:

- Ông vào cung ngay đi, thiên tử đang chờ ông đấy.

Trương Văn Hồ mừng quýnh, bước đi mà hai chân như riu vào nhau. Hậu điện sâu thăm thẳm, đang giữa mùa hè mà trong cung mát lạnh. Mới chớm nhìn thấy chòm mũ của Hốt-tát-liệt, Trương Văn Hồ đã quỳ lạy đầu cán thêm điện tới ba lần rồi y tung hô:

- Thiên tử vạn tuế!

- Thiên tử vạn an!

- Thần, Trương Văn Hồ khấu kiến thiên tử!

Từ trong hậu cung vọng ra một giọng nói đầy quyền uy:

- Miễn lễ! Vào ngay đi, ta đang mong khanh.

Trương Văn Hồ được phép ngồi vào chiếc đôn có phủ tấm da hổ phía bên tả nhà vua.

Nhìn xoáy vào cặp mắt xéch của Trương Văn Hồ và gương mặt gân guốc của y, thiên tử nhà đại Nguyên lượng định: “Tên này gan góc, tàn bạo dám mạo hiểm”. Đường như yên tâm vì ngài chọn đúng người cần chọn, nhà vua nói:

- Đại quân sắp nam chinh bình Giao Chỉ, có một việc hết sức trọng yếu ta tìm mãi chưa được người tin cậy, đêm qua bỗng nhiên

nhớ đến khanh, muốn trao công việc, chẳng biết khanh có dám nhận?

Trương Văn Hồ sụp ngay xuống thêm điện lạy:

- Tạ ơn thiên tử tin cậy, thần dù có phải xông pha nơi rừng thương, biển lửa vị tất đã báo đền được trọng ân, xin thiên tử cứ trao việc khó cho thần.

- Ta biết ngươi là người dũng, nhưng công việc ta sắp trao cho ngươi đòi hỏi phải có cả trí lẫn dũng mới đảm đương được. Ta hỏi ngươi, quân đi xa muôn dặm vào đất địch thì cái gì là cần yếu nhất?

- Tâu, lương thực ạ.

Trương Hồ trả lời mà không cần suy xét khiến thiên tử hài lòng.

- Đúng vậy! Khanh nói rất hợp ý ta. Vậy ta trao việc tải lương cho khanh. Nên nhớ, lần này ta quyết bình cho xong Giao Chi. Vì vậy quân viễn chinh sẽ huy động đông hơn cuộc bình Giao Chi năm Ất Dậu, và có thể quân ta còn phải ở lại lâu hơn, vì thế lương thực là thứ quan trọng hàng đầu. Ta giao cho khanh chức “Giao Chi hải thuyền vạn hộ” trông coi đội quân tải lương gồm hơn bảy mươi thuyền lớn. Nếu đại quân sang đó, vua tôi nó đầu hàng, ắt nó phải lo việc cấp lương cho quân thiên triều, nhược bằng nó dám chống lại thiên binh, chắc việc quân lương sẽ có khó khăn, vì vậy đội quân tải lương của khanh phải luôn luôn đi lại trên mặt biển. Khanh sẽ gặp hai cản trở, một là gió bão, hai là quân giặc có thể phục kích cướp lương của ta.

Trương Văn Hồ vội thưa:

- Tâu thiên tử, ta đánh phương nam thường hay động binh vào mùa đông để tránh cái nóng và cả mưa lụt. Vậy mùa đó là mùa gió bắc rất thuận cho thuyền của ta đi về phương nam, mùa đó biển phương nam lại không có bão gió, thiên tử khỏi lo. Và lại đường biển và thuật đi biển, thần có khiếu năng từ nhỏ. Thần xin lấy đầu ra cam kết sẽ hoàn thành trách phận thiên tử giao phó.

Hốt-tất-liệt có vẻ hài lòng:

- Ta biết khanh vốn con nhà nòi nên ta mới trao việc này cho khanh. Chớ hấp tấp coi thường thời tiết cũng như coi thường giặc để lương ta bị cướp, quân ta bị hãm lương, thì tội khanh lớn lắm đấy; tứ mã phanh thây vẫn còn là nhẹ. Nhưng mọi sự đều suôn sẽ trót lọt thì công của khanh cũng lớn lắm đấy.

Ngẫm nghĩ giây lâu Hốt-tất-liệt lại nói: - Để có người gánh đỡ công việc cho khanh, ta cho Phí Cung Thìn, Đào Đại Minh giúp rập. Khi vào Giao Chi, thuyền lương của khanh sẽ được mười hai vạn quân thủy của Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp bảo vệ. Nếu phải trở về nước chờ lương lần thứ hai, chắc Trần Nam vương cùng binh chương chính sự Áo-lỗ-xích sẽ cử quân đi hộ tống đoàn thuyền, khanh khỏi lo.

- Tâu thiên tử, để đại quân rảnh tay đánh giặc, thần chỉ xin năm ngàn quân Giang Nam cũng dư sức đánh bại giặc. Và lại tâu thiên tử, quân Giao Chi loanh quanh vùng sông nước trong đất chúng thôi, chứ ra biển khơi thần sẽ chìm chết.

Hốt-tát-liệt nhìn Trương Văn Hồ mỉm cười, dường như nhà vua đã tạm hài lòng khi trao công việc hệ trọng cho y. Đoạn ngài thông thả dụ bảo:

- Ta biết cha con Khanh vốn dòng hảo hán, nhưng lương thực là sự sống còn của một đạo quân. Hơn nữa ta cũng muốn nam chinh lần này là lần cuối, nên nhất nhất mọi việc đều phải cẩn trọng, tối cẩn trọng, Khanh chớ coi thường quân thủy của người Giao Chi. Ngưng lại giây lâu thiên tử dụ tiếp: - Khanh hoàn tất công việc giúp Trần Nam vương bình xong Giao Chi, ta sẽ thăng thưởng xứng đáng.

Trương Văn Hồ sụp lạy:

- Tạ ơn thiên tử ban trọng ân.

Thiên tử nhà đại Nguyên lo việc đánh Giao Chi lần này hết sức chu đáo. Qua hai lần chinh phạt vào các năm Đinh Tỵ (1257) và Ất Dậu (1285) quân thiên triều rất cuộc bị hãm vào thế thất lợi đều phải rút về và số thiệt hại lần nào cũng tới quá nửa. Đó là điều thiên tử nhà đại Nguyên không thể nào chấp nhận được. Dưới gầm trời này có kẻ nào dám kháng mệnh thiên tử nhà đại Nguyên như xứ Giao Chi. Dưới gầm trời này có quan quân nước nào dám chống lại binh uy thiên tử nhà đại Nguyên như xứ Giao Chi.

Giao Chi dám cản đường binh uy thiên tử tiến xuống phương nam. Giao Chi là một cái gai trước mắt ta. Lần này ta phải nhổ phăng chiếc gai đó đi để đại binh ta thâm tóm Chiêm Thành, Chân Lạp, Lão Qua, Xiêm La, La Hộc... để dân chúng các nước đó được hưởng ân trạch của thiên triều.

Để làm việc đó ta đã lo chuẩn bị chu đáo cho Trần Nam vương. Nhất là về mặt quân thủy, lần này ta cho đóng thuyền lớn thuyền nhỏ, bởi vì vào một xứ sông ngòi chằng chịt như Giao Chi mà ít thuyền bè là bất tiện. Chính sự bất tiện về thuyền bè và lương thảo như cuộc chiến năm Ất Dậu khiến quân ta lâm vào thế bất lợi. Mưa lớn lại gặp lúc triều cường, Hưng Đạo huy động cả chục vạn quân thủy bộ đánh vào trại thủy quân A Lỗ, khiến vạn hộ Lưu Thế Anh trở tay không kịp. Cũng từ đó quân ta gặp thất lợi liên tiếp buộc phải bỏ đất mà rút quân về.

Lần này quân thủy, thuyền bè và lương thực ta phải ra tay đốc thúc. Ấy cũng bởi ta muốn bình cho xong Giao Chi, ta muốn lấy đầu cha con Nhật Huyền và xem cái gan của Hưng Đạo nó như thế nào.

Hốt-tát-liệt không lúc nào quên chuyện đánh Giao Chi.

Bỗng nhiên an phủ sứ Quỳnh Châu là Trần Trọng Đạt xin được dâng thiên tử mười lăm ngàn quân người Lê và một số thuyền bè để Trần Nam vương bình Giao Chi.

Theo gương an phủ sứ Quỳnh Châu, tổng quân Nam Ninh là Tạ Hữu Khuê, tổng quân Diên Lan là Bồ Tý Thành, hai người dâng thiên tử một trăm hai mươi chiếc thuyền và một ngàn bảy trăm quân nữa.

Hốt-tát-liệt lấy làm đẹp lòng bởi các bè tôi trung thuận, liền ban hồ phù cho Trần Trọng Đạt, kim phù cho Hữu Khuê và Tý Thành.

Thiên tử cho như vậy là thể quân đã nổi, nhà vua bèn tuyên triệu các tướng trong “Chinh Giao Chỉ hành thượng thư tỉnh” về triều để ngài hỏi han việc chuẩn bị và định ngày xuất chinh.

Các tướng về châu theo chiếu chỉ của thiên tử, không một người nào dám chậm trễ hoặc vắng mặt. Thoát đầu là Trần Nam vương Thoát-hoan thống lĩnh chư quân. Tiếp đó là binh chương chính sự Áo-lỗ-xích phó đô thống, giúp rập mọi việc chinh thảo cho Thoát-hoan. Tham tri chính sự Ô-mã-nhi; tham tri chính sự Phàn Tiếp; hữu thừa A-ba-tri; hữu thừa Trịnh Bằng Phi; tả thừa A-ly... tất cả đều dưới trướng Thoát-hoan. Tuy không phải là hàng quan cao được ở dưới trướng Trần Nam vương, nhưng giữ việc vận lương là bộ phận huyết mạch của đại quân, nên thiên tử đặc cách cho Trương Văn Hồ tham dự việc quân.

Thoát-hoan tàu báo đã điều động xong các chủng quân mã, bộ, thủy còn lương thực cũng đưa hết về các kho trên hai cảng Khâm, Liêm chỉ chờ thiên tử hạ chiếu là xuất chinh.

Thiên tử gật đầu tỏ vẻ hài lòng. Đoạn nhà vua quay về phía Trương Văn Hồ hỏi:

- Giao Chỉ hải thuyền vận hộ, bao giờ thì khanh cho xếp lương thực xuống thuyền, có sợ trễ không?

Trương Văn Hồ vội quỳ thưa:

- Tàu thiên tử, thần chỉ xin ba ngày trước khi xuất chinh để xếp lương thực và cho thuyền rời bến là đủ. Thần không dám tự tiện cho lương thực xuống thuyền trước, nhằm tránh gió bão bất thường, bởi hiện thời vẫn chưa hết mùa gió bão.

- Khanh trừ liệu như vậy rất hợp ý quả nhân.

Được vua khen, Trương Văn Hồ lại cúi rạp đầu lạy tạ:

- Đội ơn thiên tử ban trọng ân, thần nguyện đem hết sức trâu ngựa để đền đáp.

Hốt-tất-liệt nhìn tả hữu tỏ vẻ hài lòng liền ân cần dụ bảo:

- Ta sẽ sai Tư thiên giám coi ngày tháng để xuất chinh, nhưng cũng phải đợi sang mùa đông. Mùa đông thuận cho quân ta nhiều lắm. Trước hết tránh được cái nóng, ẩm của phương nam, vì thế người, ngựa đều hợp với sở trường. Thứ đến là việc tải lương và quân thủy của ta tiến vào Giao Chỉ vừa hết mùa gió bão, lại đúng mùa gió bắc, nếu căng buồm mà đi, chắc còn nhanh hơn cả sức ngựa.

Thiên tử đưa mắt nhìn tới từng viên tướng và với tất cả sự nghiêm cẩn, ngài dụ:

- Các tướng hãy nghe đây. Lần này ta cho đại binh cùng các tướng tài tâm phúc của ta đi bình Giao Chỉ, ta chắc mọi việc sẽ xong sớm, nhưng chớ thấy Giao Chỉ là nước nhỏ mà tỏ ra coi thường. Ta biết các tướng phần nhiều đã qua chiến trường Giao Chỉ trở về mới cách đây chưa đầy hai năm.

Ngẫm nghĩ giây lâu thiên tử lại dụ: - Các khanh phải viết ngay vào vật áo lời ta dặn: “*Chớ thấy Giao Chỉ là nước nhỏ mà khinh thường*”.

Các tướng đều hô vang:

- Tuân chỉ! Mọi người đều ra phía thư phòng ghi lời thiên tử dụ bảo vào vạt áo.

Các tướng đều cảm nhận việc đánh Giao Chỉ lần này là một sứ mệnh vô cùng thiêng liêng mà thiên tử tin cậy giao phó.

Tiếp đó thiên tử thết yến tại điện Sùng Trinh. Hốt-tát-liệt cho Thoát-hoan và Áo-lỗ-xích ngồi ở hai bên tả hữu. Nhà vua nhắc lại

với hai viên tướng những điều thường dụ bảo. Lại nói riêng với Áo-lỗ-xích rằng: “Ngày trước bọn Mộc-hoa-lê^[36] tận lực với vương thất, tiếng thơm đến nay vẫn lưu truyền bất hủ. Khanh gắng lên, há không về vang như người xưa sao”.

Biết Áo-lỗ-xích là một viên tướng trí dũng không kém A-lí Hải-nha, nên nhà vua đặt lòng tin vào y. Ngài khích lệ: “Hình như năm trước ta đã cho Thoát-hoan Bất-kha^[37] trưởng tử của khanh tập chức Vạn hộ, chẳng hay khanh có hài lòng?”.

Áo-lỗ-xích vội sụp lạy:

- Đội ơn thiên tử đã ban trọng ân cho cha con thần chứ thực Thoát-hoan Bất-kha đã có công lao gì với triều đình. Ôn này, cha con thần dù có gan nát, óc lầy cũng chưa thể báo đáp.

Hốt-tát-liệt vỗ về:

- Đánh Giao Chỉ lần này, ta mong khanh lập được công cao, tên lưu sử sách, làm rạng danh tổ phụ, để ân trạch cho con cháu mai sau. Bình xong Giao Chỉ, ắt các nước đông nam liền kề Giao Chỉ, ta không gọi cũng phải đến xin nội thuộc. Xong các việc đó, ta cũng thành thoi, vua tôi cùng hưởng phú quý. Còn một điều nữa ta phải dặn thêm các khanh, lần này đưa Trần Ích Tắc và những kẻ quy hàng thiên triều về nước. Bình xong Giao Chỉ, cho Ích Tắc làm quốc chủ, nhưng phải ưu ái sắp đặt những kẻ đã có công với thiên tử, chớ để một mình Ích Tắc chuyên quyền.

Chẳng riêng gì Áo-lỗ-xích mà các tướng nghe được lời tâm huyết của thiên tử đều rung rung cảm động. Ai nấy đều tự hẹn với mình phải gắng lập công để làm đẹp lòng thiên tử.

Chợt Hốt-tát-liệt lại dụ:

- Một lần nữa ta nhắc nhủ các khanh, chớ ỷ lại vào binh uy hùng mạnh mà coi thường kẻ địch. Muốn thắng giặc thì lúc nào cũng phải coi giặc ngang sức hoặc hơn sức ta, và phải đánh thẳng ngay từ trận đầu để lấy khí thế cho quân.

Các tướng đã ngà ngà say, đồng thanh hô:

- Tuân chỉ!

Hốt nhiên, thiên tử lại hỏi:

- Năm ngoái, ta đã nghe các khanh tâu báo, nay sắp xuất chinh, ta muốn nghe lại một lần nữa về võ khí của bên ta, bên giặc, bên nào hơn. Ta nghe nói Giao Chỉ có viên thượng thư bộ Công, đồ trạng nguyên năm mươi ba tuổi, có tài chế tác nhiều loại khí cụ tinh xảo lắm, liệu y có gây cản trở gì cho quân ta không?

Thoát-hoan đưa mắt cho Áo-lỗ-xích.

Ngài biết Trần Nam vương sai, Áo-lỗ-xích bèn thưa:

- Tàu thiên tử, thần xin tâu báo rạch ròi để thiên tử yên tâm. Hiện nay về binh lực kể cả hai quân thủy bộ, Giao Chỉ có mười vạn tên. Đây là số quân đã được huấn hồ theo Hưng Đạo binh pháp. Ngoài ra Giao Chỉ còn khoảng hai chục vạn quân ô hợp là loại nông phu được tập tành qua loa để biết sử dụng các loại binh khí như giáo, mác, đinh ba, mã tấu hoặc các loại cung nỏ. Tàu, loại này nỏ gọi là dân binh, còn loại của triều đình nó gọi là thường binh. Ngoài ra còn có khoảng năm ngàn quân bảo vệ cấm thành gọi là quân cấm vệ cùng với một vạn quân bảo vệ kinh thành gọi là quân Tứ sương. Tàu, các vương, hầu cũng được phép lập phủ binh, nhưng mỗi phủ binh ấy lúc thường chỉ có vài ba trăm tên, khi có biến thì tập hợp được một hai ngàn tên là cùng. Loại này cũng là một thứ điền binh hoặc dân binh không thể so với loại thường binh hoặc quân cấm vệ được.

Về các sắc quân, người Giao Chỉ cũng chia ra: quân thủy, quân bộ, quân kỵ và tượng binh.

- Ta nghe nói thủy binh và tượng binh của Giao Chỉ lợi hại lắm có đúng không? Hốt-tất-liệt hỏi.

- Tàu, người Giao Chỉ thường dùng voi vào việc vận chuyển. Họ có một đội tượng binh gồm ba trăm thốt voi và năm ngàn người. Tàu, nếu ba trăm thốt voi cùng xông trận một lúc chắc cũng gây kinh hoàng cho đối thủ. Tuy nhiên voi to lớn chậm chạp, và lại đất Giao Chỉ hẹp thuận rừng núi, sông nước không có nơi nào bằng phẳng quang đãng có thể bày được trận lớn. Như cuộc chiến năm Ất Dậu mới đây, Giao Chỉ cũng chưa đem voi vào trận. Còn như quân thủy của họ thì chỉ có thuyền nhỏ, số quân không quá hai vạn. Đúng là người Giao Chỉ bơi lội giỏi nhưng cũng chỉ quanh quẩn nơi sông hồ chứ chưa đủ sức xông pha ngoài biển lớn. Hơn nữa quân thủy của ta lần này đưa vào trận trên mười hai vạn, lính thuần lẩy trong vùng Giang Nam và Quỳnh Châu cũng là loại dân quen thạo mặt nước như loài rái cá.

Tàu thiên tử, nếu đối trận thì quân thủy của ta sẽ nhanh chóng đè bẹp quân thủy của họ chỉ trong giây lát. Còn như họ đem cả ba trăm thốt voi vào trận, ta sẽ đem ba ngàn chiến mã với các kỵ sĩ Mông Cổ với cách đánh vu hồi, thì ba trăm thốt voi kia chẳng hơn gì ba trăm con trâu thịt để ta khao quân.

- Thế còn khí giới thì sao?

- Tàu thiên tử, khí giới thì đại để hai bên đều na ná như nhau. Ví như ta có cung, họ cũng có cung. Nhưng cung của ta do các kỵ sĩ Mông Cổ sử dụng thì không một người Giao Chỉ nào đủ sức giương cung ấy. Kỵ sĩ Mông Cổ vừa phi ngựa vừa bắn, mũi tên có thể xuyên thủng cả thân cây chuối lớn, còn như cung của Giao Chỉ là để bắn chim sẻ.

Tàu, còn như khí giới tinh xảo thì bên ta có cung Thần ty bắn một phát được mười hai mũi tên trùm phủ lên người quân giặc, có

khi giết tới mấy tên giặc cùng một lúc. Nếu như dùng tên tằm độc thì khả năng sát thương còn cao hơn nhiều. Phía Giao Chi họ cũng có nô Liên châu bắn một phát sáu mũi tên.

- Ta nghe nói Giao Chi đã có nô bắn tên bằng đồng kia mà.

- Tâu thiên tử, đúng như vậy, nô Liên châu của Giao Chi có hai rãnh lắp tên. Một rãnh lắp tên tre, một rãnh lắp tên đồng. Nhưng Giao Chi hỗn xược cũng bắt chước ta dùng tên tằm độc. Tên độc của Giao Chi là loại kịch độc, nếu đã trúng tên ấy thì không có thuốc nào giải được. Ví như cái chết của quan hữu thừa Lý Hằng trong cuộc chiến năm Ất Dậu mà chính Trần Nam vương đã chứng kiến là một bằng chứng, mặc dù Lý tướng quân đã được uống thuốc giải cực mạnh của quân ta vẫn không cứu được sinh mạng ông ấy.

Tâu, vết thương của Lý tướng quân chỉ xây xước nhẹ nơi đầu gối chứ có phải chạm vào lục phủ ngũ tạng gì đâu, vậy mà vẫn không cứu nổi.

Tâu thiên tử, đó chỉ là lúc quân ta rút đi, giặc bắn lên chứ lần này đại quân của ta kéo sang thủy bộ trùng trùng điệp điệp, giặc kia sao còn dám đối đầu nữa [\[38\]](#).

Nghe Áo-lỗ-xích tâu báo, gương mặt thiên tử nhà đại Nguyên không biểu lộ một ánh vui, buồn nào. Một lát sau vua phán:

- Sức mạnh của quân ta đúng như khanh nói. Song ta vẫn cảm thấy trong tâm can óc não khanh có cái vẻ coi thường giặc. Khanh mở vạt áo ra, đọc lại ta nghe các điều khanh vừa ghi ban nãy.

Giữa tiệc yến, phó đô tướng quân chinh Giao Chi phải đứng thẳng người mở vạt áo ra đọc to lời thiên tử răn: “*Chớ thấy Giao Chi là nước nhỏ mà khinh thường*” khiến các quan sợ len lét.

Điều đó chứng tỏ Hốt-tát-liệt đánh giá đúng trận thua năm Ất Dậu mà con trai y là Thoát-hoan cũng suýt chết, và y rất thận trọng trong việc đánh Giao Chi lần này. Điều đó cũng chứng tỏ y rất cay cú và quyết diệt gọn vua tôi nhà Trần trong trận chiến sắp tới mà y đã chuẩn bị rất kỹ càng từ mấy năm nay.

Các tướng đều thuộc loại hùm sói dạn dày chiến trận, và hầu hết đã theo Thoát-hoan vào đánh Đại Việt năm Ất Dậu mới đây, tuy nhiên không một tướng nào không sợ uy của Hốt-tát-liệt. Thấy phó đô tướng quân chinh Giao Chi phải mở vạt áo đọc từng chữ như mấy đứa trẻ con mới học *Tam tự kinh* các tướng đều thấy thiên tử hết sức coi trọng việc phải bình xong Giao Chi lần này, ai nấy đều tâm niệm phải thắng!

Nhìn khắp lượt các tướng trong đạo quân nam chinh thấy khí sắc mọi người đều có vẻ hăm hở, Hốt-tát-liệt thiên tử nhà đại Nguyên lấy làm hài lòng, nhà vua liền dụ:

- Sợ dĩ nhiều lần ta căn dặn các tướng phải thận trọng, bởi đây là một việc lớn trong các việc tiếp theo của ta. Nếu bình xong Giao Chi, ta mới thu phục được cả chục nước phía nam kế tiếp với nó. Sợ dĩ ta phải dặn các khanh không được thấy Giao Chi là nước nhỏ mà coi thường, là bởi năm Ất Dậu ta sai các khanh đi bình Giao Chi, công việc chưa xong đã phải rút quân về. Ngay năm Bính Tuất ta định

sai quân sang làm cô vương đình nước nó bắt vua nó về trị tội, nhưng trong nước mấy tỉnh Giang Nam mất mùa nên tuyên úy ty Hồ Nam, an phủ sứ Hồ Quảng đứng ra xin tạm hoãn việc động binh. Lại nữa Lễ bộ thượng thư Lưu Tuyên cũng có sớ can khiến ta không thể bỏ ngoài tai. Qua mấy năm Giao Chỉ chắc đã lại sức và chắc nó sẽ ngoan cố ương gàn hơn trước, và vậy ta phải dụ bảo các khanh chớ vì khinh thường giặc mà làm lỡ việc lớn của ta.

Thấy nhà vua có vẻ băn khoăn day dứt việc bình Giao Chỉ, các tướng đồng thanh hô:

- Chúng thần phụng mệnh, thiên tử an lòng!

Hốt-tất-liệt hé nửa nụ cười.

VIII

Gần cuối tháng tám năm Đinh Hợi (1287) được tin ngoại gián báo về: “Quân Nguyên từ khắp nơi kéo về tập trung tại Ngạc Châu (Hồ Bắc) để từ đó tiến vào Đại Việt...”, Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương lập tức lên ngựa về triều tâu báo với thượng hoàng và quan gia.

Dù đã biết trước sau Hốt-tát-liệt cũng tái xâm lăng nước ta, và đã có trù liệu binh lực để kinh chống giặc dữ ngay từ khi mới đuổi nó ra khỏi bờ cõi từ tháng sáu năm Ất Dậu, vậy mà bây giờ nghe tin giặc lại kéo sang, vua Thánh tông không khỏi bàng hoàng. Nhà vua lặng người đi giây lát rồi quay hỏi Hưng Đạo:

- Giặc Bắc lại sang, đánh đuổi chúng thế nào đây Quốc công?

Quốc Tuấn điềm đạm đáp:

- Tâu, kim niên tặc nhân! (Năm nay đánh giặc sẽ nhân nhĩ hơn).

- Anh Quốc Tuấn nói vậy là ý làm sao? - Thánh tông hỏi tiếp.

- Tâu hoàng thượng là bởi mới cách đây vài năm ta đã đánh bại giặc. Tất cả các chũng quân của giặc không có chũng quân nào không bị thiệt hại tới non nửa hoặc quá nửa. Riêng quân thủy của nó bị tiêu diệt hoàn toàn, Toa-đô bị chém đầu, Ô-mã-nhi, Lưu Khuê tranh cướp thuyền nhỏ của quân nó để trốn nhanh ra biển, Tiểu Lý thấy khó thoát liền đâm cổ tự tử, thượng hoàng đã sai người cứu chữa cho y thoát chết, còn quan gia cười áo khoác đắp cho Toa-đô.

Tâu, lần này vào xâm lấn cõi bờ ta, vẫn những viên tướng thua trận cũ, vẫn đội quân còn sống sót nay được bổ sung thêm. Đem một đội quân bại trận, nỗi sợ hãi còn ám ảnh đến khiếp nhược đi đánh một đạo quân vừa thắng nó, thời trong tâm tưởng nó đã ẩn chứa sự thù bại rồi. Tâu bệ hạ, còn như về phía quân ta và cả dân ta vừa trải qua một chiến thắng lấy lòng, tinh thần chiến đấu cũng như ý chí bảo vệ non sông còn đang hăng hái, thử hỏi giặc nào mà không bị đánh bại.

Ngưng lại giây lát, Hưng Đạo lại tiếp:

- Tâu thượng hoàng, tâu quan gia, thần nói: “Kim niên tặc nhân” là nói về cái thế của ta nó nhân nhĩ bởi ta đã biết mưu giặc, biết sức giặc chứ không như cuộc kháng giặc năm Ất Dậu, thế của ta là thế ngàn cân treo trên đầu một sợi tóc nên ta hết sức vất vả, mệnh nước tưởng như khó toàn. Còn như khi đã lâm trận đánh giặc thì không thể nhân được, vẫn là cuộc đọ trí, đọ sức khốc liệt. Và lại không phải giặc đến đây để chịu thua, mà là giặc có ý phục thù, rửa hận. Tâu, đó chính là mưu toan của Hốt-tát-liệt, cho nên trận này là trận

quyết đầu sinh tử của y.

Thượng hoàng Trần Thánh tông thấy đã yên lòng liền giục Trần Nhân tông:

- Vậy thời quan gia cho triệu các bề tôi tâm phúc về bàn kế phá giặc ngay đi.

- Tâu, con đã cho triệu, có nhẽ phụ hoàng cùng bá phụ vừa dùng trà vừa bàn chuyện, nán một lát, các quan sẽ tới.

Quả nhiên chỉ chưa đầy một khắc canh giờ thì các quan lục tục vào chầu. Thoạt tiên là Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, quyền tướng quốc Tá Thiên vương Trần Đức Việp, phiêu kỵ phó tướng Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư.

Vừa an tọa xong Tá Thiên vương đã vội nói:

- Tâu phụ hoàng, tâu quan gia, năm ngoái ta cử hai chánh phó sứ Nguyễn Nghĩa Toàn, Nguyễn Đức Vinh sang nhà Nguyễn cống phương vật, giặc giữ sứ ta lại không cho về, thế mà năm nay thúc phụ lại hỏi thúc con phải cử sứ bộ sang cống tiếp, trong khi Hốt-tát-liệt sắp đánh ta rồi.

Thượng hoàng Thánh tông nhìn Quang Khải rồi nhìn Đức Việp, ngài mỉm cười:

- Thúc phụ dạy con như thế rất hợp ý ta. Dù giặc sắp vào cõi như năm Ất Dậu mà ta vẫn hai ba lần sai sứ sang Kinh Hồ xin hoãn binh, lại khi giặc đã vào cõi, ta vẫn cử sứ vào trại giặc xin nó lui binh. Chắc chắn rằng giặc sao có thể nghe ta. Song đó là ta chủ tâm làm cho giặc sinh lòng kiêu mạn coi thường quân ta, từ đó giặc nảy sinh sơ hở khiến quân ta dễ đánh. Vậy chớ con đã cử ai đi sứ chưa?

- Bẩm, các quan khởi xuất hai ông thiện trung đại phu Nguyễn Văn Ngạn và thông thị đại phu Lê Trọng Khuê làm chánh phó sứ đi cống phương vật năm nay.

- Hai người này thế nào quan gia? - Thượng hoàng Thánh tông hỏi.

Nhân tông vội đáp:

- Tâu, hai người học thức cao, vừa thông tuệ mưu lược vừa biện bác giỏi, lại nói được tiếng của giặc, đây là hai người có tư chất trung dũng thật đáng tin.

- Vậy thời chuẩn bị gấp cho sứ đoàn lên đường trước khi giặc vào cõi bờ ta.

Khi mọi người đã tề tựu đầy đủ, vua Nhân tông lên tiếng:

- Xin bá phụ cho nghe tình hình giặc sắp vào xâm lấn.

Hung Đạo vương đưa hai tay lên sờ chiếc khăn trùm đầu xem lại mối giắt đã chặt chưa, kiểm lại cổ áo có ngay ngắn rồi ông đưa năm đầu ngón tay vừa vuốt vừa chải chòm râu dài trước ngực, vút miếng bã trầu vào ống nhổ, đoạn ông kéo chiếc tráp gỗ nhỏ như chiếc khay trầu, xoay cho ngay ngắn và mở nắp lấy ra một cuốn sổ đặt trên mặt tráp. Nhìn hai vua, nhìn khắp các chư tướng, quốc công lên

tiếng:

- Tàu thượng hoàng, tàu quan gia cùng chư vị, theo tin tức ngoại gián của ta thu được thì giặc đang điều động quân các nơi về tập trung tại Ngạc Châu. Tin nói từ cuối tháng tám, nay đã cuối tháng chín, có nhẽ giặc đã lên đường. Cũng như năm Ất Dậu, giặc vào đất ta ước tính khoảng trung tuần tháng một^[39] hoặc đầu tháng chạp.

Tàu thượng hoàng, các nơi hiểm yếu, thần đã sai các tướng lão luyện trấn giữ. Thần xin nói tiếp về lực lượng giặc. Phái nói, lần này Hốt-tát-liệt chuẩn bị rất công phu, bài bản. Y mới đích thực là người hoạch định kế sách đánh Đại Việt, còn cái gọi là “Chinh Giao Chỉ hành thượng thư tỉnh” chỉ là cơ quan thực hiện việc điều động các chũng quân, khí giới, lương thảo cho đội quân viễn chinh theo ý đồ của Hốt-tát-liệt mà thôi.

Tàu, ngay các tướng soái đặt dưới quyền sai khiến của Thoát-hoan đều là những danh tướng kiệt kiệt nhưng đường hướng tiến quân và kế sách xâm lăng đều phải tuân theo các dự mưu do Hốt-tát-liệt bày sấp cả.

Khác với lần xâm lăng năm Ất Dậu, lần này giặc chuẩn bị thuyền bè và quân thủy hết sức quy mô. Số chiến thuyền Hốt-tát-liệt sai các tỉnh Hồ Quảng đóng dư sáu trăm chiếc, các tỉnh dâng nạp thêm cũng được vài ba trăm chiếc, ấy là chưa kể số thuyền chiến cũ vẫn còn dùng được cũng tới vài ba trăm chiếc nữa. Riêng đội quân thủy được điều vào Đại Việt lần này đã lên tới trên mười hai vạn do tham tri chính sự Ô-mã-nhi làm đô nguyên súy, tham tri chính sự Phàn Tiếp làm phó đô nguyên súy.

Chiêu một hạm nước, Trần Hưng Đạo lại nói tiếp: - Tàu, giặc thất bại năm Ất Dậu có nhiều nhẽ, trong đó có một nhẽ quan yếu là giặc luôn ở trong tình trạng thiếu lương. Vì vậy lần này giặc bổ cứu bằng cách chuyển tải lương thực bằng đường biển vừa được nhiều vừa đỡ tốn sức người. Và lại chuyển đủ lương thực nuôi đội quân năm, sáu chục vạn người trong nửa năm phải dùng tới vài ba triệu binh phu gồng gánh mang vác, vừa công kênh phức tạp vừa rủi ro trắc trở. Hốt-tát-liệt trù liệu tới bảy mươi thuyền lớn có thể chở được trên dưới bốn mươi vạn thạch thóc gạo mỗi lần.

- Thật là xảo quyết! Trần Thánh tông nói chen vào. Và ngài tiếp: - Không thể coi thường những toan tính độc ác của con sói già Hốt-tát-liệt. Quả là lần này y muốn dứt Đại Việt ta. Vậy thử bàn xem, triệt phá giặc bằng cách nào đây.

Chiêu Minh vương thượng tướng Trần Quang Khải liền nói:

- Tàu, chúng thần đã bàn đánh giặc lần này thuận hơn, vì quân dân ta đã trải qua thử thách, còn quân giặc lại vừa bại trận chắc chưa hoàn hồn.

Biết chỗ yếu của mình, nên lần này Hốt-tát-liệt trù liệu khá công phu, bài bản như anh Quốc Tuấn vừa nói. Về phía ta cũng đã chuẩn bị cho cuộc chiến này từ khi vừa đuổi được giặc ra khỏi bờ cõi. Hiện nay tinh thần quân dân trong cả nước đều bình tĩnh đón đợi giặc vào là đánh chứ không bờ ngỡ, hoang mang như lúc mới bắt đầu cuộc chiến năm Ất Dậu.

Và nếu đúng như anh Quốc Tuấn phán đoán, cuối năm giặc mới vào đến biên thù, thì ta còn những ba tháng nữa để bổ cứu

những gì ta thấy còn khiêm khuyết. Và lại cuối năm giặc mới vào là giặc lấy thời tiết khí hậu để tăng sức mạnh sớ trường của nó. Ta sẽ có cách chế khắc nó, năm Ất Dậu ta đã chẳng cần được bước tiến của giặc và gây cho nó nhiều thiệt hại đến nỗi nó không thể phát tác được sức mạnh của nó, kể cả kỵ binh. Tới đây, anh Quốc Tuấn sẽ tâu báo kể phá giặc để thượng hoàng và quan gia xem xét.

Sau khi nghe một số điều từ bá phụ và thúc phụ nói, vua Nhân tông bèn lên tiếng:

- Thừa phụ hoàng, thừa bá phụ và thúc phụ, như vậy là giặc tính kế ở lâu dài với mục đích đánh bại nước ta, lập ra một nhà nước tay sai của nó. Rồi lấy nước ta làm bàn đạp chinh phục nốt mấy nước phương nam. Do đó ta phải tìm kế phá cho bằng được mưu giặc ngay từ khi nó mới đặt chân vào cõi bờ ta.

Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư xin nói:

- Tâu, quan gia bảo phải phá mưu giặc từ khi nó mới đặt chân vào cõi bờ ta, thần xin hiến kế.

Khánh Dư ngừng lại chờ xem ý bề trên, trong khi mọi người lại nóng lòng muốn biết kế của ông.

Thượng hoàng giục:

- Nhân Huệ vương mau nói kế của đệ phá giặc như thế nào.

- Tâu, cứ xem cung cách Hốt-tát-liệt trừ hoạch, quả thâm ý của y lần này quyết dứt mệnh nước Nam ta, nên y bỏ khuyết hai việc yếu nhất của quân nó đã bộc lộ năm Ất Dậu. Tức là lương thực và quân thủy. Ta biết chắc nó vận lương bằng đường thủy ắt quân nó và lương nó phải phát xuất từ cảng Khâm Châu rồi qua cửa Vạn Ninh và mũi Ngọc Sơn của ta mà vào Vân Đồn, Hạ Long để vào Bạch Đằng giang ngược lên Vạn Kiếp. Cũng có thể giặc qua cửa An Bang hoặc cửa Đại Bàng nhưng rốt cục đều vào Bạch Đằng để tiến chiếm Vạn Kiếp hội với quân bộ của chúng để vào Thăng Long.

Ngưng lại giây lát, Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư nói tiếp: - Vậy tại sao ta không tập trung binh lực để chặn đánh suốt chặng đường dài hàng nghìn dặm đó để tiêu hao sinh lực trọng yếu của giặc.

- Đó chính là trách phận của vương. - Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương nói xen vào. Tuy nhiên Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp là những danh tướng lão luyện được Hốt-tát-liệt tin cậy trao trọng trách dẫn hơn mười hai vạn quân với bảy trăm chiến thuyền không dễ gì bọn y lơ là việc bảo vệ hơn bảy mươi thuyền lương, là nguồn sống độc nhất của một đạo quân hơn nửa triệu người để ta có thời cơ tiêu diệt nó. Song nếu ta biết vờn giặc, biết cách thua như cuộc chiến năm Ất Dậu thượng tướng Chiêu Minh vương đã dụ được Toa-đô từ Thanh Hóa ra Trường Yên, cũng tức là ta bẻ được một gọng kìm, tới khi Thoát-hoan nhận ra mưu ta, sai Toa-đô đánh ngược lại chiếm Thanh Hóa thì đã bị Chiêu Minh vương chẹn cứng. Giặc lúng túng đi ứng cứu cho nhau để rồi Toa-đô mãi mãi là con ma không đâu trên đất ta, còn Ô-mã-nhi thì trốn chạy ra biển và nay mai y sẽ dẫn đạo quân thủy hùng mạnh vào đất ta.

- Lừa được tướng giặc đã từng xông pha trăm trận là việc cực khó. - Chiêu Minh vương Trần Quang Khải nói. - Ngày ấy anh Quốc Tuấn giao trọng trách phải đánh địch như thật và phải thua thật, nhưng không để thiệt hại nhiều cho quân ta và không để cho địch

biết là ta thua vờ. Toa-đô là một tướng lão luyện, còn mình thì lần đầu tiên đánh giặc mà dự được giặc vào kế của mình tưởng khó như đường lên trời. May thay non sông còn vượng khí lại được liệt tổ họ trì mới biến cải được thế trận mau lẹ như vậy.

Mọi người tham bàn thật sôi nổi, nhưng xem ra không có một ý nào bàn lùi như trong Đại hội Bình Than năm Nhâm Ngọ. Thượng hoàng Thánh tông lấy làm đẹp ý, ngài liền dụ:

- Ta xem các tướng đều có mưu phá giặc cả, biết sức giặc, liệu sức ta ấy là điều căn cốt của nghiệp làm tướng. Nhưng chớ thấy ta vừa thắng giặc vài năm trước mà tỏ ra khinh giặc ắt sẽ bị giặc đánh bại. Bây giờ xin Quốc công cho trầm nghe kế phá giặc.

Cung Thánh từ vốn đã tĩnh lặng, nay lại càng thêm tĩnh lặng. Sau khi nghe lời dụ của Thượng hoàng Thánh tông thì từ vua Nhân tông đến các quan hết thấy đều đổ nhìn về phía vị tướng già - Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn, người vừa cứng cỏi vừa mưu lược đã đánh bại cuộc xâm lăng với quy mô rộng lớn và tàn ác chưa từng thấy của tên cáo già Hốt-tát-liệt ngạo xưng là thiên tử nhà đại Nguyên.

Hưng Đạo thông thả lật mở cuốn sổ đặt trên mặt tráp rồi điềm đạm nói:

- Tàu thượng hoàng, tàu quan gia, thừa chư vị, kế sách phá giặc lớn nhất của Đại Việt ta là toàn quân đánh giặc, toàn dân đánh giặc, cả nước đánh giặc, núi non, sông suối rừng cây, biển đảo tất tận thấy đều đánh giặc và trên từ nhà vua dưới đến bách tính đều muôn người như một quyết tâm đánh giặc để giữ gìn cương thổ, bảo vệ giống nòi, thà chết chứ không chịu khuất phục giặc. Tàu, đó là kế sách lớn nhất để giữ nước, và cuộc chống quân xâm lược nhà đại Nguyên năm Ất Dậu, nhờ áp dụng kế sách này mà Đại Việt ta đã đuổi được giặc, giữ yên bờ cõi.

Tới nay, xét ra không kế nào hay hơn kế đó. Còn như để đánh bại đạo quân khổng lồ kia lại tùy thuộc vào việc nó triển khai thế trận ra sao ta mới tùy nơi, tùy lúc, tùy thời mà ứng phó. Còn khi đánh giặc phải tinh táo. Phải tránh mạnh đánh yếu. Phải tránh khi quân giặc tập trung mà đánh khi chúng phân tán. Vì vậy phải kéo địch về mọi phía khiến quân nó phải tản ra để giữ đất, lực nó sẽ mỏng dần. Khi giặc đã phân tán thì ta dễ đánh hơn, thậm chí ngay cả dân binh cũng có thể đánh lại chúng. Và ta phải chủ động quấy rối giặc sao cho đêm đêm chúng không thể ngủ yên, còn ban ngày hễ ra khỏi nơi đóng quân là bị dân binh chặn đánh hoặc bắn tia khi chúng đi cắt cỏ ngựa, chúng vào thôn ấp lòng sục thóc gạo, trâu bò, gà lợn. Tức là phải cho giặc thấy đi về bất cứ hướng nào, đụng vào bất cứ thứ gì cũng là đụng tới cái chết. Và như vậy thì ngoài việc chặn đánh còn phải dạy cho dân binh, hương binh giăng bẫy từ trên cao đến mặt đất, trong lòng đất và toàn dân phải thực hiện triệt để kế “thanh dã”.

Ngưng lại giây lâu, Hưng Đạo sai căng tấm bản đồ vẽ trên nền vải lên tường đại sảnh.

Thượng tướng Trần Khánh Dư vừa giúp Quốc công treo xong bản đồ liền đưa cho ngài chiếc que dài chừng một sải tay.

Đứng trước bản đồ ta thấy một người oai phong凛凛, mắt sáng, râu dài, lông mi bạc trắng vẽ mặt nghiêm cần. Tựa như Quốc công đang chỉ huy một trận đánh lớn, ngài nói, giọng sang sảng:

- Tàu thượng hoàng, tàu quan gia năm nay giặc vào hẳn sẽ đi theo các đường sau đây. Ngọn roi ngài chỉ vào nơi có tên Thiện

Xiển và nói: - Giặc sẽ xuất phát từ Thiện Xiển trên đất Vân Nam rồi theo đường Quy Hóa giang mà vào nước ta. Hẳn là giặc sẽ đi theo cả hai đường thủy bộ xuôi về Bạch Hạc. Lại từ Bạch Hạc chúng có thể lấy sông Phú Lương để tiến chiếm Thăng Long. Tuy nhiên, đây không phải là cánh quân chủ yếu, nên chúng không đủ sức vào Thăng Long mà có thể nó sẽ là một mũi đánh về Vạn Kiếp.

Tiếp đó đầu que lại chỉ vào chữ Tư Minh rồi kéo thẳng sang Vinh Bình đều nằm trên đất giặc, ngài nói: - Giặc sẽ tập hợp đại lực lượng ở đây để tiến vào nước ta. Sẽ có một cánh quân từ Vinh Bình tiến vào Khâu Ôn lấy đường thiên lý tiến chiếm ải Lão Thù (Chi Lăng). Cánh quân này có thể tiến thẳng về Thăng Long, nhưng có lẽ nó sẽ về hội tại Vạn Kiếp. Rồi Quốc công đẩy đầu que ngược về Tư Minh: - Tại đây sẽ có một cánh quân nữa đánh vào Lộc Châu quật sang cướp ải Khả Ly qua đường Động Bản (Sơn Động) chiếm ải Nội Bàng rồi băng về Vạn Kiếp, chắc đây sẽ là cánh quân lớn nhất.

Đầu que lại giật về phía đông và dừng lại nơi chữ Khâm Châu của tỉnh Quảng Đông là nơi giặc tập trung quân thủy, Quốc công nói: - Khoảng hơn mười hai vạn quân thủy với hơn bảy trăm chiến thuyền, trong đó có gần một trăm thuyền tải lương sẽ xuất phát từ đây để vào mũi Ngọc Sơn của ta, từ đó tiến vào Vân Đồn qua Cửa Lục và Bạch Đằng giang ngược về Vạn Kiếp. Tới đây Quốc công dừng lại nhìn mọi người.

Chiêu Minh vương Trần Quang Khải hỏi:

- Theo dự liệu của anh Quốc Tuấn thì các mũi tiến quân của giặc đều hướng về Vạn Kiếp. Vậy có phải anh cho ý đồ của giặc lần này quyết chiếm Vạn Kiếp rồi lấy đó làm căn cứ đầu cầu để chúng tỏa đi khắp nơi?

Trần Thánh tông cũng hỏi:

- Không thấy anh Quốc Tuấn nói giặc đánh chiếm Thăng Long. Vậy lần này có thể Thăng Long phi chiến địa chăng.

Hưng Đạo vương có ý chờ mọi người hỏi tiếp rồi ông giải tỏ mọi việc luôn thể.

Vua Nhân tông cũng hỏi:

- Bá phụ dự liệu đường tiến binh của giặc như vậy có nghĩa rằng lần này giặc quyết chiếm Vạn Kiếp. Ai cũng biết Vạn Kiếp giữ vị trí chiến lược trọng yếu, vậy chớ nếu ta bỏ Vạn Kiếp thì phòng tuyến chiến lược của ta là vùng nào?

Thấy các câu hỏi đều xoay về một ý, và cùng có vẻ băn khoăn, Hưng Đạo liền nói:

- Tâu thượng hoàng, tâu quan gia, về các đường tiến quân của giặc lần này không khác mấy so với lần trước, bởi vào đất ta hiện nay chỉ có bằng ấy con đường, duy có điều khác là lần này giặc coi trọng về quân thủy nên có một mũi tiến binh rất lớn bằng đường biển. Cuộc chiến năm Ất Dậu ta phản công giặc vào mùa mưa lụt lại đúng lúc triều cường nên giặc bị động, với địa thế nước ta sông ngòi chằng chịt, mùa lụt mỗi bước đi là phải dùng đến thuyền, bè nhưng giặc lại không có thuyền thành thử các trại giặc đều bị cô lập, khi ta tiến công chúng không thể ứng cứu cho nhau được. Để phá thế cô lập ấy, lần này giặc dùng quân thủy và thuyền chiến với số lượng khá lớn. Vậy giặc phải chiếm cái địa bàn xung yếu vào bậc nhất của ta để cho quân thủy của chúng làm chủ. Vì thế, nhất thiết giặc phải chiếm

Vạn Kiếp, nếu không dám quân thủy ấy phải trụ ở Vân Đồn. Quân thủy của giặc trụ ở Vân Đồn thì hai quân thủy bộ chúng khó liên kết được với nhau để tạo ra sức mạnh. Và nếu giặc hội quân ở Vạn Kiếp thì giặc có tiến chiếm Thăng Long không? - Tàu, Thăng Long là mục tiêu tối thượng của giặc. Thôn tính một nước mà không tóm đầu được kinh đô của nước đó thời cuộc xâm lăng ấy không đạt được mục đích. Lại như nếu ta để cho giặc chiếm từ Lạng Châu - Vạn Kiếp - Vân Đồn - Thăng Long và cả Thiên Trường nữa thì quân ta giữ địa bàn nào làm địa bàn chiến lược để phản công đuổi giặc? - Tàu, nếu ta dụ được giặc rải quân trên địa bàn trải rộng như vừa nêu, tức là ta đã căng mỏng sức giặc ra và như thế cũng có nghĩa là việc đuổi giặc ra khỏi bờ cõi, ta đã đi được nửa chặng đường.

Địa bàn chiến lược của ta lần này theo ý thần nên chọn vùng Chí Linh, Đông Triều, Giáp Sơn, Bằng Hà, Long Hưng, Tháp Sơn. Còn Nam Sách, Vân Đồn có thể đánh chặn giặc từng khúc gây tổn thất nặng nề cho chúng, nhất là về lương thực rồi mở đường cho nó đi qua, sau đó ta lại nhanh chóng chiếm lấy. Địa bàn này có thể phải giành giật mất đi, chiếm lại tới nhiều lần. Tàu, muốn căng mỏng giặc ra thì phải khéo dụ giặc. Giặc không chỉ muốn chiếm địa bàn chiến lược của ta, mà còn chiếm cả Thăng Long và hơn hết là phải bắt được vua của ta. Cho nên phải lừa cho chúng lúc nào cũng tưởng như vua ta đang ở phía trước nó; kỳ thực thượng hoàng và quan gia đang ở một nơi an toàn nhất để coi thế trận và điều hành ba quân đánh giặc. - Tàu, cuộc kháng giặc lần này, thần xin được sắp đặt như sau:

- Thượng tướng Chiêu Minh vương Trần Quang Khải điều hành toàn bộ quân Thánh dự hộ giá thượng hoàng và quan gia, cùng bàn bạc việc quân trong tướng hồ.

- Thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật thống lĩnh quân bản bộ thêm mười lăm đô quân của triều đình chặn đánh giặc từ Quy Hóa giang về đến Bạch Hạc.

- Tướng Hưng Trí vương Trần Quốc Hiến trấn ải Khâu Ôn.

- Tướng Phạm Ngũ Lão trấn ải Lão Thứ, mỗi người lĩnh một vạn quân chặn giặc.

- Tướng Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn cùng tướng Nguyễn Thúc lĩnh hai vạn quân chặn giặc trên ải Khả Ly.

- Tướng Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng ngoài quân bản bộ lĩnh thêm một vạn quân nữa trấn từ Cửa Suốt đến Cửa Lục, chặn giặc tiến vào sông Bạch Đằng.

- Phó tướng Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư ngoài quân bản bộ, nhận thêm một vạn quân thủy nữa trấn từ mũi Ngọc Sơn về đến Vân Đồn để chặn giặc.

- Tướng Nguyễn Khoái lĩnh hai vạn quân thủy trấn tại Tháp Sơn để cản giặc trên biển.

- Tướng Hưng Hiếu vương Trần Quốc Uất lĩnh một vạn quân bộ ngăn giặc đổ quân lên Tháp Sơn.

Ta nhắc thêm phó tướng Nhân Huệ vương, trách phận của ông là phải bao quát toàn bộ miền biển và bằng mọi cách phải đánh đắm hoặc đốt hết đoàn thuyền tải lương của giặc. Đánh rằng việc này là muôn khó, nhưng nếu làm được chắc sẽ tiết kiệm được nhiều máu xương sĩ tốt và việc đuổi giặc ra khỏi bờ cõi chỉ còn là chuyện sớm tối mà thôi.

Đoạn Hưng Đạo quay ra vãi hai vua và nói:

- Tàu thượng hoàng, tàu quan gia thần tạm sai các tướng trấn ải và các vùng trọng yếu để cản giặc, xin thượng hoàng và quan gia cho ý chỉ.

Thượng hoàng Trần Thánh tông tỏ vẻ hài lòng, ngài dụ:

- Giặc chưa vào cõi mà Quốc công đã chuẩn bị chu đáo từ việc luyện quân, tập trận đến việc điều động tướng lĩnh và binh lực trấn giữ các nơi hiểm yếu, xem ra lần này vào trận ta giữ thế chủ động, hẳn đúng như Quốc công nói: “Kim niên tặc nhàn”.

Vua Nhân tông cũng nói thêm:

- Quyền tiết chế thống lĩnh chư quân sự và ấn kiếm vẫn thuộc về Quốc công, nên việc điều binh khiển tướng Quốc công có toàn quyền. Nhưng đưa ra nghị bàn khi ta còn có đủ thì giờ cũng là việc nên làm để có điều gì cần bổ cứu vẫn còn kịp.

Lại nữa giặc tập trung quân từ cuối tháng tám, tin tức về tới ta cũng phải mất một tháng. Nay đã là đầu tháng mười, vậy, ta thử ước định xem khi nào giặc tới biên thủy nước ta.

Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư nói:

- Tàu, nếu giặc đã tập trung quân đầy đủ ở Ngạc Châu thì từ Hồ Bắc giặc có hai đường, một đường qua Hồ Nam đến Quảng Tây rồi tiến vào đất ta; đường thứ hai qua Giang Tây sang Quảng Đông, quân thủy về Khâm Châu, Liêm Châu, quân bộ qua Quảng Tây để vào nước ta. Như vậy giặc có đi nhanh cũng phải mất từ bốn mươi ngày đến hai tháng.

- Tàu, chắc nay mai sẽ có tin ngoại gián của ta đưa về, - Hưng Đạo nói. Nhưng mọi việc đều gấp gấp lắm rồi, nay là đầu tháng mười, chậm nhất là trung tuần tháng một giặc sẽ giáp biên thủy nước ta, chứ không thể là tháng chạp như lần giặc vào ta năm Ất Dậu. Thần sẽ cùng các tướng chia nhau đi kiểm xét các nơi bố phòng và đốc thúc các đội quân người man khi giặc tới phải rút nhanh vào rừng sâu, sau đó mới đánh vào sau lưng giặc hoặc tiêu diệt các đoàn binh phụ tải lương của giặc như trước đây Nguyễn Lộc, Nguyễn Địa Lô, Hà Đắc, Hà Bổng... đã từng lập công và làm cho quân thù khốn đốn.

Hưng Đạo ngừng lời nhường cặp mi bạc trắng nhìn hai vua, nhìn mọi người và ngài thông thả tiếp lời: - Tàu thượng hoàng, tàu quan gia, để bảo toàn lực lượng đánh giặc lâu dài và nếu chớp được thời cơ đuổi giặc ra khỏi cõi bất cứ lúc nào thần xin gắng sức. Vì vậy việc cản giặc tùy nơi tùy lúc, nếu thấy sức giặc yếu ta sẽ đánh không tiếc sức, khiến giặc phải thua đau đớn và gây cho chúng sự hãi sợ khôn nguôi. Trái lại nơi nào sức giặc quá mạnh, ta chỉ đánh cầm chừng rồi rút hoặc chỉ chặn đoạn cuối lại mà đánh. Như vậy giặc sẽ vào được Thăng Long. Ta tạm cho chúng ở trọ ít hôm rồi sẽ lấy lại, xin thượng hoàng và quan gia rộng lượng. Tuy nhiên, ta phải cố gắng vun đắp cho lòng kiêu ngạo của giặc cao như núi, thời việc phá giặc sẽ thuận hơn. Nhìn về phía Tá Thiên vương, Quốc công nói - Xin Tướng quốc sai Trung thư sảnh đốc thúc các lộ, các châu, quận trong nước phải kiểm tra ngay việc thực thi kế thanh dã, và các đội dân binh phải tập trung ngay từ bây giờ chứ không chờ khi giặc vào tới bờ cõi sẽ hoang mang, lúng túng. Tại Thăng Long trước hết xin tướng quốc sai Ty Thái chúc cho cất giấu ngọc phá và chuyển các đồ thờ tự trong nhà thái miếu đi nơi khác, kéo giặc vào sẽ đốt phá hung hãn.

Và nữa, các người già, trẻ nhỏ khuyên họ di tản về các làng quê hẻo lánh, tránh xa đường to, sông lớn là nơi giặc có thể lại qua.

- Các điều Quốc công nói phải cấp kỳ thực hiện, quan gia và tướng quốc dụ cho trung thư sảnh, các đài, đô phối hợp cùng làm. - Thượng hoàng Thánh tông dụ bảo và ngài buông một tiếng thở dài. Đoạn nhà vua quay ra hỏi Hưng Đạo: - Sống cạnh anh hàng xóm không lờ vừa gian hiểm, ác độc vừa lăm le thôn tính ta bất cứ lúc nào, nước ta vừa nhỏ bé vừa ít người, trong ba năm phải đương đầu với hai cuộc chiến tranh lớn tưởng không còn gì khắc nghiệt hơn, tàn bạo hơn. Ước sao nước ta là một con thuyền, nhất định ta sẽ dời đi nơi khác chứ không làm hàng xóm với lũ bất hảo - Quốc công, liệu sau cuộc chiến này giặc có còn xâm lược ta nữa không?

Hưng Đạo đưa tay lên siết lại chiếc khăn màu tía biếc ở trên đầu cho chặt lại, bởi tóc ông dài phải dùng loại khăn này mới bao gọn được. Quốc công chậm rãi:

- Tâu, thượng hoàng vì thương dân và căm ghét giặc nên nói vậy. Chứ thực ra: “*Nam quốc sơn hà Nam đế cư - Tiệt nhiên định phận tại thiên thư*”. Trời đã phân định bờ cõi như thế, sao ta còn phải tính chuyện chuyển dời đi đâu nữa. Mà chẳng việc gì ta phải đi đâu. Tâu, nước lớn chưa hẳn là nước mạnh, nước nhỏ chưa hẳn là nước yếu. Suy như nước Tống lớn gấp mấy chục lần nước Liêu nước Hạ thế mà mấy đời vua Tống liên tiếp phải cắt đất cầu hòa, thường niên cống nạp cho Liêu, Hạ rồi cuối cùng mất về tay người Mông Cổ. Lại như nước ta chắc gì đã bằng một tỉnh của Trung Hoa, thế mà năm Đinh Tỵ (1257) đánh cho quân Mông Cổ phải tháo chạy nhục nhã, ba lần sứ đến hôn hào đều bị tống giam. Và mới đây năm Ất Dậu Hốt-tát-liệt đem cả sức mạnh của đế quốc Nguyên sang xâm lấn tưởng như chúng phải nghiền nát Đại Việt ta thành cám. Thế nhưng cỗ xe không lồ ấy đã bị sức mạnh Đại Việt đánh cho tan tành, cả tướng và quân bị chết và bị bắt đến quá nửa phải vội vã trốn chạy, gây vết nhơ khó xóa trong lịch sử thiên triều.

Hưng Đạo ngừng lời đưa tay lên chải chòm râu dài trước ngực rồi thông thả nói tiếp: - Như bệ hạ đã biết, ta đánh giặc xiết bao gian nan, nhưng ta đã thắng. Vì sao ta thắng? Bởi ta có sức mạnh chụm lại của cả một bó đũa, ấy là cả nước muôn người như một dốc lòng đánh giặc, quyết giữ lấy giang san, nòi giống. Còn như nhà đại Tống thua người Mông Cổ, đầu hàng người Mông Cổ, chịu làm nô lệ cho người Mông Cổ không phải vì dân Trung Hoa không yêu nước, không căm giận ngoại bang và không dám cầm vũ khí đánh giặc, mà bởi vua tôi nhà nam Tống nhát hèn vì sợ giặc đã tháo cả bó đũa ra ném tung tóe mỗi nơi mỗi chiếc. Và điều họ có thể làm là bằng mọi cách cố kìm nén hoặc hăm hại những bề tôi lương đồng, có khả năng đánh giặc cứu nước như Nhạc Phi, như Văn Thiên Tường, chỉ cốt cho giặc hài lòng, đâu có ngờ đó lại chính là hành vi tiếp tay cho giặc, phân dân hại nước, ngay kẻ thất phu cũng không làm.

Bệ hạ hỏi “Sau cuộc chiến này giặc có còn xâm lược nước ta nữa không”. Tâu, cái đó còn tùy thuộc vào việc ta làm cho giặc thất bại đến đâu. Nếu như ta đánh cho chúng đại bại, tiêu diệt đáng kể sinh lực nó và trừ được nhiều tướng giỏi của nó, chắc phải trăm năm sau kẻ làm thiên tử nhà đại Nguyên cũng chưa dám nghĩ tới việc “chinh Giao Chỉ” nữa. Tâu bệ hạ, không phải vì nước Nguyên mạnh mà nó muốn đánh ta lúc nào cũng được đâu.

Tâu, nếu triều đình ta nhu nhược, dân ta chia rẽ, binh ta suy yếu rệu rã nhát hèn, thì quả là việc tồn vong của nước ta đã trao vào tay giặc tựa như vua tôi nhà nam Tống vậy.

Giương mặt nhà vua như bùng sáng, ngài đứng dậy hướng về phía Hưng Đạo vương vái một vái và dụ:

- Quốc công làm cho trầm tĩnh ngộ. Bây giờ trầm không còn chút do dự nào nữa. Trầm và quan gia cùng thượng tướng Chiêu Minh vương nắm giữ quân thánh dự bảo vệ kinh thành Thăng Long để Quốc công cùng chư tướng yên tâm vào trận.

Sau cuộc nghị bàn mưu kế phá giặc của triều đình, cả nước sục sôi khí thế giết giặc lập công. Khắp các làng quê, dân binh luyện tập, dân chúng tải lương, chuyển vận binh khí; binh sĩ rầm rập kéo quân lên tận biên thủy hoặc đi trấn giữ các vùng hiểm yếu.

Đầu tháng một (tháng 11 âm lịch) ngoại gián báo về: “Quân Nguyên đã rời Ngạc Châu đi Quảng Tây từ đầu tháng chín, chậm nhất là thượng tuần tháng một giặc sẽ đến biên thủy nước ta. Ích Tắc và bọn tông vong đều được Thoát-hoan cho theo về nước...”.

Ngoại gián của ta ở Quảng Đông, Quảng Tây cũng dồn dập đưa tin về. Tất cả đều nói lên một điều: “Giặc đông chưa từng thấy, không thể ước được con số chính xác. Chỉ vài ngày nữa giặc sẽ tới biên thủy...”.

“... Giặc đã đóng lương thực xuống thuyền. Thuyền nào cũng khẳm nặng ước chờ tới năm, sáu trăm thạch gạo. Tổng số thuyền lương khoảng non một trăm chiếc. Thuyền chiến cũng đậu san sát từ ngoài vào trong tới mấy vòng, ước tính hơn bảy trăm chiếc. Tất cả đều đậu tại cảng Khâm Châu...”.

Trước khi giặc vào cũi, Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương đã có lời răn các tướng: “Khi giặc mới vào, lực nó còn đang sung mãn, tùy nơi tùy lúc nếu chắc thắng mới đánh, còn không chỉ ngăn cầm chừng rồi lui quân về các nơi quy ước. Phải bảo toàn được lực lượng, phải tiết kiệm máu xương sĩ tốt để dành cho các trận đánh lớn khi cần...”.

Giữa tháng một, quân kỵ, quân bộ, quân thủy giặc ào vào đất ta như một trận sóng thần. Tất cả các con đường từ biên ải Lạng Châu tiến về Vạn Kiếp giặc đều chiếm lấy.

Đại quân của giặc từ Tư Minh qua Vĩnh Bình ào vào Lộc Châu thì tách ra làm hai cánh. Cánh phía tây do Bôn-kha-đa, Trịnh Bằng Phi chỉ huy tiến về phía ải Chi Lăng (Lão Thử).

Cánh quân phía đông do Thoát-hoan và Áo-lỗ-xích sau khi qua Lộc Châu tiến về chiếm ải Khả Ly và vòng qua lối Sơn Động (Động Bản).

Về phía tây bắc giặc từ Vân Nam do tướng A-rúc chỉ huy cùng các tướng A-tai và Mang-kha-đai đưa quân theo sông Quy Hóa mà vào nước ta.

Ngoài biển đông, giặc xuất phát từ Khâm Châu nhằm mũi Ngọc Sơn trực chỉ, chiến thuyền rợp biển, buồm căng rợp trời dưới sự chỉ huy của Ô-mã-nhi bạt-đổ^[40], tham tri chính sự Phàn Tiếp, dẫn quân đi hừng hực khí thế.

Hơn bốn trăm chiến thuyền do Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp thống lĩnh mở đường đi trước. Các thuyền lương do Trương Văn Hồ, Phí Cùng Thìn, Từ Khánh chỉ huy tiếp theo đoàn thuyền chiến. Đoàn thuyền tải lương do Trương Văn Hồ dẫn đầu, Phí Cùng Thìn, Từ Khánh đoạn hậu. Tiếp sau đoàn thuyền tải lương là hơn hai trăm chiến thuyền do các tướng Trương Ngọc, Lưu Khuê hộ tống.

Cứ xem cách hành binh thế này đủ biết Ô-mã-nhi là một tướng tài lão luyện, chẳng trách Hốt-tát-liệt phong cho y mỹ danh là dũng sĩ. Giặc bảo vệ quân lương như vậy đến một cánh chim sẽ cũng khó lọt vào được nói chi đến việc cướp lương của chúng.

Lại nói Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư từ bữa đi hội bàn kế phá giặc ở Thăng Long về, ông nhớ mãi lời nhắc nhở của Quốc công tiết chế: “Phó tướng Nhân Huệ vương trách phận của ông là phải bao quát toàn bộ miền biển và bằng mọi cách phải đánh đắm hoặc đốt hết đoàn thuyền tải lương của giặc...”.

Điều Hưng Đạo nhắc nhở không phải ta không biết. Nếu triệt được lương của giặc thì đạo quân của Thoát-hoan dù lớn đến đâu, hùng mạnh đến đâu cũng trở nên vô dụng. Ta chỉ có bốn vạn quân, Quốc công cho thêm một vạn để trấn cả một vùng biển trải dài tới non ngàn dặm, nay phải chống trả một đạo quân trên mười hai vạn. Ta phải phân tán để đối phó, còn giặc thì tập trung vào một điểm nên sức mạnh của chúng được phát tác đến tối đa. Nhưng phải lấy đoàn chế trường, lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh mà vẫn giành phần thủ thắng như Hưng Đạo thường căn dặn. Đây là phương sách, song biến được phương sách ấy thành thuật đánh, thành chiến thắng như ta mong muốn thực là việc muôn khó. Nhưng nếu ta không làm được việc này thì cuộc chiến sẽ vô cùng cam go và máu xương sĩ tốt cũng bấp bênh đổ ra không biết bao nhiêu mà kể.

Qua mấy ngày đêm suy nghĩ bỗng nảy ra một kế ở trong đầu. Vương bèn sai viên phó đô tổng quân chuẩn bị mấy lá thuyền cùng vài đô quân lập tức lên đường đi Vạn Ninh khảo xét một lần nữa. Lên hướng bắc ngược gió, thuyền cứ phải chạy vát để buồm ăn gió. Đi được chừng vài chục dặm kể từ khi thuyền rời cảng Vân Đồn thì qua cửa Tiên Yên. Đây là vùng cửa biển có luồng tiếp giáp với một con sông, ngược sông này bắt gặp nguồn Tam Trĩ^[41]. Luồng sông này thuyền giặc có thể vào nhưng càng đi ngược lên lòng sông càng hẹp và độ sâu giảm dần. Giặc có thể lấy đường sông này đổ quân lên bộ. Nhưng đường bộ là đường sạn đạo vô cùng hiểm trở nên chưa bao giờ giặc bắc tiến quân bằng đường này. Ông nhớ năm Đinh Tỵ (1077) quân thủy của giặc Tống bị giam chân tại cửa ải này, không nhúc nhích lên được một bước. Chợt Trần Khánh Dư hỏi viên phó tổng quân:

- Ông có biết cuộc chiến năm Đinh Tỵ, đám quân thủy của giặc Tống bị hãm ở cửa bể này như thế nào không?

Viên phó tướng lắc đầu:

- Dạ, tiểu tướng không biết. Đầu đuôi thế nào, nó có liên đới đến ta bây giờ không xin chủ tướng cho nghe.

Nhân Huệ vương mỉm cười và nhìn lại phía cửa Tiên Yên, ông nói:

- Chẳng là mấy chục vạn quân xâm lược nhà Tống bị thái úy Lý Thường Kiệt lập phòng tuyến sông Như Nguyệt ngăn không cho giặc sang sông. Chúng phải đóng quân lại phía bờ bắc chờ đám quân thủy này lấy đường Vân Đồn vào sông Bạch Đằng, rồi ngược lên Vạn Kiếp đổ vào sông Như Nguyệt đón bọn kia sang sông. Vì chúng đã đóng bè vượt sông mấy lần đều bị Lý Thường Kiệt đánh bại. Quân thủy của giặc do tướng Dương Tùng Tiên cầm đầu dẫn quân vào Vân Đồn tức chỗ quân ta đang đóng bây giờ. Tướng giữ ải Vân Đồn của ta là Lý Kế Nguyên. Dương Tùng Tiên đã đánh tới trên mười trận, trận nào cũng bị Lý Kế Nguyên đánh cho đại bại. Sau y biết là không thể vượt qua lũy ải Vân Đồn mà vào nội địa ta, đành đem quân chốt tại cửa Tiên Yên này. Điều nực cười là chiến tranh đã kết thúc.

Bọn Quách Quý, Triệu Tiết buộc phải ký hòa ước rút số quân sống sót về nước thì Dương Tùng Tiên vẫn không hay biết gì. Sau triều đình nhà Tống phải sai người đi gọi y về, còn bên ta cũng thương tình không truy đuổi.

Viên phó đô tổng quân cười sung sướng:

- Bẩm chủ tướng, liệu có cách nào ta hãm được thủy binh giặc nếu sắp tới nó lại vào xâm lấn cõi bờ ta.

- Chính ta với ông đi chuyến này là để tính chuyện đối phó với thủy binh giặc. Nếu thời cơ đến, sao ta có thể tha mạng cho giặc được. Ta đang nghĩ kế cùng Quốc công phải đánh thế nào cho lũ con trời chùa cái thói ngông ngạo tự phụ cho mình cái quyền định đoạt số phận toàn thiên hạ.

- Đúng đấy chủ tướng, nó có phải trời đâu mà dám hỗn láo. Mấy năm trước cái thằng được cha nó phong làm Trần Nam vương chẳng bị ta đánh cho suýt chết phải chui vào rọ tre bọc ống đồng để quân kéo đi như một con chó bị cũi. Nghe đâu lần này nó lại lĩnh ấn thống lĩnh đạo quân Nguyên xâm lược nước ta. Cứ như ý tiểu tướng, lần này bắt được nó thì phải xử theo tội tùng xẻo. Bọn này bị tùng xẻo thì phải khiếp sợ tới cả trăm đời.

- Ta cũng không mong gì hơn thế, Trần Khánh Dư đáp và ông nói tiếp: - Trận chiến sắp tới là hết sức cam go, ta buộc phải thắng. Nếu không thắng, sinh mệnh nước ta khó tồn. Vậy ông gắng cùng ta quan sát lại một lần nữa, xem từ đây ra Ngọc Sơn những chỗ nào có thể phục quân đánh tạt sườn chiến thuyền giặc được.

- Bẩm chủ tướng, đoạn đường này tiểu tướng thuộc nằm lòng, tiểu tướng có thể nhắm mắt cũng có thể vẽ ra được không thiếu một đặc điểm nào.

- Không, ta muốn ông mở mắt cùng ta nhìn xem chỗ nào nên phục quân, phục bao nhiêu là vừa. Chỗ nào chỉ nên nghi binh. Và một khi đã đánh giặc cũng phải tính đường thoái sao cho an toàn, chứ không thể chỉ tính có một đường tiến. Nước ta nhỏ, dân ta ít, làm gì cũng phải sên kiếm, phó đô tướng quân nên nhớ điều đó.

Sau khi đã tới Ngọc Sơn xem lại địa thế kỹ càng, phiêu kỵ thượng tướng quân Trần Khánh Dư lập tức lên thuyền trở lại Vân Đồn. Trên đường về ông tâm sự với phó tướng: - Hơn mười hai vạn quân thủy với gần bảy trăm chiến thuyền giương hết buồm lên lại được gió đông bắc thổi mạnh, thời khí thế của nó hiên ngang ngạo nghễ lắm. Giặc vốn coi thường ta, dù đã thua ta nhưng nó vẫn không chịu thừa nhận. Vì thế ngay từ lúc giặc mới vào tới cõi bờ ta, phải làm thế nào để giặc thấy quân thủy của ta rất sơ sài, quân thủy của ta không có gì đáng giặc coi là đối thủ. Phải nuôi cho giặc cái tâm lý ngông cuồng ngạo mạn coi thường quân ta, từ đó nó mới nảy sinh sơ hở.

- Chủ tướng định tạo cho nó sơ hở để ta cướp lương nó ư? Không được đâu, chúng là quân kẻ cướp lọc lõi cho nên đi đâu, đoạn hậu và kèm cả hai bên tả hữu thuyền lương đều là thuyền chiến cả, mình len vào đâu để mà đánh cướp thuyền lương của nó.

- Hãy cứ nghe ta nói đã. Thuyền chở quân của giặc nhẹ, sẽ đi rất nhanh, thuyền chở lương của giặc nặng nề lắm, sẽ đi rất chậm. Vậy thời ta nên có vài trận đánh khi giặc mới vào. Ta phải làm như là đánh thật sự, đánh gan góc khiến giặc phải vất vả lắm mới đẩy lui được quân ta, nhưng cũng để lộ ra là lực lượng ta nhỏ, yếu không đáng cho giặc dừng lại giao chiến. Bởi mỗi lần đánh như vậy ta chỉ đưa

mười mười lăm lá thuyền nhỏ ra khiêu chiến rồi bỏ chạy. Cứ như thế vài ba lần giặc sẽ khinh thường ta. Thôi được, kể dụ giặc sẽ bàn kỹ với ông, nhưng từ hôm nay ông hãy suy ngẫm điều ta nói sao cho nó nhuần nhuyễn trong ông rồi biến thành kế của ông thì mới lừa được giặc.

Lại nói giặc vào tới Lộc Châu quân chia làm hai cánh. Cánh phía tây do Bôn-kha-đa và Trịnh Bằng Phi thống suất, chúng đã đánh ào ạt cướp được mấy ải rồi tiến thẳng xuống ải Chi Lăng. Cuộc chiến năm Ất Dậu hai tướng này cũng vào nước ta bằng con đường này và người trấn ải trước là Phạm Ngũ Lão, năm nay cũng là Phạm Ngũ Lão cản giặc ở đây. Nếu như các đoạn từ biên thủy vào, Bôn-kha-đa, Trịnh Bằng Phi có đôi ba lần phải dừng bước, nhưng chúng cũng nhanh chóng đánh bật quân ta để lấy đường tiến khiến chúng càng tự phụ.

Tướng giặc có cảm giác như chúng đang đi vào chỗ không người. Bôn-kha-đa ngoái đầu ngựa lại nói với Trịnh Bằng Phi:

- Ông hữu thừa có thấy lần này quân Giao Chỉ sợ binh uy thiên triều bỏ trốn cả rồi không?
- Cứ xem cách chúng đem quân ra cản thiên binh đủ chứng tỏ lời của tướng quân nói là đúng.

Trong khi đó hàng nghìn kỵ binh của giặc cứ rầm rập phi nhanh về phía ải Chi Lăng. Những tên Mông Cổ về mặt nghênh ngang đầy ngạo mạn vừa phi ngựa vừa chìa cung lên trời nghe rõ những tiếng dây buông phùng phụt. Tên nào tên ấy mặt đỏ gay như chúng đang lên cơn say máu.

Bỗng từ đâu đó một tiếng nổ xé trời, lửa lóe sáng như những tia chớp, khói đen bao phủ kín cả núi rừng, con đường độc đạo hẹp vanh vanh hai bên là hai vách đá dựng đứng lúc này mù mịt khói đen, giáp mặt cũng không nhìn thấy nhau và từng viên đá to bằng những chiếc thúng từ hai bên vách núi cứ đều đều lăn xuống như tiếng thác reo. Đá lăn vào đầu vào chân ngựa, đá đập vỡ sọ những tên giặc ngạo mạn. Tiếng ngựa rống, tiếng giặc la hét hoảng loạn. Những con ngựa còn sống sót hốt hoảng nhảy dựng lên hất ngã những tên kỵ sĩ không còn đủ sức bám yên cương liền bị lũ ngựa chạy quần đạp cho gãy xương, vỡ sọ. Toán đi trước hàng mấy trăm đứa gồm cả người lẫn ngựa bị diệt không còn một đứa nào sống sót. Đám quân phía sau người ngựa dồn lên chen chặt như nêm khiến ngựa không thể quay đầu. Trong khi đó quân ta từ trên những chòm rừng cây bắn tên lửa bụi nhùi xuống khiến lũ ngựa lồng lên và thế là chúng giẫm đạp lên nhau loạn xạ, quân chúng không còn sức chống đỡ, cũng không biết quân ta bắn chúng từ phía nào. Rồi hàng loạt, hàng loạt tên tằm độc bắn xuống như mưa, giặc chết ngổn ngang, xác người xác ngựa chồng đồng lên nhau. Trịnh Bằng Phi, Bôn-kha-đa phải bỏ ngựa leo qua đầu lính tháo chạy mới thoát chết. Và chúng phải lui quân trở lại phía sau.

Mặc dù lệnh tiến quân như lửa đốt đầu, nhưng tướng giặc không dám xem thường quân Đại Việt nữa. Chúng lắc đầu bảo nhau cái cửa quan này đúng là “Quý môn quan, bách nhân khứ nhất nhân hoàn”^[42].

Hai ngày sau giặc vẫn phải lấy đường này để vào sâu trong đất ta, nhưng chúng xua quân tân phụ^[43] đi trước. Cứ mỗi toán một trăm tên lính tân phụ lại có mười tên kỵ sĩ Mông Cổ đi kèm sau. Nói là để bảo vệ nhưng thực ra là để thúc ép. Giặc đi dò dẫm từng bước,

toán nọ cách toán kia tới cả dặm đường. Nhưng Phạm Ngũ Lão đã lui binh về phía sau chỉ còn để lại những nghi binh dọc đường. Chỗ thì một ụ đất mới đắp với tấm bia mộ bằng thân cây mới đẽo, và hàng chữ ghi trên mộ chí: NƠI ĐÂY LÀ MỎ CHÔN QUÂN XÂM LƯỢC NHÀ NGUYỄN. Những nấm mồ giả và mộ chí như thế này làm chột dạ đám quân tân phụ lót đường, nhưng bọn quan quân Mông Cổ thì hết sức căm tức. Và khi không có dấu hiệu quân ta cản đường nữa, chúng tỏ vẻ hung hăng thúc quân như vũ bão. Chợt lại hiện ra một đoạn đường có dây căng từ mép rừng bên tả sang mép rừng bên hữu, cứ liên tiếp dây đặc và kéo dài tới mấy chục trượng.

Tướng giặc sai quân lui, và cho cắt đứt vài đoạn không thấy có dấu hiệu gì, biết quân Việt nghi binh treu tức, Bôn-kha-đa cả giận quát:

- Kỵ binh tiến trước, lấy dao chặt hết dây chằng dọn đường cho quân đi.

Lập tức cả trăm kỵ binh xông lên, chúng lăm lăm các thanh đao để ngựa lướt và phóng ngựa thật nhanh, đao sắc tới mức khi lướt đao chạm phải những dây chằng tựa như chạm vào những sợi tơ nhện. Bất chợt tới đoạn gần cuối dây đứt làm cho bảy đá từ hai bên sườn núi lăn xuống âm ầm khiến quân giặc kinh hoàng. Chúng hét la inh ỏi tưởng cảnh mấy ngày trước lại tái diễn và chúng sẽ bị chôn sống trên đoạn đường này. Nhưng loáng thoáng chỉ có đám con ngựa và mấy tên lính Mông Cổ bị đá đè chết, mười đứa gãy chân tay cùng gần chục con ngựa què không đi được phải bỏ lại. Đi được một đoạn thấy có tấm bằng bằng thân cây mới đẽo vò với hàng chữ nét mực còn tươi: “Quân giặc muốn thoát chết hãy quay đầu trở về Bắc quốc!”.

Toán quân đi trước sợ hãi dừng lại. Bôn-kha-đa hét lớn: - Đi thẳng, không được đụng vào nó!

Quân giặc tuy tiến nhanh nhưng nỗi sợ hãi vẫn đeo bám hoài. Tới một đoạn đường như rộng ra, rừng lùi về hai phía tả hữu thấy căng một tấm bằng với hàng chữ: “Lũ chó săn Hán gian hãy coi chừng!”. Bôn-kha-đa mỉm cười khoát tay cho quân cứ tiến. Trịnh Bằng Phi chạnh lòng, sai quân bắn đứt sợi dây treo, tấm bằng rơi úp mặt có chữ xuống đất. Hắn căm tức tự hện: “Ta thể sẽ mổ bụng moi gan quân Giao Chỉ hỗn xược”.

Giặc tiến chừng năm bảy dặm nữa bắt gặp một hình nộm bằng rơm to như người khổng lồ bị treo cổ lên một cành cây vươn dài gần tới giữa đường, ngang ngực thẳng hình nộm có tấm cốt với dòng chữ: “Quân du mục Mông Cổ nộp mạng ở đây!”.

Đám quan tướng Mông Cổ có đứa biết chữ Hán, chúng gầm lên và sai quân đốt thẳng hình nộm rồi đốc thúc quân tiến càng nhanh. Đường rẽ sang nẻo phía tây, mặt đường cứ hẹp dần, hai ngựa sổng đôi đã rất khó đi vì rừng tre gai ăn lấn ra mép đường. Đoạn đường này không có vách đá dựng đứng hai bên như hai bờ tường thành ở cửa quan Chi Lăng, mà thuần tre gai ken dày đặc chằng kếm các vách thành. Đoạn này thường gọi là “Thích trúc quan” tức cửa tre gai.

Tới đoạn đường tre mọc dày tới mức các ngọn tre đan khít vào nhau che lấp hết ánh sáng mặt trời khiến đi trên đường mà có cảm giác đi trong hang tối. Thình lình hiện ra một thẳng hình nộm bị treo cổ ở trên ngọn tre, trước cổ đeo một viên đá to gấp mấy lần viên đá nện cả và một dải vải trắng buông dài như chiếc phướn nổi từ ngực thẳng hình nộm xuống với hàng chữ thật bất ngờ: “Thoát-hoan nộp mạng tại đây!”.

Lòng đầy tức giận vì quân Giao Chỉ dám xúc phạm đến Trần Nam vương, Bôn-kha-đa liền giương cung bắn vào sợi dây, chẳng may bị chệch, tên cắm đúng mắt trái thẳng hình nộm, cũng tức là mắt trái của Thoát-hoan hình nộm. Đó là một điềm gở. Bôn-kha-đa giận điên cuồng, y lệnh cho đám kỵ sĩ Mông Cổ phải bắn đứt sợi dây kia ngay lập tức. Liền đó mấy chục cánh cung giờ lên, chỉ nghe thấy tiếng phụt thẳng hình nộm đã rớt xuống, mấy ngọn tre bật lên cũng làm rơi xuống một bọc gì đó vỡ tung. Từ trong đó những con cào cào, châu chấu, cánh cam, bọ dừa bay vù vù đậu vào mặt mũi, áo quần đám quân tướng và lừa ngựa bốc mùi thối khủng khiếp. Đây là một đòn đánh bất ngờ giặc không thể lường được. Cái mùi thối nồng nặc do những con vật có cánh bay, đậu lảng xảng khiến hàng ngũ giặc cả người và vật đều rối loạn. Giữa mùa đông lạnh giá kiếm đâu ra nước để tắm rửa, thậm chí những viên tướng muốn ra lệnh cũng không dám mở mồm vì những con châu chấu đã bầu vào mũi, vào mắt chúng rồi vù bốc bay đi, há mồm ra thì sợ các thứ dính phân kia sẽ rơi vào miệng.

Miếng đòn này quả không nằm trong binh pháp nào cả. Bởi khi quân triều đình đã rút đi thì việc đánh nhỏ lẻ vào hàng ngũ giặc thuộc về các đội hương binh. Và cách đánh tinh nghịch này chắc lại xuất phát từ các chàng trai có chút chữ nghĩa nghĩ ra lắm trò, như những chàng trai ở Hảo Thôn đã vẽ một con gà tự treo cổ thể không để trứng cho quân Mông Cổ ăn. Còn như cái mùi thối kia là gồm các loại phân chó, phân trâu, phân lợn hòa trộn nhuyễn vào nhau pha thêm nước đá trâu rồi bắt các loại cào cào châu chấu nhốt chung vào đó. Khi bọc vỡ ra chúng bay đi tìm cách thoát thân và gặp cái gì chúng bầu đậu vào cái đó.

Sau này nghĩ lại Trịnh Bằng Phi và cả Bôn-kha-đa đều không thể quên được một trận thua nhục nhã - một trận phải ném phân súc vật của Giao Chỉ mà địch thủ chỉ là những con sâu con bọ. Và tất cả lũ bại tướng này chiến công thì dư thừa, chữ nghĩa cũng không thiếu mà phải suốt đời ngậm tăm giấu biệt không dám kể với bạn bè một trận thua mất mặt và cũng nhục cười, và hầu như bọn họ không dám viết lại một chữ nào lưu quốc sử thiên triều.

Khi Hưng Trí vương và Phạm Ngũ Lão làm nhiệm vụ cản giặc xong rút đi, có để lại một số quân cho các cửa ải tiếp sau. Nhưng dù có được tăng quân thì các cửa quan ải cũng chỉ làm chậm bước tiến của chúng chứ không thể giữ đất đến cùng.

Hai ngày sau Bôn-kha-đa cho quân tiến đánh cửa Lãnh Kinh^[44] rất gấp. Cửa ải này do Hưng Đức hầu Trần Quán cầm cự quân giặc.

Nhờ địa thế hiểm trở và vũ khí tinh xảo, Hưng Đức hầu chỉ dùng ba ngàn quân tinh nhuệ để ngăn giặc.

Quân Nguyên vẫn có lối đánh sở trường là dùng sức mạnh của kỵ binh áp đảo đối phương. Giặc cho hàng trăm con ngựa chiến với các kỵ binh Mông Cổ phóng như bay và chúng vừa cưỡi ngựa vừa bật dây cung, tên bay vun vút rít lên trong gió tường như lũ chúng có thể quần nát cả cái ải này chỉ trong thoáng lát.

Nhưng cửa quan đã đóng sập, đám kỵ sĩ dừng ngựa trước ải. Những con ngựa chiến vùng thảo nguyên to cao lừng lừng bị ghìm cương bất ngờ chúng đều chồm hai vó trước lên và hí vang tức tối. Quân giặc vón lại thành một đám đông chờ lệnh.

Đúng lúc đó, Hưng Đức hầu cho thúc trống đồng và hàng nghìn cung thủ với nỏ liên châu tằm độc. Chỉ cần đầu mũi tên chích xước da thì ngay cả lũ ngựa chiến cũng trong giây lát là tê liệt toàn thân, mắt trắng dã như mắt cá luộc, miệng sùi bọt và giấy đập vài cái rồi tắt thở. Ngựa còn thể, lũ lính kia sao chống đỡ nổi. Mặc dù đám quân Mông Cổ đều đội mũ da, có mảnh giáp da nịt khít vào lồng ngực làm giáp hộ tâm lại có cả khiên để che người. Song một khi chúng đã dồn nhau lại lúc nhúc như cá trong chậu, thử hỏi làm sao mà che chắn được, làm sao mà chống đỡ lại được với các cung thủ thiện xạ và những mũi tên như có mắt thần của ta.

Người và ngựa giặc chết hàng loạt, chúng cứ khuỵu chân xuống rồi vật ngã như những thân cây bị luống gốc.

Từ phía sau, tướng giặc Bôn-kha-đa giận đến sôi máu, y quay lại nói với Trịnh Bằng Phi như gắt:

- Lũ giặc nhãi ranh này làm quân chân ta. Từ khi vào đất nó tới nay mới có sáu bảy ngày trời mà ta phải giao chiến tới gần hai chục trận rồi; trong khi Trần Nam vương mong ta từng ngày. Ta thế phải giết hết dân nó, xé nát giang san nó. Rồi y lấy roi ngựa vẩy lũ quân phía sau tiến lên.

Thương thay lũ người và ngựa Mông Cổ liên tiếp gục ngã chồng đồng không kịp ngáp, không kịp kêu. Kỵ binh vốn là niềm kiêu hãnh của Hốt-tát-liệt, bởi nó đã từng làm nghiêng đổ biết bao quốc gia từ đông sang tây, vậy mà nó phải thúc thủ trước một ải lũy sơ sài ở cái xứ Giao Chỉ bé bằng bàn tay. Càng nghĩ, Bôn-kha-đa càng tức giận, do đó lại càng thúc quân vào chỗ chết. Tới mức không chịu nổi trước hàng đoàn người ngựa cứ chết lẫn quay chồng đồng lên nhau, Trịnh Bằng Phi mới lựa lời: - Tướng quân, ta hãy tạm lui quân rồi trị tội giặc sau.

Bôn-kha-đa “hừm” một tiếng rồi quay đầu ngựa. Trịnh Bằng Phi biết ý vẫy quân lui rồi sai lũ quân tân phụ tiến lên khiêng xác những tên Mông Cổ chết trước ải.

Đám quân tân phụ bị đẩy lên nhặt xác, tướng sẽ làm mồi cho quân Đại Việt, chúng run sợ bước đi ngấp ngừng, trong lòng luôn nghĩ đến cái chết nhưng không một đứa nào dám quay đầu lại. Bởi tiến lên, sống chết còn nhờ vào sự may rủi chứ quay đầu lại thì nắm chắc phần chết.

Lạ thay từ lúc kỵ binh Mông Cổ quay đầu ngựa tránh xa khu vực cửa ải thì quân Đại Việt không bắn thêm một mũi tên nào nữa, mặc dù quân tân phụ kéo đến lấy xác bọn lính chết rất đông. Đám quân tân phụ đứa nào cũng đeo lưng lửng một chiếc bùa hộ mệnh trước ngực với mấy chữ triện: “*Tổ sư sắc lệnh trấn*” bện rất sẵn, nhưng chúng không tin vào thần linh Trung Hoa nữa, bởi thần linh Trung Hoa cũng sợ người Mông Cổ, vì rằng mỗi khi tướng Mông Cổ nổi sung thì mạng sống của quân tân phụ không hơn một con ngóc, thế mà giờ đây quân Đại Việt lại không giết họ, họ thậm chí biết ơn.

Dừng lại hai ngày chôn cất các xác chết và cho quân nghỉ ngơi, Bôn-kha-đa lại thúc quân tiến như vũ bão vào cửa quan Lãnh Kinh. Bữa nay quân Nguyên tựa như một võ sĩ thượng thừa gồng hết sức lực để đâm vào một cánh cửa đã mở toang, vì rằng quân Đại Việt sau khi chặn đứng được sức tiến công của giặc và làm cho chúng thương vong tới mức không chịu nổi phải quay đầu tháo chạy, thì họ cũng lui quân ngay để bảo toàn lực lượng.

Bôn-kha-đa cho quân tiến thẳng về ải Nội Bàng mà không vấp phải sự cản trở nào nữa của quân Đại Việt. Tới Nội Bàng, y được biết Trần Nam vương cũng mới qua đây ba ngày.

IX

Lại nói cánh quân lớn nhất của giặc đi với Thoát-hoan có binh chương chính sự Áo-lỗ-xích làm phó tướng, lĩnh một vạn quân tinh nhuệ thấp tùng Trần Nam vương và tướng A-ba-tri lĩnh một vạn quân kỵ đi trước mở đường. Chúng nhanh chóng đoạt được ải Nữ Nhi, ải Khả Ly rồi tiến về Sơn Động để đánh qua ải Nội Bàng. Sức tiến quân của giặc thật là nhanh, mạnh, ào ạt tựa như một trận cuồng phong tưởng không có một sức nào cản được hoặc chống lại nó.

Thoát-hoan đem theo Trần Ích Tắc, còn Lê Tắc bị gạt lại ở Tư Minh để đi với cánh quân sau.

Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương sau khi cử các tướng về những nơi hiểm yếu cự giặc, ông tự mình dẫn một đạo quân lên trấn ải Nội Bàng. Nội Bàng là cửa ngõ tiến vào Vạn Kiếp. Vạn Kiếp là một địa bàn chiến lược tối quan trọng. Nếu quyết giữ Vạn Kiếp ngăn không cho giặc vượt ải Nội Bàng. Nhưng lần này giặc đưa quân thủy và chiến thuyền sang nhiều lại được quân kỵ, quân bộ hợp sức mạnh mẽ, chắc Thoát-hoan nỗ lực chiếm lấy Vạn Kiếp. Giặc giữ Vạn Kiếp tức là giặc phải lưu đóng xung quanh khu vực ít nhất cũng phải hai chục vạn quân để giữ đất. Và một khi ta kim chân được hai mươi vạn quân giặc thì số còn lại vài ba chục vạn nữa sẽ không đủ sức chống chế quân ta trên một chiến trường trải rộng khắp đất nước từ Lạng Châu đến Thăng Long, Thiên Trường và cả vùng Hoan, Ái. Ấy mới chỉ nói trên bộ, còn trên sông, trên biển thì bao la bát ngát, giặc sao đủ sức kiểm soát. Tới lúc đó sẽ xem khâu nào xung yếu, khâu nào dễ dứt điểm, rồi đem quân nhiều đánh quân ít bóc gọn từng mảng, giặc không có phương cách gì có thể chống lại quân ta được. Còn bây giờ, hãy cứ để cho nó giương uy, hãy cứ để cho nó phát tác lòng kiêu ngạo.

Quân ta từ các ải Nữ Nhi, Khả Ly một phần tản vào rừng sâu phía sau lưng giặc, một phần rút về Nội Bàng. Sau khi nghe các tướng tâu báo, Quốc công nhận thấy lần này Thoát-hoan rất hung hăng ngạo mạn, muốn ra oai sấm sét để tạo lập khí thế cho ba quân. Bởi phần đông số quan tướng và lính tráng hiện diện trong hàng ngũ Thoát-hoan đều là đám quan quân đã thua trận tại đây năm Ất Dậu chắc chưa hoàn hồn.

Tính toán trù liệu mọi việc xong xuôi, Quốc công liền cho quân lui về phía sông Thiên Đức để ngăn giặc tiến về Thăng Long. Vì vậy khi Thoát-hoan qua ải Nội Bàng, vượt sông Bình Giang ^[46] tiến vào Vạn Kiếp không gặp một trở ngại nào.

Lập tức Áo-lỗ-xích cho quân chiếm lĩnh các ngọn núi cao lập làm đồn trại. Các bến dò Phả Lại, Bình Than đều có quân án ngữ. Các bãi trống trong thung lũng nhìn ra Lục Đầu giang được lập thành mấy trại quân lớn. Các đầu sông hợp về hai ngã ba đều có thuyền bè tuần giang nghiêm ngặt. Các con đường thiên lý cũng có các chốt quân án ngữ. Áo-lỗ-xích còn cho một đội du binh đi dọc triền sông Bình Than xuôi về phía hạ lưu là có ý dòm ngó tới con sông Bạch Đằng. Chúng chỉ đi vài chục dặm rồi quay lại. Tất cả đều yên tĩnh không hề thấy bóng dáng quân Đại Việt.

Một sự yên ắng đáng nghi ngờ, Thoát-hoan bèn triệu bình chương chính sự Áo-lỗ-xích, hữu thừa A-ba-tri vào trướng hồ đề hội bàn việc quân.

Các tướng vừa an tọa thì Bôn-kha-đa và Trịnh Bằng Phi cũng đưa quân về hội.

Các tướng vào chào Trần Nam vương và kể lễ về sự cam go dọc đường, phải đánh nhau trên dưới hai mươi trận và quân chết kể tới hơn ba ngàn đứa.

Thoát-hoan nói lời an ủi rồi sai lấy rượu ngon ra khoản đãi. Sau vài tuần rượu, chủ tướng nói:

- Đánh Giao Chi lần trước ta cũng đi lỗi mà lần này ta vừa đi. Nhưng lần trước không một ai nào không phải đánh nhau với giặc. Ác chiến nhất diễn ra tại ải Nội Bàng. Ta chia quân làm sáu mũi vây đánh Nội Bàng. Hưng Đạo chống nhau với ta suốt từ giờ tí đến giờ thân rồi trốn thoát. Khi ta đưa quân vào Vạn Kiếp, Hưng Đạo chống trả quyết liệt, ba ngày sau ta mới đuổi hết quân Giao Chi ra khỏi khu vực này. Tối khi ta đem quân vào Thăng Long, Hưng Đạo lại luồn về phía sau ta chiếm lại Vạn Kiếp với số quân đông tới mấy chục vạn, uy hiếp Thăng Long. Cũng may Toa-đô phá vỡ cửa quan Nghệ An đem quân ra Thanh Hóa đánh vào sau lưng giặc khiến quân Trần nao núng. Trần Kiện đem hai vạn quân ra hàng, thân vương Trần Ích Tắc cùng nhiều người trong hoàng tộc đem cả nhà và quân bản phủ tới cửa ta xin quy thuận thiên triều. Ấy thế mà năm nay Hưng Đạo lại bỏ ngõ Nội Bàng, bỏ rơi Vạn Kiếp cho ta lấy, không mất một mũi tên nào là có làm sao. Có phải cuộc chiến năm Ất Dậu ta đã làm cho Giao Chi kiệt quệ, nay nó chưa gượng dậy được và không đủ sức kháng cự lại đại binh thiên triều. Có đúng là quân Giao Chi yếu hay đây lại là kế của Hưng Đạo, các ông nói thử ta nghe.

Bôn-kha-đa vừa ném đòn đầu đón trước ải Lãnh Kinh xin nói:

- Bẩm Trần Nam vương, cánh quân phía tây lũ thần đi qua, giặc chống trả quyết liệt lắm. Từ đó suy ra đủ biết đây là kế của Hưng Đạo chứ không phải quân Giao Chi kiệt quệ đâu.

Hữu thừa A-ba-tri lên tiếng:

- Đất nước bé bằng cái bàn tay, người thì một dùm, nó gồng sức lên đỡ trận đòn năm Ất Dậu cũng kiệt sức rồi. Các ông bị quân nó chống trả quyết liệt nhờ vào mấy cửa quan mà thủ hiểm nhưng rồi cũng phải bỏ chạy chứ sức đâu kháng cự mãi với thiên binh của thiên triều. A-ba-tri hươ tay lên chém gió, miệng nói oang oang: - Bẩm Trần Nam vương, đúng là giặc cố gắng đến tuyệt vọng để kháng mệnh thiên tử, nhưng quả thực nước nó kiệt quệ lắm rồi không dám chống lại thiên binh nữa, tướng tài như Hưng Đạo mà còn chạy không dám ngoảnh đầu lại, chắc chỉ vài trận kịch chiến nữa là vua tôi nước nó phải ra hàng, xin Trần Nam vương chớ ngại.

Hữu thừa Trịnh Bằng Phi nói:

- Tâu, các ông tả, hữu thừa nói đều có lý cả, song ta chớ nên coi thường giặc. Coi thường giặc sẽ dẫn tới đánh giá không đúng về nó và vì thế đôi khi gây cản trở cho chính ta.

Không khí trở nên yên lặng, mọi người nhìn nhau, dường như họ đều chờ ý chỉ của Thoát-hoan.

Bổng Thoát-hoan nghiêng đầu về phía Áo-lỗ-xích nói:

- Ông bình chương, theo ông phán đoán tình thế quân Giao Chi hiện nay thế nào. Và vì sao Hưng Đạo bỏ cả Nội Bàng lẫn Vạn Kiếp một cách dễ dàng như vậy. Liệu đây có phải là kế của Hưng Đạo không. Nếu là kế thì ta có nên giữ Vạn Kiếp không?

Áo-lỗ-xích với vẻ suy tư cân nhắc rồi nói:

- Chắc chủ tướng còn phân vân. Bản thân tôi cũng rất phân vân. Chúng ta đều biết An Nam là một nước nhỏ không thể so được với những nước mà các đại Hãn đã chinh phục. Nhưng ta không thể không thừa nhận họ có nhiều tướng giỏi mà Hưng Đạo là một tướng mưu trí, ngoan cường thắng không kiêu, bại không nản. Còn như về phần nội lực của nước họ khó có thể nói họ đủ sức chịu đựng trong cuộc chiến tranh này. Cứ suy như nhà đại Nguyên ta, đất đai trải rộng mênh mông, nhiều người nhiều của, thế mà đầu năm Bình Tuất (1286) thiên tử hạ chiếu “Chinh Giao Chi”, các đại thần đã xúm vào can như Sen-gê ở hành tỉnh Hồ Quảng đã tâu về triều: “Tình tôi trấn giữ hơn bảy mươi sở, luôn năm chinh chiến, quân sĩ tinh nhuệ đều mệt nhọc ở ngoài, kẻ còn ở lại đều già yếu, mỗi thành ấp nhiều không quá hai trăm quân... Năm ngoái bình chương A-lí Hải-nha xuất chinh, thu ba vạn thạch lương dân còn kêu khổ, nay lại thu gấp bội số đó, quan không có tích trữ, còn mua ở trong dân, trăm họ sẽ khôn khổ khôn xiết”. Còn như tuyên úy ty Hồ Nam thì can: “Luôn năm đánh Nhật Bản và dùng binh ở Chiêm Thành, trăm họ mỗi một vì vận chuyển phú dịch nặng nề, quân sĩ mắc phải chương lệ chết rất nhiều. Dân chúng kêu than, từ dân bỏ nghiệp. Người nghèo phải bỏ con để cầu sống, kẻ giàu phải bán sản nghiệp để ứng dịch. Nỗi khổ như bị treo ngược, mỗi ngày một tăng... Nay lại có việc đánh Giao Chi, điều động đến trăm vạn người, tiêu phí đến nghìn vàng, đó chẳng phải là việc để thương quân dân...”. Còn rất nhiều lời can với tình cảnh bi đát hơn nhiều. Vì thế, thiên tử mới hoãn việc nam chinh tới nay.

Áo-lỗ-xích ngược nhìn Thoát-hoan nói tiếp: - Chủ tướng, đến như nước đại Nguyên ta không bị chiến tranh tàn phá đã gần chục năm nay mà dân chúng còn khổ sở đến thế, thử hỏi An Nam bị quân ta tàn phá cách đây chưa được ba năm, sao họ đã có thể kịp hồi phục mà nói nội lực họ khá lên được. Phải nói Giao Chi kiệt quệ rồi. Ấy là so sánh để biết việc đánh dẹp năm nay, Giao Chi sẽ cầm cự được bao lâu. Còn như chủ tướng hỏi, có nên giữ Vạn Kiếp không? - Theo ý riêng tôi, nếu lần này Hưng Đạo quyết giữ Vạn Kiếp thì bằng mọi giá ta cũng phải đẩy ông ta ra mà chiếm lấy. Nay cả một vùng chiến lược quan trọng vào bậc nhất đã vào tay, đó là trời cho ta đấy, sao chủ tướng còn phải băn khoăn nữa. Nếu không có vùng này làm căn cứ, nay mai Ô-mã-nhi đem hơn bảy trăm chiến thuyền với hơn mười vạn quân thủy đến sẽ neo đậu ở đâu, lấy đâu làm căn cứ xuất phát để truy đuổi Hưng Đạo, truy bắt Nhật Huyền, dẹp yên Giao Chi.

- Vậy thời ta yên tâm! Thoát-hoan đáp và nói thêm: - Tới nay vẫn chưa có tin tức cánh quân Vân Nam và ta cũng nóng lòng về đội hải binh của Ô-mã-nhi cùng đoàn thuyền tải lương của Trương Văn Hồ. Ta chờ Ô-mã-nhi tới mới có phương tiện đánh vào Thăng Long. Ta chờ Trương Văn Hồ đem lương thực đến thì mới yên tâm đưa mấy chục vạn quân vào trận.

Về cánh quân Vân Nam mà Thoát-hoan trông đợi, hữu thừa tỉnh Vân Nam là tướng A-ruc cùng với chư vương A-tai và Mang-khu-đại cầm đầu, một đạo quân chừng năm vạn gồm quân kỵ, quân bộ và quân thủy chúng vào nước ta bằng đường Quy Hóa giang. Lần này giặc vào đông hơn lần trước và cũng trên con đường quen thuộc mà chúng đã đến và đã tháo chạy. Ý thế quân đông nên chúng có vẻ hung hăng. Quân kỵ thì xông xáo sục sạo hai bên vệ đường, gặp nhà thì đốt nhà, gặp lều quán chợ búa thì đốt lều quán chợ búa. Cái gì lấy đi được thì chúng lấy đi, không lấy đi được thì chúng đập, phá hoặc đốt. Dân chúng triệt để dùng kế thanh dã, giặc đến đâu cũng

chỉ thấy vườn không, nhà trống, chúng càng tức giận.

Giặc đi sâu vào đất ta tới năm, sáu chục dặm mà không gặp một sự chống trả hoặc cản trở gì, chúng đều cho là qua cuộc chiến năm Ất Dậu, Giao Chỉ kiệt quệ không còn sức chống trả, nên đã bỏ trốn. Vì vậy chúng nghênh ngang như vào chỗ không người.

Sẩm chiều, mưa phùn lầy phây, gió bắc thổi mạnh. Những cánh buồm no gió lại xuôi nước cứ chạy băng băng như ngựa phi nước đại. Bầu trời như sà thấp xuống gần sát với các tầng cây trên đỉnh núi. Từ nửa chiều đã không còn nhìn thấy mặt trời. Những tên lính Mông Cổ, những tên lính Hán ở phương bắc thường quen với thời tiết có băng tuyết lạnh giá, nhưng gặp cái lạnh ở xứ nóng ẩm này thật khác thường. Cái lạnh như cứa vào thịt da, lạnh xuyên cả vào trong tâm can vì khiến cơ thể như bị teo tóp lại. Lính Mông Cổ có áo da che chắn được cả gió và những hạt mưa nhỏ li ti không len lách được vào cơ thể, và những chiếc ủng da khiến chân không phải xúc tiếp với nước nên chúng chưa cảm thấy cái rét kèm thêm cả sự buốt giá. Nhưng lính Hán chỉ có áo bông, giày vải một khi đã thấm nước thời cơ thể nhiễm một sự buốt lạnh không cách gì chống đỡ nổi, trừ khi được ngồi trong căn nhà kín gió bên đống củi than đỏ hồng. Kỵ binh giặc đi trước bỏ xa đoàn thuyền. Những cánh buồm đỏ thấm nước đã chuyển sang màu đen. Trong bóng chiều chạng vạng, vài chục con thuyền nhỏ ẩn trong khe lạch chờ xông ra đánh chặn khúc đuôi của đoàn chiến thuyền giặc. Bỗng một tiếng nổ xé trời, trống đồng khua thúc vang dội, và hàng ngàn cây cung nổ với tên tầm độc nhắm về phía những tên cầm lái thuyền. Một, hai, ba, bốn, năm chiếc mất lái, gió tạt buồm, khiến thuyền quay ngang, những chiếc đi sau không kịp chuyển hướng, và cứ thế chiếc nọ đâm thẳng vào chiếc kia vỡ toác gây ra tiếng động khủng khiếp như tiếng sét đánh bất ngờ. Quân giặc trên các chiến thuyền gãy, vỡ nước tràn vào khiến chúng hoảng loạn xô đẩy nhau. Ngay lập tức những chiếc thuyền nhỏ của quân Đại Việt xông thẳng vào đám thuyền giặc đang ngổn ngang chống đỡ, các dũng sĩ tay lăm lăm mã tấu nhảy lên thuyền giặc, người thì đốt thuyền, người thì tìm giết những tên xâm lược. Sự việc xảy ra quá bất ngờ và quân Việt xốc tới nhanh như quân nhà trời làm cho giặc hốt hoảng trở tay không kịp. Nhiều đứa bị chết do thuyền va đập, nhiều đứa nhảy ào xuống sông vừa rét buốt vừa không biết bơi nên chìm ngấm. Đứa gơ tay xin hàng, đứa chui đầu vào khe góc khuất, mông chống ra ngoài tưởng như thế là thoát chết. Trong thoáng lát, quân phục của thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật đã bắt được hơn ba chục chiến thuyền ra khỏi đoàn thuyền giặc, tất cả đều bị đốt hoặc bị đánh chìm, số quân bị bắt chỉ có bốn chục đứa, nhưng số bị giết và bị chết đuối lên tới con số ngàn. Chắc hẳn có một số tên biết bơi cũng trốn thoát. Và rất nhanh đoàn quân đánh chặn rút đi, để lại mặt sông với những cây cột buồm nghiêng ngả như những cánh tay chơi vơi lơ lửng cầu cứu.

Đoàn thuyền giặc đi trước, khi biết bị chặn mất đuôi không còn cách gì quay lại để ứng cứu được. Bởi một chiếc dưng thì cả đoàn sẽ xô vào nhau gãy vỡ và chìm đắm hết.

Đoàn quân chiến thắng giải tù binh về trình chủ tướng. Trông thấy những tên giặc mặt tái mét rét run cầm cập chẳng khác đám chuột đồng chạy lút, Trần Nhật Duật sai đốt lửa, lấy quần áo cho chúng thay rồi cho ngồi sưởi ấm, khi chúng đã tạm hoàn hồn lại cho ăn no. Được đối xử tử tế chúng thật không ngờ. Ăn xong, tất cả bọn chúng đều sụp lạy tạ ơn.

Thượng tướng cho phép chúng ngồi tự nhiên và hỏi:

- Ta với các ngươi có thù oán gì không?

Đám tù binh lí nhí đáp:

- Bẩm không ạ.

Thấy chúng nghe hiểu được tiếng Tàu, thượng tướng lại hỏi:

- Vậy chứ các người là người Hán, trong số này có ai là người Mông Cổ không?

Một tên mạnh dạn đáp:

- Bẩm quan, chúng con là người Hán, quê ở Giang Nam, không có ai là người Mông Cổ. Bọn Mông Cổ chúng chỉ ở kỵ đội thôi, bọn nó sợ nước đâu dám xuống thuyền.

Trần Nhật Duật lại hỏi:

- Trong số các người đây ai là đô tướng?

Mấy đứa nhìn nhau rồi nhìn về một góc tối chỗ đồng bọn đang cúi đầu sưởi ấm.

Trần Nhật Duật biết chỗ ấy có đứa chỉ huy, ông gọi chúng ngồi xích lại gần nhau rồi nói: - Các người đều là người Hán, là dân nước Trung Hoa chứ không phải nước Nguyên đúng không?

- Đúng ạ! - Chúng đồng thanh đáp lời.

- Vậy chứ nước Đại Việt ta với nước Trung Hoa các người có thù oán gì với nhau không?

- Bẩm không ạ.

- Ta biết nước các người đang bị người Mông Cổ thống trị. Các người bị ép phải đi đánh nhau.

- Bẩm đại quan đúng thế ạ. Đại quan đèn trời soi xét chúng con bị ép buộc phải xuống thuyền.

- Các người có thấy người Mông Cổ phân biệt đối xử, họ khinh miệt các người, thường đẩy các người vào chỗ hiểm nguy, các người là vật lót đường, thế mạng.

- Bẩm thượng quan dạy rất đúng, thân phận chúng con bị rẻ rúng, nhục lắm ạ. Xin thượng quan thương tình tha cho chúng con về.

- Đã biết nhục, bị bức bách đi vào chỗ chết, lại biết Đại Việt với Trung Hoa vốn không có thù oán gì. Vậy sao khi vào nước ta các người cũng hung hăng tàn bạo không kém quân Mông Cổ?

- Bẩm đại quan, chúng con vừa đi tới đây đã bị bắt, chúng con đã kịp lên bờ đâu mà bảo chúng con gây tội ác.

Trần Nhật Duật nghiêm dạy:

- Đúng là các người vừa tới đây đã bị bắt. Nhưng ta biết cuộc chiến năm Ất Dậu mới đây lũ quân người Hán các người đã gây nhiều tội ác cho dân ta không kém quân Mông Cổ. Vợ vét của cái, xăm xoi mọi góc xó tìm kiếm báu vật, đồ đạc, đốt nhà, giết người, hãm hiếp đàn bà con gái, không một tội ác nào các người không làm. Các người có thể cãi các người mới bị bắt vào lĩnh, các người vừa tới đây. Nhưng ta dám chắc trong số các người đây, ít nhất cũng có dăm bảy đứa đã theo quân Mông Cổ vào cướp nước ta trong cuộc chiến năm Ất Dậu vừa rồi. Nước ta độ lượng, biết các người có tội nhưng không tra khảo đánh đập, không giết, để các người tự vắn lương tâm mà hối cải, - Trần Nhật Duật nghiêm khắc nhìn vào mặt những đứa mà ông nghi là nó đã đến nước ta trong cuộc chiến tranh lần trước, và cả những đứa mà ông nghi nó là đồ tướng. Lại thay ông nhìn vào đứa nào, đứa ấy tái mặt đi, hoặc cúi gằm xuống với vẻ ngượng ngịu, sợ sệt như là một sự tự thú. Đoạn ông hỏi: - Trong đám các người đây có ai biết chữ thì giờ tay lên.

Chúng rụt rè mãi sau mới có dăm đứa giờ tay.

- Vậy ta chia các người làm năm nhóm, mỗi nhóm do một người biết chữ cầm đầu. Ta sẽ phát giấy bút cho các người khai họ tên, quê quán, ngày đầu quân, ngày bị bắt, phân gia cảnh phải ghi rõ: Bố mẹ còn hay mất, bao nhiêu tuổi. Vợ con cũng vậy. Mấy vợ, mấy con. Con cái cũng phải khai tuổi tác. Quê quán phải khai rõ làng xã, châu quận, phủ huyện, tỉnh. Tỉnh nào phải khai rõ chứ không được khai chung chung là Giang Nam. Bởi phía nam sông Trường Giang có tới cả chục tỉnh, ngày xưa là cả nước Đông Ngô đấy.

Nhìn vào tận mặt từng đứa, Trần Nhật Duật nhắc thêm:

- Ngoài phần bản thân ra, các người còn phải khai chức vụ, ở đô quân nào, ai làm đô tướng, ai làm đô tổng quản, phiên chế ở thuyền nào, tên thuyền, số hiệu thuyền, mỗi thuyền chở bao nhiêu quân, bao nhiêu lương thực. Tất cả có bao nhiêu thuyền, bao nhiêu quân thủy, quân bộ, quân kỵ. Các người giúp nhau mà khai cho thành thật thì sẽ được hưởng ân huệ của Đại Việt ta. Nếu man trá ắt ta sẽ tìm ra và khi ấy các người cũng đừng trách ta không báo trước.

Thượng tướng sai quân đưa chúng về năm nơi khác nhau và cho từng đứa khai báo. Nhưng chúng khai rất chậm vì những đứa tự nhận là biết chữ, thực ra chúng có thể đọc được những thứ văn tự thông thường, còn như viết thì chúng lại không đủ chữ.

Sau khi bị đánh bắt ngờ viên hữu thừa A-ruc cùng các chư vương A-tai, Mang-khu-đai mới giật mình và không dám coi thường quân Đại Việt nữa. Mỗi lần trước khi cho cả đạo quân thủy bộ xuất phát, A-ruc thường phái một đội khinh thuyền đi trước thăm dò chừng vài ba trăm quân cùng với khoảng hai trăm quân kỵ đi trên bờ yểm trợ. Nắm chắc không có quân mai phục, tướng giặc mới cho quân đi. Như vậy giặc vừa có đội mở đường vừa có đội đoạn hậu.

Quân thám của ta về tâu báo cung cách tiến quân của giặc từ sau ngày nó bị chặt đuôi, Trần Nhật Duật mỉm cười nói cùng hạ cấp:

- Do ta cắt đuôi giặc, chúng hoảng hốt nên bây giờ đuôi nó phình ra khá lớn. Các ông tính sao, có chặt tiếp đuôi hay ta chặt đầu nó.

Đô tướng Nguyễn Khoái vội đáp:

- Bẩm chủ tướng, chặt đầu nó có nghĩa là ta đánh vỡ mặt đám du binh. Chỗ này phải tính kỹ bởi nó có khoảng hai trăm thẳng kỵ binh Mông Cổ đi tiên phong, nếu hơi có động tĩnh gì chúng ào đến rất nhanh hoặc chúng biến đi cũng nhanh như gió thoảng.

Đô tướng Ngô Thùy bèn lên tiếng:

- Bẩm thượng tướng, phải đánh vỡ mặt đám kỵ binh Mông Cổ để lấy khí thế cho quân ta. Đánh rằng trận mờ mịt vừa đây đã khiến giặc co lại và không dám ngông nghênh như trước nữa. Nhưng như thế không có nghĩa là ta không thể tạo ra được thế bất ngờ khác.

Nghe hai viên đô tướng hiến kế đánh vỡ mặt quân kỵ Mông Cổ, thượng tướng Trần Nhật Duật lấy làm đẹp ý, ông hào hứng hỏi:

- Hai ông thử cho nghe dự kế đánh quân kỵ Mông Cổ, đánh rằng giặc vào nước mình dù nó là quân Mông Cổ chứ quân nhà trời ta cũng đánh. Nhưng nên nhớ, đã đánh là phải đánh thắng mới đẹp được lòng kiêu ngạo của chúng. Ví như trận Quốc công đánh vào trại A Lỗ năm Ất Dậu khiến ngựa Mông Cổ như lũ chuột đồng chạy lụt, còn lính Mông Cổ phần thì chết đuối phần phải ra hàng. Vậy là tinh thần kỵ binh Mông Cổ còn thấp hơn ngọn cỏ.

Tướng Nguyễn Khoái nói:

- Bẩm chủ tướng, thật ra đánh bọn du binh có dăm chiến thuyền với sáu trăm tên quân thủy cùng khoảng hai trăm quân kỵ hộ tống không phải là chuyện khó. Nhưng sau nó là cả một đạo quân đông tới mấy vạn thì lại là một việc không dễ. Tuy vậy theo mặt tướng vẫn có thể đánh được. Thông thường giặc rất sợ rừng cây và những nơi cây cối rậm rạp, núi non khuất lấp. Cách đây chừng năm chục dặm về phía tả ngạn có một cánh rừng, quân kỵ của giặc buộc phải đi qua. Vì vậy giặc sẽ rất thận trọng. Ta sẽ không phục quân ở nơi giặc có phòng bị. Song phải nghi binh để nó rối trí. Tức là trước cửa rừng ta đốt củi lấy khói làm hiệu. Trong rừng, ta chặt cho cây đổ ngáng đường đi, giặc tất phải dừng lại sục sạo. Ta cũng nên đào một vài hố bẫy ngựa. Nếu ngựa nó bị sa hố thì cả người lẫn ngựa đều hoảng loạn. Ra khỏi rừng xuôi thẳng về quãng ngang với ta đang đóng quân đây khoảng hơn hai chục dặm đường bằng phẳng, quang đãng. Ta nên đánh nó trên quãng đường này. Đây là đoạn giặc không thể ngờ lại có quân phục vì tầm nhìn xa và không có rừng cây hoặc đồi núi quanh co.

- Giữa thanh thiên bạch nhật, đường bằng phẳng mà ông định phục quân đánh vỡ mặt kỵ binh của giặc, vậy ta phục ở đâu? - Trần Nhật Duật hỏi và ông nói thêm: - Đường tốt, kỵ binh giặc có thể lướt nhanh như gió, và các ông nên nhớ, loài ngựa đánh hơi thính không kém gì chó săn. Nếu quân ta mai phục ngược chiều gió, chúng đánh hơi thấy ngay. Khi có hơi lạ, giống ngựa thường không chịu đi hoặc cảm thấy nguy hiểm chúng sẽ quay đầu chạy và hí rầm rĩ.

Đô tướng Ngô Thùy đáp:

- Bẩm chủ tướng, đang mùa gió bắc thổi xuôi, nếu có quân phục không lo việc ngựa đánh hơi thấy mùi lạ. Hơn nữa từ bữa vào đất ta tới nay, kỵ binh giặc chỉ đi theo phía tả ngạn của sông chứ chưa một lần chúng sang sông. Cách đây hơn hai chục dặm có một cánh

đồng mới gặt, ruộng khô, nông phu đã chống rạ thành từng mô to hơn cả chiếc nơm đại, và cao ngang ngực người lại nằm bên hữu ngạn dòng sông về phía ta đang đóng quân đây, chúng tôi đã đến tận nơi xem xét thấy ta có thể giấu được năm trăm quân cung nỏ mà giặc không thể ngờ, cũng không thể phát giác ra được. Cảnh đó lại có một con ngòi. Mùa này nước cạn, ngòi khô tới đáy có thể đi trên lạch ngòi này như đi trên mặt ruộng.

- Rồi sao nữa? - Trần Nhật Duật hỏi.

- Bẩm, ta cho quân thiện xạ dùng nỏ liên châu phục sau các mô rạ. Khi thấy thuyền và kỵ binh giặc tới, ở bên này nhất loạt bắn xuống sông và bắn sang sông. Phải chia ra, một nửa bắn quân thủy, một nửa bắn quân kỵ. Loạt tên đầu tiên cứ nhắm vào các con ngựa đi đầu mà bắn. Những con đi đầu gục ngã, những con đi sau sẽ xô vào nhau mà dừng lại, lúc này phải nhắm vào lũ kỵ sĩ mà bắn. Nỏ liên châu với tên tầm độc bắn bất ngờ giặc không có cách gì chống đỡ nổi. Còn lũ giặc ở trên thuyền phải nhắm bắn chết ngựa cầm lái và bắn đứt dây lèo, thuyền lập tức quay ngang và chúng sẽ đâm vào nhau mà nát bét.

- Các ông đã xem xét khoảng cách hai bờ cái đoạn ta mai phục đó lòng sông có rộng không, tầm tên bắn lũ kỵ binh có còn đủ độ căng không?

- Bẩm thượng tướng, chúng tôi có đặt bia ở bên kia sông và đã bắn thử. Và lại quân ta có thể bắt ngờ tung các mô rạ nhảy ra tận mép sông vừa bắn vừa uy hiếp giặc. Chỉ cần bắn vài loạt tên cũng không cần tiêu diệt hết lũ tanh hôi đó mà chỉ giết một số tên để gây hoảng loạn trong hàng ngũ giặc. Và một khi quân kỵ của nó đã bị đánh bại thì các sắc quân khác cũng mất hết tinh thần. Dạ khi ta đã giết một số tên gây hoang mang và cản trở đường tiến quân của giặc, thời tất cả đều rút về con lạch khô kia mà vào làng xóm, dầu giặc có đổ quân lên bờ cũng là một sự vô ích.

Trần Nhật Duật tỏ vẻ tâm đắc:

- Kế của các ông có vẻ diệu dụng đấy. Nào các ông dẫn ta đi thị sát, nếu được có thể ngày mai ta phục đánh luôn, bởi giặc cũng tiến gần sát đây rồi.

Nhìn quang cảnh nơi mà hai vị đô tướng chọn để tập kích quân xâm lược, thượng tướng Trần Nhật Duật có vẻ hài lòng và ông kéo cả hai người ra phía bờ sông. Nhìn dải nước hẹp lững lờ chảy như chảy trong lòng máng, thượng tướng hỏi: - Đoạn này gần thượng nguồn, ta ngờ ngựa có thể lội qua. Nếu ngựa lội qua được thời phải có mưu kế khác.

Vừa nghe chủ tướng nói xong, hai vị phó tướng liền lấp tên vào cung bắn xuống giữa dòng sông, một lúc cả hai mũi tên cùng nổi trên mặt nước và bỗng bành trôi theo dòng nước chảy xuôi.

Trần Nhật Duật bèn với lấy cây cung và tự mình lấp tên bắn xuống sông một lần nữa, mũi tên lại nổi phềnh lên. Ông liền kéo hai vị đô tướng cùng ngòi xuống mặt ruộng khô nề bàn luôn kế đánh giặc:

- Ý các ông là chỉ cần đánh phủ đầu lũ quân kỵ và quân thủy, gây cho chúng nỗi hoang mang hãi sợ rồi ta lui quân ngay để bảo toàn lực lượng có phải không?

- Bẩm, đúng là như vậy.

- Theo ta, nên diệt gọn không cho một đứa nào sống sót để chúng bớt cái thói huênh hoang ngạo mạn. Ấy là ta nói nó bớt thôi chứ nó không chừa đâu. Trước kia Hán-Đường-Tống đã thế, nay đám nhà Nguyên kế tiếp cũng không hơn gì.

- Bẩm, chủ tướng định diệt hết đám du binh thì diệt bằng cách nào?

- Các ông nghe ta nói, nếu còn gì chưa chắc ăn thì phải bỏ cứu ngay chứ đánh đội du binh mà không xong là ê mặt ta đấy. Về đại thể kế của các ông là được, chỉ cần đào một đường hào sâu ngang ngực để quân đứng dưới hào bắn thì người lính mới tự tin, vì nó đỡ chông chênh. Ta định chia quân làm hai cánh phục ở hai bên tả hữu con ngòi này. Ta muốn đưa hẳn một ngàn quân, mỗi cánh quân phục năm trăm người. Khi quân kỵ đi hộ tống ít khi nó đi song song lắm mà thường quân kỵ đi trước thuyền độ một hai dặm. Nếu quân kỵ đi vào giữa ô phục của quân ta, thì cả hai cánh quân với một nghìn cung thủ thiện xạ lại bắn bằng nỏ liên châu, tên tẩm độc nữa thì chỉ cần một nghìn cánh cung cùng nhả tên một lúc thì không còn một mống nào có cơ may sống sót. Cùng lúc nếu thuyền giặc nhận ra quân kỵ bị đánh thì cũng không thể dừng lại kịp, nếu quay mũi thuyền hoặc buông dây lèo, thuyền đi trước có thể dừng được nhưng thuyền đi sau sẽ đâm nát con thuyền vừa quay ngang và hàng loạt các thuyền phía sau cứ thế mà đâm vào nhau và cùng chết chìm. Và lại dòng sông quảng này hẹp lại mùa khô, nước cạn thuyền công kênh rất khó xoay trở. Còn như đội kỵ binh đi song hành với thuyền thì loạt tên đầu tiên phải ưu tiên cho đám quân kỵ, và ngay lập tức bắn xuống thuyền. Lại cũng phải tập trung bắn vào thuyền thứ nhất, thuyền thứ hai. Hai chiếc đi đầu mất lái, những chiếc đi sau cứ thế tuần tự đâm vào nhau gãy nát hết. Có thể đám quân thủy này chưa diệt hết được nó như đám quân kỵ, nhưng ta tin chúng sẽ trúng tên chết quá nửa. Phần còn lại nhờ hà bá diệt nốt. Ngay trong lúc đại binh của nó chưa nhận biết du binh bị đánh thì hai cánh quân luồn qua đường hào đổ về phía con lạch, và từ phía con lạch đó quân rút về doanh trạm ở trong làng.

Trần Nhật Duật gặng hỏi hai vị đô tướng:

- Các ông thấy ta bỏ tước thêm kế của các ông liệu có phần nào diệu dụng không?

Hai vị đô tướng đều hân hoan đáp:

- Đúng là thượng tướng hơn lũ tôi một cái đầu.

- Ta hơn làm sao được các ông, có điều rằng một khi đã bỏ tước cho nhau thì nó hoàn hảo hơn. Vậy còn điều gì băn khoăn nữa không? Mọi việc kiến tạo trận địa phải tiến hành gấp trong đêm nay. Đất đào hào phải rải ra rồi phủ rạ lên, mọi điều phải kín nhem, cho quân canh gác hai đầu không cho người qua lại. Về suy nghĩ, Trần Nhật Duật dừng lại giây lâu rồi nói: - Còn một việc nữa, cần phải bàn cho cạn nhẽ, rằng ta bày trận chưa bao quát đầy đủ, tức là ta quy ước giặc chỉ đi phía tả ngạn. Đúng ra tả ngạn thuận cho giặc hơn, bởi đường sá tốt hơn và nếu giặc có bị đánh bật lại thì đường lui về Vân Nam không cách trở sông ngòi như bên hữu ngạn. Tuy nhiên, nếu giặc đổi ý lại đổ quân kỵ sang bờ hữu ngạn thì các ông xử lý thế nào?

Tới đây hai vị đô tướng đều ngó người ra:

- Chù tướng! Chù tướng quả là bậc trí tướng. Thảo nào năm ngai mới hai mươi sáu hai mươi bảy tuổi một mình vào trại Trịnh Giác Mật, thuyết phục được viên đầu lĩnh người Man này toan làm phản trở thành phen dậu vững chắc của triều đình, trong cuộc chiến năm Ất Dậu, cả hai cha con Mật đều lập công lớn.

Trần Nhật Duật khoát tay nói:

- Việc đó không khó, về doanh trại ta bàn tiếp. Bây giờ các ông phải lo cất cử quân đi lập trận địa mai phục. Và phải có quân thám sát suốt hai triền sông, phải bám sát xem khi nào du binh giặc khởi hành, lại phải xem nó có bất ngờ đổi hành trình, tức là quân kỵ của giặc chuyển từ tả ngạn sang hữu ngạn hoặc ngược lại.

Ngày hôm sau các đô tướng cho quân ra trận địa mai phục từ cuối canh tư khi trời còn tối đen như mực, mưa phùn rắc nhẹ làm cho những người lính vốn ít áo ấm càng thêm rét. Nhưng trong lòng họ thật là hào hứng, họ không ngại dấn thân vào nơi máu lửa thậm chí chết chóc, chỉ mong đuổi được loài giặc dữ, lấy lại sự yên bình cho nước, cho nhà mà làm ăn yên ổn. Họ không có khao khát nào lớn hơn là đất nước được yên bình. Một loáng, các chiến binh đã vào hết các vị trí mai phục. Trời sáng dần, bầu trời mờ đục dưới làn mưa mỏng nhẹ, gió hơi phơ phất. Từng bầy vạc ăn đêm quay về tổ đang hồi hã bay ngang trời thả ra những tiếng kêu khan. Những tiếng gà gáy sáng cuối cùng còn rải rác trong xóm thôn cứ vẳng lên âm ập. Xa xa trong hương ập loáng thoáng có những làn khói trắng bốc lên trên những mái rạ, nơi đó chắc là bếp nấu ăn của các đội dân binh, đội hương binh còn ở lại bảo vệ làng quê và giúp đỡ quân triều đình khi cần. Chính cái màu khói bếp kia lại làm cho các chiến binh đang mai phục nơi trận địa thêm vững dạ. Các chiến binh khi ra trận địa đã ăn no, lại đem theo nước uống và cơm nắm cho bữa trưa để tiện việc phục kích lâu dài.

Mặt trời đã lên ngang ngọn cây, hoe hoe nắng nhạt, mưa bụi đã tạnh hẳn, những giọt mưa đọng trên lá cây ngọn cỏ như những hạt sương đã thấm hết vào cỏ cây hoa lá. Bầu trời lúc này xuất hiện mấy con chim cất dang rộng hai cánh lượn lơ trên cao với vẻ thanh thản tưởng như chúng đang thảnh thơi chơi nhởi, kỳ thực những cặp mắt tinh ranh kia đang soi mói tìm mọi nơi mặt đất.

Bầu trời và cả mặt đất lúc này yên ắng đến lạ thường. Quá trưa, quân thám về báo hôm nay chưa có dấu hiệu gì giặc sẽ tiến quân. Và từ sáng vẫn chưa có đội du binh nào xuất trại. Trái với lệ thường, hàng ngày giặc cho du binh ra khỏi trại tới vài chục dặm để thám sát tình hình rồi quay lại. Hoặc nếu là ngày giặc tiến quân vẫn cho du binh đi trước vài chục dặm rồi quay lại đón đại quân xuất phát. Nếu có đại quân ở phía sau thì du binh chỉ đi trước một đoạn khoảng mười dặm.

Vì chưa có dấu hiệu gì căng thẳng, các đô tướng được lệnh cho quân ngủ tại chỗ để lấy sức. Chừng một canh giờ sau quân được đánh thức dậy và chuẩn bị sẵn sàng chờ giặc đến. Quá giờ mùi, vẫn chưa có tin tức gì, ai nấy đều nghĩ hôm nay có lẽ giặc cắm trại để mai một tiến quân đánh lớn. Các tướng đã nghĩ đến việc chập tối sẽ cho quân rút khỏi trận địa mai phục. Thế nhưng chừng giữa giờ thân, quân thám về báo, du binh của giặc đã ra khỏi trại.

Các đô tướng đi kiểm tra lại trận địa, đến từng nơi người lính mai phục vỗ về, khích lệ. Mọi việc đã sẵn sàng. Thời cơ lập công đã đến, sĩ khí lên cao chưa từng thấy.

Khoảng cuối giờ thân, toán quân kỵ của giặc đã đi gần ngang trận địa quân ta mai phục thì tên đi đầu dừng ngựa. Y quay đầu ngựa nói gì với đám quân ở phía sau rồi y giờ roi ngựa trở xuống lòng sông, lập tức mấy đứa hất bả vai ra lấy cung lấp tên bắn xuống nước. Giặc có ý định vượt sông, các tướng thăm đoán. Nếu chúng vượt sông ở quãng đó thì quân ta phải chạy bộ về phía ấy đón đánh, chắc không một tên Mông Cổ, một con ngựa Hồ nào có thể sống sót mà lên bờ. Thế nhưng giặc lại đi vào khu vực quân ta ước định cho quân bắn chéo cánh sẽ thì chúng dừng lại. Đường như chúng bàn nhau cho ngựa vượt sông. Đúng lúc đó một tiếng nổ ầm vang như sét đánh, trống đồng, trống da thúc đến lộng óc và hàng loạt tên bay chéo đạn cài vun vút về phía quân kỵ bên kia bờ sông. Giặc còn chưa định thần xem chúng bị quân phục từ đâu thì người, ngựa cứ rầm rập đổ ngã như những cây chuối bị phạt gốc. Thấy người, thấy ngựa nằm đè lên nhau, tiếng ngựa rống, tiếng người kêu cứu nghe thảm thiết. Những tên kỵ mã ở cuối hàng quân quay đầu ngựa chạy không còn hồn vía, bỏ mặc đám thuyền bè đang thuận gió lao xuôi. Khoảng mười lăm con thuyền buồm căng gió khi chiếc đi đầu vừa nhận ra quân kỵ phía trước bị đánh, viên cầm lái nói dây lèo cho cánh buồm vát gió để lượn quay mũi thì hàng loạt tên ở trên bờ hữu ngạn bắn xuống như mưa, dây lèo đứt, tên cầm lái gục xuống buồm cả tay lái lẫn tay lèo, con thuyền quay ngang, các thuyền khác cứ thế đâm vào nhau răng rắc gãy. Tên bui nhùi bắn xuống chông đồng tạo ra các đám cháy trên thuyền. Giặc hết đường chông trả ào ào nhảy xuống sông. Lúc này quân ta bật ra khỏi hào cứ đứng trên bờ bắn thẳng xuống. Dòng sông đã dần dần nhuộm một màu đỏ nhờ như màu phù sa. Ấy là máu giặc.

Hoàng hôn trùm xuống, bầu trời thâm lại. Các viên đô tướng thu quân về trại. Trận đánh diễn ra nhanh chóng và quá bất ngờ nên giặc không biết đường nào mà chống cự. Số hai trăm quân kỵ may ra vài chục đứa chạy thoát, còn khoảng ba, bốn trăm quân thủy không biết có đứa nào còn sống sót.

Về trại, thượng tướng Trần Nhật Duật cho mở tiệc khao quân ngay trong đêm. Khích lệ quân sĩ và vinh thăng những người có công cao. Ông nói:

- Từ ngày giặc xâm phạm cõi bờ ta đến nay đã sáu, bảy ngày rồi. Quân ta mới có hai trận phục kích nhỏ. Trận này do có chuẩn bị tốt, lại bất ngờ nên ta vừa nhân sức vừa giết được nhiều giặc. Sau trận này, ắt giặc phải dò chừng khi đi lại trên đất ta.

Ngừng lại giây lát, thượng tướng nói tiếp: - Các ông thử phán đoán xem, hôm nay du binh giặc xuất trại muộn, ta ngờ giặc sẽ kéo đại binh về thẳng Bạch Hạc. Vì vậy chỗ thuyền giặc đắm buổi chiều, ta muốn đưa thêm vài thuyền đá đến chặn giặc ngay đêm nay. Sau đó chỉ để một số quân nhỏ cùng với dân binh phục xung quanh khu vực để bắn tia khi chúng cho quân dọn các thuyền đắm lấy đường cho chúng xuôi Bạch Hạc.

Đô tướng Ngô Thì nói:

- Ý của chủ tướng là đêm nay giặc có thể xuôi về vùng Tam Đái^[47] và vì thế ngài muốn lui về phối cùng số quân tại đó lập trận địa kháng giặc.

- Đúng thế, theo ta nếu đêm nay giặc cho quân dọn dẹp lòng sông, nhanh lắm cũng phải giờ thân ngày mai mới thông được. Ngay bây giờ các ông phải cho quân đi lấy thuyền xếp đầy đá rồi đánh đắm cùng với đám thuyền giặc vừa bị quân ta đánh đắm chiều

nay. Và đôi theo tình hình giặc cho chặt chẽ, nếu đêm nay chúng đến thì phải đánh để làm chậm bước tiến của giặc.

Nửa đêm, vẫn chưa có tin tức gì về việc giặc sắp tiến binh, thượng tướng Chiêu Văn vương liền cho lệnh nhổ trại. Nửa canh giờ sau hai quân thủy bộ đã lên đường xuôi về Bạch Hạc.

Trong tay có ba vạn quân nhưng Trần Nhật Duật chỉ tung vào trận hai vạn, còn một vạn quân nữa dùng vào việc ứng cứu, tiếp viện. Biết rằng A-ruc, A-tai và Mang-khu-đai đem theo năm vạn quân thủy, quân kỵ, quân bộ từ nẻo Vân Nam tiến vào, qua vài trận đánh nhỏ lẻ, giặc tuy có sút mẻ nhưng chưa đáng kể. Nay ông định đánh một trận lớn để tiêu hao sinh lực giặc và cũng làm bớt nhuệ khí của giặc rồi lui quân để bảo toàn lực lượng toan tính việc đánh bại giặc, đuổi nó ra khỏi cõi bờ như Quốc công dự liệu.

Về trận đánh quy mô ở ngã ba Bạch Hạc này, cuối năm ngoái đầu năm nay ta đã cho diễn tập, đích thân quan gia đã về đây thị sát. Nhà vua tỏ vẻ hài lòng vì binh sĩ khỏe mạnh, tận tâm luyện tập và đều có chí giết giặc lập công. Sau đó, ta lại được điều làm tướng cầm đầu một đạo quân trong cuộc đại diễn tập đánh vào Vạn Kiếp. Có nhẽ cuộc xâm lăng của giặc diễn ra năm nay đúng như anh Quốc Tuấn dự đoán chẳng.

Lại nói về mấy chục đũa tù binh bắt được hôm trước, thuần một lũ quân Giang Nam khờ khạo chẳng biết gì, trong đó chỉ có ba tên là tiểu đô tướng cai quản mấy chục tên quân và tất cả đã yên phận làm nô lệ cho ngoại bang Mông Cổ, chúng chẳng hề quan tâm đến sự mất còn của nước Trung Hoa, và chúng cũng không hề biết việc chúng vào xâm lược nước ta là việc làm có tội. Cho tới khi chúng bị bắt và được ta giảng giải chúng mới vỡ lẽ và tỏ ra vô cùng sợ hãi, đũa nào cũng run sợ, quỳ lạy, xin tha mạng.

Nửa đêm quân đã về hội đủ, Trần Nhật Duật cho nhóm họp ngay các tướng.

Quân thám về báo rằng cả ngày hôm nay phía trại giặc đều cắm trại, không có du quân, chỉ có quân tuần canh rất nghiêm ngặt quanh khu vực giặc hạ trại. Và tại đại bản doanh của tướng giặc treo cờ rù. Chúng nó để tang nhau như vậy là chết nhiều, cả số quân kỵ lẫn quân thủy và trận trước đó nữa phải tới hơn nghìn tên. Việc này không thể không ảnh hưởng đến tinh thần binh sĩ giặc.

Trần Nhật Duật không chỉ triệu mấy vị phó đô tướng mà ông cho triệu tất cả đô tướng các cấp, một phần cho họ thông hiểu chức phận của từng công việc, phần khác cho họ hình dung đầy đủ chiến trận sẽ diễn ra trên một địa bàn rộng lớn như thế nào và cả sự ác liệt nữa để cho họ trở về khích lệ ba quân.

Treo tấm bản đồ lên vách trại, nhìn khắp lượt chư tướng, Trần Nhật Duật nói:

- Bữa nay không bàn nữa, vì ta với các ông đã bàn kỹ rồi. Địa hình các ông cũng thuộc nằm lòng rồi, cho nên ta chỉ nhắc lại phận sự các ông phải đánh cho thật linh hoạt. Đây là một đại trận, không còn yếu tố quá bất ngờ với giặc nữa. Giặc vừa có quân kỵ, quân bộ và quân thủy, ta lừa giặc vào ngã ba sông hãy đánh, khi ấy quân bộ và quân kỵ của giặc không còn liên kết được với nhau nữa sẽ thuận cho ta hơn. Các ông nhớ răn các đô tướng dưới quyền, chớ có ham đuổi giặc sát bờ, quân kỵ Mông Cổ có thuật quảng thông lạng bắt người rất giỏi, phải răn cả binh sĩ nữa, chớ ham chiến mà phải hồi dấy.

Ngừng một lát, Trần Nhật Duật lại gạn hỏi:

- Các ông còn điều gì cần nói hoặc cần hỏi nữa không.

Nguyễn Khoái xin nói:

- Thượng tướng cho biết khi quân ta rút thì rút về thẳng Thăng Long hay về giữ sông Thiên Đức để chặn giặc tiến vào Thăng Long?

- Phải giữ sông Thiên Đức để che chắn cho Thăng Long và chờ soái lệnh của Quốc công tiết chế. Và các ông phải nhớ kỹ, tuy đây là một trận đánh lớn nhưng cũng chỉ là đánh ngăn bước tiến của giặc, đánh tiêu hao giặc chứ chưa tiêu diệt hết được nó đâu. Giặc mới vào, sức nó đang cường, phải tàn mống nó ra rồi mới đánh tiêu diệt từng cụm nhỏ của nó, vừa chắc thắng, vừa đỡ hao tổn máu xương sĩ tốt.

Mọi người vẫn im lặng lắng nghe, Trần Nhật Duật nhìn về phía đông đảo các đô tướng và tiểu đô tướng hỏi:

- Những điều ta vừa nói, chư vị hiểu cả chứ? Có ai còn điều gì thắc mắc muốn hỏi cứ hỏi tự nhiên. Trận mạc là chuyện có quan hệ đến sinh mệnh con người, phải hiểu cặn kẽ từ việc rất nhỏ chứ không thể qua loa đại khái được.

Nghe chủ tướng hỏi, mọi người thấy ấm lòng và đồng thanh đáp:

- Tạ ơn thượng tướng, chúng hạ cấp thông tỏ phận sự cả rồi, xin chủ tướng cho về trại quân còn lo việc nghênh địch.

Trần Nhật Duật sai quân rót rượu mời mỗi người một bát. Tay nâng bát rượu đi vòng quanh mọi người, ông nói: - Bữa nay ta mời các ông mỗi người một bát, thắng trận này ta sẽ khao lớn và uống thật say.

Mọi người vui vẻ nâng bát rượu lên ngang mày và cùng hô:

- Chúc chủ tướng vạn an! Chúc quân ta đại thắng!

Các tướng ra về rạo rức niềm vui.

Thượng tướng Trần Nhật Duật cho quân mai phục đón lõng ở ngã ba sông và cho mười lăm chiếc thuyền nhẹ ngược sông Thao để dụ giặc.

Mấy ngày nay thời tiết xấu, bầu trời âm đạm và như thấp hẳn xuống, gió phơ phất, mưa dầm dề mây phủ khắp suốt ngày. Vì mưa kéo dài nên đường sá đi lại trở nên trơn lầy, vài ba chục vết chân người hoặc trâu bò đi qua đã làm cho mặt đất nhão ra. Đồng ruộng, rừng cây xa trông chỉ là một đồng mờ nhòe nhúc nhít. Mặt sông lúc nào cũng có màu trắng nhờ nhờ, cách vài mươi trượng đã không còn phân biệt được hình người với bụi cây nữa.

Từ sớm tinh mơ thượng tướng Trần Nhật Duật đã ra bến sông xem trận địa và quan sát thời tiết. Trời vẫn lất rắt mưa. Mưa giăng mờ cả mặt nước sông và bờ bên. Trần Nhật Duật mừng lắm, nếu thời tiết cứ kéo dài thế này rất lợi cho quân ta, mà giặc thì không thể chờ mãi cho tới khi nào thời tiết đẹp mới tiến binh. Và lại, nếu giặc không động binh ta sẽ cho quân tập kích.

Khoảng giờ thìn quân viên thám báo về: - Từ cuối giờ tí sớm nay, hết thầy quân giặc đã chuyển quân, mã, bộ, thủy đều theo đường sông Thao tiến xuống phía ngã ba Bạch Hạc và hiện thời quân kỵ và quân bộ của chúng mới chiếm lĩnh phía tả ngạn chứ chưa có dấu hiệu chúng chuyển sang hữu ngạn. Vậy là giặc còn cách Bạch Hạc chừng bảy mươi dặm nữa. Trần Nhật Duật ra ngoài trời xem thời tiết, vẫn mưa bụi lầy rầy, bầu trời vẫn u ám và đứng gió. Ông nhẩm tính: - Tuy xuôi nước, nhưng vào những ngày này là ngày nước lừ lức lên lúc xuống, giặc lại dùng thuyền to nên không thể đi nhanh được. Quân kỵ của chúng có sức đi nhanh tới sáu, bảy chục dặm ^[48] một giờ ^[49] nhưng chúng không thể bỏ mặc quân bộ và quân thủy. Vì vậy, nếu thời tiết không thay đổi thì trong khoảng giờ tuất ^[50] đến giờ hợi ^[51] giặc sẽ lọt vào khu vực trận địa ngã ba sông này. Thế nhưng nếu trời hừng nắng lại có gió, thuyền đi nhanh mặt đường lại se thì quân bộ cũng đi nhanh hơn, giặc có thể tới Bạch Hạc vào khoảng giờ thân ^[52] hoặc giờ dậu ^[53]. Ông nhẩm tính - về mùa này cuối giờ thân đầu giờ dậu đã vào khoảng tranh tối tranh sáng.

Thượng tướng Trần Nhật Duật nhẩm tính: - Ngoại trừ giặc dùng lại giữa chừng cắm trại thì không kể, còn như giặc cứ đi tiếp thời vào các giờ đó rất thuận cho quân ta tác chiến. Từ Bạch Hạc ngược lên khoảng ba chục dặm rất nhiều nhánh sông nhỏ thông ra với sông Cái, chỉ thuyền nhỏ mới ra vào được. Từ các nhánh sông nhỏ này ta đã cho quân phục đồ ra khiêu chiến làm rối loạn hàng ngũ giặc, làm cho binh sĩ giặc hoảng loạn khi đi sâu vào đất ta. Tính ra cứ năm, mười dặm lại có một nhánh sông nhỏ ăn thông ra với Thao giang. Xem ra tới lúc này giặc vẫn chưa có ý định đưa quân kỵ và quân bộ sang hữu ngạn.

Trần Nhật Duật đã sai các tướng và chia quân đi các ngã đón lõng giặc để lừa nó vào nơi mà ta đã mai phục. Ông tự biết quân mình chưa bằng phân nửa quân nó, nên chỉ có thể đánh tiêu hao làm nhụt nhuệ khí giặc rồi lui quân bảo toàn lực lượng, chờ khi giặc mệt mỏi ta mới phản công đánh lớn. Tới thời cơ đó hoặc là diệt sạch sành sanh, hoặc là đuổi không còn một bóng quân thù nào trên đất nước ta.

Nghĩ tới đội quân xâm lược, Trần Nhật Duật thấy lần này ông lại chạm trán với những tên tướng giặc lần trước đã bị ông chặn đánh và khi quân ta phản công đuổi giặc vào phút chót, lũ tướng giặc này đã lâm tình thế thập tử nhất sinh mới ra khỏi được đất ta, thế mà bây giờ lại vênh vang, cả tên đầu sỏ Thoát-hoan được cha nó phong cho làm Trần Nam vương cũng đều là một lũ bại tướng cả thôi. Tuy nhiên, ta phải răn bảo nhiều lần các thuộc hạ không được coi thường giặc. Kẻ nào dám coi thường giặc cũng có thể xem như kẻ đó đã thua trận.

Gần trưa, mặt trời hơi lóe trên nền mây xám xịt, mưa dầm đã tạnh hẳn nhưng không gian vẫn nhuốm màu sương trắng đục, tầm nhìn trong khoảng vài dặm có thể phân biệt được người với vật. Khoảng đầu giờ thân thì mây đen ùn ùn kéo kín cả bầu trời, gió bắc thổi vù vù lạnh buốt. Và tới khoảng giữa giờ dậu, gió ngừng thổi, mưa bụi giăng mắc khắp bầu trời khiến tầm nhìn trở nên mung lung mờ ảo, cách chừng một dặm đã khó phân biệt được vật này với vật khác.

Tin tức quân thám đưa về từng khắc ^[54] theo dõi chặt chẽ mỗi bước đi và mỗi động tĩnh của giặc. Đúng là giặc không có ý định

đưa quân sang phía hữu ngạn. Nhưng cũng không có dấu hiệu giặc có ý định dừng quân giữa đường. Vậy là giặc tiến thẳng về Bạch Hạc

rồi từ đó xuôi sông Phú Lương^[55] về Thăng Long hoặc giặc xuôi Vạn Kiếp phối cùng Thoát-hoan. Căn cứ vào tốc độ hành binh của giặc từ nửa đêm tới giờ, thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật ước đoán trong khoảng giờ tí hoặc giờ sùu sớm mai giặc mới về tới

Bạch Hạc. Như vậy cuộc đối đầu với giặc sẽ diễn ra từ giờ sùu^[56] tới giữa giờ dần^[57] thì kết thúc. Phải đánh cho giặc những đòn đau nhớ đời mà giặc không nhận biết rõ ràng về thuyền bè, khí giới và cả quân sĩ của ta. Và nếu như giặc lọt vào trận địa mai phục của ta sớm hơn thời ta cũng kết thúc trận đánh sớm hơn. Tuy nhiên, còn tùy thuộc vào diễn biến của trận đánh.

Trăng thượng huyền vừa nhô lên với một quãng sáng mờ nhòe đã bị mây đen bao phủ, và nó cũng mất hút luôn để lại một bầu trời đen kịt. Mưa phùn vẫn dai dẳng rắc nhẹ bụi nước lâu dần đọng thành giọt và thấm ướt cả lần áo ngoài của những người lính đang căng tai ra lắng nghe động tĩnh từ xa. Cho quân lặn xuống nước sâu hoặc chèo thuyền sang phía bờ tả ngạn, áp tai xuống mặt đất lắng nghe tiếng động, cả hai mặt thủy bộ đều chưa có âm thanh nào vọng lại, chứng tỏ giặc còn ở khá xa. Lại nữa, quân thám về báo giặc còn cách ta vài chục dặm, thượng tướng cho phép quân được hút thuốc Lào nhưng không được để lộ ánh lửa. Lại cho quân được phép vào trong khoang thuyền ngủ ngời nửa khắc canh giờ.

Lệnh vừa ban xuống, mùi khói thuốc hăng nồng phảng phất khắp đó đây. Và ngay lập tức những người lính vừa ôm vũ khí vừa ngủ lịm lợc mặc cho gió bắc lạnh buốt như cào da xé thịt.

Khoảng giữa giờ Hợi, quân thám về báo, giặc chỉ còn cách ngã ba Bạch Hạc non hai chục dặm, nhưng chúng đi thận trọng hơn chứ không đi nhanh như các đoạn trên. Trần Nhật Duật sai đánh thức binh sĩ dậy và phải vào ngay các vị trí sẵn sàng chiến đấu. Sang đầu giờ Tí, mưa tạnh hẳn, không khí về như ấm hơn, bầu trời trong lại, và sáng dần lên, thoáng lát mây mù phủ trắng trời, chỉ cách mười bước chân là không còn nhìn rõ mặt nhau nữa. Lốp lốp những mảng mây trắng nhẹ như khói bồng bênh trôi không còn phân biệt đâu là mặt sông đâu là bờ bến.

Tùng vào sinh ra tử đương đầu với các tướng giặc khét tiếng hung bạo từ những năm hai mươi sáu hai mươi bảy tuổi, chưa bao giờ Trần Nhật Duật cảm thấy hồi hộp như lúc này, thượng tướng có cảm giác như Trời - Đất đang tỏ lộ sự giận dữ với kẻ ác, che chở cho người thiện và dường như hồn thiêng sông núi cũng dâng hiện về phù giúp con cháu vững tâm đánh giặc nên mới tạo ra được thời tiết như thế này. Thời tiết này là che mắt giặc.

Thượng tướng chỉnh lại chiếc mũ đầu mâu khâu ghép bằng bốn lần da dê có đuôi phủ kín gáy và nắn lại tấm giáp hộ tâm rồi đứng nghiêm trang mặt ngửa lên Trời vái năm vái, lại cúi xuống Đất vái năm vái và lầm rầm khấn: *“Xin Trời - Đất chứng cho, dân Đại Việt hiếu hòa mà bỗng dưng trong bốn năm giặc Nguyên tàn bạo hai lần xâm lấn gây không biết bao nhiêu tội ác man rợ. Xin Hoàng Thiên - Hậu Thổ phù trợ dân tôi đánh tan loài quỷ hời tanh để giữ yên bờ cõi bảo vệ giống nòi. Xin anh linh các liệt tổ và hồn thiêng sông núi độ cho toàn dân sức mạnh đánh bại kẻ thù!”*.

Đâu đó từng đàn vạc bay ngang trời đánh rơi mấy tiếng kêu thảng thốt, và chốc chốc lại có đàn vịt trời bốc bay phả tiếng đập cánh vào không gian tĩnh lặng. Bỗng tiếng sóng dội âm ào, tiếng vỗ ngựa dập dồn và cả tiếng người nói hòa vào với tiếng sóng nước mỗi

lúc một rõ hơn, to hơn. Thượng tướng biết giặc đang ló khúc đầu vào trận địa ông đã mai phục sẵn. Và giờ khắc đi vào lịch sử của ngã ba sông này đã sắp diễn. Đường như hàng vạn quân sĩ của ông đang nín thở giương cung chờ tiếng pháo lệnh.

Bất chợt một tiếng nổ âm vang như tiếng sấm rồi tiếng chiêng, tiếng trống đồng, tiếng kèn, đồng loạt khua vang tạo thành một sóng âm dồn dập, dồn dập. Và hàng trăm quả pháo thăng thiên rạch bức màn sương trắng xóa soi rõ đoàn thuyền giặc đang ngờ ngàng, nhón nháo và cả đám quân kỵ của giặc ở phía bên kia sông cũng đang lọt vào tầm ngắm của các cung thủ Đại Việt.

Lập tức hàng ngàn mũi tên bụi nhùi bắn chum vào mấy chiếc soái thuyền đi đầu của giặc. Cùng lúc cả trăm chiến thuyền cỡ nhỏ của quân ta đang ẩn nấp ven bờ bãi, ngòi lạch nhất tề xông ra đánh xáp lá cà với thuyền giặc. Mấy chiếc soái thuyền của giặc đang dùng dùng bốc cháy, và có nguy cơ cháy lan sang những chiếc khác; quân chúng đang nháo nhác dập lửa cứu thuyền. Những chiếc đi sau không kịp nên đâm vào nhau, chiếc thì vỡ mũi, chiếc thì thủng mạn và chúng cứ dính bện vào nhau không quay trở được trong khi lửa ở các thuyền bên cứ bốc cháy dùng dùng, và quân Đại Việt từ các thuyền nhỏ cứ nhắm bóng quân giặc loang loáng trước ánh lửa mà phóng tên độc. Giặc chết, đứa nọ ngã chồng lên xác đứa kia chất thành đống. Quân Đại Việt bắc thang dây leo lên thuyền giặc dùng đoản đao lao vào những tên giặc to lớn hơn mà đâm mà xía. Bọn giặc rất sợ sa chân ngã xuống sông nên thường tìm cách né tránh. Quân ta nhảy bổ vào ôm ngang lưng giặc kéo nó ra mạn thuyền vật lộn và tìm cách đẩy cho nó hẫng chân rồi ôm nó lặn tùm xuống nước. Giặc bỏ những thuyền cháy không cứu chữa nữa mà chúng vón lại tựa vào nhau để chống cự. Trong khi đó các loại chiêng trống, kèn, tù và từ phía bờ hữu ngạn cứ âm vang khiến kẻ yếu bóng vía phải đưa tay lên ôm đầu, che tai hoặc đỡ ngực. Chừng nửa giờ sau thuyền giặc dồn về với số lượng đông gấp bội thuyền của quân ta, lúc này giặc đã chấn chỉnh được đội hình, hình thành thế bao vây quân ta. Các thuyền của ta nhỏ hơn nên luồn vào giữa hai khe thuyền của giặc, quây chúng lại từng đám bảy chiếc một mà đánh. Giặc không thể thực hiện được ý đồ của chúng là dùng thuyền lớn với số lượng áp đảo để vây quân ta lại mà bắt sống.

Lúc này các thuyền cháy đã chìm ngấm, quân bộ của ta từ trên bờ lại nhắm vào các thuyền tới sau của giặc mà bắn tên lửa [\[58\]](#). Trong khi hậu quân của giặc bị thiêu cháy thì tiền quân của giặc đã bị quân ta kéo xa về phía ngã ba sông, nơi đó mặt nước mênh mông, quân bộ và quân kỵ của giặc chỉ bó tay đứng nhìn và thỉnh thoảng có chiếc thuyền nào đó tháo chạy về phía bờ tả ngạn thì quân kỵ, quân bộ lăm lăm bảo vệ.

Được dặn dò từ trước, thuyền của quân ta tuyệt nhiên không đuổi theo giặc về phía bờ tả ngạn, cả những người lính khi đã chìm chết giặc ở dưới nước nếu không trở lại thuyền được cũng chỉ lặn hoặc bơi về bờ hữu ngạn.

Quân ta đã kéo giặc đứt thành mấy đoạn, nhưng chúng đều cụm lại với nhau để chống cự.

Khi ta kéo được giặc ra giữa ngã ba sông thì âm thanh trên bộ cứ mỗi lúc một rộ lên khùng khiếp, và khi các tiếng trống đồng, tiếng chiêng vừa ngừng khua thì lập tức có tới cả vạn tiếng hô đồng thanh: “Sát Thát! Sát Thát! S...át...Th...á...t!...” Tiếng “Sát Thát” và tiếng chiêng trống cứ thay nhau làm huyền não cả bầu trời và làm dậy sóng mặt sông. Lại một loạt tiếng nổ rầm trời như tiếng sét và cả ngàn quả pháo thăng thiên phụt lên tạo thành một bầu trời sao phủ kín mặt sông.

Quân ta vẫn áp sát giặc, nhảy lên cả những chiếc thuyền lớn của giặc mà đánh. Nếu giặc tập trung chặn quân ta ở mũi thuyền

thì quân ta lại leo lên từ đằng lái và đánh vào sau lưng nó. Tiếng kim khí chém, bô tóe lửa. Phần nhiều quân ta không đánh những tên đã áp lưng vào khoang thuyền để chống đỡ mà chỉ đánh những tên ở thể công chênh, một là dồn nó ra phía ngoài rồi đâm nó ngã xuống sông, hai là húc đầu vào bụng nó để cùng ngã. Khi thuyền giặc kéo tới với số đông áp đảo, thì tất cả quân ta đều bỏ thuyền nhảy ào xuống sông. Chưa một tên giặc nào dám nhảy theo quân ta. Bởi chúng rất sợ tài bơi lội của người Giao Chi. Chúng thường phao ngôn trong đám quân người Hán rằng: “Quân Giao Chi có thể đi chìm trong nước cả ngày không cần ngoi lên để thở”. Và: “Quân Giao Chi có thể đang chìm đáy thuyền làm đắm thuyền giết chết đối phương trong lúc đang ngủ là chuyện bình thường”... Chính những lời đồn

đại ấy mà giặc sợ quân thủy của ta như sợ thần Hà Bá ^[59].

Đúng lúc hàng ngàn quả pháo thăng thiên vừa vụt tắt thì từ nhiều phía chiến thuyền của quân ta lại xông ra tiếp chiến. Đây là số quân tiếp viện đông tới một vạn, lúc này thượng tướng Trần Nhật Duật mới tung thêm vào trận. Trong số một vạn quân này chia làm hai cánh do các tướng Hà Anh và Lê Thạch tổng quản.

Tướng Lê Thạch dẫn năm ngàn quân trên hai mươi lăm chiến thuyền, lao thẳng vào trung tâm quân giặc với hàng trăm thuyền lớn nhỏ chúng đang quây chum vào nhau ở giữa ngã ba sông để chống đỡ với quân ta.

Đoàn thuyền của Lê Thạch như một mũi khoan nhọn hoắt khiến thuyền giặc phải giãn ra về hai phía tựa như chiếc xích sắt vừa bị đứt tung một mắt.

Tướng quân ta sẽ xông vào cái vòng vây giặc vừa hé cửa, viên hữu thừa A-ruc, tên tướng Mông Cổ đã bị Trần Nhật Duật đánh cho thua liểng xiểng cũng trên khúc sông này mới cách đây bốn năm trước, y hạ lệnh:

- Cứ để cho thuyền Giao Chi lọt vào rồi khép chặt vòng vây bắt sống.

Lê Thạch không những không bị giặc lừa mà ông cho quân đánh ráo riết khúc đầu khi giặc vừa tò ra. Với tất cả các thứ khí giới lợi hại như hỏa tiễn (pháo sáng) bắn lên để soi tìm giặc, rồi hàng loạt tên mũi nhọn bắn vào một điểm cho thuyền giặc bốc cháy. Chỉ cần một hai thuyền giặc bốc cháy là đủ ánh sáng để quân ta dùng nỏ liên châu vãi tên về phía quân giặc. Không một bóng quân nào của giặc thấp thoáng bên ánh lửa mà không nhận được một vài mũi tên tẩm độc.

Trong khi tướng Lê Thạch và quân sĩ của ông đang gan góc quyết chiến với giặc thì tướng Hà Anh cùng năm ngàn quân và hai mươi lăm chiến thuyền lại chọc thẳng vào sườn bên hữu của giặc buộc chúng phải giãn ra để thủ hiểm. Và như vậy cả hai tướng đã tháo tung chiếc xích khổng lồ của giặc ra và hai tướng đang quây khoảng năm sáu chục chiến thuyền của giặc lại mà tiêu diệt.

Đô tướng Nguyễn Khoái cỡi trên một chiếc thuyền nhỏ xông xáo chỉ huy quân đánh địch và giữ liên hệ chặt chẽ với thượng tướng Chiêu Văn vương.

Cùng với số quân tiếp ứng, hai vạn quân đã dàn trận từ trước vẫn đang bám sát giặc mà đánh. Nhiều chiến thuyền lớn của giặc đã bị quân ta đột nhập đánh giết toi bời, giặc phải dồn tụ về phía khoang lái, chúng tựa lưng vào vách thuyền, tựa lưng vào nhau chìa giáo nhọn ra bốn phía để chống đỡ.

Quân ta ném hỏa hổ vào, giặc hoảng loạn hú hét như cả bầy chó ngao bị sa bẫy. Đứa nào liều lĩnh xông ra liền bị đao sắc của quân ta chém bay đầu. Và ngay lập tức quân ta lung sục những gì có thể cháy đem chất đồng xung quanh khoang thuyền phóng lửa đốt và lùi xa về phía mũi thuyền, nó liên châu đã giương lên, giặc chạy ra sẽ không một đứa nào thoát chết.

Lửa bốc loang loáng, cháy trùm lên khoang lái và đang cháy lan về phía mũi thuyền. Quân ta nhất loạt nhảy ùm xuống nước, bỏ mặc hàng trăm xác giặc với chiến thuyền mang hiệu cờ Đại Nguyên chìm dần như một chiếc quan tài không nắp đậy.

Vừa khai chiến, quân ta đánh đòn phủ đầu rất gấp, khiến giặc trở tay không kịp, quân lính hoảng loạn lại không quen thạo sông nước nên chúng bị tiêu diệt khá nhiều. Có tới cả chục chiến thuyền giặc bị quân ta ép sát vào bờ hữu ngạn, số thuyền này phần lớn quân giặc bị giết, số còn lại bị bắt sống, thuyền bị đánh chìm xuống đáy sông.

Trong khi đó phía bên tả ngạn đám quân kỵ của giặc cứ xa dần với quân thủy vì mặt sông lúc này trở nên bát ngát, bầu trời vẫn mờ mịt như bị bịt mắt khiến các tướng giặc như A-tai, Mang-khu-đai những danh tướng lẫy lừng, tay chân thân tín của Hốt-tát-liệt được phái đi trợ giúp cho Thoát-hoan mà bây giờ phải bất lực lắng nghe tiếng giao chiến trên mặt sông và không biết quân mình thắng thua thế nào. Tiếng trống khua, tiếng kèn thúc, tiếng hô “Sát Thát” từ bên kia sông dội sang như những lời thóa mạ thách thức của quân Đại Việt khiến những tên tướng Mông Cổ hung hãn và cả đám quân kỵ hung hăng kia tức đến vỡ mật.

Tướng giặc Mang-khu-đai cho quân đi sát mép sông lắng nghe động tĩnh, sẵn sàng dây thừng, thông lọng để ứng cứu cho đám quân thủy khi cần.

Mang-khu-đai và A-tai thả lỏng cương cho ngựa đi nước kiệu dọc theo hàng quân mà lòng đầy bức bối. Vì rằng quân khỏe, ngựa tốt gặp khi giao tranh thì lại thúc thủ như lũ gà què.

Mang-khu-đai cho ngựa đi song hành với A-tai, y nói với về bức giận:

- Quân Giao Chi giáo quyết, chúng chọn đúng lúc trời mù sương và giữa mặt sông lớn để chặn đánh quân ta khiến kỵ đội thiện chiến của ta trở nên vô dụng. Nếu giữa ban ngày trời quang mây tạnh nơi đồng ruộng ráo khô, ta thế sẽ giết hết bọn chúng không cho một đứa nào được sống. Nếu bất được Trần Nhật Duật ta phải mổ bụng xem gan mật nó to đến mức nào mà dám chống lại thiên binh, kháng mệnh thiên triều.

Quân ta đang ham đánh, nhưng Trần Nhật Duật biết ta chỉ có thể làm tiêu hao chứ chưa thể tiêu diệt được toàn bộ quân giặc trong trận đầu đầu sức này. Và trận đánh đã kéo từ đầu giờ tí nay cũng tới nửa giờ sùu rồi, ông hạ lệnh thu quân.

Tướng giặc vào loại tinh tường xảo quyết, khi nghe hiệu trống, hiệu kèn hơi khác, chúng nghi là đối phương có thể lui binh hoặc sẽ thêm quân đánh lớn hơn nữa. A-ruc ngầm sai các đô tướng phải bủa vây đón lõng chờ khi thuyền quân Giao Chi tháo chạy thì chặn bắt lấy.

Thấy phía thuyền giặc chuyển dịch khác thường, Trần Nhật Duật sai hơn ba chục chiến thuyền nhỏ, mỗi thuyền chỉ để khoảng mười tay chèo lái giỏi xông thẳng vào giữa trung quân của chúng. Trong khi đó thì kèn, trống lại thúc inh ỏi như thể hiệu lệnh tiến công

và tiếng hô: Sát Thát! Sát Thát! lại dội vào tai giặc như những mũi tên tẩm độc.

Quả nhiên đội thuyền nhỏ của quân ta đã hút được giặc về gần bờ tả ngạn. Và khi giặc khép chặt vòng vây đồn quân ta lại cũng là lúc hầu hết các cánh quân của ta đã rút về các ngã sông được quy ước từ trước giờ xuất quân.

Lúc này hơn ba chục chiến thuyền nhỏ của ta đã kéo được vòng vây giặc về gần bờ sông phía tả ngạn. Và một tiếng hô “Sát Thát” cực lớn vang lên cũng là lúc các chiến binh của ta biết hiệu lệnh: Bỏ thuyền! và ai nấy nhanh như rái cá lặn lẽ bám lấy mạn thuyền rồi khẽ tụt xuống lòng sông lặn về bờ hữu ngạn, bỏ lại mấy chục xác thuyền không. Đúng lúc đó, các tướng Lê Thạch, Hà Anh nhô đầu lên quan sát quang cảnh trận địa không ngờ giặc đã rình rập và từ đâu đó hai chiếc thòng lọng chụp xuống quăng đúng cổ và hai ông bị quân Mông Cổ bắt sống.

Chụp thòng lọng là ngón đòn sở trường của đám kỵ binh Mông Cổ đã được Hưng Đạo dạy cách tránh rất kỹ trong “Bình thư yếu lược”. Vậy mà hai viên đô tướng lại là nạn nhân đầu tiên, mặc dù hai ông đã chỉ huy quân sĩ đánh giặc hết sức kiên cường và dũng cảm đảm bảo thắng lợi trọn vẹn cho tới khi lui quân...

Trời đổ mưa nặng hạt rồi tạnh hẳn. Mặt trời lên rụt rè chiếu xuống ngã ba sông ngồn ngang thuyền đắm và các cột buồm lúc lắc như những kẻ chết đuối giơ bàn tay lên kêu cứu một cách tuyệt vọng.

Ngã ba sông rộng là thế mà phủ kín những mảnh ván thuyền, sập thuyền, mũi thuyền cùng những lá buồm còn bám với cột cứ đập dềnh trên mặt nước, kể cả những xác giặc cộn lại thành bè bu bám quanh xác những con thuyền chìm. Và trên trời lũ quạ đen đã kéo về từng bầy lượn lờ trên đồng xác chết rồi chúng sà xuống đậu trên các cột buồm thả ra những tiếng kêu “quà”, “quà” như tiếng reo vui.

Các tướng Nguyên nhìn chiến trường ngồn ngang thuyền đắm và xác chết lòng đầy ngao ngán, và dường như chúng còn chưa hết hoài nghi về những gì đã diễn ra trong đêm qua. Mang-khu-đai buột miệng:

- Đúng là một cơn ác mộng!

X

Bọn Lê Tắc, Nguyễn Linh ở lại Tư Minh nghe đại quân của Thoát-hoan đã qua cửa ải Nội Bàng vào chiếm Vạn Kiếp, Hưng Đạo cùng quân Trần không cự nổi phải trốn tránh vào rừng. Lê Tắc nóng lòng muốn về nước để tham dự việc tái lập triều đình do Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc đã được Hốt-tát-liệt thiên tử nhà Đại Nguyên phong làm An Nam quốc vương.

Đội quân sau rút vào Đại Việt tập hợp các quân ốm yếu mới khỏi, quân bị lạc gồm năm ngàn tên do Hầu đồ sự, Đạt vạn hộ, Tiêu vạn hộ và Thiêm sự Lê Yên cầm đầu. Lê Yên còn được Chiêu Quốc vương ủy thác con nhỏ là Trần Dục mới chín tuổi, tước Đại Thúc hầu về nước.

Đám quân vét này được trang bị đầy đủ khí giới, lại thêm hai trăm quân kỵ hộ tống và vài chục ngựa thồ đi theo lũ lượt qua biên ải như đi vào chỗ không người nên chúng càng dương dương tự đắc. Lê Tắc rất tin vào sự toàn thắng của đại quân thiên triều. Vì rằng Tắc đã tận mắt thấy đất nước Trung Hoa bao la, của nả vô số kể mà người tài đâu có thiếu. Nhưng nhà đại Tổng cuối cùng bị người Mông Cổ thống trị. Lại như ngày còn ở Thăng Long, tức là trước khi có cuộc xâm lăng của Trần Nam vương Thoát-hoan năm Ất Dậu, Lê Tắc từng giao du với Tăng Uyên Tử, Chu Khởi là những cự thần của nhà vong Tổng sang Đại Việt tá túc, họ đều khâm phục sức mạnh của người Mông Cổ, kíp khi quân Nguyên sang đánh Đại Việt, họ đều ra hàng người Nguyên và xin được hồi quốc. Lại như Đại Việt sau khi đã gồng mình chống trả đại quân trong trận chiến năm Ất Dậu, xem ra đã kiệt sức. Cho nên lần này sự nghiệp chinh phục của Trần Nam vương chắc sẽ sớm viên thành mà ngôi nước đưa về cho Chiêu Quốc vương đã được thiên triều an bài như là một thiên mệnh. Và lại nếu việc lập quốc sớm thành tựu sao ta chẳng có một chân trong triều chính, vì rằng ta cũng là người có công cùng với Trần Kiện đem cả vạn quân binh ra đầu hàng nguyên soái Toa-đô khiến thế cuộc của vua Trần và Hưng Đạo trở nên chung chiêng nghiêng đảo. Và sau Trần Kiện là Trần Ích Tắc ra hàng kéo theo không biết bao nhiêu người trong hoàng gia, hoàng tộc như Trần Tú Hoãn, Trần Lộng và cả mấy vạn quân và nhiều người khác cùng theo nhau ra hàng.

Vừa đi đường Lê Tắc vừa nghĩ đến một ngày mai tươi đẹp cùng hưởng phú quý với Chiêu Quốc vương. Nhưng cái hận mất vợ mất con trên đường sang châu thượng quốc thời không bao giờ có thể nguôi quên. Mai đây khi mọi việc đã yên ổn, ta phải tra xét cái trận thánhtư năm Ất Dậu kẻ nào đã cầm quân phục đánh Minh-lý Tích-ban trên ải Chi Lăng, ngăn cản những người có chí ra hàng và đang trên đường sang Bắc quốc để vào Đại đô châu thiên tử. Trận ấy Trần Kiện đã bị bắn chết trên mình ngựa, ta phải ôm xác ông ta chạy mấy chục dặm về tới Khâu Ôn mới dừng lại mai táng.

Đoàn quân năm ngàn người qua ải Nam Quan vào Lạng Châu, lại qua ải Chi Lăng mọi sự đều yên ổn, không một bóng quân Nam nào lớn vồn kháng cự, Lê Tắc và cả bọn Thiêm sự Lê Yên cùng Tiêu vạn hộ, Đạt vạn hộ cứ ung dung ngày đi đêm nghỉ tựa như một cuộc viễn hành du ngoạn. Trên đường đi họ đàm đạo đủ thứ từ văn chương, lịch sử đến phong cảnh và cả sản vật nữa.

Khi nghe Lê Tắc nói về phong cảnh nước Nam hùng vĩ, sản vật trân quý như trầm hương, đồi mồi rồi mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ đồng... không thiếu một thứ gì và nhiều vô kể, bọn Vạn hộ vô cùng thích thú và trong tâm can chúng lòng tham đã khởi.

Đêm ấy, cái đêm hai mươi tám tháng chạp, năm hết tết đến, ai nấy đều chộn rộn ở trong lòng mong sớm đến đại bản doanh của Trần Nam vương ở Vạn Kiếp vừa ra mắt ngài vừa chúc một năm mới đại thắng. Và nhận bát rượu lộc đầu xuân do ngài ban tặng.

Sớm dậy trà nước xong, ăn sáng rồi cả đoàn quân thung dung tiến vào ái Nội Bàng.

Hầu đô sự và một trăm quân kỵ dẫn đầu cùng với hai ngàn quân bộ. Đạt vạn hộ, Tiêu vạn hộ coi ba ngàn quân đoạn hậu cùng với một trăm quân kỵ. Thêm sự Lê Yên cho cậu bé Trần Dục con của Trần Ích Tắc ngồi sau lưng ngựa có Lê Tắc đi cùng, mấy ngựa này đi vào giữa đoàn quân vừa bảo vệ cho Dục vừa gần Lê Tắc để còn hỏi han đường sá và các việc khi cần.

Nội Bàng là ái quan trọng, nó là tiền đồn của Vạn Kiếp, nay đại quân đã chiếm đóng Vạn Kiếp, Nội Bàng coi như bỏ ngõ. Vì vậy Hầu đô sự cứ cho quân đi nhân nha để giữ sức quân. Các kỵ binh đi nước kiệu, quân cung thủ thì tên bó lại nhét chặt vào giỏ đi cho đỡ xóc. Dọc đường quân lính còn nghênh ngang nhìn cảnh vật, nghe tiếng chim “bắt cô trời cột” hót lạ tai. Lạ nữa là mùa đông giá rét mà cây cối vẫn tươi xanh, bốn bề có tiếng nước chảy từ trong các khe lạch dồn về suối lớn. Thỉnh thoảng quân lại phải cởi giày lội suối. Nước suối trong vắt, chỗ sâu nhất chỉ tới đầu gối nhưng nước lạnh buốt hơn băng, quân lính thấy đều rùng mình. Qua bên kia bờ suối có đừa nhìn xuống hai ông chân kiểp sợ kêu lên: “Rụng hết lông chân rồi!”. Cả bọn đều cúi nhìn xuống đôi chân và hết thấy mặt chúng đều tái mét vì sợ hãi. Từ đó không còn nghe thấy tiếng cười nói nữa chỉ nghe thấy những hơi thở bên tai và bước chân rậm rịch.

Đám quân kỵ vẫn ung dung thả nước kiệu đi mờ đường. Quân kỵ vừa đi vừa phải đợi quân bộ theo sau. Lại một con suối nữa chắn đường đi, lũ ngựa vừa lội qua suối còn đang đứng ngón ngang trên bãi đá ven rừng. Hầu đô sự ra roi dấn lên vài bước ngựa để ngó đường, bỗng nhiên một tiếng nổ xé trời như tiếng sét đánh và hàng loạt tên từ mọi phía đổ dồn vào đám kỵ binh. Tướng Hầu đô sự là kẻ ngã ngựa đầu tiên. Và đám quân kỵ cả người lẫn ngựa cứ theo nhau đổ lăn trên bãi đá, những đứa còn sống hốt hoảng quay đầu ngựa chạy trở lại đâm bổ vào lũ quân bộ, nhiều đứa bị ngựa giẫm què kêu khóc thảm thiết.

Rắn đã mất đầu, đám quân đi sau tháo chạy hỗn loạn, nhưng tất cả các nẻo đường đều đã bị quân ta bịt kín.

Quân giặc vừa bị chặn đầu vừa bị khóa đuôi nên không có lối thoát.

Đạt vạn hộ, Tiêu vạn hộ và Thêm sự Lê Yên cùng hỏi Lê Tắc:

- Nguy tai! Nguy tai! Tình sao đây tiên sinh?

Lê Tắc lắc đầu đáp:

- Vô kế khả thi. Bất ngờ! Quá bất ngờ bởi không ai tính đến nước cờ này. Hưng Đạo quả là bậc tướng lão luyện kỳ tài.

- Quân Giao Chỉ thật lợi hại khó lường. - Đạt vạn hộ nói.

- Đúng là bọn Giao Chi quý quyết. - Tiêu vạn hộ nói. Nhưng phải làm cách nào thoát ra khỏi vòng vây chứ ở đây chờ chúng nó tới bắt trời làm tù binh sao?

Cậu bé Trần Dục mặt tái mét ôm chặt lấy Lê Yến miệng lắp bắp: “Thúc thúc, cháu sợ lắm. Cha cháu ở đâu?”.

Thiêm sự Lê Yến ngoái tay lại phía sau vỗ vỗ vào vai đứa bé nói:

- Không sợ! Không sợ, đã có các chú với cả năm ngàn quân che chắn cho cháu. Cha cháu hiện đang ở đại bản doanh của Trần Nam vương cách đây năm, sáu chục dặm thôi. Nay mai vào Thăng Long cha cháu lên ngôi, cháu ở cung hoàng tử có quân cấm vệ canh phòng không kẻ nào dám đụng đến cháu.

- Quân Việt đánh rất quá, làm thế nào thoát khỏi trùng vây? Chẳng lẽ tiên sinh quê quán ở đây mà không thuộc đường sao? - Lê Yến gắng hỏi.

Lê Tắc ghé sát Thiêm sự Lê Yến nói nhỏ vào tai:

- Có đường hẻm có thể thoát ra, nhưng phải chờ đêm xuống, và cũng chỉ có thể đem theo được vài chục người thôi, nếu tham mà dắt díu nhau thì không một ai thoát được đâu. Tôi biết quân Đại Việt thường tránh mạnh đánh yếu, đánh vào chỗ không ai ngờ tới.

- Tôi sẽ mật bàn với Đạt vạn hộ, Tiêu vạn hộ để rì tai một số người thôi. - Lê Yến đáp.

- Nhưng phải kháng cự được tới lúc trời nhập nhoạng, trước khi quân Đại Việt xộc vào đây.

Lê Yến gật đầu nói khẽ:

- Chắc được, bây giờ đã cuối giờ thân rồi. Nói xong Yến b上马 đến chỗ Tiêu vạn hộ, Đạt vạn hộ.

Trời vừa nhá nhem, Lê Tắc lấy la bàn ra định phương hướng chờ đêm xuống. Lúc này quân Đại Việt lại im ắng, không nổi kèn trống, không đốt đuốc truy đuổi, chắc họ phục tại những nơi quân Nguyên có thể mở đường máu thoát ra.

Quân Nguyên phải kháng cự suốt một ngày vừa mệt mỏi, đói khát, tới lúc này đã chết tới quá nửa, tinh thần binh lính rệu rã. Trong khi đó các tướng đã chọn ra khoảng gần một trăm quân kỳ khỏe mạnh, cung tên, đao, kiếm sẵn sàng, nói là để mở đường máu gọi viện binh đến cứu.

Khi đã lừa được hàng ngàn quân ở lại, Lê Tắc dẫn các tướng cùng đoàn quân chạy trốn lượn rừng đi về hướng đông bắc.

Cắt ngang cánh rừng để tìm đường sống tức là phải len lách giữa những cây đại thụ chen chúc với cây gai, dây cuốn chẳng chịt, người, ngựa xiết bao cực nhọc. Nhiều chỗ phải dắt ngựa lấy sức nó mà mở đường cho người lượn chui theo sau. Gần nửa đêm ra khỏi rừng được vài chục dặm đã có quân đuổi theo, tiếng hô “Sát Thát!” vang khắp núi rừng cứ vọng mãi vào vách núi, thành hang rồi dội lại, cái âm thanh ấy cũng như góp phần vào sự truy đuổi, khiến kẻ chạy trốn thêm bàng hoàng, khiếp nhược.

Lê Tắc dẫn lũ giặc trốn chạy không dám ngoái đầu lại, khi hoàn hồn không thấy đồng bọn. Tắc hốt hoảng quay lại tìm thì thấy một đám người, ngựa xơ xác quần áo rách bươm, không một đứa nào trên đầu còn mũ và mặt thì gai cào xây xước vết máu còn tụ bầm tím dọc ngang như lũ tội đồ bị rạch mặt.

Thêm sự phán phủ Lê Yến lê lét trên con ngựa gầy lại kèm thêm cậu bé chín tuổi tước Đại Thúc hầu, con của Trần Ích Tắc ký thác cho Yến đem về nước. Thăng bé sợ hãi bạc cả mặt. Kiểm lại, đoàn người chạy trốn đã bị quân Đại Việt cắt đuôi tiêu diệt mất quá một phần ba, số còn lại chưa quá sáu chục tên.

Nhìn Lê Yến cười con ngựa gầy cứ tụt lại phía sau, Tắc động lòng trắc ẩn nói với giọng xúc động:

- Thêm sự dễ tôi chờ giùm Đại Thúc hầu kéo ngựa của ngài yếu quá, sợ lại gặp giặc đón đường nữa thì khó cho ngài.

Lê Yến vái Lê Tắc một vái rồi nói với giọng xúc động:

- Đa tạ hảo ý của tiên sinh, nhưng tôi không thể rời công tử được, bởi đức ông Chiêu Quốc vương đã có nhờ ủy thác.

Lê Tắc tự nghĩ: Con người này quả là nghĩa hiệp, trọng tín, gian nguy cũng không đổi dạ, thật đáng trọng.

Nghĩ vậy Lê Tắc bèn xuống ngựa vái Thêm sự Lê Yến một vái và nói:

- Nếu ngài muốn thật lòng bảo vệ công tử xin ngài vui lòng đổi ngựa cho tôi. Nói xong Lê Tắc trao dây cương con ngựa khỏe mình đang cưỡi đặt vào tay Lê Yến.

Lê Yến vội xuống ngựa sụp lạy hai lạy rồi ẵm cậu bé sang yên cương con ngựa mà Lê Tắc vừa trao.

Mọi việc diễn ra trong chớp mắt. Vừa lên ngựa ra roi xông lên trước hàng quân, Lê Tắc giục:

- Các vị mau theo tôi. Tình thế chưa an đâu, phải qua biên ải mới coi là thoát nạn. Rồi Tắc quát roi vào vai con ngựa gầy vút đi.

Đoàn quân thất trận nối đuôi nhau chạy trốn nom tiêu tụy như một lũ ăn mỳ, lê những bước chân mỗi một đến gần biên thù, gặp ngay quân phục của Đại Việt đã chờ sẵn. Đâu đó vang lên tiếng quát:

- Quân giặc muốn sống xuống ngựa nộp khí giới đầu hàng!

Lê Tắc vội ngoắt ngựa chạy qua nẻo đường tắt luôn rừng về được bên kia biên ải, nhưng những kẻ ở cuối đoàn quân đều phải nộp mạng.

Tính ra bọn Lê Tắc đến ải Nội Bàng vào ngày hai mươi tám tháng chạp, chúng bị quân Đại Việt đánh cho tơi tả, hơn năm ngàn quân khi về tới Tư Minh là chiều tối mừng hai tết còn được hơn năm chục đứa. Chúng nhìn nhau ngơ ngác như mới từ cõi chết trở về, tất cả lũ chúng đều sụp lạy Lê Tắc và nói:

- Ôn cứu tử không biết lấy chi đền đáp, xin ông nhận ở chúng tôi mỗi người ba lạy.

Lê Tắc cảm động rung rung nước mắt lại một lần đáp lễ:

- Suốt mấy trăm dặm đường trường chỉ cắm đầu chạy chưa một lần dám ngoái đầu lại, cũng không hiểu tại sao trong lúc muôn chết tôi lại chạy vào sinh địa, lúc ấy là cứ chạy thôi chứ đâu có nhận biết được đường sinh đường tử, âu cũng do mệnh Trời cả; do Trời điều hành cả chứ mình sao tính được.

- Đúng thế! Đạt vạn hộ nói.

- Có trời nhưng cũng phải có ông dẫn lối đưa đường chứ cứ như lũ chúng tôi sao mà thoát hiểm được. – Tiêu vạn hộ nói thêm.

Sớm mồng ba tết năm Mậu Tý (1288) lũ Tiêu vạn hộ, Đạt vạn hộ và Thiêm sự phán phủ Lê Yển nhờ viên quan biên trấn Triệu Tu làm giúp một mâm cơm thịnh soạn khoản đãi Lê Tắc.

Trước khi vào tiệc, cả hai viên vạn hộ đều nói:

- Nhờ có ông sáng suốt dẫn chúng tôi chạy ra cửa ải may còn được sống đến hôm nay, coi như chúng tôi được sinh ra một lần nữa, công của ông lớn lắm, chúng tôi nguyện khắc cốt ghi tâm. Nếu gọi là trả ơn chẳng hóa chúng tôi vô ơn, gọi là một chút lễ mọn, mong ông thu nhận. Nói xong, họ đem ra mấy tấm gấm và lụa quý. Lê Tắc đều từ chối không nhận.

Lê Tắc bắn khoản giấy lát rồi nói:

- Dù tôi đã quy thuận thiên triều, và thiên tử đã mong ân, nhưng gốc tôi vẫn là người Đại Việt. Người Đại Việt bẩm tính nhu hòa, hiếu thiện và rất tự tôn, lại thủy chung như nhất, nên gặp gian nguy không bao giờ bỏ bạn. Các ông chẳng thấy năm Ất Dậu tướng Minh-lý Tích-ban dẫn chúng tôi vào châu thiên tử, khi qua ải Chi Lăng bị quân Việt đuổi đánh, số người tòng vong chết đến quá nửa, chủ tôi là Hoài vương Trần Kiện bị bắn chết trên mình ngựa, tôi đã vác xác ông về tới Tư Minh mới dừng lại an táng. Việc gặp nguy khốn năm nay với năm trước, tôi hành xử như lễ thường hằng, mong các ông đừng quá bận tâm về việc nhỏ đó làm gì, điều hệ trọng nhất là chúng ta còn được sống và hãy sống tốt với nhau.

- Quả thực ông là một người cao thượng, chúng tôi không theo kịp. Cả hai vị vạn hộ đều nói.

Quan Thiêm sự phán phủ Lê Yển sửa lại áo mũ chỉnh tề dẫn Đại Thúc hầu Trần Dục tay cầm ngọc ti, đầu đội mũ tể đẳng ^[60] có khảm ngọc đến tạ ơn, Lê Tắc đều khước từ.

Lê Yển bèn quỳ xuống nói:

- Nếu không vì tấm lòng nghĩa hiệp mà ông đổi ngựa cho thì tôi với vị hoàng tử này sao còn có hôm nay. Đúng là ông đã sinh ra tôi lần thứ hai, tôi tuy hơn ông bảy tuổi nhưng cho phép tôi được nhận ông là cha và xin dâng ông một hạt hoàng kê thạch này và hai tấm vải của xứ Cao Ly gọi là một vật nhỏ trong lễ tạ ơn.

- Việc xưng hô là tùy tâm ông, tôi không dám nhận cũng không dám từ, còn như các vật kia ông nên giữ lấy. Bình sinh tôi ham

sống nên không dám giữ vật quý bên mình, mong ông hiểu giùm cho. Lê Tắc cố từ, không nhận của ai một vật gì.

Lũ người bại trận này không dám tiếp tục vào Đại Việt, cũng không dám trở lại Yên Kinh mà cứ nằm lại Tư Minh chờ chiến cuộc. Nếu Thoát-hoan chiến thắng thì việc vào Đại Việt chẳng có khó khăn gì, nếu Thoát-hoan bại ắt phải chạy về nước theo con đường này, lúc ấy đều là quân bại trận cả, chẳng còn ai xét đến tội lỗi nữa mà phải lo.

Lúc này đại bản doanh của Thoát-hoan đã trụ vững cả một vùng rộng lớn mà Vạn Kiếp là trung tâm. Đóng quân tại Vạn Kiếp, Thoát-hoan kiểm soát con đường thủy huyết mạch của Đại Việt. Nó đảm bảo việc nối liền với chính quốc bằng sông Bạch Đằng ra cửa

An Bang ^[61] hoặc cửa Đại Bàng để ra biển. Đây là con đường tiến, thoái vừa thuận tiện vừa lợi hại vào bậc nhất. Ngược lên sông Bình Giang có thể lấy viện binh từ trong nước qua ải Nội Bàng xuôi về Vạn Kiếp. Còn như lấy sông Thiên Đức có thể kéo một mạch về tới

Thăng Long, lại từ Thăng Long xuôi Long Hưng, Thiên Trường ^[62] mà ra cửa Hải Thị. Lại từ cửa Hải Thị mà ra biển rồi vòng về Tháp Sơn, Vân Đồn qua sông Bạch Đằng ngược về Vạn Kiếp.

Thoát-hoan tỏ vẻ hài lòng vì lần này y quyết giữ Vạn Kiếp làm căn cứ huyết mạch, hơn nữa việc chiếm Vạn Kiếp lần này hao tổn máu xương binh sĩ không đáng kể. Đúng là Giao Chỉ đã kiệt sức qua cuộc chiến năm Ất Dậu vì thế Hưng Đạo phải bỏ địa bàn trọng yếu này mà chạy. Kiểm lại, các tướng đã về hội dưới trướng khá đầy đủ. Viên phó tướng Áo-lỗ-xích hùm sói được Thoát-hoan luôn giữ bên mình. Còn các tướng khác dẫn quân vào các đường khác nhau như tả thừa Mang-khu-đai và các chư vương A-ruc, A-tai từ Vân Nam tiến về Bạch Hạc cũng khá chật vật, tổn thất không nhỏ. Lại như Bôn-kha-đa, Trịnh Bằng Phi đi nẻo Vĩnh Bình, Chi Lăng bị quân Giao Chỉ cản phá quyết liệt, đánh nhau tới gần hai chục trận mới cướp được đường về Vạn Kiếp. Bên cạnh Thoát-hoan còn có Lưu Thế Anh bị Hưng Đạo đánh bật ra khỏi căn cứ A Lỗ năm trước cùng nhiều tướng tâm phúc khác.

Thoát-hoan hơi ngạc nhiên, lần này y cầm quân vào Giao Chỉ vẫn đi theo đường cũ mà gần như không gặp một trở ngại nào đáng kể. Quả là Hưng Đạo kiệt sức nên không dám đối đầu với ta nữa. Thoát-hoan đang nóng lòng chờ đợi quân thủy hùng mạnh của tham tri chính sự Ô-mã-nhi bạt đô và tham tri chính sự Phàn Tiếp về hội là sẽ tung quân đi chiếm Thăng Long, Thiên Trường. Tuy nhiên, Thoát-hoan không thể không trông ngóng Trương Văn Hổ, bởi quân hùng tướng mạnh mà không có lương thực cũng trở nên vô dụng.

Lại nói về Ô-mã-nhi sau khi nhận mệnh lệnh của Thoát-hoan bèn lên đường tới Khâm Châu. Điểm quân xong, Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp dẫn đầu, các tướng Ô Vỹ, Trương Ngọc, Lưu Khuê lĩnh hơn hai vạn quân đoạn hậu. Đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ đi giữa. Hơn sáu trăm chiến thuyền với gần một trăm thuyền chở lương to vào hàng bố đại công kênh. Thuyền nào thuyền ấy đều kéo cả buồm mũi buồm lái, và thuyền nào cũng treo lá cờ Đại Nguyên trên đỉnh cột buồm gió đánh phàn phật.

Buồm giương, cờ xí, quân reo, trống thúc khí thế ngút trời. Đoàn hải binh rời bến vào một ngày đẹp trời khoảng trung tuần tháng một (tháng 11) năm Đinh Hợi (tháng 12-1287) nhằm vào hướng Đại Việt. Cuối năm gió mùa đông bắc thổi mạnh, buồm nào cũng no gió căng phồng kéo thuyền đi bằng băng.

Sau ba ngày lênh đênh trên biển, toán đi đầu đã vào tới đầu châu Vạn Ninh. Ô-mã-nhi rất sốt ruột vừa đi vừa phải chờ đoàn

quân tải lương. Các tướng Lưu Khuê, Trương Ngọc đi đoạn hậu cũng lấy làm sốt ruột.

Khi chiến thuyền của Ô-mã-nhi hùng hổ kéo qua mũi Ngọc Sơn, quân ta do tướng Trần Đa đã phục quân đánh rất quyết liệt. Giặc cạy sỏ đông quây thuyền lại đánh. Bên ta dùng nỏ liên châu, máy bắn đá gây cho giặc tổn thương không đáng kể. Trời đã sâm sầm chiều, giặc cướp được đường đi và chúng lái thuyền xa mép nước ngoài tầm bắn của cung nỏ.

Nhân Đức hầu Trần Đa đã được thượng tướng Trần Khánh Dư giao phó nhiệm vụ và căn dặn rất kỹ:

- Tướng quân phải đánh như thế nào cho giặc thấy quân ta tuy gan góc chống cự, nhưng rất yếu không đủ lực cản giặc. Phải nuôi cho tính kiêu căng của giặc phát triển đến cao độ, khiến đi tới đâu giặc cũng coi thường quân ta. Và chỉ được đánh một trận đầu rồi thả cho giặc đi. Nhiệm vụ của tướng quân chỉ có thế, tôi nghiêm cấm không được chặn đánh giặc dọc đường chúng dẫn quân và lương từ Vạn Ninh về đến Vân Đồn. Sau trận đánh, tướng quân dẫn quân về nơi đã quy ước.

Thừa thắng Ô-mã-nhi cho quân thẳng tiến. Dọc đường đi không gặp một cản ngại nào do quân Đại Việt gây ra. Gió lộng, buồm căng, đoàn chiến thuyền tựa như đoàn kỵ mã đang sai vó trên sa mạc. Đứng trên mũi thuyền, Ô-mã-nhi cười sảng sặc rồi quay nói với viên phó tướng:

- Phán tướng quân, ta nhớ trận Chương Dương mấy năm trước quân Giao Chi đã dồn ta vào cửa tử, may ta cướp được chiếc thuyền nhỏ chạy ra biển mới thoát. Lần này vào Giao Chi, ta cảm như vào chỗ không người, ông có biết vì sao không?

Phản Tiếp ngửa mặt nhìn bầu trời xanh cao vút, mặt biển mênh mông, đoàn chiến thuyền băng băng rẽ nước tưởng không một sức mạnh nào cản nổi, lòng đầy tự hào, viên tham tri chính sự đáp:

- Tôi chắc cuộc chinh phạt của đại quân thiên triều năm Ất Dậu mới đây, Giao Chi đem toàn lực ra chống đỡ khiến nước nó kiệt quệ, binh nó rệu rã. Cứ xem trận vừa rồi nó phục đánh quân ta ở mũi Ngọc Sơn, có khác nào đám con nít chơi trò đánh trận tại một góc sân hẹp.

- Chính thế! Ô-mã-nhi đáp, vì vậy lần này ta quyết bắt bằng được Hưng Đạo về dâng thiên tử. Thiên tử từng nói ngài muốn biết gan của Hưng Đạo to như thế nào mà dám kháng mệnh thiên triều.

- Phải, chỉ có bắt được Hưng Đạo mới diệt được mầm phản loạn tại Giao Chi. Như sự nhớ ra việc gì hệ trọng, Phản Tiếp liền hỏi:

- Bẩm chủ tướng, quân ta đi quá xa đoàn thuyền tải lương, nếu quân Giao Chi tập kích thì nguy lắm.

Nghe Phản Tiếp hỏi, Ô-mã-nhi cười rung cả hàng ria mép, đoạn ông ta nói với về đầy kiêu hãnh:

- Quân Giao Chi coi như đã chết, chẳng việc gì phải bận tâm, biển Nam Hải khác chi ao nhà của ta, tướng quân còn phải lo gì nữa. Còn thuyền lương ư? Với năm ngàn quân tinh nhuệ đi theo, Trương Văn Hổ thừa sức tự bảo vệ mình. Và chẳng, ông có biết, cha con Trương Văn Hổ vốn là kẻ đàn anh trong nghề cướp biển, thiên tử dụ mãi y mới chịu về hàng, thế thì nó tha cướp của người khác chứ còn ai cướp được của nó. Hơn nữa còn có bọn Lưu Khuê, Trương Ngọc, Ô Vỹ với hơn hai vạn quân đoạn hậu lo gì.

Lại nói bọn Lưu Khuê, Trương Ngọc dẫn quân đi sau đoàn thuyền tải lương chậm rì rì mà phía trước đoàn chiến thuyền của Ô-mã-nhi đã khuất dạng từ lâu. Các tướng đều nóng lòng đến hội quân tại Vạn Kiếp như nhờ Trần Nam vương căn dặn. Lo đến trễ sẽ lỡ việc lớn mà mang tội, Lưu Khuê liền bàn với hai tướng Ô Vũ, Trương Ngọc:

- Mấy hôm nay ta đi đều thuận gió, thuận thì tiết mà yên tĩnh như đi trong ao làng vậy. Ta chắc quân Giao Chỉ sợ hãi đi trốn cả rồi, vậy mà chúng ta cứ phải núp bóng Trương Văn Hổ thử hỏi đến bao giờ mới kịp ra mắt Trần Nam vương, sao còn cơ hội cho chúng ta lập công nữa, ý các ông thế nào?

Trương Ngọc liền đáp:

- Đại nhân nói rất phải, ta theo Trần Nam vương đánh Giao Chỉ là để lập công, tại sao lại cứ phải quần quanh với Trương Văn Hổ và đám thuyền lương của nó. Nó đã xin thiên tử năm ngàn quân tinh nhuệ để tự bảo vệ kia mà.

Ô Vũ cũng nói vào:

- Lúc ra đi chủ tướng Ô-mã-nhi nói chúng ta đi đoạn hậu, là đoạn hậu của đoàn thủy binh chứ có ai trao cho ta trọng trách áp tải thuyền lương.

- Đã vậy thời phải hỏi lại Trương Văn Hổ xem y có tự đảm đương được công việc không, - Lưu Khuê nói. Và khi họ tách thuyền ra khỏi hàng băng băng vượt lên chẳng mấy chốc đã đuổi kịp thuyền Trương Văn Hổ đi ở đầu đoàn thuyền tải lương. Ngay trên cột buồm treo lá cờ sùy thật to màu đen, giống như cờ của bọn hải tặc, trên nền đen, có hàng chữ màu đỏ tươi: *“Giao Chỉ hải thuyền Vạn hộ Trương tướng quân”*.

Khi thuyền của các tướng Lưu Khuê, Ô Vũ, Trương Ngọc đi song hành và ra hiệu muốn nói chuyện, Trương Văn Hổ khéo nói dây lèo cho hai thuyền gần áp sát, đoạn trao dây lèo vào tay cho viên tướng đang trợ giúp, y lấy đà tung người bay sang thuyền của tướng Lưu Khuê. Thoắt y đã đứng giữa ba vị tướng kia, lên tiếng cười khanh khách:

- Các đại huynh gọi đệ sang, chẳng hay có chuyện gì dạy bảo đây?

Các tướng đều tỏ lòng khen ngợi, Lưu Khuê nói:

- Tướng quân quả là danh bất hư truyền. Miệng khen mà trong lòng Lưu Khuê lại nghĩ: - Chẳng trách người ta đồn cha con tên này là cướp biển khét tiếng một thời quả không sai.

Khi các tướng bày tỏ muốn rút khỏi đoàn thuyền lương, Trương Văn Hổ cười khà khà:

- Vẫn tưởng các đại huynh muốn rong chơi trên biển cả, chứ bảo vệ thuyền lương là việc của Hổ này rồi. Nói thật với các huynh, Hổ tha cướp của bọn chúng là phúc cho chúng lắm rồi chứ kẻ nào còn dám cướp của Hổ này nữa. Nói xong y vẩy tên lái thuyền của y ra hiệu:

- Vát! Vát.

Thuyền vừa vát buồm, hai mạn còn cách nhau vài bước nhảy, y nhún chân lấy đà thoát đã trở về thuyền của mình, miệng nhoeo cười vẫy chào bọn Lưu Khuê phò cả hai hàm răng cái mã.

Thấy Trương Văn Hồ tự tin, vả lại y cũng có năm ngàn quân hộ vệ, hơn nữa mấy ngày nay các chiến thuyền đi trong không khí yên bình, chắc quân Giao Chỉ sợ oai đại quân thiên triều đã đi trốn hết rồi. Nghĩ vậy, các tướng bảo nhau phải mượn sức gió, mau đến hội quân kéo Trần Nam vương trông đợi. Vì thế đoàn chiến thuyền lao đi vun vút suốt ngày đêm. Tuy vậy bọn Lưu Khuê, Trương Ngọc không thể bắt kịp với các chiến thuyền của Ô-mã-nhi đã băng lên từ trước.

Khi giặc vừa áp sát biên thù thì tại đại bản doanh Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương nhận được tin ngoại gián cấp báo về: *“Sau mấy trăm chiến thuyền của Ô-mã-nhi là cả trăm thuyền lớn tải lương thực. Giặc có thể qua Vân Đồn hoặc qua cửa An Bang mà vào Bạch Đằng”*.

Một nguồn tin vô cùng quý giá, nhưng đến lúc này có nhẽ hơi muộn vì giặc đã tới biên thù, ông không thể điều kịp quân để phối cùng Trần Khánh Dư. Nếu cướp được hoặc đánh chìm được đoàn thuyền tải lương này, chắc chắn giặc sẽ thua trong sớm tối mà máu xương quân ta cũng đỡ hao tổn khá nhiều. Hưng Đạo suy nghĩ lung lắm, điều quan yếu nhất trong lúc này là phải thông được tin tức tới Nhân Huệ vương. Nghĩ vậy, ông bèn thảo tờ quân lệnh sai Yết Kiêu ngày đêm ra gặp Vân Đồn.

Nhận tờ mật thư, Nhân Huệ vương mở đọc, gương mặt ông tươi hẳn lên, mỉm cười, vương nói:

- Tướng quân về tâu với Quốc công, ta sẽ y kế của Quốc công, nhất định không sai một li.

Trên đường về, Yết Kiêu ghé thăm phu nhân của Đức ông, tức công chúa Thiên Thành đang di tán tại vùng Giáp Sơn. Phu nhân và gia nhân di tán trong một thung lũng khá kín đáo, xung quanh bao bọc bởi những ngọn núi đá vôi được bao phủ bởi rừng rậm um tùm, quanh năm có sương mù phủ trên các tầng cây khiến trời đất cả khu vực này trở nên mờ lung huyền ảo. Trong thung lũng người ta dựng lên những chiếc lán ở tạm. Nơi đây gió không lọt vào được nhưng trời rét căm căm suốt ngày đêm phải đốt củi để xua khí lạnh.

Thấy Yết Kiêu đến, phu nhân mừng rỡ:

- Ôi Yết Kiêu người đã về đây ư? Ta mong con quá. Đức ông thế nào, người có được bình thường không? Giặc đã vào cõi chưa? Đạo này trời lạnh lắm, ta đã gói thêm vài chiếc áo ấm chờ con về để đem cho Đức ông.

- Bẩm phu nhân, Quốc công vẫn bình an mạnh khỏe, chỉ có điều người đang dốc tâm lực vào việc kháng giặc. Lúc này giặc đang áp sát biên thù, Đức ông nhắn phu nhân cứ yên tâm, chiến trường có thể quyết liệt, nhưng vùng đất này lại là vùng giặc bất khả xâm nhập, xin phu nhân giữ gìn sức khỏe, bởi ở đây lam sơn chướng khí.

Phu nhân chỉ tay vào gói áo ấm nhắc Yết Kiêu:

- Trong này có chiếc áo bông chên ta may kỹ đấy, trời rét nhắc Đức ông mặc sát mình rồi hãy mặc áo ngoài cho ấm kéo đêm hôm

sương lạnh, Đức ông tuổi cũng đã cao, sức lực không còn được sung mãn. Người chớ nói ở trong này có khó khăn thiếu thốn gì nhé. Không ai có thể khổ bằng người lính chiến đấu ngoài sa trường. Vậy chớ con có thể nán lại ăn một bữa cơm để ta sai sửa soạn. Phải đi ngay à. Việc quân ta không dám giữ, con và Dã Tượng là chân tay của Đức ông, ta cậy các con kín đáo săn sóc người, và ta chỉ nhắc Đức ông phải bảo trọng tâm thần muôn quý để dùng cho nước. Ta ở nhà chờ ngày Đức ông khai hoàn.

Yết Kiêu nhận lấy gói áo ấm, chấp tay bái biệt phu nhân rồi lên ngựa.

Phu nhân đứng nhìn theo bóng ngựa Yết Kiêu lòng rung rung cảm động. Bà nghĩ về hai người gia nô có tấm lòng trung nghĩa và cao thượng hơn nhiều kẻ tự cho mình là chính nhân quân tử, thoát một cái đã đi hàng giặc.

Lại nói về phó tướng Trần Khánh Dư được Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương tin tưởng trao phó cho toàn quyền trông coi miền đông hải, ông biết phận sự phải làm gì khi giặc vào cõi. Chính vì vậy ông đã sai đô tướng Nhân Đức hầu Trần Đa phục quân ở mũi Ngọc Sơn, nhưng phải đánh thế nào để giặc tăng phần kiêu ngạo, coi thường quân ta. Cho nên khi nhận thêm quân lệnh của Quốc công phải đón đánh đoàn thuyền tải lương của giặc thì việc ông sai Nhân Đức hầu đánh trận Ngọc Sơn coi như phù hợp với kế này.

Lập tức Nhân Huệ vương sai triệu tướng Nguyễn Khoái và tướng Nguyễn Chế Nghĩa vào dinh, bởi Nguyễn Khoái cũng vừa được phái về dưới trướng.

Trần Khánh Dư nói rõ mục tiêu của trận đánh này là nhằm củng cố lòng kiêu ngạo của giặc vốn cho rằng Giao Chi đã kiệt sức, việc chống đỡ chỉ là thời thóp.

Bàn bạc xong, phó tướng ra lệnh:

- Mỗi tướng lĩnh năm trăm quân, chọn quân tinh khỏe, dũng lược, bơi lội giỏi cùng với hai mươi chiến thuyền nhỏ, phục kích trên đường vào cửa An Bang. Mỗi tướng phục một nơi, nhưng phải cách nhau khoảng vài mươi dặm ^[63]. Trong năm ngày tới thế nào giặc cũng qua đây. Vì ta quân ít, thuyền nhỏ nên chỉ đánh quấy rối giặc vào ban đêm. Các ông chỉ nên đem một ít tên thường, không cần nỏ liên châu. Và ban đầu tập trung tên bụi nhùi bất chợt bắn vào thuyền giặc, nếu gây thành đám cháy, chắc giặc sẽ rối loạn. Khi biết quân ta thiếu lực, giặc sẽ quây bắt, các ông cho quân bỏ thuyền, lặn xuống nước rồi bơi về các điểm hẹn đón. Trên thuyền đem sẵn ít gạo búp đa cùn nhut, han ri và ít cung tên thường cùng ít cuộn dây thừng, ít mo cơm nắm ăn dở, vài ba chiếc đuốc cày, mấy chiếc khổ... tất cả đều bỏ lại trên thuyền để cho giặc chiếm. Trận này các ông buộc phải nhường thế thượng phong cho giặc, tức là các ông phải thua. Nếu ham đánh, để quân bị giặc giết, giặc bắt khiến hồng kếp lớn của ta các ông phải chịu tội nặng đấy.

Các tướng vui vẻ nhận mệnh, hứa thực thi nghiêm chỉnh rồi ai nấy ra về thu xếp công việc.

Nguyễn Khoái, Nguyễn Chế Nghĩa là hai tướng trẻ, nhất là Nguyễn Khoái trong cuộc chiến năm Ất Dậu tỏ ra một tướng dũng lược, lập công cao, lại mới đây chiến đấu dưới cờ Chiêu Văn vương ở Bạch Hạc cũng lập công lớn. Nguyễn Khoái tuy là tướng trẻ nhưng có nhiều sáng kiến đánh giặc, và chàng lại có duyên lập công nên bề trên thường điều động đến các mặt trận mới mở. Nguyễn Chế Nghĩa ít tuổi hơn nhưng cũng là một tướng quả cảm. Vì vậy trao việc hệ trọng này cho họ, Nhân Huệ vương rất yên tâm. Ông đang hoạch định

kế sách tiêu diệt đoàn thuyền tải lương của giặc. Đây là một việc làm cực khó, tướng giặc thuần những kẻ chinh chiến từng trải, đưa quân đi xa thì lương thực là việc quan yếu bậc nhất, sao giặc có thể sơ hở được. Nguồn tin chài lưới đưa về có gần bảy trăm chiến thuyền do tham tri chính sự Ô-mã-nhi làm nguyên soái hải binh đô tổng quản, tham tri chính sự Phàn Tiếp làm nguyên soái phó đô tổng quản dẫn đầu. Đoàn hậu có các tướng Lưu Khuê, Trương Ngọc, Ô Vỹ cùng hơn hai vạn quân tinh nhuệ, gần một trăm thuyền lương của Trương Văn Hổ đi giữa. Tổng số quân của giặc trên mười vạn với hơn bảy trăm chiến thuyền. Nếu ta đánh chặn đầu thì chẳng khác nào xua cho đoàn thuyền lương đi nhanh hơn và giặc càng thận trọng bảo vệ. Còn như xông vào đánh thuyền lương thì đầu cuối giặc sẽ vây chặt lấy quân ta, sao còn có cơ hội diệt lương của nó.

Còn đang loay hoay với kế phá lương của giặc, may thay Nhân Đức hầu Trần Đa đã đánh một trận quyết liệt nhưng đủ cho giặc thấy lực lượng của ta chẳng có gì để chúng phải bận tâm. Và Ô-mã-nhi cứ yên tâm thẳng tiến để mặc cho đoàn thuyền lương đi sau với hơn hai vạn quân đoàn hậu của các tướng Lưu Khuê, Trương Ngọc đảm trách. Và chỉ nay mai đại binh thuyền của Ô-mã-nhi sẽ tiến vào cửa An Bang lấy sông Bạch Đằng, ngược lên hội quân với Thoát-hoan tại Vạn Kiếp.

Nhân Huệ vương cấp kỳ điều gấp một số quân men theo đường bờ biển từ Vân Đồn đi ngược lên phía bắc phối hợp với số quân đã ém sẵn ở cửa sông Tiên Yên. Những trạm canh ở trên núi cao hoặc trên các ngọn cây cao trên đỉnh núi, tức là những vọng hải đài đặt dọc bờ biển và rải khắp trong khu quân cảng, thương cảng Vân Đồn ngày đêm dõi theo động tĩnh.

Từ bữa Trần Đa cho chạy ngựa lưu tình về báo tới nay đã ba ngày vẫn chưa thấy bóng dáng thuyền quân của Ô-mã-nhi.

Chừng giờ tỵ ngày thứ tư thì từ trạm quan sát Tiên Yên cho chạy ngựa về phi báo: “Ngay lúc này Phó tướng lên đài quan sát có thể nhìn thấy binh thuyền giặc bằng mắt thường”. Nhân Huệ vương lập tức leo lên núi và trèo lên đài quan sát bắc bằng mấy giống tre lát nửa làm sạp trên đỉnh ngọn mấy cây sến cao vút. Định thần một lúc quả có thấy hình ảnh di động lơ mờ từ rất xa. Và chừng một khắc canh giờ, mặt trời lên cao, bầu trời quang đãng thì hình ảnh đoàn thuyền kéo dài dằng dặc nom như một đàn chim sẻ. Chừng một canh giờ sau thì hình ảnh đó đã to dần bằng hình đầu người. Ông liền sai hai đứa thư nhi và khẩu dụ: “Người đến ngay doanh của tướng Nguyễn Khoái và tướng Nguyễn Chế Nghĩa nói rằng binh thuyền của giặc khoảng chiều tối hoặc đêm mai sẽ tới vùng An Bang. Cũng có thể chúng đến sớm hơn hoặc muộn hơn là phụ thuộc vào sức gió”.

Sau đó ông giao nhiệm vụ cho các trạm quan sát phải đếm từng chiếc thuyền một cho chính xác.

Ngay lập tức ông bày thế trận xung quanh vùng căn cứ, nếu giặc vào sẽ dụ chúng tới gần sát bờ để đánh hỏa công. Nếu giặc đi thẳng về An Bang thì chúng coi như quân ta đã sợ hãi bỏ trốn hết. Và như vậy giặc sẽ càng thêm kiêu ngạo mà nảy sinh sơ hở.

Chừng cuối giờ dậu chiến thuyền đầu tiên của giặc lướt qua khu vực có luồng dẫn vào vùng căn cứ Cửa Vạn mà phó tướng Nhân Huệ vương đã bày trận. Thượng tướng căng mắt nhìn thấy cả chục chiến thuyền nối đuôi nhau lướt qua và không có một dấu hiệu nhỏ nào chứng tỏ giặc muốn dừng lại, Trần Khánh Dư yên tâm rằng ông đã lừa được giặc. Nước triều đang lên, gió đông bắc thổi mạnh, xuôi gió thuyền giặc càng lao nhanh như ngựa chạy. Mặt trời đã chìm xuống đáy biển từ lâu để lại một không gian tĩnh lặng và tối om.

Trần Khánh Dư đang băn khoăn tự hỏi: - Không biết giặc có tải lương bằng đường biển hay là chúng phao tin nghi binh mà ta đếm có tới cả trăm chiến thuyền, không thấy một thuyền nào có dấu hiệu tải lương, vì rằng thuyền nào cũng nhẹ, phần nổi của thân thuyền khá cao; nếu là thuyền lương thì nó phải chờ tới khăm mạn và đi chậm như rùa bò. Khoảng quá nửa đêm thì toàn bộ chiến thuyền giặc đã đi khuất. Các trạm quan sát lần lượt cho người về tâu báo số lượng thuyền đã đếm được. Trạm đầu tiên ở phía trên Tiên Yên quan sát lúc trời còn đủ sáng đếm được cả thấy bốn trăm bảy mươi hai chiến thuyền. Trạm Tiên Yên đếm tới khi kết thúc đã vào đêm, tổng số có bốn trăm bốn chín chiếc; trạm cuối lại chỉ đếm được bốn trăm hai mươi chiếc.

Nhân Huệ vương vui vẻ nói:

- Ta chắc trạm đầu đếm chính xác nhất, bởi lúc ấy ánh ngày còn soi tỏ. Ông hỏi rất kỹ các người về tâu báo có ai nhìn thấy thuyền nào chờ nặng đi lẫn vào với các chiến thuyền, hoặc các chiến thuyền có lai, dặt thêm thuyền khác không.

Các đô tướng đều nói chỉ thấy các chiến thuyền đều chờ nhẹ và thuyền nào cũng đi nhanh như gió.

Trần Khánh Dư bụng đã mừng thầm: - Thuyền lương chúng nó đi sau thật rồi, vì thuyền lương chờ nặng nên đi chậm.

Chiều hôm sau tự nhiên trời tắt gió nên đoàn thuyền chiến của Ô-mã-nhi tiến lên khá chật vật, quân lính thay nhau căng sức ra mà chèo thuyền vẫn cứ ì ạch như rùa bò.

Mấy toán quân phục của Nguyễn Chế Nghĩa, Nguyễn Khoái cứ thấp thòm lên núi xuống núi quan sát xem đã thấy thuyền giặc ở đâu để mà sẵn sàng quyết chiến. Tối quá nửa chiều khi thấy gió đông bắc lại bắt đầu thổi mạnh, nhóm quan sát từ xa bắt đầu nhìn thấy một cánh buồm đỏ, rồi dần dần nó hiện lên như một đàn bướm bướm. Nghĩa là đã xác định đó là những cánh buồm nối nhau dài như là vô tận từ chỗ nó chỉ là những chấm mờ nhỏ bé như con chim sẻ nay đã to dần bằng cả bàn tay. Như vậy là tốc độ thuyền di chuyển khá nhanh. Trưởng trạm sai quân truyền tin hiệu cho các trạm sau. Trong chốc lát các tướng Nguyễn Khoái, Nguyễn Chế Nghĩa được tin vội leo lên đỉnh núi quan sát về phía biển xa, nhưng các ông không thể nhìn thấy, bởi núi non trong vịnh càng chuyển dịch về phía cửa An Bang càng thấp dần, nhưng các ông tin những gì cấp dưới tâu báo. Vì vậy các ông cho quân ăn uống và chuẩn bị ra trận địa mai phục, lại sai nấu cơm để ăn bữa khuya, nếu không đêm phải đánh giặc, quân sẽ đói. Mặt trời vừa gác núi, các ông đã rải quân đón lõng và cho phép quân thay nhau ngủ để lấy sức. Gần cuối giờ Hợi vẫn chưa thấy thuyền giặc qua, các tướng cho đánh thức quân dậy, ăn uống xong mọi người vào tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Khoảng đầu giờ Tí, nghe tiếng vọng ào ào như xé nước biết thuyền giặc đã gần tới. Độ một khắc canh nửa thì thấy các đốm sáng lấp lóa chạy thành một đường dài hun hút trên mặt biển tựa như dải ngân hà vừa từ trên trời cao sà xuống.

Tướng Nguyễn Khoái hừm một tiếng:

- Đúng là giặc ngao mạn, cứ như là chúng đưa nhau đi dạo chơi chứ không phải đi chinh chiến. Quả là chúng coi thường ta, chúng coi biển của ta như ao nhà của chúng. Và như vậy thì vận số chúng bay sẽ ngắn đấy! Nguyễn Khoái thầm nghĩ vậy và ông len lỏi tới từng chiến thuyền để vỗ về binh sĩ.

Cứ giữa giờ tí lẩn sóng do chiến thuyền giặc xé nước tạo thành những âm thanh ràn rạt và mặt nước biển cứ dỗi lên cứ phập phồng khiến các chiến thuyền nhỏ của quân ta cũng dập dềnh và các chiến binh lòng cứ rạo rục và miêng lẩm bầm hai tiếng “Sát Thát!”.

Thuyền giặc đã đi vào khu vực quân ta phục kích, Nguyễn Khoái bỏ qua bốn chiếc đi đầu vì nó nhỏ hơn và ít ánh đèn hơn chiếc đi sau. Vậy là ông chọn chiếc thứ năm. Một phát pháo thẳng thiên vút lên giữa nền trời tối đặc và một mũi tên sáng như lân tinh lao về phía chiếc thuyền lớn. Lập tức năm trăm cây nỏ cùng bắn chum về một điểm. Chiếc thuyền bốc cháy trên mặt sập. Nó lập tức quay ngang, nhưng các thuyền đi sau tránh được vì mặt biển rộng. Đám cháy không lớn, tên rơi tán mạn vì gió to. Quân ta khua chiêng, gõ trống và đồng thanh hô: “Sát Thát!”. Lúc đầu có gây cho giặc hốt hoảng, nhưng lực lượng của ta quá ít, giặc vừa dập lửa cứu thuyền vừa quay lại đánh quân ta. Hàng trăm thuyền lớn của giặc quay thành một vòng tròn rộng và chúng cứ khép hẹp dần. Bỗng một tiếng nổ lớn bùng lên một đám cháy và một cột khói trắng bốc lên cao, chắc là quân ta đốt thùng thuốc pháo nhồi chặt. Đang giữa lúc giặc còn hoảng hốt, còn ngơ ngác chưa biết điều gì vừa xảy ra thì nhất loạt quân ta bỏ thuyền lặn vào chân các hòn núi rồi bơi về những điểm đã có thuyền chờ đón.

Giặc hí hửng khép chặt vòng vây rồi xả cung nỏ bắn như mưa vào hơn hai chục chiếc thuyền đã bỏ không của quân ta. Không thấy quân Việt đánh trả, các thuyền cứ trôi dập dềnh như không có người điều khiển. Giặc đốt đuốc sáng rực cả mặt biển và lần dò sang thuyền ta. Chúng biết đã mắc mưu, thu lấy toàn bộ các chiến lợi phẩm buộc sau thuyền của chúng kéo đi. Từ đây giặc yên tâm: “Quân Giao Chi kiệt sức rồi, chúng chỉ có thể làm được mỗi một việc là quấy rối đại quân thiên triều”.

Giặc chết và bị thương dăm chục tên, cháy mấy mảng ván thuyền, thiệt hại không đáng kể, bù lại chúng thu được hơn hai chục chiến thuyền và một ít vũ khí cùn nhụt của đối phương.

Sắp xếp đội ngũ lại cho tiếp tục hành trình, Ô-mã-nhi nhìn Phan Tiếp rồi phá lên cười giọng đầy sáng khoái, y nói:

- Cứ xem thuyền bè, vũ khí của quân Giao Chi đủ biết khả năng chống đỡ của chúng đến đâu. Ta nóng lòng muốn đến Vạn Kiếp sớm để kịp vào Thăng Long cùng với Trần Nam vương bắt cha con Nhật Huyền và Hưng Đạo. Nhớ bữa ở Đại Đô, thiên tử ngó ý muốn xem gan của Hưng Đạo. Trận này ta quyết bắt bằng được Hưng Đạo đem về Đại Đô dâng thiên tử để người xem gan viên tướng man này.

Phan Tiếp đỡ lời:

- Thật ra chỉ cần bắt được Hưng Đạo coi như đã bình xong Giao Chi.

- Ông nói đúng, - Ô-mã-nhi phụ họa. Và y nói thêm - Viên tướng này lợi hại lắm. Ta nhớ cuộc chiến năm Ất Dậu, Trần Nam vương suýt bắt sống cha con Nhật Huyền và cả Hưng Đạo, nước nó tưởng như sắp phải quỳ gối đầu hàng, thì thần vương, quý tộc và cả binh lính đã chẳng ra đầu Trần Nam vương tới mấy vạn người, thế mà rồi Hưng Đạo lại chuyên xoay được tình thế khiến quân ta phải bỏ cuộc. Trên đường rút về, hữu thừa Lý Hảng bị chúng dùng tên độc giết chết, Lý Quán cũng mất mạng, ngay Trần Nam vương cũng phải nằm trong rọ, ngoài bọc đồng lá mới tránh được tên độc của quân Giao Chi. Nhưng thôi, lần này giặc đã kiệt sức rồi, ta cứ thông thả vừa đánh vừa nghỉ ngơi chơi bởi cũng thắng.

Hai viên chánh phó tướng đều muốn nói chuyện cho rút ngắn đường dài, bỗng Phan Tiếp nhìn trời nói:

- Nếu gió cứ thổi như thế này mà không đổi hướng, chắc chỉ đêm mai ta tới châu Trấn Nam vương được.

- Ta cũng chỉ mong có vậy.

Thuyền vẫn chạy băng băng trong đêm tối. Cả Ô-mã-nhi và Phan Tiếp đều không may nghĩ tới việc quân Giao Chỉ dám mạo phạm một lần nữa. Cả đoàn binh thuyền bỗng đi chậm lại bởi sắp vào một vùng nước hai bên có hai dãy núi đá cao che chắn, chỗ thì nhô ra chỗ thì lõm vào khiến luồng đi vừa thu hẹp vừa uốn lượn như một dòng sông. Chính tại cái khúc uốn lượn này tạo ra một góc khuất che hết tầm nhìn của người lái tàu thuyền mà Nguyễn Chế Nghĩa lập trận địa. Ông sai quân lấy đá xếp cho các thuyền có sức nặng, lại sai giăng néo các thuyền lại với nhau như một chiếc bè chắn ngang luồng nước, hai đầu dây cột chặt với hai mỏm đá.

Đoạn thuyền giặc bị quân Nguyễn Khoái chặn đánh cách đoạn Nguyễn Chế Nghĩa phục quân chỉ hơn chục dặm nên giặc cũng ít phòng bị. Và lại, qua hai trận từ mũi Ngọc Sơn tới trận vừa xảy ra khiến tướng giặc coi quân thủy của Giao Chỉ chẳng khác gì mấy đứa trẻ nít chơi trò đánh trận giả. Vì dù có gặp các trận phục kích như vậy thì đại quân của thiên triều cũng nhanh chóng quét sạch.

Mấy chiếc thuyền tiên phong thấy sắp phải qua chỗ nguy hiểm nên đánh tín hiệu xin lệnh thuyền của nguyên soái ở phía sau. Ô-mã-nhi trợn mắt quát:

- Ra lệnh cho chúng nó thẳng tiến! Ta đang nóng lòng về Vạn Kiếp vào chiều mai đây, kẻ nào dám cản đường ta, kẻ ấy ắt phải chết.

Nhận được tín hiệu đi tiếp, mấy chiến thuyền tiên phong không còn gì phải do dự nữa, chúng lại giống buồm đi tiếp như đi vào chỗ không người. Thuyền lựa chiều đi vào một khúc quanh khuất lấp, viên lái thuyền thấy vẻ rờn rợn, linh tính mách bảo cho y về sự hiểm nguy đang rình rập từ phía trước, y vội giật dây lèo cho thuyền đi chậm lại nhưng không kịp. Mũi thuyền của y đâm phải vật cản cực rắn gây răng rắc, nước tràn vào, theo đà những chiếc sau cứ dồn đâm những chiếc đi trước trở thành một cuộc va đập liên hoàn. Mấy chiếc thuyền trong đội tiên phong đã chìm ngìm. Quân chết bao nhiêu chưa biết, nhưng quân bị thương chắc nhiều vì tiếng la ó, tiếng kêu thét, tiếng khóc, tiếng rên rỉ vang vọng khắp mặt biển tối đen. Lúc này thuyền giặc đậu ken kín mặt nước, nhiều chiếc gần như áp mạn với vách núi dựng đứng.

Bỗng từ một chỏm núi nào đó vang lên một tiếng nổ và một vệt sáng lóe lên như một lần chớp. Lập tức đá từ trên đỉnh núi ở hai bên luồng nước cứ đuổi nhau rơi xuống mặt nước, những tảng đá to như chiếc thúng xô vào nhau nhảy lóc cộc và nhiều tảng đá nhảy vào trúng thuyền. Nhiều tên giặc bị đá đè bẹp tan xác tựa như con trâu đè lên con nhái. Nhiều tảng đá lớn rơi lọt xuống đáy thuyền xuyên thủng ván, lập tức nước ủa vào đầy khoang, thuyền đắm.

Khác với Nguyễn Khoái cho quân chen vào đánh vỡ mặt giặc rồi tự nhiên biến mất không để lại dấu vết, Nguyễn Chế Nghĩa chọn địa hình cản giặc, dùng sức quân lên núi làm bắn đá và chỉ ém lại đó vài ba chục người khi nghe có tiếng nổ thì cắt dây bẫy cho đá lăn rồi bò về phía bên kia chân núi đã có thuyền đón. Trận đánh tưởng như nhẹ nhàng, nhưng nghĩ ra được cái kỳ mưu ấy thực không dễ.

Và việc đục núi lấy đá bầy giặc là cả một kỳ công, gian nan, cực nhọc.

Trận đánh không mất một người lính, không mất một mũi tên mà cản đường giặc ngay giữa biển khơi.

Khi đá không còn lẫn nữa, không còn gì đe dọa nữa nhưng giặc vẫn loay hoay không gỡ ra được vì một số thuyền va đập vào nhau, mắc vướng vào nhau phải xem cho rõ chiếc nào có thể dắt đi theo để sửa chữa, chiếc nào đành phải bỏ lại. Lúng túng với nhau trời sáng lúc nào không hay biết.

Khi nhìn rõ mọi vật, thấy trận địa mà quân mình vấp phải nó đơn giản như một trò chơi con trẻ, Ô-mã-nhi giận điên lên, y quát:

- Đi giữa ban ngày, một tên lính tốt của ta nó cũng phá được thế trận này. Có phải đây là thần mưu của Hung Đạo? Chỉ bực vì lũ giặc này lại dám cản đường ta.

Trận này giặc vừa chết vừa bị thương nhiều hơn trận giặc vừa mới bị đánh lúc nửa đêm, thuyền đắm mất vài chiếc, thuyền bị thủng, vỡ phải sửa chữa cũng năm sáu chiếc. Một đạo quân lớn mà thiệt hại như vậy chưa có thể làm cho giặc phải quan tâm còn nói chi đến việc kinh động đến nó.

Quá nửa đêm hôm ấy tiền quân của giặc đã về tới Vạn Kiếp.

Đang ngủ say, quân vào bầm: “Ô-mã-nhi đã đem quân đến, xin được gặp Trần Nam vương”.

Nghe Ô-mã-nhi đã đem cả chục vạn quân thủy tới Vạn Kiếp, Thoát-hoan vùng ngay dậy.

Ô-mã-nhi chưa kịp cúi chào, Thoát-hoan đã lên tiếng:

- Ôi tướng quân, ta mong ông quá. Đường đi có thuận không? Sức khỏe vẫn tốt chứ? Trong quân có đứa nào bị say sóng không?

Ô-mã-nhi lúng túng và cảm động bởi sự quan tâm của chủ tướng.

Sau giây lát, Ô-mã-nhi lên tiếng:

- Tạ ân Trần Nam vương có lời thăm hỏi. Chúng tướng và binh sĩ thấy đều bình an. Lác đác trong quân cũng có kẻ ốm đau. Chừng vài ba ngàn đứa quân bị say sóng, ấy là binh thuyền đã lựa đi đường ven biển, sóng gió không đáng kể. Bầm, dọc đường quân Giao Chỉ có vài ba lần quấy rối, nhưng chúng bị dẹp tan ngay tức khắc, quân ta có thu được vài ba chục chiến thuyền đem về ra mắt Trần Nam vương.

Thoát-hoan mừng rỡ khen ngợi:

- Bạt-đô tướng quân quả là danh bất hư truyền. Chờ Trương Ngọc, Lưu Khuê về hội đủ cùng với Trương Văn Hổ nữa ta sẽ cho quân tiến về Thăng Long vây bắt cha con Nhật Huyền và Hung Đạo luôn thể.

Ba ngày sau khi Ô-mã-nhi, Phần Tiếp đưa quân về Vạn Kiếp thì các tướng Ô Wý, Trương Ngọc, Lưu Khuê cũng đưa nốt hơn hai vạn quân thủy về ra mắt Trần Nam vương.

Trước đó thì tướng A-ruc các vương A-tai, Mang-khu-đai cũng đã có mặt tại khu vực Vạn Kiếp.

Cả vùng Vạn Kiếp, Lục Đầu giang sông nước, núi non, đồng bằng rộng mênh mông lúc này quân Nguyên đã lập các trại thủy bộ dày như bát úp.

Từ ngày vượt qua biên ải, đánh chiếm Nội Bàng rồi xuôi về chiếm Vạn Kiếp tới nay, không thấy một bóng quân Trần nào xuất hiện, cũng không thấy bị quấy rối hay phục kích, biệt kích gì. Thoát-hoan tự nghĩ: - Việc đánh dẹp Giao Chi lần này ta cầm chắc có thể kết thúc trước mùa hè.

Thoát-hoan cho gom các thuyền chiến mà quân Nguyên thu được của quân Đại Việt từ ngã ba Bạch Hạc và từ mũi Ngọc Sơn đến cửa An Bang. Tính cả thuyền lành, thuyền bẹp được hơn bảy chục chiếc. Thoát-hoan lại ngầm sai lấy cả những chiến thuyền của quân Nguyên bị quân Việt đánh cho bẹp dúm dỏ, đục bỏ chữ và phiên hiệu cùng những chỉ dấu có thể nhận ra đó là thuyền của người Nguyên, xong đâu đó gộp cả vào với đám thuyền cùng khí giới thu được của quân Việt để số chiến lợi phẩm có thể nhiều lên đáng kể. Sau đó đem ra trưng bày để cổ vũ khí thế cho đoàn quân viễn chinh. Ngón đòn tâm lý của Thoát-hoan quả có làm cho khí thế của đoàn quân viễn chinh thêm chộn rộn. Và dưới con mắt họ từ tướng đến quân đều coi thủy binh Đại Việt là đội quân xoàng xĩnh không như họ nghe nói trước khi vào đất Việt.

Thoát-hoan lại cho phao tin: - Đại quân thiên triều sắp tiến vào Thăng Long, nếu nhà Trần không quy hàng thì sẽ làm cỏ vương đình. Và nữa đang truy bắt Trần Khánh Dư. Tiếp đó Thoát-hoan lại đưa thư dụ hàng triều đình nhà Trần.

Tất cả những tin tức ấy bay về Thăng Long cùng một lúc.

Lập tức tin loang đi khắp nơi: - Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư thua trận liên tiếp, làm mất cả Vân Đồn và miền biển Đông Bắc, quân tan tác, lực lượng chẳng còn gì.

Đùng một cái triều đình lại có chiếu bắt Khánh Dư và sai trung sứ xiềng lại đem về Thăng Long trị tội. Thăng Long rục rịch di tán. Tiếng loa nói suốt ngày đêm thúc giục người già, trẻ nhỏ và đàn bà phải rời khỏi kinh thành ngay. Phố phường vắng vẻ, ban đêm lạnh tanh không một ánh đèn. Khắp nơi chỗ nào cũng thấy hai chữ “thanh dã” thật to. Và trên những bức tường bao quanh các lâu đài, dinh thự, hoặc nơi quán xá, đình đền, chùa tháp đều thấy các dòng chữ viết nét mực còn tươi nguyên, cũng có những bảng chữ chắc viết từ cuộc chiến năm Ất Dậu có chữ đã bị mưa xối làm cho mờ nhòe vừa tô lại. Dù cũ, dù mới đều cùng một nội dung: *“Tất cả các quận huyện trong nước nếu có giặc ngoài đến phải liều chết mà đánh. Nếu sức không địch nổi thì cho phép lẩn tránh vào rừng núi, không được đầu hàng”*.

Đang đêm Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương lên ngựa vào cung Thánh Từ.

Vừa thấy Quốc công, thượng hoàng Thánh tông đã ra tận bậc thềm chào hỏi:

- Có việc gì mà Quốc công phải tới vào giờ này.

Quốc Tuấn toan quỳ, thượng hoàng Thánh tông vội đỡ ông dậy và nói:

- Anh Quốc Tuấn, giặc sắp vào đến vương thành mà sao anh vẫn cứ thủ lễ vậy?

- Tâu, thượng hoàng có thương thần mà miễn lễ, thần cũng không dám bỏ. Chiến tranh, nhiều việc hệ trọng, thượng hoàng cho phép thần vào cung tâu báo bất kể khi nào có việc cần kíp.

- Cái đó thì đã hẳn rồi, Thánh tông đáp. Nhưng quan gia đã trao cho Quốc công toàn quyền thống chế việc quân sao anh không cứ tự tiện mà quyết, đi lại nhiều vừa mất sức đôi khi lại chậm việc.

Lúc này nhà vua mới kịp nhìn lại Quốc Tuấn ông ăn vận què mùa như một lão binh phu. Đầu quấn chiếc khăn vành dây màu nâu trùm lên và ép chặt búi tóc phía sau gáy, mình khoác chiếc áo dài bông chân hình quả trám, vải màu thanh cát, dưới là chiếc quần dài nâu, phía ống chân quần xà cạp nâu, chân đi giày vải. râu tóc đều bạc. Chòm râu dưới cằm dài tới ngang ngực. Da mặt ông hồng hào. Mắt sáng, vẻ tinh anh quắc thước hiện lên từ cặp mắt. Cứ nom cách ăn vận, không ai nhận ra ông là một vị tướng, nhưng cũng không ai dám bảo ông là một thường dân.

Thấy Quốc công tuổi cao mà vẫn phải xông pha trận mạc, nhà vua có vẻ mùi lòng.

Nghe Thánh tông nói, Hưng Đạo vội đáp:

- Điều thượng hoàng gia ân đó thần sẽ thực hiện khi ở chiến trường, còn như lúc nào có thể tâu báo được, thần vẫn xin được tâu báo để thượng hoàng và nhà vua yên tâm mà thần cũng yên tâm. Lúc này thần đến xin bệ hạ một việc rất hệ trọng.

Quốc công chưa nói được điều định nói thì vua Nhân tông vào.

Thấy phụ hoàng (cha đẻ) và nhạc phụ (cha vợ) đang trò chuyện, vua Nhân tông vội cúi chào.

Hưng Đạo toan đứng dậy vái chào cho đúng lễ vua tôi. Thượng hoàng Thánh tông vội kéo tay ông ngồi xuống:

- Quan gia chẳng là con anh, con tôi sao anh còn phải giữ lễ. Thượng hoàng lại hỏi vua Nhân tông:

- Khuya, sao con không đi nghỉ còn vào đây làm gì?

- Con vừa đi thăm đội quân của chú Chiêu Văn về nên đến vấn an phụ hoàng hơi muộn. Nhưng sao bá phụ giờ này vẫn còn ở đây? Xin bá phụ bảo trọng vì cuộc chiến mới chỉ bắt đầu.

- Thần đến đây vì một việc cần kíp, xin quan gia cùng nghe với thượng hoàng. Việc cũng có liên quan đến Chiêu Văn đấy. Hưng Đạo nhìn về mọi phía trong cung điện rồi nói với vua Nhân tông:

- Có nhẽ quan gia sai trà nô pha trà xong cho chúng về trà thất để thần tâu báo việc cơ mật.

Một thoáng đám trà nô đã làm xong việc hầu trà và chúng đều đã lui về trà thất.

Chợt thượng hoàng Thánh tông lại hỏi:

- Quốc công bàn việc cơ mật, sao quan gia không cho thỉnh chú Chiêu Minh nghe bàn luận thế.

Hung Đạo liền tâu:

- Bẩm thượng hoàng, hiện thượng tướng Quang Khải đang ngầm đem quân ra Vân Đồn tăng viện cho Nhân Huệ vương. Nhân đây thần xin tâu báo rõ ràng mọi việc. Tức là nhờ ngoại gián tốt mà ta biết được mưu giặc từ đầu. Vì vậy, các cánh tiền quân của giặc khi chúng tràn vào quốc thổ ta chỉ chống đỡ cầm chừng, đủ cho giặc thấy thực lực quân ta không có gì có thể gây trở ngại lớn cho công cuộc nam chinh của Thoát-hoan lần này. Sắp tới giặc có thể tiến chiếm Thăng Long, xin thượng hoàng và bệ hạ tạm nhường Thăng Long cho giặc. Chúng sẽ truy đuổi mưu bắt hai vua và cả thần nữa. Vì vậy thượng hoàng và quan gia nên về trước các vùng căn cứ của ta để giữ mệnh nước. Khi giặc vào Thăng Long, tất chúng sẽ cho quân truy đuổi. Vì vậy ta cứ đóng giả xa giá để cho giặc lao theo. Và như thế càng dễ lừa giặc rằng lực lượng ta chẳng có gì cho đến khi nào Nhân Huệ vương diệt xong đám quân lương của giặc thời ta mới ra mặt phản công.

- Liệu có thể lừa nổi giặc không anh Quốc Tuấn, thượng hoàng Thánh tông hỏi. - Tướng giặc như Áo-lỗ-xích, Trịnh Bằng Phi, Ô-mã-nhi, Phần Tiếp, A-ba-tri... đều là những tay gian hùng lão luyện, ngay cả Thoát-hoan đâu phải tay vừa.

Hung Đạo chưa kịp đáp, vua Nhân tông đã vội thưa:

- Bẩm phụ hoàng, cho tới lúc này giặc vẫn đang mắc mưu ta. Và lại thói kiêu ngạo của kẻ xâm lược bao giờ cũng đánh giá rất thấp và luôn coi thường đối phương. Không bao giờ chúng thừa nhận đối phương là đối thủ cả. Cho nên kẻ nhún, tự nhận mình là kẻ yếu của bá phụ, con thấy rất chi là diệu dụng. Nhìn về phía Hung Đạo, vua Nhân tông nói tiếp: - Xin bá phụ cho nghe nốt diệu kế.

Hung Đạo ve vuốt chòm râu và chậm rãi:

- Tâu, xin thượng hoàng cùng quan gia gia ân tha hết những tên giặc mà thượng tướng Chiêu Văn bắt được chúng trong trận đối đầu ở ngã ba Tam Đái (Bạch Hạc). Dạ đây chỉ có vài tên tiểu đô tướng còn thuần quân Giang Nam, ta đã khai thác, tin tức chúng biết được không có mấy giá trị. Trước khi thả cho về với Thoát-hoan ở Vạn Kiếp nên cho chúng đi qua các phố xá vắng hoe không một bóng người. Lại cho chúng qua các bến đò để chúng thấy cảnh người già, trẻ nhỏ đang di tản về các miền quê, cốt sao cho chúng thấy được một Thăng Long không có sức kháng cự để chúng thuật lại các điều mắt thấy, tai nghe nhằm làm tăng lòng tự phụ của tướng giặc. Tâu, chỉ cần che mắt giặc cho tới khi Nhân Huệ vương tiêu diệt gọn đoàn thuyền lương của chúng. Tới khi đó, ta chỉ còn một việc là chặn các đường tháo chạy của giặc mà tiêu diệt. Nếu trong cuộc kháng giặc lần này, ta tiêu diệt đáng kể các tên tướng giặc gian ác và phần lớn số quân của nó, thời có thể đánh bại được mưu đồ thôn tính nước ta của con rắn độc Hốt-tát-liệt.

Dạ, còn chiếu bệ hạ sai xiềng Trần Khánh Dư đem về triều đình trị tội, thần đã làm thành cáo trạng lên án Trần Khánh Dư để quân thua liên tiếp, khiến cả một vùng biển, đảo mệnh mông rơi vào tay giặc làm cho thể nước chao đảo. Tin này đã loang khắp nơi, chắc

đã đến tai giặc. Nay mai ta lại thả tù binh nữa hửn giặc càng tin thế và lực của ta đều rệu rã.

XI

Chiêu Minh vương Trần Quang Khải dẫn một vạn quân tăng viện cho mặt trận Vân Đồn, đi đường tắt từ Đông Triều ra trú tại Hoành Mô nằm bên tả ngạn bờ sông Trối. Con sông này ăn ra Cửa Lục; thuyền bè lương thực đều đã đưa về đó từ trước.

Được tin có viện binh của Trần Quang Khải, phó tướng Nhân Huệ vương liền viết thư tạ.

Thư rằng: Kính gửi thượng tướng thái sư Chiêu Minh vương.

Được tin vương tận lòng chi viện, thật là phúc lớn cho vương triều. Đệ đang bận khoản vùng Cửa Lục chưa có quân chặn giặc. Vậy xin vương trấn cho cửa ải quan yếu này, phòng khi thuyền lương giặc thoát khỏi Vân Đồn chạy về đây, rồi chúng tìm đường vào Bạch Đằng đem lương thực tiếp tế cho Thoát-hoan sẽ gây khó cho quân ta.

Có nhẽ chỉ nay mai binh lương giặc sẽ chạy qua đây, xin vương bắt chúng phải đền tội ác.

Thư nói chẳng hết lời.

Kính bái.

Vậy là Trần Khánh Dư yên tâm. Quân ông đã bài bố các nơi hiểm yếu để đón giặc suốt từ Tiên Yên về đến Vân Đồn và cả vùng Bái Tử Long; từ Bái Tử Long đến Hạ Long đã có quân của Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng.

Lại nói Nhân Huệ vương khi tiếp chiếu của triều đình do trung sứ tuyên dụ trước thanh thiên bạch nhật, lại kèm theo cả gông và cũi. Tức là trung sứ sẽ gông cổ phó tướng Trần Khánh Dư rồi tống ông vào cũi vì tội dể thua trận, quân tan tác cả một vùng biển đảo lọt vào tay giặc khiến cuộc chiến trở nên cam go.

Tội trạng đó Khánh Dư đã biết từ trước khi trung sứ tới. Ông thụ chiếu, nhưng xin trung sứ về tâu lại với triều đình hãy thư cho ông một thời gian để lập công chuộc tội.

Chiếu vua đã ban xuống, sao có thể cãi đối hay trì hoãn, trung sứ sao có thẩm quyền chấp thuận lời tâu xin tạm hoãn thi hành án của kẻ có tội. Thế mà trung sứ đã chấp nhận lời cầu xin của Trần Khánh Dư. Hẳn là viên trung sứ đã hiểu ý nơi bệ ngọc từ trước khi lĩnh mệnh đi bắt phó tướng Trần Khánh Dư ngoài ải Vân Đồn.

Tại trung quân, Trần Khánh Dư và các tướng đang hoạch định kế sách đánh vào đoàn thuyền tải lương của giặc. Quân thám báo về từng giờ, số thuyền giặc không có gì thay đổi. Tức là có mười chiến thuyền đi trước, mười chiến thuyền đi sau là các thuyền có mớn

chờ khá nhẹ, tới hai phần ba thân thuyền nổi trên mặt nước. Quân ta ngờ đó là thuyền binh áp tải cho lũ thuyền lương chờ rất nặng đi giữa, cả thấy là tám mươi hai chiếc.

Hai mươi chiếc thuyền quân áp tải, mỗi chiếc có thể chở được từ ba đến bốn trăm quân. Ước tính số quân chiến đấu bảo vệ thuyền lương vào khoảng từ năm đến tám ngàn người. Và mỗi thuyền cỡ ấy có thể tải đến cả ngàn thạch lương.

Phó tướng Trần Khánh Dư liền cho triệu gấp các tướng dưới quyền về hội gồm: Nguyễn Khoái, Nguyễn Chế Nghĩa, Nhân Đức hầu Trần Đa...

Khi các tướng đã tề tựu đông đủ, Nhân Huệ vương nói:

- Ta có nhời khen các ông, mỗi ông đã đánh thua một trận kiệt xuất. Mỗi người thua một cách khiến giặc không thể ngờ.

Trần Khánh Dư cười sáng khoái, nhìn các thuộc tướng, ông nói tiếp: - Thật tình, đến ta cũng không ngờ rằng các ông mỗi người lại có một cách đánh riêng, cách thua riêng. Giỏi! Các ông giỏi lắm!

- Bẩm, chúng tôi làm được như vậy là do tướng quân thường dạy chúng tôi bằng *Hung Đạo binh pháp*. - Tướng Nguyễn Chế Nghĩa nói.

- Nhưng tại sao ông lại chọn được thế đánh độc đáo vậy? - Khánh Dư hỏi.

- Bẩm, ở đoạn trên tướng Nguyễn Khoái đánh trong thế bất ngờ. Tôi không còn lợi thế của Khoái nên chọn chỗ núi có thế như khe sâu, bờ dựng và giặc buộc phải đi qua. Nhờ vào địa hình nên nhân sức quân mà giặc vừa thua đau vừa lúng túng không thoát ra được, cứ như gà mắc tóc.

- Thế còn Nguyễn Khoái, tại sao chỉ có mấy trăm quân mà ông dám xông vào giữa đám quân hùng hổ đông tới cả chục vạn, đánh và ngừng đều theo ý mình lại không thiệt đến một tên quân.

- Bẩm chủ tướng, quân giặc ý thế đông đúc lại đi trong thế liên hoàn trên mặt biển nên chủ quan cho rằng quân ta không dám giao chiến.

Tôi dựa vào hai điều có thể đánh địch: - Một là giặc không ngờ. Tức là đánh vào chỗ bất ngờ của giặc. Hai là dựa vào đêm tối, giặc không biết lực lượng của ta từ đâu đánh tới, cũng không biết quân ta nhiều hay ít. Tới khi giặc biết quân ta ít ỏi chỉ có vài chục thuyền nhỏ, chúng bao vây toan bắt sống. Ấy là lúc tôi cho quân bỏ thuyền, lặn ra ngoài vòng vây rồi bơi về chỗ có thuyền đón. Cả điều ấy nữa, giặc cũng không ngờ tới. Sở dĩ quân tôi làm táo bạo và mau lẹ, là bởi tôi cho thực hành nhiều lần và loại dần những quân thiếu can trường, không giỏi bơi lặn.

- Vậy còn tướng Nhân Đức hầu?

- Thưa chủ tướng, tôi dựa vào lợi thế của địa hình, từ trên cao nhìn thấy giặc từ xa và đánh giặc khi nó vừa mới ló đầu vào vùng

biên của ta giữa lúc nhuệ khí nó đang hùng hực. Tôi cho cung thủ khòe, dùng nỏ cứng bắn vào quân giặc đang hung hăng kiêu ngạo. Và khi thấy chúng cho quân vây lấy chúng tôi thời chúng tôi đã lui quân theo con đường mà giặc không hề biết.

Phó tướng Trần Khánh Dư nhìn các thuộc cấp với vẻ hài lòng, ông nói:

- Đúng là các ông đều biết cách thua khiến tướng giặc đinh ninh rằng quân ta yếu, quân ta nhát tới mức bỏ cả thuyền bè khí giới mà chạy. Vì thế quân ta không đủ sức cản giặc. Vậy là ta đã tạo được mấy lợi thế:

Một là ta đánh vào lúc giặc không phòng bị.

Hai là giặc có muốn đánh ta cũng không biết ta ở đâu mà đánh.

Ba là ta đã lừa được giặc vì ta luôn tỏ ra yếu kém, luôn thua trận, nên nuôi được lòng kiêu ngạo của giặc.

Bốn là ta đã phát lộ ra đoàn vận tải quân lương của giặc không còn được bảo vệ vững chắc như khi nó mới xuất phát.

Năm là hơn mười vạn quân thủy của giặc đều bỏ xa đoàn thuyền lương tới mấy ngày đường. Giả dụ bây giờ có xảy ra điều gì nguy cấp, giặc hết khả năng ứng cứu cho nhau.

Ta có năm điều trên là bởi ta giấu được hình tích. Nay chỉ còn một việc là phải tiêu diệt đoàn thuyền lương khổng lồ này của giặc. Có nhẽ chỉ đêm nay hoặc sớm mai là chúng đi vào địa phận Tiên Yên, cách Cửa Vạn nơi ta đang đóng đại bản doanh chừng hai chục dặm. Vậy ta hỏi các ông làm thế nào có thể diệt gọn được chúng để Quốc công hãm đại quân của Thoát-hoan vào thế bị tiêu diệt.

Các tướng có vẻ đăm chiêu suy nghĩ, Nhân Huệ vương liền giục:

- Thời gian không còn nhiều đâu, ta phác thử vài ý, các ông hãy cùng ta suy ngẫm để tìm ra diệu kế.

Quanh khu vực ta đây có mấy cửa có luồng lạch sâu giặc có thể vào.

Một là cửa Tiên Yên, hai là Cửa Vạn, ba là Cửa Đồi. Cửa Tiên Yên vừa nhỏ vừa không có đường vào Bạch Đằng để ngược Vạn Kiếp, coi như giặc không vào cửa này. Còn lại Cửa Vạn và Cửa Đồi đều nằm trong khu vực Vân Đồn. Từ đây giặc qua Bái Tử Long vào Hạ Long qua Cửa Lục mà vào sông Bạch Đằng rồi ngược Vạn Kiếp. Vậy theo ý các ông ta nên mai phục thế nào để dim chết lũ quân lương này?

Tướng Nhân Đức hầu lên tiếng trước:

- Bẩm vương, đám thuyền lương của giặc theo phỏng đoán chúng có khoảng từ năm ngàn đến non một vạn quân bảo vệ. Số quân ấy hẳn chúng vừa tập trung vào các chiến thuyền đi trước đi sau vừa tản về các thuyền lương để hộ vệ. Hiện thời giặc đang tự xem việc vào đất nước ta như đi vào vùng đất vô chủ. Nếu ta tập trung một số quân đủ lớn, đánh bất ngờ có thể diệt gọn cả quân hộ vệ lẫn thuyền lương, xin vương cân nhắc.

Tướng Nguyễn Khoái nói tiếp:

- Tôi nghĩ thuyền giặc chờ nặng nên chúng đi rất thưa thoáng vì chúng sợ va đụng vào nhau, bởi vậy nó trải dài tới cả mấy chục dặm. Nếu chúng ta rải quân trên một thế trận kéo dài như vậy e rằng thuyền giặc sẽ chạy tứ tán, ta không thể diệt được nhiều. Chỉ bằng chia cắt giặc thành từng cụm mà diệt. Nếu diệt được nửa số lương thực của giặc thì cuộc chiến rút ngắn được nửa thời gian, nếu diệt được hoàn toàn số lương thực này thì đại quân của Thoát-hoan không hơn lũ bù nhìn rơm, Quốc công muốn tiêu diệt hoặc muốn đuổi nó về đâu khôn theo ý mình cả.

Nguyễn Chế Nghĩa chăm chú theo dõi những điều Nguyễn Khoái nói. Khoái vừa ngừng lời Chế Nghĩa xin nói:

- Bẩm chủ tướng, tiểu tướng cho rằng kế của tướng Nguyễn Khoái nên dùng. Mạt tướng không có ý gì khả thi hơn hai bậc đàn anh.

Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư trở vào tấm bản đồ treo trên vách nói:

- Thời cơ cướp lương của giặc, cũng tức là triệt lương thực của chúng chưa bao giờ thuận lợi như lúc này. Bởi đại quân thủy bộ của chúng đã kéo hết về Vạn Kiếp. Bây giờ chúng chỉ còn chờ lương thực tới là triển khai thế trận. Ta chắc nó sẽ tiến đánh Thăng Long nay mai.

Bởi vậy, ta thử vạch kế đánh tiêu diệt đoàn quân lương của giặc, các ông nghe, thấy chỗ nào sơ hở phải bỏ cứu cấp kỳ.

Đây là cửa Tiên Yên, tướng Nhân Đức hầu lĩnh năm ngàn quân với thuyền bè đầy đủ khi thấy thuyền giặc đi qua quá nửa thì xông ra đánh chia cắt giữa đám thuyền hộ vệ và thuyền lương. Khi ấy thì toán quân đi đầu của giặc tới ngang Cửa Vạn, giặc có thể lấy Cửa Vạn vào Vân Đồn rồi qua Bái Tử Long, Hạ Long, Cửa Lục tiến vào Bạch Đằng. Ta sẽ phục năm ngàn quân ở đây đánh vỗ mặt cánh quân hộ vệ này. Khi quân hộ vệ giao chiến thì Nguyễn Chế Nghĩa đã phục sẵn năm ngàn quân cùng thuyền bè khí giới phía ngoài để đánh tạt sườn đoàn thuyền lương. Như vậy ta chặn đầu, chặn đuôi và tạt sườn buộc chúng phải đi vào Cửa Vạn. Nếu chúng chui vào Cửa Vạn thì ta đủ sức tiêu diệt tới ba vạn quân thủy của giặc, và các thuyền lương không bị đắm trong lúc giao tranh ắt bị ta bắt sống và thu lấy lương thực.

Hai mũi chặn đầu và khóa đuôi giặc đều phải dùng nó liên châu và tên bụi nhùi bắn cháy hết buồm của giặc. Phải nhanh chóng đánh gục đám quân hộ vệ này thì việc bắt thuyền lương của giặc sẽ bớt khó khăn. Tuy nhiên, quân của Nguyễn Chế Nghĩa phải dùng nó liên châu bắn tên bụi nhùi, diêm tiêu đốt cháy một số thuyền lương. Khi có ngọn lửa bốc lên, giặc sẽ hoảng loạn. Ta giả định, nếu giặc lọt vào trận địa ta vào buổi trưa hoặc non chiều, thời ta có thể tiêu diệt chúng như ta mong muốn. Ngược lại, nếu chúng tới đây vào lúc đêm tối, có thể chúng sẽ chạy tứ tán ra biển khiến ta khó bề truy đuổi.

Nhân Huệ vương ngừng lời, ông nhìn các tướng xem họ có đồng tình hay phản bác cái kế ông vừa đưa ra.

Nhân Đức hầu Trần Đa gương mặt tươi rói, ông thăm vui bởi chủ tướng hoạch định kế bại giặc trong đó có dụng đến kế của ông. Trái lại Nguyễn Khoái mặt đỏ gay, xin nói:

- Bẩm vương, Khoái này là đồ bỏ hay sao mà không thấy chủ tướng sai bảo.

- Không phải không có việc cho tướng quân, nhưng ta còn phải cân nhắc, bởi ta e hơi quá sức ông, vì việc này lớn lắm.

Với vẻ quả quyết, Nguyễn Khoái nói:

- Bẩm vương, đời núi lấp biển quả là ngoài tầm với của Nguyễn Khoái, còn như đánh giặc thì đúng là việc của mặt tướng đấy, xin vương chớ ngại trao việc khó cho Khoái.

- Vậy thì Nguyễn Khoái nghe lệnh: - Tướng quân lĩnh một muôn quân, thuyền bè, khí giới đầy đủ, một nửa phục trước Cửa Đồi, nếu thuyền lương của giặc có ý định không vào Cửa Đồi mà tìm đường đi thẳng vào cửa An Bang thì tấn công kịch liệt, buộc nó phải chui vào Cửa Đồi. Một phần quân phục ở đây đánh phủ đầu nó. Một phần phục rải ra trên nhiều đoạn Sông Mang, đánh cho nó tan tác. Chắc sẽ có một ít thuyền sống sót chạy vào Bái Tử Long, ở đó đã có tướng Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tăng. Kẻ nào thoát chết ở đây chạy về Cửa Lục đã có Chiêu Minh vương đón đợi.

Nắm chặt hai bàn tay thành hai nắm đấm, cứ như vương đang siết bóp một vật gì ở trong lòng tay, và với vẻ quả quyết Trần Khánh Dư nói: - Trách phận của chúng ta là phải diệt bằng hết không để một thuyền lương nào của giặc lọt được vào tay Thoát-hoan. Kế sách của chúng ta là như vậy, mục đích của chúng ta là như vậy, ý các ông thế nào.

- Xin tuân mệnh chủ tướng! Các tướng đều đồng thanh nói.

Ta quên dặn các ông một điều rằng tướng giặc chỉ huy đoàn quân tải lương này là Giao Chỉ hải thuyền Vạn hộ Trương Văn Hồ. Hồ vốn là con tên cướp biển khét tiếng được tên du mục Hốt-tát-liệt chiêu dụng. Y có biệt tài ném phi tiêu, các ông phải hết sức bảo trọng cho mình và cho binh lính. Trước khi ra quân phải tính toán thật cẩn kẽ, để hễ đã đánh là thủ thắng. Phải luôn luôn coi kẻ địch là địch mạnh, chớ có coi chúng là quân tải lương không thiện chiến.

Trong vùng Cửa Vạn này ta chịu trách nhiệm, ta sẽ cố gắng tận thu tối đa lương thực của giặc để nuôi quân mình. Các ông ở chỗ vận động, tranh chấp, ai nhanh hơn, mạnh hơn, dũng hơn sẽ thắng. Trách phận của các ông không phải việc thu lấy lương thực mà là đánh chìm thêm các thuyền lương của giặc, chớ có tham mấy đầu lương mà hỏng việc. Các ông nhớ kỹ nhời ta dặn chưa?

- Dạ nhớ!

- Nền biết, gặp giặc tới ban ngày, đánh ban ngày, giặc tới ban đêm, đánh ban đêm. Đây là thời cơ tốt nhất để các ông lập công. Và nếu không còn gì hỏi, bàn nữa thì các ông về ngay kịp bắt tay vào công việc.

Các tướng cúi chào Nhân Huệ vương rồi ai về trại ấy.

Các trại quân, trại nào trại ấy đều đã sẵn sàng, chỉ chờ có lệnh là lên đường. Quân sĩ thấy đều háo hức lập công, bởi từ ngày nghe tin giặc đã vào cõi, giặc điều võ giương oai, thuyền giông, cờ xí rầm rập đi trên vùng biển của ta cứ như đi trong ao nhà của chúng. Trong khi quân ta phải lánh đi, phải nén giận nhìn giặc ngang nhiên lướt qua mặt mình, khiến lòng quân sục sôi căm uất cho nên khi các

tướng vừa nói sửa soạn ra trận, hết thấy quân sĩ đều nức lòng.

Trên vùng biển này quân sĩ ai cũng thuộc nằm lòng từ luồng lạch chỗ nào sâu, nông, chỗ nào có đá ngầm thuyền chỉ đi được vào lúc nước cường, còn khi nước rặc lại phải vòng theo đường khác, lạch khác. Rồi chỗ nào ẩn nấp chờ đánh quân phục... tất thấy mọi người đều nhập tâm, bởi thường ngày họ phải tuần tra và tháng tháng lại có một cuộc diễn tập. Hơn nữa họ còn là con em của các nhà chài lưới, quanh năm sống bằng nghề lọc nước lấy cái, họ không còn lạ lẫm gì với biển, đảo của vùng này. Dù đã quen thuộc như vậy, nhưng các tướng đều lấy cát rắc thành sa bàn, lập lại mô hình, bố trí đội hình thật là chi tiết, cụ thể. Vị trí từng đô quân, từng người lính ở chỗ nào đều nhận rõ trên sa bàn và tự đối chiếu với mặt biển.

Các tướng gặng hỏi các thuộc cấp không ai còn chút nào hồ nghi, lại hỏi bắt chợt những người lính xem họ có nhận ra vị trí của họ là chỗ nào trên sa bàn và ứng với chỗ nào trên mặt biển. Có thể nói, cả vạn người không một ai không thông hiểu nhiệm vụ đánh giặc, không một ai không biết vị trí của mình, công việc của mình trong thế trận sắp diễn ra.

Các tướng cho quân nghỉ ngơi, ăn uống và chuẩn bị thêm một hai bữa nữa để sẵn trên thuyền, phòng khi phải mai phục chờ giặc. Ngay đêm đó các đội binh thuyền đều được đưa tới các vị trí để chiếm lĩnh trận địa.

Sau gần một ngày chờ đợi mãi tới khi mặt trời rơi xuống đỉnh núi thì chiếc thuyền đầu tiên của giặc mới ló vào ngang cửa Tiên Yên. Chiếc thuyền tiên phong của giặc có dáng gọn, nhẹ giương hai lá buồm đỏ thắm, trên đỉnh cột buồm treo một lá cờ có màu hao hao với màu nắng, hẳn nó là màu vàng, loáng thoáng có những chấm đen hoặc đỏ ở xa không nom rõ, chắc đó là mấy chữ Hán hoặc chữ Mông Cổ.

Đang lúc nước triều lên, gió thổi mạnh hơn nên thuyền giặc cũng đi nhanh hơn. Thuyền giặc nối nhau thưa thoảng, đứng trên cao nhìn xuống thấy chúng giăng giăng thật là nghịch mắt. Trời nước êm ả thanh bình, mấy cánh hải âu chao liệng trên mặt biển ngay sát với đoàn thuyền khiến ta có cảm giác đây là một đoàn du thuyền hơn là chiến thuyền, hoặc thuyền vận tải quân lương cho một đội quân không lồ đang nằm sâu trong đất ta, ngày ngày chúng sục sạo vào các hương ấp vợ vết của cải, tàn sát dân ta.

Khoảng gần cuối giờ hội, mặt biển bừng sáng, vài thuyền giặc bốc cháy, rồi nhiều thuyền bốc cháy, ngọn lửa càng lúc càng dâng cao, từ đỉnh núi nhìn xuống tựa như một đêm hội hoa đăng. Tuy vậy, tại đó chiến trận đang diễn ra hết sức ác liệt. Thoạt đầu là tướng Nhân Đức hầu cho quân xuyên một mũi tách đâm thuyền lương và thuyền chiến rồi khóa đám thuyền chiến lại đánh xáp lá cà.

Quân chúng trên thuyền vừa vào giấc ngủ, và lại từ bữa qua Vạn Ninh, quân Việt chỉ quấy rối nhì nhằng rồi tháo chạy. Và từ đó quân Nguyên cứ men theo bờ biển của Giao Chỉ đi trong cảnh thuận buồm xuôi gió, sóng yên biển lặng, ngày vài bữa ăn xong quân lại xúm quanh chiếu bạc đêm thì ngủ vui, chỉ còn vài đứa thức thay nhau giữ tay lái tay lèo cho thuyền đi êm ả như đi vào cõi mộng mơ. Bất chợt bị quân Đại Việt chặn đánh, thuyền chúng xô vào nhau gây vỡ răng rắc, buồm lật thuyền quay nghiêng, lái không còn điều khiển được nữa. Quân giặc hốt hoảng chưa kịp định thần, chưa biết điều gì vừa xảy ra thì quân Đại Việt đã ào ào nhảy lên thuyền giặc, dao nhọn giắt lưng, mã tấu cầm tay đâm chém lia lịa.

Cùng lúc tướng Nguyễn Chế Nghĩa phục quân từ ngoài biển đánh tạt sườn đoàn thuyền lương, và ở phía trên Cửa Vạn quân của

phó tướng Trần Khánh Dư đánh vô mặt đám binh thuyền giặc, theo như kế đã vạch là lừa cho binh lương giặc phải vào Cửa Vạn. Bởi trong Cửa Vạn là căn cứ, là sào huyệt mệnh mông của đại bản doanh Trần Khánh Dư ở Vân Đồn. Và tại đó ông đã bố trí binh lực có thể nghênh chiến với đại binh của giặc. Mặt khác ông cũng chuẩn bị cả kho tàng trong hang núi, nhằm hót lương của giặc tích chứa vào đó để nuôi quân mình.

Lại nói tướng Trần Đa sau khi cho quân khóa đám chiến thuyền của giặc, đâm bảy chiếc xô vào nhau gây vỡ khiến quân chúng hốt hoảng, lại cũng có phần chúng còn đang ngái ngủ. Vì vậy trong các chiến thuyền đó, quân Đại Việt hạ sát quân Nguyên nhanh tới mức không một tên nào kịp chống cự.

Những chiến thuyền ở phía sau, giặc đã nhanh chóng hạ buồm cho giống với các thuyền của quân Đại Việt, và lợi dụng đêm tối chúng tìm đường trốn chạy. Một số đã chạy thoát.

Phía trên Cửa Vạn từ hướng đông nam, quân của Khánh Dư đánh rất rát, giặc ùn lại trước Cửa Vạn, một số thuyền lương của giặc đã rẽ vào Cửa Vạn và cứ theo lạch chúng chạy miết vào trong.

Phía sau, tức là từ hướng tây bắc, quân của Nhân Đức hầu vẫn đánh thúc vào lưng giặc, và Nguyễn Chế Nghĩa vẫn giảng quân đánh tạt sườn. Chiến trận trải quá dài, mặt biển lại mệnh mông, quân dù dũng cảm nhanh nhẹn nhưng không đủ để khép kín vòng vây tiêu diệt hết chúng ngay từ trận đầu.

Trương Văn Hồ đi trong chiếc thuyền chỉ huy gọn nhẹ, khi thấy tiền quân, hậu quân đều bị chặn đánh, tinh thần của hần bỗng nhiên suy sụp. Quân Đại Việt xuất hiện bất thành linh và với quy mô đông đúc ào ạt nằm ngoài sức tưởng tượng của hần.

Tuy đã quen thạo với biển cả lại đã từng theo cha hần làm nghề cướp biển, cha con hần từng là nỗi kinh hoàng cho các tàu thuyền qua lại vùng biển Triết Giang, Phúc Kiến. Bây giờ đến lượt hần phải hết sức kinh hoàng về tài xuất quỷ nhập thần của hải binh Đại Việt. Không biết họ rình rập ở đâu mà cùng lúc ào ra như từ trên trời cao ụp xuống. Hần có ngón phi tiêu sở trường giúp hần luôn giành chiến thắng. Ấy là khi đã biết rõ thủ lĩnh của nhóm đối đầu, nhưng bây giờ thì đông, tây, nam, bắc... chỗ nào cũng ào ào khí thế xung sát nhằm vào hần, nhằm vào cả đoàn quân lương của hần, cho nên hần lúng túng không biết ném phi tiêu vào đâu và cũng không biết ném vào ai. Nhưng chẳng lẽ ta lại để cho chúng bắt sống làm tù binh hoặc bị chúng chặt đầu sao. Thế thì có khác gì cá kinh bị chết đuối. Lòng tự ái của một tên cướp từng vẫy vùng ngang dọc như thôi thúc hần phải thoát khỏi trùng vây. Trương Văn Hồ lấy dả phi thân sang một chiếc thuyền ở phía ngoài, rồi chuyển tới chiếc ở phía ngoài nữa, hần đi về đằng lái chỉ cho tên cầm lái hướng thoát thân.

Một số những chiếc thuyền khác lạng lẽ vượt ra khỏi vòng vây. Trong khi ấy lửa vẫn còn leo lét cháy ở một số thuyền lương bị đốt và tiếng hô “Sát Thát!” cùng với tiếng tù và, tiếng trống đồng của quân Đại Việt vẫn vang âm cả mặt biển.

Quân Đại Việt do thông thạo địa hình lại giỏi nghề bơi lội, được chủ tướng dạy cho phép đánh cận chiến và thường xuyên được luyện tập nên khi gặp giặc họ chẳng còn lạ lẫm gì. Hơn nữa phần đông trong số họ đã từng tham gia đánh bại quân Nguyên trên các bến Chương Dương, Hàm Tử và Vạn Kiếp trong trận chiến năm Ất Dậu mới cách đây có ba năm, lòng căm giận loài giặc dữ còn chưa nguôi, nay lại bùng cháy lên như một bể dầu sôi.

Hai chiến sĩ vừa nhảy sang thuyền giặc lập tức có năm tên quây lại đánh. Hai chiến sĩ lấy dao gạt bay các đồ khí giới của giặc, mấy tên khác liền xông vào. Vừa lúc Nguyễn Chế Nghĩa cùng mấy đồng sĩ khác nhảy lên thuyền giặc tiếp ứng. Chế Nghĩa dùng dao chém rụng đầu một đứa, máu từ cổ y phun lên thành cột. Trong lấp lóa ánh đèn mờ ảo, quân giặc sợ xanh mặt lùi về một góc thuyền. Quân Việt đành phải hóa kiếp chứ không lý gì lại nương tay với giặc, bởi chỉ trong ba, bốn năm chúng đã hai lần gieo tội ác tày trời.

Trương Văn Hồ chạy cùng với bao nhiêu thuyền lương, thuyền chiến chạy theo, y cũng không biết nữa. Y hò hét ra lệnh cho quân vừa dùng sức gió chạy buồm, vừa dùng sức người chèo cho thuyền chạy nhanh. Chạy nhanh hơn nữa chỉ mong sao cho thoát chết.

Thuyền ra khỏi vùng chết độ mười dặm, Trương Văn Hồ thấy bốn bề tĩnh lặng chỉ có trời nước mênh mang và tất cả đều chìm trong cái màu mờ xám đến nhức mắt, duy chỉ có chòm sao Bắc Đẩu ngự trên cao kia là nhấp nháy sáng. Nhìn vào vị cứu tinh của biển cả, Trương Văn Hồ cảm thấy âm lòng và y chợt nghĩ đến mấy viên Giao Chỉ hải thuyền phó đô tướng Phí Cung Thìn và Từ Khánh, chẳng biết chúng đang ở đâu. Liệu chúng có chạy thoát hay đã rơi vào miệng cá hoặc bị quân Đại Việt bắt làm tù binh. Trong khi y còn chưa nghĩ tiếp được điều gì thì nghe phía trước có tiếng nước reo như thác đổ. Trương Văn Hồ hốt hoảng không biết là điềm triệu gì. Trong bản đồ hải trình không thấy ghi quãng này có đặc điểm gì. Tiếng nước reo ào ào nghe mỗi lúc một rõ hơn. Đêm tối không nhìn thấy vật gì để mà phân biệt, nhưng với linh giác Trương Văn Hồ cảm thấy có điều gì nguy hiểm đang rình rập. Y quay lại nói với tên cầm lái: “Ta nghe như đầu đây có một miệng nước có sức hút lớn lắm, các ngươi phải cẩn trọng, tình huống kéo đắm thuyền như chơi đấy”.

Thuyền giặc đi được khoảng vài dặm nghe phía trước có tiếng ả ả như tiếng quân reo. Và bỗng nhiên trên nền trời tối sẫm xuất hiện mấy vệt sáng như lân tinh, rồi nhiều vệt như thế in hằn trên nền trời. Rõ là bên địch bắn pháo thăng thiên làm hiệu cho nhau. Tiếng reo rõ dần, rõ dần. Đó là những tiếng “Sát Thát” quen thuộc của quân Giao Chỉ, Trương Văn Hồ nhận ra mọi sự hiểm nguy vẫn còn đang ở phía trước. Y thầm nghĩ: - Chẳng nhẽ ta đã đến ngày tận số rồi sao. Nhớ bữa sắp ra đi, tên thầy số bảo ta năm nay có hạn nhẹ, nhưng con đường công danh đang rộng mở. Lần này thoát nạn trở về, ta phải lấy đầu nó. Thôi thì nhắm mắt đưa chân, đường xa, xứ lạ ta biết tính sao đây. Muôn sự tại trời cả. Chẳng ai đoạt được quyền của tạo hóa. Trương Văn Hồ đang phân vân, phía trước có quân địch đang chặn đường, gần kề lại có miệng nước đang réo sôi. Hồ nghĩ ngay đến việc phải thoát thân, phải chạy ngay ra biển. Hắn quay lại phía viên lái thuyền quát: Hữu! Hữu! Nhẽ ra phải ra lệnh cho thuyền quay mũi ra biển như hấn nghĩ, đương nhiên phải nói “rẽ trái”, thế nhưng hấn lại quát “rẽ phải”. Ngay lập tức thuyền bị hút vào miệng nước. Nước đội thuyền lên cao chót vót, gió lật làm cánh buồm đôi hướng khiến thuyền chao nghiêng và ngay lập tức cả một khối nước cao lừng lừng đổ ập xuống, mũi thuyền chúi chúc tưởng nó sẽ lao xuống đáy biển, và như có phép lạ nước lại cuộn dâng nâng bổng mũi thuyền lên làm cho phía lái như chìm xuống rồi dòng nước ném cả con thuyền lao đi một quãng khá xa. Trương Văn Hồ hú vía, đêm tối không ai nhìn thấy gương mặt hấn thất thần như thế nào. Quả thật trong cuộc đời giang hồ trên biển cả, chưa bao giờ tính mạng hấn lại bị cái chết đe dọa liên tiếp như thế này. Hồ đang rất hoang mang, không biết phía sau có bao nhiêu thuyền thoát nạn theo hấn vượt qua cửa tử này. Theo định hướng la bàn, hấn biết đường đi đang hướng vào cửa Bạch Đằng, nhưng sao phía trước lỗ nhỏ không biết bao nhiêu trái núi đang hiện lên cản đường, cứ như hấn đang đi vào cửa tử của một trận đồ bát quái. Khen thay tên lái thuyền cũng vào tay quái kiệt, không những y thoát được cái miệng nước khủng khiếp, lại tránh được cả những trái núi sừng sững kia. Vừa không va vào vách núi, vừa tránh được đá ngầm. Tránh đá ngầm phải là những tay lái thuộc

luồng lạch và ban ngày ban mặt trông màu nước mà biết nông sâu, chứ ban đêm sao tránh nổi. Có nhẽ bọn chúng còn gặp may chưa chết ấy là bởi đang lúc nước triều lên.

Không biết có mấy chiếc thuyền lương đã thoát qua miệng nước vào trong vịnh, nhưng có một chiếc do lái thuyền điều khiển thế nào mà mũi thuyền đâm thẳng vào vách núi, thuyền gãy đôi, như người ta bẻ miếng bánh đa vừa mới nướng. Chỉ nghe một tiếng gãy khô khốc rồi thuyền chìm mất tăm. May mà thuyền giặc đi thưa thoáng, nếu không sẽ nổi đuôi nhau chìm ngấm.

Mãi rồi đêm tối cũng lui xa và bình minh dần hé mờ. Khi đã nhìn được bằng mắt thường, một quang cảnh hiện ra khiến Trương Văn Hổ ngỡ ngàng. Mặt biển trắng một màu sữa, sương khói bốc lên chầm chậm phủ quanh các ngọn núi và chỉ còn phơ một chòm trên chóp đỉnh. Các ngọn núi như đang đội sương mù mọc lên. Trương Văn Hổ như quên mình là kẻ thất trận, thoáng lát y có cảm giác như đang lạc vào thế giới của thần tiên.

Lại nói Nguyễn Khoái cho quân ngăn giặc không để chúng vượt qua Cửa Đồi, còn Nguyễn Chế Nghĩa vẫn bủa quân ở phía ngoài săn những thuyền giặc trốn chạy. Đêm tối không rõ số thuyền chiến và thuyền lương chúng lọt vòng vây trốn chạy được bao nhiêu chiếc, nhưng từ khi trời hừng sáng thì những chiếc nào còn lại nếu không bị đánh đắm tại chỗ cũng buộc chúng phải chui vào Cửa Đồi.

Mặt trời mùa đông lên chậm chạp, ánh nắng yếu ớt khiến bầu trời không được quang đãng, nhưng khoảng cuối giờ thìn thì sa mù cũng tan dần, trả lại cho mặt biển và núi non cái màu xanh vốn có. Trương Văn Hổ nhìn quang cảnh núi và biển hùng vĩ mà đẹp đến nao lòng, nhưng cũng trắc trở khôn lường, y bắt lái thuyền đi chậm lại để chờ các thuyền đi sau. Chính mắt y đếm đã thấy khoảng non chục chiếc, thuyền lương, chưa nhìn thấy bóng dáng một chiếc thuyền hộ tống nào. Y thầm nghĩ: - Chẳng nhẽ bọn này bị quân Giao Chỉ giết chết hết rồi sao. Tuy nhiên, y đã thấy hơi âm âm lờn. Lúc này y muốn các thuyền lương đi gần nhau hơn, rồi có gặp địch còn tựa vào nhau để có sức mạnh kháng cự.

Trương Văn Hổ đứng trên mũi thuyền nhìn mãi về phía sau, y không đếm cũng như không ước lượng được còn bao nhiêu thuyền tiếp nối, bởi có những trái núi nhô ra che khuất tầm nhìn. Yên tâm, Giao Chỉ hải thuyền vạn hộ Trương Văn Hổ vẫy cờ ra lệnh cho đoàn thuyền tiếp tục lên đường. Chừng một giờ sau thuyền giặc đã vào tới một vùng mà y thấy gọn tóc gáy, bởi hai bên là hai dãy núi dựng đứng giữa là một khe nước, nom tựa như một dòng sông. Tuy nhiên, các dãy núi đó không liền một mạch mà nó bị đứt từng khúc, nhưng xa trông nó như một dãy tường thành, kẻ lạ lẫm không biết cái thạch lũy này và dòng sông kia sẽ dẫn tới đâu. Dân chài lưới vùng này nom cái đoạn tựa tựa dòng sông liền đặt cho nó cái tên là Sông Mang. Thủy quân Đại Việt do nắm chắc địa hình, lợi dụng những quãng đứt nối kia mà ém quân phục, giặc không thể lường được. Chúng vẫn cứ đi một cách thận trọng, tựa như một đội quân vừa khiêm thính vừa khiêm thị, vừa đi vừa dò dẫm.

Tỏ ra một kẻ thành thạo nghề biển và cũng biểu thị cái liều của tên cướp biển, Trương Văn Hổ nghênh ngang dẫn đầu đoàn thuyền lương sau khi bị đánh tới tấp. Khi thuyền của Hổ và bốn chiếc đi sau vừa ra khỏi mạch núi bị đứt thì quân phục của Nguyễn Khoái xông ra chặn khúc giữa, chia đoàn quân lương của giặc làm ba đoạn, nhưng chỉ vây đánh các thuyền sau, còn năm chiếc thuyền đi trước để nhường cho các đoàn quân mai phục ở phía trong.

Chiếc thuyền thứ năm nhìn lại thấy các bạn thuyền đi sau bị chặn đánh, nó liền phát tín hiệu cấp báo cho các thuyền đi trước. Trương Văn Hồ vội cờ phát lệnh cho các thuyền đi nhanh hết tốc lực. Trương Văn Hồ không lường trước được cơ sự lại hiểm nguy đến như vậy. Y đã cẩn thận xin thêm năm ngàn quân để hộ tống và đoàn quân lương đã đi vào giữa các viên hồ tướng như Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp đi tiên phong; Trương Ngọc, Lưu Khuê đoạn hậu với cả hơn mười vạn quân. Thế rồi bọn tướng lĩnh này thấy quân Giao Chỉ hèn yếu không đủ sức đánh đấm, nên đã bỏ mặc đoàn quân lương cho ta mà chúng vượt lên đề sớm về hội với Trần Nam vương. Hóa ra quân Giao Chỉ dùng mẹo để lừa đại quân thiên triều. Và chúng đã đánh tan tác đoàn quân lương của ta. Ôi Trần Nam vương ời là Trần Nam vương, quân của ngài không có lương thực ắt phải chết đói. Hưng Đạo quả là tướng của nhà Trời. Thảo nào thiên tử (Hốt-tát-liệt) cảm ông ta đến vậy. Nhớ buổi thết yến, hai ba lần thiên tử nhắc Trần Nam vương và Áo-lỗ-xích phải bắt bằng được Hưng Đạo về cho ngài xem gan. Đến nước này không biết rồi ai bắt ai đây. Nếu quân đói lâu ngày ắt sẽ nổi loạn. Chính cái đám quân đói ấy nó sẽ bắt chủ tướng đem nộp cho địch để kiếm miếng ăn, giữ mạng sống. Tội ta thật lớn, nhưng Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp, Trương Ngọc, Lưu Khuê, tội chúng còn nặng hơn ta nhiều. Ta đang bị quân Giao Chỉ dồn tới bước đường cùng, ta quyết lấy sinh mạng bảo đảm số lương thực ít ỏi này để góp phần cứu nguy cho Trần Nam vương và tâu báo để ngài rõ thêm trách phận của Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp...

Chạy tiếp khoảng hơn chục dặm, cảm thấy tạm yên ổn, Trương Văn Hồ nán lại chờ các thuyền sau. Khi tập hợp đủ cả năm thuyền, y cho triệu đô tướng của các thuyền đến hội. Trương Văn Hồ vừa nói vừa lăm lét thả tầm mắt về mọi phía canh chừng xem có dấu hiệu gì của đối phương xuất hiện. Y nói:

- Ta có nhờ khen các ông cùng sĩ tốt đã gan dạ chiến đấu đánh bại được quân Giao Chỉ, bảo toàn được lương thực. Nay mai về hội dưới trướng, ta sẽ tâu Trần Nam vương ban khen cho các ông. Tuy vậy, chặng đường sắp tới chưa biết an nguy thế nào. Có thể quân Giao Chỉ còn quấy nhiễu, nhưng sức quân nó thực không hơn đám giặc cỏ. Chỉ cần khi gặp giặc, ta phải bình tĩnh nhằm sơ hở của nó mà tìm đường thoát cho thật nhanh. Nên nhớ, thuyền của ta vừa to lớn công kênh vừa chớ nặng, việc di chuyển thật khó khăn. Bởi vậy phải biết tựa vào nhau, kết liên lại làm sức mạnh. Hiện thời chưa biết quân hộ tống chạy đâu hết, nhưng mỗi thuyền vẫn còn tới năm sáu chục quân, nếu biết chia ra mà đối phó thật gan dạ, thời quân ít vẫn có thể thắng quân nhiều. Chỗ này ta thấy tạm yên, các ông về cho thuyền ần sát vào chỗ khuất lấp quanh sườn núi, chờ xem còn thuyền quân, thuyền lương nào chạy thoát thì gom cả vào đây. Có nhẽ quân ít, ta không thể đi ban ngày được đâu, một khi giặc đã phát lộ ra thì khó bề tẩu thoát.

- Bẩm vạn hộ thế thì ta phải đi trong đêm sao. Một viên đô tướng mạnh dạn hỏi.

- Phải, chúng ta đi đêm, Trương Văn Hồ đáp.

- Bẩm đi đêm như người mù, mà lũ hạ cấp đâu có biết được luồng lạch sâu nông thế nào, lại còn san hô, đá ngầm nguy hiểm lắm.

- Được, ta sẽ đi tiên phong dẫn đường, các ông cứ theo luồng ta đã đi thì không sợ vấp. Nói xong Trương Văn Hồ khoát tay ra lệnh: - Mau cho thuyền tìm chỗ trú ẩn kín đáo.

Lại nói các tướng Nhân Đức hầu Trần Đa, Nguyễn Chế Nghĩa, Nguyễn Khoái chặn đánh tan tác mấy chục thuyền quân hộ tống và cả đoàn thuyền lương dài dằng dặc từ cửa Ba Chẽ qua Cửa Vạn tới Cửa Đồi. Đám thuyền binh giặc những chiếc nào bị quân ta quấy lại

đánh, biết nguy ngập không chạy trốn được, chúng chống cự rất yếu ớt rồi ngồi tùm lại ở một góc thuyền, khi quân ta ùa vào chúng đều xin hàng cả. Còn những chiếc ở ngoài vòng vây, chúng không hề có ý định cứu nhau hoặc cứu các thuyền lương mà mạnh thuyền nào thuyền ấy tháo chạy.

Nhiệm vụ của ba vị tướng quân ngoài việc tiêu diệt giặc còn phải ngăn không cho chúng nó chạy thoát và dồn chúng vào Cửa Vạn và Cửa Đồi để các lực lượng phía trong tiêu diệt nốt.

Sau khi đã trao nhiệm vụ cụ thể cho từng vị tướng dưới quyền, Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư tự mình cầm quân bày trận chờ bắt giặc trong vùng Cửa Vạn.

Quả nhiên thuyền giặc trong khi hỗn chiến biết mình núng thế phải tìm đường trốn chạy nhưng lại không xác định được phương hướng. Vì thế các thuyền hộ tống và thuyền lương chạy vào Cửa Vạn khá nhiều.

Trần Khánh Dư lập kế bắt sống tất cả quân giặc một khi chúng đã chui đầu vào Cửa Vạn. Vì vậy ông cho quân phục kích khắp các luồng lạch ngang tắt và chỉ để một luồng chính cho thuyền giặc chạy thẳng vào sâu trong quần cảng cũng tức là vào sào huyệt của ông.

Khi giặc đã vào trong cái túi mà ông mở sẵn thì ông chỉ việc siết miệng túi lại tựa như người cất vó bè. Quả nhiên quân giặc lũ lượt kéo nhau chạy vào. Trước nhất là năm chiếc thuyền binh đầy lính, đũa nào đũa ấy cung, nỏ đã giương sẵn chỉ chờ buông dây hoặc bật lẫy. Tiếp đó cả chục thuyền lương chở nặng lặc lè cũng nối đuôi nhau chạy vào. Bởi tất cả các luồng lạch khác quân ta đã bịt kín, chỉ còn một lối để ngỏ cho giặc chạy vào khu bến cảng.

Thuyền giặc vừa chồm vào bến cảng trời đã mờ mờ sáng. Cho tới lúc trời sáng trắng, hết thấy quân giặc đều khiếp sợ vì trước mặt là dãy núi làm bình phong của bến. Cờ xí Đại Việt giăng giăng, quân mai phục tầng tầng lớp lớp bên sườn núi. Vòng cung phía sau bến áp sát bờ, sừng sững một dãy núi cao chạy song song với bờ biển, trên núi là rừng cây rậm rạp, ngang sườn núi không thấy cờ xí nhưng trong các lùm cây, nhìn kỹ đều thấy động. Chắc là quân mai phục ken dày chứ giờ này... thú ăn đêm thì đã đi ngủ, thú ăn ngày lại chưa ra khỏi hang. Ngoảnh nhìn bên tả một đoàn thuyền cờ xí tung bay, các mái chèo bắm nước phăm phăm bọt tung trắng xóa, thuyền lao nhanh như ngựa chạy, ngoảnh nhìn bên hữu lại một đoàn thuyền khác cũng đang lao nhanh y hệt đoàn thuyền bên tả. Vậy là tiền hậu, tả hữu tứ phương đều thụ địch.

Lũ giặc trên thuyền dù là thuyền chiến hay thuyền lương thấy đều hốt hoảng, chúng co cụm lại trên mỗi thuyền và các thuyền đều áp mạn vào nhau chứ không tìm đường trốn chạy nữa. Ngay cả những tên lính khi trước lăm lăm cung nỏ nay đều vút hết xuống sập thuyền. Chắc là các viên đô chỉ huy biết không thể kháng cự và cũng không thể trốn chạy. Đúng lúc đó, từ trên bờ, ngay phía sau những chiếc thuyền giặc, có tiếng nói phát qua một chiếc loa đồng, giọng trầm sâu chắc nịch, đương nhiên phải nói bằng tiếng Tàu:

“Kẻ xâm lược đã cùng đường! Các ngươi đang bị bao vây bốn mặt. Nếu muốn toàn tính mạng kéo ngay cờ trắng đầu hàng, bỏ hết khí giới lại thuyền và từng người một bước lên bờ”.

Dưới kia, các thuyền lục tục kéo cờ trắng. Đành rằng quân thiên triều không ngờ đến kết cục này nên không mang theo từ lúc xuống thuyền. Vậy mà thuyền nào cũng kiếm được khá nhiều vải trắng và cùng một lúc, màu trắng đã tràn ngập các thuyền binh, thuyền lương của quân đầu hàng.

Trên bờ không biết quân từ đâu ào xuống sát mép nước và kéo dài tới mấy dặm. Khoảng vài chục chiếc thuyền từ trong lạch tiến về phía bên nổi nhau thành một chiếc cầu dài đón hàng binh lên bờ.

Quân đầu hàng lần lượt rời thuyền leo lên cầu. Loa lại thét:

- Các viên đô tướng, tiểu đô tướng đi về bên tả. Quân lính đi về bên hữu.

Phó tướng Nhân Huệ vương sai dẫn tù binh tới vùng sâu nội địa và lọc những tên đầu sỏ để lấy cung ngay, lại sai quân đưa hết lương thực vừa thu được vào kho cất giấu. Giao các việc cho thuộc cấp xong, Nhân Huệ vương liền cấp báo cho Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tăng, thượng tướng Chiêu Minh vương Trần Quang Khải: *“Có một số thuyền lương của giặc chạy thoát đang tìm đường vào Bạch Đằng rồi ngược Vạn Kiếp đem lương cho quân Thoát-hoan. Xin vương ra tay trừng trị không để cho một thuyền lương nào của giặc chạy thoát vào nội địa”*. Một mặt sai Nguyễn Khoái đem binh thuyền truy đuổi tàn quân của giặc, mặt khác sai Nhân Đức hầu Trần Đa và tướng Nguyễn Chế Nghĩa chốt đủ thuyền bè và quân tinh nhuệ gần Cửa Vạn, Cửa Đồi, nếu giặc lại đưa thêm viện binh hoặc lương thực qua nước ta bằng đường biển phải tiêu diệt sạch sành sanh ngay lập tức. Lần này không cần che giấu nanh vuốt nữa, bởi trách phận lớn lao nhất của hải binh Vân Đồn là tiêu diệt đoàn vận tải quân lương của giặc coi như đã hoàn thành.

Lại nói mấy thuyền lương của Trương Văn Hồ đang ẩn trú trong khu vực Bái Tử Long nơi có những trái núi thấp nằm rải rác thì đột khởi lên mấy trái núi to cao tạo thành một góc ngoặt như hình thước thợ. Chính cái góc ngoặt ấy được Trương Văn Hồ chọn làm nơi trú ẩn. Y lệnh cho các thuyền hạ hết cột buồm và không được đun nấu bất cứ một thứ vật liệu gì gây khói.

Trương Văn Hồ đâu có biết trái núi mà y đang ẩn nấp ở phía sau đó lại đối diện với căn cứ hải đội của Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tăng, tính theo đường chim bay chỉ cách chưa đầy chục dặm. Và phía sau trái núi đó lại chính là luồng giao thông mà thuyền buôn cũng như hải đội của Trần Khánh Dư, Trần Quốc Tăng thường qua lại tuần tiễu.

Trương Văn Hồ cho quân lên lên đỉnh núi quan sát. Chừng hơn một canh giờ sau có mấy tên về tàu báo, về mặt chúng hốt hoảng:

- Bẩm tướng quân, khi chúng tôi leo lên đỉnh núi núp trong một lùm cây rậm nhìn về mọi phía thì thấy hút một đoàn thuyền đang lao về hướng tây, lại chừng nửa canh giờ sau có một đoàn từ hướng tây bắc chạy thẳng vào phía sau trái núi này rồi ngoặt sang hướng đông nam. Bẩm, cả hai đoàn thuyền đó đều là thuyền quân Giao Chỉ và phía sau trái núi ta đậu thuyền đây chính là luồng đi của nó đấy.

Trương Văn Hồ mặt hơi biến sắc nếu như quân Giao Chỉ đi theo luồng ta vừa chạy, hẳn nó sẽ nhìn thấy quân ta đang trú tại đây. Và như vậy thì điều gì sẽ xảy ra. Làm ra vẻ cứng cỏi, Trương Văn Hồ nói:

- Vậy là ta đã tính toán đúng. Và ta đang tránh trú bão ngay trong mắt bão.

Chừng một khắc canh giờ sau khi hai tên lính thám vừa xuống núi báo tin, lại có hai tên khác nữa cũng vừa tụt từ trên đỉnh núi xuống thuyền, mặt tái mét, nói lắp bắp không thành tiếng:

- Bẩm chủ tướng, có nhiều thuyền quân Giao Chỉ cứ quanh đi quẩn lại phía sau dãy núi ta đang trú ẩn đây, như là họ đang tìm kiếm cái gì đấy. Ngừng lại giây lát, y tiếp: - Bẩm, hay nó biết quân ta đang trú ẩn ở đây?

Trương Văn Hổ không phải không lo lắng, nhưng y phải tự trấn tĩnh ngay. - Nếu ta nao núng sẽ rối lòng quân. Vì vậy y tìm cách trấn an:

- Chắc là quân Giao Chỉ biết hôm qua đã để sống một số thuyền chạy thoát, nên hôm nay nó truy lùng. Ta trú quân ở đây là an toàn không sợ giặc tìm thấy đâu. Đêm qua ta chạy thoát được vào đây là bởi ta đi theo luồng có đá ngầm. Sờ dĩ thuyền ta không vấp đá là bởi thủy triều lên từ giờ thân đến giờ sữu. Ban ngày thủy triều xuống. Quân Giao Chỉ quen thạo luồng lạch nên nó không đi vào lạch có đá ngầm. Do vậy chúng sẽ không thể phát lộ được ta. Và đêm nay, nước lên ta sẽ phải tính nên đi đường nào.

Khoảng đầu giờ dậu mây đen kéo kín cả bầu trời, thoáng chốc gió nổi đem theo cái lạnh từ phương bắc về. Trương Văn Hổ mừng thầm: - Chắc là trời giúp ta đây, phải mượn sức gió và cả đêm cuối tháng không trăng không sao mà thoát khỏi vòng vây của địch.

Trời càng lúc càng tối đen đặc, gió vẫn thổi ràn rạt, Trương Văn Hổ vội hạ lệnh lên đường. Như dự đoán, cái luồng mà y cho thuyền chạy vào đêm trước là luồng có đá ngầm, chắc là đúng, bởi cả ngày hôm nay không hề thấy một bóng thuyền bè nào qua lại. Nhưng đêm nay, liệu ta có nên đi theo luồng đó không, hay phải đi luồng sâu ở phía sau trái núi này. Đây là luồng chính nên thuyền Giao Chỉ qua lại thường xuyên, liệu ta đi vào luồng này mà gặp quân họ thì sao. Nhược bằng cứ đi luồng cũ, thuyền chở nặng vấp đá ngầm là bực ngay, chiếc đi trước ngáng đường nằm đấy, các thuyền đi sau đều khó bề tiến thoái, chỉ còn nước nằm đợi giặc chứ còn đi đâu được nữa. Nghĩ vậy, Trương Văn Hổ sai quân cho thuyền đi theo hướng lạch sâu.

Thuyền vừa ra khỏi dãy núi chắn, buồm gặp gió kéo thuyền đi băng băng. Trong vịnh nhấp nhô núi lại núi, đường đi vô vàn hiểm trở, Trương Văn Hổ cứ nhắc đi nhắc lại lũ thuộc cấp: “Các người phải căng mắt ra nhìn kéo thuyền đừng núi là vụn tan như cám”.

Vịnh biển yên tĩnh lạ thường chỉ nghe tiếng thuyền xé nước rào rào, và thỉnh thoảng một đàn cá thấy động bốc bay là là trắng mặt nước, Trương Văn Hổ đang mơ chỉ vài ngày nữa sẽ tới Vạn Kiếp châu hầu Trần Nam vương.

Chừng nửa đêm bỗng nhiên thuyền đi chậm lại vì gió đã ngừng thổi, mưa lác rác khiến cái rét len lõi đến tận xương tủy. Tuy rét buốt nhưng Trương Văn Hổ lại cảm thấy ấm lòng bởi không còn sợ quân Giao Chỉ săn đuổi nữa.

Hổ ẩn nấp trong vách núi đầu biết khi đêm Nguyễn Khoái sau khi diệt gọn mấy thuyền ở gần cuối sông Mang, lại rượt đuổi tiêu diệt cả bốn chiến thuyền cùng với ba thuyền lương của giặc Nguyên ngay phía đầu vịnh Bái Tử Long, còn chiều nay, Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng cũng lùng được ba thuyền lương giặc đang trú trong một eo núi, na ná như chỗ Trương Văn Hổ ẩn trú. Vương sai bắt hết bọn lính trên thuyền còn lương thực thì đánh chìm sâu dưới biển.

Chừng sang giờ sữu mưa tạnh hẳn, gió lại nổi nhưng cái rét thấm vào da thịt khiến tê buốt mà áo quần dù độn bông hoặc bằng

da ngựa da dê cũng không chống đỡ nổi. Trương Văn Hổ loay hoay tìm chiếc áo lông cừu, chợt nghe từ đâu đó vẳng lại tiếng tù và, một lát lại nghe thấy cả tiếng trống đồng và tiếng kèn hồi thúc. Càng đi càng nghe như gần lại như rất xa. Tới khi thuyền ra khỏi khu vực có những trái núi cao che khuất, tiếng kèn, tiếng trống được gió và nước chở đi, âm thanh như rót vào tai khiến trống ngực Trương Văn Hổ đập thình thịch. Lòng quân nghe như đã rồi. Lại lửa, ngọn lửa bốc cao trên mặt nước và cả tiếng quân reo như mỗi lúc mỗi gần hơn.

Mấy viên đô tướng cuồng quýt hỏi:

- Bẩm chủ tướng, quân Giao Chi đang đốt thuyền lương của quân ta, làm thế nào bây giờ. Nếu cứ đi tiếp, chắc chỉ năm, bảy dặm nữa là đụng quân nó.

Nỗi sợ hãi tự nhiên ập đến khiến Trương Văn Hổ bực mình quát:

- Sao các người không nghĩ đó là Ô-mã-nhi bạt-đô đang đốt quân Giao Chi.

- Bẩm chủ tướng ngài lạc tai rồi. Quân ta sao có trống đồng. Tiếng trống đồng đang phóng những âm thanh như búa bổ mỗi lúc một gần, nếu không sớm liệu lại lọt vào ô phục của quân Giao Chi như đêm trước thôi.

Trương Văn Hổ thật sự rối trí, gan kẻ cướp với tài ném phi tiêu của hắn đều trở nên vô dụng. Hắn buông một câu đúng với tâm trạng của kẻ sợ hãi hơn là của một vị tướng chỉ huy:

- Vậy các người bảo ta phải làm gì đây!

Trong lúc các thuộc cấp chưa biết nói thế nào thì từ phía sau lại nổi lên tiếng hò reo như vỡ trời và tiếng thuyền xé nước đang băng băng đuổi theo các thuyền lương của Hồ.

Phía trước có quân chặn, phía sau có quân đuổi, Trương Văn Hổ cuồng quýt ra lệnh:

- Chạy! Chạy! Hướng đông nam!

Và Trương Văn Hổ sai quân phải cấp tốc vớt bớt các bao gạo xuống biển cho nhẹ thuyền. Khen thay quân Giang Nam sức khỏe thật phi phàm, mỗi bao gạo chứa đúng một thạch, thông thường hai người khiêng còn nặng, thế mà lúc này mỗi tên vác một bao coi có nhẹ bằng. Nhờ tài năng xuất thần của Trương Văn Hổ thuyền nhẹ hẳn, và vì thế nó bứt được ra khỏi đoàn thuyền lương mà tháo chạy.

Lại nói Chiêu Minh vương Trần Quang Khải từ khi đem quân tăng viện cho vùng biển đảo đông bắc, nơi Nhân Huệ vương tổng quản. Ông được Nhân Huệ vương nhờ trấn vùng Cửa Lục tức là cửa ngõ vào sông Bạch Đằng. Được tin đại quân của Nhân Huệ vương đã đánh tan tác đoàn vận tải quân lương của Trương Văn Hổ từ ngoài Cửa Vạn, Cửa Đối, sông Mang. Và chặn không cho chúng thoát ra biển, còn ta trấn ở đây để diệt tất cả bọn sống sót mưu chạy về Vạn Kiếp tiếp sức cho Thoát-hoan.

Bởi vậy vương cho quân sục sạo suốt đêm ngày. Trong ngày hôm nay ông đã diệt được hai toán gồm năm thuyền lương của giặc đang trú ẩn ở những nơi không được kín đáo lắm. Và đêm nay lại vây và diệt gọn một toán gồm hai thuyền binh và bảy thuyền

lương, trong đó đốt cháy tại chỗ hai thuyền lương, và đang truy đuổi tốp năm thuyền lương của Trương Văn Hổ. Nhưng lợi dụng đêm tối và cũng có chút khôn ngoan của một tên cướp biển nên thuyền của y đã trốn thoát.

Trương Văn Hổ một viên hổ tướng mà thiên tử nhà đại Nguyên là Hốt-tát-liệt đích thân chọn lựa và phong chức trao quyền, trao trọng trách Giao Chỉ hải thuyền vạn hộ, kíp khi gặp nguy thì bỏ quân, bỏ lương thực mưu lấy mạng sống cho riêng mình.

Khi Chiêu Minh vương quét nốt đám tàn quân này cũng là chấm dứt hoàn toàn nguồn lương thực cho đội quân khổng lồ của Thoát-hoan ở Vạn Kiếp đang từng ngày từng giờ trông ngóng.

Trương Văn Hổ với vài đứa thuộc hạ cùng vài chục phu thuyền chạy đến sáng thì thấy trời nước mênh mông chứ không có đảo có núi nữa, y biết đã thoát ra ngoài đại dương, đã thoát ra khỏi vùng đất chết. Trương Văn Hổ mở la bàn, chỉ cho mấy đứa lái thuyền hướng đi rồi y sai bày rượu và đồ ăn. Cho tất cả đều được ăn no, nhưng rượu thì mỗi tên chỉ được một bát.

Uống hết chùng nửa bát rượu, Trương Văn Hổ dần mạnh chiếc bát xuống sạp thuyền nói với vè vừa lo lắng vừa bức bối lại vừa như có vè tự phụ nữa:

- Thiên tử trao cho ta hơn một trăm chiếc thuyền vận tải tới mấy chục vạn thạch lúa gạo cùng năm ngàn quân hộ tống, nay Giao Chỉ dám kháng mệnh, cướp hết lúa gạo của ta, giết quân ta, tội chúng lớn lắm, phen này ắt thiên tử không tha. Lại mấy đứa chó chết phó tướng của ta như Từ Khánh ^[64], Phí Củng Thìn ^[65] không biết đã bỏ xác ở đâu.

Nốc hết bát rượu thứ ba có vè hơi ngà ngà, Trương Văn Hổ cười lớn rồi nói bốc phét:

- Vậy là chúng nó chết hết cả rồi, chỉ còn mình ta sống sót. Thế mới biết ở đời khôn chết, dại cũng chết, chỉ có biết là sống. Phải, ta biết, chỉ có mình ta biết. Trương Văn Hổ chỉ vào đám thuộc hạ và phu, lính lại nói: - Chúng bay là những kẻ ngu hèn thì biết cái gì. Sở dĩ sống được là chúng bay được theo người biết.

Nhìn ra bầu trời, Trương Văn Hổ thấy ngờ ngợ, y sai lấy la bàn ra coi. Coi xong y hét lớn: - Tên cầm lái kia mi có say không mà đi lạc hướng rồi.

- Bẩm chủ tướng con chưa uống hớp nào cả.

- Vậy thì mày phải bỏ lái chệch về phía tả. Được, được rồi đấy, cứ giữ đúng hướng đông bắc mà đi, ba ngày hai đêm nữa sẽ cập bến Quỳnh Châu.

XII

Sau khi đã lui quân khỏi Nội Bàng, Vạn Kiếp, Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự Hưng Đạo vương lại lui quân về giữ sông Thiên Đức và sông Cái là những cửa ngõ vào Thăng Long.

Trước khi rời chiến tuyến sông Thiên Đức để về Thăng Long bệ kiến hai vua, Hưng Đạo vương triệu các tướng vào trong trường cấm dận:

- Hiện nay Thoát-hoan cùng bè lũ con trời đang rất hung hăng và ngạo mạn, tinh thần đó của giặc cần phải được nuôi dưỡng. Các tướng nên nhớ, tình hình hiện nay chưa đến lúc ta tập trung lực lượng đánh đòn quyết định mà đỡ là chủ yếu. Nhưng đã đỡ ở chỗ nào là phải đỡ hết sức quyết liệt rồi tìm cách lui binh ngay. Phải tỏ cho giặc thấy tinh thần chiến đấu của quân ta so với cuộc chiến năm Ất Dậu tuy không sút giảm, nhưng lực lượng của ta lại quá suy yếu, chứng tỏ quân ta lực bất tòng tâm nên không đủ sức kháng cự. Và như vậy là lực ta yếu kém thật sự, buộc ta phải lui từng bước, phải bỏ từng bộ phận, phải bỏ cả từng vùng rộng lớn cho giặc chiếm. Đó còn thể hiện cho giặc thấy ta quyết giữ nhưng không giữ nổi, chứ không phải ta giả vờ thua.

Nếu các tướng làm đúng như nhời ta dặn, thua đúng như từ ngày giặc vào cõi quân ta đã thua, thời ta có thể lừa giặc vào một thế trận như ta mong muốn.

Quốc công đã biết tường tận Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư vừa đại thắng trên mặt trận Vân Đồn, tiêu diệt hoàn toàn đoàn thuyền vận lương của giặc tới mấy chục vạn thạch lương. Việc đó sẽ hãm giặc vào thế bị bức tử, nhưng Quốc công đã không cho hạ cấp biết, sợ họ vì nông nổi mà sinh lòng kiêu ngạo chủ quan coi thường giặc, khó giữ được cái kể mình đang yếu kém để lừa giặc.

Giấy lâu Quốc công liếc nhìn từng vị tướng với vẻ thiện cảm và tin cậy, vương nói thêm:

- Phải căng lực lượng của giặc mỏng ra, và phải như nó đuổi theo ta cho nó thật mệt mỏi, sức chiến đấu của nó sút giảm, quân nó thiếu ăn thiếu ngủ, ngày đêm lo sợ, lúc đó ta chỉ ra tay một trận là quét sạch giặc như quét rác trên khắp nước ta.

Quốc công nhìn Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật rồi gắng hỏi: - Trong trận căn giặc ở Tam Đái giang vừa qua, công của đệ lớn lắm. Đệ có biết mình đã giết được viên tướng nào của giặc không?

- Quả là đệ không thể biết. Nếu như quân của đệ đã hạ sát được tướng giặc sao vẫn chưa thấy Quốc công và Hoàng thượng ban khen.

- Giặc không loan tin này. Vì còn giấu mình nhằm che mắt giặc nên phía ta cũng coi như không biết. Vì vậy việc khen thưởng

phải nén lại. Nhưng ta báo để để biết rằng, trận Ngã ba Bạch Hạc tên vạn hộ Dương Tông đã phải đền tội ác. Chiến công oanh liệt đó thuộc về phủ binh của Chiêu Văn vương.

Trần Nhật Duật không giấu nổi niềm vui, ông liền vái Hưng Đạo rồi nói:

- Tạ ơn Quốc công đã xét ghi công trạng.

Căn dặn các tướng xong, Hưng Đạo vương lên ngựa về thẳng Thăng Long. Và vào ngay cung Thánh Từ. Vẫn biết phải làm việc với quan gia là chính, nhưng Hưng Đạo luôn giữ lễ với thượng hoàng Thánh tông. Mặc dù theo thứ bậc trong hoàng tộc, ông là anh và hơn vua Thánh tông tới cả chục tuổi. Ngay với vua Nhân tông, Hưng Đạo vừa là bác vừa là cha vợ nhà vua nhưng ông vẫn luôn giữ phận thần tử.

Vừa trao ngựa cho giám mã, Hưng Đạo đi thẳng vào tiền điện, viên quan nội hầu khúm núm thưa:

- Bẩm Quốc công, thượng hoàng vừa sang cung Quan Triều.

Hưng Đạo rào bước xuống thềm rồi ông lên ngựa, ra roi đi về hướng cung Quan triều. Bước vào tuổi sáu mươi, tóc râu đều đã bạc, nhưng sức lực của quốc công xem ra còn chắc vững lắm. Cứ xem dáng ông lúc ngồi, lúc đứng hoặc khi lên ngựa xuống ngựa vẫn nhanh nhẹn, thuần thục chẳng khác mấy khi ông còn trong tuổi trung niên chứng tỏ sức lực ông còn dẻo dai. Song điều đáng nói hơn cả là trí não ông còn sáng suốt và tinh táo đến không ngờ. Ông luôn giữ được sự điềm đạm, xét đoán thật chi li trước khi giải quyết một điều gì đó. Thường ông hay tham bác ý kiến của các thuộc cấp trước khi quyết định công việc. Không phải việc gì các thuộc cấp nói ông cũng nghe, nhưng ông không bao giờ gạt bỏ các điều đúng dù người nói đó ở cương vị nào, thứ bậc nào trong quân.

Vừa dừng trước cổng cung Quan Triều, viên đô úy cầm quân đã vội thưa:

- Thượng hoàng và quan gia vừa rời cung cách đây nửa giờ.

- Người có biết hai vua đi ngựa hay đi kiệu, và đi về hướng nào? - Hưng Đạo hỏi.

- Bẩm đức ông, thượng hoàng và quan gia đi bộ ạ, cả hai đáng đều đi về phía Cửa Đông.

Hưng Đạo gật đầu tỏ vẻ cảm ơn, thoát ông đã nhảy lên mình ngựa ra roi đi nước kiệu. Vừa ngắm phố phường, Hưng Đạo vừa mừng thầm: - Vậy là Thượng hoàng còn khỏe, còn giúp quan gia giám sát được công việc hằng ngày. Chính điều này lại khiến ta yên tâm hơn.

Chỉ còn vài ngày nữa là đến tết Nguyên đán nhưng phố xá vắng hoe. Cửa rá, cổng ngõ các nhà đều gài then, chốt khóa. Vườn tược các nhà trắng một màu hoa mai hoa mận, lác đác có những cây đào nở sớm làm ấm cả một góc phố. Tĩnh không nghe thấy một tiếng gà gáy, tiếng chó sủa, chứng tỏ Thăng Long đã đi đầu trong nhiệm vụ toàn dân thực hiện kế “Thanh dã” của triều đình. Và bất cứ chỗ nào có khoảng tường trống là ở đó có khẩu hiệu “Thanh dã” hoặc lời hiệu triệu đánh giặc của triều đình.

Hung Đạo vừa đi vừa xem ngắm phố phường vừa suy ngẫm về tội ác giặc đã từng gieo rắc trên mảnh đất này. Hơn ba năm trước quang cảnh cũng y hệt như vậy, cũng vào dịp giáp tết dân chúng Thăng Long phải rời bỏ kinh thành, rời bỏ phố phường tìm về các miền quê khuất lấp hoặc vào ẩn náu nơi núi rừng hiểm trở để tránh giặc.

Trời rét căm căm, đường phố chỉ loáng thoáng mấy tốp lính tuần tra, và lại Hung Đạo đội nón cúp vành, vận áo dài nâu, và người theo hầu ăn vận sơ sài tựa như dân vùng sơn cước mới về nên không ai để ý.

Hung Đạo đi qua mấy phố rồi rẽ về bến Đông Bộ Đầu vẫn không tìm thấy hai vua, ông lại ngược về phố chợ Cầu Đông thì thấy hai vua và đoàn tùy tùng đang đi về phường Hà Khẩu. Thật ra Hung Đạo nhận ra vóc dáng quen thuộc của hai vua chứ các ngài cũng hóa trang làm các thương lái. Để giữ cho kín nhem, Quốc công sai Yết Kiêu ra tâu nhỏ với hai vua và xin mời nhà vua trở lại cung Thánh Từ.

Quốc công ruổi ngựa về trước, ông đang tha thần nơi vườn ngự thì hai vua bước vào sân điện. Ông vái hai vua rồi cùng bước lên thềm điện.

Trà nô vội dâng trà nóng. Những chén trà bốc khói mờ mờ. Cửa cung đóng kín cũng không ngăn nổi khí lạnh len lỏi đến tận cùng huyết quản. Thượng hoàng Thánh tông sai gầy lò sưởi. Hung Đạo vội ngăn:

- Đa tạ thượng hoàng có lòng săn sóc, thần dầu dãi gió sương đã quen, nếu bây giờ ngồi cạnh lò sưởi ấm, lúc ra ngoài giá lạnh sẽ không còn đủ sức chịu đựng nữa, nay mai đẹp xong giặc dữ, xin thượng hoàng cùng quan gia cho về hưu trí để dưỡng nhàn nhân thể.

Nghe Quốc công nói, vua Nhân tông thấy xót xa lòng dạ, vua nói:

- Bá phụ tuổi cao mà vẫn phải dãi dầu sương gió xông pha trận mạc, lòng con thật không yên, xin bá phụ hãy bảo trọng tâm thân muôn quý để dùng cho việc lớn quốc gia. Chúng con thân nam nhi không làm tròn trách phận để phụ hoàng cùng bá phụ phải cáng đáng các công việc hệ trọng quốc gia, con thấy điều đó thực đáng mừng cho nước nhưng cũng tự thẹn ở trong lòng.

- Bệ hạ quá lời, chắc là xuất phát từ tình thương máu mủ, thần lấy làm cảm kích. Bệ hạ chẳng thấy người xưa thường nói: “Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách” đó sao. Tâu, bây giờ chưa thể bàn đến chuyện dưỡng nhàn, cha con Hốt-tát-liệt còn đang định thui nướng cả dân tộc ta. Có mấy việc cấp kỳ thần xin được trình lên thượng hoàng cùng bệ hạ.

Vua Thánh tông mỉm cười, hỏi:

- Ngoài đánh giặc ra còn việc gì quan yếu nữa anh Quốc Tuấn?

- Tâu, đúng như thượng hoàng phán, thần xin nói ngay. Mấy bữa trước, thần đã tâu về việc Nhân Huệ vương đánh tan đội thuyền tải lương của giặc. Nay thần nói rõ hơn. Trần Khánh Dư khôn ngoan bức được một số thuyền giặc phải vào Cửa Vạn. Bắt sống được gần một ngàn tên giặc đi áp tải thuyền lương, thu được vài vạn thạch lương, cất giấu vào trong kho. Khánh Dư còn cản đường buộc các thuyền chạy thoát ở Cửa Vạn phải vào Cửa Đồi. Tại đó Nhân Huệ vương lại cho quân mai phục đón đánh; thuyền nào chạy thoát vào

trong, đã có quân của Hưng Nhượng vương Tăng mai phục đón đánh; kẻ nào thoát được khu vực Cửa Suốt của Tăng chạy vào Cửa Lục, đã có quân của Chiêu Minh vương Quang Khải cắt vó. Tàu, chưa nắm được có bao nhiêu trong tổng số gần một trăm thuyền lương của giặc chạy thoát, nhưng không có một thuyền lương nào của giặc lọt được vào Bạch Đằng để đem lương thực tới Vạn Kiếp cho Thoát-hoan. Tàu, nhờ hồng phúc của tổ phụ, nhờ hồn thiêng sông núi phù trợ nên cuộc kháng giặc lần này chắc bớt gian nan hơn cuộc chiến năm Ất Dậu.

Nghe tin quân ta tiêu diệt hoàn toàn đoàn thuyền tải lương của giặc, hai vua hết đổi vui mừng.

Vua Nhân tông nói:

- Thảo nào khi nghe tin giặc bắc lại sang, con hỏi: “Thế giặc năm nay thế nào?”. Bá phụ đáp: “Kim niên tặc nhân”. Bá phụ xét đoán công việc như thần, trách chi cha con Hốt-tất-liệt chẳng thua hoài.

Trần Nhân tông ngừng nhìn Hưng Đạo lại quay nhìn vua cha, bất chợt ngài hỏi:

- Thưa bá phụ, liệu ta đã đủ sức đuổi giặc ra khỏi bờ cõi chưa? Nếu xét thấy đủ lực thời khởi sự lúc này là đẹp nhất.

- Phải, quan gia nói rất đúng, nếu bây giờ ta loan tin cho Thoát-hoan và toàn quân nó biết rằng nó đã bị thất bao tử, đồng thời thả một số quân chúng bị bắt rải rác từ Cửa Vạn đến Cửa Lục để chúng báo tin thất trận cho nhau nghe, chắc trong quân nó sẽ rối loạn. Anh Quốc Tuấn thử cân nhắc xem, đã đến lúc làm việc này chưa? - Thượng hoàng Thánh tông vừa hưởng ứng điều quan gia nói lại vừa thăm dò ý tứ của quốc công tiết chế.

- Tàu, thần đã có kế phá giặc, bữa nay về đây là nhằm tàu lên thượng hoàng và quan gia kể đó.

Đúng lúc nghe có tiếng ngựa dồn vó rồi có tiếng chân bước mạnh lên bậc thềm.

- Chắc là Chiêu Minh vương về triều kiến.

Hưng Đạo nói chưa dứt lời thì Quang Khải lộ đầu vào và nói lớn:

- Khấu kiến bệ hạ! - Ông cúi chào mọi người.

Thấy em từ mặt trận trở về mặt mày tươi rói, nói năng đi đứng ung dung như người mới đi xem hát về, Thánh tông càng thêm vững dạ. Ngài hỏi:

- Chú hai từ ngoài vào có lạnh không? Nghe nói chú cùng Nhân Huệ vương cắt mất bao tử của Thoát-hoan. Phá hết lương của cả một đội quân năm sáu chục vạn, tải như Trương Lương, Gia Cát cũng chưa từng lập được công ấy.

Quang Khải dịu giọng:

- Người có kỳ mưu để Nhân Huệ vương lập được kỳ công ấy chính là anh Quốc Tuấn chớ đâu phải đệ. Đệ chỉ góp phần cắt cái

đuôi của nó thôi.

Quang Khải cười lớn, giọng hồ hởi, nói tiếp: - Tàu bè hạ, nhỡ ra thân phải đóng gông vào cổ Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư rồi nhốt vào cũi khiêng về triều cho thượng hoàng trị tội vì đã để thua trận.

- Khánh Dư thua Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp cũng như mấy năm trước để thua Toa-đô. Nhưng sau đó Toa-đô bị quân ta chém đầu ở bến Tây Kết, quan gia thương tình cởi áo đắp cho nó. Năm nay, ta ngờ rằng cả Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp cũng lại đi theo số phận của Toa-đô mà thôi. Thượng hoàng Thánh tông nói với Trần Quang Khải một cách hồ hởi, đoạn nhà vua quay về phía Hưng Đạo giục: - Anh Quốc Tuấn nói kế phá giặc đi. May quá hôm nay có anh Quốc Tuấn và Quang Khải cùng về, tôi đã sai phủ Tông chính sửa lễ cáo tổ tiên nhân sắp đón tết Mậu Tý. Bàn việc xong, mấy anh em cùng đến nhà thái miếu lễ tổ. Sớm mai cho người cất giấu đồ thờ, ngọc phả và di tán mọi người trong phủ Tông chính đến nơi an toàn.

Biết thời gian vô cùng eo hẹp, dự liệu giặc sắp đánh về Thăng Long, Hưng Đạo vương bèn nói:

- Tàu thượng hoàng cùng quan gia, quân ta đã triệt bỏ toàn bộ phần lương thực gần một trăm thuyền lớn do Trương Văn Hồ tổng quản. Hiện nay Nhân Huệ vương đang trọng trấn tại Vân Đồn, và Khánh Dư sẽ đối trận với bất kỳ loại quân nào xâm nhập vào nước ta qua nẻo Vân Đồn - Bạch Đằng - Vạn Kiếp chứ không cần phải nấu mình như trước khi ta đánh vào quân lương của giặc. Và tiếp ứng cho Khánh Dư đã có Quốc Tăng. Như vậy lực lượng của giặc tuy còn rất lớn nhưng sức chiến đấu lại hết sức mong manh. Hiện thời Thoát-hoan vẫn chưa hay tin quân lương của nó đã bị tiêu diệt.

Vừa nghe Hưng Đạo nói, vua Nhân tông liền bày tỏ:

- Bá phụ, sao ta không thả một ít tù binh giặc bắt từ Vân Đồn với một vài vật lấy từ thuyền lương cho chúng đem về Vạn Kiếp cho Thoát-hoan.

- Phải đấy, Thánh tông nói. - Nếu ta làm như vậy, ắt Thoát-hoan phải tính chuyện lui quân ngay - Anh Quốc Tuấn tính sao? - Thượng hoàng hỏi.

Hưng Đạo chưa kịp trả lời, Chiêu Minh vương Trần Quang Khải đã vội nói:

- Huynh trưởng, không thể làm thế được. Thoát-hoan đưa quân vào nước ta là do mưu toan của cha nó. Hết-tất-liệt muốn gom cả thiên hạ vào tay. Cuộc tái xâm lăng lần này ngoài ý đồ thôn tính còn có chuyện phục thù trận thua năm Ất Dậu. Từ khi giặc vào cõi tôi nay, ngoài việc mất sạch lương, lực lượng của giặc thiệt hại không đáng kể, nếu ta để cho giặc rút an toàn chắc sớm muộn chúng lại kéo nhau sang, khiến nước ta lúc nào cũng phải gồng mình lên chống giặc, lúc nào dân nước cũng phải sống trong tình trạng bất an thì an cư lạc nghiệp sao được?

- Vậy anh Quốc Tuấn tính sao? - Thánh tông hỏi.

- Tàu, đúng như điều thượng tướng Chiêu Minh vương vừa nói. Nếu bây giờ để giặc chạy thoát, chắc rồi giặc lại sớm kéo nhau

sang. Thần xin dâng kế đánh giặc như sau:

Lần trước giặc sang, cậy ưu thế về kỵ binh, nhưng ta không tiếp chiến với chúng trong mùa đông khô ráo, mà ta phản công giặc vào mùa nóng bức, mưa lụt khiến kỵ binh giặc trở nên vô dụng, và khi cần chuyển quân hoặc chờ quân tăng viện phải vượt qua sông khi nước lớn, chúng đều phải bó tay vì không có thuyền, không có quân thủy. Vì vậy, lần này giặc đem vào nước ta tới hơn bảy trăm chiến thuyền với hơn mười vạn quân thủy. Lại đem theo tới mấy chục vạn thạch lương nhằm tính kế lâu dài.

Quân lương của giặc, ta đã tiêu diệt hoàn toàn, nếu ta lại tiêu diệt được đội quân thủy này và không để cho chúng còn được một chiếc thuyền lành lặn quay về, chắc sẽ gây cho giặc nỗi kinh hoàng để dọ. Và như thế có nghĩa là trong tất cả các chùng quân của chúng, không còn một chùng quân nào mà chúng nuôi hy vọng giữ được ưu thế với quân ta nữa. Từ đó có thể làm cho Hốt-tát-liệt thoái chí, hoặc nếu có muốn xâm lược nước ta chúng cũng phải tính toán kỹ và phải chuẩn bị lâu dài.

- Bá phụ, hiện nay giặc đang quy tụ trong vùng Vạn Kiếp, chúng đóng quân theo thế thủy bộ liên hoàn và với lực lượng lớn như vậy, liệu ta có nên đánh chúng vào lúc này không? - Vua Nhân tông hỏi.

- Tàu quan gia, đúng là ta không nên đánh giặc vào lúc nó đang cảnh giác và có ưu thế phòng thủ. Cho nên ta phải kéo giặc chạy theo ta, phải căng nó ra, buộc nó phải rải quân như rải mảnh mảnh. Tới lúc đó, ta muốn tiêu diệt giặc như thế nào là tùy ta chọn lựa.

Khi mới vào nước ta, Thoát-hoan hăm hở đánh chiếm Nội Bàng, Vạn Kiếp không mấy thiệt hại. Nhưng chỉ mấy ngày sau đó, hơn năm ngàn quân giặc vào sau, khi qua ải Nội Bàng đã bị quân ta chặn đứng và tiêu diệt gần hết, chỉ còn dăm bảy chục đứa thoát được về Tư Minh.

Tàu, hiện nay ở sau lưng giặc, quân của các tù trưởng đang quấy rối và chặn đường tiếp tế lương thảo của chúng. Mai đây quân của triều đình sẽ phối hợp với quân của các tù trưởng cắt đứt đường tiếp tế lương thảo, sẽ hăm giặc vào cảnh khốn đốn vì thiếu lương. Đường nhiên giặc sẽ sục sạo tìm cướp lương thực do dân cất giấu. Một đội quân năm, sáu chục vạn mà phải lo kiếm lương thực từng bữa, sao quân có thể yên tâm đánh trận được.

Nghe Hưng Đạo nói, thượng hoàng Thánh tông lấy làm đẹp ý, ngài gật gù đầu về hài lòng. Đoạn ngài hỏi:

- Kế của anh Quốc Tuấn khá vẹn toàn. Nếu gây cho giặc thiệt hại đau đớn, thiệt hại to lớn khiến những kẻ đã tham chiến mỗi khi nghĩ đến Đại Việt là sồn da gà, vì vậy mỗi khi Hốt-tát-liệt có lệnh Nam chinh sẽ có nhiều người can gián buộc y phải cân nhắc. Tuy vậy, làm thế nào mà căng được quân nó ra, làm thế nào buộc nó phải rải quân thưa thoáng như rải mảnh mảnh.

- Tàu, chỉ nay mai giặc sẽ đánh qua sông Thiên Đức, quân ta cũng kháng cự vừa phải rồi nhường đường cho nó. Tiếp theo giặc sẽ tiến vào Thăng Long. Mục đích của giặc là truy đuổi hai vua, truy đuổi thần. Vì vậy xin thượng hoàng và quan gia cho phép quân đóng giả xa giá cho chúng cứ đuổi theo hút. Vừa đuổi theo ta, chúng vừa phải rải quân giữ các miền đất quan trọng chúng vừa chiếm được như Thăng Long, Hoa Lư, Thiên Trường. Và sớm mai xin thượng hoàng và quan gia cùng thân quay về lộ Hải Đông để điều hành việc đuổi giặc. Tàu, cũng như lần trước rút khỏi Thăng Long, quan gia có dụ triều quan rằng: “Cho giặc ở trọ ít bữa rồi ta sẽ đòi lại”.

Hung Đạo mỉm cười, khẽ ve vuốt chòm râu bạc và chậm rãi: - Tàu, lần trước ta cho giặc ở trọ hơi lâu, lần này chắc Thoát-hoan không được phép dây dưa. Và lại giặc muốn đánh nhanh, thắng nhanh, ắt chúng sẽ bộc lộ nhiều sơ hở, ta càng dễ đánh.

Cả hai vua và Quang Khải đều cho kế phá giặc của Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương là thượng sách.

Việc đóng giả xa giả và dụ giặc trao lại cho thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật cùng các tướng Phạm Ngũ Lão, Trần Toàn... đảm trách.

Lại nói Thoát-hoan ở Vạn Kiếp sau khi đã chiếm được một vùng gồm sáu con sông bao lấy cả lưu vực có đồng bằng rộng lớn lại thêm núi rừng hiểm trở và đường giao thông thủy bộ rất thuận lợi cho việc phòng thủ cũng như tiến công. Cùng với đội quân thủy đông đảo, hùng mạnh với hơn bảy trăm chiến thuyền cùng cả vạn quân kỵ phối với mấy chục vạn quân bộ nữa, Thoát-hoan hi vọng sẽ đè bẹp đội quân còm cõi của nhà Trần vào bất cứ lúc nào, mùa nào, thời tiết nào. Tất cả các chủng quân đã về hội đầy đủ tại Vạn Kiếp, chỉ còn chờ đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ nữa thì sẽ phái binh đi đánh khắp nơi, đi chiếm Thăng Long bắt vua Trần và Hưng Đạo về trị tội.

Đóng quân yên vị, bố phòng cẩn mật Thoát-hoan cho triệu các tướng cầm đầu các đạo quân vào trướng hồ đề nghị bàn.

Điểm mặt ta thấy có: Bình chương chính sự Áo-lỗ-xích, hữu thừa A-ba-trì, tả thừa A-li, hữu thừa Trịnh Bằng Phi, tham tri chính sự Ô-mã-nhi bát-đô, tham tri chính sự Phần Tiếp và các tướng Bôn-kha-đa, A-ric Kha-y-a, Ô Vỹ, Trương Ngọc, Lưu Khuê, A-ruc... và các chư vương Mang-khu-đai, A-tai. Đặc biệt hơn cả là vị thân vương Tích-lệ-co^[66].

Mở đầu Thoát-hoan hỏi:

- Các ông có biết vì sao lần chinh Giao Chỉ này, quân ta tiến nhanh như vậy không?

Các tướng còn cân nhắc chưa kịp trả lời, Thoát-hoan đã lại nói:

- Theo ta, giặc tuy có ra sức chống cự, nhưng lực lượng của chúng yếu và mỏng. Ngay như ải Nội Bàng, cuộc chiến năm Ất Dậu, Hưng Đạo đánh nhau với ta quyết liệt lắm. Nhưng lần này, ta chỉ cho quân đánh dần lên một tí, Hưng Đạo đã bỏ chạy. Sớm hôm sau ta sai phó tướng bình chương A-gu-ruc-trì (Áo-lỗ-xích) dẫn một vạn quân bộ với hai ngàn kỵ binh tiến chiếm Vạn Kiếp, Hưng Đạo bỏ chạy chứ không dám giao chiến. Thế mà lần trước các tướng A-lí Hải-nha, Lý Hằng, Lý Quán và cả Trịnh Bằng Phi đây nữa phải đánh tới mấy ngày mới lui được Hưng Đạo. Như vậy có phải cuộc chiến năm Ất Dậu, ta đã tiêu diệt gần hết sinh lực của An Nam và nó chưa kịp hồi phục.

Vừa nghe chủ tướng nói, nhiều người gật gù vẻ thần phục. Ô-mã-nhi tiếp lời ngay.

- Tàu Trần Nam vương, quả là quân An Nam kháng cự không hơn lũ giặc cỏ. Hải binh của tiểu tướng cứ băng băng rẽ nước như đi vào chỗ không người. Vậy mà cứ ngoa đồn An Nam giỏi thủy chiến. Nhân đà quân khỏe, giặc đang sợ hãi trốn tránh xin Trần Nam vương cho đánh sớm.

A-ruc, viên tướng chỉ huy mấy trận thủy chiến với quân Đại Việt trong khu vực Tam Đái giang, ngoài bị thiệt hại về quân số và chiến thuyền, y còn bị mất viên tướng vạn hộ Dương Tông. Thiệt hại tuy không lớn, nhưng sự thiện xảo của quân thủy An Nam thì không thể coi thường. Nghĩ vậy, A-ruc bèn lên tiếng:

- Bẩm Trần Nam vương, đúng là tiềm lực của giặc không có gì đáng kể, nhưng quân thủy của chúng cũng vào loại thiện xảo, nên đề phòng thì hơn.

Bôn-kha-đa viên dũng tướng cùng Trịnh Bằng Phi dẫn quân qua ải Chi Lăng bị quân Trần chặn đánh khốc liệt, nhưng rồi chúng cũng qua được ải này. Nhưng bị cái nhục bỏ châu châu đứt vẫn còn hậm hực nên thấy A-ruc tỏ ý khen đám quân thủy của người An Nam, Bôn-kha-đa tỏ vẻ bức giận, vội nói:

- Quân An Nam tuy có kháng cự lại quân thiên triều, nhưng xem ra thực lực quân nó chẳng có gì. Vì vậy chớ có khen nó mà làm mất nhuệ khí của quân ta.

Các tướng kẻ nói quân An Nam yếu, kẻ bảo quân An Nam cũng đánh giỏi nhưng tựu chung đều coi quân An Nam đã suy sụp, thực lực không còn gì đáng kể, chỉ quét vài trận là xong.

Thoát-hoan nhìn các tướng vẻ hài lòng, nhưng vẫn có điều chưa an tâm liền hướng về phía Ô-mã-nhi hỏi:

- Tham tri bát-đô, cơ sao Trương Văn Hổ và đoàn quân lương vẫn chưa thấy tới là thế nào. Hay là quân Giao Chỉ đã lén cướp mất lương thực của ta rồi?

Tham tri chính sự Ô-mã-nhi bèn thưa:

- Tàu Trần Nam vương, tải lương là loại thuyền mảnh to, mỗi thuyền chở tới mấy trăm thạch làm sao mà đi nhanh được ạ. Còn quân Giao Chỉ thì vương khởi phải bận tâm. Vả lại Trương Văn Hổ, cha con y chuyên nghề cướp biển thì còn kẻ nào cướp được của y nữa. Ấy là chưa kể một đội năm ngàn quân thiện xảo đi hộ tống cho đoàn thuyền lương nữa. Vả lại mỗi thuyền cũng có tới năm sáu chục quân hải hành được trang bị khí giới đầy đủ. Chắc chỉ nay mai Trương Văn Hổ sẽ về châu dưới trướng.

Thoát-hoan ngoài nhìn viên phó tướng hỏi:

- Việc trong quân thế nào ông bình chương? Ấy là ta muốn hỏi các việc về hậu cần như lương thực cho quân, cỏ cho ngựa, thuyền bè đóng bù vào số đã mất, đã hỏng trong lúc giao tranh; lại cũng phải đóng thêm để dự trữ khi cần. Rồi trong quân có bị đau ốm do thì tiết, thủy thổ không hợp. Kể cả việc ta dự liệu tiến đánh Thăng Long, truy bắt cha con Nhật Huyền và Hưng Đạo ông trừ hoạch đến đâu rồi? Bao giờ thì khởi sự được?

Áo-lỗ-xích là một viên tướng dạn dày kinh nghiệm chiến trường, được đào tạo qua tay của A-lí Hải-nha, Hốt-tát-liệt tin cậy trao cho chức bình chương chính sự, cho ở cạnh thái tử Thoát-hoan ngày đêm giúp rập trong công cuộc Nam chinh. Nghe chủ tướng hỏi, viên phó tướng liền đáp:

- Bẩm Trần Nam vương, lương thực do quân mang theo đủ ăn trong mười ngày. Tuy nhiên số lương thực do quân sục sạo vào các nơi cất giấu của dân chúng thu về cũng đủ nuôi quân khoảng hai chục ngày nữa. Hiện còn một số lúa chín muộn dân Giao Chỉ bỏ trốn chưa kịp gặt, tôi đã cho lũ lính Giang Nam đi gặt về và phơi phồng, số lúa này còn đang tận thu chưa tính được. Và lại nay mai đội quân tải lương của Giao Chỉ hải thuyền vạn hộ Trương Văn Hồ chở đến mấy chục vạn thạch lúa gạo, cò ngựa và cả binh khí nữa thì việc lương thảo có thể yên tâm được. Đúng là cò ngựa hiện nay đang là mối lo. Bởi xứ này mùa đông thì cò lội, mùa hè thì cò hôi, ngựa của ta chỉ quen ăn cỏ trên thảo nguyên. Nếu không có cỏ khô phải cho ăn bằng lúa thì vô cùng tốn kém, nuôi một con ngựa bằng nuôi cả chục tên quân. Sức khỏe trong quân hiện nay đang tốt bởi khí hậu cũng lạnh se như phương bắc. Tuy nhiên nếu trời đổ mưa dầm thì lũ quân Giang Nam chỉ tìm nơi đốt lửa sưởi mà quân phương bắc cũng rất khó chịu. Lại thêm nổi tét nhất sắp đến, đám quân người Trung Hoa càng tỏ vẻ nhớ nhà. Việc đóng thuyền bè đang trôi chảy, ngoài việc đóng thuyền mới, quân còn đi cướp được của dân thuyền chài Giao Chỉ cũng được vài trăm chiếc có thể dùng tạm được.

Bẩm Trần Nam vương theo tôi nghĩ, quân không nên cho nghỉ lâu. Nghỉ lâu sinh trễ biếng, quân tụ dễ nảy chuyện không hay, chỉ bằng ta cho quân đánh thần tốc về Thăng Long nhân sắp tét, cha con Nhật Huyền đang lo cúng tế tổ tiên, chắc quân nó có phần bề trễ.

Thoát-hoan tỏ vẻ hài lòng bèn hỏi lại:

- Vậy lúc nào ta có thể khởi binh được?

Áo-lỗ-xích đáp:

- Tâu, nếu Trần Nam vương ra lệnh, quân có thể lên đường bất cứ lúc nào.

- Các tướng nghe ta nói đây, Thoát-hoan hạ lệnh. - Mọi chúng quân đều phải chuẩn bị sẵn sàng, trong hai hoặc ba ngày nữa ta xuất binh đánh Thăng Long. Đầu giờ thìn ngày mai, các tướng đến nhận kế tại doanh của ông bình chương, vừa nói Thoát-hoan vừa chỉ tay vào viên phó tướng Áo-lỗ-xích.

Tiếng hô đồng thanh: - Tuân mệnh!

Rồi ai về trại ấy.

Tại Thăng Long, Hưng Đạo đã rước hai vua xuống thuyền từ nửa đêm xuôi về đại bản doanh của ông để các ngài giám sát thế trận và cả huấn hồ khi cần. Cùng đi theo hai vua có thượng tướng Chiêu Minh vương Trần Quang Khải cùng với số quân của phủ Chiêu Minh, các vệ tả hữu Kim ngô, Thần bồng, Tứ thiên, Tứ thánh đều theo vua hộ giá. Và khi cần, quân hộ giá sẽ là quân tăng viện. Trần Nhật Duật, Phạm Ngũ Lão đã vào cấm thành nhận mệnh, chỉ còn các phó tướng trấn tại cửa sông Thiên Đức nối với sông Cái - cổng vào Thăng Long bằng đường thủy.

Thành Thăng Long vắng hoe, phố phường không một bóng người. Ngay cả đám khách trú cũng buộc phải di tán sâu về các miền quê khuất lấp, bởi như cuộc kháng giặc năm Ất Dậu, dân khách trú ở lại thuần đi lùng sục khắp nơi lấy lương thực, thực phẩm về

bán cho giặc. Cũng không ít kẻ chỉ đường dẫn lối cho giặc đi đánh quân ta hoặc moi móc các hầm cất giấu lương thực.

Thình thoảng lại ló một toán dân binh phối với quân tứ sương đi tuần tra các phố, đề phòng quân gian hoặc trộm cắp lọt vào hời của.

Mờ sáng ngày hai mươi ba tháng chạp, hữu thừa A-ba-tri lĩnh hai ngàn kỵ binh xuất phát từ Vạn Kiếp, hữu thừa Trịnh Bằng Phi lĩnh hai vạn bộ binh xuất phát bằng thuyền từ Lục Đầu giang, ngược về phía sông Thiên Đức, tham tri chính sự Ô-mã-nhi và tham tri chính sự Phan Tiếp đem theo bốn trăm chiến thuyền cùng năm vạn quân thủy, sau khi đánh chiếm Thăng Long, nếu chưa bắt được cha con Nhật Huyền và Hưng Đạo thì truy đuổi tiếp, và tách ra một bộ phận cùng với quân kỵ về chiếm Thiên Trường, Long Hưng...

Khoảng đầu giờ thân ngày hai mươi ba tháng chạp quân kỵ của giặc đã tới đoạn gần ngã ba nơi sông Thiên Đức và sông Cái ^[67] gặp nhau. A-ba-tri ghì cương ngựa nhìn dòng sông mà ngán ngẫm. Cho dù mùa nước cạn xem ra vẫn còn mênh mang lắm, và nước vẫn chảy xiết như thể ném lao. Y khẽ hất bả vai trái, nơi mắc hai cây cung ^[68] một dài một ngắn, lập tức cây cung ngắn tách ra khỏi bả vai, tay phải y đỡ lấy và vòng tay trái về phía sau gáy nhón một mũi tên từ trong giỏ đeo sau lưng. Chỉ trong chớp mắt A-ba-tri đã kịp lắp tên và giương cung căng hết cỡ bắn chục xuống lòng sông, mũi tên nổi bành lên ngay sau đó. A-ba-tri xoay ngựa đi lại mấy vòng quanh khu vực để quan sát địa hình. Y phóng tầm mắt nhìn qua sông Cái về phía bờ tây, biết ở phía sau những dải rừng xanh mát tầm nhìn và lúc nào cũng phủ mờ sương khói kia là kinh thành Thăng Long. Muốn vào Thăng Long, đương nhiên phải vượt qua được dòng sông vừa rộng vừa sâu này. Sông rộng, nước sâu kỵ binh muốn qua phải có cầu phao hoặc phải dùng thuyền. A-ba-tri lấy mắt ước lượng chiều rộng của lòng sông Cái. Y vậy một kỵ đội theo sau đi thám sát nơi nghỉ là trận địa của quân Đại Việt mà y gọi là nơi quân Giao Chỉ ẩn nấp.

Gần cuối giờ Dậu chiến thuyền của Ô-mã-nhi, Phan Tiếp cũng đã tới. Quân bộ đưa lên bờ phối với quân kỵ đứng rợp cả bờ sông.

Trời chạng vạng tối, gió bắc thổi miên man, mưa dầm nặng hạt, đâu đó tiếng chuông chùa ngân nghe như ứ nghẹn trong cảnh chiều thê lương. Cả một vùng đồng ruộng, sông nước, rừng rậm tĩnh không một bóng người qua lại, không cả một làn khói bếp, nếu không có tiếng chuông nhà Phật cứu rỗi, ta ngỡ đây là vùng đất chết.

Viên binh chương chính sự phó tướng Áo-lỗ-xích đang đứng quan sát xem đối phương phục quân ở đâu và quân Nguyên sẽ giăng thế trận ở đâu, chợt nghe tiếng chuông khiến y thần thờ.

Kỳ lạ, viên hữu thừa A-ba-tri dẫn kỵ đội tới đây thì dừng lại, Ô-mã-nhi, Phan Tiếp, Trịnh Bằng Phi vừa tới đây cũng cho quân dừng lại. Đường như lũ tướng giặc dạn dày trận mạc này có cái mũi thính của loài điều quạ, thoáng chút là chúng đã đánh hơi được mùi tử khí.

Bóng tối ập xuống nhanh như một cái bẫy sập, và gió rét lườn lách vào tận tủy xương khiến đám quân Nguyên cứ xích lại gần nhau vừa tránh gió vừa truyền hơi ấm cho nhau. Lũ ngựa phương bắc tuy quen cái lạnh băng tuyết của vùng thảo nguyên, cũng tỏ vẻ khó chịu với cái lạnh khác thường của xứ sở xa lạ này, chúng luôn đập móng, đổi chân, cử động thân thể, dường như chúng làm thế là để

chống lại cái giá lạnh của phương nam.

Giữa lúc các tướng giặc còn đang quan sát địa hình, bất thành linh có một tiếng nổ rồi nhiều tiếng nổ vang âm như sấm động, và từ mọi phía quân Đại Việt ào lên đánh vỡ mặt quân Nguyên với các loại binh khí như giáo, mác, mã tấu, đoản đao. Quân Đại Việt xuất hiện như một thứ âm binh đội đất lên và xông thẳng vào đám giặc còn đang ngỡ ngàng.

Quá bất ngờ, cả tướng và quân giặc đều hốt hoảng giẫm đạp lên nhau tìm đường tháo chạy. Quân ta chém giết mọi tay cho tới khi lũ giặc lùi khỏi tâm tay thì các chiến binh Đại Việt lại dùng cung, nỏ bắn đuổi. Người ngựa chết lẫn quay hoặc giẫm đạp lên nhau, khiến những tên giặc đang ngắc ngoải kêu rên, la thét thật là thê thảm. Đây là đám giặc trên bộ, còn đám giặc dưới sông nơi gặp gỡ giữa sông Thiên Đức và sông Cái, Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp đang nghênh ngang cho quân xuôi thuyền về phía hạ lưu, phía kinh thành Thăng Long. Với vẻ coi thường quân Đại Việt và với ý muốn tiến thật nhanh về Thăng Long mưu lập công đầu, Ô-mã-nhi sai quân cứ thế giong buồm chứ không chờ quân kỵ, quân bộ đi trên bờ sông cùng nương tựa vào nhau mà tiến.

Do vậy cùng lúc các quân kỵ, quân bộ của giặc ở trên bờ bị đánh tơi tả, tranh nhau tháo chạy thì trên mặt sông, quân ta tập trung mọi nỗ lực bắn cháy ngay lập tức gần chục chiến thuyền đi đầu. Do buồm bị cháy, dây lèo bị đứt, thuyền chững lại quay ngang và những chiếc đi sau không kịp, cứ thế đâm vào nhau gây vỡ liên hoàn, trong thoáng lát nước tràn làm chìm hết chiếc nọ đến chiếc kia và chúng dính mắc vào nhau cản đường tiến, thoái.

Trong lúc giặc đang rối loạn thì chiến thuyền của quân ta phục trong các khe, lạch hoặc ẩn trong các bờ cỏi lác cao lút đầu người ủa ra đồng như lá tre quây chặt lấy đoàn chiến thuyền của Ô-mã-nhi. Quân ta đánh rất táo bạo, nhảy ào lên thuyền giặc đâm, chém, giăng co, vật lộn rồi đẩy chúng xuống sông hoặc kéo giặc xuống sông mà chìm chết.

Giữa lúc giặc đang hoảng loạn thì từ bốn phía đều vang lên tiếng tù và, tiếng trống đồng, tiếng hò reo vang dội khắp mặt sông. Khắp bốn bề đều thấy lửa cháy bốc cao ngút trời và các âm thanh nhọn sắc từ trống đồng phát ra làm lộng óc quân thù khiến tâm thần chúng càng thêm hoảng loạn không biết chống đỡ bằng cách nào. Quân ta đánh ào ạt chừng nửa canh giờ vừa đốt vừa đánh đâm tới năm, sáu chục chiến thuyền. Giặc vừa bị quân ta giết trên thuyền, đẩy xuống sông hoặc lôi giặc xuống sông chìm chết, hoặc chúng lung tung chết theo thuyền chìm, hoặc chúng chạy trốn nhảy liều xuống sông do không biết bơi mà chết. Tất cả những cái chết ấy khiến giặc hoảng sợ và chống đỡ thật là yếu ớt.

Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp ở phía sau thấy tình thế bất lợi, thúc quân tiến lên tiếp chiến. Nhưng trong đêm cuối năm trời tối đen như mực không phân biệt đâu là quân Nguyên, đâu là quân Việt, Ô-mã-nhi sai hàng trăm chiến thuyền chắn ngang dòng sông vừa để trợ chiến cho các chiến thuyền đang đánh nhau ở phía trước vừa ngăn không cho quân Đại Việt tiến lên. Vì thế những chiến thuyền quân Nguyên đang bị quân Đại Việt bao vây mặc nhiên bị bỏ rơi và mặc sức cho quân Đại Việt chém giết tơi bời.

Chừng như việc giáng cho quân Nguyên một đòn như thế là đủ, bỗng một loạt pháo thăng thiên làm sáng rực cả trời đêm và tiếng trống đồng cùng tiếng kèn hồi thúc, như phía Đại Việt lại sắp mở một đòn tiến công khốc liệt khiến quân Nguyên thay vì chống đỡ yếu ớt, chúng liền co cụm lại với nhau. Chính lúc đó, quân Đại Việt biến vào bóng đêm như họ đột ngột xuất hiện.

Trận đánh bất ngờ của quân Đại Việt khiến cả quân bộ, quân kỵ, quân thủy của Thoát-hoan thiệt hại nặng nề và chúng phải lui quân tới hai mươi dặm mới dừng quân hạ trại và chờ qua ba ngày sau mới dám tiến binh. Lần này giặc tiến quân thận trọng hơn. Hai quân mã, bộ nương tựa vào nhau và có cả bộ phận đi song hành với quân thủy trên bờ sông. Đoạn đường từ sông Thiên Đức về tới trại Bồ Đề Gia Lâm giặc phải đi vòng rã suốt một ngày đêm, nhưng không gặp bất cứ một sự chặn ngăn chống đối nào của quân Đại Việt.

Thoát-hoan sai lập doanh trại và cho quân mai phục đúng như cách đây mấy năm y đã chiếm đóng khu vực này. Vừa hạ trại xong được vài canh giờ, quân tuần thám đã bắt đưa về đại bản doanh một người bản xứ mà chúng cho là quân gian tế.

Xét hỏi, người đó dâng lên một bức thư. Chúng dâng thư đó đến tận tay Trần Nam vương Thoát-hoan. Thoát-hoan sai hữu thừa Trịnh Bằng Phi mở đọc. Thư rằng:

Hưng Ninh vương Trần Tung cúi đầu kính dâng thư này lên Trần Nam vương.

Nghe danh đại vương từ lâu, nay mới được thấy oai trời. Quốc vương tôi run sợ, sai tôi viết biểu trần tình.

Kính bẩm đại vương, nước tôi bé nhỏ nép ở góc cùng trời cuối biển, một lòng thờ thượng quốc, đời đời là nước phen dậu. Không hiểu vì cớ gì năm Ất Dậu thiên tử phái đại binh sang giày xéo vương thổ, đốt phá vương đình, tàn sát sinh linh khiến nước tôi lâm vào suy kiệt.

Chưa được ba năm, tang tóc còn bao phủ khắp chốn cùng nơi, dân tình còn điêu hảo; nay không hiểu vì cớ gì thiên binh lại ầm ầm vào cõi, khiến trăm họ sợ hãi trốn chạy vào rừng sâu hang núi, làm quốc chủ tôi hết sức đau lòng.

Thương dân vô tội phải chịu lầm than, quốc vương tôi tự biết phận nước nhỏ không thể chống lại nước lớn, sức con bộ ngựa sao cân nổi chiếc cày đại xa.

Vậy xin đại vương nới tay tàn sát cho dân tôi được sống yên ổn để quốc vương tôi thu xếp ngày một ngày hai sẽ tới diện trình tại nơi trưởng hổ.

Thư nói chẳng hết lời, kính mong đại vương đền giời soi xét. Và xin sớm được hồi âm để hẹn ngày ra mắt.

Tuệ Trung Thượng sĩ Hưng Ninh vương Trần Tung kính bái.

Nghe lời lẽ trong thư tỏ ra nhu thuận, Thoát-hoan gần như có phần hài lòng. Y quay hỏi tả hữu:

- Các ông thấy thế nào? Có phải An Nam núng thế xin hàng hay nó định trá hàng đây.

Hữu thừa Trịnh Bằng Phi tỏ ra am tường người Đại Việt, y nói luôn:

- Bẩm Trần Nam vương, dân Giao Chỉ tráo trở, xin chớ vội tin.

Binh chương Áo-lỗ-xích lại nói khác:

- Cứ xem cách đánh của người Giao Chi cũng có phần kiên cường, quyết liệt, nhưng vì lực nó quá yếu nên từ khi ta đưa quân vào đất nó tới nay, chưa có ải nào nó giữ nổi lấy ba ngày, chưa có trận nào gọi là đại trận. Vì vậy việc nó xin hàng đây có thể tin tới sáu, bảy phần, xin Trần Nam vương cân nhắc.

Tham tri chính sự Ô-mã-nhi cũng xin nói:

- An Nam thường tự phụ có đội quân thủy thiện xảo thế mà khi thủy binh của ta vào nước nó, chỉ có vài trăm đũa ở mũi Ngọc Sơn đánh đắm nhì nhằng như bầy giặc cỏ, đại binh ta chưa kịp ra tay thì chúng đã trốn chạy không biết đâu mà truy tầm nữa. Cùng với các cửa ải lần này chúng kháng cự đều yếu ớt, chứng tỏ cuộc chinh phạt năm Ất Dậu mới đây của Trần Nam vương đã làm suy kiệt nước nó. Vì vậy việc Nhật Huyền phải đưa anh họ nó ra xin thương thảo đầu hàng với Trần Nam vương là bởi An Nam đã tới bước đường cùng. Tuy vậy để chúng không còn khả năng tráo trở như ông hữu thừa Trịnh Bằng Phi vừa tâu báo, xin Trần Nam vương cho đánh đốc vào Thăng Long, truy bắt cho bằng được cha con Nhật Huyền và Hưng Đạo. Nếu bắt được mấy người này, cuộc chinh phạt An Nam coi như hoàn tất, Trần Nam vương chỉ việc chia Giao Chi thành quận huyện, đặt quan cai trị và ngài xin với thiên tử ở lại làm tiểu vương ở cái xứ rừng vàng biển bạc này chẳng hay lắm sao.

Nghe Ô-mã-nhi nói, Thoát-hoan cảm thấy nhẹ người và y cảm như chiến thắng trọn vẹn đang trong tầm tay.

Tả thừa A-li cũng phụ họa:

- Tâu Trần Nam vương, sau khi đặt quan cai trị xong, Trần Nam vương nên nghĩ ngay đến việc bức hàng Champa, Chân Lạp, Tiêm La... cả một dải đất phương nam mệnh mông và giàu có phụ vào đế quốc của thiên tử. Sau kỳ công vĩ đại này, chắc thiên tử sẽ hài lòng ân thưởng cho chủ tướng và tiến phong ngài tước đại vương.

Thoát-hoan nghe tả hữu tâu báo thấy đều có lý. Hắn có vẻ hài lòng, liền phán:

- Nếu được như điều các ông nói, mà ta chắc sẽ được như vậy, ta cũng muốn ở lại đất này. Và nếu ta được thiên tử mông ân cho ở lại, tất ta không chịu cho các ông về lại Trung nguyên đâu. Chẳng nhẽ khi gian nan có nhau mà khi hưởng phú quý lại chỉ có một mình ta sao. Ngẫm nghĩ giây lâu, Thoát-hoan lại nói: - Ta thấy Ô-mã-nhi nói cũng có lý, nhân nó đang sợ hãi, ta phải cấp kỳ truy đuổi, bắt được bọn đầu sỏ ương bướng trái mệnh, chắc công việc bình định của ta sẽ sớm viên thành. Vậy các ông thử bày kế trong những ngày tới nên tiến binh thế nào? Liệu ta có thể chia binh quây gọn Thăng Long mà bắt lấy chúng không?

Ô-mã-nhi xin nói:

- Tâu Trần Nam vương, muốn quây gọn Thăng Long ta phải có quân ở mặt nam. Điều này hiện thời chưa làm được, bởi quân ta và quân Giao Chi đang phân chia thành hai tuyến bắc - nam. Muốn có quân mặt nam ta phải cho quân thủy đi đường biển vào cửa Đại An chiếm lấy Thiên Trường. Rồi từ Thiên Trường tiến về Thăng Long theo hai đường thủy bộ. Và từ mặt bắc này ta vượt qua sông Cái để úp lấy Thăng Long.

- Không! Không thể làm như vậy được, Thoát-hoan chặn ngay. Làm theo kế của Ô-mã-nhi thì trọn vẹn nhưng quá chậm, e rằng

cha con Nhật Huyền chạy trốn đến tận Champa mất. Theo ta phải đánh cấp kỳ, phải dùng đại lực lượng mà uy hiếp nó, phải đuổi thật gấp để nó không trốn chạy đằng nào cho kịp.

Thoát-hoan nhìn chư tướng và dừng lại nơi Áo-lỗ-xích và hỏi:

- A-gu-ruc-tri, ông tính sao?

- Bẩm vương, ý của vương là sáng suốt, nên thực hiện ngay để quân kia không kịp xoay trở.

Hữu thừa A-ba-tri cũng hòa theo:

- Bẩm khi giặc đã ở thế yếu thời phải đánh cho nó không kịp xoay trở, khiến nó chạy không kịp thở nữa kia. Làm theo kế của Trần Nam vương là thượng sách. Để chặn giặc không kịp tháo chạy, không nhất thiết phải phái thủy đội hùng mạnh như bạt-đô tướng quân nói, mà theo tôi, ta nên phái năm ngàn kỵ binh phi thẳng về Thiên Trường, chặn đứng cửa Hải Thị để giặc không có đường trốn ra biển. Nếu Trần Nam vương cho phép, tôi xin lĩnh kỵ đội đi chặn giặc.

Với vẻ khoái hoạt, Thoát-hoan nói lớn:

- Các tướng bần rất hợp ý ta. Các ông về lo liệu việc quân mình cho chu đáo, giờ sừu ngày kia ta tiến đánh Thăng Long. Sau khi đại quân đã qua sông, hữu thừa A-ba-tri đem toàn bộ kỵ đội của ông ruổi ngay xuống Thiên Trường chứ không dừng lại Thăng Long. Ô-mã-nhi bạt-đô cũng đem hơn ba trăm chiến thuyền đuổi gấp cha con Nhật Huyền. Hữu thừa Trịnh Bằng Phi đem năm vạn quân đánh qua Trường Yên, chặn đường thiên lý không cho quân An Nam chạy trốn vào Thanh Hóa. Bình chương chính sự phó tướng Áo-lỗ-xích sau khi đã cho quân an vị ở Thăng Long phải trở lại ngay Vạn Kiếp để phòng Hung Đạo có thể tập kích lấy lại căn cứ của ta. Các ông nên nhớ Vạn Kiếp vừa là đầu não vừa là huyết mạch của chiến trường An Nam, ai chiếm được nó sẽ làm chủ đất này.

Như có điều gì ám ảnh làm Thoát-hoan đột nhiên biến sắc mặt, giọng có vẻ lo âu quay về phía các tướng và hỏi: - Đã hơn một tháng sao vẫn chưa thấy đoàn thuyền lương của Trương Văn Hổ tới là có làm sao?

Câu hỏi của Trần Nam vương khiến mọi người giật thót như bước chân trần lên mặt hồ đóng băng.

XIII

Đêm lạnh trong chiếc lán dựng tạm nơi rừng sâu, Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương vẫn lúi húi rắc cát trên mặt phản ghép từ bốn mảnh gỗ, ông già định các đường tiến binh của giặc. Đây là quân thủy, đâu là quân bộ, quân kỵ. Chỗ nào ta đặt phục binh, chỗ nào nghi binh đều có các dấu phân biệt như mũi tên, hình tròn, hình vuông hoặc hình nọ chồng lên hình kia.

Yết Kiêu, Dã Tượng hai gia nô nhưng thực tài của họ chẳng thua vị gia tướng nào của Quốc công. Thấy chủ tướng thức khuya, hai người đều lấp ló, quanh quần vừa là bảo vệ chủ tướng vừa xem ngài có cần sai bảo điều gì.

Trời lạnh tới mức nhìn hơi thở của Quốc công phả ra qua mũi có màu trắng đục như hai luồng khói chạy song song, Yết Kiêu chạnh lòng về tuổi tác của chủ tướng đã cao mà vẫn chưa được hưởng nhân, vẫn phải dầu dãi gió sương ngày đêm nghĩ kế phá giặc.

Yết Kiêu mở tấm áo bông chần do phu nhân gói ghém gói cho đức ông bữa chàng đi truyền lệnh ghé thăm bà tại nơi di tán, chàng lặng lẽ khoác tấm áo lên vai vị tướng già.

Hưng Đạo khẽ so vai ngừng nhìn người gia nô hỏi:

- Áo nào vậy con? Ta thấy ấm hẳn lên.

- Bẩm Quốc công, đây là tấm áo cũ của ngài, đức bà may sửa lại, bữa con đi truyền lệnh cho Nhân Huệ vương ở Vân Đồn về có ghé thăm nơi đức bà cùng gia nhân di tán, đức bà trao cho con mang đi và dặn khi nào trời lạnh thì đem ra để đức ông vận cho đỡ giá buốt.

Vị tướng già nhìn xuống tấm áo cũ được may chần lại cẩn thận mà lòng se thắt. Ông ngoái hỏi Yết Kiêu:

- Bữa con về nhà, phu nhân có đỡ đau hai bên đầu gối không?

- Bẩm phu nhân nói dạo này đã đỡ hơn.

- Sao con không nói với ta.

- Bẩm, con thấy đức ông ít có lúc rảnh rỗi nên con không dám thưa.

Quốc công đang muốn hỏi thêm về phu nhân ở nơi di tán thì vua Nhân Tôn bước vào. Ngài vận sơ sài nếu bằng vào y phục thời không thể biết ngài thuộc đẳng cấp nào. Chiếc áo bông dài may bằng vải thanh cát, đầu đội mũ bồ đài có dây buộc qua cằm, chân đi giày vải, cổ quần dải khăn lụa màu nâu, ngang lưng không thắt đai mà buộc bằng sợi giốc to bằng ngón chân cái, hai đầu gút lại thành hai quả

cầu tròn to bằng chiếc trứng vịt. Sợi dây dài hơn một sải tay khi cần có thể dùng nó làm vũ khí tựa như cây thiết lĩnh.

Vừa thấy nhà vua, Hưng Đạo vội đứng dậy chào:

- Đêm khuya, sao bệ hạ không đi nghỉ để giữ gìn ngọc thể. Trong công cuộc kinh chống với giặc dữ phương Bắc, thượng hoàng và bệ hạ là linh hồn của cuộc kháng chiến thần thánh này, vậy nên phải bảo trọng tâm thân muôn quý để dùng cho nước.

Vua Nhân tông nhẹ giọng, và với vẻ khiêm cung ngài nói:

- Bá phụ, nhẽ ra thời tiết giá lạnh thế này, bá phụ mới cần phải bảo trọng, chứ con sức lực còn đang độ tráng niên, lo gì?

Hưng Đạo mỉm cười đáp:

- Diệt xong lũ quý phương Bắc, thần sẽ tuân chỉ lui về điền viên dưỡng nhàn. Ngừng nhìn nhà vua, Quốc công lại hỏi: - Chắc có điều gì quan yếu bệ hạ cần chỉ dụ?

Vua Nhân tông thông thả nói:

- Bá phụ, con nghĩ, ta đã tiêu diệt hết đoàn thuyền chở lương thảo của giặc rồi, coi như đã tiêu diệt được một nửa sinh lực nó. Sao bá phụ không thả một ít tù binh trong đoàn vận lương của giặc cùng ít bằng cờ mà ta thu được ném nó vào trại của Thoát-hoan, gây cho chúng hoảng loạn tinh thần, rồi ta làm cuộc đại phản công đuổi giặc ra khỏi bờ cõi để dân chúng còn làm ăn kéo lại trễ hết cả mùa vụ.

- Bệ hạ nói rất phải, lòng bệ hạ thương dân như thương con. Nhưng giặc Bắc ngoan cố, nếu đuổi nó về rồi nó lại sang. Vì vậy thần muốn diệt hầu hết đoàn quân này khiến nó khó bề hồi phục, và muốn đánh ta nữa cũng phải chuẩn bị hàng chục năm. Do đấy, thần muốn nhử cho nó đuổi theo quân ta tới khi sức nó mỏi mệt, quân nó rải mảnh mảnh đóng đầu thì nằm chết dí tại chỗ chứ không đủ sức cho quân ra khỏi trại cướp phá. Bởi nếu giặc chỉ có dăm ba trăm quân xuất trại, thì dân binh các làng hợp lại dư sức cản phá.

Tâu bệ hạ, hiện nay trên mạn bắc, quân ta phối hợp với quân của các đầu mục người man vừa chặn đường tiếp tế lương thực của giặc từ Tư Minh, Bằng Tường sang, vừa phục kích đánh quân tuần thám, đêm đêm thì quấy rối các đồn trại giặc. Còn tại đồng bằng thì việc quấy rối làm cho giặc mất ăn mất ngủ của Hưng Ninh vương cũng đã bắt đầu. Chắc hẳn giặc còn căng sức truy đuổi ta. Vậy ta phải đánh tiêu diệt cho chúng thiệt hại đáng kể, rồi mới tung cái tin giặc đã bị đánh úp cả một đoàn thuyền lương, khi đó tinh thần giặc sẽ suy sụp hoàn toàn, chỉ còn nghĩ kế tháo chạy. Tâu bệ hạ, ta phải trừ tính lực lượng và phục quân ở những ngã nào để tiêu diệt được càng nhiều quân giặc càng tốt. Nhưng chủ yếu vẫn là phải đánh gãy xương sống nó, để Hốt-tát-liệt chưa cái thói ngạo mạn, cậy mình là nước lớn dám ngịch mệnh Trời, coi thiên hạ như cỏ rác.

Nghe Quốc công nói đến việc Hốt-tát-liệt ngịch mệnh Trời, vua Nhân tông trầm ngâm giây lát rồi chậm rãi:

- Bá phụ dạy chí phải, nếu không đánh cho cha con Hốt-tát-liệt gãy xương sống thời không bao giờ chúng chịu để cho ta yên.

Đúng vậy, từ thời vua Lê Hoàn đánh quân xâm lược nhà Tống năm Tân tỵ (981), Trời đã ứng mệnh nước ta qua lời thần máng

giặc trên sông Như Nguyệt. Và nhà vua khe khẽ đọc:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?*

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!^[69]

Và năm Đinh ty (1077) Lý Thường Kiệt đánh quân xâm lược nhà Tống, nửa đêm thần lại xuất hiện mắng giặc một lần nữa trên sông Như Nguyệt.

Nhà vua vừa nhắm đọc xong, Hưng Đạo liền nói với về xác quyết: - “*Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong*”^[70].

- Dạ đúng như bá phụ dạy, nhưng sao tới lúc này mà Thoát-hoan vẫn chưa nghĩ tới việc quân lương của nó đã bị tiêu diệt gọn rồi sao.

- Bệ hạ còn lạ gì, giặc lúc nào cũng tự phụ, chúng tin vào tên cướp biển Trương Văn Hổ làm Giao Chỉ vận lương đô tổng quản thời một hạt lương cũng không thể sa sây. Thuyền lương đến chậm chỉ vì chở nặng không thể đi nhanh hơn. Nhưng tới nay chúng cũng đã hơi lo, nên cho quân đi sục sạo vơ vét lương thực về tập trung ở đồn trại Chí Linh cũng được dăm vạn thạch, tuy vậy chúng phải đổi mỗi đấu lương bằng một đấu máu.

Ngừng lời trong giây lát, Hưng Đạo lại hỏi:

- Bệ hạ tới đây có đem theo chiếu dụ hoặc ý chỉ gì của thượng hoàng không?

Thật ra Nhân tông tới quân doanh của Quốc công là do ý chỉ của thượng hoàng, song nhà vua chưa tìm được cách truyền đạt. Khi được Hưng Đạo hỏi tới, nhà vua liền đáp:

- Thừa bá phụ, phụ hoàng con dạy, phải thừa lại với bá phụ, ta đã diệt được hết thầy quân lương của giặc, sao không nhân đà đánh đuổi chúng ra khỏi cõi bờ sớm đi, để dân chúng đỡ lầm than.

Nghe nhà vua truyền lại ý chỉ của thượng hoàng, Hưng Đạo nuốt một tiếng thở dài vào đáy dạ, và tự nhiên khiến ông nhớ lại cuộc kháng giặc năm Ất Dậu biết bao khó khăn trở ngại trước thế giặc mạnh, phải gỡ bỏ bằng được sự ngờ vực dấy lên từ trong nội tộc. Sau đó là sự phân vân về khả năng chống đỡ của quân ta, cũng chỉ bởi lòng thương dân của thượng hoàng. Lòng thương dân dù sâu xa đến mấy vẫn là chưa đủ. Phải nghĩ đến sự trường tồn của thể nước mới là thương dân trọn vẹn. Nghĩ vậy, Hưng Đạo bèn nói:

- Bệ hạ nên lựa lời tâu lại để thượng hoàng yên tâm. Thời gian đuổi giặc ra khỏi cõi bờ ta cũng không còn phải đợi chờ lâu nữa đâu, thần chỉ muốn tận mòng quân giặc ra cho dễ đánh, cho đỡ tổn máu xương sĩ tốt, và càng tiêu diệt được nhiều sinh lực nó thì nó mới

bớt hung hăng và không dám coi thường ta. Chắc chỉ nay mai là sẽ có những trận đánh lớn, bệ hạ và thượng hoàng chờ nghe tin báo tiếp. Và khi nào cần, thần sẽ xin bệ hạ đem quân thánh dực trợ chiến.

Từ lâu vua Nhân tông đã biết nổi lòng trắc ẩn của người cha vợ và cũng là bác của mình. Nhà vua đã hiệp tác với ông để hóa giải mọi hiềm khích, đề đạt tới sự đồng tâm nhất trí dẫn tới cuộc đại thắng giặc Nguyên năm Ất Dậu. Nay thì Chiêu Minh vương Quang Khải đã có cái tâm hòa ái, độ lượng, ông tự nhường ngôi tướng quốc cho cháu là Đức Việt, lại nhận làm trợ thủ cho Quốc công. Ôi, cái đức đó chẳng phải từ Quốc công mà ra sao.

Đêm ấy vua Nhân tông nghỉ lại quân doanh của Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn. Hai bác cháu bàn kế phá giặc trâu đêm.

Sớm hôm sau đã có quân về báo tiếp: “Khoảng đầu giờ tuất đêm qua nhằm lúc mưa dầm nặng hạt, trời tối mịt mù, hai ngàn kỵ binh giặc tiến vào cổng thành Hoa Lư bị hàng vạn tay cung cứng của tướng Trần Toàn phục đánh, giặc chết tới quá nửa phải quay đầu chạy trở lại Thăng Long”.

Lại nói khi Thoát-hoan đem quân vào Thăng Long chỉ bị chống trả sơ sài, thiệt hại không đáng kể; Thoát-hoan ra lệnh cho ba quân phải cấp kỳ đuổi bắt bằng được hai vua mà y thường gọi một cách hỗn hào là cha con Nhật Huyên.

Hơn hai ngàn quân kỵ do hữu thừa A-ba-tri đã bị quân Đại Việt phục kích tiêu diệt tới quá nửa phải tháo chạy trở lại Thăng Long. Ô-mã-nhi với hơn ba trăm chiến thuyền chờ đây áp quân lính truy đuổi hai vua. Trịnh Bằng Phi cũng dẫn năm vạn quân tiến theo hai đường thủy bộ về thẳng Thiên Trường nhưng y phải chia quân chiếm đóng ở những nơi có vị trí xung yếu có khả năng kiểm soát cả một vùng.

Đoàn chiến thuyền của Ô-mã-nhi cờ xí ợp trời kéo dài tới mấy chục dặm sông. Tới đâu y cũng xua quân lên bờ bắt dân hỏi về tầm tích hai vua. Tất cả mọi người trả lời đều có thấy một đoàn thuyền hàng trăm chiếc chờ đây quân lính, trong đó có cả hai chiếc lâu thuyền trang hoàng màn sáo lộng lẫy, nhưng không biết chờ ai... Và họ mới qua đây chỉ có một ngày.

Ô-mã-nhi bèn hội chư tướng nói: - “Quân nó chạy trốn lại hộ giá hai vua nó nữa nên không thể chạy nhanh được. Vậy phải lập đội khinh thuyền đuổi gấp còn đại quân tiến sau”. Ô-mã-nhi sai chọn năm chục chiến thuyền nhỏ hơn so với các thuyền khác, lại chọn các tay thủy thủ khỏe nhất, dạn dày chiến trận cùng một vạn quân cung thủ thiện xạ đích thân Ô-mã-nhi thống lĩnh ngày đêm rượt đuổi hai vua nhà Trần và Trần Hưng Đạo.

Khi chiến thuyền Ô-mã-nhi đến cửa Hải Thị thì không thấy bóng dáng quân Đại Việt, chỉ thấy vài chiếc thuyền thả trôi bồng bềnh giữa ngã ba sông, y bèn cho quân ra thu lấy. Trên thuyền còn bỏ lại vài đồ khí giới như cung, nỏ, giáo, mác với ít đồ ăn như cơm nắm, cá khô, muối vừng. Ô-mã-nhi biết là quân Đại Việt đã đưa vua nó đi trốn nhưng không biết đi về nẻo nào, y sai quân lên bờ bắt dân chúng tra hỏi.

Giặc xua quân lên bờ, chúng kéo nhau vào các trang ấp thuần gặp cảnh vườn không nhà trống chúng liền phóng hỏa đốt, khói

lửa rừng rực khắp xóm thôn. Cuối cùng chúng bắt được hơn chục cụ già. Những người già râu tóc bạc trắng run rẩy trong giá lạnh. Vì rằng giặc lột hết áo ấm, hai cánh tay bị trói, hai cổ tay bắt chéo bị trói bởi một dây thừng thắt nhiều nút, và một dây thòng lọng thòng vào cổ, đầu dây do một tên lính Hán kéo căng, thỉnh thoảng y lại giật sợi dây cho người bị trói ngã giúi giúi.

Ô-mã-nhi sai mấy đứa thông dịch hỏi:

- Quan tham tri chính sự bặt-đô tha tội chết cho mấy lão già, đó là phúc lớn sao mấy người không quỳ xuống lạy tạ?

Các cụ rét nổi da gà, mặt tái xám nhưng không một ai kêu xin. Bỗng từ giữa đám đông người bị trói, một cụ nói giọng thều thào:

- Các ông trói, người cứng như khúc gỗ sao còn có thể cúi mà đáp lễ được.

- Cởi trói cho chúng nó. - Ô-mã-nhi ra lệnh.

Dù đã được cởi trói, nhưng trời giá lạnh các cụ vẫn cứ run cầm cập, hai hàm răng chạm vào nhau, hơi thở phả ra mờ như khói như sương.

Tâm địa sói lang như Ô-mã-nhi cũng động lòng trắc ẩn. Y biết những người này sao có thể chống lại quan quân. Vì vậy y bắt bọn thuộc cấp phải trả lại áo ấm cho mấy người già.

Nhận lại áo, hơi ấm dần làm các cụ đã có khí sắc. Một cụ nói: “Tạ ơn ông lớn trả lại áo rét cho người già”. Không một ai quỳ lạy. Đường như điều đó cũng không làm Ô-mã-nhi bực giận. Vì rằng Ô-mã-nhi là người Mông Cổ theo văn hóa du mục, nên không chấp nề như đám tay sai người Hán.

Ô-mã-nhi cất giọng đe:

- Ta hỏi, các người phải trả lời đầy đủ, nếu quanh co giấu giếm, chắc mạng sống của các người sẽ nằm trong bụng cá. Chi tay về phía cụ già đứng ở cuối hàng, y hỏi: - Lão già trông thấy đoàn thuyền của vua An Nam và quan quân chạy qua đây từ lúc nào?

Cụ không có vẻ gì là bối rối, nói ngay:

- Bẩm ông, nhà tôi ở sâu trong thôn ấp, không ruộng cấy ngoài bờ bãi, hoặc đi bắt cá bắt tôm gì ngoài sông, nên không biết đã có thuyền bè gì ngoài sông.

Ô-mã-nhi hỏi tới sáu, bảy người, ai cũng tìm cách nói một cách rất hợp lý về sự không trông thấy quân Đại Việt rút qua đây vào lúc nào. Ô-mã-nhi mặt đỏ phùng phùng, y cho rằng các cụ già đã cố tình che giấu. Bỗng cụ già đứng phía đầu hàng liền nói:

- Lão có thấy, lão có biết các việc mà ông lớn đang hỏi.

- Vậy người nói đi!

- Tôi vừa sống bằng nghề nông, vừa sống bằng nghề chài lưới. Cách đây đúng ba ngày tôi đang thả lưới ở cửa lạch giáp với con

sông này, bỗng nghe thấy tiếng à à vang khắp mặt sông và sóng gợn mỗi lúc mỗi to hơn, tôi nghĩ là thuyền giặc tức là các ông sắp qua đây, vội cuộn lưới rồi lui thuyền vào ẩn trong bãi cỏ. Khoảng nửa canh giờ sau thì thấy thuyền quân đi rợp cả sông, chỉ thấy tiếng mái chèo khua nước, tiếng thuyền xé nước rào rào. Độ bốn năm chục chiếc thuyền cứ âm âm lao đi, chiếc đi đầu trương hiệu cờ Đại Việt, tiếp đó là hai chiếc lầu thuyền, tầng trên quay màn sáo, chiếc đi trước vẽ hình con cá vàng (Kim Ngư), chiếc đi sau vẽ hình con rồng vàng (Kim Long). Cả hai chiếc đều lồng lẩy lăm. Nhưng tôi không thể biết trong đó chở những ai.

Chiến thuyền đi cứ rầm rập, chờ mãi không biết đến bao giờ cho hết, tôi bèn bỏ thuyền lội bộ qua bãi cỏ về làng. Sáng hôm sau tôi ra bãi lấy thuyền thấy mặt sông vắng hoe chỉ còn mấy xác thuyền dập dềnh trên mặt nước. Chắc ra biển, những chiếc thuyền kia nhỏ bé, ọp ẹp nên người ta vứt bỏ lại.

Nghe ông già kể có đầu có đuôi hợp lý hợp tình, Ô-mã-nhi giận dữ rút gươm chỉ về phía biển nói như đe dọa các vua nhà Trần: “Các người chạy lên trời ta theo lên trời, các người chạy xuống đất ta theo xuống đất, người trốn lên núi ta theo lên núi, người lặn xuống nước ta theo xuống nước”. Nói xong Ô-mã-nhi sai hải đội binh thuyền lập tức lên đường.

Lòng đầy tức giận, Ô-mã-nhi nói với tả hữu:

- Ta quyết bắt bằng được vua tôi nước nó để Trần Nam vương trị tội.

Tham tri Phàn Tiếp bèn thưa:

- Cứ như mấy lão già cung khai thì đúng là hai vua nó đã chạy qua đường này. Nhưng chúng chạy khỏi đây đã qua hai ngày đêm, và biển mênh mông biết nó chạy đường nào mà đuổi, chỉ bằng chủ tướng cho quân lên bờ giết hết dân nó, cướp lấy của cải của nó, khiến nó vừa sợ hãi vừa lo ta giết hết dân nó thì buộc vua tôi nó phải ra hàng.

Ngẫm nghĩ giây lát, Phàn Tiếp lại nói:

- Tôi có kế này, nếu chủ tướng làm theo ắt cha con Nhật Huyền phải tới cửa Trần Nam vương xin hàng ngay.

Ô-mã-nhi vụt tươi hẳn lên, hỏi ngay:

- Tham tri có kế gì hay nói thử ta nghe?

Phàn Tiếp làm ra vẻ nghiêm trọng nói:

- Các nước theo về văn hóa Không - Mạnh của Trung Quốc thì không có gì quan yếu và kính cần bằng tôn miếu và lăng mộ.

- Thế thì sao? Ô-mã-nhi vội hỏi, bởi Ô-mã-nhi theo về văn hóa du mục đâu biết đến lễ nghĩa.

- Tham tri chính sự bạt đô không biết thật sao? - Phàn Tiếp vừa cười lớn vừa hỏi lại. Rồi y tiếp: - Vậy ý tướng quân thế nào?

- Có phải nếu ta phá những thứ đó thì chúng sợ hãi mà ra hàng không? Nếu đúng vậy sao ta không ra tay sớm đi?

- Cuộc chinh Nam năm Ất Dậu, để phá tán cái linh khí của họ Trần, quan hữu thừa Lý Hằng đã xui Trần Nam vương cho quân vào đóng trong điện Chí Kính^[71] và trong nhà Thái miếu^[72], trong điện Thiên An^[73] của nó. Tướng quân còn lạ gì đám lính ô hợp, nó đóng ở đâu thì nó phá phách, nó gây ô uế ở đó, dù có ngăn cấm cũng không được.

Phàn Tiếp xúi Ô-mã-nhi làm điều thất đức mà không nghĩ đến hậu quả phải gánh chịu. Hai viên hữu thừa, tả thừa Lý Hằng, Lý Quán xúi Thoát-hoan làm điều xằng bậy, chúng đều phải đền tội ác, ngay cả khi chúng đã chạy về Tư Minh là đất Trung Quốc, vẫn bị quân Đại Việt truy đuổi và dùng tên độc hạ sát.

- Vây mở mã nhà Trần táng ở đâu, ông có biết dẫn đại quân vào đó quật mã tổ tiên nó lên mà trừng phạt. Ô-mã-nhi như người sắp chết đuối vớ được đám bọt nước liền bầu ngay vào. - Bây giờ chưa biết vua tôi nó chạy ngả nào, để cho quân thám đi dò xét rồi ta sẽ tính sau. Vây trước hết hãy làm việc cần làm.

Phàn Tiếp liền mở tấm bản đồ ra dò tìm. Một lát y nói: - Đất phát tích của họ Trần ở Thái Đường. Mở mã tổ tiên họ Trần hẳn phải chôn cất tại đó. Nghe nói tại đó có cả mộ chôn Thái vương tức cha đẻ của Nhật Huyền.

Thế là tiện đường sông, đại binh thuyền của Ô-mã-nhi căng buồm đi thêm vài chục dặm nữa là cập bến rồi xua hàng vạn quân lên bờ. Chúng sục sạo vào trong thôn ấp bắt dân dẫn đi, nói là qua viếng tổ đường nhà Trần và khu lăng mộ.

Dân chúng vô tình dẫn giặc đi mà không lường được dã tâm của nó.

Giặc vào tới nhà thờ họ Trần, chúng thấy các đồ thờ đã di chuyển chỉ còn lại mấy bát bình hương cổ kính và ít hoành phi câu đối.

Ô-mã-nhi không đọc hiểu được các chữ nghĩa kia nói gì, nhưng cái màu vàng son chói lọi của các hoành phi câu đối đập vào mắt khiến y khó chịu. Ô-mã-nhi rút phẳng thanh kiếm đeo bên sườn, giương thẳng tay chém chiếc câu đối treo áp vào cột. Kiếm sắc lại được kẻ vũ phu dùng hết sức nên y chỉ chém một nhát là tấm gỗ dày tới cả đốt ngón tay đứt làm đôi và rơi xuống sàn gạch nhẹ như một chiếc lá, còn lưỡi kiếm lại mắc vào thân cột khiến Ô-mã-nhi phải dùng hết sức mới giật được thanh kiếm ra khỏi thân cột. Ô-mã-nhi kinh ngạc không hiểu cây cột kia làm bằng một thứ đá hoặc sắt thép gì mà rắn vậy. Yra lệnh đốt căn điện thờ.

Phàn Tiếp vội ngăn lại:

- Tướng quân, không nên đốt, và lại thứ gỗ này rắn như sắt, bền như đá dầu có đốt cũng không cháy. Để tôi phá các vật trong điện thờ, tổ tiên nhà Trần sẽ mất thiêng. Nói xong y chỉ tay về phía mấy chiếc bình hương bằng gốm men nâu đặt trên những chiếc kỷ thờ chạm trổ khá tinh xảo.

Phàn Tiếp nhặt chiếc vỡ gỗ chiêng rồi tự tay y đi đập vỡ từng chiếc bình hương.

Ngược nhìn bức hoành phi sơn thêu với hai hàng chữ vàng chói:

Nam quốc sơn hà nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.

Tên Hán gian tay sai của người Mông Cổ này dường như không chịu nổi, y sai lính hạ xuống cùng với tất cả câu đối trong ngôi đền rồi bắt chúng phải đốt cho bằng hết.

Nhìn thẳng ra phía trước ngôi đền thấy có mấy gò đất cao như núi, Phan Tiếp biết ngay đó là khu lăng mộ tổ phụ nhà Trần, y bèn nói với Ô-mã-nhi:

- Bẩm tướng quân, ta phải cho đào mấy cái mã kia mới có thể kinh động đến đám vua tôi nhà Trần, sớm muộn chúng cũng phải ra hàng Trần Nam vương.

Ô-mã-nhi gật đầu:

- Thấy việc cần làm sao ông không làm ngay đi?

Thế là ngay lập tức, giặc xua tới cả ngàn tên quân ào ạt xông lên các gò đất cao, ngoài võ khí thường mang chúng còn đem theo cả mai, cuốc, thuổng. Những gò đất cao hơn cả ngọn tre và rộng như cả một cánh đồng.

Chúng sục sạo vạch cây vạch cỏ tìm mãi không thấy một chỉ dấu nào về ngôi mộ tổ họ Trần, mà chỉ có tám mộ chí cắm trên đỉnh gò cao nhất và to nhất với dòng chữ triện khắc sâu vào đó: “Thái vương chi mộ”.

Giặc yên tâm đã tìm thấy mộ của vua Trần Thái tông (Trần Cảnh) liền cho quân khai đào. Cả một trái núi rộng lớn không biết quan quát nằm ở chỗ nào. Mặc dù giặc đã lấy bia mộ làm chỉ dấu để khai một miệng hố khá rộng và đào sâu tới bốn, năm sải tay. Giặc cho quân hì hục đào bới cả buổi chiều tới khi trời đã mờ mờ tối vẫn chưa thấy quan quát, Ô-mã-nhi cho thu quân xuống thuyền và tiến thẳng ra biển để truy đuổi vua tôi nhà Trần, và để lại sau nó những đám cháy rừng rực khắp làng quê. Sự thật giặc đã đào đúng huyết mộ,

chỉ còn cách vài thếp mai ^[74] nữa là tới nắp quan tài, nhưng chúng đã nản, tưởng cách chôn cất các bậc vua chúa An Nam cũng che đậy rắc rối, mù mờ như ở bên Trung Hoa, mộ đầy mà chẳng phải mộ như mã Tàn Thủy Hoàng, Khổng Minh, Tào Tháo...

Giặc đã khùng, đã phải dụng đến mạt kế là đào mồ cuốc mã, cũng có thể nói đây là ô nhục kế của kẻ làm tướng, rốt cuộc cũng chẳng ăn thua gì. Vẫn phải quay đảo như quân đèn cù do sự điều khiển vô hình của Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn.

Trong khi đó các tướng Trần Nhật Duật, Phạm Ngũ Lão sắm vai hai vua chạy trốn khiến quân giặc lẽo đẽo theo sau cho đến khi mất hút. Hoàn thành diệu kế, hai tướng đưa quân về ra mắt Hưng Đạo, ra mắt hai vua được nhà vua ngợi khen và sai ghi tên vào sổ bộ để sau khi đuổi xong giặc triều đình sẽ định công khen thưởng.

Hưng Đạo đã đưa các quân thủy, bộ về tăng cường cho vùng Tháp Sơn, vùng Nghi Dương và đang chuẩn bị cho cuộc phản công đuổi giặc.

Năm nay cả nước hầu như không có tết, giặc vào cõi từ cuối tháng một, qua tháng chạp chúng đánh rộng ra các vùng, chiếm các nơi hiểm yếu, các đường giao thông thủy bộ đi về phía nào cũng đụng phải giặc. Và gần giáp tết thì Thoát-hoan kéo quân về chiếm cả kinh thành Thăng Long.

Cũng như cuộc kháng giặc năm Ất Dậu, theo lời hiệu triệu của triều đình, toàn dân làm kế thanh dã. Giặc đi tới đâu cũng chỉ gặp vườn không, nhà trống, không có gì để cướp nên chúng đốt phá nhà dân, triệt phá hoa màu thiệt hại không biết đâu mà kể.

Qua hai tháng, chờ quân tiếp lương không thấy đến, quân tải lương từ Quảng Tây sang bằng đường bộ đều bị quân man tập kích, mười phần mất tới tám chín phần, số lương thực quân đem theo cũng đã cạn, Thoát-hoan đang lo lắng. Số quân tuy nhiều nhưng phải rải mỏng ra chiếm đất, muốn tập trung quân đi đánh chỗ nọ lại phải bỏ đất đã chiếm ở chỗ kia. Đã thế, đêm đêm quân Việt còn quấy rối, chỗ thì hò reo, đánh trống đồng, chiêng đồng khua não nhĩ, quân mất ăn mất ngủ, mỏi mệt, ốm đau ngày một nhiều hơn. Chỗ nào sơ hở, quân Việt cạy đồng xông vào, có khi diệt hết một doanh trại tới cả ngàn quân. Lại cũng có khi quân Việt dùng tên bụi nhũi bắn hàng loạt vào doanh trại, nhân lúc trời hanh heo gây cháy hết nơi này đến nơi khác, khiến lòng quân sinh rối.

Từ khi Thoát-hoan sai Phàn Tiếp đem thêm quân và thuyền bè đi tăng viện cho Ô-mã-nhi để đuổi bắt bằng được các vua nhà Trần, Trần Nam vương chỉ giữ bên mình một phần ba số quân thủy cùng thuyền bè để tiện sai khiến hoặc khi cần chuyển quân qua sông sẽ bớt đi trở ngại.

Thoát-hoan về Thăng Long giao cả vùng Vạn Kiếp cho Áo-lỗ-xích thống lĩnh vẫn không quên dặn viên phó tướng phải đốc quân ngày đêm đóng mới thuyền bè để dự phòng, để bù vào chỗ hao hụt trong khi giao tranh.

Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp đã gắng hết sức mình vẫn chưa làm được điều Thoát-hoan cũng như Hốt-tát-liệt trông đợi, trong lòng hai viên dũng tướng này luôn tỏ ra áy náy. Khi thuyền ra gần đến cửa biển, Ô-mã-nhi chợt hỏi:

- Phàn tướng quân, ông thử đoán cha con Nhật Huyền và Hưng Đạo trốn chạy nẻo nào? Chúng vào Thanh Hóa, Champa hay chúng lại trở về Vân Đồn chiêu tập đám quân thất tán rồi đánh vào Vạn Kiếp? Chúng ta phải phán đoán thật thấu đáo và phải quyết ngay cho các viên đô đốc biết hải trình.

Một thoáng ngẫm nghĩ, Phàn Tiếp đáp:

- Thừa tướng quân, quyền nguyên soái trong tay, ngài quyết thế nào tôi cũng xin theo. Nhưng chắc cha con vua Trần và Hưng Đạo chưa bỏ cuộc đâu. Nếu họ trốn vào Champa có khác chi bỏ nước cho ta. Như vậy cũng có khác chi Giao Chỉ đầu hàng. Cho nên cái ý nguyên soái dự phòng họ chạy về Vân Đồn, tập hợp lại lực lượng để đánh vào Vạn Kiếp là có lý. Vì vậy ta nên càn quét vùng Tháp Sơn, qua cửa Đại Bàng, sau đó trở lại Vân Đồn xem Trương Văn Hổ đã tới chưa, nhân tiện tảo thanh quân nó xong, ta qua nẻo An Bang vào cửa Bạch Đằng rồi ngược Vạn Kiếp. Ta quét một vòng như thế tất sẽ gặp giặc ở chỗ này chỗ khác. Chỉ có thế ta mới có cơ hội vật trụ

lông cánh Hưng Đạo, buộc cha con vua Trần phải ra hàng Trần Nam vương, công việc bình định của thiên triều mới sớm kết thúc để còn chia nước nó thành quận huyện mà cai trị.

Nghe Phàn Tiếp nói có lý, Ô-mã-nhi bèn hạ lệnh cho đại đội binh thuyền giông buồm qua hướng bắc. Một đoàn mấy trăm chiến thuyền khi còn đi ở trong sông thì trùng trùng điệp điệp nom như binh tướng nhà trời, thế mà khi ra biển lại lọt thỏm giữa mênh mông trời nước chẳng khác chi một đám bèo trôi dạt dờ.

Đang mùa gió bắc, thuyền lại đi về hướng bắc nên ngược gió thuyền cứ phải chạy vát để buồm hứng gió, cả mấy trăm chiến thuyền cứ lằng xằng kiểng gió, xa trông như một bầy bướm vỡ đàn. Và vì ngược gió nên đoàn binh thuyền đi có vẻ lờ dờ chậm chạp.

Khoảng một ngày sau khi binh thuyền của Ô-mã-nhi quay đầu về hướng bắc, trên đỉnh ngọn tháp Tường Long ^[76] những người lính canh phòng trên vọng hải đài này nhìn thấy màu sắc cánh buồm lơ mờ hiện lên từ rất xa. Tin được loan báo rất nhanh bằng đường ngửa trạm về đại bản doanh của Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương.

Trong trường hồ nhận được tin đại quân giặc sắp tới, Hưng Đạo mỉm cười:

- Thế là ta đã dụ được nó ra khỏi hang ổ. Và ông sai triệu các tướng đến nhận mệnh.

Lát sau thượng tướng Trần Nhật Duật, đại tướng Phạm Ngũ Lão cùng tướng Đỗ Hành và nhiều đô tướng khác đã có mặt đầy đủ.

Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương ban lệnh:

- Binh đội của Ô-mã-nhi đi ngược gió, chắc phải quá giờ thân mới ló vào khu vực biển Tháp Sơn của ta. Số thuyền giặc ước tính từ ba tới bốn trăm chiếc chờ theo từ hai muôn đến hai muôn rưỡi quân. Chúng đang hùng hổ đi tìm diệt quân ta, lòng đầy kiêu ngạo nên ít đề phòng. Vậy bắt đầu từ hôm nay ta tuyên lệnh khai chiến với giặc, mở đầu cho công cuộc đánh bại giặc hoàn toàn. Trận này chủ đích của ta không phải tiêu diệt hoàn toàn mà chỉ tiêu diệt một phần binh lực của giặc. Chiêu Văn vương lĩnh bảy ngàn quân với sáu chục chiến thuyền, Phạm Ngũ Lão, Đỗ Hành mỗi tướng đem theo năm ngàn quân với năm chục chiến thuyền. Nói tới đây Hưng Đạo liền chỉ vào tấm bản đồ treo trên vách, ngài lấy đầu que chỉ vào những chấm đen rải rác - đó là những trái núi đá mọc trơ trọi giữa biển cả mênh mông rồi cho các tướng bàn bạc về cách bày trận và phép đánh hỏa công trên biển. Khi mọi người bàn bạc đã thấu đáo, đã lãnh hội được ý đồ của vị chủ tướng thì trở về ngay quân doanh và đưa đại đội binh thuyền đi chiếm lĩnh trận địa.

Bữa nay lại đúng ngày triều cường, nước lên khoảng từ giờ mùi nên gió đông bắc thổi càng mạnh, thuyền của ta ra đi cứ nhẹ tênh còn thuyền của giặc ngược gió di chuyển khá chậm chạp, mãi gần cuối giờ dậu thuyền giặc mới ló vào khu biển địa đầu của vùng Tháp Sơn.

Trời tối, mặt biển đen sì, bầu trời le lói mấy vì sao thưa thoáng, trăng đầu tháng mảnh như chiếc lưỡi liềm treo chênh chếch phía lưng trời tỏa ra một thứ ánh sáng yếu ớt vừa đủ soi cho chính nó. Đúng lúc đó các binh thuyền của ta xuất kích. Binh đội hải thuyền của Trần Nhật Duật xông thẳng vào chính diện đại đội binh thuyền của Ô-mã-nhi. Đánh móc vào sườn bên tả là binh đội của tướng Trần

Toàn, đánh xéo vào sườn bên hữu là binh đội của tướng Phạm Ngũ Lão. Mỗi mũi đều có mười chiếc thuyền nhỏ hơn thuyền chiến chất đầy cỏ khô rắc diêm tiêu và mỗi thuyền gài tới cả trăm quả pháo đại. Trên mỗi thuyền lên đầy chất cháy đỏ căng tới ba cánh buồm và chỉ có năm thùy thủ dũng mãnh bơi lặn như rai cá và cũng là những tay cung thủ vào loại bách bộ xuyên dương ^[77] tinh thông các ban võ thuật.

Trời tối mịt mờ, thuyền quân ta xuất kích giặc không hề biết. Khi cách nhau chỉ còn khoảng một dặm, giặc mới phát hiện phía trước có thuyền đang băng băng lao tới.

Ô-mã-nhi sai các tay cung thủ dàn hết lên phía trước nhất loạt bắn đứt dây lèo cho các thuyền kia phải đổi hướng. Nhưng trời tối, giặc sao có thể nhầm trúng dây lèo. Và lại thuyền nhẹ, gió thuận, buồm căng và khi chỉ còn cách thuyền giặc độ non trăm sải tay, cả ba chục chiếc thuyền từ ba hướng đều nhất loạt phóng hỏa, tất cả bùng lên như một bể lửa lao thẳng vào binh thuyền giặc khiến Ô-mã-nhi, Phần Tiếp bất khả kháng. Các dũng sĩ đều nhảy xuống nước bơi trở lại phía quân ta. Mấy trăm thuyền giặc hoảng sợ chạy loảng quảng tránh lửa va vào nhau chiếc quay dọc chiếc quay ngang trở nên ngáng đường nhau. Những chiếc thuyền ở vòng ngoài tiếp giáp với các thuyền lửa của ta đều bốc cháy. Nhất là khi nghe những tiếng pháo đại nổ liên tiếp như sấm sét từ trời cao giáng xuống, khiến quân giặc trên các thuyền bị cháy đều hốt hoảng nhảy xuống biển. Phần nhiều trong số đó bị chết chìm bởi chúng bơi lội kém lại trong lúc hoảng loạn chỉ níu lấy nhau mà chết chìm, đứa nào ngoi lên mặt nước lại bị các thuyền cháy làm bỏng, bơi vài sải tay là đuối sức rồi chìm dần.

Nhân lúc thế trận giặc rơi vào rối loạn, ba mũi quân ta xốc tới, ào ạt nhảy lên thuyền giặc chém giết tới bời. Các chiến sĩ của ta đã đem tất cả sự căm thù và phần nộ dồn hết vào dây cung, mũi giáo khiến trận đánh bất ngờ nổ ra như sấm sét, giặc không chống đỡ nổi. Chừng nửa canh giờ sau, tất cả đại đội binh thuyền của ta lùi ra và giương buồm tiến về hướng nam, thuận gió thuyền đi nhanh như ngựa phi nước đại. Giả như giặc có muốn đuổi theo quân ta cũng không biết hướng nào mà đuổi.

Trong trận đánh táo bạo này, quân ta đốt cháy được hơn bảy chục chiến thuyền của giặc, chúng tự đâm vào nhau, va đập vào nhau khiến thuyền gãy, vỡ chìm mất hơn năm chục chiếc nữa. Số giặc nhảy lên thuyền ta, bị quân ta chém còn hơn chục chiếc đầu lâu rơi trong thuyền của ta, và nhân khi chúng leo lên, ta bắt sống tổng vào các khoang nhốt tù cũng được hơn trăm đứa. Không tính được số giặc chết là bao nhiêu, nhưng mấy ngày sau xác giặc nổi thành bè, trôi dạt vào bờ kể có ngàn tên. Phía quân ta ngoài ba chục chiếc thuyền lửa bị cháy tiêu cũng mất hơn chục chiếc nữa bị gãy chìm trong khi lao thẳng vào thuyền giặc, binh sĩ của ta vừa chết vừa bị thương cũng tới vài trăm. Sau trận đánh thắng oanh liệt, ta chỉ dùng số quân và số thuyền bằng một phần ba binh lực của giặc, nhưng đã đánh cho giặc không biết đường nào mà kháng cự, do vậy tinh thần quân ta hào hứng lên cao chưa từng thấy.

Sau trận kịch chiến Ô-mã-nhi, Phần Tiếp thoát chết là nhờ chúng dày dặn kinh nghiệm chiến trường, tẩu rất nhanh khỏi nơi hỏa điểm, Và sau khi quân ta rút đi rồi, giặc vẫn chưa thoát được ra khỏi vùng chiến sự. Mãi gần sáng chúng mới tập hợp được nhau, chấn chỉnh đội ngũ, phiên chế lại thuyền bè. Tính ra có gần bốn trăm chiến thuyền lúc rời khỏi Long Hưng, nay kiểm lại chỉ còn linh ba trăm chiếc, số thuyền hao hụt và số quân chết cũng tương ứng nhau. Sự thiệt hại thật không ngờ. Quân An Nam cũng táo tợn không thể ngờ được.

Phản Tiếp mở bản đồ rồi chỉ vào nơi chiến sự vừa diễn ra, y nói: - Quân An Nam phục ở chỗ này. Chỗ này gần cửa Đại Bàng. Liệu ta có nên đem quân trở lại Vân Đồn để tảo thanh quân nó, nhân thế đón Trương Văn Hồ như dự định của nguyên soái?

Suy ngẫm giây lát, Ô-mã-nhi đáp:

- Phản tướng quân nhận định về quân An Nam thế nào? Từ bữa vào đất nó, ta cứ tưởng nó không còn sức kháng cự nữa. Vậy mà tối hôm qua nó xuất hiện cứ như nó là thiên binh từ trên trời đáp xuống.

- Nguyên soái nghĩ thế nào về quân An Nam chứ tôi thấy không thể coi thường mưu lược của Hung Đạo được đâu. Trong khi ta tưởng quân nó kiệt quệ, vua tôi nó sắp phải ra hàng thì đùng một cái nó hiện ra thật bất ngờ và cũng thật là táo bạo.

- Ta chưa bao giờ chê Hung Đạo là tướng bất tài, trái lại ông ta luôn làm cho ta ngạc nhiên. Ta những mong bắt sống ông ta đem về nộp thiên tử, việc đó xem ra còn khó hơn cả “Đường Minh Hoàng du Nguyệt điện”^[78]. Vậy ta lưu ý ông từ nay không được coi thường quân An Nam.

- Thừa nguyên soái, hẳn ông còn nhớ trong buổi thiên tử thết yến các tướng Nam chinh trước khi xuất phát, ngài đã dặn rất kỹ rằng: “Không được coi thường Hung Đạo” và “Chớ thấy Giao Chi là nước nhỏ mà khinh thường”.

- Phải, ta nhớ, - Ô-mã-nhi xác nhận. Và y cũng nhớ lại cuộc chiến năm Ất Dậu suýt nữa y đã bị quân An Nam bắt sống trước cửa Hàm Tử. May ta cướp đường chạy thoát được ra biển còn Toa-đô thì bị mất đầu.

Trong khi đó thì Hung Ninh vương Trần Tung, anh ruột Trần Hưng Đạo, anh họ của Nhật Huyền đưa hết thư này đến thư khác hẹn ngày vua nó ra hàng. Sự thật ta không tin lắm vào lời lẽ của nó. Nhưng sao nó nói tình thế thống thiết gần như là một sự thành thực, khiến ta không thể không tin. Ta trách nó sai hẹn thì nó bảo muốn tự mình ra mắt Trần Nam vương mà cứ bị quan quân truy đuổi. “Nếu ra hàng trong lúc bị truy đuổi sợ Trần Nam vương cho rằng vì bức bách mới phải ra hàng chứ không thực lòng quy thuận”. Nó nói thể ai chẳng mũi lòng. Nhưng chẳng lẽ vì lời nói ngọt ngon đó mà ta bắt các tướng phải án binh bất động sao. Thôi được, ta vừa truy bắt vừa chờ vua tôi nó thực lòng quy thuận.

Ô-mã-nhi sau khi bàn bạc với Phản Tiếp suy đi xét lại quyết định không qua Vân Đồn nữa mà về thẳng An Bang để vào cửa Bạch Đằng rồi ngược Vạn Kiếp xem Áo-lỗ-xích có tin tức gì mới không.

Khi đại đội binh thuyền của Ô-mã-nhi kéo tới gần cửa An Bang thì đã non nửa chiều rồi.

Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư cho quân phục sẵn chờ giặc từ lâu. Nay chúng mới tới, thật là một cơ hội tốt cho các tướng lập công. Nguyễn Khoái, Nguyễn Chế Nghĩa từng tham gia đánh tan đoàn quân tải lương của Trương Văn Hồ, nay lại có mặt ở đây chờ bắt Ô-mã-nhi.

Mặc dù trận chiến khốc liệt vừa diễn ra ở gần cửa Đại Bàng hôm trước, nhưng sao bữa nay lại có vẻ thanh bình làm vậy. Bầu trời xanh và cao thăm thẳm, nắng xuân chợt lóe hoe vàng, chim hải âu chao liệng trắng trời, bên mạn thuyền cá heo bơi lội từng đàn nhưng khi

quân giặc vờ ném cơm, ném bánh xuống biển với những lời cầu khẩn thiêng liêng thì chúng lại bỏ đi hết, không một con nào thèm đón mồi. Lại thay!

Đoàn hải binh giặc với hơn ba trăm chiến thuyền, buồm nào buồm ấy no gió căng phồng đi phăng phăng như ngựa chạy, thoạt trông có vẻ oai hùng, nhưng nhìn kỹ mới thấy nó xộc xệch, cờ xí nhiều lá đã rách buồm, thứ đến là buồm, nhiều lá đã rách vá hai ba màu vải. Ngay cả những chiếc thuyền to đùng kia nhiều chiếc cũng rệu rã, sàn ván gãy, thùng lỗ chỗ bởi qua các trận giao tranh, trận nào quân Nguyên cũng thiệt hại đáng kể mà chúng vẫn chưa kịp tu bổ hoặc thay thế. Và trận nào quân nó cũng chết la liệt. Có điều rằng quân giặc đông quá, nó lúc nhúc như những đám giòi bọ, vì vậy nếu nó có chết tới cả mấy ngàn, thậm chí cả chục ngàn tên thì cũng chẳng hề hấn gì. Vả lại có chết cũng chỉ là chết đám quân người Hán, một thứ dân nô lệ bị bắt đi lót đường hoặc làm bia che đỡ tên đạn cho quân Mông Cổ.

Đoàn chiến thuyền vẫn nghênh ngang đi trên mặt biển của ta như đi trên ao nhà của nó. Bỗng một tiếng nổ đánh như tiếng sét, rồi từ bên sườn mấy trái núi quanh đó cả trăm chiến thuyền của tướng Nguyễn Khoái xông ra cắt ngang khúc đuôi của đoàn thuyền giặc, chặn lại khoảng trên dưới một trăm chiếc.

Tiếp đó ở phía sau, tướng Nguyễn Chế Nghĩa cũng đưa quân phục với cả trăm chiến thuyền hợp với quân của Nguyễn Khoái tạo thành một vòng tròn vây lấy giặc mà đánh. Thuyền giặc thuận gió vẫn cứ chạy băng băng. Những chiếc đi sau cùng thoát chết thuyền được tin tức lên thuyền chỉ huy của Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp mãi tới trên đầu thì đoàn chiến thuyền đã đi quá xa nơi đoạn đuôi bị quân Đại Việt cắt lại. Cái khó cho nguyên soái Ô-mã-nhi là không thể lập tức quay mũi thuyền lấy hậu quân làm tiền quân cự địch được, và lại thuyền ngược gió, khi đưa quân trở lại thì mọi sự chẳng còn cứu vãn được nữa. Ô-mã-nhi quyết định không quay lại cứu hậu quân, đó là một quyết định đau lòng nhưng cũng là một quyết định sáng suốt của một tên tướng dạn dày kinh nghiệm chiến trường. Vì rằng quân ta dùng lực lượng đông áp đảo để siết giặc trong vòng vây khốc liệt và quân ta từ các vị tướng đến người lính trơn đều nuôi chí diệt thù, trong khi đó quân giặc phần lớn là người Hán, là lính đánh thuê, và lại vừa chết hụt trong trận thủy chiến ngày hôm trước, nên chúng chỉ đánh trả cốt tìm đường tháo chạy. Khi bị quân ta siết chặt vòng vây, khí thế hùng hục, giáo gươm tua tủa, quân hét, trống thúc vang âm như mặt biển đang nổi sóng thì giặc co cụm lại rồi đầu hàng.

XIV

Đã tới lúc có thể xoay đổi thế cuộc, Quốc công tiết chế cho triệu một số tướng lĩnh chủ chốt về đại bản doanh bàn kế. Trong số các tướng có Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư, Hưng Ninh vương Trần Tung, Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn, Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tăng cùng một số tướng lĩnh khác như Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái...

Khi các tướng đã tề tựu đông đủ, Hưng Đạo nói lời yên ủi, tuyên dương công trạng từng vị, và thông báo diễn biến trên các mặt trận cho mọi người được biết. Sau đó Quốc công mời tất cả cùng sang “cung” hai vua đề tâu báo mọi việc và xin ý chỉ cho các công việc sắp tới. Gọi là “cung”, nhưng ở nơi di tán trong rừng sâu cũng chỉ là những căn nhà tranh tre nửa lá cất tạm, tường vách là những tấm phên thưa không ngăn nổi gió lùa. Và để tránh rắc rối, trong các lần tranh thường gác sàn làm chỗ ngủ, nghỉ hoặc hội họp.

Thấy các tướng về chầu bất thường, thượng hoàng vui lắm. Chắc có chuyện lớn đây. Vừa trông thấy Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư, thượng hoàng bèn vẫy tay cho ông lại gần. Vừa nắm tay Trần Khánh Dư nhà vua vừa nói:

- Tiêu diệt cả một đoàn thuyền lương mấy chục vạn thạch, Khanh lập công đầu. Kế giả thua để lừa giặc của Khanh cho tới nay giặc vẫn chưa biết, cùng với kế giả yếu của Quốc công để nuôi lòng kiêu ngạo của giặc, cho tới nay giặc cũng vẫn chưa hay, vẫn ngộ nhận là nó mạnh. Quả thật lũ tướng súy Hốt-tát-liệt là một bầy khiểm thị. Tháo nào khi hay tin giặc sắp tràn vào bờ cõi, ta hỏi năm nay đánh giặc thế nào, Quốc công thân nhiên đáp: “Kim niên tặc nhàn”. Nhìn về phía Hưng Đạo, thượng hoàng cười lớn và nói: “Anh Quốc Tuấn quả là một nhà tiên tri bậc thầy”.

Hưng Đạo vương đứng lên vái:

- Tạ ơn thượng hoàng có lời khen. Thần có tài cán gì đâu, chẳng qua thấy cái thế nó đã bày ra vậy thì nói vậy.

Mọi người vừa yên vị, vua Nhân tông bèn nói:

- Tàu thượng hoàng, theo như Quốc công cho biết đã đến lúc ta ra tay đuổi giặc. Vậy xin Quốc công cho nghe kế sách.

Hưng Đạo lại vái hai vua rồi nói:

- Tàu thượng hoàng, tàu quan gia, sở dĩ kế giả yếu, giả bại của ta lừa được giặc cho đến tận lúc này, là do các tướng của ta biết giữ nghiêm quân lệnh và đều có tài lừa giặc, tức là đóng xuất sắc các vai mình phải đóng. Lừa được giặc còn bởi các chiến binh của ta dũng cảm, đánh giặc không tiếc máu xương mình, ngay cả khi đang thắng phải giả thua tháo chạy, cũng không có một ai vì ham thắng mà

cường mệnh trên.

Giặc thường tự phụ có ưu thế về quân kỵ, thì nay đang mùa khô lạnh, không khác mấy với thời tiết phương bắc, vậy mà hơn hai ngàn quân kỵ do tướng Mông Cổ chỉ huy đã phải bỏ xác trước thành Hoa Lư; kể như mười phần quân đến, bị giết tới bảy tám phần. Bởi trong số hơn hai ngàn quân ấy chỉ còn hơn ba trăm con ngựa với từng ấy tên lính chạy thoát về Thăng Long. Thế là quân kỵ của giặc đã bị đánh quy. Cuộc tái xâm lăng nước ta lần này, người Nguyên cổ khoe rằng chính họ chứ không phải ta nắm về ưu thế thủy binh. Vì vậy họ phải đến hẳn một nguyên soái chỉ huy một hải đoàn tới hơn bảy trăm chiến thuyền và hơn mười vạn quân. Thế nhưng mấy trận diễn ra vừa đây độ sức với quân thủy của ta, giặc tỏ ra yếu thế, đã thua. Lại trước đây hơn một tháng, phó tướng Nhân Huệ vương đánh tan tác cả một hải đoàn chuyên chờ mấy chục vạn thạch lương với biết bao khí cụ chiến tranh, khiến không một đầu lương nào đến được với năm, sáu chục muôn quân giặc, mà cho tới nay Thoát-hoan vẫn chưa biết đích xác vì sao tên cướp biển Trương Văn Hồ chưa chờ được lương tới.

Ngừng nhìn hai vua, nhìn các tướng Hưng Đạo vương nói tiếp: - Vậy là quân giặc tuy rất đông nhưng không mạnh, ngay cả những chũng quân mà người Mông Cổ kỷ vọng nhất là kỵ binh. - Tâu, ta có hai điều bây giờ trở thành những nhân tố cực mạnh:

Một là ta già yếu, già thua nhường tất cả những nơi mà giặc cho là trọng yếu cần phải chiếm nó đều chiếm được cả như Vạn Kiếp, Thăng Long. Và kể xin hàng do Hưng Ninh vương thủ vai đã làm cho giặc từ nghi ngờ chuyển sang tin tưởng, dù cái ngày ra hàng cứ hẹn đi hẹn lại mãi giặc vẫn hơi còn hy vọng.

Hai là Nhân Huệ vương đã diệt nguồn lương của giặc, và hiện nay Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn phối với các thủ lĩnh người man đã bịt hết các nẻo tiếp lương bằng đường bộ của giặc từ Quảng Tây sang.

Nay mai ta thả một ít tù binh bắt được trong đoàn quân tái lương của Trương Văn Hồ cùng một số phiên hiệu thuyền bè vào trại của Thoát-hoan ở Thăng Long, trại của Áo-lỗ-xích ở Vạn Kiếp. Một số quân thủy, quân kỵ ta mới bắt gần đây cũng thả về cho chúng loan tin bại trận, chắc chắn giặc sẽ hoang mang cực độ. Tới lúc này ta đánh đâu chắc thắng đó và nhất định giặc sẽ nghĩ tới việc tháo chạy khỏi nước ta. Hưng Đạo vương ngừng lời như là một sự ngẫm nghĩ. Giấy lát lại nói: - Thần xin thượng hoàng và quan gia cho ý chỉ đuổi giặc.

Với niềm xúc động chân thực, Thánh tông nói:

- Kế sách do quốc công đưa ra từ đầu cuộc chiến tới nay đều diệu dụng cả, trẫm hết lòng tin tưởng. Việc đuổi giặc xin quốc công bàn kỹ với quan gia và chư tướng, trẫm chỉ lưu ý một điều sao đuổi giặc ra khỏi bờ cõi càng sớm càng tốt, càng tổn ít máu xương sĩ tốt càng tốt.

Quốc Tuấn vội đáp:

- Thần xin tuân chỉ.

Sau đó thượng hoàng Thánh tông lui về nghỉ, các việc là ở quan gia cùng quốc công tiết chế Hưng Đạo vương và chư tướng

bản bạc.

Cuộc nghị bàn thật là sôi nổi trong đó đánh giá khả năng quân thù sắp tới sẽ đáp trả ra sao khi chúng nhận được các bằng chứng xác thực về đội quân tái lương của Trương Văn Hồ đã chính thức nằm dưới đáy biển Vân Đồn, Cửa Lục... Và Hưng Ninh vương cũng chấm dứt các thư hẹn hàng. Giặc phải đối mặt với sự thật nghiệt ngã đó sẽ có hai khả năng xảy ra:

Một là, chúng sẽ tập trung quân đánh rất khốc liệt vào quân ta.

Hai là, chúng lo đường rút chạy nhưng vẫn làm ra vẻ sắp mở đại trận đánh vào quân ta, nhằm cho cuộc tháo chạy đỡ bị tổn thất do quân ta chặn đường hoặc truy đuổi.

Các tướng đề cập đến nhiều cách đối phó, nhiều cách đánh làm cho giặc kiệt sức, muốn đánh cũng không đánh được, muốn rút cũng không rút được.

Quốc công tiết chế, người tổng chỉ huy kết gút công việc như sau:

- Nếu giặc tập trung quân lớn thì ta phân tán quấy rối và đánh vào phía sau của nó, đánh vào chỗ yếu của nó.
- Kiên quyết chặn đứng việc tiếp lương và việc giặc đi cướp lương trong dân hoặc các vùng cất giấu lương thực của ta.
- Nếu giặc nôn nóng đánh thì ta càng phải nhẫn nha khiến giặc phải giờ búa ngàn cân đánh vào chỗ trống.
- Phải chuẩn bị lực lượng chặn giặc ở cả hai mặt đường thủy, đường bộ. Phải tiêu diệt ít nhất bảy, tám phân quân nó, nhược bằng đề sởng sẽ giúp việc tháo chạy của nó được an toàn thì nguy cơ chiến tranh tái diễn là điều khó tránh.

Sau đó Hưng Đạo cử các tướng đem quân đi về các ngả đón đợi thời cơ sẽ có những chuyển biến bất thường.

Tại Thăng Long, Vạn Kiếp cùng một lúc Thoát-hoan, Áo-lỗ-xích và cả Ô-mã-nhi đều nhận được các tù binh được tha về và các bằng chứng thu được từ đoàn thuyền lương giặc như cờ, phiên hiệu và đồ dùng của quân thủy, của phu thuyền, một số binh khí... Lại cũng có một số quân của Ô-mã-nhi mới bị bắt trong mấy trận giao tranh gần đây được tha về nữa.

Tất cả những bằng chứng hiển nhiên khiến Thoát-hoan không thể không tin, mặt y biến sắc và một kết cục xấu đang hiện dần trong não vị hoàng tử mà vua cha tin tưởng trao cho trọng trách phải bình định An Nam, để mở đường cho thiên tử thân tóm nốt mấy nước phương nam. Bây giờ mọi sự đều dang dở. Nếu lại vác bộ mặt thua trận lần thứ hai nữa mà về Đại đô, chắc vua cha không tha tội.

Thoát-hoan còn đang cùng các tướng trầm trồ tìm phương sách đối phó với Đại Việt thì nhận được một bức thư từ đại bản doanh của Hưng Đạo vương gửi tới do phó tướng Trần Khánh Dư thủ bút:

Kính gửi thái tử điện hạ,

Chắc hẳn ngài không thể không nhìn vào sự thật cay đắng. Rằng mấy chục vạn quân dưới quyền thống lĩnh của ngài chỉ vài

tuần nữa là không còn một hạt lương. Nếu ngài cố tình xua quân đi cướp lúa gạo của dân ta, ắt phải đổi mỗi hạt gạo, hạt lúa bằng một mạng lính.

Tiền đây ta cũng kính báo để thái tử điện hạ biết rằng, đường thủy, đường bộ từ quý quốc sang Đại Việt đã bị khóa chặt nên đường hoải công trông đợi ở sự tiếp lương.

Là một người thức thời lại là một bậc tướng từng trải chiến trận được thiên tử trao trọng trách, chắc điện hạ không thể không lo lắng cho quân mình và không tính đến kế an toàn tính mạng cho năm, sáu chục muôn quân. Các tướng dưới quyền người Trung Hoa có thể hiến cho điện hạ một trong ba mươi sáu ^[79] kế của họ.

Thiết nghĩ, nước tôi là một nước có chủ quyền lãnh thổ chứ không phải cái chợ mà ai muốn vào hoặc muốn ra lúc nào cũng được. Hơn nữa trong cuộc xâm lăng năm Ất Dậu (1285) mới đây, và cả cuộc xâm lăng hiện nay (1288), đứng đầu là điện hạ và binh sĩ đã gây ra xiết bao tội ác trời không dung đất không tha. Vì vậy, không dễ gì dân tôi để cho các ngài trốn chạy mà không mượn lại cái đầu hoặc tay, chân của các ngài.

Đừng nghĩ vượt qua được biên ải là an toàn đâu. Chắc điện hạ nhớ lần trước khi quân Nguyên đã chạy về đến đất Tư Minh của quý quốc, thế mà các vị tá hữu thừa Lý Quán, Lý Hằng vẫn còn phải đến tội. Và bản thân điện hạ, nếu không nằm trong rọ được bọc đồng là để che chắn tên độc, chắc gì còn có cuộc nói chuyện hôm nay.

Tình thế hiện thời, thì sự được thua, sự sống chết của quân thiên triều ngay đến cả người điui, điếc cũng nhận ra. Vậy xin thái tử điện hạ hãy suy xét và lựa chọn một trong hai điều sau đây:

- Hoặc là ra hàng, sẽ được Đại Việt chúng tôi cấp thuyền bè, xe ngựa và lương thực để quân thiên triều về nước được toàn vẹn.

- Hoặc là tiếp tục giao tranh để phân định thắng thua.

Thái tử điện hạ nhận điều nào Đại Việt chúng tôi cũng đều tôn trọng. Song cũng xin được lưu ý điện hạ, chúng tôi không thể nán chờ lâu hơn nữa bởi nhân dân tôi đã phải chịu quá nhiều đau khổ do tội ác của binh lính thiên triều gây ra.

Mong sớm được hồi âm.

Nhân Huệ vương phó tướng Trần Khánh Dư

Kính bái

Đang rối lòng thì nhận được bức thư mà Thoát-hoan cho là một sự xúc phạm sâu sắc. Thứ nhất là Hưng Đạo lại để cho viên phó tướng giao dịch với ta. Vậy là y có ý khi mạn ta. Thứ hai là Khánh Dư dám dùng những lời lẽ bất kính đối với ta. Thoát-hoan đã toan dốc toàn lực đánh một trận cuối cùng cho vua tôi nhà Trần phải đón đau, tan nát. Y xé vụn bức thư và sai quân đốt ngay trước mặt. Vậy là y

sợ bề mặt với hạ cấp nên đã thủ tiêu trọn vẹn bức thư. Tả hữu hồi thư gì mà khiến Trần Nam vương bốc giận làm vậy.

Dường như con giận đã dịu bớt, y đáp:

- Tên Hưng Ninh vương Trần Tung leo mép lại hoãn một hẹn xin hàng nữa. Bắt được tên giặc này phải xử nó vào tội tòng xẻo.

Tình thế quân Nguyên thật là bi đát, nhưng các tướng dưới quyền không dám nói thẳng với Thoát-hoan điều đó.

A-ba-tri tìm cách nói vòng vo:

- Giặc bỏ đất đai, bỏ cả kinh thành trốn biệt vào núi rừng hiểm trở, tránh giao tranh là cốt để bảo toàn lực lượng nấn ná chờ cho xuân qua hạ tới. Khi đó trời nóng bức lại mưa nhiều, chướng khí hoành hành bệnh tật trong quân ta phát triển, ấy là lúc giặc tìm cách phản công. Hơn nữa lương thực trong quân đã cạn mà Trương Văn Hổ thì ngày một biệt tăm. Có nhẽ chủ tướng nên trù liệu sớm đi kéo không kịp.

Thoát-hoan ngẫm hiểu lòng quân đã nản. Và A-ba-tri nói: “trù liệu sớm đi kéo không kịp” là ý khuyên ta nên lui quân về Bắc chớ để thời cơ cho giặc lấn.

Vài ngày sau tức đầu tháng hai năm Mậu Tý (1288), Thoát-hoan hạ lệnh bỏ Thăng Long lui về giữ lấy Vạn Kiếp.

Việc giặc rút khỏi Thăng Long vào lúc này quả thực không dễ như khi nó đến. Vừa ra khỏi Thăng Long độ mười dặm thì từ quân thủy, quân kỵ đến quân bộ đều bị quân dân Đại Việt chặn đánh. Có những đoạn chiến sự nổ ra quyết liệt, cả ngày giặc chỉ tiến được non mười dặm. Và cứ đi dăm bảy dặm lại có giao tranh khiến tinh thần binh sĩ giặc vừa mệt mỏi vừa hoang loạn.

Vừa về tới Vạn Kiếp chưa kịp nghỉ ngơi, Thoát-hoan đã cho triệu Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp đến trách:

- Các ông là tướng hùm sói của triều đình, thiên tử tin tưởng trao cho thống lĩnh quân thủy, hộ vệ đoàn thuyền tải lương của Trương Văn Hổ, thế mà để mấy chục vạn thạch lương rơi vào tay quân An Nam khiến đại quân của ta rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Các ông thử nghĩ giùm ta xem, nếu giặc triệt để bao vây lương thực thì quân ta sẽ trở thành lũ ma đói. Chúng sẽ nổi loạn. Quân ta tự tan rã mà giặc không cần đánh.

Cảm thấy mình có lỗi, nguyên soái Ô-mã-nhi cúi gằm mặt xuống.

Tham chính Phàn Tiếp vội đỡ lời:

- Trong việc này mặt tướng cũng có lỗi vì chỉ muốn tiến nhanh để hội quân tiện cho Trần Nam vương sai khiến. Hơn nữa nguyên soái đã hai ba lần gắng hỏi có cần để lại một vài vạn quân hộ tống thì Trương Văn Hổ vội từ chối: “Thiên tử đã cho tôi năm ngàn quân tinh nhuệ hộ tống, mỗi thuyền lại có vài chục tên quân đi kèm. Và lại tôi tha cướp lương của chúng thì thôi chứ kẻ nào cướp nổi của tôi”.

Trương Văn Hổ nói cứng chỉ là một phần, nhưng quả thật qua mấy trận giao tranh thì lực lượng của giặc chỉ lèo tèo không hơn đám giặc cỏ. Ai ngờ đó lại là kế của chúng.

Được tin Thoát-hoan chạy khỏi Thăng Long, Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương liền triệu gấp các tướng về bàn.

Bữa nay thượng hoàng thấy trong người khó ở nên chỉ có quan gia tức vua Nhân tông tham dự. Tề tựu đông đủ, Hưng Đạo liền nói:

- Giặc bỏ Thăng Long cùng tất cả các nơi quan yếu khác, chúng chỉ giữ lại vùng Vạn Kiếp và phòng thủ dày đặc. Do đấy tình thế giặc sẽ diễn tiến theo hai hướng. Một là, giặc co cụm lại để chờ viện binh, chờ tiếp lương. Khi có thêm viện binh và quân lương giặc lại tiếp tục đánh chiếm các vùng khác, bởi Vạn Kiếp là địa bàn trọng yếu khống chế cả hai mặt thủy bộ của nước ta. Hai là, giặc thu quân về đó để bảo toàn lực lượng chuẩn bị cho việc tháo chạy. Vậy xin bệ hạ cùng các tướng thử bàn xem giặc quay trở theo hướng nào? Tuy hỏi kế nhà vua cùng chư tướng, nhưng bản thân Quốc công đang chuẩn bị phương thức đánh giặc khi chúng rút chạy.

Chiêu Minh vương thượng tướng Trần Quang Khải nói:

- Quốc công giả định với giặc lúc này có hai tình huống xảy ra. Nhưng theo tôi giặc không có khả năng tăng quân cũng như không thể tiếp lương được. Vì tăng quân ít ra cũng phải từ hai chục vạn trở lên mới có thêm sức mạnh kiềm chế được Đại Việt. Nhưng giặc sang ta mới được hơn hai tháng, chưa có cuộc độ sức nào lớn. Giặc tuy có thiệt hại nhưng chưa đáng kể, chưa có gì đe dọa tới toàn quân nó, nên chưa có chuyện Thoát-hoan xin tăng viện. Và lại nếu có chuyện tăng viện thì nhanh nhất cũng phải một năm sau giặc mới áp biên thủy nước ta được. Cứ xem sau khi giặc thua năm Ất Dậu thì đầu năm Bính Tuất (1286) Hốt-tát-liệt đã xuống chiếu đánh An Nam. Nhưng mãi tới cuối năm Đinh Hợi (1287) giặc mới khởi binh được. Bởi vậy khả năng viện binh là không thể có. Còn như hiện nay Quốc công đã phái quân lên Nội Bàng, Khâu Ôn, Khâu Cấp, Lộc Bình... để phối với quân người man chính là nhằm tiêu diệt quân giặc khi nó trốn chạy, và cũng là ngăn cản đường tiếp lương nhỏ lẻ của nó vẫn lén lút từ Quảng Tây sang. Cho nên theo tôi lúc này ta nên bàn việc chặn đánh thế nào không cho giặc rút được an toàn.

Thượng tướng Trần Nhật Duật nói lời:

- Chiêu Minh vương nói rất có lý. Nhưng thực chất lực lượng giặc tới lúc này, sự thiệt hại của chúng là chưa đáng kể. Mà binh pháp Tôn Tử có nói: “Chớ cản quân về” hoặc “Giặc cùng đường chớ bức bách”. Vậy ta có nên chặn nó hoặc cũng phải mở đường cho nó rút đi, còn ta chỉ nên phục quân đánh tạt sườn hoặc chặn đuôi để tiêu diệt một phần quân của nó thôi. Như thế ta có thể gây thiệt hại cho giặc mà đỡ tổn máu xương quân ta.

Trần Thị Kiến một viên tướng nổi tiếng về tính cương trực, trước là gia thần của phủ Hưng Đạo xin nói:

- Hai vị thượng tướng kiến giải rất hữu lý, tôi không dám lạm bàn. Chỉ xin nói cái thiện ý của riêng tôi. Giặc vốn ngạo mạn, coi quân ta như cỏ rác, coi nước ta như quận huyện của nó. Kể từ năm Đinh Tị tới nay chúng đã ba lần kéo quân sang xâm lược. Hai lần đã thua nhục nhã. Lần này thì chúng đang lâm vào thế chết. Quân không lương là quân chết. Vậy tại sao ta không nhân cái thế thượng phong này mà tiêu diệt sạch sành sanh quân nó, dạy cho thiên triều và cả thiên tử một bài học để chúng phải chừa tới muôn sau.

Các tướng trẻ như Nhân đức hầu Trần Toàn, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái cũng đang nhấp nhòm muốn xin nói. Vua Nhân tông

trông thấy liền giục:

- Nào Nguyễn Khoái, Phạm Ngũ Lão... các tướng trẻ thử nói ý của các khanh xem sao.

Nguyễn Khoái với về cung kính nói:

- Xâm lăng lần này, giặc muốn khoe quân thủy của nó mạnh. Giặc cũng muốn nhân thế đè bẹp cái sở trường đánh thủy của quân ta. Ai dè mấy trận gần đây bắt ngờ ta ra quân khiến Ô-mã-nhi trở tay không kịp, hàng trăm chiến thuyền của giặc bị quân ta đánh chìm, mà giặc thì đầu đuôi không cứu được nhau. Vậy theo thiên ý của thần mong sao Quốc công cho tận diệt quân thủy của Thoát-hoan, để từ nay về sau chúng chó có ngạo mạn tưởng mình là nước lớn muốn làm gì cũng được, quân nào của chúng cũng thiện xảo.

Vua Nhân Tông thấy các tướng trẻ bày tỏ nhiệt huyết giết giặc, ngài lấy làm vui mừng, liền chỉ tay về phía Phạm Ngũ Lão khích lệ:

- Khanh mau nói điều mà khanh đang nghĩ.

Linh ý nhà vua, Phạm Ngũ Lão liền nói:

- Theo ngu ý của thần thì vì lẽ gì giặc rút khỏi Thăng Long, lui hết về giữ Vạn Kiếp.

Bởi Vạn Kiếp là một vùng thông địa có đường thủy bộ tủa đi bốn ngả, có núi non làm điểm tựa lại có cả đồng bằng tiện việc tiếp nhận binh, lương qua các ngả thủy bộ từ nước nó đưa sang. Vì sao lần này giặc vào lại chiếm ngay Vạn Kiếp và giữ Vạn Kiếp làm căn cứ chính để đánh thông các ngả. Ấy là bởi giặc đem nhiều quân thủy, nên chiếm Vạn Kiếp để giữ cả ưu thế thủy, bộ.

Nhưng sao ta chưa đánh lớn mà giặc đã vội vã bỏ cả Thăng Long để về giữ Vạn Kiếp. Ấy là giặc đang ỷ vào thế chết vì không lương và quân nó đang rối loạn. Trong khi quân ta no đủ, tinh thần binh sĩ nao nức đánh giặc lập công. Cái thế thắng thua giữa ta và giặc đã bày ra cả. Cho nên giặc giữ Vạn Kiếp là giữ đường tháo chạy chứ không còn khả năng giữ để tiến công như khi nó mới đến. Vậy xin bệ hạ và Quốc công sai chẹn đường về của giặc, đánh cho nó tan tác. Đánh rằng phải canh chừng khi đuôi con thú cùng đường. Vì vậy ta chỉ hé cửa cho nó chạy thôi, chứ không mở rộng cửa thênh thang cho nó ung dung trở về. Phải cho chúng kiêng xác nhau mà về, ôm đầu máu mà về. Thần xin được trở lại ái Lão Thử để nghênh địch.

Nghe Phạm Ngũ Lão nói, trên từ nhà vua đến các bậc tướng dạn dày chiến trận đều nở nụ cười vui.

Đến đây Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư xin nói:

- Công cuộc kháng giặc của ta tới lúc này coi như đã nhìn thấy thắng lợi. Nhưng cũng chỉ mới được nửa chặng đường. Song nếu để sống cho giặc chạy thoát thì lập tức ta phải lo một cuộc chống xâm lăng mới, khổ liệt hơn các cuộc trước nhiều, bởi giặc đã lấy được bài học từ các cuộc thua trước.

Sở dĩ ta thắng được giặc là bởi cả nước một lòng, đồng tâm hiệp lực giữ nước. Trên từ nhà vua thứ đến quan dân, binh sĩ gian

nạn không nân, máu xương không tiếc, cốt sao giữ lấy nước. Trong đó phải kể đến *Hung Đạo binh pháp* và *Vạn Kiếp tông bí truyền thư* là hai bộ sách vạch ra đường hướng cho công cuộc kháng giặc viên thành và dạy cho tướng lĩnh kẻ sách đánh giặc, dạy cho binh lính kỹ xảo đánh giặc và truyền cho họ lòng yêu nước, ý chí quật khởi trước kẻ thù. Ví như kẻ “thanh dã” được toàn dân hưởng ứng đã biến các vùng giặc sẽ chiếm thành vườn không nhà trống. Bởi vậy giặc không kiếm được lương thực, thực phẩm nuôi quân. Giặc vào cõi bờ ta mà không kiếm được lương thực thì chỉ mất trước mắt sau rồi tìm đường tháo lui chứ ở sao nổi. Lại nữa, với chính sách “ngụ binh ư nông” cũng tức là toàn dân vi binh. Đành rằng chính sách này khởi từ nhà Lý, nay ta vận dụng vào binh pháp nên có chỗ đặc dụng khác thường. Vì vậy giặc tới chỗ nào cũng đụng phải dân binh. Vào đất ta không một chỗ nào cho giặc được ở yên. Ta giả yếu, giả thua để nuôi lòng kiêu ngạo của giặc, vì thế ta diệt gọn đoàn quân lương của giặc, vừa thu được vừa đánh chìm mấy chục vạn thạch lương, đẩy giặc vào thế sống dở chết dở như hiện nay.

Hiện thời ta có một đội quân tinh nhuệ, dùng mãnh hết lòng chiến đấu bảo vệ non sông đất nước, lại có một đội ngũ đông đảo các vị tướng lĩnh cơ mưu tài trí được nhà vua tin dùng. Chỉ riêng bề hạ tin dùng tướng lĩnh đã là một nhân tố thắng giặc rồi. Không những thế, cả thượng hoàng và bề hạ cùng làm tướng cầm quân đánh giặc, thử hỏi có thứ giặc nào không bị đánh bại.

Vậy nên xin bề hạ và Quốc công sai bảo để kịp chia quân đi bắt giặc phải đền tội ác.

Vua Nhân tông rung rung cảm động trước sự tận trung với nước của chư tướng và binh sĩ, ngài nói:

- Thế nước đứng được như hiện nay là nhờ vào tướng sủng và binh sĩ cùng muôn dân, triều đình không dựa vào dân, không dựa vào binh sĩ thì lấy ai đánh giặc. Mấy phen giặc vào cõi gây xiết bao tội ác trời người đều không thể dung tha. Vừa mới đây Ô-mã-nhi theo hút ta và thượng hoàng, nhưng thực chất là nó theo chú Chiêu Văn và Ngũ Lão. Thất vọng, giặc nổi khùng làm điều tâng tợn lương tâm là chúng về Thái Đường, dám đụng đến phần mộ tổ tông khiến lòng ta đau xót. Cũng may mà giặc chưa đụng đến phần quan quách và khi chúng vừa đi khỏi, dân chúng đã kịp hoàn thổ.

Tự nhiên đầu óc nhà vua cảm thấy nặng trĩu, gương mặt ngài hiện rõ nỗi buồn lo.

Người Việt ta có câu: “Sống về mồ về mả, chứ không sống về cá bát cơm”. Đúng là giặc đã đụng đến phần thiêng liêng nhất của tâm linh Việt, mà Nhân tông lại vốn là người chí hiếu, tránh sao khỏi nỗi đau đứt ruột.

Thấy cảnh tượng nặng nề, Hung Đạo liền lên tiếng:

- Thần hứa với bề hạ sẽ bắt sống lũ tướng giặc man rợ này, để bề hạ chém đầu chúng lấy máu rửa binh khí trong lễ hiến phù ở nhà Thái miếu.

Thấy vị Quốc công tiết chế nói cứng cỏi, các tướng đều đồng thanh hô:

- Chúng thần thề sẽ bắt tướng giặc đền tội!

Kể đó Hung Đạo sai các tướng chia quân đi chặn các ngã dự liệu giặc sẽ tháo chạy. Và ông đem theo một số tướng trẻ theo mình

như Nguyễn Khoái, Trần Toàn, Nguyễn Chế Nghĩa... cùng phó tướng Trần Khánh Dư ra ngay Vân Đồn. Công việc tại đại bản doanh Quốc công trao cho Chiêu Minh vương Trần Quang Khải điều hành, kê cả việc phò giá.

Tới Vân Đồn, Hưng Đạo mật bàn với Trần Khánh Dư:

- Cái thế của giặc ắt phải bỏ cuộc, bỏ nước ta mà trốn chạy, nếu chúng không muốn bị bắt, bị giết toàn bộ giặc tất phải chạy theo hai ngã thủy, bộ. Nhưng bằng cách nào ta có thể giết và bắt được nhiều giặc?

Trần Khánh Dư đắm chiêu suy nghĩ, một lát, ông đáp:

- Phải dồn giặc vào những cái túi, tựa như chiếc giỏ cài hom đặt dưới rốn chiếc vỏ bè.

- Ông có dự liệu đặt vỏ ở những chỗ nào chưa? - Hưng Đạo nhìn thẳng vào mắt Trần Khánh Dư chờ câu trả lời.

Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư cân nhắc rồi đáp:

- Có nhẽ mặt bộ, giặc sẽ rút theo các nẻo đường mà chúng đã vào nước ta. Ngoài ra không còn đường nào khác. Tuy nhiên, không biết Thoát-hoan sẽ chạy đường nào. Còn như mặt thủy, giặc không thể chạy ngược lên Bạch Hạc rồi theo Thao Giang mà về Vân Nam được. Bởi mùa này thượng lưu ít nước sông cạn lại có đá ngầm thuyền quân không thể đi được. Vậy chỉ có con đường duy nhất giặc phải qua là sông Bạch Đằng, rồi từ đó thoát qua cửa An Bang hoặc cửa Đại Bàng mà ra biển. Ta có thể kiềm chế giặc ở sông Bạch Đằng, còn như ở đoạn nào chắc quốc công đã có chủ kiến vì quốc công đã khảo sát kỹ trước khi nổ ra chiến tranh.

Quốc Tuấn gật đầu tán thưởng, ông tỏ ra hài lòng về những kiến giải của Nhân Huệ vương mà ông cho là bậc trí tướng. Đoạn ông mỉm cười đáp:

- Nhân Huệ vương quả là biết rõ cả gan ruột ta. Có mấy quyển binh pháp ta viết đó, dẹp xong giặc ta muốn ông nhuận sắc cho. Còn việc đuổi quân thủy của giặc, ông cùng Quốc Tăng lo bịt cho ta vùng Cửa Lục, cửa An Bang và khu vực Vân Đồn phòng khi giặc từ Bạch Đằng sống ra.

- Hạ cấp quyết không phụ lòng.

Nhân Huệ vương nhận mệnh với lòng biết ơn và cả sự quả quyết.

XV

Từ khi Thoát-hoan kéo quân về đóng đông nghịt vùng Vạn Kiếp, không đêm nào chúng không bị quân Đại Việt quấy rối. Quấy rối làm cho giấc ăn không ngon, ngủ không yên. Quân ta chỉ quấy rối về đêm, ban ngày lại rút ra xa. Giặc có đánh nóng ra cũng chỉ dám đi độ non nửa ngày đường rồi quay lại. Nhiều khi tới ba bốn ngày liền vẫn không có đụng độ gì với quân ta. Nhưng bất chợt có ngày giặc đi tới quá trưa, đang định quay về đồn trại thì bị quân ta vây đánh diệt gần hết. Vài ngày sau địch lại nóng ra, nhưng chỉ dám đi xa non chục dặm và với số quân đông tới cả vạn tên. Những ngày như thế chúng lại chẳng vấp vấp gì, càng làm cho lũ tướng giặc tức đến phát điên. Chúng thường chửi tục: “Quân Giao Chỉ là một lũ quân ma”.

Thấy tình thế khó có thể ở lâu được nữa, Thoát-hoan bèn triệu các tướng về bàn thảo. Ta còn nhớ các gương mặt tướng lĩnh trước khi xuất phát ở Ngạc Châu đều hớn hờ vui tươi như đi chơi hội, thế mà lúc này vào châu chủ tướng, tướng nào cũng mang bộ mặt nặng như chì và khó có thể nhìn thấy một nụ cười hoặc nghe thấy một tiếng hỏi chào nhau vui vẻ.

Tề tựu đông đủ, Thoát-hoan hỏi:

- Các ông nói rõ tình trạng trong quân ta nghe.

Thấy chủ tướng có vẻ cau có, các tướng cảm thấy ngại nói ra sự thật, họ nhìn nhau vẻ như đùn đẩy khiến Thoát-hoan cáu gắt:

- Cứ nói thẳng đi. Lương thực còn được bao nhiêu ngày nữa. Quân đã phải ăn đói chưa. Có ốm đau nhiều không mà nhiều mà mới chôn người thế. Nếu các ông cứ quanh co không chịu nói thật để trong quân xảy ra các việc bất thường, ta sẽ trị tội nặng gấp đôi.

Áo-lỗ-xích nhìn các tướng với vẻ cảm thông và ông lên tiếng:

- Bẩm Trần Nam vương, Giao Chỉ hải thuyền vạn hộ nhận mệnh trước thiên tử chờ hơn bốn mươi vạn thạch lương, nhưng tới lúc này quân vẫn chưa nhận được một hạt lương nào từ y. Chắc là quân đã chết đói từ lâu, nếu các tướng không sai quân hằng ngày đi cướp lương, đi tìm kiếm đào bới lương thực mà người An Nam chôn giấu. Bây giờ việc ấy cực khó, có thể nói mỗi đấu gạo phải đổi một mạng lính, nhiều khi cái giá còn đắt hơn thế nữa. Quân thì ốm đau, mệt mỏi, sợ hãi và bất cứ chỗ nào cái chết cũng rình rập. Đi đào bới lương: chết. Đi cắt cỏ ngựa: chết. Đi hái rau: chết. Đi tìm cây thuốc: chết. Đủ thứ chết nên lính đâm nhát sợ. Sợ nhất là lũ người bắn lên bằng tên độc. Người Giao Chỉ chế được loại thuốc kịch độc tẩm vào mũi tên. Ai bị giặc bắn trúng tên độc, dù chỉ xước da, người cũng sưng phù bằng con bò, tím tái toàn thân rồi giấy đánh đập hoặc sùi bọt mép trắng xóa rồi chết trắng cổ. Lại nữa, gần đây Hưng Đạo thả các tù binh bị bắt là quân tải lương hoặc quân thủy về các trại, khiến chúng phao đồn cũng làm tinh thần binh lính thêm rệu rã. Mỗi khi điều động quân đi càn quét hoặc tìm lương thảo, chúng rất sợ ra khỏi trại. Khi ra khỏi trại đám quân Giang Nam thường rủ nhau bỏ trốn. Tôi

thay mặt các tướng nói lên sự thật, mong Trần Nam vương thử xem xét ta có nên ở lại cái xứ này nữa không.

Dù là một bậc tướng lão luyện chiến trường được Hốt-tát-liệt tin yêu trao trọng trách làm phó tướng cho Thoát-hoan, dẫn một đội quân viễn chinh đông năm, sáu chục vạn mà để tình trạng như thế này, Áo-lỗ-xích thấy mình cũng có phần trách nhiệm. Nhưng nếu không sớm thoát ra khỏi tình trạng này để phải trắng tay thì tội của ta lớn lắm. Vì vậy Áo-lỗ-xích thấy cần phải cho vị chủ tướng biết rõ thăm trạng đang đến với quân mình.

Nghe viên phó tướng nói xong, mặt Thoát-hoan đỏ lựng rồi tái đi. Các tướng đều cảm nhận cơn thịnh nộ sắp nổ ra. Nhưng không, không có điều gì xảy ra cả khiến các tướng vô cùng ngạc nhiên.

Với vẻ mặt mỗi, đưa mắt nhìn khắp lượt các tướng, dường như ngầm có sự chia sẻ nỗi bất hạnh với mọi người, Thoát-hoan nói:

- Quân ta đang gặp khó. Vậy ý các tướng thế nào, liệu có nên ở lại cái xứ chết tiệt này không. Và ta hỏi thực, quân đã phải ăn đói chưa, đã bỏ trốn sang hàng giặc chưa.

Nhân đó hữu thừa A-ba-tri liền nói:

- Ở Giao Chi không có thành trì để giữ, không có lương thực để ăn. Nếu ở qua xuân sang hè, thời tiết giao mùa, thủy thổ không hợp, quân sẽ ốm nhiều do bệnh thời khí phát sinh. Một khi các bệnh tả lỵ đã phát thì người ốm và chết hàng loạt tựa như cuộc chiến năm Ất Dậu, đúng lúc thời tiết nóng nực lại nước lũ tràn về quân ốm, ngựa đói thì quân Giao Chi mở nhiều trận đánh lớn khiến quân ta trở tay không kịp. Nay chủ tướng đã có ý không muốn ở lại nữa, tại sao ta không về từ lúc quân còn khỏe.

Hữu thừa Trịnh Bằng Phi cũng nói thêm:

- Thật ra đây là vùng đất, nếu chưa chiếm được thì chưa yên tâm, mà chiếm được cũng chẳng để làm gì. Các quan chắc chẳng ai muốn đi thú ở cái miền xa xôi lam chướng mà dân cũng không thuần, họ có thể nổi dậy chống lại quan quân bất cứ lúc nào. Tôi cũng thấy nếu Trần Nam vương đã không có bụng ở, sao ta không tính việc cho quân về sớm. Lương sắp cạn, quân thì mỗi một mùa nóng nực lại sắp tới rồi, nên cho toàn quân về sớm kéo khi giặc phản công không lấy gì chống đỡ để tai tiếng cho triều đình, về lương thực, tuy vậy quân vẫn chưa bị bớt bữa, nhưng có bị bớt bát. Trong quân thường có hiện tượng quây lại với nhau thành từng nhóm bàn tán và tỏ ra lo lắng, sợ sệt. Nếu giặc vây riết, quân bị đói thì cơ sự thật khó lường.

Đúng là Trịnh Bằng Phi biết đến gan ruột chủ tướng. Điều Trịnh Bằng Phi nói cũng chính là điều các tướng muốn nói, nhưng ai cũng ngại không dám nói ra. Và trong bụng thì ai cũng nghĩ đến cái họa năm Ất Dậu tái diễn. Nhất là những tướng vừa thoát ra khỏi cuộc chiến ấy như Lưu Thế Anh ngồi kia. Vạn hộ Lưu Thế Anh đóng giữ căn cứ A Lỗ thủy bộ liên hoàn. Khi không thì quân kỵ, quân thủy, quân bộ giương giương tự đắc, thế mà bỗng chốc Hưng Đạo giáng cho một đòn tan nát. Hơn hai vạn quân chỉ còn mấy chục đứa hộ vệ Lưu Thế Anh chạy về Thăng Long áo quần rách rưới tả tơi ra mắt Trần Nam vương. Nghe tin A Lỗ thất thủ, Thoát-hoan đã rụng rời cả tay chân, tới lúc nhìn chủ tớ Lưu Thế Anh phủ phục trước mặt xin tha tội, Thoát-hoan khinh bỉ đuổi ra ngoài. Thoát-hoan phải gánh nhiều trận thua đau nên không nhớ xuể, nhưng Lưu Thế Anh thì chẳng thể nào quên cái nhục của đời làm tướng. Vì vậy, y ngồi thu người lại

như muốn che giấu tâm thần phì nộn và cái mặt béo tròn da bóng nhẫy, chỉ cần châm nhẹ cái đầu gai bưởi vào, mỡ sẽ chảy ra ròng ròng. Cứ nghĩ đến cái cảnh người, ngựa ngoi ngóp trong nước lũ, dạt vào mây mờ đất cao tranh chỗ trú chân với đám chuột đồng thì Lưu Thế Anh không còn bụng dạ nào mà bàn bạc nữa. Và cũng chẳng còn tư cách gì mà bàn bạc. Vì thế y cứ cúi gằm mặt xuống, nhưng tai thì động lên nghe không bỏ sót một từ nào.

Nhân đó Trương Ngọc cũng bàn thêm:

- Đọc Tổng sử tôi thấy năm Hy Ninh thứ 10 (1077) Giám sát ngự sử là Thái Phụng Hỷ dâng biểu lên vua Tống Thần tông về việc đánh Giao Chỉ trong đó có đoạn viết: *“Phù chương hải cùng sơn, độc vụ chi yên tẩu, phi diên truy, độc khí thượng, ôn phong tác lệ; kỳ gian đãi chi nhân cảnh, tuy tận đắc chi, cố hà ích ư thiên hạ?”*^[80]

Xem thế đủ biết hơn hai trăm năm trước, khi đánh Giao Chỉ người Tống cũng đã cân nhắc và bàn bạc tới cạn nhẽ. Lại xem đất đai, khí hậu Giao Chỉ hiện nay với hơn hai trăm năm trước cũng không có gì khác biệt. Suy cho cùng nếu Trần Nam vương đã có bụng không muốn ở thì cũng nên về sớm, tránh được lúc thời khắc xuân hạ giao mùa thường này sinh dịch bệnh.

Các tướng đều lần lượt nói theo cái bụng không muốn ở lại An Nam của Thoát-hoan. Tất cả đều nói tránh đi cái tình thế sắp thua, nếu ở lại sẽ bị chết đói, bị tiêu diệt hoàn toàn, và họ đều vin vào cái cơ thời tiết, khí hậu không hợp để bàn việc lui quân cho đỡ sai, đỡ nhục. Ai cũng biết cái lý nó nằm ở chỗ khác chứ không phải thời tiết khí hậu. Ấy thế mà họ vẫn cứ phải bầu vùi kể cả bầu vùi vào lịch sử và cổ tình lẫn tránh một sự thật hiển nhiên.

Cái triều đình bù nhìn do Hốt-tát-liệt sai lập và tấn phong từ vua chúa tới một lũ bầy tôi theo chân Thoát-hoan về nước, nay đều thất vọng, đều quần tam tụ ngũ cao đàm khoát luận về những chuyện vu vơ, vờ quên thân phận của một bầy chim mồi, chó săn. Và trong các cuộc bàn bạc nơi màn trướng, họa hoằn lắm Thoát-hoan mới cho Trần Ích Tắc, cái người mà chúng hy vọng đặt lên ngôi quốc vương, nếu chúng chinh phục được nước Nam, ngồi dự nghe chứ không được dự bàn.

Lần này cũng vậy, Thoát-hoan cho gọi Trần Ích Tắc vào trong trướng để được nghe bàn. Thấy bọn tướng giặc thốt ra những lời chua chát, Trần Ích Tắc đau lòng nhận thấy quân thiên triều sắp bị An Nam đánh bại đến nơi. Và trong thâm sâu tâm tưởng của kẻ phản bội Tổ quốc nhen lên một điều gì tựa như là sự hối hận. Trần Ích Tắc vội xua đuổi cái thứ tình cảm yếu mềm, chấp nhận thân phận tội tở, quyết giữ lòng trung với ngoại bang, trọn đời thờ vua nước giặc, đồng tâm hiệp lực với giặc bán rẻ giống nòi để được vinh thân phì gia, mặc cho trăm họ nguyên rủa khinh bị, sử xanh chê trách.

Thoát-hoan thoáng nhìn thấy vẻ mặt Trần Ích Tắc đầy âu lo, song y vẫn dửng dưng. Đoạn quay về phía các tướng, y tuyên một cái lệnh mọi người đang chờ đợi:

- Chiều theo ý các ông, ta bằng lòng đưa quân về, chứ cái xứ man di này dầu có chiếm được cũng chẳng để làm gì. Bỗng nhiên y nổi nóng: - Ta căm ghét vua tôi nó. Ta muốn giết hết dân nó. Nhưng trước khi về nước hãy thiêu tất cả mọi thứ trong cái vùng Vạn Kiếp này ra tro, ra than.

Hai mắt Thoát-hoan đỏ ngầu như hai cục lửa, mắt đờ đờ sát khí. Thoát-hoan trở vào Giải Chấn hạ lệnh:

- Người đem quân đi đốt tất cả những gì có thể cháy trong vùng này.

Các tướng xúm vào can:

- Bẩm Trần Nam vương, nếu ta đốt thành, có khác nào tự báo cho giặc rằng ta sắp rút quân. Điều đó thật sự nguy hiểm.

- Nói rằng đem quân về nước, nhưng có phải ngày một ngày hai đã đi khỏi được đâu. Nếu đốt, trước hết quân ta không có chỗ đồn trú.

Viên thần nể tổng quân Giả Nhược Ngu được Thoát-hoan yêu mến luôn giữ ở bên mình cũng nói:

- Đánh rằng quân nên về, không nên giữ. Nhưng muốn cho toàn vẹn phải giữ cho kín nhem. Nếu ngày mai lui quân thì hôm nay vẫn phải làm cái việc của một đội quân đang tính chuyện ăn ở lâu dài khiến giặc không thể ngờ.

Suy nghĩ giây lâu, Thoát-hoan nói:

- Thế theo ý nguyện của các ông, ta chấp nhận lui quân. Nhưng ta nghe nói Hưng Đạo đã đưa tới ba chục vạn quân lên phía bắc nhằm ngăn chặn quân ta rút về Bắc. Lại nghe nói, chúng đào nhiều hầm xia ngựa ở hai bên sườn núi, và nhiều hồ bẫy ngựa dọc đường thiên lý. Vậy các ông bàn kế sao cho việc trở về được toàn vẹn.

Hết thấy các tướng đều thấy việc rút quân càng sớm càng tốt. Nhưng rút sao cho được an toàn lại là việc khó. Bởi An Nam đã đem mấy chục vạn quân luôn phía sau lưng quân Nguyên để chặn đánh trên đường rút chạy. Hơn nữa tinh thần quân mình lúc này sa sút mà khí thế trong quân họ lại đang lên.

Chưa thấy một tướng nào khai khẩu, Thoát-hoan đảo mắt nhìn khắp lượt.

A-ba-tri một viên tướng vào hàng thượng thặng xin nói:

- Người Giao Chỉ giáo quyết, lúc quân ta mới vào chúng giả thua, giả yếu bỏ hết thảy các địa bàn xung yếu cho ta chiếm, để rồi chúng lừa đoạt hết cả đoàn thuyền tải lương tới mấy chục vạn thạch của quân ta, đẩy ta vào tình thế không lương. Quân không lương là quân chết. Mặc dù ta đã chiếm được thế thượng phong như địa bàn vùng Vạn Kiếp, nhưng ta lại không biết quân chúng ở đâu mà giao chiến. Giặc khéo che bịt khiến mọi sự mọi việc đều trở nên mù mờ. Bởi vậy việc lui binh mà muốn bảo toàn được, phải giữ cho kín nhem phải lừa được giặc, phải lui trong thế tiến, phải dưng mãnh, áp đảo khi giao tranh mới đẩy lùi được giặc. Hơn nữa các tướng dẫn quân đi đường nào, nay lại về đúng đường đó. Ấy là ta đánh vào cái chỗ không ngờ của giặc.

Nạp-thốc-lạt Đình (Nasir-ud-Din) nói:

- Quân ta vì mất hết lương thực nên không ở lâu trên đất giặc được. Nhưng lực lượng của ta vẫn hùng hậu có thể áp đảo được giặc. Có chi phải lo sợ nhiều quá. Lo sợ nhiều quá tức là đề cao sức giặc, giảm sức ta, làm nhụt nhuệ khí tướng sĩ. Phép cầm quân gấp giặc

thì đánh, qua sông thì bắc cầu, không có đường thì băng rừng vượt suối mà đi. Ba cái thứ quân Giao Chỉ giỏi nghề đánh lén, nếu ta biết đề phòng tiền hậu, tả hữu liên kết với nhau thành một khối, giặc đâu có thể mạnh gấp đôi cũng phải bó tay, Trần Nam vương cứ kê cao gối mà ngủ, lúc nào muốn về thì về, lo gì ba cái thằng Giao Chỉ.

Tích-lê-cơ vương, một vị thân vương vào hàng thúc phụ của Thoát-hoan theo quân đi chinh chiến, ông không giữ một đạo quân nào, bản thân ông cũng là một tướng tài thao lược, hiện ông đang bị thất sủng với Hốt-tát-liệt nên muốn đi khỏi Đại đô cho đỡ vướng mắt người anh họ đa nghi. Nghe các tướng bàn thảo, ông biết quân mình đang rơi vào thế bất lợi, nếu không khôn khéo, khó có thể giữ được toàn quân mà về. Nghĩ vậy, ông nói:

- Quân An Nam thực chất chưa khởi sự, tức là họ chưa thật sự giao chiến với quân ta đã khiến ta lâm vào tình cảnh thất lợi, như thế đủ biết Hung Đạo là bậc tướng như thế nào. Rõ ràng là họ tránh giao chiến với ta, như thế không có nghĩa là họ yếu mà là họ dụng kế đầy. Nay ta bàn việc lui quân sao cho toàn vẹn, vậy nên chớ coi thường họ. Hội quân về, theo ta cứ nên chọn cả hai đường thủy bộ. Đường nào cũng phải phòng bị thật chu đáo, vì đường nào cũng có hiểm nguy rình rập. Tuy nhiên, đường thủy ra khỏi đất họ nhanh hơn, và lại trong số tướng soái các ông nhiều người đem theo thê thiếp, ta nghĩ đi thuyền tiện hơn là đi bộ. Và lại đám đàn bà đâu quen việc cưỡi ngựa đi xa hàng ngàn dặm.

Nghe Tích-lê-cơ vương nói rút quân bằng đường thủy khiến Ô-mã-nhi giật mình. Y nhớ cuộc chiến năm Ất Dậu, trước cửa quan Hàm Tử, y suýt mất đầu cùng với Toa-đô. Lại mấy trận mới đây ở khu vực Tháp Sơn - Đại Bàng bị quân Trần phục kích khiến đầu đuôi không ứng cứu được nhau để hàng trăm chiến thuyền sa vào tay giặc. Thực tình Ô-mã-nhi rất ngại việc trở về bằng đường thủy, mặc dù trong tay y còn một đội thủy binh khá đông cùng với hơn sáu trăm chiến thuyền. Nghĩ vậy, Ô-mã-nhi liền nói:

- Thuyền lương vào trước sau đều bị hãm cả. Bờ biển của họ nhiều chỗ hiểm trở, núi khuất núi quanh co, nhờ gặp quân phục thật khó quay trở, chỉ bằng đốt bỏ hết thuyền bè, lấy đường bộ mà về.

Nghe Ô-mã-nhi nói, Thoát-hoan gãi đầu:

- Ông là một dũng tướng được thiên tử tin yêu trao giữ chức Giao Chỉ hải thuyền đô nguyên súy, chỉ huy sáu, bảy trăm chiến thuyền với hơn mười vạn quân, thế mà định trắng tay ra về sao? Chẳng nhẽ ông là vị tướng đầu tiên làm ta thất vọng!

Trong vài ngày tới ta sẽ cho quân đánh thông từ Vạn Kiếp đến Bạch Đằng. Sau đó sẽ cử quân kỵ, quân bộ hộ tống cho quân thủy rút trước. Các tướng dẫn quân nào đi thì dẫn quân ấy về, riêng cánh quân vào Giao Chỉ từ Văn Nam qua nẻo Quy Hóa giang thời nay không về theo đường đó nữa, mà về theo đường Lạng Châu rồi vào đất Tư Minh.

Trịnh Bạng Phi và A-ba-tri lãnh quân bộ, quân kỵ hộ tống cho quân thủy của Ô-mã-nhi khi nào quân thủy ra khỏi cửa An Bang thì hai quân mã, bộ trở lại Vạn Kiếp rồi cùng rút với đại quân.

Sau đó hằng ngày giặc vẫn đánh nóng ra khỏi đồn trại mười mười lăm dặm. Thường thì quân ta tránh không đụng độ, chỉ để cho hương binh phục đánh những toán quân giặc đi nhỏ lẻ. Tuy vậy, cũng có ngày giặc ra khỏi trại năm, sáu dặm đã bị quân ta chặn đánh

quyết liệt buộc chúng phải quay trở lại.

Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương sau khi đã sai tướng đi chặn các nẻo đường giặc sẽ rút về, cũng như chặn đánh nếu có quân sang tiếp viện, ông tự bày trận bắt giặc trên sông Bạch Đằng. Và hạ lệnh, nếu du binh của giặc qua lại trên sông Bạch Đằng hoặc các nhánh sông Giá, sông Chanh vẫn đánh cầm chừng rồi rút quân chứ không đánh lớn, không bộc lộ lực lượng để giặc yên tâm rằng quân ta vẫn quyết tâm đánh trả, đừng cầm đánh trả nhưng không đủ lực lượng ngăn cản đại quân của giặc một khi chúng rút chạy qua vùng cửa sông Bạch Đằng rồi thoát ra cửa An Bang hoặc cửa Đại Bàng.

Hưng Đạo một mặt gấp rút cho quân vào rừng đốn các loại gỗ lim, gỗ táu có thân thẳng và cao, lấy hết chiều dài của cây, đầu trên vác nhọn rồi đem về để tại mấy nơi mà ông đã quy định. Lại dặn tất cả đều phải kín như bưng. Gỗ chỉ vận chuyển ban đêm và tuyệt nhiên không cho ai lai vãng tới những khoảnh rừng có khai thác gỗ và những bãi đã đốn gỗ về.

Quốc công đã xem xét kỹ càng các nơi sẽ đóng cọc bẫy thuyền giặc, việc còn lại là xem con nước triều lên xuống rồi mới tính được độ dài cần thiết của cọc. Tính con nước thì không khó. Cái khó là phải biết rõ tại nơi này khi nước lên tức lúc triều cường đỉnh cao nhất của nó đạt bao nhiêu sải và khi nước rặc, mức thấp nhất của nó còn mấy sải. Biết rõ việc này không ai rành hơn những người dân chài sinh sống trong vùng. Và cả những người dân sinh sống quanh mép nước cũng đều rõ cả. Thuở ấy dân ta sống chủ yếu dựa vào nghề nông, dân ven sông biển, dân vùng trũng ngay cả đứa bé bảy tám tuổi đều biết tính ngày con nước.

Hưng Đạo đã cho mời những người sống ven hai bờ sông như sông Chanh, sông Giá, sông Đá Bạc, sông Bạch Đằng và dân các làng xã như Trúc Động, Lưu Kiếm, Trung Bản, Yên Giang, Tràng Kênh... để hỏi han về con nước triều trong các tháng mùa xuân như giêng, hai, ba trong các năm về trước. Nhân tiện Quốc công cũng hỏi han đến các đội hương binh.

Thân vương Trần Quốc Bảo là người được triều đình sai coi sóc và tổ chức các đội dân binh trong các trang ấp xung quanh vùng Bạch Đằng giang thuộc lộ An Bang, phải liên thủ lại với nhau và cứ gom mười đội lại thành một đồn.

Đô tướng của các đô quân này do thân vương Trần Quốc Bảo xin trên cử người về. Hoặc tìm trong địa phương nếu có người am hiểu việc quân và đã từng ở trong quân, đã kinh qua chiến đấu chống quân xâm lược phương Bắc năm Ất Dậu vừa qua thì mời giữ chức này.

Tuy đã giao việc cho Trần Quốc Bảo và căn dặn kỹ lưỡng, nhưng trước khi lâm trận, Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương lại cho triệu Trần Quốc Bảo đến để ngài kiểm xét lại một lần nữa.

Quốc Bảo vừa tới, Hưng Đạo đã hỏi:

- Tình thế gấp lắm rồi, tướng quân nói chính xác cho ta nghe, hiện trong tay tướng quân có bao nhiêu đô dân binh, thực chất có thể phối hợp với quân triều đình được là bao nhiêu.

Cũng không cần mở sỏ, Trần Quốc Bảo liền nói:

- Bẩm Quốc công, quanh vùng Bạch Đằng về hai phía tả hữu ngạn có các trang ấp và các hương cả thầy có tám đô dân binh, cộng hơn một vạn tráng đinh. Ngoài ra còn các đội Bạch đầu ông, Sơn đồng đô, Đoàn đội trạo nhi là các lực lượng gồm các tuổi từ thiếu lão đến trung lão và các thiếu niên trong độ tuổi từ mười bốn đến mười sáu dùng vào các việc tiếp tế, hậu cần.

Tám đô dân binh có thể phối hợp chiến đấu với quân triều đình là: Yên Giang, Trung Bản, Phong Cốc, Trúc Động, Phục Lễ, Phả Lễ, Doan Lễ, Do Lễ. Trúc Động nằm ở ngã ba sông Giá và sông Đá Bạc nơi mà năm Ất Dậu Quốc công đã qua đây và có ban cho dân xã một thanh kiếm, chắc Quốc công còn nhớ. Bẩm, tinh thần đánh giặc của dân chúng trong vùng lên cao chưa từng thấy. Nhất là mấy trận gần đây thủy binh ta đốt thuyền giặc ở vùng giữa Tháp Sơn - Đại Bàng và vùng cửa An Bang thì tinh thần nô nức đánh giặc từ nam phụ lão ấu cứ sôi lên sùng sục đòi phải được góp sức với quân triều đình đuổi giặc.

Nghe Trần Quốc Bảo tâu báo về lực lượng dân binh và tinh thần nao nức đánh giặc của dân chúng trong vùng lên cao, Hưng Đạo tồ về hải lòng, yên ủi vỗ về tướng quân rồi Quốc công dặn:

- Từ nay cho tới khi đuổi xong giặc, tám đô quân này phải tập trung tuần tra, canh gác đề phòng giặc đồ quân lên bộ cướp lương thực, tàn sát dân chúng. Nếu giặc chưa tới càng phải đề phòng, không được lơ là coi thường giặc. Tướng quân nên nhắc nhở các đô tướng và các dân binh phải sẵn sàng chờ được sai khiến, ngày đuổi giặc ra khỏi bờ cõi sắp đến rồi.

Trần Quốc Bảo cúi đầu nhận mệnh, ông vừa bước ra khỏi quân doanh thì gặp Phạm Ngũ Lão đi vào. Hai người chào hỏi nhau rất thân tình rồi vội vã chia tay.

Thấy Phạm Ngũ Lão trở về, Quốc công vui hẳn lên, nhưng ông chợt nhớ Ngũ Lão đã xin đi trấn ải Chi Lăng, chặn đường về của giặc, nên hỏi:

- Con về có việc gì vậy?

Phạm Ngũ Lão bèn dâng lên một phong thư. Nhận ra nét chữ của Chiêu Minh vương Quang Khải, Hưng Đạo vội mở đọc:

Kính huynh,

Đệ xét thấy tướng Phạm Ngũ Lão cần phải được ở bên cạnh để huynh sai khiến, đệ sẽ điều tướng khác thay Ngũ Lão trấn ải Chi Lăng, chặn đường tháo chạy của giặc. Và nữa số quân đưa lên mạn bắc như thế tạm đủ. Ta có thể giết nhiều quân nó chứ không thể giết hết. Và lại đuổi thủ cùng đường có lúc phải nới tay, phải hé cửa cho nó chạy thì tinh thần hoảng loạn vẫn luôn đeo bám nó.

Đệ đã dẫn cả quân bản bộ và quân thánh dục về vùng Hiệp Sơn ^[81], Trà Hương, đón cả thượng hoàng cùng quan gia về đó rồi. Tùy tình hình có thể trợ chiến mặt bắc hoặc mặt đông. Tinh thần giết giặc trong dân chúng vùng này đang dâng cao. Các đội hương binh được tổ chức khá chặt chẽ, hiện nay họ đã tập trung thành từng đô như thường binh, hằng ngày sát cánh với quân triều đình bố phòng tại các nơi hiểm yếu nhằm cản giặc từ xa.

Tuy nhiên, nếu tình hình có gì biến đổi, đệ sẵn sàng tuân sự điều động của Quốc công tiết chế.

Mong huynh bảo trọng để chỉ huy việc trừ khử giặc Nguyên được viên mãn.

Chiêu Minh kính bái.

Đọc xong thư, Hưng Đạo mừng lắm, quay nói với Phạm Ngũ Lão:

- Quả là thượng tướng Chiêu Minh vương rất hiểu ta. Thực tình ta cũng muốn con chiến đấu bên ta.

Phạm Ngũ Lão vội quỳ xuống đáp lễ:

- Cảm tạ đại vương có lòng dạy dỗ, con xin tận tâm báo quốc. Xin đại vương dạy cho con phải làm gì ạ.

Hưng Đạo nhìn Phạm Ngũ Lão với vẻ triu mến, vương mím cười đáp:

- Đánh giặc! Việc của con, việc của ta cũng là việc của toàn quân, toàn dân lúc này là tiêu diệt kẻ xâm lược. Vậy Ngũ Lão có kế gì nói thử ta nghe.

- Bẩm, trước khi giặc vào, đại vương đã đi xem xét địa hình vùng này rất kỹ. Nay đại vương lại đích thân bày trận tại vùng này để bắt giặc. Nhưng nếu giặc đột bỏ hết chiến thuyền cùng kéo nhau chạy bộ thì sao ạ?

Hưng Đạo cười lớn:

- Ta chắc cũng có nhiều tướng nghĩ như con. Ngay cả tướng giặc cũng nhiều kẻ nghĩ như vậy. Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp là những kẻ sợ phải rút quân bằng đường thủy nhất. Vì sao à? Vì năm Ất Dậu hai tên này cũng suýt bị bắt hoặc bị giết, lại mấy trận gần đây hai tướng này bị quân ta chặt cụt đuôi hoặc đánh tạt sườn mà phải bỏ tay. Bọn chúng bên ngoài vẫn tỏ ra hung hăng coi thường quân Đại Việt, thực ra trong lòng đã ngấm sợ. Thế nhưng chúng vẫn phải cho quân thủy rút theo đường thủy. Vì rằng tập trung chạy theo đường bộ số lượng sẽ quá đông, nếu quân ta truy đuổi thì không có đường chạy. Và lại đột bỏ sáu, bảy trăm chiến thuyền cũng tức là hủy hoại một khối phương tiện quá lớn không một tướng nào dám làm như vậy. Do đó giặc vẫn phải đưa quân thủy của chúng về bằng đường thủy thôi con ạ.

- Theo chỗ con biết, hiện nay giặc còn khoảng hơn sáu trăm chiến thuyền với khoảng non chín vạn quân thủy. Như vậy, chúng đã bị giết khoảng trên dưới ba vạn quân thủy với hơn ba trăm chiến thuyền. Hồi chúng sang có hơn bảy trăm chiến thuyền, nhưng chúng vừa cướp của dân ta vừa đóng thêm cũng bù đắp gần đủ số chiến thuyền đã mất, nhưng số quân chết trận thì không thể nào bù đắp được. Vậy một khối lượng thuyền bè và quân lính của chúng đông như thế, liệu ta có đánh xuê không. Đại vương, con muốn biết điều đó.

- Ta còn đồ chừng sẽ có một số quân bộ cũng rút theo đường thủy, nên số quân của nó ít ra cũng từ mười hai đến mười lăm vạn. Một lực lượng đáng kể cho ta đánh bắt. Ta nói để con hay, đây là cơ hội ngàn vàng đây, ta đã mất bao công sức dụ giặc vào tròng kể từ khi giặc chưa đặt bước chân tới biên thủy nước ta. Nay lương của nó ta đã diệt không chuyên nổi một hạt, khiến Thoát-hoan phải toan tính việc trắng tay tháo chạy. Ta cũng tính kỹ rồi, nếu đánh quân bộ của nó, quân ta dù mưu trí và thiện xảo thì cũng phải đổi một lấy bốn, năm. Nhưng nếu đánh quân thủy, ta muốn đổi một lấy từ mười đến mười lăm kia. Hơn nữa đánh bộ rất khó bắt hoặc diệt tướng nó.

Trái lại đánh thủy thì việc diệt hoặc bắt các tướng giặc lại đơn giản hơn nhiều. Và toàn bộ các phương tiện chiến tranh của nó từ thuyền bè, khí giới cùng quân tướng nó cùng một lúc bị tiêu diệt sạch sành sanh. Cơ hội này mà bỏ lỡ để cho giặc chạy thoát cũng tựa như một sự tiếp tay cho giặc để nó sớm trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, khiến giặc cứ cật dân ta vào cái vòng luẩn quẩn của chiến tranh. Và như thế là có tội với dân, với nước - đó là cái tội ngu dốt làm cho dân bại nước suy.

Quốc công ngừng lời giấy lâu rồi khuyên Phạm Ngũ Lão:

- Con xuống trại nghỉ để sớm mai cùng ta đi khảo sát nơi bày trận.

Đêm khuya tịch mịch chỉ nghe tiếng sóng biển xa xa vắng lại như người nói chuyện thầm thì, và từ đâu đó nơi những lùm cây rậm rạp trong rừng già phía sau lán trại, thỉnh thoảng lại có tiếng cú rúc nghe rờn rợn khiến mấy người lính canh phải căng tai, căng mắt soi tìm vào bóng tối nhằm đem lại sự an toàn cho chủ tướng.

Vào ngả lưng được một lát, dường như chưa kịp ấm chỗ, Hưng Đạo vương lại bật dậy, sai thư nhi thắp đèn và bê cho ông chiếc tráp nhỏ ra nơi làm việc.

Quốc công lấy từ trong tráp ra tấm bản đồ vẽ trên nền vải gấp gọn lại chỉ to bằng cuốn sách, ngai trái rộng ra rồi ngồi ngắm. Ngón tay chỉ vào dòng sông Bình Than khởi từ Vạn Kiếp. Ngai nói thầm: - Ô-mã-nhi sẽ dẫn đoàn hải binh xuôi từ đây qua sông Kinh Thầy về tới Trúc Động nơi ngã ba giữa sông Kinh Thầy, sông Giá và sông Đá Bạc. Ngón tay trở của Quốc công lần theo nẻo sông Giá đổ vào sông Bạch Đằng và từ đây đổ thẳng ra cửa biển Đại Bàng. Ngắm nhìn dòng sông nhỏ đổ vào sông lớn rồi ra biển, một lúc lâu sau vương lại đưa ngón tay trở lần theo dòng sông Đá Bạc chảy suốt qua dãy núi Tràng Kênh đổ vào sông Chanh, sông Kênh, sông Rút rồi đổ thẳng ra biển, đó là các chi lưu của sông Bạch Đằng.

Vương di ngón tay qua dòng sông Bạch Đằng rồi dừng lại nơi có mấy chấm khuyen đỏ. - Đây là Ghềnh Cốc - dãy đá ngầm giăng ngang sông, khi nước rặc thuyền không qua lại được, nếu thuộc luồng lạch lách vào khe này thuyền có thể qua từng chiếc, nhưng nếu có một chiếc bị đắm ở lạch này thì coi như tắc nghẽn.

Vương đưa mắt nhìn bao quát cả mấy con sông và tự hỏi: - Vậy chớ năm Mậu Tuất (938) Ngô tiên chúa (Ngô Quyền) đóng cọc vạc nhọn, đầu bịt sắt ở chỗ nào để phá quân Nam Hán, bắt giết tên thái tử Lưu Hoảng Tháo.

Lưu truyền Ngô tiên chúa đóng cọc ở sông Bạch Đằng, nhưng sông rộng hút tầm mắt mà nước thì sâu thăm thẳm. Khi nước cường chỗ sâu nhất tới hơn ba mươi sải nước, khi nước rặc chỗ nông nhất cũng tới hơn một chục sải. Vậy đóng cọc giăng ngang sông Bạch Đằng để chặn thuyền giặc là điều không thể. Nếu như ngai đóng cọc ở chỗ khác, đó là những chỗ nào mà tình không còn dấu tích. Ngẫm nghĩ một lúc Vương lại tự trả lời. - Đúng thôi, tới nay đã ba trăm năm chục năm, mọi sự đã đổi thay biến cải. Và lại nếu có tìm thấy dấu tích thì có thể chỗ đó xưa kia đặc dụng chứ nay không còn đặc dụng nữa thì sao. Và nếu không suy xét thời có khác chi kẻ khắc dấu vào mạn thuyền để tìm thanh kiếm quý ^[82].

Đầu óc ngồn ngộn, vương tắt đèn ngồi tĩnh tọa trong đêm và suy nghĩ.

Chừng hơn một canh giờ sau, hột nhiên đầu óc của vương trở nên sáng láng, và vương quyết: *Giặc phải đánh theo cách ta lựa chọn. Giặc phải đi vào con đường ta bắt chúng phải đi.* Và vương thấp đèn lấy bút khuyển son vào những chỗ vương sẽ bày thế trận cộc để lừa giặc vào đó mà tận diệt chúng. Việc cấp kỳ từ ngày mai là phải cho quân đi đo lường độ sâu nông của từng khu vực, tính con nước triều và phải biết chính xác đỉnh nước khi cường và mức tụt thấp nhất khi nước rặc.

Sớm hôm sau Trần Quốc Bảo đã dẫn tới trại của Quốc công một số người dân địa phương thông thạo về mọi mặt như đường sá, sông nước như anh em nhà Trần Hộ, Trần Độ ở Phả Lễ, Phục Lễ, Lý Hùng ở Đoan Lễ, Vũ Chí Thắng, Hoàng Thảo cùng một số người dân ở Yên Giang, Điền Công, Trung Bản, Phong Cốc... Cùng đi theo Quốc công còn có các tướng Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Trương Hán Siêu... Tất cả đều đi ngựa, đường đi thật là vất vả. Rừng ăn tận tới mép nước. Các bãi ven sông thì sù vẹt cũng mọc thành rừng, ngồi trên mình ngựa cũng chỉ nom thấp thoáng mặt nước sông. Ngựa men theo các mép rừng dò dẫm từng bước, may còn trong tiết xuân chưa có mưa chứ vào mùa mưa thì phải dùng thuyền đi trên sông hoặc phải lội bộ xuyên rừng.

Đoàn người ngựa vừa thoát ra khỏi mép rừng bắt gặp một cánh đồng lúa chừng vài ba chục mẫu, xa xa thấp thoáng mấy nếp nhà ẩn hiện sau những lũy tre lại có cả những thân cau thẳng đứng. Chợt ngoảnh sang phía tay hữu thấy nổi lên một chiếc gò cao ngang với ngọn cây, Quốc công mừng rỡ liền quát ngựa chạy như bay lên tới đỉnh gò. Ngựa vừa dừng thì tóc của Quốc công cũng xỏa tung trùm kín lưng, và dải khăn vành dây quần trên đầu bị cành cây móc rơi từ lúc nào ngài cũng không để ý. Cười trên lưng ngựa nơi đỉnh gò ^[83] Hưng Đạo nhìn rất rõ mấy chỗ mà khi đêm ông thức dậy khuyển son vào bản đồ. - Kia là sông Chanh, sông Kênh, xa kia là sông Rút, phía kia là dãy núi đá Trảng Kênh cây rừng chen chúc. Và kia nữa là sông Bạch Đằng mệnh mông nước, nhìn mãi chẳng thấy bờ.

Cả một vùng thu vào tầm mắt khiến Hưng Đạo rất hài lòng, trong đầu ông hiện rõ nơi nào đặt quân phục, nơi nào đặt trận địa cộc tức là các bãi cộc để dụ thuyền giặc vào. Và khắp một vùng núi non hang động từ đây ra tới Vân Đồn, nơi nào rải quân phục không cho một tên giặc chạy thoát ra biển, ông đều đã bàn bạc kỹ với Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư.

Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp, Trịnh Bằng Phi được thoát chết năm Ất Dậu, nay chúng vừa gây tội ác trời không dung đất không tha, ấy là việc y dám khai đào mồ mả của tổ tiên nhà ta ở đất Thái Đường. Nhất định lần này ta bắt chúng phải đền tội ác, chứ không thể thả lỏng cho nó trốn chạy.

Thấy quan quân về làng, dân trong hương ấp đồ xôi, giết gà rồi cử các cụ bô lão đem ra nơi gò đồng dâng biểu. Hưng Đạo vui vẻ cho quân thu nhận rồi sai lấy lá làm mâm dọn ra để mọi người cùng ngồi ăn, tiện thể ông muốn hỏi chuyện bà con về địa bàn sông nước vùng này.

Nắm lấy bàn tay gầy guộc run rẩy của một cụ già râu tóc bạc phơ, Hưng Đạo hỏi:

- Chẳng hay niên kỷ cụ là bao?

Cụ già vuốt râu cười móm mém nói giọng thều thào:

- Quý ơ quan ông có nhờ hỏi thăm, nhờ ơn trời Phật lão đã qua tuần lộc thập được hai năm rồi. Chẳng hay quan ông đã hưởng

được bao nhiêu tuổi trời cho...

Hung Đạo mỉm cười đáp:

- Đa tạ lão ông có nhời thăm hỏi, tôi còn kém lão ông ba tuổi ạ.

- Quý hóa! Quý hóa, năm mươi chín tuổi mà sức lực vẫn còn cường tráng được thế này ư? Hiếm lắm! Hiếm lắm đấy. Phúc đức, phúc đức quá. Chắc quan ông là tướng nhà trời. Cầu chúc cho quan ông cứ hễ ra quân là thủ thắng.

Mọi người vừa ăn uống xong thì có người quẩy từ trong làng ra một gánh nước vối. Vừa uống nước Hung Đạo vừa hỏi dân làng về đời sống có được no đủ, từ ngày giặc vào chúng đã lên bộ cướp bóc gì chưa.

Bà con đều nói:

- Ôn vua, sau cuộc chiến năm Ất Dậu tha liên tô thuế hai năm, dân đang sắp hồi sức thì giặc lại ập đến. Tuy vậy nhà nhà vẫn có bát ăn, chưa phải tắt bữa. Giặc có qua lại đây nhiều lần, nhưng chỉ ngoài mạn sông mạn biển chứ chúng chưa tràn lên bờ.

Cụ già lên tiếng:

- Có mấy lần đánh nhau ở ngoài biển lớn lắm, trong này chỉ thấy ngọn lửa và khói bốc lên thôi. Nghe nói đây là quân của đức ông Trần Hưng Đạo đốt thuyền giặc giữa biển, quân nó chết nhiều lắm. Vậy chớ quan ông có biết việc này không?

- Có! Thưa cụ tôi có được biết các trận quân ta đánh giặc ngoài biển, nhưng không được nhìn thấy ngọn lửa đốt thuyền giặc như các cụ. Vậy chớ dân ta có chuẩn bị đánh giặc khi nó lên bờ không, - Hưng Đạo hỏi.

- Sao lại không ạ. - Dân làng tranh nhau trả lời. - Các đội hương binh của chúng cháu đã ngày đêm túc trực từ mấy tháng nay rồi. Nếu quân giặc kéo đến, chúng phải đề xác lại đây.

Vừa ăn trà uống nước Hung Đạo vừa dò hỏi về thủy chế, về độ nông sâu của các con sông quanh vùng, các ngòi lạch, cồn bãi, bà con trả lời rất khớp những gì mà ông đã đi khảo sát cách đây không lâu, nó cũng khớp với con số mà Thân vương Trần Quốc Bảo và đội khảo sát của ông lấy từ những người kỳ cựu trong vùng đi lặn hụp từng khúc sông hoặc buộc đá thả dây đo lại những nơi có độ sâu mà sức người không thể lặn xuống được. Thấy các con số đều khớp, Hưng Đạo thật sự yên tâm.

Việc còn lại với Quốc công lúc này là xem độ chênh của nước vào ngày triều cường mà ông dự định kéo quân giặc vào để còn tính độ dài ngắn của cộc.

Mọi việc xem đã vãn, Hưng Đạo tỏ lòng biết ơn và nói lời chia tay với bà con trong hương ấp.

Một lão bà lấy ra bọc trầu tèm sẵn dúi vào tay Hưng Đạo, nói lời mộc mạc:

- Ông cụ cầm lấy bọc trầu này thỉnh thoảng nhai một khẩu cho nó ấm, đi đường xa nhặt miệng lắm.

Quốc công cầm lấy bọc trâu trong lòng xiết bao cảm động.

Chia tay dân làng, thầy trò Quốc công đi về phía bên Rừng.

Khác với các cánh rừng khác có nhiều chủng cây chen chúc kể cả cây gai và cây bụi, khu bên Rừng là rừng lim thuần chủng bạt ngàn, những thân cây thẳng tắp tàn lá giao nhau che kín mặt đất, nhiều cây lim cổ thụ thân to tới ba bốn người ôm không xuể, nhưng cũng nhiều cây lim nhỏ xen kẽ, vòng cây chỉ khoảng ba bốn chét tay. Rừng lim thuần chủng này các loài cây khác khó chen vào được, bởi lá lim tiết ra nhiều chất độc, cây khác không sống nổi. Trái lại trong các rừng hỗn giao vẫn có lim mọc xen kẽ.

Thoáng trông thấy ngôi quán nhỏ lợp tranh nép dưới bóng đại ngàn gần bên đò và nhận thấy có người đi ra đi vào, Hưng Đạo bảo mọi người ở lại. Ông cho Yết Kiêu, Hán Siêu và Nguyễn Khoái đi theo. Tới quán chỉ thấy lão bà ngồi già trước cái chõng tre cũ úp dấm chiếc bát uống nước men nâu độc sắc, bên cạnh có chiếc giành lột rơm ủ ấm trà lá to như chiếc nồi hồng, nắp đậy làm bằng những mảnh vải vụn khâu chắp vá trong nhội bông gạo, nom cũng có vẻ sạch sẽ. Trên chõng còn có nải chuối úp, vỏ đã thâm, chứng tỏ quán hàng bà lão ít khách lại qua. Bệ ngồi đắp bằng đất trên trái một tấm đan bằng lá móc, mỗi khi có người ngồi phát ra tiếng kêu sột soạt. Vào trong quán ấm hân lên vì bức tường phía sau đắp sát gót kèo chắn hướng bắc. Chiếc nùn rơm ngùn khói đặt gần chân chõng, và chiếc điều cây dựng cạnh đó cùng với một ống đóm tre ngâm cho khách hút thuốc.

Thấy có người vào quán, lão bà dừng tay già tràu vội đon đả mời khách.

Nhìn ngôi quán nằm sát lối xuống đò mà từ mấy tháng nay chắc không có khách sang sông bởi thuyền giặc có thể bắt chọt qua lại, mọi người đã sinh nghi, liền hỏi:

- Lão bà bán nước ở đây có đông khách không?

Trương Hán Siêu đặt câu hỏi có ý dò thăm. Chưa vội đáp lời, bà lão đưa mắt nhìn khắp lượt từng người và dừng lại nơi Trần Hưng Đạo khá lâu. Lặng lẽ lật ngửa từng chiếc bát, rồi bà thông thả mở nắp ấm lấy gáo múc đồ đầy cả bốn bát. Nước chè xanh ngấn ngắt, khói bốc trắng mờ mờ. Tự tay bà lão nâng bát nước đưa mời Trần Hưng Đạo:

- Quý hóa được ông cụ tốt tướng ghé quán nghèo, kính ông xơi nước. Và bà quay mời những người còn lại: - Mời các cậu xơi nước.

- Cảm ơn lão bà cho uống nước. Hưng Đạo đỡ bát nước từ tay bà cụ, nói lời cảm ơn và ông uống một cách ngon lành.

Bà lão nhìn qua đầu mấy vị khách về phía sông Rừng rồi thán nhiên già tiếp cối trà, cối trà đã nhuyển, bà vun gọn, thay vì vun vào miệng bà hát hăm về phía Trương Hán Siêu nói:

- Vừa nãy cậu hỏi tôi chưa kịp đáp lời, bởi nom cậu có tư chất của một bậc nho giả, sợ nói hăm hò cậu lại chê lão bà quê mùa, dốt nát. Cậu hỏi tôi bán nước có đông khách không, tôi không hiểu hàm ý cậu định nói gì. Thực tình tôi không phải là kẻ bán nước. Mà cũng không có người mua nước đâu, từ cổ xưa tới nay là như vậy, chỉ có quân cướp nước thôi cậu ạ. Còn như bán nước thật sự, phải là những

ai kia quyền thế như Chương Hiền hầu Trần Kiện, Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc... đều là các bậc quan cao chức trọng gần với ngôi nước chứ đám tiện dân chúng tôi thì có gì để bán, bán cho ai. Dạ, tôi vốn quê kệch dốt nát sao biết được các việc lớn đó, nhưng ở chỗ hàng quán lại tiện bên đồ người qua lại họ nói năng bàn tán với nhau, không muốn nghe nó vẫn cứ lọt vào tai. Lâu dần do khách khai thị nên cũng biết đôi điều phải quấy, và cái gì hợp lòng người thì nó đọng lại ở trong đầu, có xua đuổi nó cũng không chịu đi. Khô thể đẩy!

Vừa nói xong bà lão vuôn cối trâu vào miệng bơm bêm nhai, mắt lại dõi nhìn ra phía bờ sông. Nom cái dáng bà ung dung tự tại như thể bà chẳng quan tâm đến sự đời, và ngay cả mấy vị khách ngồi đây bà cũng chỉ coi thoáng như mọi khách qua đường.

Nghe khẩu khí của một bà lão ngồi quán nước ai cũng lấy làm lạ, Quốc công đưa mắt về phía Hán Siêu.

Biết ý, Trương Hán Siêu vội đứng lên chấp tay vái bà lão và nói:

- Tiểu sinh ăn nói hàm hồ thất lễ, xin lão bà đại xá.

Nói xong Trương Hán Siêu, Nguyễn Khoái đi ra phía bên đò Rừng chỉ còn lại Hưng Đạo và Yết Kiêu ngồi lại quán.

Hưng Đạo mở gói trâu do dân Trung Bản đưa tiễn lúc lên ngựa, ông chọn một chục miếng ngon nhất đặt vào đĩa mời lão bà. Và ông cũng nhón một khẩu trong bọc để nhai. Yết Kiêu mang chiếc điều cày ra ngoài quán rít kều ré lên như tiếng kèn.

Hưng Đạo vừa nhai trâu vừa hỏi bà lão một cách băng quơ:

- Phải chăng lão bà ngồi đây dõi theo quân giặc qua lại sông Rừng.

Bà lão nhìn Hưng Đạo thay vì trả lời.

Quốc công ngắm những thân cây sù, vệt mọc từ bãi leo tới sát bờ, bỗng nhiên ông thấy những ngấn nước khác nhau, ông trầm nghĩ: - Đây chính là điều ta đang tìm kiếm. Bỗng ông đứng phắt dậy và đi hẳn ra mép bãi nhìn ngấn nước trên thân các cây sù vệt. Ông lội hẳn xuống bãi đo khoảng cách từ mức thấp nhất đến mức cao nhất. Xong ông lại gọi Yết Kiêu ra xem.

Trong khi thầy trò Hưng Đạo quan sát mực nước lên xuống ghi dấu trên thân cây, thì bà lão hàng nước lại quan sát các hành vi của chính thầy trò ông. Và trong đầu óc bà lão nảy ra biết bao câu hỏi về những người này. Rõ ràng là họ đang kiếm tìm một cái gì đó. Hình như họ muốn tìm biết về mức nước triều lên xuống. Đúng rồi, họ đang đo khoảng cách giữa hai ngấn nước. Để làm gì vậy. Nhất định những người này không phải người của giặc rồi. Cứ trông cái dáng ung dung quắc thước của ông cụ đủ biết ông là bậc chính nhân.

Hưng Đạo phóng tầm mắt bao quát cả khu vực bãi sù đến tít tận bờ sông Rừng và ra tới tận biển. Loáng đã thấy ông xăm xăm lội ra khoảng bãi trống.

Thấy vậy lão bà vội bước ra khỏi quán gọi to:

- Cụ già ơi! Chớ lội ra đó, bãi thụt đấy!

Chừng như nghe rõ tiếng gọi, Hưng Đạo và Yết Kiêu đều quay lại tìm nước khóa chân rồi bước lên bờ. Lúc này Trương Hán Siêu và Nguyễn Khoái từ ngoài bờ sông cũng đi về quán. Đoạn đường từ bờ sông về quán khoảng dăm trăm bước chân, thường khi nước cường độ chờ khách cứ theo con lạch vào đậu sát mép sân quán, khi nước cạn thì khách phải ra tận bờ sông để xuống đò.

Đoạn này sông Rừng phình ra thật lớn, nhìn sang bên kia bờ sông phải đuối tầm mắt. Khi sóng to, mưa lớn và cả khi trời mù sương nhà đò phải gác chèo chứ không dám sang sông. Lỡ một chuyến đò Rừng, là lỡ cả một ngày công việc.

Vì vậy dân gian đã đặt thành ca vè để răn mọi người phải thận trọng khi qua đò Rừng:

Con ơi nhớ lấy lời cha

Mua nguồn chớp giạt chớ qua sông Rừng.

Khách vừa trở lại quán, lão bà đã đơn đả:

- Cái quãng ông lão vừa lội, đi quá độ một trăm bước chân nữa có hố bùn sâu lắm, lỡ bước vào đó không có người cứu là không lên được đâu. Sâu lắm. Sâu đến đâu thì không biết, nhưng cánh dân chài họ đã cấm cả một con sào ngập lụt mà vẫn chưa tới đấy.

Yết Kiêu vội hỏi:

- Thưa cụ, nguy hiểm thế sao bà con không cấm một vài cái cọc báo cho mọi người biết.

Lão bà cười trơ cả hàm lợi móm đáp:

- Trước vẫn có đấy quý khách ạ. Cả một hàng cọc vây quanh, nhưng người ta mới gỡ bỏ cách đây vài tháng.

- Sao lại gỡ đi, lỡ người không biết đi vào có chết không?

- Dân vùng tôi đây ai mà chẳng biết. Các cụ trong hương ấp sai dân binh ra gỡ cọc đi để làm hố bẫy giặc đấy.

- Vậy đã có tên giặc nào sa hố chưa thưa cụ, - Nguyễn Khoái hỏi.

- Chưa! Chưa có tên nào sa hố, vì thuyền chúng chỉ qua đây để ngược Vạn Kiếp, ngược Thăng Long chứ nó chưa đồ quân lên bờ.

Nghe lão bà nói, ai cũng biết ý chỉ quật cường chống quân giặc dữ của dân chúng trong vùng này thật kỳ lạ.

Bà lão lại đổ nước ra bát mời mọi người, và cắt chuối đặt cạnh mỗi bát nước một quả. Những quả chuối tiêu đốm trứng cuốc bị gió táp vỏ đã hơi thâm.

Hưng Đạo vừa uống nước vừa ăn chuối thật tự nhiên, lại giục mọi người cùng ăn. Thái độ cởi mở của khách khiến bà lão thêm niềm nở. Bà hỏi:

- Tôi mạo muội nếu không phải xin quý khách bỏ qua. Mặt trời đã đỏ xuống đầu núi, quý khách không lên đường chắc sẽ bị tối, trang ấp lại ở xa, và lại dân cũng di tán, nhà cửa đều theo kẻ “thanh dã” chẳng có gì ăn được. Chỉ có hương binh ở lại sống chết với giặc thôi. Nhược bằng quý khách có việc phải nán lại, thì quán nghèo tôi xin được thết lưng com muối, tôi lòng thành xin quý khách chớ ngại.

Thấy bà lão không chút nghi ngờ lại có lòng mến khách, thầy trò Hưng Đạo đều cảm động. Quốc công nói:

- Chẳng dám giấu lão bà, quả chúng tôi cũng muốn nán lại xem con nước triều lên. Hình như nó đang lên thì phải. Tôi muốn hỏi lão bà sống tại vùng này đã bao lâu và lão có thuộc con nước triều tại khu vực này lắm không.

Bà lão lại cười phô hàm lợi móm và vói về mờ lòng, bà nói:

- Nếu ông cụ và các cậu hỏi han để lập mưu đánh giặc thì già này không giấu giếm điều gì mà mình biết, nhưng nếu quý khách có lòng kia khác thì dù có hành hạ đến chết cũng không lấy được nửa lời từ mụ già này đâu.

Hưng Đạo cười rung cả mấy chòm râu, mắt ông sáng lên và đặt hết lòng tin vào bà lão, ông nói:

- Nói thật với lão bà, thầy trò tôi đang lập mưu bắt giặc, bởi đây là nẻo đường chính mà quân thủy của giặc hay qua lại. Tôi chỉ muốn lão bà cho biết điều tôi vừa hỏi.

- Phải, tôi cũng biết các ông là người của mình, chứ nếu là giặc hoặc người của giặc chẳng bao giờ nó có một nhời từ tế đâu. Ông cụ hỏi, tôi cũng nói thật, tôi sinh ra ở vùng này, cả tuổi trẻ đến tuổi già tôi đều sống quanh quần ở đây. Tính con nước thì có khó gì đâu. Dân vùng tôi đây chỉ có làm ruộng và đánh bắt cua cá, hết thầy đều phải dựa vào con nước triều mà tính toán làm ăn. Cho nên trẻ con sáu, bảy tuổi đã biết tính con nước rồi. Còn như nhìn mặt nước đầy vơi, nhìn vành trăng tròn trăng khuyết để biết lúc nào thì xuống bãi đào sái sùng, lúc nào thì đi bắt cua, lúc nào thì giong thuyền đi câu dân tôi không ai không biết. Nhưng ông cụ cho già này hỏi thật, liệu mấy người mình có làm gì nổi nó không, kéo lại chộc giận nó khùng lên thì nó giết hết dân mình đây.

- Bà lão sợ giặc lắm sao? - Hưng Đạo mỉm cười hỏi.

- Ông cụ ơi, tôi bằng này tuổi rồi không ham sống đâu. Vì rằng tôi lo là lo cho mọi người thôi, bởi tôi thấy thuyền quân nó qua đây đông như lá tre, tôi ngồi đếm từ nửa chiều đến tối mịt mà vẫn cứ thấy nó ùn ùn lao đi như gió lốc. “Đông như quân Nguyên”, đúng như mọi người nói. Đây, tôi chỉ muốn hỏi ông cụ: - Liệu mình có đánh được nó không?

Nguyễn Khoái nhìn bà cụ vừa có vẻ kính trọng vừa có vẻ thương hại, viên tướng trẻ dần giải:

- Cụ chẳng thấy mấy năm trước giặc vào nước ta có kém gì năm nay đâu, thế mà mới từ tháng chạp năm trước, tháng sáu năm sau ta đã quét sạch không còn một mống nào trên đất ta nữa. Chắc cụ nhớ cuộc chiến năm Ất Dậu chứ.

- Nhớ! Tôi nhớ cậu ạ. Nhưng năm ấy nghe đâu có đức ông Trần Hưng Đạo mưu lược lắm, răn tay lắm mới đuổi được giặc chứ. Sao tôi không biết, nhà vua với đức ông Hưng Đạo qua vùng Trúc Động ở bên kia sông, lúc đi còn ban cho hương ấp thanh kiếm để đánh giặc. Không biết năm nay đức ông có còn đủ sức hay người đã già rồi mà tới nay vẫn chưa đuổi được giặc ra khỏi nước.

Nghe lão bà nói, mọi người có vẻ sùng sốt. Hưng Đạo nhẹ nhàng nói:

- Lão bà ơi, đánh giặc là công sức của cả nước chứ, sao lão bà lại quy cho một người?

- Ông cụ ơi, ông cụ nói không sai, nhưng nhà cháu cứ nghĩ đức ông Hưng Đạo là tướng của nhà giời phái xuống giúp nước mình mới đuổi được loài quỷ dữ ấy, chứ nhà cháu thấy nó hung hăng ác độc hơn cả loài hổ đói, mà quân nó đông lúc nhúc như lũ đòi bộ kia, người thường sao thắng được nó.

Mãi nói chuyện, nước đã lên ngập con lạch. Xem sức nước lên nhanh đến bất ngờ, Hưng Đạo liền hỏi:

- Lão bà có biết vào tháng hai tháng ba này ngày nào triều cường cao nhất không.

- Ông cụ ơi hôm nay là mười tư tháng hai, chính là ngày triều cường đấy. Nước bắt đầu lên từ giờ mùi qua giờ hợi là tới đỉnh triều, sang giờ tí là nước bắt đầu xuống. Đỉnh triều cao tới hơn hai sải, xuống thấp nhất chỉ còn độ ba gang tay thôi. Đây, ông cụ cứ nom cái ngắn nước cao nhất và thấp nhất là mức nước thường ngày đấy.

- Thế còn tháng ba thì sao, lão bà có nhớ tháng ba thì ngày nào nước triều lên cao nhất không ạ, và cả khi nó xuống thấp nhất có chênh nhau nhiều không.

Hưng Đạo khéo gợi chuyện, bà lão hàng nước cứ kể vanh vách:

- Ông cụ à, tôi nghiệm có một điều rất lạ là nước chờ mả rằm tháng bảy thường lên cao nhất trong năm. Nhưng sự cao thấp trong các năm lại không đều nhau. Chỉ riêng con nước triều vào thượng tuần tháng ba, tức vào ngày mồng tám tháng ba hằng năm là năm nào cũng như năm nào và đều ở đỉnh cao nhất trong cả ba tháng xuân.

- Thế hả cụ, - Hưng Đạo hỏi chen vào - Khoảng nào nó lên nhanh nhất và nó xuống mạnh vào lúc nào cụ có nhớ không? Đỉnh triều cường độ mấy sải nước?... Hưng Đạo cứ hỏi dồn dập những điều ông cần biết.

Lão bà vừa bồm bẻm nhai trầu vừa lắng nghe điều ông cụ hỏi.

Nhả miếng bã trầu cầm tay, miệng nhỏ phì phì mấy miếng vụn cau vụn vỏ bằm quanh lợi, bà cụ đưa hai ngón tay lên tém nước quét trầu ở hai khóe miệng rồi thúng thảng đáp:

- Ông cụ à, khoảng nửa đêm mừng bảy tháng ba là nước lên mạnh, tới gần sáng ngày mừng tám tháng ba đỉnh triều lên tới hơn ba sải tay, lúc ấy nước mới bắt đầu rút. Nhưng nước rút mạnh nhất vào khoảng từ giờ thìn đến giờ ngọ. Khi ấy mực nước thấp nhất chỉ còn non một sải thôi, vậy là độ chênh tới hơn hai sải nước đấy ông cụ ạ. Tới chiều nước lại bắt đầu lên, nhưng qua ngày mồng chín thì đỉnh triều thấp hơn ngày mồng tám đến cả sải tay.

Nghe bà lão nói những con số về độ sâu nông của các con sông trong vùng, và mức nước triều lên xuống Hưng Đạo thấy yên tâm về các kết quả do chính ông và đoàn tùy tùng mới khảo sát năm ngoái, nó cũng khớp với những gì mà bà con dân chài trong vùng

cho biết. Nhưng điều làm cho vị Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự này kinh ngạc nhất là bà lão hàng nước lại cho biết chính xác con nước vào thượng tuần tháng ba đang nằm trong hoạch định bắt giặc của ông mà ông đang vất vả dò tìm. Đúng là ông chưa thiết lập được bộ phận theo dõi thủy chế ổn định ở khu vực này để khi cần có thể sử dụng. May thay lão bà lại lưu ý tới mức thuộc nằm lòng, về sự ổn định hằng năm của con nước và cả mực nước triều vào thượng tuần tháng ba hằng năm. Liệu có phải bà là sứ giả của vua Thủy tề cử lên giúp Đại Việt ta đánh giặc, cố gắng làm Hưng Đạo mới không bộc lộ niềm sung sướng, vì ngài mới tìm ra được yếu quyết từ nơi bà lão hàng nước. Ông bình tĩnh đưa câu chuyện sang các việc làm ăn bình thường và thầy trò lại chuẩn bị lên đường.

Không lưu giữ được khách ăn bữa cơm muối, lão bà chỉ mời với theo khách một câu:

- Ông cụ và các cậu có gặp ông tướng nhà trời đã đuổi giặc năm Ất Dậu, cho bà lão hàng nước nơi bến Rừng này kính chúc ngài năm nay lại vui chôn quân giặc, giữ yên cho nước. Hết giặc, ông cụ và các cậu trở lại đây, nhất định tôi sẽ đãi bữa cơm cá khoai ngon lành!

Đêm về Hưng Đạo sai các tướng ngày mai phải cho quân đi cưa và đẽo cọc. Độ dài thân cọc của từng bãi ông đều ghi rõ kích thước. Cả việc cắm sâu bao nhiêu cho chắc, theo độ thưa mau, hàng ngang hàng dọc như thế nào ông đều vẽ ra chi tiết. Ngay cả mũi cọc đẽo nhọn thế nào, hướng về phía nào, độ nghiêng thân cọc là bao nhiêu đều được hướng dẫn. Và hạn công việc phải hoàn tất trong vòng mười ngày. Cái thuận lợi là ông đã cho khai thác gỗ và đưa về giấu trong bãi từ mấy chục ngày nay rồi. Ông cũng ra lệnh phải ngăn các nẻo đường và cấm các phương tiện qua lại khu vực mấy con sông có sử dụng làm nơi lập trận. Ông cũng cho quân ngăn giặc từ xa không cho chúng tạo thanh ít nhất ba chục dặm quanh vùng ông đang thiết lập trận địa.

Vậy là toàn quân và toàn dân từ biên ải phía bắc tới tận Vân Đồn, đang yên ắng chờ diệt quân giặc tháo chạy.

XVI

Thoát-hoan nằm trong trường hồ với mấy chiếc gối xếp kê cao, mặt quay vào tường, Bình rượu quý mở nắp với chiếc chén bạc còn đầy rượu màu vàng óng đặt trên mặt kỹ.

Áo-lỗ-xích viên phó tướng binh chương chính sự vừa bước vào nội trường đã ngửi thấy mùi rượu thơm, hai cánh mũi y phập phồng. Binh chương dặng hắng vẫn không thấy Thoát-hoan nhúc nhích, y bèn lên tiếng:

- Bẩm Trần Nam vương!

Lúc này nghe mấy tiếng “Trần Nam vương”, Thoát-hoan ghét cay ghét đắng. Y thâm rủa: “Trần cái mã cha chúng nó, ta đang ngồi trên đồng lửa đây”. Chẳng nhẽ lại cấm không cho các tướng gọi cái danh xưng này. Cầm tức là ta mắc tội khi quân. Chính phụ vương ban cho ta chức đó trước khi nam chinh. Và quả nhiên người có ý cho ta trị vì sau khi bình xong Giao Chi.

- Bẩm Trần Nam vương! - Áo-lỗ-xích lại nói to hơn.

- Áo-lỗ-xích đây à. Thoát-hoan vừa hỏi vừa ngồi nhòm dậu. - Kế lui quân của ông đến đâu rồi? Ta nóng ruột quá. Ở lại thêm ngày nào là bất lợi thêm ngày đó. Ta nói để ông biết, nếu quân đối trong ba ngày thì không có cách nào giữ yên được đâu. Chúng nó sẽ làm loạn, sẽ ăn thịt nhau, rồi chúng ăn thịt cả ta và ông đấy. Nhớ nhờ ta dặn, tuyệt nhiên không được để quân Mông Cổ phải ăn đói. Quân miền bắc nếu thiếu quá cũng có thể bắt chúng phải ăn bớt bát, còn quân tân phụ cho ăn một bữa cũng được. Lũ này theo ta biết thì ngay khi ở nhà chúng cũng thường phải ăn đói. Thì Giang Nam năm nào chẳng có dân chết đói.

Thấy Thoát-hoan đã có vẻ bình thường, binh chương Áo-lỗ-xích liền nói:

- Thưa chủ tướng, tôi đã cử tướng A-ba-tri đem năm ngàn kỵ binh lên Nội Bàng dò la xem quân Giao Chi có ngăn giữ gì ghê gớm không. A-ba-tri đã đi rồi lại không gặp bất cứ một cản trở gì. Trịnh Bằng Phi cũng đem năm ngàn quân bộ hộ tống cho khoảng một trăm chiến thuyền của Phàn Tiếp xuôi sông Đại Than, đến ngã ba Dương Nham thì quay lại, cũng không có đụng độ.

Hai sự việc trên tôi chưa lý giải được. Có đúng là quân nó yếu, nó chỉ dám đối đầu với những toán quân nhỏ lẻ của ta thôi, còn như với số quân đông đúc thì giặc né tránh ta. Hoặc giả đó lại là kế hư hư thực thực để lừa ta. Vậy xin Trần Nam vương cho ý chỉ.

Chẳng cần phải so đo tính toán gì, Thoát-hoan nói luôn:

- Kế! Đó là kế của Hưng Đạo nhằm úp quân ta đấy. Vậy ta phải làm thế nào để cho toàn quân mà về.

- Tôi cũng ngờ là kẻ giặc định lừa ta. Nhưng nếu gần chục vạn quân với hơn sáu trăm chiến thuyền băng băng trên sông nước rồi tiến ra ngoài biển khơi, thì người Giao Chỉ lấy lực lượng tàu thuyền và quân thủy ở đâu mà dám đối đầu với quân thủy của thiên triều. Lại nữa mấy chục vạn quân mã bộ, gươm giáo sáng lóa, cung cứng, nỏ căng nườm nượp trên đường thiên lý, liệu giặc có dám đối đầu.

- Thôi không bàn chuyện đó nữa. Bàn ngay vào việc rút quân, tương hỗ nhau thế nào nếu gặp giặc còn có thể kiềm chế chúng để quân về được toàn vẹn.

- Bẩm, thế thì cái kế bữa trước ta đã bàn, Trần Nam vương đã chẳng bảo chỉ rút quân theo hai đường thủy bộ. Mặt bộ chỉ giữ đường qua Lạng Giang về Tư Minh chứ không đi đường Vân Nam nữa. Tôi đã cho các tướng lo liệu việc rút quân rồi, chỉ chờ lệnh Trần Nam vương là lên đường. Đương nhiên phải giữ kín không cho quân lính biết, ngay cả đám đô tướng coi một hai quân cũng chưa nên cho chúng biết.

- Thôi được, ông về triệu các tướng cuối giờ mao sáng mai đến dinh ta nhận mệnh.

Sớm hôm sau các tướng đã tề tựu phía ngoài sảnh đường đại bản doanh của Thoát-hoan.

Khi Trần Nam vương sai mở cửa, các tướng lĩnh ủa vào. Nhìn khắp lượt, không một bộ mặt nào còn có chút sinh khí, Thoát-hoan buồn bã nói:

- Ta xem phần đông các ông có mặt ở đây đều đã tham gia đánh dẹp nhà nam Tống cho tới khi tiêu diệt nó trong trận cuối ở Nhai Sơn. Thời đó, ta cảm thấy các ông thật sự là các bậc tướng thao lược hể ra quân là thù thắng. Thấy các ông, các tướng Tống như không còn hồn vía, nếu không tháo chạy cũng quy hàng. Các ông đều đã được thiên tử tri ân, tước lộc đều ưu hậu cả. Nhiều trong số các ông còn được suy tôn là dũng sĩ. Vậy sao vừa gặp khó, ta thấy tinh thần các ông đã sa sút quá. Thật không ngờ!

Vội về thất vọng, Thoát-hoan nhìn khắp lượt các tướng rồi gieo tẩm thân nặng nề xuống ghế.

Một nỗi buồn sâu sắc len lỏi trong tâm khảm những kẻ đã từng cầm quân tung hoành trên khắp đất Trung nguyên mà chưa từng một lần thất trận. Nghe chủ tướng khơi gợi lại thời oanh liệt, các tướng đều cảm như mình bị xúc phạm. Kẻ hạ giá uy danh của các hồ tướng ngồi đây không ai khác ngoài quân Giao Chỉ, mà đứng đầu là tướng Trần Hưng Đạo. Điều tệ hại nhất không phải đây là lần đầu.

Không dẫn nỗi sự bức giận, Ô-mã-nhi đứng phắt dậy xin nói:

- Ta đem năm, sáu chục vạn quân đi bình Giao Chỉ, qua mấy chục trận giao tranh, thiệt hại bất quá chỉ trên dưới mười vạn quân là cùng. Chỉ với số quân hiện có cũng đủ xéo nát nước nó, xin Trần Nam vương cho chúng tôi quyết tử chiến với đám man di này chứ lui quân thì nhục quá.

Tinh thần nộ khí xung thiên của viên dũng tướng Ô-mã-nhi bị chìm đi trong tiếng bàn tán xôn xao của các tướng:

- Quân không lương là quân chết.

- Lui là thượng sách.
- Lui quân càng sớm càng tốt.
- Vì đâu quân ta bị mất lương?
- Lòng quân đang rối, đánh đăm gì được.
- Quân đói không thể sai khiến nói chi đánh trận.

Tất cả những lời bàn tán thì thảm đó đều lọt tai Ô-mã-nhi và Thoát-hoan.

Không muốn các tướng bàn tán rồi sẽ dẫn đến chuyện bất hòa, Thoát-hoan vội gạt đi:

- Giặc quỳ quyết khiến quân ta bị hãm lương, nay phải toàn quân mà về để mưu việc lớn. Ta nói để các ông biết, hàng trăm quốc gia đều sụp đổ dưới chân đại Hãn. Mệnh mông, đông đúc như nước Trung Hoa cuối cùng cũng phải quỳ gối. Chính các ông đã sát cánh với A-lí Hãi-nha, với Lý Hằng cùng hàng ngàn tướng tài khác dưới sự thống lĩnh của thiên tử làm nên sự nghiệp lớn. Nay Giao Chỉ khác gì một chiếc gai trên đường chinh chiến của ta. Lúc này ta tạm thời lui quân, trận sau ta sẽ cùng các ông làm cỏ xứ này. Vậy các ông phải sẵn sàng để vài ngày nữa rút quân. Quân thủy rút trước, quân bộ rút sau. Từ ngày mai phải tỏa quân ra các hướng mà quân ta sẽ rút qua đó để thăm dò xem giặc có mai phục, có hãm hốt, bẫy gài gì không. A-ba-tri, Trịnh Bằng Phi đem hai quân mã, bộ yểm trợ trên bờ cho Ô-mã-nhi, Phần Tiếp dẫn hơn sáu trăm chiến thuyền cùng tất cả quân thủy của ta rút về. Quân mã bộ của hai tướng phải luôn tảo thanh hai bên bờ đuổi quân phục của chúng ra xa, để giữ yên mặt sông cho đại quân xuôi ra biển. Dừng lại giây lâu như để cố nhớ ra một điều gì, chợt Thoát-hoan “à” lên một tiếng rồi nói tiếp: - Việc lui quân là vô cùng gian nan, các ông phải hết sức cẩn trọng mới có thể bảo đảm an toàn. Các ông có nhớ trước khi xuất quân, thiên tử thết yến và ngài bắt chúng ta phải viết vào vạt áo lời răn gì không? Các tướng im lặng cúi đầu, dường như là một sự sỉ nhục với họ, vì lại một lần nữa thua người Giao Chỉ. Bây giờ phải lui quân trong lo âu.

Không thấy ai trả lời, Thoát-hoan liền nhắc: - Thiên tử dạy rằng: *“Chớ thấy Giao Chỉ là nước nhỏ mà khinh thường”*. Điều đó có ý nghĩa gì, chắc lúc này các ông đã hiểu.

Lại nhìn khắp lượt các tướng, Thoát-hoan hỏi: - Các ông có còn điều gì cần bày tỏ? Nếu không, ta nhắc một lần nữa, tướng nào đem theo thê thiếp nên về theo quân thủy. Đường bộ gian nan lắm, đàn bà không theo được, nó không dễ dàng như khi ta vào đất Giao Châu đâu.

Các tướng nghe xong ai về trại ấy.

Thoát-hoan đêm đó trần trọc không ngủ được, hết nghe tiếng chim rừng kêu lại nghe tiếng sóng Lục Đầu giang rì rầm vỗ nhẹ. Viên tướng được xem là bách chiến này được vua cha tin cậy giao phó cho việc nam chinh, bình xong Giao Chỉ, thu tóm nốt mấy nước còn lại thời nghiệp bá của phụ vương mới được viên mãn. Ấy thế mà quân Giao Chỉ đã làm đại quân ta tan nát phải rút về từ giữa năm Ất Dậu, bao nhiêu tướng tá phi phàm phải bỏ mạng. Có kẻ mãi mãi là ma không đầu như Toa-đô. Ngay bản thân ta nếu các tướng không xa

thân vì chủ, mệnh ta chắc cũng khó toàn. Ấy là lần trước quân Giao Chỉ đã bị ta đánh cho tan tác, vua tôi thất tán chạy quanh, cơ đồ nó thập phần chao đảo mà kết cục chúng lại thắng ta. Còn như lần này lực lượng chưa hề suy chuyển, thế nó vững như bàn thạch. Nó lừa cướp hết mấy chục vạn thạch lương khiến đại quân ta rơi vào thế chết. Cho nên lần này đưa quân về thật ta chẳng yên tâm, chín phần nguy chưa chắc còn được một phần an. Ta căm giận vua nó một, ta căm giận viên tướng Trần Hưng Đạo này mười. Hóa ra thiên binh, thiên tướng của thiên triều rốt cuộc chỉ là trò cười cho người Giao Chỉ. Nếu lần này ta thoát nạn trở về, nhất định phải xin vua cha dốc hết binh mã thiên triều sang làm cỏ nước Nam, để rửa mối thù bất cộng đố kỵ thiên này.

Lại nói các tướng sau khi nhận mệnh của Quốc công tiết chế lập tức khai triển công việc, hàng mấy ngàn quân binh khỏe mạnh chia ra cả chục khu vực thay nhau làm việc suốt ngày đêm. Người thì đo đạc lấy mực, người thì cưa cắt, người thì đẽo vát đầu cọc. Tiệt xuân nhưng trời vẫn còn lạnh giá. Binh lính làm việc cởi hết áo quần, mỗi người chỉ đóng một chiếc khổ mà mồ hôi vẫn cứ chảy ròng ròng, thân hình người nào cũng rắn chắc như cục sắt nguội, trên cánh tay ai cũng xăm hai chữ “Sát Thát” màu chàm chìm vào trong da trong thịt. Những thân gỗ lim rắn như đá, lưỡi rìu đẽo phát ra tiếng coong coong như tiếng gõ kim loại. Mới làm việc có nửa ngày mà đã mẻ hàng trăm chiếc rìu.

Có hẳn một đội chuyên mài lưỡi rìu vẫn không kịp. Lý Hồng, một thợ rèn nổi tiếng của làng Đoan Lễ phải đưa hết thợ cùng tất cả các bề rèn của làng đến tận nơi đẽo cọc để rèn và sửa rìu. Để giữ bí mật, bề rèn đều đặt trong các hang núi gần đó. Tính ra có tới hơn chục bề với hàng trăm thợ rèn suốt ngày đêm đồ lửa. Tiếng quai búa đập sắt chan chất làm rung động cả vách hang. Một người thợ dùng chiếc kim dài lới cục sắt đỏ hồng đặt lên đe, hai người khác gờ búa quai nhíp nhàng và cứ vài lần đồ lửa, vài lần cục sắt đỏ đặt lên đe đã biến dần cục sắt thành hình chiếc rìu. Và khi họ thôi cho lưỡi rìu cứng và sắc đều phải nung đỏ rồi nhúng vào chậu nước phát ra tiếng réo sôi xèo xèo, hơi nước bốc mù mịt.

Vài ba vạc cháo loãng đặt xen kẽ giữa các bề rèn làm đồ giải khát cho thợ. Vạc nào cũng đầy kín mít một chiếc vung đan bằng cật tre đã ngả màu nâu xin nay đều phủ trắng tàn than, mỗi khi có người uống nước cháo lại thổi phù phù trước khi mở vung, khiến tàn than bốc bay như một đàn bướm.

Những người thợ dù thân trần đóng khổ nhưng mồ hôi vẫn toát ra như tắm, thỉnh thoảng họ lại cúi xuống kéo chiếc vạt khổ lau khuôn mặt đầm mồ hôi để lại những vệt hoen nhọ.

Cùng với những người lính cưa, đẽo hàng ngàn chiếc cọc lim, những người thợ rèn cũng thay nhau làm việc như không hề biết mệt mỏi. Tất cả đều đồng tâm hiệp lực sao cho công việc xong sớm, để quân ta có phương tiện lừa bắt giặc. Ai nấy đều ý thức được rằng công việc mình đang làm cũng chính là việc đánh giặc.

Sau năm ngày đêm hối hả làm việc cật lực với tinh thần “Sát Thát”, số cọc do những người lính mình đồng da sắt cưa cắt, đẽo vạc xếp thành từng đồng cao như những trái núi, phân chia loại nào ra loại đó. Có loại thân dài tới hơn sáu sải tay, có loại bốn, năm sải, có loại chỉ hơn ba sải, lại cũng có loại dài tới gần chục sải. Trước khi đưa cọc xuống thuyền chờ về từng khu vực, Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương đích thân đến tận nơi yên ủi những người lính và những người thợ, tiện thể ông kiểm xét cả về số lượng cọc, chủng loại cọc và chất lượng của cọc nữa. Tuy nhiên, ông giấu biệt tung tích nên mọi người chỉ biết Quốc công là một mệnh quan do triều đình cử về.

Ông hỏi han từng người lính, người thợ. Ông húp cháo loãng, hút thuốc láo và nhai trầu với họ, trò chuyện thân mật như tình cha con, tình ông cháu. Ông hỏi thăm gia cảnh từng người. Nắm cánh tay trần có xăm hai chữ “Sát Thát” của một chàng trai, ông hỏi:

- Con xăm hai chữ này từ bao giờ?

Chàng trai bẽn lến đáp:

- Bẩm ông, con mới xăm năm ngoái, trước khi đầu quân.

Lại kéo cánh tay của một chàng trai khác, ông hỏi:

- Vậy chớ con xăm “Sát Thát” vào lúc nào?

- Bẩm ông, con xăm từ năm Giáp Thân (1284) trước khi quân giặc vào cõi. Tức là khi nghe Hịch truyền của Quốc công Trần Hưng Đạo, thế là trai tráng làng con đi đầu quân đánh giặc.

Hung Đạo rất hài lòng về bầu nhiệt huyết của con dân Đại Việt được biểu hiện bằng hành vi của những người lính trẻ.

Bỗng ông đặt câu hỏi với các chàng trai:

- Đuổi xong giặc, các con định làm gì?

Tất cả đám lính trai trẻ ngồi quanh ông cười vỡ ra:

- Bẩm ông, sau chiến tranh nếu còn sống, việc đầu tiên con phải chạy về nhà ngay để cho bố mẹ mừng cái đã, rồi ngủ một giấc vài ba ngày liền. Sau đó lại đi cấy đi cày, đi chài lưới, câu kẹo thôi ạ.

Hung Đạo ngửa mặt cười hồn hậu:

- Ôi các con thật đáng yêu, ước mơ của các con thật là giản dị, thế mà Hốt-tát-liệt lại toan cướp đi của chúng ta tất cả, kể cả mạng sống và đất đai sông núi.

Vừa chột nhìn thấy một người lính trẻ cố gắng đặt cây cọc lim dài gấp ba, bốn lần thân thể anh ta lên vai để đưa xuống thuyền, Hưng Đạo vội chạy lại đỡ, thay vì nâng lên vai anh ta, ông đặt xuống đất. Gọi viên đô tướng đến, ông căn dặn:

- Mỗi người chỉ được vác một cây cọc dài từ ba sải tay trở xuống, từ ba sải tay trở lên nhất thiết phải hai người khiêng. Rồi ông dạy họ cách lấy cọc thế nào để tránh xô, và khi cọc xô nó sẽ lẩn, phải tránh như thế nào để cọc không xô vào người sẽ gây tai nạn gãy chân gãy tay, đôi khi chết người.

Trước khi chia tay, Quốc công còn căn dặn:

- Các con không nên vung phí sức lực. Phải giữ sức để đánh giặc.

Nói xong, thoát ông đã leo lên mình ngựa. Đám lính trẻ đồng thanh hỏi:

- Bẩm ông đến bao giờ thì chúng con được đánh giặc ạ?

- Sắp! Sắp đánh đến nơi rồi! - Nói xong ông ra roi vút ngựa.

Vài ngày sau các thuộc cấp đã làm đúng như chỉ dẫn của Quốc công về bố trí trận địa cọc.

Hung Đạo tự mình đi kiểm xét các bãi cọc một lần nữa. Đêm về ông mở bản đồ xem lại rất kỹ. Cái khó của ông lúc này là làm sao hãm không cho giặc tiến nhanh quá, cũng không để cho nó nhàn nhá mà phải dụ được giặc vào bãi cọc đúng lúc nước triều xuống mạnh khoảng từ cuối giờ mao trở đi, nhưng phải đúng sáng mùng tám tháng ba chứ không thể trước hoặc sau ngày đó, trước hoặc sau giờ đó. Đây là một việc cực khó. Bởi lực lượng giặc không phải là nhỏ. Hơn sáu trăm chiến thuyền với hơn tám vạn quân giặc. Nếu Thoát-hoan lại cho thêm quân bộ về đường thủy, số quân chắc sẽ đông hơn nhiều. Nhưng cũng vì thế mà sức chiến đấu của chúng sẽ giảm đi đáng kể.

Thoát-hoan cho quân thủy rút trước. Y cho viên hữu thừa A-ba-tri dẫn hai ngàn quân kỵ đi trước dọn đường. Lại cho Trịnh Bằng Phi dẫn năm ngàn quân gươm giáo sáng lòa đi sát bên bờ tả ngạn hộ tống cho đoàn binh thuyền rút lui.

Trên đường đi quân giặc bị chặn đánh liên miên. Ngay cả kỵ binh giặc cũng không phát huy được sở trường. Giặc phải tiến binh rất chậm, hơn nữa cầu đường lại bị phá, khi đến Đông Triều thì hai quân mã, bộ không có phương tiện sang sông, chúng đành phải quay lại Vạn Kiếp, nhưng không dám đi theo đường cũ sợ quân ta mai phục, nên chúng bắt người già dẫn đi theo đường khác để chúng tháo lui ngay trong đêm tối.

Hai viên hữu thừa A-ba-tri, Trịnh Bằng Phi về tới Vạn Kiếp vừa kịp nhập với đoàn quân rút chạy. Thoát-hoan không yên tâm ở lại, dù chỉ thêm một ngày.

Thế là đoàn chiến thuyền của Ô-mã-nhi không có quân bộ hộ tống nên chúng đi rất thận trọng, rất chậm. Trên chặng đường giặc rút chạy, Hung Đạo thường cho quân mai phục khi thì bên tả ngạn khi thì bên hữu ngạn của dòng sông khiến địch luôn luôn ở thế bất ngờ và phải bị động đối phó. Mục đích của Quốc công là làm chậm bước tiến của giặc, buộc chúng phải nộp mạng theo lịch con nước triều mà ông đã tính toán và dàn bày thế trận.

Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư, Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng phải dàn lực lượng đón lõng diệt gọn các toán quân giặc nào chạy thoát ra biển. Vì thế phó tướng Trần Khánh Dư đã cho quân vào đồn trú trong một số hang núi cùng thuyền bè mai phục trên các luồng lạch buộc giặc phải chạy qua. Khu vực Trần Khánh Dư phải bao quát là từ Vân Đồn về đến Cửa Suốt. Khu vực Trần Quốc Tảng đảm trách là từ Cửa Suốt đến Cửa Lục.

Tướng Trần Quốc Bảo dẫn một vạn quân cùng với hơn một vạn hương binh, yểm quân tại các điểm giặc có thể ghé thuyền đổ quân lên bờ suốt dãy Tràng Kênh. Tại đây có cả máy bắn đá, có các loại pháo từ song sáo đến ngũ sáo, các loại tên tầm độc, tên dẫn chất cháy và quân ta còn có lợi thế là chiếm lĩnh các điểm cao để không chế mặt nước, nhưng tất cả đều nằm trong tầm bắn có hiệu quả của tên, đạn.

Tướng Phạm Ngũ Lão được sai chuẩn bị một số thuyền nhỏ chờ đồ dẫn lừa để đánh hòa công. Tướng Trần Toàn lĩnh một vạn quân cùng hai vạn dân binh với đầy đủ thuyền bè đón lõng ở cửa các sông Chanh, sông Kênh, sông Rút là các chi lưu của sông Bạch Đằng đổ ra biển, đề phòng nếu một phần giặc chạy thoát ra đây thì đón đánh, và nếu ở đây lại có một số thuyền giặc chạy thoát thì đã có vòng vây của Trần Quốc Tăng. Kẻ nào thoát qua cửa Trần Quốc Tăng tức là sống sót chạy qua Cửa Lục, Cửa Suốt lại sẽ lọt vào vòng vây của Nhân Huệ vương phó tướng Trần Khánh Dư ngoài ải Vân Đồn.

Bố trí trận địa vòng trong vòng ngoài, tầng tầng lớp lớp là Quốc công muốn tận diệt thủy quân của Hốt-tát-liệt, nhằm làm thui chột ý đồ ngạo mạn của viên chúa thảo nguyên này, rằng không phải y muốn làm gì thì làm.

Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, Hưng Vũ vương Trần Quốc Nghiễn cùng nhiều tướng khác thống suất ba mươi vạn quân chặn các cửa quan trọng yếu buộc giặc phải chạy qua, đang chờ giặc đến nộp mạng.

Quân ta được ăn uống no đủ lại háo hức chờ đánh giặc lập công từ mấy tháng nay. Các chiến binh không có ước vọng gì hơn là đánh tan quân giặc dữ đem lại yên bình cho đất nước, đề được sớm trở về nơi hương ấp đoàn tụ với gia đình, trở về với ruộng đồng cây cối như xưa.

Từ Vạn Kiếp, Thoát-hoan cho quân rút theo hai đường như khi y tiến quân vào Đại Việt.

Thoát-hoan cho Sic-tua cầm đầu cánh quân rút qua hướng tây, tức từ Vạn Kiếp theo đường thiên lý qua cửa quan Chi Lăng theo đường Khâu Ôn, Vinh Bình rồi vào đất Tư Minh (Trung Hoa). Thoát-hoan sẽ rút theo cánh phía đông, tức là từ Vạn Kiếp vượt sông Bình Giang vào Nội Bàng, theo đường Động Bản ngược lên Lộc Châu để vào Tư Minh.

Thoát-hoan sai A-ba-tri và Trịnh Bổng Phi đem hai đội quân mã, bộ đi trước mở đường.

Cánh quân của Sic-tua dọc đường bị chặn đánh toi bời, y cố gắng đưa quân vượt qua các cánh quân phục của Đại Việt, bỏ lại không biết bao nhiêu xác chết mà không dám tranh hơn thua, chỉ cốt cướp được đường mà chạy. Thế nhưng đến trước ải Hãm Sa thì toàn quân của y không thể nào vượt nổi. Đánh suốt nửa ngày, quân chết như rạ mà không nhích được bước nào.

Cửa Hãm Sa đâu đã hiểm trở bằng cửa Chi Lăng, nếu liều chết mở đường máu vượt qua Hãm Sa tới được Chi Lăng thì chắc chắn trước sau thụ địch, nếu không bị giết ắt sẽ bị bắt. Nghĩ vậy, Sic-tua bèn cho quân quay lại nhập với cánh quân phía đông để rút qua đường Nội Bàng, Lộc Châu. Ngay cả khi Sic-tua cho quân quay lại, việc đó thật không dễ. Những chặng đường khi quân của Sic-tua quay lại, lúc trước thì yên ổn còn bây giờ đầy rẫy quân phục, đánh nhau suốt ngày mới tranh được một đoạn đường, trong khi quân vừa đói vừa mệt vừa sợ hãi.

Thấy tình thế nguy ngập Thoát-hoan giữ Áo-lỗ-xích và viên thần nỏ Giả Nhược Ngu ở bên mình và ra lệnh phải gấp rút đi suốt ngày đêm.

Trong đám hàng thần, Thoát-hoan chỉ cho Trần Ích Tắc đi theo, còn Trần Lộng, Trần Tú Hoãn cùng đồng bọn phải đi theo quân.

Được tin giặc từ Vạn Kiếp chia hai đường thủy bộ rút quân, Chiêu Minh vương Trần Quang Khải xin hai vua xuất quân theo đường thủy đuổi gấp bọn Ô-mã-nhi, Phần Tiệp đang trốn chạy.

Quân thánh dực và quân phủ Chiêu Minh đều đóng tại Giáp Sơn, ngay sát mấy con sông và nằm trong vùng rừng núi hang động rất hiểm trở, tuy cách Vạn Kiếp không xa nhưng tự trung nó lại rất an toàn.

Khi hai vua và Chiêu Minh vương kéo quân đi, hàng vạn hương binh của hai vùng Giáp Thạch và Trà Hương cũng theo quân triều đình đi bắt giặc.

Không thấy có quân yểm trợ mà dọc đường luôn luôn bị quân Đại Việt tập kích, phục kích mỗi ngày bị chết, bị thương từ vài ba trăm tới vài ba ngàn đứa, lương thực và mọi thứ đều thiếu thốn, tinh thần binh sĩ hoang mang, sợ sệt khiến Ô-mã-nhi không khỏi lo lắng, y cho triệu Phần Tiệp, Tích-lê-cơ vương, vạn hộ Trương Ngọc, tham chính Sầm Đoạn, Điền nguyên soái và cả Lý Thiên Hựu là viên quan đi theo chuyên ghi chép mọi việc cũng được mời dự. Kỳ lạ, Ô-mã-nhi còn đem theo tên phù thủy Nguyễn Bá Linh là một kẻ có nhiều tà thuật cũng được dự bàn.

Tuy không ngày nào không xảy ra giao tranh và quân lính vừa ăn đói vừa phải đánh nhau, cái sống cái chết cặp kè, vậy mà trong soái thuyền của tham tri chính sự nguyên soái Ô-mã-nhi không thiếu một thứ gì từ rượu quý cho tới các đồ ăn uống theo kiểu Trung Hoa. Người Mông Cổ chỉ cần ở Trung Hoa vài ba tháng, được các đầu bếp Quảng Đông, Phúc Kiến hầu hạ bằng các món ăn Trung Hoa thì các loại đồ ăn vùng thảo nguyên của họ chỉ là những thức ăn ngon trong dĩ vãng.

Các tướng vừa có mặt đông đủ, Ô-mã-nhi hát hàm cho viên đô tướng hầu cận đem rượu ra đãi khách. Rượu bỏ đào được hâm nóng rót trong các bát sứ có nắp đậy tỏa mùi thơm khiến cánh mũi các tướng cứ phập phồng, phập phồng.

- Mời các ông uống rượu rồi ta bàn việc, Ô-mã-nhi vừa nói vừa tự mình bê một bát. Khi mọi người đều mở nắp bát rượu của mình thì cả khoang thuyền sực nức mùi men nồng. Xem ra không khí đã bớt phần âm đạm. Nguyên soái cho uống tới bát thứ ba, các tướng bắt đầu râm ran trò chuyện. Nét mặt mọi người đều hồng hào, khí sắc có phần sinh động. Nhưng với phù thủy Nguyễn Bá Linh thì lại khác, y càng uống mặt y càng tái đi. Y có dáng người dong dong, đôi lưỡng quyền nhọn hoắt, nom như hai cái gai ốc nhồi úp lên gương mặt choắt, cặp mắt một mí tí hi luôn nhìn xuống, lông mày thưa và nhỏ như một vết mực nhạt quệt ngang cùng với mái tóc dài tới khoeo chân để xòa. Cô y đeo một chiếc bùa đỏ như màu máu, bện to như chiếc chảo dài thông tới bụng. Bá Linh luôn mặc trên người bộ quần áo đen khiến y trở nên bí hiểm vô cùng. Nghe nói tên này có nhiều phép thuật cao cường nên Ô-mã-nhi thả vào dưới trướng để khi cần phải dùng đến, nhưng trước hết là để hộ mạng cho y.

Giữa cái không khí như trong tiệc rượu ấy, Ô-mã-nhi lên tiếng:

- Như các ông đã biết từ bữa ta rời Vạn Kiếp tới nay, không ngày nào không phải giao chiến với quân Giao Chỉ. Các trận giao tranh không lớn, nhưng số quân chết và bị thương gom lại không phải là ít. Điều ta quan ngại là việc lui binh bị cản trở nên quân đi quá chậm. Nếu để kéo dài tình thế quân ta sẽ vô cùng bất lợi. Vì lương thực cạn nhanh, tinh thần sĩ tốt căng thẳng, sức chiến đấu sẽ giảm sút. Càng kéo dài thời gian đi trong sông càng nguy hiểm. Chỉ có sớm thoát ra biển thôi việc đưa quân về ta mới an tâm. Vậy các ông có kế gì

xin cho nghe.

Phản Tiếp liền nói:

- Có nhẽ đoạn đường vừa qua ta thận trọng quá nên quân đi khá chậm. Tuy vậy, từ đây vào sông Bạch Đằng cũng không còn xa nữa. Vào được sông Bạch Đằng ít phải lo tới chuyện giao chiến. Bởi sông thì rộng mênh mông mà thuyền của giặc lại nhỏ bé, chọi sao nổi với quân ta. Từ sông Bạch Đằng ra biển chỉ còn trong gang tấc. Cái thuận của ta là xuôi nước. Vậy từ ngày mai xin nguyên soái cho quân đi thần tốc.

Trương Ngọc cũng nói:

- Phải cướp lấy đường mà đi. Gặp giặc quây lại mà đánh, đổ quân lên bờ làm thế ý dõc, đánh cho chúng không mở mắt ra được, phải tiêu diệt không còn một mống nào sống sót khiến chúng phải sợ hãi không dám cản đường quân ta nữa.

Quanh đi quẩn lại ý các tướng đều giống nhau cả. Tức là phải đi nhanh hơn. Phải đánh cho quân địch khiếp sợ.

Tướng nào cũng nói cứng vậy thôi chứ trong lòng đều không tin ở lời mình nói. Vì rằng quân Việt lúc ẩn lúc hiện thiên biến vạn hóa, lúc chặn đầu, lúc khóa đuôi, khi tạt sườn, đánh ngày đánh đêm xuất quỷ nhập thần chẳng biết đầu mà lường.

Bàn đi bàn lại, bỗng Điền nguyên soái hỏi:

- Ta nghe Bá Linh là bậc siêu nhân có thể sai khiến được cả âm binh vào trận, nay đã ở dưới trướng của tham tri nguyên soái, gặp giặc sao ta chưa thấy ông trở oai thần.

Điền nguyên soái nói trúng ý các tướng nên ai cũng đón nghe Bá Linh mở lời. Nhưng y lại thản nhiên như không nghe thấy gì hết.

Chính Ô-mã-nhi cũng muốn biết điều đó nên giục:

- Bá Linh pháp sư, ông trả lời cho các tướng đi chứ.

Bá Linh liền đứng dậy co một chân, lấy chân còn lại làm trụ xoay tít người, mái tóc của y tỏa thành một vòng tròn tựa như chiếc lọng đen che trên đầu, và chiếc bùa ở cổ y cũng xoay tròn như một chiếc vòng lửa lóe sáng, một lát y thả chân kia xuống, mái tóc lập tức buông sông về phía sau lưng, chiếc vòng cũng đứng im trước ngực và hai luồng khí trắng từ hai lỗ mũi phun ra thẳng tắp như một cặp kiếm quang.

Trước sự thán phục của các tướng, viên phù thủy liền phán:

- Nguyên soái mời ta sang Giao Chỉ để bắt Hung Đạo về cho thiên tử xem gan nó, chớ có phải ta sang đây để bắt mấy thằng lính nhãi ranh đâu mà các ông đòi hỏi.

Các tướng đều cảm thấy người này hợp hình, nhưng nể mặt Ô-mã-nhi, họ không thêm nổi lời với tên phù thủy nữa.

Thân vương Tích-lệ-cơ nói:

- Không thể coi thường người Giao Chi, họ thu mình giả rằng yếu kém không đủ sức kháng cự, nhường thế thượng phong cho binh uy thiên triều, để rồi mấy chục vạn thạch lương không đến tay quân ta một hạt, hãm quân ta vào thế đại bất lợi buộc phải lui quân. Như thế họ không chiến mà thắng. Tới lúc này họ lại truy đánh quân ta thường ngày, vì lợi thế đang thuộc về họ. Vậy ý các tướng đã bàn, ta thấy nên theo. Tức là phải thoát ra khỏi đất họ càng nhanh càng tốt, và nếu phải đối đầu thì đối đầu quyết liệt buộc họ phải tránh cho ta đi.

Cuộc hội bàn thật là nhạt nhẽo, chẳng ai hiến được kế gì hay ho, Ô-mã-nhi vớt vát vài lời tỏ ra cứng cỏi:

- Các tướng về lo chinh bị quân ngũ, từ ngày mai ta phải lui binh thần tốc, nếu giặc cản trở phải đánh cho chúng những đòn khốc liệt.

Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương đang dụ giặc vào kế do ông sắp đặt. Ông hãm không cho giặc rút quân nhanh, vì nếu để cho chúng vào trước ngày tám tháng ba, con nước chưa lên tới đỉnh cao nhất, các bãi cọc nhô lên để giặc trông thấy từ xa sao còn lừa được chúng nữa. Có nhẽ ngày mai mồng bảy sẽ cho giặc vào trú ở đoạn đầu sông Đá Bạc, để sớm mồng tám sẽ dụ cho chúng vào sâu.

Quốc công đang xem xét lại các nơi đã bài bố binh lực, xem có còn gì phải bổ cứu trước khi cho giặc vào bẫy thì nhận được tin từ biên ải báo về. Giặc bị chặn trước ải Hãm Sa nên bỏ con đường Khâu Ôn - Vĩnh Bình, tất cả dồn về nẻo Nội Bàng - Động Bàn - Đôn Ký - Lộc Châu rồi về Tư Minh. Hưng Đạo mừng lắm, mặt ông sáng bừng lên. Ông thầm khen “Chiêu Văn vương quả là một tướng tài kiệt xuất”. Hưng Đạo bèn sai thư nhi đem giấy bút cho ông viết lệnh. *“Ta có nhờ khen thượng tướng. Giặc đang lâm vào tử địa. Tất cả đều kéo về lối Lộc Châu. Hưng Vũ Vương đã chặn biên thủy. Tướng quân kịp đem quân đánh tập hậu. Gắng bắt lấy Thoát-hoan. Nền cánh giới tên thần nô Giả Nhược Ngu luôn đi cặp kè bên chủ. Thư nói chẳng hết nhờ. Chờ ngày toàn thắng”*.

Viết xong ông gọi Yết Kiêu vào và dặn:

- Con sai đám chim câu đưa thư này cho Chiêu Văn vương. Hiện nay vương đang ở vùng Khâu Ôn quanh mấy ải Hãm Sa, Chi Lăng.

Yết Kiêu lĩnh thư rồi lui ra cuộn gói gọn ghẽ, ngoài bọc sáp. Sau đó tướng quân chọn ra năm con chim bồ câu, buộc thư vào âu cánh con đầu đàn, làm các ám hiệu cần dặn rồi thả cho chúng bay đi.

Theo tính toán thì ngày mai giặc tất sẽ tới Trú Động. Đầu xã Trú Động là nơi gặp gỡ giữa hai dòng sông Giá và sông Đá Bạc. Đương nhiên binh thuyền giặc sẽ đi vào sông Giá. Vì từ sông Giá ra sông Bạch Đằng gần hơn sông Đá Bạc. Và sông Bạch Đằng ở quãng này cũng gần cửa biển hơn. Cho nên sống chết giặc cũng chọn sông Giá làm đường lui binh. Vì vậy quốc công đã ém một lực lượng khá lớn để ngăn không cho binh thuyền của giặc vào. Cách ngã ba sông Giá và sông Đá Bạc độ non chục dặm lại có một nhánh ăn thông với nhau giữa hai dòng sông này, quốc công đặt ở đây một lực lượng lớn để phòng giặc cố tình vượt sang sông Giá. Thêm vào đó còn có cả

vạn dân binh trong vùng kéo đến xin được quốc công sai khiến. Ngay cả các đội bạch đầu ông, các đoàn đội trạo nhi cũng xin được ở vùng ngoài thanh viện như đánh trống, đánh chiêng, reo hò, hoặc tiếp tế cơm nước, hoặc khiêng thương binh, từ sĩ lui về phía sau. Cuộc chuẩn bị cho trận đánh tuy âm thầm nhưng sôi động và có một điều kỳ lạ là từ các vị tướng đến người binh thường, từ quan đến dân, từ người già đến trẻ nhỏ cứ được tham gia đánh giặc là nức lòng. Ai ai cũng coi việc đánh giặc là việc của mình, của nhà mình, của hương ấp mình nên chẳng có một người nào thoái thác. Tuy vậy trong sâu thẳm tâm tư của mỗi người đều mong muốn được sống trong yên bình, đất nước không còn có giặc giã và không phải đánh giặc.

Lại nói về Ô-mã-nhi và các tướng muốn lui quân thần tốc để sớm được ra biển cho an toàn, thế nhưng đoạn đường phía trước một bên bờ sông thì áp sát với rừng già ăn sát tới mép sông, một bên thì loáng thoáng có núi cao dựng như vách thành, sợ có quân mai phục nên nguyên soái sai dừng thuyền và hai đầu cũng như hai bên tả hữu ngạn phải đồ quân lên tuần tra canh gác chứ không cho đi đêm. Sáng ra, sau một hồi tù và thổi bằng sừng dê, các thuyền của quân Nguyên đều nhất loạt treo cờ Đại Nguyên trên đỉnh cột buồm.

Chiếc soái thuyền của Ô-mã-nhi ngoài treo cờ của nước Đại Nguyên ở đầu mũi thuyền còn cắm lá cờ đuôi nheo sắc đỏ, tua vàng giữa cờ thêu một chữ “SÚY” bằng chì đen. Trong thuyền bày biện các đồ sang quý và có cả màn sáo vây quanh các con tiện, các cửa sổ của lầu thuyền.

Sau khi các thuyền đã treo cờ Đại Nguyên lại có ba hồi kèn thúc và bảy phát pháo hiệu bắn lên nền trời mù sương, ấy là lệnh xuất phát cuộc hải hành.

Ô-mã-nhi lui quân tháo chạy mà cờ giông trống mở cứ như đoàn quân chiến thắng khải hoàn. Làm ra vẻ của một đoàn quân chiến thắng khải hoàn là Ô-mã-nhi muốn lấy lại tinh thần cho binh sĩ đang suy sụp, vì một môi chống đỡ hằng ngày với quân Đại Việt đang truy đuổi, và nữa sức lực của chúng cũng sa sút bởi ăn uống thiếu thốn. Mặt khác, đồ nguyên suý cũng muốn ra oai với phía Đại Việt rằng: “Binh lực của ta còn hùng hậu lắm, chớ có đụng vào”.

Từ Vạn Kiếp ra đi Ô-mã-nhi có hơn sáu trăm chiến thuyền, qua hơn chục ngày giao tranh đã mất non một trăm chiếc với hơn mười ngàn quân. Tuy vậy, với hơn năm trăm chiến thuyền cờ xí giương giương, lại thuận đường xuôi nước rừng rừng kéo dài cả chục dặm sông, thiết tưởng cũng đủ sức uy hiếp đối phương. Ở đất này chỗ nào cũng là rừng, là núi âm u, là sông ngòi chằng chịt nên bầu trời lúc nào cũng lằng lằng khói sương.

Đoàn chiến thuyền kéo dài như vô tận, thuyền nào cũng giương buồm đón gió, dù rằng mới sớm tinh sương lá cây ngọn cỏ vẫn im lìm như còn ngái ngủ. Mấy bữa nay không còn mưa bụi, cái lạnh cũng chỉ hơi se se. Tuy chưa có gió nhưng xuôi nước, quân thay nhau chèo, thuyền đi cũng khá nhanh. Chừng cuối giờ thìn, mặt trời đã lên khỏi ngọn tre, màu nắng hoe hoe làm tan dần khí mù từ rừng cây và sông suối bốc lên khiến bầu trời quang đãng. Màu trời xanh lơ, lúc này đứng trên cao nhìn được toàn cảnh đoàn chiến thuyền uốn lượn theo hình thê dòng sông mới thấy vẻ đẹp bề ngoài của một đội quân lớn.

Ô-mã-nhi đứng trước mũi lầu thuyền nhìn xuôi về phía trước, lại nhìn ngược về phía sau thấy thuyền quân và cờ xí rợp trời, lòng đầy kiêu hãnh, y vẫy tay gọi Phần Tiếp lại gần và hỏi:

- Ông thấy đại quân của thiên tử thế nào?

- Đúng là một chùng quân kiêu dũng của thiên triều. Chỉ tiếc ta chưa kịp lập công dâng thiên tử - Phan Tiếp đáp.

- Ta chưa rõ trận Xích Bích của nước Trung Hoa thời Tam quốc thế nào. Nghe nói nó vĩ đại lắm. Nhưng ta cam đoan với ông nếu Hung Đạo dám trêu tức ta thì ta sẽ cho ông ta một trận Xích Bích.

Phan Tiếp im lặng nhìn về phía trước.

Càng gần về trưa bầu trời càng quang đãng. Sự uy nghi của đoàn thuyền chiến càng làm Ô-mã-nhi hài lòng. Ô-mã-nhi cho là mình đã quyết định đúng, đây là phải tiến nhanh ra biển, phải giương uy khiến kẻ địch run sợ tránh xa. Quả là quân Giao Chỉ thấy ta phô bày binh lực nên chúng sợ uy ta mà trốn biệt đi rồi. Mọi ngày ta tiến binh cầm chừng thì không ngày nào không phải giao tranh, thế mà bữa nay từ sớm tinh sương tới giờ có thấy bóng dáng một tên giặc nào đâu.

Một lát, Phan Tiếp quay lại nói với Ô-mã-nhi:

- Nguyên soái, còn vài dặm nữa ta sẽ đến ngã ba sông Giá và sông Đá Bạc gặp nhau, ta cho quân xuôi theo sông nào.

Ô-mã-nhi thuộc nằm lòng mấy con sông nên đáp:

- Cả hai sông đó đều đổ vào sông Bạch Đằng rồi ra biển. Nhưng nên đi nẻo sông Giá. Sông Giá vào Bạch Đằng gần hơn.

Phan Tiếp sai truyền lệnh lên những thuyền đi đầu tới ngã ba thì rẽ theo bên hữu.

Khoảng giữa trưa đoàn thuyền chiến rẽ vào sông Giá chừng một dặm, tức là địa phận xã Trúc Động thì bị quân Đại Việt chặn lại.

Thoạt tiên là một loạt tên bui nhùi dẫn chất cháy tập trung bắn vào mấy thuyền đi trước. Các tay lái thuyền bị dính tên kịch độc rời tay lái, thuyền nọ xô thuyền kia lập tức gãy vỡ, cùng lúc bốc cháy. Những chiếc đi sau không hăm kịp cứ liên tiếp đâm vào nhau làm tắc nghẽn cả dòng sông vốn đã hẹp. Cũng lúc đó, ở trên bờ tên bắn xuống như mưa và tiếng tù và, tiếng trống đồng, trống đại lực phối với nhau phát ra những tiếng rền vang như tiếng sấm. Và nữa tiếng hô “Sát Thát!” của hàng vạn dân binh đang sát cánh chiến đấu với quân triều đình cứ xoáy vào tai giặc như những mũi kim nhọn hoắt. Lại nữa, từ phía hạ lưu sông Giá, từng đoàn thuyền chiến giương cờ Đại Việt đang băng băng rẽ nước tiến về phía binh thuyền của Ô-mã-nhi.

Giặc đang thung thăng với tinh thần của kẻ đi dạo, bị đánh bất ngờ, quân chúng trở nên rối loạn.

Ô-mã-nhi vừa sai quân chống cự với lực lượng trên bờ vừa ra lệnh cho các tướng dưới quyền bắt quân kéo những thuyền cháy, thuyền đắm dẹp sang một bên lấy đường mà đi tiếp. Nhưng khi chợt thấy các chiến thuyền Đại Việt cứ trùng trùng điệp điệp tiến thẳng về phía quân Nguyên, và quân Đại Việt ở trên bờ cũng chặn đánh quyết liệt không cho quân Nguyên nhích qua khu vực các thuyền vừa bị đánh đắm thì Ô-mã-nhi sai Phan Tiếp và Trương Ngọc lấy tiền quân làm hậu quân để cản quân Đại Việt, còn Ô-mã-nhi sẽ đưa quân quay về sông Đá Bạc để từ đó tìm đường ra biển.

Thực ra chưa cần có lệnh của nguyên soái, khi thấy các thuyền đi đầu bị chặn đánh, lập tức các thuyền đi sau cứ tự ý rẽ vào sông Đá Bạc. Việc đơn giản là ở đó không có quân Đại Việt.

Mặc cho giặc chạy vào sông Đá Bạc, nẻo sông ấy quân ta không ngăn cản, nhưng các lực lượng thanh viện vẫn cứ nổi trống, chiêng, tù và cùng những lời hô “Sát Thát” đuổi theo quân giặc mỗi lúc một ráo riết hơn.

Trong khi cánh quân ở phía hạ lưu sông Giá do tướng Trần Toàn chỉ huy gần áp sát binh thuyền quân Nguyên thì tướng Đỗ Hành chỉ huy quân bộ đang từ trên bờ đánh vào phía hậu quân của đoàn binh thuyền giặc, thanh thế rất lớn, khiến giặc không dám dừng lại giao chiến mà vừa chống đỡ vừa chạy thật nhanh chỉ mong thoát chết. Trận đánh ở Trúc Động kéo dài đến gần tối thì lửa được toàn bộ binh thuyền của giặc vào sông Đá Bạc và không có một chiến thuyền nào của chúng lọt được qua sông Giá vào sông Bạch Đằng.

Khuỵa đêm đó, hai vua và thượng tướng Trần Quang Khải cùng tướng Nguyễn Xuân đã đem toàn bộ quân thánh dục, cả hơn hai vạn quân của phủ Chiêu Minh cùng hơn một vạn điền binh vùng Giáp Sơn cũng theo vua đã tới Trúc Động, nơi chiến trường còn ngổn ngang xác giặc và thuyền giặc bị đắm trôi dạt dờ trên mặt sông.

Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp đã đưa được hết binh thuyền vào trú trong sông Đá Bạc. Lúc này giặc tạm hoàn hồn. Quân chúng bắt đầu bữa ăn chiều vào lúc non nửa đêm. Phàn Tiếp tỏ ra bằng lòng với thiệt hại qua cuộc giao tranh, liền nói với Ô-mã-nhi:

- Nguyên soái có thấy quân Giao Chỉ phô trương thanh thế thật là ghê gớm, nhất là khi binh thuyền của chúng từ phía hạ lưu ào ào tiến thẳng về phía quân ta phối với đám quân đang quấy rối mà ta phải đối phó, lúc ấy tôi đã hơi lo. May mà sự thiệt hại không đáng kể.

- Thì lúc ấy ta đã chẳng ra lệnh lấy tiền quân làm hậu quân để ngăn giặc, còn hậu quân biến thành tiền quân tiến thẳng vào sông Đá Bạc đó sao. Ô-mã-nhi nói với về tự phụ. Chợt nhìn các chiến thuyền cứ sát lại gần nhau, Ô-mã-nhi biết nước triều đang xuống mạnh, lòng sông hẹp lại, hai bên bờ bãi rừng cây và lau sậy mọc um tùm, che khuất hết tầm nhìn, viên tướng dày dạn chiến trường này giật mình nghĩ đến trận hỏa công Xích Bích, quân Đông Ngô đốt trụi hết cả chiến thuyền của Tào Tháo, y bèn ra lệnh chỉ để một phần ba số quân ở lại giữ thuyền, còn hai phần ba phải lên trên bờ, chiếm các nơi hiểm yếu mai phục, phòng giặc tập kích hoặc hỏa công. Khen thay Ô-mã-nhi quả là một tướng giỏi, nhưng y không thuộc địa hình, vì rằng đoạn sông y trú quân hai bên tả hữu ngạn đều là rừng sú vẹt dày đặc mọc trên bãi lầy và không có đường bộ có thể đưa được quân vào, thành thử y chỉ làm khổ đám quân mệt nhọc phải thức trắng để đối phó với muỗi độc. Chừng quá nửa đêm nước triều dâng lên ngập cả đôi bờ, ngập tới quá nửa các thân cây của rừng sú vẹt. Quân Nguyên hốt hoảng kéo hết về thuyền.

Đĩa đèn sáu ngọn bắc hắt một thứ ánh sáng lơ mơ lên vách tranh của khuôn lán hẹp, Quốc công tiết chế bồi hồi nghĩ về trận đánh ngày mai. Và ông chợt nhớ khi phải bỏ lại con voi bị thụt bùn tại A Sào, con voi có nghĩa này đã gắn bó với ông, vào sinh ra tử với ông từ cuộc chiến năm Ất Dậu. Chính là con voi mà Chiêu Văn vương đã đưa từ lộ Đà Giang về biểu ông từ năm Nhâm Ngọ (1282). Nhớ lúc phải nói lời vĩnh biệt nó, ta không cầm nổi nước mắt và nó cũng rầu rầu nhìn ta nước mắt chảy giàn giụa lộ rõ vẻ đau buồn. Ta đã rút kiếm chỉ xuống dòng sông thề rằng: “Nếu trận này không giết hết giặc Nguyên, ta không trở lại khúc sông này”. Ta thề với khí thiêng Đại

Việt, nhưng cũng là lời hứa của ta trước sự hy sinh của con nghĩa tượng.

Ngày mai tất cả đều đã sẵn sàng. May sao con nước triều ta mong đợi đang diễn ra đúng như bà lão hàng nước mách bảo, đúng như dân chúng trong vùng mách bảo. Và cũng thật đúng lúc quân thánh dục của hai vua và quân của phủ Chiêu Minh đã đến kịp thời. Đội quân hùng hậu ấy sẽ bịt đường quay lại của giặc. Và cũng là đội quân đánh vào sau lưng giặc khi đại quân của chúng đã vướng vào các bãi cọc của ta.

Hung Đạo là một bậc tướng quán thông, ông có đức giữ được sự bình tĩnh trước mọi nguy nan. Vậy mà sắp lâm trận, một thế trận ông bày sẵn, buộc quân thù phải hành động theo sự sai khiến ngầm của ông - Trận quyết chiến mà dường như ông đã nắm chắc phần thắng. Vậy mà ông vẫn hồi hộp. Ông nhớ trong đời làm tướng dường như đã có một lần ông trải qua cảm giác này. Có lẽ là năm Đinh Tỵ ông nhận mệnh của đức Thái tông đem binh lên trấn biên thù, trong vùng Quy Hóa giang đề cản giặc. Ông đã dạy cho các thủ lĩnh người man là Hà Khuất, Hà Bổng biết cách đánh quân Mông Cổ và trong trận phục kích đề diệt hai vạn quân Thoán-Bạc của Đoàn Hưng Trí theo quân Mông Cổ vào xâm lược nước ta. Cái cảm giác trước khi xảy ra trận đánh hồi ấy, nó cũng na ná như lúc này đây. Nhưng đánh tan hai vạn quân Thoán-Bạc cũng không sung sướng bằng khi đánh quân Mông Cổ tháo chạy trở về Vân Nam, tuy nhiên cái cảm giác hồi hộp thì không còn nữa. Lần này mới thấy lại, âu cũng là một sự lạ.

Quốc công mở bản đồ xem lại nơi bố trí trận địa, tướng nào cầm bao nhiêu quân đánh phía nào, ngăn chặn những chỗ nào, bao bọc ở đâu, tiếp ứng ở đâu, vòng trong vòng ngoài, tiền hậu, tả hữu đều đã bung kín, nay giặc cũng đã dẫn xác vào nơi ông đón lõng, và nước triều cũng đang lên mạnh... Lòng dào dạt niềm phấn hứng, Quốc công bước ra ngoài ngửa mặt nhìn bầu trời sao loáng thoáng. Ông biết ngày mai trời đẹp, có nắng, có thể còn có gió. Tự nhiên ông chấp tay vái Trời, cúi xuống vái Đất rồi vái bốn phương, ông khấn: *“Nước tôi nhỏ bé ở nép một góc trời, luôn bị người phương Bắc hà hiếp lấn xâm. Trời đã cho làm Người ắt cho quyền được sống. Nay dân tôi quyết đòi lại quyền được sống ấy. Nếu thiên lý chỉ công xin cho tôi giết hết bấy quý dữ đem lại cuộc sống yên bình cho người lương thiện. Xin các bậc tiền nhân và hồn thiêng sông núi phù trợ cho quân ta ngày mai vào trận được toàn thắng, quyết lấy máu giặc để rửa hờn non nước, giữ cho xã tắc được vững bền”*.

Lòng thanh thân Quốc công vào trong lán cuốn lại búi tóc cho thật chặt, quấn chiếc khăn vành dây bằng nhiều giắt mối chặt chẽ, đoạn ông cởi áo ngoài mặc giáp hộ tâm áp sát vào lồng ngực, ngoài phủ chiếc áo dài lưng đến đầu gối màu nâu bạc.

Quốc công khoác lên vai một cây cung, một giỏ tên rồi với tay lên giá lấy cây trường kiếm đeo bên sườn trái. Ông sai đưa thư nhi đi gọi Yết Kiêu, Dã Tượng.

Hai người vừa ló vào, ông vội hỏi:

- Ta muốn hỏi các con, trước khi vào trận các con có nhận thấy điều gì khác không?

- Dạ từ khi được tin quân ta bịt chặt sông Giá buộc đại quân của Ô-mã-nhi phải vào hết sông Đá Bạc, con mừng quá, khi đêm suýt mất ngủ. - Yết Kiêu nói.

Dã Tượng cũng thưa:

- Bẩm đức ông mấy đêm nay con mất ngủ vì các vong nó kêu ai oán quá, vong nhiều vô số kể, tiếng nó sà xuống sát mặt đất rồi, chắc trận này giặc chết nhiều lắm đây.

Quốc công gật đầu: - Chắc vậy! Nhưng các con đi ngủ tiếp đi, bây giờ mới gần cuối giờ sừu, ngủ được tí nào hay tí đó. Trận đánh chắc không ngoài dự liệu.

Hai người không chịu đi ngủ lại, bởi cũng chẳng còn mấy nữa thì trời sáng.

Quốc công lại hỏi:

- Đỉnh nước triều hôm qua có ngập hết cọc không?

- Dạ cọc ở gần bờ thì ngập xâm xấp nhưng đã có cò lác phủ lên, người vô tình không thể biết. Còn các bãi cọc đóng ở cửa các sông Chanh, sông Kênh, sông Rút phải hơn một gang tay nữa mới ngập.

- Dạ, tất cả đều đúng như Quốc công chỉ dẫn, - Yết Kiêu nói.

- Phải, hôm nay mừng tám tháng ba mới là đỉnh con nước triều, nó cao hơn đỉnh hôm qua tới hơn hai sải tay kia. Cả mùa xuân chỉ có con nước triều mừng tám tháng ba là cao nhất. - Quốc công giảng giải.

Gần sáng thấy nước sông dâng cao, mấy viên đô tướng vội vào đánh thức Ô-mã-nhi bẩm báo. Y vén rèm nhìn xuống mặt sông, quả đúng như lời các viên đô tướng.

Ô-mã-nhi sai lập tức truyền lệnh:

- Nước sông đang cường, phải cướp thời gian để thoát ra biển. Bữa sáng, bữa trưa hôm nay các đô tướng phải cho quân ăn no, nhưng ăn bằng lương khô, vừa đi vừa ăn.

Khoảng giữa giờ dần, đại đội binh thuyền của Ô-mã-nhi đã tẩm tấp khởi hành. Bữa nay chúng đi trong câm lặng chứ không trống gióng cờ mờ như hôm trước.

Đại quân thủy bộ của hai vua Thánh tông, Nhân tông và Chiêu Minh vương đóng cách quân Nguyên chỉ năm, sáu dặm theo đường chim bay trong một khu vực giặc khó có thể ngờ, nhưng vẫn cho quân thám dò theo, giám sát chúng rất chặt chẽ. Chợt thấy hậu quân của Ô-mã-nhi rục rịch, quân ta cũng chuẩn bị lên đường.

Nước triều đang xuống, binh thuyền của giặc đi khá nhanh, khoảng đầu giờ thìn, tướng Nguyễn Khoái dẫn khoảng năm mươi chiếc khinh thuyền từ trong cửa sông Chanh tiến thẳng về phía thuyền giặc còn đang ở phía mờ xa. Chưa một canh giờ sau, hai bên đã nhìn rõ nhau. Nguyễn Khoái phát cờ cho đoàn thuyền dàn hàng ngang xông thẳng vào đoàn chiến thuyền hùng hậu của Ô-mã-nhi khiêu chiến.

Giặc thấy lực lượng quân ta nhỏ bé tới thăm hại mà dám liều lĩnh gây sự chẳng khác lũ thiêu thân, chẳng khác con kiến gió đòi thách đấu với cả đàn voi. Ô-mã-nhi sai quân tức tốc truy đuổi để bắt sống.

Thuyền giặc to lớn cồng kềnh di chuyển khó khăn, trong khi thuyền của quân ta nhỏ nhẹ thoát lui thoát tới, chạy vòng chạy vào nhưng luôn giữ một khoảng cách ngoài tầm tên bắn. Giặc tản thuyền ra kín mặt sông quyết bắt sống cho bằng được đám thuyền kia.

Chừng đã sang giờ ty, nước triều xuống rất nhanh. Từ trên cao quan sát, Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương thấy thuyền giặc đã vào sâu, ông hạ lệnh cho nổ pháo hiệu và đốt khói khắp triển sông cho Nguyễn Khoái biết.

Nhận được lệnh, Nguyễn Khoái phát cờ thu quân rút chạy trở lại sông Chanh và trốn trú nơi phía bãi Yên Giang. Thuyền giặc ầm ầm lao đuổi giữa lúc nước triều xuống mạnh, cọc ngầm chỉ còn cách mặt nước vài gang tay, dòng nước hút thuyền giặc như nước chảy qua miệng phễu. Những chiếc đi đầu đã va vào hàng cọc chắn ngang sông. Vài ba chiếc bị xô gãy, thuyền đắm khiến những chiếc đi sau vấp nhau chông đồng. Những chiếc tiếp sau hăm kịp, giăng giăng trùng điệp trước cửa sông.

Đúng lúc này hai bên bờ sông dân binh nổi trống đồng, trống cái lại thêm tiếng kèn, tiếng tù và rúc inh ỏi, tiếng hô “Sát Thát” vang vang. Và Phạm Ngũ Lão dẫn đội hỏa công chừng hơn một trăm chiếc thuyền nan chắt đầy cỏ khô, diêm tiêu thả xuôi dòng nước triều đang rút mạnh. Mỗi thuyền chỉ có một người cầm lái núp sau đồng cỏ chất cao ngất ngêu, và khi chỉ còn cách thuyền giặc chừng vài trăm sải tay thì nhất loạt phóng hỏa thả cho thuyền trôi, còn các chiến binh thì nhảy xuống nước lặn vào bờ. Cùng lúc Nguyễn Khoái dẫn quân quay trở lại, thuyền quân ta ẩn trong các khe lạch nhất tề xông lên áp sát thuyền giặc. Các tướng Trần Toàn, Nguyễn Chế Nghĩa ba bề bốn bên dẫn quân ập tới. Giặc quay cuồng tháo chạy va vào bãi cọc Yên Giang lúc này đã chạm sát đáy thuyền. Nước rút nhanh, số thuyền giặc bị cọc đâm thủng đáy hoặc bị cọc ngáng mỗi lúc mỗi vón lại nhiều thêm. Những chiếc thuyền nan bốc cháy bùng bùng và như có trời phù, tự nhiên gió tây nam lại nổi, đẩy những chiếc thuyền lửa phi nhanh như tên bắn, và chúng giăng thành hàng như một vành đai lửa ôm lấy các chiến thuyền quân Nguyên đang giã giụa tháo chạy. Cơ mạn nào là thuyền giặc bốc cháy, biển sông Chanh thành dòng sông lửa thiêu xác đội quân xâm lược của thiên triều. Từ các thuyền bị cháy, giặc nhảy ào xuống sông hoặc nhảy sang các thuyền chưa bị cháy, chưa bị đâm.

Lúc này quân ta đang xông vào hỗn chiến với quân giặc. Thuyền nhỏ dễ len lách trong các hàng cọc, quân ta dùng câu liềm giật đứt cổ từng tên giặc, dùng giáo cán dài xĩa giặc trên các mạn thuyền của chúng cao hơn. Và cuối cùng là quân ta đổ bộ lên thuyền giặc dùng mã tấu, đoản đao mà đâm mà chém, hàng chục thuyền giặc lao vào bãi cọc ven bờ, cọc xuyên thủng, thuyền không nhúc nhích, giặc lóp ngóp kéo nhau lên bờ. Phạm Ngũ Lão đã ém binh chờ giặc từ lâu. Khi chúng vừa ló cổ lên đã bị quân ta chém rụng đầu, hàng trăm chiếc đầu cùng rụng một lúc, máu phụt lên thành dòng đỏ tươi. Giặc bị chém hết lớp ấy đến lớp khác tới khi những tên ập ụ ở phía sau chợt nhận ra số phận những kẻ ngoi vào bờ, chúng liền quay lại nơi những chiếc thuyền đắm. Lập tức hàng ngàn tay cung nổ từ trên bờ bắn xuống. Dòng sông lúc này đã biến thành dòng sông máu đỏ lôm. Lửa vẫn cháy rừng rực, quân ta và quân thù đang hỗn chiến trên nhiều chiến thuyền giặc khi nó đang tìm cách tụm lại với nhau. Tiếng sắt thép chém vào sắt thép nghe ghê rợn, tiếng kích gậy, tiếng đao chém khi thì bay đầu khi thì bay binh khí giặc. Quân giặc tuy cố sức chống đỡ, nhưng chủ yếu chúng tìm đường hòng chạy thoát. Trong khi tiếng khua gươm, tiếng thúc dục của các loại nhạc khí sắc nhọn như những mũi tên, những tiếng sấm tiếng sét cứ đâm vào tai vào óc

giặc khiến tâm thần chúng trở nên hoảng loạn, thành thử cùng một lúc giặc vừa phải chống đỡ với giáo gươm vừa phải chống đỡ với âm thanh của quân ta. Những diễn binh trợ chiến cũng xông lên giết giặc hăng hái không kém quân triều đình. Những đồng lửa ngùn khói bốc cao khắp các triền sông do các đội bạch đầu ông, các đội trạo nhi đốt lên uy hiếp giặc khiến chúng cảm thấy đang mắc vào thiên la địa võng, cùng đường hết kếp.

Binh thuyền giặc tranh cướp nhau mở đường máu tháo chạy, một số đã đạt sang sông Kênh, sông Rút nhưng các cửa sông này đều đã có cọc chắn, nước rút cạn, cọc nhô cao, chúng đang định quay mũi thuyền trốn chạy liền bị các tướng Đỗ Hành, Nguyễn Khoái, Nguyễn Chế Nghĩa với vô số chiến thuyền đang khép vòng vây. Cũng như khu vực sông Chanh, hai bờ sông Kênh, sông Rút hàng trăm đồng lửa ngùn khói bốc cao và các âm thanh nhạc khí cùng tiếng hô “Sát Thát” bám riết lấy quân thù. Cuộc giao chiến buộc quân thù phải tiếp nhận cách đánh mà nó không có quyền chọn lựa, và giống như con thú cùng đường, giặc phải kháng cự để giành lấy sự sống. Còn quân ta đã nuôi chí căm hờn từ bao ngày ân hận, nay mới có dịp trút lên đầu ngọn giáo lưỡi đao. Vì vậy cuộc chiến diễn ra cực kỳ ác liệt, giăng co, níu kéo. Có những chiến binh vừa trông được lưỡi câu liềm vào cổ tên giặc liền giật phắt một cái, đầu giặc đã rơi lăn lóc trên sạp thuyền, máu từ cổ nó phun thẳng đứng như một chiếc vòi rồng trước khi thân nó ngã vật xuống. Dùi nhọn, giáo đâm, đao chém, kích, búa những tiếng kim khí va nhau tóe lửa, những lưỡi đao đỏ lòm cứ vung lên hạ xuống loang loáng, những tấm thân trần đóng khố lao vào ôm cổ giặc hoặc húc đầu vào bụng nó, để cả hai cùng lặn xuống sông, và dim những tên giặc Bắc khiến nó sặc sụa sùi bong bóng lên mặt nước, trước khi người lính Việt ngoi lên. Những tiếng va đập đối kháng tưởng như không bao giờ dứt. Trời đất dường như cũng đau đớn với nỗi đau của con người nên tối sầm lại. Một lát sau nắng lại bùng lên soi thấu cả dòng sông đỏ lòm máu. Giặc núng thế tháo chạy. Quân ta bám riết, và lại thuyền của ta nhỏ, quân ta no đủ, nuôi sức nuôi chí từ lâu nên thừa thắng rượt đuổi. Nhìn phía trước có dãy núi trải dài, Trương Ngọc, Phần Tiếp sai quân mở hết tốc lực vượt lên chiếm lấy điểm cao để hỗ trợ cho Ô-mã-nhi kháng cự. Vừa đúng lúc quân thánh dục của hai vua, quân tinh nhuệ của phủ Chiêu Minh, và cả quân diễn binh do Nguyễn Xuân thống lĩnh theo vua ra đi từ Hiệp Thạch cũng sát cánh vào trận.

Từ trên đài cao quan sát thấy giặc đã bị đánh lui ở phía Ghềnh Cốc, sông Kênh, sông Rút đang dồn về cả Trảng Kênh, Quốc công sai Phạm Ngũ Lão đem ngay chiến thuyền đi tiếp ứng. Đoàn binh thuyền của Phạm Ngũ Lão từ bãi Yên Giang sông Chanh phải gạt xác giặc, tránh những chiến thuyền giặc đắm ngổn ngang đang làm ùn tắc dòng sông để lấy đường đi ứng viện cho cánh quân của Trần Quốc Bảo bên Trảng Kênh.

Trương Hán Siêu đứng cạnh Phạm Ngũ Lão trước mũi thuyền nhìn về phía đang diễn ra trận chiến, thấy bầu trời u ám, khí bốc lên mờ tối liền nói:

- Anh Ngũ Lão nhìn kia, cả chục dặm chiến trường mờ mịt.

Phạm Ngũ Lão vẫn căng mắt dõi nhìn về phía đó.

Về tiếc nuối, Hán Siêu lại nói:

- Anh Ngũ Lão có thấy cái khiếm khuyết nhất của Quốc sử viện là đã không cử một ai đi cùng chúng ta vào trận, để tận mắt thấy

sự cam go ác liệt trong việc giữ gìn quốc thổ, phải hao tổn máu xương như thế nào. Tôi cam đoan với anh, ngàn năm hồ để có được một trận thắng quy mô và oanh liệt như thế này. Chỉ tiếc Lê sử quan tuổi đã cao không còn đủ sức theo quân như cuộc kháng Nguyên năm Ất Dậu. Rồi đây mà xem, họ sẽ chép biên vào quốc sử rất sơ sài, đôi khi còn lộn xộn hoặc bỏ sót, hoặc mù mờ. - Ngũ Lão, ý anh thế nào?

Phạm Ngũ Lão vẫn không rời mắt nhìn về phía bầu trời mờ xám, nơi trận đánh đang diễn ra khốc liệt, ông rút lá cờ lệnh nơi mũi thuyền phất ba lần, tức là ông thúc quân tiến nhanh hơn nữa. Chứng tỏ ông không hề nghe biết những điều Hán Siêu vừa nói. Đoạn Ngũ Lão nhắc chiếc mũ trụ tết mũi bằng da dê để tránh tên từ đầu mình úp lên đầu Trương Hán Siêu và nói:

- Anh vào trong khoang thuyền mà quan sát. Phải giữ lấy cái này thời mới có thi văn. Nói đoạn, Phạm Ngũ Lão vỗ nhẹ tay lên đầu Trương Hán Siêu và khẽ đẩy ông vào phía trong.

Giặc đang áp sát thuyền vào dãy núi Tràng Kênh, chúng đang loay hoay chọn chỗ đổ quân lên. Phan Tiếp, Trương Ngọc đang hò hét xua quân lên bờ. Thương thay những tên giặc vừa đặt chân xuống đất, nhiều đứa còn chưa kịp đặt cả hai bàn chân tiếp đất đã bị hàng ngàn mũi tên từ nỏ liên châu bắn xuống khiến chúng gục ngã. Quân ta từ trên sườn núi ào xuống, hai bên giáp chiến kiên cường, giặc cố đổ quân lên để tìm nơi ẩn trốn bởi các chiến thuyền của chúng đã bị quân ta bọc kín phía sau không có phép lạ nào có thể thoát ra được. Lại nữa, những máy bắn đá, những song sáo, ngũ sáo pháo đặt trên cao cứ nhằm vào thuyền giặc mà bắn như bắn vào những tấm bia cố định, nên ít khi sai chệch. Phạm Ngũ Lão đã dẫn quân đến kịp phối với quân thánh dục, quân của thượng tướng Trần Quang Khải, quân của các tướng Nguyễn Khoái, Trần Toàn, Đỗ Hành, Nguyễn Chế Nghĩa đánh rất rất ở phía sau lưng giặc.

Ô-mã-nhi tự mình chỉ huy quân sĩ kháng cự. Tên phù thủy Nguyễn Bá Linh đầu tóc rũ rượi, một tay cầm chiếc bùa đồ to như chiếc chảo màu đỏ chói, tay kia cầm một bầu hồ lô lấp lánh ánh bạc sát cánh bên Ô-mã-nhi, miệng y luôn lầm nhảm đọc thần chú.

Ô-mã-nhi nửa tin nửa ngờ, thỉnh thoảng lại giục:

- Pháp sư ra tay đi chứ!

Phía bên sườn núi, Phan Tiếp đã nhảy được một chân lên bờ. Trần Quốc Bảo kịp xông đến bỏ một nhát đao lên đầu, hấn né tránh, lưỡi đao phập xuống khiến sã một bên cánh không gượng nổi liền lăn xuống sông, quân ta dùng câu liềm móc lên bắt được.

Quân Nguyên mất tướng hoảng hốt lùi thuyền ra xa. Tên ở trên bờ vãi xuống như mưa, và các máy bắn đá, các loại pháo cứ liên tiếp rót vào đầu giặc, quân giặc chết xác chồng lên xác, máu chảy đỏ cả nước sông.

Tại một đoạn khác, viên vạn hộ Trương Ngọc dẫn đầu một toán quân nhảy lên bờ, lập tức chúng bị chặn lại bằng nỏ liên châu với tên tẩm độc, Trương Ngọc chết gục ngay trên bờ cùng với đám quân vừa rời thuyền. Thuyền giặc lại hốt hoảng quay ra. Lúc này khắp nơi đều rung lên tiếng “Sát Thát” cùng tiếng trống đồng, tiếng chiêng, tiếng tù và. Từ đâu đó bật lên tiếng hét:

- Bắt lấy Ô-mã-nhi!

- Giết chết thằng giặc già Ô-mã-nhi!

- Ô-mã-nhi phải đền tội ác!

- Ô-mã-nhi... i...!

Cùng lúc Nguyễn Khoái, Phạm Ngũ Lão nhảy lên thuyền Ô-mã-nhi, hấn cời trần, toàn thân vấy máu, tay lăm lăm chiếc thuẫn cán dài, mắt ngầu đỏ nhìn hai viên võ tướng Đại Việt. Tướng Đỗ Hành cũng vừa xốc tới, cả ba người cùng khổng chế Ô-mã-nhi. Các tướng Đỗ Hành, Nguyễn Khoái và Ngũ Lão đều nghi tên này là Ô-mã-nhi nên muốn bắt sống, các tướng đều cảnh giác xem hấn có dám ra tay động thủ. Tên phù thủy giậm mạnh gót chân hú lên một tiếng man rợ. Nguyễn Khoái gươm dao chém chéo thân tên giặc cô quái khiến thân nó xề lằm đôi và cả chiếc hồ lô trên tay nó cũng vỡ toác. Máu trên thân nó tóe ra đỏ tươi và từ chiếc hồ lô phụt ra một luồng khí trắng [84].

Ô-mã-nhi kinh hoàng về nội lực của viên tướng trẻ Đại Việt, y nhích dần hai bàn chân lùi về phía vách thuyền giữ thế thủ trong khi quân của y đã bị quân ta hạ sát không còn một mống nào trên thuyền. Dường như y không có ý kháng cự.

Phạm Ngũ Lão chỉ tay vào chiếc thuẫn y đang cầm trên tay ra hiệu cho y buông xuống. Ô-mã-nhi buông cả hai bàn tay, chiếc thuẫn rơi bịch ngay dưới chân y.

Nguyễn Khoái sai quân vào trói. Ô-mã-nhi nhếch mép cười đau đớn. Y không chống cự.

Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái sai lấy một con thuyền nhẹ dẫn y vào trong khoang có hai mươi người lính có võ thuật canh phòng. Cả ba tướng Đỗ Hành, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái tự dẫn tên tù binh nguy hiểm vào bậc nhất này đến báo tiếp trước hai vua.

Quân giặc còn lại hết thấy đầu hàng trong đó có một thuyền còn nguyên vẹn chở viên Tích-lê-cơ.

Tên này điềm đàm nói y là bậc thân vương, em họ Hốt-tát-liệt, chú của Thoát-hoan.

Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự Hưng Đạo vương vội đi thuyền nhẹ tới ra mắt hai vua và tâu báo việc quân ta toàn thắng. Hưng Đạo nói:

- Tàu thượng hoàng, tàu quan gia, nhờ hồng phúc của tổ tông cùng khí thiêng sông núi, cánh quân phía đông của giặc không một chiếc thuyền nào, không một tên giặc nào trốn thoát.

Xin thượng hoàng và quan gia đem tù binh về Thăng Long chuẩn bị làm lễ hiến phù, thần xin phép lên biên thùy chỉ huy việc bắt giặc.

XVII

Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư, Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tăng đem quân phục kích từ Cửa Lục đến Vân Đồn nhằm đón đánh cánh quân Ô-mã-nhi rút chạy, nhưng tuyệt nhiên không có một chiến thuyền, một tên quân lọt được qua cửa Bạch Đằng. Kịp khi các vương được tin quân ta đã tiêu diệt và bắt sống hoàn toàn cánh quân thủy của giặc cũng là lúc nhận được mệnh của Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự Hưng Đạo vương:

“Đem hết quân bản bộ, ngày đêm đi gấp lên các ải Đình Lập, Lộc Châu để đón bắt Thoát-hoan”.

Lại nói sau khi xa giá và quân thánh dực hồi kinh, các tướng khác đều cấp tốc dẫn quân lên biên thủy truy đuổi giặc, việc thu dọn chiến trường trao lại cho các binh đội của địa phương cùng điền binh các hương ấp quanh vùng.

Trương Hán Siêu không về kinh sư cũng không lên biên ải, ông ở lại vì muốn thăm lại chiến trường.

Chiến trường kết thúc vào khoảng gần cuối giờ thân ngày mùng tám tháng ba, lúc ấy mặt trời đã rơi về phía bên kia ngọn Yên Tử. Sớm nay tuy còn rất mệt định ngủ cho đầy giấc, nhưng trời vừa hừng sáng, Trương Hán Siêu đã bị lũ quạ đánh thức. Và không biết từ đâu chúng bay về rợp trời và kêu réo như một sự reo vui. Tự nhiên như có mùi tanh tươi tràn ngập cả không gian. Và hình ảnh những tên giặc máu chảy vọt lên như những con lợn, con trâu bị chọc tiết tủa ra ào ào đỏ xuống nhuộm đỏ cả dòng sông, khiến dòng sông của cá tôm và bờ bãi trở thành dòng sông máu. Tất cả những sự ghê rợn của trận chiến ngày hôm trước cứ hiển hiện trong đầu óc buộc Trương Hán Siêu phải vùng dậy. Ông lên ngựa và đi thăm lại chiến trường.

Càng gần tới khu vực bờ sông, mùi tanh tươi càng đậm đặc. Vật đầu tiên trông thấy từ xa là những đàn quạ, chúng bầu lại từng đám đen sì trên mặt sông, hoặc đậu trên đỉnh các cột buồm của những chiếc thuyền đắm và chúng vẫn lũ lượt bay về.

Trương Hán Siêu ghim cương ngựa trên bờ, nơi gần sát với bãi cọc lớn nhất ở ba bãi cọc nằm trong khu vực sông Chanh. Hôm nay nước cạn trơ ra bãi cọc nằm im lìm bất động. Xác đắm bảy chục con thuyền cháy nham nhở, một số thuyền bị cọc đâm vào vỡ toác, một số khác bị cọc xuyên thủng đáy, thuyền bị đắm tại chỗ không nhúc nhích, tựa như một võ sĩ thượng thừa dùng hết công lực phóng ngọn giáo xuyên suốt con vật và găm nó vào một thân cây vậy.

Nhìn những con thuyền đắm nằm ngổn ngang, những xác giặc bị ghim vào cọc, bị kẹt giữa hai con thuyền hoặc những thân người nằm phơi ra ngoài bãi còn đầu bị mắc vào chùm rễ sú; đây đó những mảnh vỡ của thân thuyền, rải rác khá nhiều những cây kích bị cong, những cán giáo gãy và cả những chiếc đầu lâu lẫn lóc dưới chân hàng sú vệt. Những thân người ấy không phải tất cả đều là xác giặc. Lòng ngùi ngùi, Trương Hán Siêu lội xuống bãi lật ngửa mấy xác người chết, ông chưa nhận ra được gương mặt nào là gương mặt

Việt bởi phần nhiều các gương mặt đã trương lên, đã biến dạng. Cởi hàng khuy áo một người lính chết thấy hờ ra một chiếc bùa thấm nước, ông khéo léo đem tới vũng nước tờ dân ra đọc được hàng chữ triện: “Tô sư sắc lệnh trấn”. Hóa ra đây là bùa hộ mệnh của đám quân người Hán.

Trương Hán Siêu lên ngựa nhìn về phía cửa sông Chanh, thấy có nhiều người đi lại, ông bèn phóng ngựa tới đó.

Một cảnh tượng tan hoang thật là khủng khiếp. Một hàng cọc chắn ngang sông như cọc đáy thuyền chài và hai bãi cọc ở hai bên tả hữu dòng sông đều đã nhô cao. Nước cạn, dòng sông hẹp lại. Một đồng thuyền cháy nham nhở, và thuyền va vào cọc bị đắm nằm chen chúc nhau chặt cả dòng sông. Trên mặt nước dật dờ những tấm ván sập thuyền cùng cả một bè xác chết len lách giữa các con thuyền đắm hoặc bập bênh bên mép nước, tất cả đều bị ngáng lại trước hàng cọc vắt ngang sông. Một dòng sông chật cứng xác người và xác thuyền kéo dài tới mấy dặm.

Trương Hán Siêu rùng mình. Hôm qua là dòng sông máu. Hôm nay là dòng sông xác. Những điển binh và quân sĩ đi thu dọn chiến trường, lượm thây từ sĩ đã khiêng tới cả trăm cỗ quan tài đặt trên bờ sông, và họ còn tiếp tục khiêng ra nữa.

Đội quân thu dọn chiến trường chắc phải đánh nhau với bầy quạ mới lấy được xác người. Cơ man nào là quạ. Cứ chỗ nào thấy đen kịt, ấy là quạ đang xúm lại rỉa xác chết. Có những con lồi được cả một khúc ruột dài đậu tít trên đỉnh cột buồm mà rĩa.

Những người lính đang đẩy thuyền đi lượm xác. Trương Hán Siêu hỏi viên đô tướng:

- Làm thế nào để phân biệt quân ta với quân giặc?

- Bẩm ông, quân ta từ sĩ tốt đến điển binh đều xăm hai chữ “Sát Thát” vào cánh tay, để nhận lẫn ạ. Còn quân giặc là người Hán đưa nào cũng đeo bùa hộ mệnh. Viên đô tướng đáp.

- Vẫn có người chưa kịp xăm “Sát Thát” thì sao?

- Dạ, có nhiều cách nhận ra người mình lắm, tướng quân khỏi lo.

Trương Hán Siêu để ý, những con thuyền cắm cờ Đại Việt và có bình hương đang bốc khói, ấy là thuyền lượm thây các từ sĩ Đại Việt. Còn thuyền chỉ có cờ đen, ấy là thuyền lượm xác giặc. Ông dõi nhìn và nhận ra cứ năm bảy thậm chí cả chục xác giặc mới có một người bên mình.

Phóng tầm mắt nhìn bãi chiến trường bao la, Trương Hán Siêu thốt lên:

- Giặc đã làm rách nát, làm ô uế cả dòng sông. Lặng lẽ cúi đầu và chấp tay vái các liệt sĩ đã bỏ mình vì nước, ông quay ra dắt ngựa thả bộ, vừa đi vừa ngẫm nghĩ: - Như một giấc mơ, giờ này hôm qua trận chiến mới vào hồi ác liệt. Giờ này hôm nay đã sạch bóng quân thù, đất nước đã yên bình. Thật là kim cổ đệ nhất chiến công.

Lại nói đại quân Thoát-hoan rút khỏi Vân Kiếp, y được biết Hưng Đạo đã sai ba mươi vạn quân chặn hết các đường trở về của

quân Nguyên, khắp nơi đều có quân mai phục, có bầy ngựa và quân Việt còn đào cả hầm xia ngựa ven núi trên đường thiên lý. Thoát-hoan sai viên hữu thừa A-ba-tri là một tướng mưu lược toàn tài dẫn quân kỵ đi trước mở đường cho quân bộ theo sau. Nhưng vừa ra khỏi doanh trại chưa được mười dặm đã phải dừng lại đánh nhau. Khác với khi quân Nguyên mới tràn vào cứ như đi vào chỗ không người ở, các cửa quan quân Việt tuy có chống trả, nhưng đó là sự chống trả yếu ớt, cầm chừng rồi tháo chạy. Trái lại, bây giờ phải giành giật với họ từng tấc đất mới có đường đi, cho nên việc lui quân rất chậm chạp.

Thoát-hoan mới đưa được hơn hai chục vạn quân qua sông Bình Giang, tiền quân gần tới ải Nội Bàng thì bị quân Đại Việt chặn lại. Viên hữu thừa A-ba-tri với năm ngàn kỵ binh cùng hàng vạn quân bộ theo sau, đánh nhau từ sáng tới quá trưa vừa đói vừa mệt mà tiền quân không nhúc nhích được bước nào, đôi ba phen bị đẩy lùi rồi người chết, ngựa chết lẫn quay. Xác người, xác ngựa chồng đống lên nhau ngáng trở đường quân đi.

Thấy tiền quân không nhích lên được, Thoát-hoan sai Áo-lỗ-xích phái thêm viện binh hợp lực với A-ba-tri để thoát khỏi Nội Bàng mới có đường chạy tiếp về đất Trung Hoa.

Thấy có quân tiếp viện, A-ba-tri gom nhanh số quân còn lại thúc chúng tiến lên. Nhưng xem ra cả người và ngựa đều đói và đã mệt nhọc, quân uể oải không đứa nào chịu tiến. Để làm gương cho binh sĩ, A-ba-tri hét một tiếng thật to rồi b上马 lao về phía trước. Quả nhiên đám kỵ binh đều lao theo chủ tướng.

Quân Đại Việt ngăn cản quyết liệt, không biết họ ở đâu và từ đâu bắn ra, chỉ biết bốn phía, phía nào cũng có tên bay về phía kỵ binh Mông Cổ. Cùng một lúc A-ba-tri trúng ba mũi tên độc. Một mũi cắm trên đỉnh đầu, một mũi xuyên từ cổ ra phía sau gáy, mũi thứ ba xoáy vào đùi sau khi đã xuyên thủng lớp quần da. Loáng một cái mắt A-ba-tri đã sưng húp lên, da tím đen văng từ trên mình ngựa xuống chết không kịp ngáp. Quân Nguyên hoảng hốt, người ngựa lùi lại rất xa. Chúng vốn lại với nhau như một bầy kiến gặp nước, chứ không dám tản ra hai bên đường là những rừng cây rậm rạp tối om. Trong khi đó, tiếng trống đồng, tiếng tù và, tiếng kèn vẫn cứ sôi sục từ mọi phía khiến tâm thần quân giặc càng thêm bồn loạn.

Thấy tình thế nguy ngập, bình chương chính sự Áo-lỗ-xích cùng mấy ngàn quân tinh nhuệ phải luôn đi sát để hộ vệ Thoát-hoan. Viên thân nỗ Giả Nhược Ngu xông vào chống đỡ, che chắn cho chủ tướng và y không dám rời khỏi Thoát-hoan nửa bước.

Các viên vạn hộ hầu Lưu Thế Anh, Đa-ra-tri dẫn quân lên, liều chết mở đường máu mới dẫn Thoát-hoan qua cửa tử Nội Bàng. Vừa qua Nội Bàng được vài dặm thì được tin quân Đại Việt đã án ngữ dày đặc ở cửa quan Nữ Nhi và núi Khâu Cấp. Trên một trăm dặm đường thiên lý không nơi hiểm yếu nào là không có quân Đại Việt mai phục, còn hồ bầy ngựa thì rải rác không biết đâu mà lường. Sự thật số ngựa sa hồ kéo theo cả người rải khắp dọc đường không phải là ít.

Quân Nguyên đã bỏ đường Khâu Ôn, nay lại bỏ cả đường Khâu Cấp tìm qua đường Đơn Kỳ để vượt về Tư Minh qua ngã Lộc Châu. Nhưng không một nơi nào giặc tìm được sự yên ổn. Ngay các đầu mục người man, lúc giặc mới vào họ cho quân tản vào rừng, nay họ cũng tập hợp lại đón đánh quân giặc bằng mọi loại khí giới mà họ được triều đình cung cấp hoặc họ tự chế ra.

Xác giặc rải trên đường vô số kể. Bị đánh ở bất cứ chỗ nào, chúng đều liều chết cướp lấy đường mà chạy, chứ không dám dừng

lại giao tranh hoặc chia quân vây hãm đôi phương như hồi chúng mới đem quân vào đất Giao Châu cách đây mới có hơn ba tháng.

Vừa qua Đơn Kỷ được vài dặm thì trời đổ tối, cũng là lúc giặc rơi vào ổ phục kích của quân ta. Tại đây không có lửa đốt, không có tiếng trống tiếng kèn thổi thúc, chỉ có sự tĩnh lặng đến ghê rợn. Con đường độc đạo heo hút len lách một bên là rừng rậm một bên là vách núi tối om như một chiếc bẫy khổng lồ. Tiếng ngựa thở phì phì, tiếng chân giẫm đạp của đoàn quân trên lớp lá khô mục đều bị rừng đêm nuốt chửng.

Mấy chục vạn quân như một con rắn khổng lồ mà đầu, mình nhiều khúc đã bị bấm vằm cứ oằn mình trườn đi chậm chạp. Bỗng một tiếng nổ đình tai, ánh sáng lóe lên như một tia chớp rồi tiếng tên vun vút lao tới.

Vậy là bị đánh tạt sườn tại khúc giữa đoàn quân. Giặc hốt hoảng cầm đầu chạy. Bước qua xác nhau mà chạy. Giẫm đạp lên cả những đứa bị thương đang kêu cứu mà chạy. Đang bám riết phía sau Thoát-hoan, Giả Nhược Ngu nghe thấy tiếng xé gió. Biết mũi tên sẽ bay thẳng vào Thoát-hoan, y rướn lên nửa bước ngựa để kịp đưa thân mình ra chắn. Mũi tên xuyên trúng bả vai viên thần nỗ. Khen thay Giả Nhược Ngu có cái tai thần, ngay trong đêm tối cũng “nhìn rõ” đường bay của mũi tên. Đứng là Giả Nhược Ngu có lòng xả thân cứu chủ, nếu không Thoát-hoan đã phải đền tội ác. Vạn hộ Lưu Thế Anh cùng tá thừa Đa-ra-tri dẫn quân liều chết mở đường máu mới thoát ra được.

Chạy được khoảng nửa dặm đường, Giả Nhược Ngu níu áo Thoát-hoan nói giọng thù thù: “Trần Nam vương bảo trọng!”. Viên thần nỗ gục chết trên lưng ngựa.

Thoát-hoan sai quân mang xác Giả Nhược Ngu đi theo và bắt phải giữ lại bộ cung tên mà vị thần nỗ thường dùng.

Lòng trống trải và hãi sợ đến vô cùng, Thoát-hoan nói với Áo-lỗ-xích: “Phải chia quân làm hai ngả không thể dồn hết về phía Lộc Châu được. Đề các tướng A-li, A-ruc, Đa-ra-tri, Trịnh Bằng Phi... dẫn một cánh quân về đường Lộc Châu, ta với ông đem một cánh quân đi về phía đông nam- phía Đinh Lập. Con đường này tuy xa hơn, hiểm trở hơn, nhưng ta tin rằng Hung Đạo không nghĩ tới đâu”.

Thật ra giặc chạy theo đường nào cũng là con đường chết cả. Tới lúc này không chỉ quân chúng hoảng loạn, mệt mỏi mà cả lũ tướng soái cũng hoang mang lo sợ vì đói khát, và cái chết lúc nào cũng cận kề, cho nên chúng phải liều chết cướp lấy đường mà chạy, tự băng bó vết thương lê lết theo quân, đứa nào không đủ sức phải nằm lại ắt sẽ bị bắt hoặc bị chết dọc đường. Tới lúc này thì Trần Ích Tắc quả là một gánh nặng cho Thoát-hoan trên đường tháo chạy, nhưng Ích Tắc lại giữ vai trò khá lớn trong mưu toan xâm chiếm Đại Việt của cha con Hốt-tát-liệt. Vì vậy Thoát-hoan sai bọn tướng soái dưới quyền phải bảo vệ y bằng mọi giá.

Trần Ích Tắc không phải không biết thân phận của mình. Đôi khi cảm thấy tủi thân và không phải không có lúc ân hận vì đã quy thuận thiên triều. Nghĩ lại năm Ất Dậu mệnh nước như trứng để đầu dẫu, như vật nặng ngàn cân treo trên đầu một sợi tóc thể mà Quốc Tuấn lại xoay chuyển được thế nước, biến bại thành thắng, biến nguy thành an không thể không thừa nhận đó là bậc chân tài. Trước đây ta cùng mấy người anh em đều nghĩ Quốc Tuấn có lòng kia khác, hóa ra cả ta và họ đều lầm. Nếu muốn lấy ngôi nước thì sau cuộc chiến năm Ất Dậu sao Quốc Tuấn không nhân đó mà cướp lấy ngay vàng, dù không ưa Quốc Tuấn ta cũng phải thừa nhận anh ấy có lòng trung với nước. Lại tới cuộc chiến tranh này, ta cứ nghĩ theo tính toán của thiên tử (Hốt-tát-liệt), với một đội quân hùng hậu như thế, tướng tài

như thế tưởng phen này sẽ bình xong An Nam, ngôi nước sớm tối sẽ về tay ta, ai ngờ lại hồng cả. Dù thế nào cũng không thể không thừa nhận Quốc Tuấn là bậc tướng siêu tuyệt. Ta đang băn khoăn không biết có nên coi Quốc Tuấn là kẻ thù của riêng ta không?

Quả nhiên Thoát-hoan chạy về nẻo Đình Lập có ít bị đánh hơn, và thường chỉ phải đối phó với lực lượng phục kích nhỏ hơn, Thoát-hoan nghĩ đó là quân man chứ không phải quân triều đình. Dù ít bị đánh hơn, song không vì thế mà Thoát-hoan cho phép đi chậm hoặc dừng nghỉ, mặc dù cả tướng và quân đều kiệt sức. Thoát-hoan thường răn các thuộc cấp: “Gắng về đến Tư Minh ta sẽ cho nghỉ ngơi dưỡng sức. Một cũng phải gắng mà đi. Một chưa hẳn đã chết, nhưng nếu chậm, gặp giặc vào lúc này chắc là chết đấy”. Nghe lời Thoát-hoan, đám tàn quân lê lết đi trong nhọc mệt, đói khát, có kẻ còn mang trên mình nhiều thương tích vẫn bám lấy nhau mà đi.

Khi Thoát-hoan về cách biên giới còn khoảng non chục dặm thì quân chạy ầm ầm từ dưới lên chen chúc nhau vít kín cả mặt đường vốn đã chật hẹp. Hỏi ra mới biết quân Đại Việt do các tướng Trần Khánh Dư, Trần Quốc Tăng đã cắt hậu quân thành nhiều khúc và họ đã cho quân đi tắt lên biên ải để chặn đường về của quân thiên triều.

Nghe xong, Thoát-hoan và các tướng bần rùn hết cả người. Lát sau, dường như đã định thần trở lại, y ra lệnh: “Áo-lỗ-xích dẫn một ngàn quân kỵ đi mở đường, A-ruc lấy một ngàn quân kỵ đoạn hậu. Mặc cho các quân phía sau chống đỡ, bằng mọi cách phải về bên kia biên ải trước khi quân Trần kịp đến”. Vậy là bộ phận đầu não kén lấy đám ngựa tốt, quân khỏe để hộ tống cho chúng chạy thực mạng về đất Trung Hoa.

Khi các tướng Trần Khánh Dư, Trần Quốc Tăng áp sát biên thủy cũng là lúc Thoát-hoan đã chạy sâu vào đất Trung Hoa non chục dặm.

Vậy là trời vẫn còn dung kẻ ác. Các tướng chỉ huy quây đánh và bắt sống bọn tàn quân đang trốn chạy nhiều vô kể. Hai ngày sau trên toàn tuyến biên thủy đã sạch bóng quân thù.

Nói về đoàn thuyền của hai vua mang chiến thắng vang dội trở về Thăng Long có đem theo một ít tù binh là bọn đầu sỏ. Trong đó có Tích-lê-cơ là một đứa thân vương, xin được gặp người có quyền cao nhất ở đây. Vua cho lên thuyền, nhưng không cho biết danh tính. Hối hân qua loa rồi vua sai rót rượu cho y uống.

Sau hai tuần rượu, y nói:

- Tôi là thân vương, bà con với thiên tử, các ông chuyển lời tôi tới quốc vương An Nam.
- Để làm gì kia? Vua Nhân tông hỏi: - Vậy chớ sứ mệnh của ông vào nước tôi để làm gì?
- Chúng tôi tới đây là để thuyết phục quốc vương An Nam vào châu thiên tử.
- Nếu chỉ có việc như thế cần gì phải đem theo mấy chục vạn quân sang tàn sát nước tôi?
- Để răn đe, nếu như các ông chống lại.

- Thế nhưng đội quân đó đã tàn sát dân tôi ngay từ khi nó vừa bước chân qua biên ải. Tàn sát lương dân và cướp bóc, phá, đốt không bỏ sót một thứ gì. Có phải thiên tử muốn triệt nguồn sống của dân tôi, tiêu diệt dân tôi, thế mà lại bảo thiên tử thi ân tới tận cùng trời cuối biển.

- Đúng vậy, thiên tử nhà Đại Nguyên thi ân tới tận cùng trời cuối biển, và chỉ trừng trị kẻ nào chống lại người thôi.

- Tới nay, ngoài những lời nói suông, dân tôi chưa có cơ hội nào được thiên tử mong ân. Và chúng tôi chỉ đánh kẻ xâm lược, bảo vệ lương dân, bảo vệ bờ cõi mà thôi.

- Nay người kia hãy ăn nói thận trọng, - Tích-lê-cơ lên giọng kẻ cả. Y nói tiếp: - Các ông đã dám chống lại binh uy thiên triều làm thiệt hại người, của không biết đầu mà lường. Không những thế còn làm giảm sút cả thiên uy của thiên tử đối với thiên hạ nữa chứ. Vậy các ông liệu đối xử với ta như thế nào đây để ta còn về tàu báo với thiên tử.

- Các ông đem binh vào nước tôi, tàn sát dân tôi, đương nhiên đối với dân nước tôi, các ông là quân giặc rồi. Nay giao chiến các ông lại là bên thua trận bị bắt làm tù binh, ắt các ông sẽ được đối xử như một tên tù binh. Ấy là nước tôi có lượng bao dung, nhân hậu. Thử hỏi nếu các ông là kẻ chiến thắng, có thể nào các ông lại cư xử được như chúng tôi đang cư xử với ông không. Nếu may mắn được quốc vương tôi tha mạng sống trở về Yên Kinh, hãy tâu báo trung thực với thiên tử những điều ô nhục mà đội quân tàn bạo của thiên tử đã làm ở nước tôi.

- Sự thực là các ông đã mưu mô chống lại thiên triều, dám tiêu diệt cả một đội hải binh hùng hậu của thiên tử, mà trước đây đi đánh Nhật Bản đội hải binh kiêu dũng với mười lăm vạn quân cũng đã không trở về, nhưng chỉ có sức mạnh của thượng đế mới làm cho nó thất bại ^[85]. Còn như ông bảo nếu chúng tôi chiến thắng, các ông sẽ không được cư xử như thế này. Đương nhiên là như vậy, đời nào các danh tướng của thiên triều lại có thể ngồi đàm đạo với man di bại trận.

Đến như Trần Nhân tông mà cũng không kim nén được tức giận và sự khinh bỉ đối với tên tù binh ngạo mạn đến lối bạch kia. Ngài quát mắt nhìn đứa tù binh gọi là thân vương, và mắng:

- Người cứ việc tâu lại sự thất bại nhục nhã của đạo quân xâm lược khổng lồ với tất cả những điều mắt thấy tai nghe. Sự tàn bạo đến điên cuồng của kẻ xâm lược và sự đánh trả quyết liệt của toàn dân tộc ta. Và nên nhớ đây là lần thứ ba chứ không phải lần đầu. Người nhớ chứ, lần thứ nhất vào năm Đinh Tỵ (1257), có nhẽ lần ấy người chưa đến tuổi tòng chinh. Lần thứ nhì vào năm Ất Dậu (1285) và lần này là năm Mậu Tý (1288). Người về đọc lại lịch sử chinh chiến của nước người đi. Vào Nhật Bản, người bảo chỉ có thua thượng đế, nhưng xâm lược Đại Việt chỉ có người Đại Việt đánh trả thôi và lần sau lại thua đau hơn lần trước. Có phải Đại Việt là quốc gia duy nhất các người không thể chinh phục. Vì sao ư? Vì dân tộc ta biết tự trọng nên không chịu sống quỳ. Khi đã đụng đến lòng tự trọng của cả một dân tộc, không một kẻ thù nào không bị đánh bại, các người nên nhớ kỹ điều đó.

Vua tôi các người đều không biết liêm sỉ mà chỉ biết lấy thịt đè người. Một nước không lồ như đế quốc Nguyên, trong vòng chưa đầy ba năm đã tiến hành hai cuộc chiến tranh xâm lược cực kỳ man rợ đối với một nước người ít, đất hẹp như nước ta. Chính vì các người

không tuân theo mệnh trời nên trời lia bỏ. Vua người nổi đời tiềm xưng thiên tử nên bị trừng phạt bởi Thượng đế Ngọc hoàng đầu có sinh ra loại con vô đạo đó.

Chi thẳng vào mặt Tích-lê-cơ vương, vua Nhân tông lại mắng: - Ta không hiểu ở cái xứ du mục của các người có gì gọi là cao quý mà người dám ngạo mạn. Tên tù binh kia, người không biết thân phận là một kẻ thua trận, một tên tù binh lại còn vô lễ, xúc phạm, ta không cho phép người được châu hầu mệnh quan nữa. Đây là bài học dành cho kẻ ngạo mạn, hãy nhớ lấy. Nói xong, Trần Nhân tông sai đưa y về giam lại trong chiếc thuyền tù.

Đuổi tên tù binh đi rồi, vua Nhân tông nói với thượng hoàng:

- Bẩm phụ vương, con mắng giặc thế có quá lời?

Thượng hoàng Thánh tông cười độ lượng:

- Không đâu vương nhi. Con nói vậy là phải lắm. Chúng y thể nước lớn cứ mờ mẫm ra là đòi dạy thiên hạ, bắt thiên hạ phải phục tùng, nếu nước nào trái ý là cử đại binh đến thôn tính. Trong khi bài học vỡ lòng lại không chịu học. Vì rằng tạo hóa sinh ra muôn loài, mỗi loài đều có quyền sống mà không loài nào được phép chèn ép, bức bách loài khác. Thế mà cùng trong loài người với nhau, chúng y thể nước lớn đòi lấy đi quyền sống của nước nhỏ, là chúng đã không tuân theo cái luật chung tạo hóa đã an bài, cũng tức như cha vừa nói, là bài học vỡ lòng chúng cũng chưa thuộc lại còn đòi dạy dỗ thiên hạ. Cứ như nhờ Phật dạy thì kẻ nào nói điều ác, làm việc ác, thầy chúng đều thuộc loài trọc trọc chưa tiến hóa, chúng chính là lũ quỷ ác đầu thai làm người để gieo họa. Chúng sẽ phải trả nghiệp, bởi nhân nào quả ấy con ạ. Còn như có sợ y đem những điều con nhểch mắng nó về tâu với Hốt-tát-liệt không. Nếu y dám nói, ta chắc y sẽ mất mạng trước khi Hốt-tát-liệt đem binh xâm lấn ta một lần nữa. Và lại, kẻ đã thua trận có nói điều gì cũng chẳng ai tin. Nhược bằng y dám nói, Hốt-tát-liệt nghe được điều đó càng tốt cho y. Nhưng tốt cho ta hơn, bởi Hốt-tát-liệt sẽ học máu ra mà chết trước khi y có ý định nam chinh.

Ô-mã-nhi cũng nhiều lần đòi gặp người có chức vị cao nhất trong đoàn quân này, nhưng hai vua không cho gặp bất kỳ ai. Còn Phàn Tiếp bị chém sã một bên cánh tay, máu ra nhiều. Sau khi được quân ta buộc bó lại vẫn đau đớn nằm rên như một con chó ốm.

Lý Thiên Hựu viên văn thư ghi chép mọi việc trong quân ở bên cạnh Ô-mã-nhi ôm theo một đồng sở ghi chép về thuyền của thượng tướng Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, lúc này đang được thượng tướng tra vấn.

Trở về Thăng Long nom cảnh tượng thật đau lòng, trước khi giặc chạy về Vạn Kiếp còn kịp gây tội ác, chúng đốt phá hầu hết các điện coi châu và cung thất. Điện Thiên An là ngôi điện khởi dựng từ đầu đời nhà Lý, nhà Trần lại tu bổ và mở rộng vẫn trên nền đất cũ, nguy nga tráng lệ, sứ nhà Tống trước kia và nhà Nguyên sau này đều khen: “Đại điện bên nước tôi cũng không hơn được”, đã tồn tại ngót ba trăm năm bỗng chốc hóa thành tro than phơi ra các mảng tường gạch khói ám đen thui. Ngay điện Chí kính, nhà thái miếu là nơi thờ cúng tổ tông, chúng cũng đốt phá không còn một tí gì. Nhiều nhà dân ngoài phố còn sót lại mời hai vua về ngự, gia chủ nhường hẳn nhà dọn đi nơi khác. Cũng có người may mắn có ngôi nhà thờ họ còn nguyên vẹn mời nhà vua tạm dùng làm nơi coi châu. Sự sẽ chia đùm bọc của người dân với triều đình như vậy khiến vua Nhân tông cảm động, ngài nghĩ những gì triều đình đã làm cho dân là tốt, nhưng quá

thật chưa xứng với những gì người dân đã làm cho nước. Và bản thân nhà vua thâm nghĩ: - Có nhẽ ta phải làm một cái gì khác, đem lại phúc hạnh trường cửu cho con cháu muôn đời sau nữa.

Số giặc bất sống được qua hai đường thủy bộ là hơn mười vạn, còn đang sàng lọc tìm ra những tên cầm đầu, những tướng lĩnh gây nhiều tội ác với dân ta.

Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương xin nhà vua cho phép đưa tất cả tù binh về giam tại hai lộ Thanh Hóa, Nghệ An đã được chấp thuận. Vua Nhân tông đang chuẩn bị cho ngày lễ hiến phủ, có nhiều điều phải cân nhắc nên ngài cho triệu gấp một số đại thần về nghị triều.

Trưởng tộc coi sóc ngôi nhà thờ họ là một cụ già ngoài bảy mươi tuổi lưng còng, râu bị mấy thằng giặc đốt, cằm bóng còn đang sung tấy, tóc bạc phơ, tay chống gậy trúc, chân đi đôi dép mo ngược cặp mắt lơ đãng nhìn viên đô úy đô tùy long nói:

- Thầy đô úy, kể cũng còn nhờ phúc ầm tổ tiên và hồng phúc của nước, nên thân già này chưa bị giặc giết và ngôi tổ đường này cũng không bị giặc đốt. Nay vì nạn nước triều đình mới cần đến, vậy già xin giao lại chìa khóa nhà cùng các thứ vật dụng hiện có để các ông tiện dùng. Khi nào triều đình khôi phục xong cung điện chúng tôi mới dám xin lại.

Viên đô úy lễ phép cúi xuống nhận chùm chìa khóa từ tay cụ. Cụ già lại nói thêm:

- Gọi là khóa, chứ thực già này chưa dùng đến bao giờ, bởi trong đó thuần có đồ thờ, già chưa từng thấy kẻ nào dám lấy trộm đồ thờ.

Viên đô úy kính cẩn hỏi:

- Thưa cụ, chắc thời gian triều đình mượn cũng hơi lâu, vậy khi nào có giỗ tổ, có họp họ, cụ cứ báo trước, chúng con tâu báo lên để triều đình thu xếp dời việc coi châu sang ngày khác.

Cụ già vội xua tay:

- Ấy chết, chúng tôi đâu dám thế. Phải lấy việc nước làm đầu thầy đô úy ạ. Các việc trong nội tộc, chúng tôi sẽ thu xếp trong họ được.

Viên đô úy lễ phép hỏi thêm:

- Thưa cụ, bây giờ cụ về đâu để con sai quân lấy xe ngựa đưa cụ về?

Cụ già xua tay:

- Quanh quần vài bước đây thôi ông ạ, để già tự đi kéo gân cốt nó chùng quá rồi. Nói xong cụ chống gậy đi ra khỏi cổng rồi thông thả ngược nhìn lại ngôi nhà thờ và nhẩm đọc: “Đỗ tộc tổ đường” trong lòng rất mãn nguyện. Cụ nghĩ, nhà nào đại phúc mới được “thiên tử đáo gia” một lần. Tức là vua đến thăm tại nhà, thế mà dòng họ nhà mình có ngôi tổ đường được thiên tử mượn làm nơi coi châu.

Vậy là ngoài thiên tử còn có bá quan luôn lui tới. Đúng là phúc đáo trùng lai, vừa không bị giặc đốt phá, vừa được nhà vua và cả triều quan biết đến.

Các quan được giấy triệu về triều hội đều ngơ ngác đi tìm ngôi “Đỗ tộc tổ đường”.

Vì theo sát xa giá nên Chiêu Minh vương Trần Quang Khải biết nơi vua tạm trú trong nhà dân, nên trước khi dự thiết triều, Quang Khải ghé thăm thượng hoàng, vì ông biết các việc điều hành triều chính từ lâu ngài đã trao cho quan gia, kể cả mấy cuộc chiến tranh vừa qua ngài chỉ kiểm xét các công việc quan trọng, nhất là việc bang giao với nhà Nguyên. Bởi đối sách với lũ con trời này là muôn khó. Chúng cứ lắt léo nói theo kiểu nào cũng được. Nó đem quân xâm lược nước mình rành rành thì nó bảo mình chống nó. Nó bị thất bại đau đớn không chịu nổi phải tháo chạy về nước thì nó bảo nó thương dân mình vô tội phải chết oan nên “thiên tử thí ân”. Tướng nó hèn để thua trận và bị mình bắt thì nó bảo mình vô cớ giữ người của nó nếu không sớm thả về sẽ bị nó trừng phạt. Những việc lắt léo như thế, người chưa từng trải thường xử theo lẽ phải, tình hình vì thế trở nên căng thẳng. Vì vậy thượng hoàng giám sát sao cho đối sách thật mềm mại để hạ hỏa bên Yên Kinh mà vẫn giữ được quốc thể, tức là ta chấp nhận chịu nhún nhưng không chịu nhục.

Thấy Quang Khải đến, thượng hoàng vui lắm. Ngài tươi cười hỏi han:

- Chú Chiêu Minh thấy anh Quốc Tuấn đánh trận Bạch Đằng vừa qua thế nào?

- Thật là kim cổ kỳ trận! Đệ đọc sách cổ kim cũng đã nhiều, chưa thấy có trận nào so được với trận Bạch Đằng này. Rồi cả ngàn năm sau khó có ai lập nổi kỳ tích này. Mai phục để lừa giặc vào trận thì nhiều tướng làm được. Nhưng bắt giặc phải tiến quân theo lịch trình của con nước, từng ngày, từng giờ theo kế đã lập sẵn. Điều khiển giặc mà giặc vẫn lầm tưởng nó luôn ở thế mạnh, đối phương chỉ chờ vòn quấy rối chứ không làm gì được nó. Huynh nên biết, Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp đều là các tướng dạn dày chiến trận, bách chiến bách thắng. Hốt-tát-liệt từng phong Ô-mã-nhi là dũng sĩ. Hai tướng này đều tham gia đánh quy nhà Nam Tống, lập công cao được Hốt-tát-liệt cho vào hàng tướng tâm phúc.

Ngẫm nghĩ giây lát, vua Trần Thánh tông nhẹ hỏi:

- Chú Chiêu Minh có nghĩ đến trận Bạch Đằng này rồi sẽ đi vào lịch sử không?

- Không những đi vào lịch sử mà Bạch Đằng còn là một trận đánh mẫu mực mà không một bậc tướng kỳ tài nào có thể lặp lại được. Ngay như trận Xích Bích và cả trận Hãn Tín kết liễu sự nghiệp và cuộc đời của Hạng Vũ trên Ô Giang đều là hai trận đánh hay trong lịch sử chiến tranh kim cổ cũng không so được.

Trận Bạch Đằng của ta quy mô, hoành tráng không bằng hai trận kia, nhưng mưu lược của anh Quốc Tuấn quả là hơn hẳn, khỏi cần bàn. Dù sao thì các trận Ô Giang, Xích Bích cũng đều là nội chiến cả, thuần người Trung Quốc đánh người Trung Hoa, còn với ta là cuộc chiến chống ngoại xâm, khác nhau nhiều lắm. Hơn sáu trăm chiến thuyền với hơn chục vạn quân rong ruổi chui vào một trận địa đã bày sẵn, đánh cho tan nát hết thảy, không một chiến thuyền nào, không một tên giặc nào chạy thoát. Tất cả các tướng soái giặc khi bị bắt bị trói, còn ngơ ngác nhìn dòng sông cạn với các bãi cọc bạt ngàn, khiến đầu óc chúng không thể nào tưởng tượng nổi cái vũ khí đã biến

chúng thành kẻ bại trận lại là con nước triều và những cây cọc chôn chặt vào lòng đất như những người lính thép kia.

Cái siêu tuyệt của tài năng Quốc Tuấn là ở chỗ, biến tất cả những gì hiện có trên đất nước mình thành vũ khí đánh giặc hiệu nghiệm nhất, huynh trưởng cứ nghĩ điều đệ nói có đúng không hay là vì tình riêng mà đệ khen nịnh anh Quốc Tuấn.

- Đúng! Đúng như chú Chiêu Minh nói, cả trong hai cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Nguyên, quyền tiết chế thống lĩnh chư quân sự ở trong tay Quốc Tuấn, anh ấy đã huy động những gì có thể huy động vào công cuộc chống giặc thắng lợi. Ví như việc đánh giặc theo con nước triều và những bãi cọc đều nằm ngoài sự hiểu biết và tính toán của tướng giặc. Chỉ riêng các điều đó cũng đủ lớn rồi. Từ nay chú đừng so sánh với người Trung Hoa nữa nhé. Chuyện tế vi lắm, dù sao họ cũng là nước lớn, phải giữ thể diện cho họ chứ. Như sự nhớ ra điều gì Trần Thánh tông cười ngặt nghẽo một lúc lâu sau rồi mới nói: - Ta phải khoe Chiêu Minh một điều khá bật cười. Rồi nhà vua thuật chuyện quan gia mắng tên Tích-lệ-cơ thậm tệ.

Nghe xong Trần Quang Khải lấy làm hi hã:

- Làm như quan gia là đúng. Nó muốn là cái gì thì ở nước nó, chứ nó đã mang danh một thằng giặc với thân phận một tên tù binh, chẳng việc gì phải nương nhẹ, phải trọng đãi nó. Đệ khai thác qua thằng giặc Hán gian Lý Thiên Hựu thì được biết thằng này đúng là dòng dõi của Thành-cát Tư-hãn, anh em họ với Hốt-tát-liệt đấy. Nhưng y tham gia vào đám tông vương do chư vương Nayan *cầm đầu* [86] để chống lại Hốt-tát-liệt. Tất cả đều bị bắt và bị đi đày. Tích-lệ-cơ chẳng qua cũng chỉ là kẻ trịch thủ theo quân đi lập công chuộc tội. Những điều quan gia xi và không những y không dám tâu lại với Hốt-tát-liệt mà cũng chẳng dám hé răng với ai đâu. Vì rằng đã thua trận lại còn để đối phương làm nhục thiên tử. Tội đáng tru di sao y không biết.

Nói xong, Trần Quang Khải từ tạ vua anh rồi vội vã tìm đến “Đỗ tộc tổ đường” để dự buổi thiết triều đầu tiên sau khi kết thúc chiến tranh.

Một căn nhà năm gian, ba gian giữa bày ban thờ các đời, phía trước là căn đại bái ba gian nối với hậu đường bằng ba nhịp xuyên đường (nhà cầu). Với một dòng họ thì ngôi tổ đường này quá rộng rãi, nhưng là một ngôi điện để thiết triều thì lại quá chật hẹp. Vì vậy từ chỗ ngồi theo thứ bậc của các vị đại thần cho tới các ban đều không phân biệt, miễn sao có chỗ ngồi. Người ta chỉ kiếm tạm được chiếc ghế chắc chắn, phủ mảnh gấm để nhà vua ngự, còn các quan hết thấy đều ngồi xuống chiếu trải trên nền nhà hoặc ngồi quanh bậu cửa.

Tuy là buổi thiết triều sau khi đã đuổi hết giặc ra khỏi bờ cõi, nhưng vua Nhân tông và các quan đều không vận phẩm phục đại triều mà chỉ mặc thường phục, đeo phẩm hàm để dễ phân biệt.

Nhà vua bắt đầu bằng việc khen ngợi tướng sĩ đã chiến đấu anh dũng, bảo vệ được non sông gấm vóc, đất nước đã sạch bóng quân thù; khen ngợi các quan trong bộ máy từ triều đình đến các lộ, phủ, huyện, hương, ấp động viên toàn dân tham gia đánh giặc. Vua nhiệt liệt biểu dương hết thấy dân chúng, nam phụ lão ấu đều không tiếc của tiếc công, không tiếc cả máu xương cho việc giữ nước. Vì vậy ngoài quân đội ra thì trong dân cũng nên có sự bình chọn để triều đình vỗ về người có công. Việc này không thể làm một lần mà xong được. Phải chia ra nhiều lần trong ba năm, cốt sao khen cho đúng công, nhất là không được bỏ sót người có công, dù là công nhỏ. Bởi

giặc Bắc có thể lại còn sang lần nữa.

Vua vừa dứt lời, Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự liền tâu báo.

Quốc công nói tóm tắt về sự toàn thắng của quân ta và sự đại bại của giặc. Đại khái, số tù binh năm nay bắt được nhiều hơn năm Ất Dậu, số tướng soái của giặc chết trận cũng nhiều hơn mà ta bắt sống cũng nhiều hơn. Chiến trường năm nay không trải rộng như năm Ất Dậu, nhưng nơi nào giặc tràn qua, nhất là nơi chúng trú quân thì chúng vỡ nát không còn một tí gì, lúc rút quân là chúng đốt hết. Vì vậy lúc này dân trong các vùng giặc trú quân hoặc tàn phá đều rất khó khăn trong việc làm ăn cấy cấy. Thóc giống, trâu bò, cây bừa giặc đều cướp và đốt phá sạch sành sanh. Trước mắt, xin triều đình trợ cấp gạo ăn và lúa giống cho dân.

Tàu hoàng thượng dù nhà nước còn rất khó khăn, nhưng phải cấp ngay số tiền tuất cho các chiến sĩ đã bỏ mình vì nước, cấp một tháng gạo ăn cho các người trong đội diên binh và cho họ trở về nhà càng sớm càng tốt. Việc bảo vệ biên cương thần đã cất đặt. Trong quân sẽ thay nhau về phép nghỉ ngơi. Về tù binh, sẽ thanh lọc bọn tướng lĩnh đầu sỏ, nhốt riêng từng đứa, xét đứa nào nguy hiểm, đứa nào gây nhiều tội ác phải trừng trị không cho chúng đường về. Ngoài ra, bọn lính trơn ta đưa biếu sang nhà Nguyên rồi trả cho chúng về càng sớm càng đỡ tổn cơm. Nếu cần, có thể giữ một số đứa khỏe mạnh cho chúng đi khẩn đất. Tù binh trận này ta bắt cũng nhiều đấy. Có giữ chúng lại cũng là cứu cho chúng thoát khỏi ách làm nô lệ cho người Mông Cổ. Dân dã ta sẽ tạo lập cuộc sống gia đình cho họ, coi họ như dân mình.

Hung Đạo vừa dứt lời, Trần Quang Khải hỏi ngay:

- Tàu hoàng thượng, lễ hiến phù sắp tới làm ở đâu. Nhà thái miếu, điện Chí kính giặc đều đập phá đến chiếc bình hương cũng không còn.

- Đưa tù binh về làm lễ ngay tại sơn lăng tận Thái Đường. - Vua đáp.

Nội minh tự Đỗ Hành xin nói:

- Tàu hoàng thượng, trong lễ hiến phù có chém tù binh không ạ?

Theo lễ thường, lễ hiến phù thường chém một vài tên tù binh có tội ác nhiều nhất, để tế cáo tổ tiên và lấy máu rửa binh khí. Thế nhưng với nhà Nguyên thì lại không xử như thế được. Dù mình thắng, nhưng vẫn cứ phải xử nhún để hạ hỏa Hốt-tát-liệt ở Yên Kinh. Thực ra vua Nhân tông rất muốn chém tất cả bọn tướng lĩnh gây ra tội ác tày trời. Chúng tàn sát không biết bao lương dân, đốt cháy không biết bao nhiêu làng mạc. Cung điện, thành quách chúng đốt phá trơ trụi, đến như mồ mã tổ tiên ta chúng còn khai đào. Vậy thì có chém đâm bảy đứa cũng là hợp lẽ thôi. Tuy nhiên, nhà vua vẫn còn phân vân, bèn hỏi:

- Quả tình ta muốn chém tất cả lũ tướng giặc đã gây tội ác, nhưng lòng vẫn thấy phân vân. Không phải ta sợ Hốt-tát-liệt mà bởi ta thương dân. Chưa đầy ba năm, một đất nước nhỏ bé như thế này mà phải đương đầu hai cuộc chiến tranh không lồ. Vua tôi, quân dân đều phải gồng sức lên mà đánh giặc nên mới có ngày nay. Sự thật, chỉ cần yếu bóng vía là phải khom lưng quỳ gối chịu bao đắng cay tủi nhục trước quân thù. Vậy các quan thử cùng nhau bàn bạc xem ta nên xử như thế nào.

Các quan tranh nhau nói. Mọi người đều căm giận khôn cùng trước tội ác của giặc. Và đòi chém tất cả lũ tướng giặc từ nguyên soái đến đô tướng cộng hơn một trăm tên trong đám quân bị bắt mà ta phát giác ra được.

Trần Thị Kiến nói:

- Tâu hoàng thượng, lòng căm giận loài giặc dữ của các tướng và muôn dân cao như núi. Dù có chém tất cả lũ giặc này cũng không thể làm dịu được nỗi đau mất mát người thân do chúng gây ra. Theo thần, không thể không chém đầu một vài tên tướng giặc gây nhiều tội ác, để làm dịu bớt nỗi đau của mọi người, và để làm gương cho lũ giặc còn được sống bớt thói kiêu ngạo.

Một tiếng nói từ phía xa, giọng đau đớn:

- Bệ hạ thương dân lo giặc trả thù. Điều này thật không có gì đáng ngại. Thử hỏi, năm Ất Dậu ta có đụng gì đến nhà Nguyên đâu mà sao nó đánh ta tàn bạo thế. Cho nên lần này giặc gây thuận tội ác thâm độc, nhằm tiêu diệt nguồn sống của người mình. Nếu không giết chúng, lòng dân không thuận.

Thấy các quan khăng khăng muốn giết tướng giặc cho hả giận, Trần Quang Khải biết đây không chỉ là ý nguyện của các tướng mà còn là ý nguyện của dân chúng nữa. Nhưng nếu giết tướng giặc, chọc giận con sói già ở Yên Kinh khiến chinh chiến liên năm dai dẳng phỏng có ích gì cho dân, cho nước. Nghĩ vậy, ông liền nói:

- Mong muốn giết hết bọn tướng giặc của các quan và dân chúng là chính đáng. Tội ác của giặc thực không gì có thể ghi xiết kể. Có thể nói, khắp non sông Đại Việt ta từ ngọn cỏ lá cây, từng viên sỏi hạt cát, từ đồng ruộng, núi non, sông suối không nơi chốn nào lại không có tội ác của giặc dính vào. Các vật vô tri còn bị giặc tàn sát huỷ hoại chỉ con người. Tội đã xem toàn bộ sổ sổ sách mà tên vạn hộ Lý Thiên Hựu đi theo Ô-mã-nhi ghi chép hằng ngày. Chúng thần nhiên ghi các tội ác như đốt nhà, giết người, ném trẻ nhỏ vào những ngôi nhà đang cháy, ngồi quây quần uống rượu chờ nghe tiếng bong bóng từ thi nổ rồi cười khà ồ. Còn nhiều tội ác ghê tởm khác của giặc mà trí óc của người lương thiện khó có thể nghĩ ra được. Giết người bằng hình thức man rợ khác nhau là thủ tiêu khiển của tướng giặc, chúng coi như một cuộc đánh bài, hoặc một cuộc thưởng thức ca lâu vậy. Cứ xem các hành vi của giặc đủ biết chúng đều là loại ác thú đội lốt người chứ không thể gọi chúng là người được.

Trong các tội ác thì tội khai đào mồ mả là đại ác. Mưu này do tên Hán gian Phàn Tiếp xướng xuất. Ô-mã-nhi thúc giục phải làm ngay. Vì vậy khi qua Long Hưng chúng đã xâm phạm đến lăng mộ tiên đế. May chúng chưa đụng được tới quan quách. Nay hai kẻ phạm tội ấy đều đã bị quân ta bắt sống. Trong lễ hiến phù bắt chúng phải về tận lăng mộ tiên đế quỳ lạy tạ tội. Và làm việc hư trăm thối chứ không giết chúng làm gì cho bản gương nhân ái của Đại Việt.

Nghe Chiêu Minh vương nói, vua Nhân tông có vẻ hài lòng. Nhưng phần nhiều các quan vẫn nhao nhao đòi giết nếu không tất cả bọn tướng soái thì cũng phải chém đầu hai thằng giặc Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp.

Một vị khác lại nói với vẻ gay gắt:

- Cả nước gồng sức lên đánh giặc không chỉ bằng sức lực, tiền của và xương máu mà còn với lòng tự trọng của mỗi con người và

danh dự của cả dân tộc. Giặc giã xéo đất nước ta, tàn sát dân ta với tâm địa của loài lang sói là tiêu diệt quyền sống của cả một dân tộc, tội ác ấy không gì có thể biện minh được. Nay chúng đã hai lần bại trận, tội ác đây mình, thế mà chúng vẫn cứ nhơn nhơn hạc sách. Nếu bệ hạ không cho giết loài hồ dữ này mà lại thả nó về rừng thì không lấy gì để răn đe chúng. Nó về rồi nó lại sang. Tới chín phần mười tướng giặc sang ta lần này là những tên tướng bại trận năm Ất Dậu. Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp trận trước chúng chỉ chậm chân một lát nữa, nếu không bị bắt cũng rơi đầu như Toa-đô. Trịnh Bằng Phi, Lưu Thế Anh, A-ba-tri, A-gu-rúc-tri, Thoát-hoan, A-li... Chẳng phải là lũ bại tướng lần trước sao. Tàu, nếu bệ hạ không chém đầu lũ tướng giặc có tội ác tày trời này, không chỉ lòng tướng không thuận mà lòng dân cũng khó yên. Và nếu giặc Bắc lại sang, sẽ khó bề gây được khí thế “Sát Thát” như hai cuộc kháng giặc vừa qua.

Đòi hỏi của các tướng không có gì là quá đáng, nhưng trong thế cờ bang giao, như thế là bôi tro trát trấu vào mặt thiên tử nhà đại Nguyên, và cũng là động lực thúc đẩy cho y trả thù. Đành rằng không phải mỗi lúc mỗi động binh được. Nhưng nếu ta nhún thêm một chút, cứ trải thảm cho giặc trở về, hận thù chắc sẽ nhẹ vơi dần. Nhưng nói sao để các quan hiểu được ra điều đó. Nghĩ vậy, nhà vua đưa mắt về phía Trần Hưng Đạo, về như là một sự cầu cứu.

Quốc công chậm rãi nói:

- Tàu bệ hạ, thừa các đồng liêu. Cả nước đổ bao xương máu để đánh giặc giữ nước không phải khi thắng giặc, bắt được những tên đầu sỏ gây tội ác lại để cho chúng được nhơn nhơn sống rồi lo sắp đặt tàu thuyền xe ngựa mời nó về nước. Như thế khác gì chuyện giặc xâm lược nước ta, tàn sát dân ta chỉ là một cuộc đi dạo chơi của loài ác quỷ. Hưng Đạo ngừng lời nhìn nhà vua và nhìn khắp lượt các quan, thấy mọi người đều vui vẻ chờ đợi còn gương mặt nhà vua tỏ ra căng thẳng. Hưng Đạo nói tiếp: - Tàu bệ hạ, thừa các đồng liêu, tất cả những kẻ cầm đầu đội quân xâm lược đã gây tội ác với dân ta đều phải chết.

Hưng Đạo lại ngừng lời như dò thăm ý tứ mọi người. Vua Nhân tông trong lòng tỏ ra lo lắng và tự hỏi: “Sao bá phụ lại hòa theo sự tức giận nhất thời của các quan thế nhĩ. Bá phụ đã chẳng từng “Nửa đêm vỗ gối, nước mắt đầm đìa” vì thương dân, vì lo kẻ chống giặc đó sao. Nay dầu ta có xử nhữn đi một tí thì việc tránh voi cũng là tránh họa cho dân chứ sao”.

Trong không khí im lặng, mọi người đều hướng về phía Quốc công chờ xem ông định giết bao nhiêu đứa ác tặc trong lễ hiến phù. Quốc công lại lên tiếng: - Tất nhiên ta không chém cổ chúng trong ngày lễ hiến phù, nhưng chúng không được toàn mạng trở về, ta hứa với các quan như vậy. Nếu thả cho lũ ác tặc này toàn mạng trở về chẳng hóa ra công lao đánh giặc của cả nước thành công đã trắng sao. Dầu sao ta vẫn cứ phải hy sinh cái tiểu tiết để hoàng thượng dùng nó làm phương tiện đối sách với nước giặc.

Không khí triều hội như oải ra, có người hỏi:

- Tàu, nếu không giết lũ chó ngao này thì lấy máu đầu để rửa binh khí?

Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật liền nói:

- Tàu bệ hạ, thừa các đồng liêu. Tội ác của đội quân thù do Ô-mã-nhi làm đổ nguyên sủng Giao Chỉ hải thuyền, Phàn Tiếp làm phó đô nguyên sủng Giao Chỉ hải thuyền, tội ác hằng ngày do giặc gây ra được tên vạn hộ Lý Thiên Hựu ghi lại khá trung thực, về sự tàn

ác thì lũ tướng giặc dù người Mông Cổ hay người Hán cũng như nhau cả thôi. Riêng ngón đòn đốt phá các nơi đền miếu thờ tự tổ tiên và các tiên đế, cũng như khai đào huyết mộ để làm rung động tâm linh, khiến triều đình phải đầu hàng, chính là mưu của tên Hán gian Phần Tiếp, một tên chó săn đắc lực đã dâng bao kế sách cho kẻ thù giết hại đồng bào mình. Nay hai tên đầu sỏ gian ác ấy ta đều bắt được cả. Tối lễ hiến phù, ta đem vài chục tên tướng giặc về tận sơn lăng để tế cáo ngay trước lăng mộ đức Thái tông. Bắt hai thằng giặc Ô-mã-nhi, Phần Tiếp phải quỳ lạy trước lăng. Rồi mở sổ tội ác do chính chúng ghi lại, đọc cho chúng nghe. Nghe xong chúng phải quỳ lạy, nói lời sám hối. Bắt chúng cúi đầu đi vòng quanh lăng đức Thái tông ba vòng. Sau đó dẫn chúng ra pháp trường, khi viên đô tướng phát lệnh khai đao, các đao phủ thay vì chém đầu nó thì bẻ vại máu chó đổ lên đầu từng đứa. Những đứa ấy tuy được sống tạm, rồi sau đó sẽ lần lượt cho chúng về châu Diêm vương theo dự kế của Quốc công, xin hoàng thượng y chuẩn và các quan yên tâm.

Nghe Chiêu Văn vương nói từ nhà vua đến các quan đều cảm thấy hài lòng. Vua gắng hỏi:

- Theo như kế của Chiêu Văn vương, các quan thấy thế nào?

Các quan đồng thanh hô:

- Hoàng thượng vạn tuế!

Nhà vua nhắc nhở các quan phải xem xét tình trạng lương thực của người dân, mở kho nhà nước cấp phát kịp thời. Những vùng giặc tràn qua đều miễn tô thuế cho dân một năm, những vùng bị giặc tàn phá nặng nề nhà nước tha tô thuế hai năm. Các chính sách khác vẫn như thời kỳ sau chiến tranh năm Ất Dậu. Nơi nào không còn lúa giống, nhà nước cấp phát đủ cho dân cấy cấy. Nếu nơi nào các quan để dân phải chết đói vì thiếu ăn, bỏ ruộng hoang vì không có thóc giống, quan trị nhậm địa phương đó phải chịu tội.

Nhìn các quan hồi lâu, nhà vua cân nhắc rồi ban ý:

- Nay đã là hạ tuần tháng ba, chiến tranh vừa kết thúc, dân chúng còn phải lo khôi phục nhà cửa, lại sắp đến việc gieo cấy vụ mùa, nên ta muốn hoãn việc cầu siêu vào lễ Vu lan, khi ấy vào lúc nông nhàn, chẳng hay ý các quan thế nào.

Quan hữu nhai tăng thống liền thưa:

- Tàu bè hạ, việc làm lễ cầu siêu cho các tử sĩ và bất kỳ người nào đã bỏ mình vì nạn nước là điều tối quan trọng. Nhưng còn nhiều việc khác lại có liên quan đến mùa vụ, đến quốc kế dân sinh nên đành phải nán lại, nhưng xin bề hạ giao bên tăng thống lo liệu sớm kéo tháng bảy cũng chẳng còn là mấy thời gian nữa. Vả lại các lộ cũng phải chuẩn bị từ bây giờ, sau khi Thăng Long làm lễ đại cầu siêu cho toàn quốc thì đến lượt các lộ, các châu, quận phải làm tiếp. Thần xin tâu lại các lệ cũ, sau khi từ Thăng Long đến các trấn, lộ làm lễ cầu siêu, đối với các liệt sĩ còn thân nhân thì rước vong về thờ tại gia, nhà nước cấp hẩn ba sào quốc điền cho con cháu nối đời thờ tự. Nhà nào có nhiều người bỏ mình vì nước, số ruộng được cấp cho con cháu không quá bảy sào. Liệt sĩ nào không còn thân nhân thì rước vong vào chùa nương cửa Phật, nhà nước cấp cho chùa một sào ruộng để thêm vào việc hương đăng. Vậy tàu bè hạ, liệu lần này các chính sách đó vẫn giữ nguyên hoặc có gì thay đổi không, để lũ thần còn kịp bố cáo cho toàn dân được biết. Tàu bè hạ, sở dĩ thần phải hỏi lại các chính sách đối với liệt sĩ là bởi hai cuộc chiến tranh do Hốt-tát-liệt áp đặt cho dân ta tựa như hai cuộc sóng thần, nó gieo tai

họa thật là khủng khiếp, nhiều gia đình bị giặc tàn sát không còn một ai. Lần này, tuy giặc chỉ chiếm đóng và đi qua có mấy lộ, nhưng sự tàn bạo của chúng thật là thâm độc với chính sách cướp sạch, giết sạch, đốt sạch. Thành thử mỗi vùng giặc tràn qua hoặc giặc chiếm đóng đều trở thành vùng đất chết. Vì vậy, nếu triều đình có gì bù đắp thêm cho các liệt sĩ hoặc nạn nhân cũng là điều nên làm.

Gương mặt nhà vua thể hiện sự đau khổ ở trong lòng với những điều day dứt, khó nói. Một thoáng, với giọng đượm buồn, vua nói:

- Sao ta không biết sự hy sinh tính mệnh con người là lớn nhất, không gì bù đắp được. Vài ba sào ruộng gọi là tri ân cũng chỉ đổi với thân nhân liệt sĩ thôi, chứ bản thân liệt sĩ một khi đã liều mình cứu nước, không ai nghĩ đến lợi quyền của bản thân mình, sinh mệnh của mình, mà chỉ nghĩ đến sinh mệnh của nước. Ai cũng đòi hỏi hoàng thượng sao không gia ân cái này, ban phát cái kia. Thử hỏi, ta có gì mà ban phát, tất cả đều là của dân cả đấy. Ta chỉ là người giữ chiếc cân mà dân nước trao cho. Đất đai hẹp, của nả có hạn, người chủ của nước lại chi tiêu quá mức thời còn tai hại hơn là giặc cướp phá. Giả dụ số ruộng ta cấp cho thân nhân liệt sĩ nhiều gấp đôi, gấp ba thì vẫn không nói lên được điều gì cho bản thân người chết. Nhưng nếu giặc Bắc lại sang và cứ thế thì lấy gì mà cấp phát. Người có thể sinh thêm chứ đất đai thì không thể. Ai dám bảo giặc Bắc không sang nữa. Trong vòng hơn ba năm thì giặc Bắc đã ụp xuống đầu dân ta hai cuộc chiến tranh kinh thiên động địa, khiến một đất nước nhỏ bé như Đại Việt ta buộc phải kháng cự. Và lại còn một điều này mọi người phải ý thức được. Tức việc giữ nước là bổn phận thiêng liêng của mỗi người dân, còn như bộ máy cầm quyền là giữ vững mối rường của nước để dân được yên ổn làm ăn, tự thân nó không giữ được nước nếu như dân nước không đồng tâm hiệp lực.

Các quan đường như đã thấu hiểu điều vua vừa giáo hóa. Không khí trầm hẳn xuống. Rồi bỗng có ai đó cất lời:

- Thánh thượng vạn an!

Thế là mọi người đồng thanh hô đi hô lại tới mấy lần, chứng tỏ sự đồng tình với lời phán bảo của nhà vua.

Kết thúc phiên chầu vua nói:

- Thịnh suy tùy thời, nhưng mệnh nước thì không bao giờ dứt được, hơn lúc nào hết triều đình phải hiệp sức với muôn dân để dựng lại cơ nghiệp từ đống đổ nát này. Nhìn khắp lượt các triều quan vua dụ: - Ba ngày nữa tất cả các quan phải có mặt ở Thái Đường làm lễ hiến phù.

XVIII

Sau lễ hiến phù, bọn tướng soái nhà Nguyên nhao nhao phản kháng, rằng chúng bị ta làm nhục và đòi phải sớm trả chúng về nước. Tất cả những điều đó chúng đều nói qua ngục lại. Nói rằng giam, nhưng thực ta vẫn cho chúng hưởng một chế độ ăn uống đầy đủ, không đánh đập tra khảo, nhưng phải khai báo những điều cần thiết. Và chúng bị giam trong các cung thất mà chúng phá phách, hoặc đốt cháy nham nhở nay được che chắn lại bằng tre, nứa, lá.

Bữa nọ Phàn Tiếp lâm chung, vợ con y đều được quây quần săn sóc và nghe lời trăng trối.

Thấy có tiếng khóc thút thít, Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật ló vào. Biết tên ác tặc đã phải đền tội, ông nói một câu tiếng Việt, như là một sự băng quơ: “Trời thật có mắt!”.

Không ngờ câu nói làm cho Phàn Tiếp tưởng như đã chết lại từ từ hé mắt rồi mở dần ra. Vợ con y mừng quýnh, tưởng như y có thể sống lại, tiếng khóc im bật.

Phàn Tiếp cứ đưa tròng mắt lơ dờ về phía Chiêu Văn vương như muốn nói với ông điều gì. Người nhà biết ý liền vái Trần Nhật Duật và thưa:

- Bẩm đại vương, quan tham tri Phàn đại nhân tôi muốn có lời với ông.

Trần Nhật Duật bèn ngồi xuống cạnh giường Phàn Tiếp, cánh tay bị chém gần đứt trong trận Bạch Đằng của y đã bốc mùi thối khẳn. Tuy khó chịu, nhưng vương nín thở không bịt mũi. Nom ánh mắt vẻ như cầu khấn của Phàn Tiếp, Trần Nhật Duật liền hỏi vừa đủ mọi người nghe:

- Chắc có điều gì ân hận?

Phàn Tiếp mấp máy môi phát ra những âm ngắt quãng, mọi người nghe và chấp nối được hai điều y ân hận. Một là y đã hơi quá tay với dân chúng Đại Việt, nhất là việc khai đào mồ mả. Hai là chưa được diện kiến Trần Hưng Đạo - người đánh bại chúng tôi, một vị tướng nhà trời.

Trần Nhật Duật nói ngay:

- Tội ác tày trời, lại hối hận quá muộn nên không chuộc được lỗi lầm. Còn Quốc công tiết chế thống lĩnh chư quân sự Hưng Đạo vương của chúng ta là một bậc nhân tướng siêu việt. Ông là người có nhân cách cao thượng nên không thèm nhìn mặt loại ác nhân huồng chi là ác tặc. Loại người như ngươi muốn diện kiến Trần Hưng Đạo, tưởng còn khó hơn lên cung trăng gặp vạn lân. Thôi, hãy yên

lòng nhầm mắt mà lia bỏ thể gian. Chắc phải trải qua trăm kiếp đọa đầy, nhưng phải thành tâm hồi cải mới được trở lại kiếp người.

Nghe Trần Nhật Duật nói xong, Phàn Tiếp dường như mẫn nguyện và tỏ lòng biết ơn, nhưng nổi ân hận về những tội ác mà y đã gây ra dường như vẫn còn day dứt, tất cả đều hiện lên trong mắt và gương mặt y. Sau đó cặp mắt y chuyển sang trắng dã rồi từ từ khép lại, nhưng nổi dần vật còn biểu hiện trên gương mặt méo mó và xám xịt, Phàn Tiếp trút hơi thở cuối cùng.

Quan đại an phủ sứ của kinh sư cho gọi một vài tên tù binh đầu sỏ như Ô-mã-nhi và chư vương Tích-lệ-cơ tới nơi Phàn Tiếp vừa qua đời. Lại cho cả vợ con Phàn Tiếp được phép dự bàn. Quan đại an mở lời:

- Phàn tướng quân vào xâm lăng Đại Việt, bị đánh trọng thương tại trận Bạch Đằng, chúng tôi đã cho thầy thuốc chữa trị, kể cả việc ăn uống đều có vợ con ông giám sát và thường xuyên nếm thử cả thuốc và thức ăn. Nhưng vết thương quá nặng, ông đã thọ tử. Thể theo lòng bác ái, vị tha của nhà Phật, quốc chủ tôi thuần lấy ân báo oán nên cho phép vợ con của người thất lộc và các người có quan hệ gần gũi với ông ta, được phép chọn một trong hai cách chôn cất cho tướng Phàn Tiếp. Một là dùng quan quách bằng gỗ quý chôn ông ta trên đất Đại Việt. Phía Đại Việt chúng tôi cam kết, sẽ không xâm phạm đến mồ mã của Phàn Tiếp và khi nào người nhà muốn đưa hài cốt về lại cố quốc và cố hương, chúng tôi sẽ giúp đỡ hết lòng. Hai là hỏa táng rồi gia đình đem luôn tro hài về nước. Các người chọn cách nào chúng tôi cũng sẵn lòng giúp đỡ.

Sau một hồi bàn bạc, họ xin được hỏa táng và mang theo tro hài về nước.

Sau cái chết của Phàn Tiếp, lũ tướng giặc cảm thấy lo sợ cho số phận của chúng, luôn đòi gặp vua ta và đòi phải trả chúng về nước sớm ngày nào hay ngày đó. Phía ta không trả lời. Nhưng vào một ngày bất chợt tướng quốc Tá Thiên vương Đức Việt cho triệu Ô-mã-nhi, Tích-lệ-cơ, Sâm Đoàn và tên nguyên soái họ Điền tới nhà công quán để nghe chỉ dẫn.

Cùng tiếp lũ tướng giặc còn có thượng tướng Chiêu Minh vương Trần Quang Khải, thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật. Các tướng Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu cũng được mời dự.

Mở đầu Trần Quang Khải nói:

- Bữa nay tướng quốc Đại Việt tiếp các ông. Có mong muốn gì các ông được phép đề đạt.

Quen thói kiêu căng ngạo mạn, Ô-mã-nhi nói ngay:

- Bữa các ông làm lễ hiến phù ở Long Hưng cư xử với ta và tham tri chính sự Phàn phó đô nguyên súy như vậy là bất kính, không chỉ với thiên tử mà còn với chúng ta, đương kim tham tri chính sự, Giao Chỉ hải thuyền đô nguyên súy, ta đòi quốc vương An Nam phải xin lỗi. Ngay cái chết của tham tri Phàn Tiếp cũng có điều đáng ngờ.

Nghe tên ác tặc được tha mạng sống vẫn chúng nào tặc ấy, các tướng trẻ Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu đều cảm thấy nóng mắt. Biết ý, Quang Khải đưa mắt khiến các tướng phải bình tĩnh.

Tá Thiên vương tướng quốc Đức Việt nhả nhận hỏi thêm:

- Các ông còn có điều gì cần bày tỏ nữa không? Ta nghe nói trong số các ông ngồi đây có vị thân vương bà con với thiên tử, việc đó có đúng không?

Viên thân vương đại quý tộc Tích-lệ-cơ liền đứng dậy chào tướng quốc rồi nói:

- Tôi theo quân tòng chinh chẳng may thất trận, được đổi đãi tử tể, xin có lời cảm ơn. Mong các ông thu xếp để chúng tôi sớm trở về nước châu thiên tử.

Các tướng khác đều phụ họa theo ý của Tích-lệ-cơ.

Tướng quốc đáp lời:

- Tôi chấp thuận việc xin hồi hương của các ông, nhưng việc đó còn phải chuẩn bị chứ không thể diễn ra ngày một ngày hai được. Vậy các ông ráng chờ. Các việc khác cần bàn, tôi đã trao cho hai vị thân vương đây được toàn quyền.

Nói xong tướng quốc bước ra khỏi nhà công quán.

Liền đó Chiêu Minh vương lên tiếng:

- Việc tướng bại trận Ô-mã-nhi đòi quốc vương ta phải xin lỗi là một đòi hỏi vừa phi lý vừa ngạo mạn. Tù binh được đối xử như vậy là chúng ta nể mặt thiên tử đó. Tội ác của ông dù có bị phanh thây làm muôn mảnh vẫn còn là nhẹ. Ông có biết hôm ở Long Hưng, hàng vạn dân chúng phần nộ đòi xé xác các ông ra không. Nếu quốc vương ta không mở lượng trời bể sai lấy máu súc vật đổ lên người ông và Phàn Tiếp khiến dân chúng tưởng các ông đã bị giết, nên họ mới chịu lui. Phải nói, nhờ lòng nhân ái của quốc vương, ta coi như ông được sinh ra lần thứ hai. Nếu là người biết nhẽ phải trái thời ông phải chịu ơn suốt đời, và thờ ngài như bậc phụ mẫu. Vô ơn với người đã cho mình mạng sống, kiến thức của ông ngang với loài cầm thú.

Nói xong Chiêu Minh vương giận dữ ném tập giấy ghi tội ác từng ngày từ khi y đem quân vào Đại Việt do vương tịch thu được từ Lý Thiên Hựu.

Ô-mã-nhi tái mặt và cứng họng, cũng từ bữa ấy y không dám hỗn láo nữa.

Buổi lễ hiến phù hình ảnh hai tên đại ác tặc Ô-mã-nhi, Phàn Tiếp được tắm máu chó đỏ lôm. Chúng được tha mạng nhưng phải mang nỗi nhục muôn đời. Bữa đó từ Chiêu lăng trở về, quan gia đi trước chợt trông thấy chân ngựa đá có vết lấm bùn, nhà vua ứng khẩu đọc lên cái tứ vừa lóc ở trong đầu lại thành một đôi câu đối rất chỉnh, nói lên sự gian nan qua hai cuộc kháng chiến chống xâm lăng:

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,

Sơn hà thiên cổ điện kim âu.

(Đất nước hai phen chôn ngựa đá,

Non sông ngàn thuở vững âu vàng).

Im lặng một lát, viên vạn hộ Sầm Đoàn là tên tướng đánh bộ, bị bắt khi y đã chạy trốn tới gần biên ải, nhẹ nhàng hỏi:

- Chúng tôi muốn được biết khi nào quý quốc có thể cho chúng tôi hồi hương? Việc chúng tôi bị bắt, các ông đã tâu lên thiên tử chưa?

Nghe tướng giặc hỏi đến ngựa cả tai, Phạm Ngũ Lão liền đáp:

- Các ông đâu chỉ có vài ba người mà bảo muốn đi lúc nào cũng được. Nếu tất cả các ông và quân lính bị bắt muốn về bộ, chúng tôi quả thực không có xe, có ngựa cho các ông đi, mà phải đi bằng đôi chân. Từ đây về đến Tư Minh đi mất hai mươi ngày. Ấy là chưa kể ốm chết dọc đường phải dừng lại chôn cất. Tuy nhiên, việc chuẩn bị lương thực cho tù binh về nước với chúng tôi lúc này hết sức khó khăn. Vì rằng lúa gạo trong dân đã bị các ông cướp hoặc đốt hết rồi. Hiện nay dân tôi cũng đang đói, cho nên thả các ông về sớm ngày nào chúng tôi đỡ tốn kém ngày đó.

Sao, các ông muốn về bằng đường thủy cả à? Tức là quân thủy xin về đường thủy, quân bộ xin về đường bộ. Được thôi! Phạm Ngũ Lão ngừng lời nhìn lũ tướng giặc, rồi hỏi:

- Ô-mã-nhi, ông có biết số thuyền của ông bị quân tôi đốt cháy bao nhiêu chiếc, bao nhiêu chiếc bị đâm vào cọc, bao nhiêu chiếc xô nhau vỡ toác rồi chìm xuống đáy sông... và còn lại bao nhiêu chiếc? Việc này không thấy Lý Thiên Hựu biên chép trong sổ sách của các ông.

Ô-mã-nhi có vẻ bực tức. Nhưng rồi y cũng phải đáp:

- Ta có hơn sáu trăm chiến thuyền với hơn tám vạn quân thủy và hơn một vạn quân bộ đi theo. Vậy các ông định trả lại thiên triều bao nhiêu thuyền và các ông đã bắt người của ta là mấy vạn có trả về cùng với thuyền không.

Trương Hán Siêu cười khẩy đờ lờ Phạm Ngũ Lão:

- Ô-mã-nhi bạt-đô thật khéo khôi hài, ông định đòi bao nhiêu thuyền và bao nhiêu người? Ông chẳng thấy hôm đó nước triều xuống nhanh như thác đổ, đại quân của ông và Phần thất lộc đuổi quân tôi nhanh hơn cả ngựa Xích Thổ của Quan Vân Trường đó sao. Và thuyền của các ông to lớn kênh cang đã quần nát tất cả các bãi cọc của chúng tôi. Như thế là các ông tự đâm vào nhau chết nhiều và đắm nhiều hơn là chúng tôi đốt và giết các ông. Không biết quân ông có bao nhiêu, nhưng xác người chết và xác thuyền đắm làm nghẽn tắc suốt mấy cửa của ba con sông Chanh, sông Kênh, sông Rút và cả Ghềnh Cốc nữa. Nếu ông đếm được số xác chết thì biết được số quân bị bắt. Tuy nhiên, không phải chúng tôi bắt được hết những kẻ sống sót đâu. Chúng chạy trốn và chui nhủi nơi đầu rừng góc biển, ai mà biết được. Nhưng số thuyền chúng tôi thu được thì biết rõ, khoảng trên dưới hai trăm chiếc, phần nhiều trong số đó phải sửa chữa, nếu không sóng biển chỉ dòn cho vài hồi thì chúng sẽ vỡ tung mỗi nơi mỗi mảnh. Nếu các ông muốn về sớm thì phải đi trên các thuyền đó. Và nếu không muốn làm mồi cho cá thì phải nán chờ sửa chữa. Không, quân của các ông phải làm việc đó, chúng tôi cho vật liệu và cho người chỉ bảo kỹ xảo tu bổ. Chúng tôi có thể cho các ông thuyền về, nhưng thuyền của chúng tôi nhỏ không chịu được sóng lớn.

Nếu các ông làm giấy cam kết và tự chịu trách nhiệm khi xảy ra tai nạn, thì chúng tôi sẵn sàng cấp thuyền cho các ông về ngay. Và như ông nói chúng tôi mới biết rằng chúng tôi đã diệt của các ông mất hơn bốn trăm chiến thuyền. Các ông không dám về bằng thuyền rách của mình cũng như không dám đi bằng thuyền nhỏ của chúng tôi? Vậy vui lòng chờ bao giờ sửa xong thuyền thì về. Giữ các ông ở lại vừa tốn kém vừa lo dân chúng lúc nào cũng đòi giết các ông vì tội đã tàn sát người thân của họ.

Nghe các quan phía ta giải tỏ, đám tướng giặc tỏ ra thất vọng và cả sợ hãi, nhưng cũng không có lý để mà cãi nữa.

Liền đó thượng tướng Trần Nhật Duật nói tiếp:

- Vừa nãy ông vạn hộ Sầm Đoàn có hỏi việc các ông bị bắt, chúng tôi đã tâu lên thiên tử chưa. Thiết tưởng đứa trẻ ba tuổi cũng không ngờ ngần đến thế. Thử hỏi, khi phái binh sang cướp nước tôi, thiên tử có gửi quý danh của các vị cho chúng tôi biết đâu. Lỡ chúng tôi tâu báo, thiên tử không nhận mà lại quở bắt được ba tên cướp biển cũng vu cho là đại tướng của thiên triều, nhằm bôi nhọ thanh danh thượng quốc sao? Các ông nên hiểu cho cái thế của chúng tôi bị kẹt là vậy đó.

Cuối cùng Tịch-lệ-cơ thay mặt đám tướng giặc nói lời thành thực:

- Quý quốc đã nói vậy, ắt chúng tôi phải chờ, khi nào sửa chữa xong tàu thuyền mới nói chuyện hồi hương được. Nhưng sở nguyện của mọi người là muốn được diện kiến tướng quân Trần Hưng Đạo - người đã làm cho tướng lĩnh của chúng tôi hai lần bại trận, đó là điều chưa nước nào, chưa tướng nào dưới gầm trời này có thể làm được. Và đây là sự ngưỡng mộ của chúng tôi thôi chứ không có ý gì khác.

- Chúng tôi sẽ trình lên Quốc công cái sở nguyện đó của các ông. Tiếp hay không còn chờ ngài hồi âm.

Lại nói về đám tàn quân Thoát-hoan sau khi chạy được về đến Tư Minh, y cho giải tán số quân còn lại đầu về đấy. Vì như đám thân vương A-ruc đem quân sống sót về Vân Nam, Áo-lỗ-xích đem số tàn quân của mình về miền bắc, bọn Việt gian tay sai Trần Ích Tắc cùng những kẻ tông vong lại trở về Ngạc Châu (Hồ Bắc).

Thoát-hoan buộc phải về đại đô Yên Kinh trình diện vua cha. Hốt-tát-liệt nổi cơn thịnh nộ đuổi đứa con bất tài làm nhục cho nước phải ra trấn tại Dương Châu, và buộc y suốt đời không được gặp mặt vua cha nữa. Viên phó tướng của Thoát-hoan là Áo-lỗ-xích đã từng được Hốt-tát-liệt ưu trọng, cất nhắc cả hai cha con, bây giờ bị đuổi ra coi một tỉnh nhỏ Giang Tây.

Hốt-tát-liệt sai lòng bắt Trương Văn Hồ về trị tội. Y căm giận Đại Việt tới mức đòi động binh ngay lập tức. Nhưng việc đó thật không dễ, bởi nhiều tỉnh phía nam dân chúng nổi dậy đánh đuổi quân Mông Cổ thống trị lại tóa nhanh như vết dầu loang, khiến Hốt-tát-liệt như ngồi trên đồng lửa.

Hai lần liên tiếp dùng đại binh không thắng nổi Đại Việt, Hốt-tát-liệt lại dùng thủ đoạn hăm dọa như đã từng làm. Y đòi trước hết phải trả hết tù binh, nhưng số quân chúng bị bắt và ra hàng bao nhiêu thì chúng không biết. Đặc biệt gay gắt là y đòi Đại Việt phải trao trả ngay Ô-mã-nhi, không được viện cớ trị hoãn.

Về phía ta chỉ trao trả nhỏ giọt, lấy cơ quân thiên triều tàn sát dã man, dân chúng vì căm giận nên nổi dậy chống lại quyết liệt, một khi đã bắt được họ đều giết để trả thù. Một số khác chạy tán mác trốn tránh vào hang sâu rừng rậm, tìm thấy người nào chúng tôi lại đưa sang trao trả quý quốc.

Việc các tướng giặc xin gặp Hưng Đạo vì lòng kính phục cũng có, vì tò mò cũng có, tuyệt nhiên Quốc công không tiếp một viên tướng nào. Duy có Ô-mã-nhi là kẻ nguy hiểm và cũng gây nhiều tội ác, nên ta còn phân vân chưa muốn thả, nhưng thủ tiêu y trong lúc này cũng không dễ vì Hốt-tát-liệt đã có mấy đạo thư đòi trả đích danh Ô-mã-nhi.

Trong khi Ô-mã-nhi vừa quyết liệt đòi ta phải trả y về nước, y cũng thiết tha xin gặp Hưng Đạo vương.

Quả thật Hưng Đạo không muốn nhìn mặt những tên tội phạm đã tàn sát nhân dân mình. Nhưng vì y quá khẩn thiết xin gặp, và lại mạng sống của tên ác tặc này cũng chỉ tính từng ngày, do vậy Quốc công bằng lòng tiếp y trong một nửa khắc canh giờ.

Vào một ngày đẹp trời, quân ta sửa soạn một chiếc thuyền khá chắc chắn, trang hoàng lộng lẫy, đồ ăn đồ uống đầy đủ nhưng bốn bề bịt kín, ánh sáng không lọt được vào khoang thuyền. Trong thuyền cũng không có một khe nào nhìn ra ngoài được, nhưng nền thấp đủ sáng để ăn uống và trò chuyện. Đi đường có hai người trò chuyện với y, đó là một vị hòa thượng cùng với thượng tướng Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật và ba người phục vụ cũng là ba vệ sĩ hộ vệ. Ngoài ra còn có một đô quân vừa chèo thuyền vừa giám sát, lại có hai thuyền đi trước, hai thuyền đi sau hộ vệ.

Có mặt vị hòa thượng, thái độ của Ô-mã-nhi dịu hẳn, y ăn nói từ tốn, lại có phần lễ độ nữa.

Nhà sư chủ động hỏi:

- Thí chủ sức lực có vẻ dư thừa nhưng trong tâm lại đang bồn loạn.

- Hòa thượng nói đúng, trong lòng tôi lúc nào cũng bồn chồn như sắp có một sự nguy hiểm sắp xảy ra, nó tựa như những ngày trước khi xảy ra trận giao tranh đẫm máu trên sông Bạch Đằng.

- Vậy chớ thí chủ ngủ có được ngon giấc không.

- Chập chờn! Vừa nói tới đây Ô-mã-nhi bỗng biến sắc mặt và như có sự giằng xé ở trong lòng khiến gương mặt y như méo xệch đi, thật không hợp một chút nào với tâm thần cao lớn, đầy đặn, đôi lông mày rậm và xệch lên như hai mũi mác, hai chòm ria mép vênh lên nhọn hoắt như hai chiếc mỏ chim ưng, mắt y một mí híp lại nom như một chiếc đũa nằm ngang, và đôi lưỡng quyền như hai cục thịt to tròn như hai nắm đấm làm cho gương mặt y trở nên phá cách thật là kỳ cục. Và không hiểu đó có phải là gương mặt biểu thị của cái ác không.

Một lát sau Ô-mã-nhi mới mở miệng hỏi: - Hòa thượng, đêm về, tôi vừa nhắm mắt thì lập tức cả một đám đông lính tráng có, đàn bà trẻ con có, người già cũng có, tất cả máu me đầy người chúng cứ nhao nhao đòi mạng. Đứa đòi trả đầu, đứa đòi trả chân, trả tay... Chúng khóc lóc, rên gào, chửi bới, đe đánh không thể nào có thể ngủ lại được. Nếu ngồi dậy thấp nền mọi chuyện coi như không có gì.

Nhưng khi đèn nền vừa tắt, chưa kịp ngả lưng thì ma quỷ lại hiện đầy nhà kêu khóc thảm thiết, chửi bới lung tung. Cứ kéo dài mãi tình trạng này chắc tôi không sống nổi, mong hòa thượng có cách gì trừ giúp tôi lũ ma quỷ để tôi được sống yên.

Hòa thượng lặng thinh chấp tay niệm Phật. Không khí trong khoang thuyền trở nên tĩnh tịch chỉ nghe thấy tiếng lửa nền reo và hơi thở nặng nhọc của Ô-mã-nhi.

Lát sau hòa thượng quay lại nói với Ô-mã-nhi:

- Thí chủ, những linh hồn ấy không phải là ma quỷ, họ là những người lương thiện bị chết oan nên không thể trừ bỏ họ được.

- Vậy làm thế nào để giải thoát khỏi lũ quỷ đó, Ô-mã-nhi hỏi với vẻ bức dọc.

- Nếu thí chủ muốn giải thoát, trước hết phải giác ngộ. Chưa giác ngộ, tức là chưa nhận ra điều phải quấy, lỗi lầm, thiện ác cũng tựa như người mù đi trong đêm tối sao có thể nhận biết được đường đi lối lại. Thí chủ chớ gọi họ là quỷ, họ đang nhao nhao phản bác xin với bản tăng kêu cầu Phật tổ trừng trị kẻ ác.

- Thôi được, ta không gọi họ là quỷ nữa, nhưng làm thế nào để họ khỏi quấy ta, xin hòa thượng giúp ta, tốn bao nhiêu tiền ta cũng trả.

- Muốn giác ngộ thí chủ phải sám hối. Tự thân sám hối chứ không ai có thể làm thay mình được. Vàng bạc chẳng có nghĩa lý gì hết. Bởi sinh mạng con người không gì có thể mua được. Bản tăng biết thí chủ có nhiều thứ quý hơn vàng. Của cải thí chủ nhiều vô kể, nhưng nếu có ai đòi lấy mạng sống của thí chủ, liệu có thể đem của cải ấy chuộc được không. Khó lắm đấy, bây giờ có hàng vạn vong hồn bị chết dưới lưỡi đao oan nghiệt của thí chủ hoặc thí chủ sai quân giết, họ đang đòi mạng đấy. Thí chủ cũng là người tin theo Phật pháp sao không biết luật nhân quả. Thí chủ đã gieo biết bao nhân ác thời phải gánh chịu nghiệp báo.

- Hòa thượng, liệu bây giờ ta thành tâm sám hối thì còn kịp không?

Chấp tay hòa thượng niệm hồng danh Phật tổ: “Nam vô Thích Ca Mâu Ni Phật!”. Rồi ngài nhìn thẳng vào gương mặt đỏ tẻ của Ô-mã-nhi khẽ nói:

- *Khổ hải vô biên hồi đầu thị nạn* (Bể khổ mênh mông quay đầu là bến).

- Vẫn còn kịp, thế thì tốt lắm. Ta sẽ biểu hòa thượng chuỗi tràng hạt một trăm lè tám viên làm bằng ngọc bích, cách đây mười năm khi đánh vào Nhai Sơn qua chùa Bảo Phúc ta giết viên hòa thượng lấy được chuỗi ngọc đó. Sở dĩ ta phải giết vị hòa thượng đó là vì ông cố ý can ta giết đám tàn quân Tống.

- A-di-đà-Phật! Ta không coi hạt ngọc quý hơn hạt cát. Vậy mà vì nó thí chủ đã giết cả một vị tăng khi vị đó ngăn không muốn cho thí chủ dần sâu vào tội ác. Giết cả người định cứu mình cho tới nay vẫn chưa chịu sám hối, quả báo còn nặng nề lắm, đầu óc thí chủ còn si mê trọc trọc lắm, nếu không thực tâm sám hối, ta e rằng thí chủ phải trải qua cả ngàn kiếp khổ lụy để trả nghiệp.

- Làm thế nào để đầu óc khỏi si mê, xin hòa thượng chỉ giùm ta, Ô-mã-nhi nói ra điều đó tựa tựa như một sự tỉnh ngộ.

- *Dĩ trí tuệ kiểm phá phiền não tặc* (phải lấy trí tuệ làm gương để phá tên giặc phiền não tức là sự u tối đang lẫn khuất trong ta).

Tuy nhiên thí chủ không thể phá chấp ngay được đâu, phải bình tâm nhìn thấu vào chính mình và phải biết hối hận bởi các hành vi gây ra cái ác, dốc lòng từ bỏ nó, làm quen dần với điều thiện, việc thiện rồi hành thiện lia ác, đó là cả một quá trình đi tới giác ngộ, thí chủ nên nhớ lấy và phải kiên nhẫn, bởi làm điều thiện, việc thiện khó hơn làm điều ác nhiều lắm đấy. Nói xong hòa thượng quay đi và người tìm một chỗ quang đăng để tọa thiền.

Ô-mã-nhi thấy băng khuâng trong dạ và tự hỏi: - Vậy chứ những thành tựu đưa ta tới vinh quang chói lọi, thiên tử tôn vinh ta là bát-đô, chức tước tối hàng cực phẩm lại là việc ta giết được nhiều người ư? Câu hỏi đó cứ luôn ám ảnh trong đầu Ô-mã-nhi như là một sự tự vấn cái gọi là lương tâm của y.

Đã có lúc Ô-mã-nhi lân la bắt chuyện với Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật, nhưng việc đó không thành. Bởi cứ nghĩ tới việc y và Phan Tiếp khai đào huyết mộ của vua cha thì vương chỉ muốn xé xác y thành trăm mảnh.

Sự có mặt của Chiêu Văn vương là để giám sát dọc đường xem y có giờ trò càn rỡ hoặc liều lĩnh quyền sinh. Khoảng gần cuối giờ sừu thuyền cập bến Bình Than, quân dẫn y vào một căn nhà nhỏ bốn bề màn sáo chằng kín, cửa chính nhìn vào phía tường sau một căn nhà có nền cao ngang mái căn nhà dùng để tiếp Ô-mã-nhi. Rõ ràng những căn nhà này được dựng ven sườn đồi.

Ô-mã-nhi được dẫn vào phía trong, có buồng ngủ và có nền thấp sáng. Y mệt quá thiếp đi. Giấc ngủ chập chờn lúc hiện ra hình ảnh vị hòa thượng và những lời khuyên, lúc thì hàng đoàn đông đúc những người thân thể đỏ lôm mầu me, người cụt đầu, người lòi ruột, người mất chân, mất tay và cả những chiếc đầu lâu lẫn lông lốc, tất cả đều đòi “Trả mạng ta đây!”...

Ô-mã-nhi vật lộn với giấc ngủ nặng nề khiến y trở nên bơ phờ mệt nhọc. Đang trần trọc bỗng cửa chính mở toang, ánh sáng ủa vào, Ô-mã-nhi bừng tỉnh, y đã toan ra ngoài để ngắm nhìn trời đất. Tuy vậy, y cũng chỉ được ngắm một khoảng trời hẹp đóng khung bởi hai nếp nhà.

Những người hầu trong phủ Hưng Đạo bê vào cho Ô-mã-nhi một khay gồm hai bát trà nóng có nắp đậy. Vừa mở nắp bát trà, một mùi hương quen thuộc xộc vào mũi, khiến y vô cùng kinh ngạc, cầm chiếc muôi dừa nhỏ xiu khuấy bát trà lên, Ô-mã-nhi nhận thấy trong đó có trà nghiền thành bột đun với gạo thơm, lại có cả mùi gừng, mùi vỏ cam, mùi hành khô cùng với chất sữa trắng đục.

Ô-mã-nhi băn khoăn không hiểu tại sao Hưng Đạo lại biết được cách pha hãm trà của người Mông Cổ mà thết ta như thế này. Y bê bát trà lên hít hà hương thơm rồi lấy thìa múc vài giọt một, như thể nếm lại mùi vị quê hương. Khi uống hết một bát trà, hình ảnh quê hương và những ngày tuổi trẻ trên thảo nguyên bao la cùng với bạn bè trong mùa chăn thả ngựa và cừu, khiến Ô-mã-nhi nhớ đến mùi cỏ thơm, mùi sữa ngựa và những cánh đại bàng chao liệng trên bầu trời thăm thẳm xanh. Có nhẽ trong quãng đời mà y cho là đẹp nhất lại ở những mùa xuân với đồng cỏ xanh trải rộng tới chân trời, những đàn ngựa, đàn cừu như những đám mây trắng, mây hồng đang di chuyển, trong đó bạn bè và những chú chó chăn cừu gọi nhau, liên hệ với nhau bằng những tiếng tù và vang vọng khắp thảo nguyên.

Uống trà và ăn sáng xong có người báo cho Ô-mã-nhi biết, một khắc canh nữa y sẽ được Hưng Đạo vương cho tiếp kiến.

Bữa nay Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương vận theo kiểu đạo sĩ. Trên đầu ông quấn chiếc khăn vàng trùm lên búi tóc phía sau gáy. Chiếc áo dài màu vàng, tay và nách đều rộng, ngang bụng được thắt hờ bởi một dải đai màu vàng có đính những hạt hồng ngọc, bích ngọc nhỏ li ti.

Từ sau khi thắng giặc một cách oanh liệt, quét sạch giặc ra khỏi bờ cõi, Hưng Đạo thấy trong lòng thư thái, bởi thế nước trở nên vững chãi, giặc không thể không kiêng nê ta. Và nếu như Hốt-tát-liệt có mưu toan xâm chiếm ta một lần nữa thì cũng không dễ gì động binh được trong vòng vài ba năm tới. Chính vì thế mà trong ông có sự ung dung tự tại. Nom gương mặt Quốc công như nhuận sắc hẳn ra. Da dẻ hồng hào, mắt sáng. Chòm râu dài bạc trắng và sóng như cước thả trước tấm áo thụng màu vàng, nom Quốc công có dáng của một tiên ông đạo cốt. Ông ngồi trước án thư thông thả mở từng trang nhật ký mà ông hướng dẫn cho Trương Hán Siêu ghi chép về trận đánh Bạch Đằng từ khi nó còn chưa manh nha tới khi kết thúc hoàn toàn thắng lợi khiến ông hài lòng. Cả chục vạn quân giặc, không một tên nào chạy thoát. Và hơn sáu trăm chiến thuyền đều bị diệt và bị bắt hết.

Quốc công đang mãi đọc, Phạm Ngũ Lão và Chiêu Văn vương dẫn Ô-mã-nhi vào. Vừa nhác thấy Trần Hưng Đạo, Ô-mã-nhi dừng lại vẻ như sững sốt về người đã hai lần đánh bại y. Lần thứ nhất suýt bị bắt cùng với Toa-đô năm Ất Dậu, còn lần này thì hết thấy đạo quân của y đều lọt vào tay một ông già ngồi kia, vẻ ung dung thư thái như một bậc tiên thánh. Quả nhiên y không thể hình dung đối thủ của y, một bậc trí tướng phi phạm lại ẩn trong một cốt cách ung dung nhàn tản như một nho sĩ, một đạo sĩ như thế kia.

Để cho Ô-mã-nhi chiêm ngưỡng Hưng Đạo một thoáng, Trần Nhật Duật lên tiếng:

- Bẩm huynh trưởng, tù binh Ô-mã-nhi được vương cho phép đã tới.

Hưng Đạo xoay người ra phía cửa thấy Ô-mã-nhi chăm chú nhìn mình. Ông nhướn mi đôi thần nhãn vào đôi mắt ti hí như mắt lươn của tên tướng giặc to béo kềnh càng như một con trâu đực mộng. Ô-mã-nhi không chịu nổi ánh mắt và cái uy toát ra từ vị tướng đã hai lần làm y ngã ngựa khiến y phải cúi mặt xuống.

Hưng Đạo nhìn Chiêu Văn vương và mỉm cười thân mật hỏi:

- Đệ cùng Ngũ Lão giải y đến gặp ta sao? Đã bảo ta không muốn tiếp tên ác tặc này kia mà.

- Huynh trưởng, đệ cũng chỉ muốn phanhy xé xác nó, nhưng ngày nào nó cũng lải nhải xin gặp huynh trưởng. Vì vậy thượng hoàng bảo: “Thôi thì trước khi nó chết cho nó được toại nguyện, nói anh Quốc Tuấn bố thí cho nó một lần”. Và lại nó cũng gờ mồm nói ra: “Dù có chết mà được nhìn thấy dung nhan người đã đánh bại mình cũng là sự mãn nguyện”.

- Đệ và Ngũ Lão ngồi tạm vào hai chiếc đôn này, còn nó không được phép. Nó nói được tiếng Hán, đệ bảo nó cần gì thì cứ hỏi, nhưng ta chỉ tiếp nó có nửa khắc thôi.

Khi Trần Nhật Duật nói lại với Ô-mã-nhi điều đó, xem ra y rất vui vẻ và có phần hãnh diện nữa.

Ô-mã-nhi cúi đầu chào theo kiểu người Hán. Trần Hưng Đạo vẫy tay cho y bình thân.

Ô-mã-nhi nói giọng lí nhí như người có mặc cảm lỗi lầm, cũng có thể y còn e ngại. Nhưng sau giọng y cứ to dần lên rồi oang oang đúng với tính cách của dân du mục thảo nguyên:

- Có phải chính ngài đã hai lần đánh bại đội quân khổng lồ của thiên triều, cũng là hai lần đánh bại tôi?

- Đó là sự thật hiển nhiên sao còn phải hỏi.

- Trước khi đánh An Nam, các tướng Mông Cổ chưa từng biết đến thua trận.

- Quân xâm lược Mông-Nguyên chỉ thua ở Đại Việt, đó cũng là điều hiển nhiên.

- Tại sao nước Tống đất đai rộng gấp năm, sáu chục lần, dân Tống cũng nhiều gấp mấy chục lần dân An Nam mà chúng tôi bình Tống đường như không gặp trở ngại nào đáng kể như chúng tôi đã gặp ở An Nam.

- Đó là bài học mới, các người cần phải học.

- Thật tình tôi vẫn chưa hiểu, chưa lý giải được vì sao đại Nguyên là một quốc gia hùng mạnh, một đế quốc mệnh mông không giới hạn, tướng lĩnh tài ba chưa từng biết đến thất bại cùng với đội quân khổng lồ thiện chiến, một đạo quân như thế mà lại không thắng nổi Đại Việt chỉ bé bằng cái bàn tay là cố làm sao?

Trần Hưng Đạo nhìn thẳng vào mặt tên tướng Mông Cổ đã hai lần đại bại cười khẩy và thông thả nói:

- Đó là điều bí ẩn trong binh pháp giữ nước của Đại Việt ta, kẻ thù sao hiểu nổi. Và không một kẻ thù nào hiểu nổi dân tộc ta đâu. Quân thù càng tiếp tục xâm lược nước ta, lại sẽ càng thua. Trận thua sau đau hơn trận thua trước. Đó là bài học ta cho không các người đấy.

Ô-mã-nhi cảm thấy khiếp phục người mà y khao khát được diện kiến. Những điều cần biết về vị tướng này và binh pháp của ông ta hóa ra còn bí ẩn hơn cả trước khi ta được biết về ông.

Phạm Ngũ Lão đứng lên giục:

- Đã hết giờ đại vương tiếp kiến.

Ô-mã-nhi giờ tay:

- Cho tôi nói một câu cuối cùng.

- Được! - Hưng Đạo đáp.

- Thiên triều thể thiên hành đạo, là một nước hùng mạnh nhất gầm trời, nước nào chống cự không phục thì nước ấy không khỏi

bị diệt vong.

- Kẻ nào ưa chinh chiến ắt vong quốc. - Hưng Đạo nói đồng đạc.

Các tướng lại dẫn Ô-mã-nhi xuống thuyền. Bây giờ là một chiếc thuyền lớn hơn trong đó gồm cả vợ con thê thiếp của y được Đại Việt tha cho về nước. Nhưng số phận Ô-mã-nhi như đã được trời định, đêm ấy thuyền xuôi về tới Bạch Đằng vấp phải dải đá ngầm trên Ghềnh Cốc. Thuyền chìm, các thủy thủ Đại Việt chỉ cứu được vợ con thê thiếp của Ô-mã-nhi, còn y bị chết ngạt dưới đáy sông, mãi gần trưa ngày hôm sau mới tìm thấy xác. Vợ con y bằng lòng chôn xác y trên bờ sông Bạch Đằng nơi đã xảy ra trận huyết chiến khiến toàn quân của y bị chết và bị bắt. Không biết Ô-mã-nhi bị chết vì thân xác y quá to béo, y lại không biết bơi hay còn bởi các oan hồn thuộc đám quân Nguyên đã vì y thúc bách mà tử trận nên chìm chết y, buộc y phải nằm lại, phải mãi mãi là một hồn ma lạc loài trên khúc sông mà y đã gây biết bao tội ác và chuốc lấy tiếng ô nhục tới muôn sau trong cuộc đời làm tướng giặc.

Thời hậu chiến, biết bao việc phải làm. Nhà vua trước hết tha tô thuế nhiều ít do sự thiệt hại của từng vùng, lo cứu đói, lo làm tiếp các mùa vụ để ổn định đời sống và cũng là ổn định nhân tâm. Tiếp đó, vua ban chiếu khen thưởng công trạng cho các công thần trong cả hai lần kháng giặc. Ai lập được công lao xuất sắc thì cho chép vào sách *Trung hưng thực lục* và sai vẽ tượng để lưu lại cho đời sau.

Quốc công tiết chế Hưng Đạo vương dâng biểu xin giảm bớt số quân của triều đình và quân của các vương hầu, nhưng phải tinh luyện số quân còn lại cho thật thiện xảo. Số điền binh đã tập trung cho hết về quê quán làm ruộng, nhưng phải giữ nghiêm chế độ luyện tập của các nông phu theo chính sách ngụ binh ư nông như từ trước đã làm. Vua y cho.

Hốt-tát-liệt vẫn giương đông kích tây làm ra vẻ động binh đánh Đại Việt cốt gây sức ép đối với ta, chứ thực ra y không có khả năng làm tiếp một cuộc chiến tranh như thế nữa.

Vài năm sau Hốt-tát-liệt (Nguyên Thế tổ) chết, con Hốt-tát-liệt lên ngôi tức Nguyên Thánh tông xuống chiếu bãi bỏ việc Nam chinh.

Từ đây nước ta vừa ổn định để xây dựng lại đất nước, vừa củng cố binh bị, nhưng nhà Nguyên thì ngày càng khốn đốn đối phó với các cuộc nổi dậy của dân chúng Trung Hoa.

Hưng Đạo vương tiến cử Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu về triều, cũng như trước đây ông đã tiến cử Trần Thị Kiến, Phạm Lãm, Ngô Sĩ Thường... là các gia tướng, gia thần của phủ Hưng Đạo cho triều đình, và họ đều trở thành những người hữu dụng cho nước. Trước khi về kinh sư, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu xin với Hưng Đạo cho đi một vòng từ Bình Than xuôi Bạch Đằng ra tới Vân Đồn. Hưng Đạo dặn khi qua bến Rừng, nhớ tìm lại một lần nữa bà lão hàng nước để tạ ơn. Khi thuyền vừa tới khu vực sông Bạch Đằng, Trương Hán Siêu bỗng thấy lòng rung động, ông nói với Phạm Ngũ Lão dừng lại đi khắp các địa điểm diễn ra trận đánh đẫm máu, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ đạo quân thủy lớn nhất của giặc. Nhưng tuyệt nhiên không tìm thấy quán nước và bà lão hàng nước. Đêm về cắm thuyền

ngihtại cửa sông Chanh, nằm nghe tiếng sóng biển vọng vào, tiếng sóng biển lao xao khiến Trương Hán Siêu không thể nào ngủ được. Cảnh huyệt chiến trên khúc sông này mấy năm trước như bùng sáng trong óc nă ông rõ mồn một như sờ nắm được, lòng đầy thi hứng Trương Hán Siêu lấy bút giấy ra ngòitrước sạp thuyền ngắm nhìn trăng sao, nhìn dòng sông cuộn cuộn chảy, khiến ông có cảm giáctừ khi nước mình đánh tan quân giặc dữ, thời nủi sông của ta cũng trở nên rạng rỡ hơn, mỹ lệ hơn và ông phóng bút viết một mạch bài:

PHÚ SÔNG BẠCH ĐĂNG^[87]

Khách có kẻ:

Giương buồm giong gió khơi vơi,

Lướt bể chơi trăng mãi miết.

Sớm gõ thuyền chừ Nguyên, Tương,

Chiều lần thăm chừ Vũ huyệt.

Cửu giang, Ngũ hồ, Tam Ngô, Bách Việt,

Nơi có người qua, đâu mà chẳng biết.

Đầm Vân mộng chứa vài trăm trong dạ đã nhiều,

Mà tráng chí tứ phương vẫn còn tha thiết.

Bèn giữa dòng chừ buông chèo,

Học Tử Trường chừ thú tiêu dao.

Qua cửa Đại Than ngược bến Đông Triều,

Đến sông Bạch Đằng, nổi trôi mặc chèo.

Lớp lớp sóng kinh muôn dặm,

Xanh xanh đuôi trĩ một màu.

Nước trời một sắc: phong cảnh ba thu.

Bờ lau xao xác: bến lách điều hiu.

Sóng chìm giáo gậy: gò đầy xương khô.

Buồn vì cảnh thảm: đứng lặng giờ lâu.

Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá,

Mà nay dấu vết luống còn lưu.

Bên sông các bộ lão, hỏi ý ta sở cầu.

Có kẻ gậy lê chống trước, có người thuyền nhẹ bơi sau,

Vái ta mà thưa rằng:

“Đây là nơi chiến địa buổi Trưng Hưng nhị thánh bắt Ô-mã,

Cũng là bãi đất xưa, thuở trước Ngô chúa phá Hoảng Thao.

Đương khi:

Muốn đội thuyền bày: rừng cờ phấp phới.

Hùng hổ sáu quân: giáo gươm sáng chói.

Thắng bại chưa phân: Bắc Nam lữ đối.

Ánh nhật nguyệt chừ phải mờ,

Bầu trời đất chừ sắp hoại.

Kìa Tắt-liệt thế cường; Lưu Cung chước đối.

Nó tưởng rằng:

Phen này một trận gieo roi,

Quét sạch nước Nam bốn cõi.

Thế nhưng:

Trời cũng chiều người, hung đồ hết lối.

Khác nào:

Trận Xích Bích, quân Tào Tháo tan tác tro bay,
Bến Hợp Phì giặc Bò Kiên lát giấy chết rụi.
Đến nay nước sông tuy chảy hoài,
Mà nhục quân thù khôn rửa nổi!
Tái tạo công lao muôn đời ca ngợi”.

Tuy nhiên,
Từ có vũ trụ;
Đã có giang san.
Thật là:
Trời đất đặt ra nơi hiểm trở;
Bạc anh hào tính cuộc tồn an.
Hội nào bằng hội Mạnh tân, như vương sư họ Lã;
Trận nào bằng trận Duy Thủy, như quốc sĩ họ Hàn.
Kìa trận Bạch Đằng mà đại thắng,
Bời Đại vương xem thế giặc nhàn.
Tiếng thơm còn mãi: bia miệng không mòn.
Khách chơi sông chừ ủ mặt;
Người hoài cổ chừ lệ chan,
Rồi vừa đi vừa ca rằng:
Sông Đằng một dải dài ghê,
Luồng to sóng lớn dồn về biển Đông.
Những người bất nghĩa tiêu vong,

Nghìn xưa chỉ có anh hùng lưu danh.

Khách nói lời mà ca rằng:

Anh minh hai vị thánh quân,

Sóng đây rửa sạch mấy lần giáp binh.

Giặc tan muôn thuở thẳng bình,

Tại đâu đất hiểm, bởi mình đức cao.

Khi về tới Vạn Kiếp, Trương Hán Siêu dâng bài phú này lên Trần Hưng Đạo. Đọc tới đâu nét mặt vị Quốc công bùng sáng tới đó. Đọc xong toàn bài Hưng Đạo bèn đứng dậy vái Trương Hán Siêu một vái và nói:

- Vậy là ta đã tiến cử cho triều đình thêm được một người tài nữa.

Hán Siêu kinh sợ trước cử chỉ của Quốc công liền sụp lạy, tạ ơn.

Hưng Đạo lại nói:

- Ta đề rằng Hán Siêu không chỉ là danh sĩ của thời nay, về triều hãy gắng góp phần làm rạng danh đất nước cho xứng với hương thơm của bậc quốc sĩ.

Kết thúc vào giờ Thân ngày Giáp ngọ 30 tháng chạp Kỷ Sửu

(Ngày 13 tháng 2 năm 2010)

Hết

[1] Lê xưa, sau khi thắng giặc phải làm lễ hiến phù để cáo yết sự thắng giặc ở nhà Thái miếu. Trong đó có việc chém tù binh và lấy máu giặc rửa binh khí.

[2] *Ái Lão Thử*: còn có tên gọi là *ài Chi Lăng*.

[3] Bình Lê Nguyên nay là khoảng Bình Xuyên, Vĩnh Phúc.

- [4] Tương đương Bộ trưởng bộ quốc phòng kiêm Tổng tư lệnh quân đội ngày nay.
- [5] Ông nội (Trần Cảnh - Trần Thái tông) của vua Nhân tông và cha của Quốc Tuấn (Trần Liễu) là hai anh em ruột. Vì vậy vua Nhân tông phải gọi Hưng Đạo vương bằng bác. Ngoài ra nhà vua còn lập con gái của Hưng Đạo làm hoàng hậu.
- [6] Năm Giáp Thân (1284) có cuộc đại duyệt toàn quân ở bãi Đông Bộ Đầu. Sự việc Quốc Tuấn tắm cho Quang Khải trước quân sĩ khiến mọi người yên tâm hai ông đã giữ bờ tị hiềm.
- [7] “Sát Thát” là giết quân Thát-đát, tức quân Mông Cổ xâm lược.
- [8] Thanh dã: tức là kẻ vườn không nhà trống để giặc tới không có nơi trú ẩn, không có lương thực, thực phẩm mà ăn. Kế này mới chỉ xuất hiện trong cuộc kháng Nguyên lần thứ hai (1285).
- [9] Luật lệ nhà Trần hề ai theo giặc đều bị trị tội và tịch thu gia sản. Người trong hoàng tộc thì bắt phải đổi sang họ khác, riêng Ích Tắc là con vua nên không nỡ bắt phải đổi họ, nhưng xếp ngang với dân bà nên gọi là “Á”.
- [10] Sông Rừng là tên gọi đoạn sông Bạch Đằng tại quãng rộng nhất bởi hai bên tả hữu ngạn đều là rừng rậm, nhất là phía tả ngạn thuộc đất Quảng Yên vốn là rừng đại ngàn. Tên gọi đó còn dùng tới ngày nay: bến Rừng, đò Rừng.
- [11] Mũi Ngọc Sơn thuộc châu Vạn Ninh nay là Trà Cổ - Móng Cái.
- [12] Tháp Sơn tức vùng Đồ Sơn, Hải Phòng ngày nay. Tại đó trên một ngọn núi cao 98m vua Lý Thánh tông cho dựng chùa và ngọn tháp Tường Long vừa là nơi vọng Phật vừa là nơi quan sát động tĩnh biển xa.
- [13] *Canh năm* khoảng từ 3 đến 5 giờ sáng.
- [14] Tước Trần Thái tông truy phong cho Trần Thủ Độ sau khi ông qua đời.
- [15] Tức là vùng Cửa Ông thuộc Bãi Từ Long ngày nay - nơi Trần Quốc Tăng trọng trấn.
- [16] Cửa biển vào sông Bạch Đằng (sông Rừng). Cửa Văn Úc ngày nay.
- [17] Đại An nay thuộc xã Quần Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.
- [18] Hồ Quảng tức là Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây lúc này thuộc về nước Nguyên do người Mông Cổ thống trị.
- [19] Lê Phụng Hiểu người làng Cổ Bi, hương Bạng Sơn thuộc Châu Ái có sức khỏe hơn người, mỗi bữa có thể ăn hết mấy đấu gạo và nhổ tre trong bụi làm gãy đánh nhau. Ông có công giúp Lý Thái tông dẹp loạn Tam vương năm Mậu thìn (1028).
- [20] Mỗi sai tay tương đương 1 mét. Với món nước này như ngày nay, tàu từ 5 đến 10 vạn tấn có thể ra vào được.
- [21] Đại Đô thế kỷ 13 của nhà Nguyên tức Yên Kinh cũ của nhà Tống và Bắc Kinh sau này của các nhà Minh, Thanh, Trung Hoa dân quốc và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.
- [22] Phao-lô - là tên mà Hốt-tát-liệt gọi Marco Polo một thương nhân và là nhà thám hiểm người Ý đi theo “Con đường tơ lụa” (Route de la soie) ở lại triều đình của Hốt-tát-liệt mười sáu năm, khi về Ý có viết lại nhiều chuyện về nhà Nguyên trong cuốn “Livres de Marco Polo”.
- [23] Nghĩa là: giết một người khiến cả vạn người khiếp sợ.
- [24] Vua tôi nhà Nguyên thường gọi hai vua Trần (Thánh tông và Nhân tông) một cách hỗn hào là “cha con Nhật Nguyên”.
- [25] Tống Huy tông (1101-1109) được mệnh danh là một vị hoàng đế nghệ thuật của nhà nam Tống. Ông đam mê vẽ tranh quên cả việc trị nước (theo Wikipedia thì Tống Huy

tổng trị vì từ 1100 đến 1126 – Caruri).

[26] Ý nói mới gặp nhau lần đầu mà tình như đã từ xưa.

[27] Giặc vào theo đường sông Hồng từ Lào Cai (xưa gọi là trại Quy Hóa).

[28] Sông Đuống ngày nay.

[29] Chuyện này xảy ra từ thời Chiến Quốc ở nước Tàu. Kể rằng Sở Chiêu vương chạy loạn ra nước ngoài có người làm thịt dê tên là Duyệt đi theo. Sau Chiêu vương về nước, thường cho Duyệt. Duyệt từ chối không nhận và tâu rằng: Nhà vua mất nước, tôi không được mổ dê, nay nhà vua về nước, tôi lại được làm nghề mổ dê, tước lộc thể là đủ, còn thường gì nữa.

[30] Chính là cửa Hải Triều nơi gặp gỡ giữa sông Luộc và sông Hồng, nơi có đường thông ra biển.

[31] Từ cổ xưa Việt Nam đã có phong tục kính trọng người già, khai thác kinh nghiệm và trí tuệ của người già. Dân gian có tục ngữ: “Gừng càng già càng cay, người già lắm mưu”. Vì vậy từ xa xưa trong các hương ấp có một tổ chức gọi là Hội đồng Tứ Toát (tương tự ngày nay là Hội đồng cổ vấn) gồm bốn lão ông có đạo đức và có tri thức nhất trong hương ấp tuổi từ 50, 60, 70, 80. Tuổi cao nhất là Toát nhất. Cụ Toát nhất giữ chức chánh làm tư vấn cho cả Hội đồng, Toát nhì, Toát ba là hai cụ thay nhau thường trực, Toát tư là chân chạy của Hội đồng. Khi nào cụ Toát nhất viên tịch thì đôn các cụ kế tiếp lên và chỉ chọn bầu bổ sung cụ Toát tư.

[32] Lời chiếu này có ghi trong Nguyên sử. Trích theo bản *An Nam chí lược* của Lê Tắc, quyển hai. Nguyên văn:

“Đại Nguyên chiếu chế
Trung thống Nguyên niên thập nhị nguyệt sơ tam nhật, Thế tổ Thánh đức thần công văn võ Hoàng đế chỉ dụ An Nam quốc... Dụ nhĩ quốc quan liêu sĩ thứ, phạm y quan điển lệ, phong tục bách sự, nhất y bản quốc cựu lệ, bất tư canh cải... Trừ giới Văn Nam đẳng xứ biên tướng, bắt đắc thiện hung binh giáp, xâm lược cương trường, náo loạn nhân dân, khanh quốc quan liêu sĩ dân, các nghị an đô nhữ cổ. Cổ tư chiếu thị, niệm nghi tri tất”.

[33] Quỳnh Châu tức là đảo Hải Nam ngày nay.

[34] Đẩu là đơn vị dung lượng của Trung Quốc. 1 đẩu = 10 lít tương đương với 10 kg. Một người gánh 5 đẩu gạo tức là gánh khoảng 50 kg đi đường xa rất cực.

[35] Thạch là đơn vị dung lượng của Trung Quốc. 1 thạch = 10 đẩu = 100 lít tương đương với 100 kg.

[36] Mộc-hoa-lê phiên âm theo Hán tự. Tên Mông Cổ là Mugali (Mu-kha-li). Y là một viên tướng tâm phúc của Thành-cát Tư-hãn (ông nội của Hốt-tát-liệt) có công lớn trong việc đánh chiếm miền đông bắc Trung Quốc.

[37] Thoát-hoàn Bất-kha tên Mông Cổ là Tô-gan Bu-kha (Toyan Buga).

[38] Tất cả những điều Áo-lỗ-xích nói về quân ta phần nhiều sai sự thật. Y nói vậy cốt để làm đẹp lòng Hốt-tát-liệt. Về số quân, năm Ất Dậu (1285) khi chuẩn bị phản công giặc, riêng bốn người con trai của Hưng Đạo vương đã điều khiển hai mươi vạn quân.

[39] Theo cách gọi dân gian thì tháng một là tháng 11. Còn tháng đầu năm gọi là tháng giêng.

[40] Bạt-đô: tiếng Mông Cổ có nghĩa là *dũng sĩ*.

[41] Nay là Ba Chẽ thuộc Quảng Ninh.

[42] Nghĩa là: Đây là cửa quý, một trăm người qua mới có một người trở về.

[43] Quân tân phụ là quân các tỉnh miền nam Trung Quốc.

[44] Cửa Lãnh Kinh nằm trên tuyến đường Sông Cầu hiện nay.

[45] Một loại nỏ bắn nhiều mũi tên một lúc.

- [46] Sông Bình Giang tức sông Chu thuộc huyện Lục Ngạn, Bắc Giang.
- [47] Tam Đái giang chính là nơi gặp gỡ ba dòng sông sông Thao, sông Đà và sông Lô.
Tam Đái giang cũng chính là ngã ba Bạch Hạc.
- [48] Dặm xưa tương đương 500 m.
- [49] Một giờ cổ xưa bằng hai giờ ngày nay.
- [50] Giờ Tuất khoảng từ 19-21 giờ.
- [51] Giờ Hợi từ 21-23 giờ.
- [52] Giờ Thân từ 15-17 giờ.
- [53] Giờ Dậu từ 17-19 giờ.
- [54] Một khắc bằng $\frac{1}{4}$ giờ thời cổ tương đương với 30 phút.
- [55] Một tên khác của sông Hồng.
- [56] Giờ Sửu tương ứng từ 01-03 giờ.
- [57] Giờ Dần tương ứng từ 03-05 giờ.
- [58] Tên lửa còn gọi là tên lửa nhồi. Cấu tạo gồm diêm tiêu trộn với bụi nhồi (bụi nhồi là loại mùn rom rạ dễ cháy), khi mũi tên cọ xát với vật rắn sẽ xiết ra lửa và bốc cháy. Giặc rất sợ loại tên này của quân ta.
- [59] Hà Bá là thần đứng đầu trong các loài thủy tộc và thủy quái.
- [60] Mũ đan bằng sợi mây chuốt nhỏ.
- [61] Quảng Yên ngày nay.
- [62] Thái Bình, Nam Định ngày nay.
- [63] Khác với châu Âu, dặm biển và dặm bộ của ta thời cổ không phân biệt. Mỗi dặm xưa khoảng từ 400-500m. Dặm của nhà Thanh là 300 m.
- [64] Từ Khánh, phó tướng của Trương Văn Hổ, y chạy thoát được trên chiếc thuyền lương của mình, nhưng dạt mãi tới đất Chiêm Thành rồi sau mới tìm đường về Quỳnh Châu thi chiến tranh đã kết thúc.
- [65] Phí Cung Thìn cũng là phó tướng của Trương Văn Hổ, y xuất phát hơi muộn nên gặp bão, loay hoay mãi rồi cũng dạt vào Quỳnh Châu.
- [66] Tích-lê-cơ vương là anh em họ với Hốt-tất-liệt (cha của Thoát-hoan). Xưa trong nhiều sách thường gọi người này là Tích-lê-cơ Ngọc. Sự thật do một bản in nào đấy nhầm mục có thêm một chấm đã biến chữ vương thành chữ ngọc.
- [67] Sông Cái là sông Hồng. Dòng sông này gọi tên theo địa danh từng vùng. Sông Hồng chỉ là tên gọi do người Pháp thấy dòng nước phù sa đỏ nên trên bản đồ địa lý họ ghi Fleuve Rouge (nghĩa là Sông Hồng).
- [68] Kỵ binh Mông Cổ thường được trang bị hai loại cung tên. Cung nhỏ bắn các mục tiêu ở gần, cung lớn bắn các mục tiêu ở xa, họ thường vừa phi ngựa vừa bắn cung.
- [69] Có nghĩa là:

*Sông núi nước Nam vua Nam ở
Cõi bờ đã định tự sách trời
Có chi quân giặc sang xâm lược?
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời!*

[70] Có nghĩa là tuân theo mệnh trời thì tồn tại, cưỡng lại mệnh trời thì bị tiêu diệt. Mệnh trời ngày nay ta hiểu là quy luật của tạo hóa.

[71] Điện Chí Kính là nơi thờ tổ tiên từ năm đời trở xuống.

[72] Nhà Thái miếu là nơi thờ từ thủy tổ dòng họ trở xuống.

[73] Điện Thiên An là cung điện lớn nhất khởi dựng từ thời nhà Lý (1010) dùng làm nơi thiết triều.

[74] Độ dài mỗi thép mai chừng 0,35 - 0,40 m.

[75] Nghi Dương, nay thuộc vùng Kiến Thụy, Hải Phòng.

[76] Tháp dựng trên đỉnh núi có tên Mẩu Sơn do vua Lý Thánh tông cho xây cất vào năm 1057, theo thơ cổ để lại thì ngọn tháp cao tới 9 tầng, dựng trên ngọn núi có độ cao 91,7 m so với mặt biển, nay thuộc phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[77] Nghĩa là cách xa một trăm bước chân vẫn bắn trúng chiếc lá liễu.

[78] Truyền thuyết Đường Minh Hoàng mơ lên chơi cung trăng.

[79] Nguyên văn câu ngôn ngữ Trung Hoa: Tam thập lục kế tẩu vi thượng sách. Trong 36 kế thì chạy trốn là hơn cả.

[80] “Núi cùng biển độc, Giao Châu là nơi vực sâu bụi rậm dày đặc sương mù, hơi độc xông lên làm cho điều quạ đang bay bị rơi xuống; khí ẩm thấp theo gió tràn lan làm cho người sinh bệnh, cơ hồ không phải một cảnh giới có người, tuy có lấy được hết toàn cõi cũng không ích gì cho thiên hạ”.

[81] Đây là vùng đất thuộc hai huyện Kinh Môn, Kim Thành (Hải Dương), hai sông Kinh Thầy và sông Thái, một xuôi Bạch Đằng, một xuôi về cửa Đại Bàng.

[82] Truyền xưa kể một người có thanh kiếm quý, anh ta ngồi bên mạn thuyền chẳng may thanh kiếm tuột ra khỏi vỏ rơi xuống sông. Anh ta liền đánh dấu vào mạn thuyền chỗ thanh kiếm trượt rơi. Lúc thuyền tới bến, anh ta chiếu theo chỗ đánh dấu nhảy xuống nước mò kiếm.

[83] Nơi gò đỏ nay vẫn còn dấu tích thuộc làng Trung Bản huyện Yên Hưng thuộc lộ An Bang thời Trần. Sau đổi là Quảng Yên nay thuộc Quảng Ninh. Chính nơi đây dân lập đền thờ Trần Hưng Đạo và tạc bức tượng ngài xỏa tóc dài đến tận lưng. Đây là bức tượng Trần Hưng Đạo duy nhất có mớ tóc dài buông sau lưng.

[84] Từ việc này, những người lính ở xa chỉ nhìn thấy tên phù thủy bị chém, thân đổ xuống phụt ra máu trắng. Cũng từ đấy người ta theo đặt tên này có phép chém đầu ấy nó mọc ra đầu khác, và cái tên Phạm Nhan cũng mọc ra từ truyền thuyết của dân gian.

[85] Tích-lệ-cơ nhắc đến cuộc xâm lược Nhật Bản đại bại năm Tân Tỵ (1281) đã có chú thích ở phần trước.

[86] Bản in thiếu từ in nghiêng - Caruri.

[87] Người dịch Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến và Bùi Văn Nguyên. Trong bài phú có các tên đất, tên người thuộc nước Trung Hoa, tác giả mượn làm điển tích cho thêm phần súc tích như Ngũ hồ, Cửu giang, Tam Ngô, Bách Việt, Duy Thủy, Xích Bích, Hợp Phi... Từ Trường, Bồ Kiên, Lưu Cung... tưởng không cần chú thích độc giả cũng tự hiểu được.